NGUYỄN MẠNH BẢO

DỊCH KINH TÂN-KHẢO

QUYỂN I

Hà-Đồ và Lạc-Thư

河圖洛書

HÀ-ĐỒ LẠC-THƯ

MẬU-TUẤT 1958

Bản số hóa: Nguyễn Phú Hoàng

LỜI NÓI ĐẦU CỦA NGƯỜI SỐ HÓA

Quyển sách *Dịch-Kinh Tân-Khảo* của cụ Nguyễn Mạnh Bảo (Nhà xuất bản Cổ Kim Ấn Quán, Sài Gòn, Mậu-Tuất 1958) là một trong những công trình nghiên cứu đồ sộ nhất về Kinh Dịch viết bằng tiếng Việt trong thế kỷ XX.

Bản số hóa này được thực hiện từ bản scan 597 trang của quyển I (Hà-Đồ và Lạc-Thư), với mục đích lưu giữ và phục vụ nghiên cứu cá nhân. Toàn bộ quy trình gồm 4 bước:

1. **OCR** bằng Tesseract để trích xuất văn bản thô;
2. **Hiệu đính AI** bằng Gemini (Google) đọc ảnh gốc kết hợp bản nháp OCR, sửa lỗi nhận diện;
3. **Cắt hình** từ scan gốc để ghép vào đúng vị trí các đồ hình, biểu bảng;
4. **Biên dịch LaTeX** (XeLaTeX, khổ A5) để xuất bản PDF typeset.

Nguyên tắc vàng trong suốt quá trình là **"chép đúng nguyên xi"** những gì mắt nhìn thấy trên trang in 1958, kể cả những lỗi in rõ ràng của tác giả hay nhà xuất bản thời đó (ví dụ: chữ "dáng" thay vì "giáng", "thề" thay vì "thể"). Đúng sai về mặt học thuật là việc của tác giả và thời đại 1958; người số hóa không can thiệp sửa đổi nội dung.

Về mặt kỹ thuật, sách được typeset bằng XeLaTeX với font Times New Roman cho phần chữ Việt và Noto Serif TC cho chữ Hán. Các quẻ Bát-quái và Lục-thập-tứ quái được vẽ bằng TikZ theo

đúng cấu trúc hào Dương–Âm, không dùng ảnh scan nên rõ nét ở mọi độ phân giải.

Bản số hóa này không nhằm thay thế sách gốc mà chỉ là công cụ tra cứu, đọc hiểu trên thiết bị điện tử. Mọi công trình nghiên cứu trích dẫn nên dùng bản in gốc 1958 làm căn cứ chính thức.

Nguyễn Phú Hoàng
Tháng 10 năm 2026

BẢNG ĐỐI CHIẾU CHÍNH TẢ CŨ VÀ NAY

Sách in năm 1958 tuân theo quy ước chính tả và phong cách trình bày của văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX. Dưới đây là một số điểm khác biệt đáng chú ý so với tiếng Việt hiện đại, giúp bạn đọc dễ dàng theo dõi nguyên bản.

1. Cách viết hợp danh từ Hán–Việt

Sách dùng **dấu gạch nối** giữa các tiết trong hợp danh của từ Hán–Việt, đồng thời **viết hoa mỗi tiết**. Đây là quy ước phổ biến trong văn bản học thuật xưa, nhằm phân định rõ ràng từng morpheme.

Cách viết 1958	Cách viết hiện nay
Dịch-Kinh	Dịch kinh
Vũ-trụ	Vũ trụ
Nguyên-tử	Nguyên tử
bát-quái	bát quái
Hà-Đồ	Hà Đồ
Lạc-Thư	Lạc Thư
Tiên-thiên	tiên thiên
Hậu-thiên	hậu thiên
Phục-Hi	Phục Hi
Văn-Vương	Văn Vương
Chu-Tử (Chu-Hi)	Chu Tử (Chu Hi)
Khổng-Tử	Khổng Tử
Tống-Nho	Tống Nho

2. Danh xưng các bộ phận sách

Cách viết 1958	Cách viết hiện nay
Tiết 1, Tiết 2…	Chương 1, Chương 2…
Phàm-lệ	Lời giải thích chung
Thi-vân	Thơ rằng / Thi Kinh rằng
Tự-tự	Lời tựa
Phát-đoạn	Lời mở đầu

3. Một số từ ngữ đặc thù

Cách viết 1958	Cách viết hiện nay	Diễn giải
Quẻ Biến	Quẻ biến	quẻ chiếm được qua biến hào
Quẻ không dịch	Quẻ không dịch	quẻ gốc khi bói
Quẻ phản dịch	Quẻ phản dịch	quẻ đảo ngược
Quan-niệm	Quan niệm	
Quan-Phái (Lạc-Phái, v.v.)	Quan phái (Lạc phái, v.v.)	

4. Về lỗi in nguyên bản

Một số lỗi chính tả hoặc lỗi in rõ ràng của bản in 1958 được **giữ nguyên** trong bản số hóa này, vì nguyên tắc "chép đúng nguyên xi". Bạn đọc có thể tự phân biệt qua ngữ cảnh. Ví dụ: "dáng" (đáng lẽ "giáng"), "thề" (đáng lẽ "thể"), hoặc một số chỗ dấu thanh sai vị trí do lỗi typographic.

5. Chữ Hán và chữ Nôm

Các đoạn trích dẫn kinh điển Hán văn được giữ nguyên chữ Hán phồn thể, kèm phiên âm Hán–Việt và dịch nghĩa. Một số chữ Hán hiếm (biến thể) dùng font dự phòng Microsoft JhengHei khi Noto Serif TC thiếu glyph.

Mục lục

Lời nói đầu người số hóa **i**

Bảng đối chiếu chính tả cũ ↔ nay **iii**

NGUYỄN - MẠNH - BẢO 1
DỊCH 1
QUYỂN I 1
DỊCH-KINH 1
TÂN-KHẢO 1
HÀ-ĐỒ 1
LẠC-THƯ 1
CÙNG MỘT TÁC-GIẢ 1
ĐÃ XUẤT-BẢN 2
SẮP IN 2
QUYỂN SỐ: 2
Tác-giả giữ Bản-quyền. 2
DỊCH-KINH TÂN-KHẢO 3
CHƯƠNG-MỤC 3
KÍNH-TẶNG HƯƠNG-HỒN 3
Song Thân và Nhạc-gia tôi 3
LỜI NÓI ĐẦU 4
TỰ-TỰ 7
PHÁT - ĐOAN 9
DỊCH TỰ 23
CHÂU-DỊCH TRUYỆN-TỰ 24
TRÌNH-TỬ 24
Chu-tử nói : 25
THƯỢNG.HẠ THIÊN NGHĨA 27
THI VĂN 27

PHÀM-LỆ 28
TÁM THUẦN QUÁI 29
TÀI-ĐỨC VÀ TƯỢNG CỦA 8 QUẺ 29
Những quẻ tượng 12 tháng trong năm 30
Quẻ biến: 30
Quẻ không dịch — Quẻ phản dịch. 34
Quẻ không dịch : như : 6 quẻ ở Thượng-kinh. 34
Quẻ phản dịch : như những quẻ khác : 35
Tiết 1. 37
Phụ-lục: 39
Dịch Âm. 49
Dịch nghĩa : 49
3 — Âm-Nghi: 63
Tứ-Tượng: 1 — 2 — — 3 — — 4 — — 73
Lưỡng-Nghi: — — — 73
Dương. Âm. 73
Tiết 3 說卦傳曰：天地定位，山澤通氣，雷風相薄，水火不相射。八卦不相錯，數往者順，知來者逆。邵子曰：乾南坤北，離東，坎西，震東北，兌東南，巽西南，艮西北。自震至乾為順。自巽至坤為逆。後六十四卦方位攸此。 . . 83
Tân 88
Bính 88
BIẾN-TƯỢNG CỦA MẶT TRĂNG 88
theo Thiên-văn Âu-Mỹ 88
BIẾN-TƯỢNG CỦA MẶT TRĂNG THEO THIÊN-VĂN ÂU-MỸ, ĐỐI VỚI TIỀN-THIÊN BÁT-QUÁI 89

DỊCH NGHĨA : Hình vẽ thứ-tự tám quẻ trước đây, tức là chỗ trong Hê-từ-truyện gọi là: «Tám thành hàng lối». Hình Đồ này tức là đề nhân gấp thêm lên. Cho nên ba vạch ở dưới tức là Đồ Bát-quái của hình vẽ trước, ba vạch ở trên thì đều theo thứ-tự mà nhân thêm lên, và những quẻ ở dưới nhân đó mỗi quẻ cũng diễn ra mà làm tám vậy. Nếu theo từng Hào mà sinh dần dần lên thì tức là Thiệu-Tử đã nói : 8 chia làm 16, 16 chia làm 32, 32 chia làm 64. Coi đó thấy sự Huyền-ảo của những Pháp-Tượng tự nhiên vậy. 96
o LỜI BÀN : Đây là nói về Đồ-hình 64 quẻ của vua Phục-Hi, theo sự nghiệm xét của họ Thiệu thì đúng với sự thật của Đồ vẽ rồi, nhưng cái lý-thuyết của ông nêu lên không cho ta một cái ý-nghĩa gì sáng hơn, rõ rệt hơn. Đã đành rằng : theo sự phân chia như vậy tức là một cái gốc lớn mà dần dần gấp đôi lên, như thế gọi là lối Song-tiến số, như cái cây có gốc, có cành, cành lớn thì ít, cành nhỏ thì nhiều. Nhưng sự phân chia các cành đều theo luật Song-tiến số, coi đó ta thấy sự mầu-nhiệm của Trời-Đất Vũ-trụ vậy. Đó là theo lý-thuyết 96
ĐẶT TÊN CHO 64 QUẺ 101
Dịch-nghĩa: 104

9 LỜI BÀN. — Trên đây nói cái thuyết của Thiệu-khang-Tiết lập ra hình đồ 64 quẻ của Tiên-thiên và Hậu-thiên, họ Thiệu thụ được cái học thuật của họ Lý, họ Lý thụ được của họ Mục, họ Mục thụ được của Trần-Đoàn đời Tống. Các vị Hiền-triết trên đây tôi sẽ viết tiểu-sử ở dưới. Họ Thiệu hấp-thụ được Lý-học của tiền-nhân an bày vị-trí 64 quẻ của Tiên-thiên và Hậu-thiên nhưng không giải cho hậu-thế cái nghĩa an bày, mà chỉ nói theo hình tròn và hình vuông thì Âm Dương tương-đối nhau, thật là khó hiểu, làm cho Học-giả về Dịch mới nhập-học đến đây đã vấp phải một sự ngăn cản khó hiểu không bờ bến. Ta tự hỏi tại sao vòng tròn tượng 107
THÁI-DƯƠNG-HỆ 108
HÀNH-TINH THỨ TỰ 108
BIẾN ĐỔI CỦA TIÊN-THIÊN RA HẬU-THIÊN BÁT-QUÁI 112
TÓM TẮT 119
VŨ-TRỤ ỨC-THUYẾT 119
Loại Tinh-Vân xoáy ốc. (nébuleuses spirales). 120
VŨ-TRỤ ỨC - THUYẾT 126
VŨ-TRỤ ỨC - THUYẾT 127
Theo Emile Belot 127
LÝ-THUYẾT VŨ-TRỤ KHỞI-THỦY của Abbé Moreux Giám-đốc Thiên-văn-đài ở Bourges bên Pháp. . . . 132
PHÂN LOẠI CÁC SAO 133
o°o 135
PHÂN LOẠI CÁC SAO THEO NHIỆT-ĐỘ 135
VŨ-TRỤ KHỞI-TNỦY THEO KINH DZYAN 139
(Định Kinh) 139
I 140
Tiết 2. Thời-gian (Le Temps) không có vì nó ngủ ở nơi vô cùng tận của thời-hạn (durée). 141

Tiết 3. Cái Tinh-thần vô-biên không có, vì không có Thiên-thể (Êtres célestes) để thực-hiện nó. 142
Tiết 5. Chỉ những cái Âm-u (a) làm đầy lấp 144
Tiết 7 147
THI TIẾT III 157
Tiết 4. Thể rồi Ba (hình tam-giác) thành Bốn (thể tứ) cái nguyên-chất rạng-rỡ thành 7 ở trong và 7 ở ngoài. . 161
Thể-chất với Tinh-thần, hai cái cực của Độc-thể (substance unique). 162
Tiết 9. Cái Ánh-sáng hay là ngọn lửa nguội 169
∴ 172
Sức đánh đồng-đưa 172
CỦA NGUYỆN-TỬ THEO KINH DZYAN 172
KẾT LUẬN THIÊN HÀ-ĐỒ 173
CHẤT-ĐIỂM THEO KINH DZYAN 175
Thi-Tiết v 175
Thiên-địa. 177
Thi-Tiết IV 178
3- Hình vuông vô Hình (Tứ-tượng). 179
QUAN-NIỆM VŨ-TRỤ 181
3 — Trạng-thái thứ 3 là trạng-thái Vật-dục của muôn loài. Âm-Dương hoà nhau đến chỗ Thái-hòa cũng như Âm-Dương thể-chất khởi sinh ở trong không-gian tuyệt-đối có sự giao-hoà nhau. Và một khi Âm-Dương giao-hoà nhau ắt sinh ra một thể khác vậy. . 184

4 — Trong lúc Thái-hoà, Âm-Dương ôm bọc nhau, giao nhau mà biến-dịch thành một thể mới ta gọi là Bào-Thai. (1) Đối với Người và Vật tức là đứa con sau này và nói rộng ra đứa con đó tức là Thái-Dương-Hệ vậy. Vì con người đã là một Tiểu Thiên-địa thì cái Bào-thai trong lòng Mẹ nó cũng gồm đủ các bộ-phận theo Thái-Dương-Hệ (muốn cho rõ xin coi quyển Đại-Đồng thuyết của tôi) cái Bào-thai trong bụng Mẹ cũng như cái Bào-thai Thái-Dương-Hệ trong cõi Hư-không tuyệt-đối âm-u. Trong trạng-thái này sự kết-hợp thành thai là nhờ ở cái 184
QUAN-NIỆM VỀ VÚ-TRỤ KHỞI-THỦY LẬP-THÀNH 193
NGUYÊN-TỬ 196
7 - 196
3- Thể khí như thán-khí, khinh-khí, đạm-khí, dưỡng-khí v.v... 196
NGUYÊN - TỬ 199
PHÂN-TÁCH ÂM VÀ DƯƠNG ĐIỆN-TỬ 201
NHÂN CỦA NGUYÊN-TỬ HAY ĐIỆN-HẠCH 201
KÍCH THƯỚC CỦA NGUYÊN-TỬ 203
CÁCH LÀM BOM NGUYÊN-TỬ 205
TỪ-KHÍ VÀ ĐIỆN-KHÍ CỦA TRÁI-ĐẤT 208
Sự Thiên-chuyển địa-pháp của từ-khí Trái-đất. 209
HÌNH XXVII 211
HÌNH XXVIII 212
HÌNH XXIX 216
Chiều của năng-lực Từ-điện. 220
HÌNH XXX 220
HÌNH XXXI 221
HÌNH XXXII 225
HÌNH SỐ XXXIII 225
II — Giải-thích về Định-luật thứ II. 226
HÌNH SỐ XXXIV 227

III — Giải-thích về Định-luật thứ III. 227
HÌNH XXXV 229
HÌNH XXXVI 231
HÌNH XXXVII 231
Nam-Cực 231
Bắc-Cực 231
HÌNH SỐ XXXVIII 234
圖生相圓方 234
SỰ BIẾN-CHUYỂN TỪ TIÊN-THIÊN BÁT-QUÁI SANG HẬU-THIÊN 234
(theo Hiền-Triết Cổ Trung-Hoa) 234
HÌNH SỐ XXXIX 234
LẠC-THƯ 237
Định-lý : 242
HÌNH XXXX 243
HÌNH XXXXI 246
HÌNH XXXXII 247
VĂN-VƯƠNG BÁT-QUÁI THỨ-TỰ 247
VĂN-VƯƠNG BÁT-QUÁI THỨ-TỰ 248
Khảm Ly Thủy Hỏa. 259
Chấn Tôn Sấm Gió 259
4°. Núi trầm thông-khí. 259
GIẢI-THÍCH SỰ PHÁT-SINH VÀ PHÂN-CHIA NGŨ-HÀNH CHO 8 QUẺ 263
HẬU-THIÊN BÁT-QUÁI GIẢI THEO TỪ-LỰC 271
(Forces magnétiques) 271
HÌNH SỐ ILV 272
HÌNH SỐ ILVI 272
Hậu-thiên Bát-quái trần-bày theo đường thẳng. HÌNH SỐ ILVII 272
KẾT-LUẬN THIÊN LẠC-THƯ 273
TAM-TÀI LUẬN 276
HÌNH ILVIII 278

Hình Vú-trụ Thăn-linh 278
HÌNH ILIX 279
HÌNH L 281
HÌNH LI 282
HÌNH LII 282
GIẢI-THÍCH HẬU-THIÊN BÁT-QUÁI THEO SỰ SINH 283
TIẾT 2 286
KINH DỊCH 287
VII- Dịch của các thời-đại sau và thứ nhất của Tống-Nho: Trương-Hoành-Cứ, Trình-Di và Chu-Hi v.v... . . . 289
I- DỊCH CỦA THIÊN-NHIÊN 289
II.- Dịch của Phục-Hy. Vua Phục-Hi (4480-4366 T.T.L.K.N) thấy con Long-mã hiện trên sông Hà mà cảm thấy cõi Thần-minh tuyệt-đối đó kiến-tạo cõi nguyên-hình trong cõi vô-hình trước khi có cõi hữu-hình. Nhân đó mới rõ cái Động, cái Tĩnh, cái nóng cái lạnh, thịnh-suy, tiêu-trưởng, dinh-khuy ở trên cõi hữu-hình nầy, như vậy phải có sự hiển- . . 292
Vũ-trụ của trái Đất. 296
HÌNH SỐ LIII 297
Ngũ-hành sinh khắc đồ 297
III.- DỊCH CỦA HẠ-VÕ 298
IV- DỊCH CỦA VĂN-VƯƠNG 300
II 302
VI. DỊCH CỦA CHẤU-CÔNG 306
VI.- DỊCH CỦA KHỔNG-TỬ 310
LỊCH-SỬ ĐỨC KHỔNG-TỬ 313
VII.- DỊCH CỦA CÁC THỜI-ĐẠI NHẤT LÀ CỦA TỐNG NHO. 314
A — Tượng-Số-học. 319
B — Đạo-Học : Chu-Đôn-Di. 319
2. QUAN-PHÁI 321
3’ LẠC-PHÁI 323

4 - MÂN-PHÁI 324
TÂM - HỌC 325
KINH DỊCH BẾN VIỆT-NAM 328
NHỮNG HIỀN-TRIẾT ĐẮC ĐẠO-DỊCH BÊN TRUNG-HOA 337
TRƯƠNG-LƯƠNG 339
KHỔNG-MINH 339
QUỈ-CỐC-TỬ 340
KẾT - LUẬN 341
THIÊN DỊCH-HỌC CỔ-KIM 341
Phệ-Nghi 343
PHÉP BÓI BẰNG CỎ THI 344
Tiết 3. 設木格于櫝南,居床二分之北。 345
Tiết 4. 置香爐一于格南，香合一于爐南。日炷香致敬將筮，則灑掃拂拭，滌硯一注水，及筆一墨一黃漆板一，于爐東。東上，筮者齋潔衣冠，北面，盥手，焚香致敬。 345
Tiết 5. 兩手奉櫝蓋，置于格南，爐北。出蓍于櫝，去囊解韜，置于櫝東合五十策，兩手執之，薰于爐上。 346
Tiết 7. 次以左手，取左大刻之策執之，而以右手，取右大刻之一策，掛于左手之小指間。 347
°o° 348
Tiết 8. 次以右手，四揲左手之策。 348
°o° 348
Tiết 9. 次歸其所餘之策，或一，或二，或三，或四而扐之左手無名指之間。 348
Tiết 10. 次以右手反過揲之策于左大刻，遂取右大刻之策執之，而以左手四揲之。 348
Tiết 11. 次歸其所餘之策，如前而扔之左手中指之間。 349
Tiết 12. 349

Tiết 13. 是為一變。再以兩手，取左右大刻之蓍合之。 350
Tiết 14. 復四營，如第一變之儀，而置其掛扐之策于格上，第二小刻，是為二變。 . 350
Tiết 15. 又再取左右大刻之著合之。 351
Tiết 16. 復四營，如第二變之儀，而置其掛扐之策于格 351
Tiết 17. 三變既畢，乃是其三變所得掛扐過揲之策，而畫其爻于版。 351
Tiết 18. 如是每三變而成爻. 352
Tiết 19. 凡十有八變而成卦，乃考其卦之變，而占其事之吉凶。 353
0 0 0 353
Tiết 20. 禮畢韜著囊之以囊，入櫝加蓋，斂筆硯墨版，再焚香致敬而退。 353
KẾT-LUẬN 355
Cách Bói của Vương-Hủ tự Qui-Cốc-Tử. 359
LẬP-THÀNH QUẺ. 361
oro 361
TÊN CÁC HÀO 361
VÍ DỤ ; 362
Phong Thiên = Tiểu - Súc thuộc quẻ Tốn 362
QUAN - NIỆM SAI LẦM CỦA TỐNG NHO, VỀ TRÁI - ĐẤT VÀ VŨ - TRỤ. 363
CHÂU-DỊCH NGŨ TÁN 368
Của CHU-TỬ 368
I — NGUYÊN-TƯỢNG 369
II — THUẬT-CHỈ 370
III — MINH-PHỆ 372
(Rõ sự bói để phát nhời chiếm) 372
IV — TÁN-LOẠI 373
(Tán-loại đề khảo Tượng) 373
V — CẢNH-HỌC (RĂN-HỌC) 373

DỊCH-THUYẾT CƯƠNG-LĨNH 377
CÙNG QUÍ-VỊ ĐẠI-ĐỨC 384
VÀ 384
HIỀN-TRIẾT ĐÔNG-TÂY 385
NHỮNG KINH SÁCH ĐỂ THAM-KHẢO 385
A — LOẠI HÁN-VĂN 385
B — LOẠI VIỆT-VĂN. 385
C — LOẠI NHẬT-VĂN 386
D — LOẠI ANH-VĂN. 386
E — LOẠI PHÁP-VĂN 386
MỤC - LỤC 387
ĐÍNH - CHÍNH 391

NGUYỄN - MẠNH - BẢO

DỊCH

ĐÔNG-PHƯƠNG TRIẾT-LÝ

QUYỂN I

DỊCH-KINH

TÂN-KHẢO

河圖 - 洛書

HÀ-ĐỒ

LẠC-THƯ

MẬU-TUẤT 1958

CÙNG MỘT TÁC-GIẢ

ĐÃ XUẤT-BẢN

1° — Đại-Đồng-Thuyết. 2° — Tử-Vi Đẩu-Số quyển I. Khoa-học hóa Lý-học Đông-Phương. 3° — Tử-Vi Đẩu-Số quyển II. 600 cách theo Trần-Đoàn và Lã-Ngọc-Thiềm. 4° — Tử-Vi Bổ-Túc. 400 cách theo Ma-Y. Diễn-giải ra Quốc-âm do Cụ Lê-quí-Đôn. 5° — Dịch-Kinh Tân-Khảo (đang in).

SẮP IN

6° — Độn-Giáp nghiên-cứu theo cách của Trương-Lương Khổng-Minh và Lưu-Bá-Ôn. 7° — Thái-Ất đại-toàn nghiên-cứu theo : a) Thái-Ất Thần-Kinh của Trạng-Trình Nguyễn-bỉnh-Khiêm. b) Thái-Ất dị-giản lục của Lê-quí-Đôn. c) Thái-Ất Kim-Kinh Thức-Kinh. của Vương-hi-Minh đời Đường (chân-bản Tứ-Khố toàn thư). d) Thái-Ất Thống-tôn bảo-giám của Hiểu-Sơn đời Đại-Đức năm thứ 7 (1295).

In tại nhà in Sen-Vàng ở Saigon năm 1958. Ngoài số giấy thường còn in 10 quyển giấy thật tốt không bán đánh dấu từ A đến J và 100 quyển giấy tốt đóng bìa cứng đánh dấu từ 1 đến 100 có chữ ký và dấu của Tác-giả. Tuy nhiên những hạng giấy thường mà các Bạn-đọc trả tiền trước để ủng-hộ cũng đánh số từ 101 trở đi có chữ ký và dấu của Tác-giả để cảm ơn Độc-giả có thịnh-tình nâng đỡ Triết-Lý Đông-phương.

QUYỂN SỐ:

Tác-giả giữ Bản-quyền.

Droits de traduction d'adaptation et de reproduction réservés pour tous pays.

Giấy phép số 345 XB do Bộ Thông-Tin và Thanh-niên cho ngày 5 tháng 3 1958.

DỊCH-KINH TÂN-KHẢO

CHƯƠNG-MỤC

QUYỂN I — Hà-Đồ và Lạc-Thư. QUYỂN II — Thượng-Kinh (độ 15 Quẻ). QUYỂN III — Thượng-Kinh tiếp-theo (15 Quẻ). QUYỂN IV — Hạ-Kinh (độ 17 Quẻ). QUYỂN V — Hạ-kinh tiếp-theo (17 Quẻ). QUYỂN VI — Hệ-từ Thượng-Truyện. QUYỂN VII — Hệ-từ Hạ-Truyện. Thuyết-quái-Truyện. Tự-quái-Truyện. Tạp-quái-Truyện.

Gồm có 7 quyển, mỗi quyển trên dưới 600 trang, tất cả hơn 4.000 trang.

Một Công-Trình sưu-tầm khảo-cứu theo Khoa-học Nguyên-tử, Vũ-Trụ-Quan và Nhân-Sinh-Quan rất công-phu trong 20 năm.

— Nếu các Bác-Học trên Thế-giới đã công-nhận hai nhà Bác-Học Trung-hoa Tsang và Lee vừa được giải-thưởng Nobel về Nguyên-tắc Âm-Dương song-tiến (Principe de Parité) là đúng, thì bộ Kinh này gồm hết cả các Nguyên-tắc và Lý-thuyết về Âm-Dương-Học.

KÍNH-TẶNG HƯƠNG-HỒN

Song Thân và Nhạc-gia tôi

Một công-trình mà các Cụ đã cho là: Đội đá vá Trời, nay đã hoàn-tất và Con xin kính dâng lên với cả một Tâm-hồn thành-kính đã phát-nguyện khi các Cụ còn đương-thời.

Nguyễn Mạnh-Bảo.

LỜI NÓI ĐẦU

Ta thường nói: Đông Tây không bao giờ gặp nhau. Câu đó không thể áp-dụng được trong giới Triết-học tuy có đến hàng trăm đường lối khác nhau nhưng chung qui cũng gồm về một mối.

Lấy cái thực-học Âu Mỹ để so sánh với Triết-học Á-Đông cân nhắc nhau thì phần nhiều cái học Á-Đông bị lu mờ chỉ vì cách trình bày, luận-lý không được rõ ràng. Nhưng về tinh-thần thì bao trùm sâu rộng khắp cả vũ-trụ. Như Thiên-văn, Địa-lý, Dịch-lý mà Ông Cha ta vẫn cho là những môn học khó khăn huyền-diệu. Vì những lẽ trên, ta thấy khó khăn khúc-triết mà xếp đặt các học-thuyết ấy vào hàng Tâm-truyền hay Bí-truyền.

Nhưng nếu ta lấy những học-thuyết hiện tại của Âu-Mỹ hòa với Dịch-lý để giải thích cho rõ, ta cảm thấy cái Lý-học Á-Đông đã đến chỗ tuyệt-đối huy-hoàng.

Hiện tại biết bao nhà Bác-học Âu-Mỹ tận tụy tìm hiểu Dịch-lý của Á-Đông. Như bên Y-Pha-Nho ông Harley có chân trong Hàn-lâm-viện, bên Đức có ông Uy-lê-Hiền (Richard Wilhelm) sang Trung-Quốc 20 năm học Dịch còn nhiều nhà Hiền-triết Âu-Mỹ khác đã khảo cứu kinh Dịch.

Phương Đông từ khi được làn sóng văn-minh Âu-Mỹ tràn lan khắp nơi, thì Triết-học cổ xưa hầu như mai một. Ngoài những quyển Châu Dịch đại toàn, hay Châu Dịch tập-chú tối cổ nhai đi nhai lại những

Truyện của Trình-Di và bản-nghĩa của Chu-Hy vân vân, ta còn thấy mới đây bên Nhật có ông Tiểu-Lâm Nhất-Lang (Kobayachi Ichiro) có làm một pho kinh Dịch chú-giải đề là "Dịch kinh đại giảng tọa" bằng chữ Nhật. Lại còn nhiều học-giả Nhật-bản phiên dịch các sách cổ Trung-Hoa như Tôn-tử, Quản-tử, Nho-giáo và các loại kinh sách trên đây đều được đặt vào hàng giáo-khoa.

Tôi cảm thấy một làn sóng mới trong thời đại Nguyên-tử này có thể giúp chúng ta không những về Khoa-học mà còn về Lý-học nữa.

Người Âu Tây còn quí Dịch-Học như vậy, người Nhật cũng biết quí Dịch-lý như vậy, chúng ta giòng giống con Tiên cháu Rồng trên một giải đất ngàn năm văn vật đã hấp thụ được hai cái văn-hóa Đông Tây không lẽ lại để cho Triết-học Đông-phương một ngày càng tàn tạ, thật là "túi mình có

Ngọc báu mà không biết lại ngửa tay đi xin người từng hột gạo".

Tôi cảm thấy man mác một cái gì linh thiêng sắp mất, một ánh quang-minh của nền văn-hóa hầu tàn. Trong lúc nhân tình xáo trộn, Đạo-lý suy đồi ai ai cũng nhìn về Danh với Lợi, nhân loại đâm chém nhau không tiếc tay, xâu xé nhau cho đến tận diệt giống nòi mà miệng vẫn kêu gào: Bác-ái, Vị-tha, muốn Nhân với Nghĩa. Ôi! nếu loài người ỷ vào cái văn-minh vật-chất của cái Hạ-trí thì ngàn năm cũng không trông mong sự thái-bình thịnh-trị cho trăm họ. Một chân trời xa thẳm u ám sau một cơn ác mộng ghê hồn, tôi thấy giờ đã điểm phải phổ-thông Dịch-lý reo rắc cho khắp cả nhân-loại một Nhân-Chính êm dịu để tồn tại Nhân-sinh.

Cái văn-minh thể chất càng ngày càng bành trướng lên thì tôi lo cho cái Chân-lý phân tán đi mà đưa nhân-loại đến chỗ tận diệt, cho nên lấy Đạo Dịch làm một nền tảng cho cả một Chân-lý để cho con người đi đến chỗ tận thiện tận mỹ, hiểu được cái vi-diệu của Trời Đất, cái phồn-tạp của thế-hệ, lấy đạo Dịch mà thi-hành trong thiên-hạ, lấy Nhân Nghĩa mà phát chính thí nhân thì nhân-loại mới có thể đến được chỗ thiên-hạ thái-bình, sống trong đời Nghiêu Thuấn.

Trong 20 năm nghiên-cứu, tham-khảo về kinh Dịch để viết thành sách này, trải qua biết

bao nhiêu thời-kỳ vật đổi sao dời trong bao năm tôi vẫn cố gắng giữ cho trọn cái lý-tưởng cao siêu mà ngày nay có thể xuất-bản để cống hiến các bạn một pho kinh gồm đủ hai phần:

a) Phần dịch: tôi vẫn giữ nguyên cổ văn, với Thoán Tượng của Văn-vương, Hào-từ của Châu-Công, Thập-dực của Khổng-Phu-tử, Truyện của Trình-Di, Bản-nghĩa của Chu-Hy và các lời chú-giải của các Hiền-triết Trung-hoa như họ Thiệu họ Hồ, vân vân và cả Ngự-án đời Khang-Hy nữa.

b) Phần tham-khảo tôi đã lấy các lý-thuyết các Đạo-giáo, Khoa-học và Toán-pháp để giải rõ về Vũ-trụ-quan theo những phương-trình-thức mà các nhà Bác-học đã giải rõ trong các kinh sách, tôi đã lấy những tài-liệu của Khoa-học nguyên-tử để giải lời kinh, lấy những sự xử kỷ tiếp vật thông thường làm rõ nghĩa cái Nhân-sinh-quan trong kinh. Tôi rất mong các bạn đọc sẽ cũng như tôi cảm thấy cái huyền-bí vi-diệu trong kinh để cùng nhau đến được chỗ chí-thiện chí-mỹ mà ai ai cũng mong đi tới.

Tôi rất mong bộ ”Kinh-Dịch Tân-Khảo”này sẽ được phổ biến trong khắp năm Châu bốn biển hầu để thấm nhuần cái tâm con người, để đưa con người đến chỗ chí-thiện, đến chỗ ”Ta biết Ta”mà dẹp bớt cái gì gọi là đen tối, âm u, sự đố kỵ hèn hạ, ố năng thắng kỷ tranh dành nhau của bọn tiểu nhân.

Kinh nầy là để học cái Biết của Thánh-nhân (nội Thánh ngoại Vương chi học) để cho bậc Quân-tử mưu sự giúp đời (Dịch vi Quân-tử mưu bất vi tiểu nhân mưu).

Tôi thành-thật và Thân-trọng cảm ơn Ông Bà Thiện-Đức B. V. M. đã giúp tôi về tinh-thần cũng như về vật-chất để xuất-bản được Kinh nầy.

Tôi rất cảm ơn tất cả các nhà Đại-Đức và Tác-giả các kinh sách mà tôi đã dùng để tham-khảo và giải rõ lời Kinh.

Saigon tiết lập-xuân năm Mậu-Tuất 1958

Nguyễn-mạnh-Bảo

TỰ-TỰ

Tặng các bạn muốn đi tìm chân-lý

Ngẫm cho kỹ nghĩ cho sâu.

Vội vàng hấp tấp, vấp đau oán Trời.

Từ từ giỡ quyển truyện đời,

Việc thành sự bại tại Thời gây nên,

Đó là cái luật Thiên-nhiên

Âm Dương dĩ định triền miên Đạo Thường

Thường Cửu mới có ngày này,

Kiền khôn kết hợp vật nay vẹn toàn.

Mấy lời nhắn nhủ hân hoan

Mong sao Đạo-Hữu luận bàn cho ra.

Thiên đạo không xa.

Tôi còn nhớ năm tôi lên sáu tuổi mẫu thân tôi qua đời, lúc ấy tôi ngơ ngác nhìn tấm xác vô hồn nhưng còn điểm một giọt lệ trên đôi mắt đã dại, khi xưa trông thấy tôi biết bao âu yếm. Tôi còn nhớ lúc đó rõ ràng tôi có cảm tưởng không phải là thương xót nhớ nhung nhưng là một cảm-tưởng ngô nghê đã đưa tôi đến giờ phút này, tận tụy cho một lý-tưởng đã khắc vào tâm cốt tôi từ lúc đó.

Khôn lớn lên cái cảm-tưởng sơ phát ấy đưa tôi dần dần vào vòng Thần-học, lúc nào cũng đăm chiêu buồn bực, như thiếu-thốn một cái gì linh thiêng. Lắm lúc thấy các bạn tôi díu dít mẹ mẹ con con, đàn chim non trên cành quấn quít với con chim mẹ,
sự buồn rầu của cậu bé bảy tám tuổi tràn ngập trong vũ-trụ, tôi thèm thuồng cái tình mẫu-tử thiêng-liêng lắm lúc xưng với mẹ bạn là mẹ mẹ con con. nhưng nó cứ thế nào ấy. Tôi buồn tủi quá và tự nhủ; Trời sinh ra loài người sao lại có sự chênh lệch như vậy? Thỉnh thoảng được những bà Hiền mẫu của bạn an ủi; «Đó là cái số cậu ạ! trăm sự đều là số Mệnh cả» Lúc đó tôi tự an ủi là tại số tôi như vậy, nhưng trong thâm tâm tôi vẫn có sự buồn man mác khó tả và bắt đầu từ đó nảy ra trong óc tôi một huấn-lệnh vô hình : «Đi tìm Chân-lý».

Tôi nhớ lại lúc đang niên thiếu, trí óc đang hăng hái, sự học hỏi làm tôi lắm lúc như điên như dại khi thì lăn lộn với những pho kinh Phật tìm kiếm nguyên-nhân, chung sống với các nhà Cao-tăng Đại-đức để lĩnh nhời giáo-hóa, lúc thì mài-miệt trên quyền Thánh-kinh của đạo Gia-tô, ra vào với các bậc Giáo-sĩ minh-triết luận bàn đạo-đức. Rút cục, trong bao năm như vậy Chân-lý vẫn còn xa lắc.

Tôi học Thôi-Miên và Nhân-Điện học, quyết chí đến trạng-thái xuất-hồn lên trên cõi u-minh để tìm Thầy học Đạo, mới có thể tìm thấy chân-nhân. Nhưng tiếc thay ! khi tôi vào Đại-Học Đông-Dương, thân-phụ tôi lo cho sức khoẻ của tôi và khuyên tôi bỏ chay giới để lấy sức theo học cho đến khi ra Đại-Học thế là đền ơn sinh thành cho thân-phụ tôi rồi
vậy. Tôi phải tuân theo nhời giáo-huấn gia-nghiêm nhưng lúc nào cũng cứ vẩn vơ nhìn về một chân trời âm u để tìm Chân-lý. Trong

những lúc bâng khuâng, tôi được đọc những sấm-ký của cụ Trạng-Trình, tôi bắt đầu cảm thấy cái tinh-thần của con người có thể thông-suốt được cả thời-gian và không-gian, phải chăng học được tới bậc đó mới có thể thấu-triệt được Chân-lý !

Từ ngày đó tôi nhận-định thấy khoa Thái-Ất Thần-Kinh mà cụ Trạng-Trình đã học là một bậc thang mầu nhiệm để bước đến Chân-lý mà học Thái-Ất thì phải là những nhà thao thủ học rộng tài cao thông-suốt được kinh Dịch mới có thể học được.

Từ đó tôi cảm thấy kinh Dịch là gốc của muôn sự-vật, là cái Chân-lý của con đường Chính Đại-quang Minh và bắt đầu tôi khảo-cứu và tham-bác kinh Dịch từ ngày đó.

Đến nay cái công-trình ghi chép những sự nghiệm xét và tham khảo của tôi, tôi xin viết trong Kinh này để hiến các bạn và tôi cũng cùng một quan-điểm với Bà Blavatsky về : «Cái gì ta gọi là sáng tác thì nó đã có, cái sáng tác ta thường gọi nó chỉ là sự biến-dịch thay đổi thôi vậy».

Kinh đính lại tại Sài-thành xuân nhật Bính-Tuất.

Nguyễn Mạnh-Bảo.

PHÁT - ĐOAN

Đạo Dịch là một khoa Triết-Học uyên thâm rất cao xa, là một lâu đài tráng-lệ, huyền-bí cao siêu bao hàm cả một cõi vô-biên vô-giới, mà dân-tộc Á-châu được hưởng cái gia-tài quí báu đó.

Phát nguyên từ hồi vua Phục-Hy (4480 — 4365 trước Tây-lịch kỷ nguyên) tức là có hơn 6.000 năm nay mà hầu như những lý do trong kinh Dịch còn ở trong thời-kỳ u muội.

Kinh Dịch là quyển kinh tối cổ của Á-Đông mà bốn vị Đại-Thánh chuyên làm từ đời Phục-Hy đến Văn-Vương (1144.T.T.L) Châu-Công-Đán rồi đến đức Khổng-Phu-Tử, (551.T.T.L) trải qua hơn

6000 năm mới được một quyển kinh mà trong đó còn rất nhiều sự bí-mật và mờ tối.

Đức Khổng-Tử học Dịch rất công phu. « Ngài khi già học Dịch đọc đến ba lần đứt lề sách mới làm ra các thiên Truyện. »

孔子晚而學易。讀之韋編三絕

而為之傳

(Khổng-Tử vãn nhi học Dịch, độc chi vi biên tam tuyệt nhi vi chi truyện).

Thế mà Ngài còn nói rằng: Giá cho ta thêm ít năm nữa để ta học Dịch cho trọn vẹn thì khả dĩ không có điều lỗi lớn vậy.

加我數年卒以學易，可以無

大過也

(Gia ngã số niên tốt dĩ học Dịch khả dĩ vô đại quá dã). (Luận-ngữ Học-Nhi VII).

Một quyền Kinh mà Thánh-Nhân đã phải dụng tâm đến như thế và cho là khó hiểu như thế tất là có bao nhiêu cái tư-tưởng kỳ-diệu mà hậu-thế nên nghiên-cứu cho tường-tận không nên khinh thường vậy.

Về sau không những các Tiên-Nho mà tôi sẽ nói sau đây đã chú-giải mà còn nhiều nhà Bác-Học Âu-châu cũng đã nghiên-cứu kinh Dịch hay phiên-dịch như :

1.— Yi-king (Dịch-kinh) : éditions : Juilius Mobl. Stuttgart. J. b. Cotta 1834 2 vohunes.

2.— Rév-Canon Mg. Clatchie M. A. A, Translation of the Confucius Yi-king. Of the classic of changes with Notes and Appendix Shanghai 1876.

3.— James Legge, The Yi-King In. Oxford. Charendon press. 1882

4.— Philastre P. L. F. Le Yi-King ou Livre de Changenents de la Dynastrie des Tscheou. (Annales Musée Guilmet T. VIII et XXIII) Paris Leroux 1885-1893 2 volumes.

5.— De Harley Le Yi - King. Bruxelles 1889.

6.— Richard Wilhelm Yi-King. (Tiếng Đức).
Eugen diederichs verlas Dusseldorf Koln 1924.

1.— The I Ching or book of changes of Richard Wilhelm rendered into English by Cary F. Baynes (with a foreword by C. G. Jung)

Cái nguyên-nhân của Dịch-lý là do ở sự cảm-tưởng cái căn-nguyên, cái mối đầu của Vũ-Trụ, là ở cái lý Thái-Cực

Lý ấy chỉ có một ở trong Vũ-Trụ do động tĩnh mà thành âm-dương rồi sinh ra vạn-vật ; vạn-vật chung qui lại trở về Thái-Cực, đó là cái lý cùng về mà lắm đường, một trí mà trăm mối lo. (Đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự) mà Khổng-Tử đã nói trong Hệ-từ. Cái lý ấy bên Lão-giáo gọi là Đạo 道, bên Phật-giáo gọi là Chân-Như 真如. (Bhûtatathatâ) danh hiệu tuy khác nhau nhưng cùng đồng một thể. Bởi cái lý giống nhau cho nên các học thuyết ấy đều theo một chủ-nghĩa « Thiên-Địa vạn-vật nhất thể ». Song mỗi một học-thuyết đi ra một đường là vì cách lập-giáo và sự hành-đạo khác nhau.

Lão-giáo thì cho vạn-vật đều gốc ở Đạo, cuộc đời là cuộc phù vân, hơi đâu mà đề trí lo nghĩ, người ta chỉ nên cùng với Đạo mà vui chơi cùng Tạo-hóa không cần chi đến Nhân-Nghĩa Lễ Trí không thiết gì đến Pháp-Luật chế-độ miễn là được thảnh thơi vô vi thì thôi.

Phật-giáo thì cho vạn-tượng do Chân-Như mà ra, sắc với không cũng là một, sự sinh-hóa là cái vọng niệm chứ không phải là thực. Cái thực là Chân-Như..... Người ta phải tìm cái thực ấy mà quay trở về gốc cũ, để ra thoát khỏi vòng sinh-tử tức là đến Niết-Bàn hết cả sự khổ não.

Nho-giáo thì cho sự biến-hóa ở trong Vũ-Trụ là do sự nhất động nhất tĩnh của Thái-cực mà sinh ra. Vạn-vật đã phát hiện ra là thực có thì chỉ bằng cứ theo cái thực ấy mà hành-động mà sinh-tồn. Sự

sinh-tồn của vạn-vật không ra ngoài được những điều Nhân Nghĩa Lễ Trí tức là Nguyên Hanh Lợi Trinh của Tạo-hóa. Vậy nên người ta ai cũng phải theo những điều ấy mà vui trong cuộc sinh-hóa. Thành thử cái gốc vốn là một mà cái ngọn thì chia ra khác nhau. Bởi cái tư-tưởng khác nhau như thế cho nên Lão-giáo và Phật giáo thì theo cái chủ-nghĩa tiêu-cực thành ra cái đạo xuất-thế; Nho-giáo thì theo cái chủ-nghĩa tích-cực thành ra cái đạo nhập-thế.

Vì có sự tương đồng tương dị ấy mà ta có thể xét đoán tường tận được, tuy cái tương dị về thể hành Đạo của các Đạo có khác nhau nhưng chung qui cũng là một gốc ; cái gốc đó tức là căn-bản cho muôn sự vật cho tất cả Vũ-Trụ bao la mà ta gọi là Thiên-lý, cái Thiên-lý đó là cái lý tóm thâu của Trời biểu-tượng trong kinh Dịch vậy.

Cho nên về sau Hậu-Nho đời Tống mới xuất-
hiện ra nhiều nhà Triết-lý trứ danh. Trương-Hoành-Cừ (1020—1076) theo nghĩa trong kinh Dịch mà bàn về Vũ-Trụ; ông cho Vũ-Trụ chỉ có Thái-Hư là chân-thực, Thái-hư và Thái-cực là một. Vạn-vật do Đạo Thái-Hòa mà sinh ra, Thái-Hòa là Đạo âm dương biến-hóa. Bởi vậy khởi đầu sách Chính-mông ông nói rằng : Thái-Hòa mà gọi là Đạo là bởi trong Thái-Hòa có cái tính phù trầm, thăng dáng động tĩnh tương cảm với nhau cho nên mới sinh ra cái mối đầu của sự nhân-huân tương dạng, thăng phụ khuất thân. Cái đến thì cơ vi dị giản mà cái cùng-cực thì quảng-đại kiên-cố. Dinh hư không là khí thì hữu vô ẩn hiện, thần-hóa tính mệnh suốt là một không có hai. Nhưng biết sự tán tụ hữu hình với vô hình mà suy được đến cái gốc ở chỗ nào ra là biết rõ đạo Dịch.

Khí Thái-Hư mông mênh, lên xuống bay và nở ra, chưa từng lúc nào nghỉ. Đó là cái mà Dịch gọi là Nhân-Huân 絪縕, cái mà Trang-tử bảo là « lấy hơi thở mà sinh vật thổi lẫn nhau như bụi trần vậy ». Ấy là cái cơ quan của sự thực hư, động tĩnh, cái nguyên-thủy của âm-dương. Nổi mà bốc lên là cái khinh-thanh của thể dương, chìm mà lắng xuống là cái trọng-trọc của thể âm, sự cảm ngộ tụ tán làm gió

mưa, làm tuyết sương, là cái lưu hình của vạn phẩm, cái trung-kết của núi sông tức là cái cặn bã trơ tàn vậy.

Theo ông Trương thì Thái-Hư là rất linh-diệu
song Thái-Hư chỉ là một mà thôi. Cái một không thể sinh hóa được tất phải có cái hai. Bởi vậy mới nói rằng : Cái hai mà không thành lập thì cái một không thấy thì cái dụng của cái hai cũng nghỉ. Hai thể là hư thực, động tĩnh, tán-tụ, thanh trọc, nhưng đến cùng cực thì chỉ một mà thôi.

兩不立則一不見，一不見則

兩之用息。兩體者虛實也動

靜也聚散也清濁也，其究一而

已

« Lưỡng bất lập tắc nhất bất hiện, nhất bất hiện tắc lưỡng chi dụng tức, lưỡng thể giả, hư thực dã, động tĩnh dã, tụ tán dã, thanh trọc dã, kỳ cứu nhất nhi dĩ. »

Cái hai đó tức là Lưỡng-Nghi nói trong kinh Dịch tức là Thái-Âm và Thái-Dương, cái một đó là Thái-Cực hay là Thái-Hư biến ra. Thánh-nhân lập ra Dịch là cốt ở chỗ đó cho nên lấy âm-dương làm đạo Trời, cương nhu (cứng mềm) làm đạo Đất và Nhân-Nghĩa làm đạo Người; vì lẽ ấy lấy tượng cái khí thanh bay trên vòm Trời là lấy cái khí âm-dương làm gốc ; lấy đề làm vật hữu-hình ở trên cái thể cứng mềm và đề biểu-tượng cái Nhân-đạo thì lấy cái lòng Nhân vô hình trong thâm tâm con người mà cái Nghĩa tức là sự lập thành hình rõ rệt cái Nhân. Đạo Trời Đất sở dĩ thành là vì cái lẽ : « Âm-khí lẫn-lộn hợp lại mà

thành chất, sinh ra người và vật, nghìn vạn giống khác nhau, âm dương hai mối tuần-hoàn không thôi, lập ra cái nghĩa lớn của trời đất.

Nói đến sự tạo thành vật Trương-Hoành-Cứ lại nói rõ cái tính của âm dương : «Cái đức của khí Dương chủ ở sự phát tán ra, cái đức của Âm chủ ở sự bế tàng». Phát tán nghĩa là chia ra mà sinh, bế-tàng là ngưng tụ lại mà thành. Bên tụ lại bên tán ra, cái thể dương là tán nhưng trong lúc tán dương bị âm thành ra cái nọ vị cái kia mà xuống ; âm được nhờ có dương mà bay lên. Hai khí chế-hóa nhau mà sinh ra vạn vật.

Theo sách Thái-cực Đồ-thuyết của Chu Liêm-Khê (1017 - 1073) thì ông hiểu cái gốc nguyên-thủy của Vũ-trụ như sau này :

— Cái gốc ấy vô thanh vô khướu, vô phương sở, vô hình tượng ở ngoài tất cả những cái mà ta lý hội được thế mà vẫn làm khu nữu cho vạn vật. Nhưng vì không biết dùng chữ gì mà gọi cho đúng cho nên mới gọi là Vô-cực. Vô-cực không phải là không hẳn, nhưng chính là cái tự-tại vô thủy vô chung bặt sinh bất diệt. Cái tự-tại ấy không phát ra. Vô-cực mà phát ra là Thái-cực. Vậy Vô-cực và Thái-cực là một thể.

Xét về mặt sinh-hóa thì Thái-cực là cái điểm nguyên-thủy của vạn-hữu. Có cái điểm ấy rồi mới

có sinh sinh hóa hóa vô cùng. Đó là cái học uyên nguyên về Hình-nhi-thượng của Khổng-giáo. Song Khổng-giáo chỉ nói Thái-cực mà không nói Vô-cực là vì Khổng-giáo chú trọng ở sự thiết-thực, sợ nói đến Vô-cực lại thành ra siêu-việt quá như Lão-giáo không thích hợp với đạo Trung là tôn-chỉ của mình.

Chu-Liêm-Khê lĩnh-hội được cái ý uyên-thâm ấy cho nên ông nói ở đầu Thái-cực đồ-thuyết rằng : «Vô-cực nhi Thái-cực 無極而太極 Vô-cực mà Thái-cực». Song ông chỉ nói qua để cho rõ cái nguồn gốc rồi ông chú trọng ở cái động thể của Thái-cực như thế thì ông đã hiểu rõ cái học Hình-nhi-thượng của Khổng-giáo hơn mọi người vậy.

«Thái-cực có hai thể, Động và Tĩnh — Động thì sinh ra Dương, động cực rồi lại tĩnh, tĩnh thì sinh ra Âm, tĩnh cực rồi lại động. Cứ một

động một tĩnh thay đổi nhau, cái nọ lấy cái kia làm gốc, chia làm âm dương lập thành lưỡng Nghi».

«Dương động là sự động-tác của Thái-cực, âm tĩnh là cái lập thể của Thái-cực. Dương động thì biến hóa ra, âm tĩnh thì đông hợp lại. Bởi sự biến hóa, sự hợp ấy mà sinh ra ngũ-hành : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Năm khí ấy tiết ra mà thuận thì bốn mùa lưu-hành vậy.

«Ngũ-hành hợp lại là âm dương, âm dương hợp lại làm một là Thái-cực. Thái-cực vốn là Vô-

cực. Ngũ-hành sinh ra thì mỗi hành có một tính: Cái chân 真 của Vô-cực (lý), cái tính của âm dương và ngũ-hành (khí) được hợp mà đông lại. Đạo Kiền thành ra con trai, giống đực, Đạo Khôn thành ra con gái, giống cái. Âm dương giao-cảm với nhau (khí hóa) sinh ra muôn vật, muôn vật lại giao-cảm với nhau (hình hóa) mà sinh sinh ra mãi và biến-hóa vô cùng. Trong muôn vật có giống người là bẩm thụ được cái tú khí rất thiêng liêng. Cái hình đã sinh ra thì cái Thần cũng phát ra mà biết. Năm tính cảm-động mà thiện ác phân ra vạn sự có vậy. Cho nên ông nói rằng : Lập cái Đạo của Trời là âm với dương, lập cái đạo của Đất là nhu với cương, lập cái đạo của Người là nhân với nghĩa.

Lại nói rằng : « Xem cái trước ở chỗ gốc, trở lại đến chỗ sau cùng cho nên biết rõ cái thuyết tử sinh. Đạo Dịch lớn vậy thay ! ấy là đến rất mực vậy.

Phàm đã là Triết-học cao xa tất phải có quan-niệm rõ ràng, minh-triết về các nguyên-lý và nguyên-nhân của sự sinh hóa trong Vũ-trụ, Khổng-Tử là bậc Thượng-trí, Ngài nghĩ ngợi và suy xét mọi việc rồi phát-minh ra cái học-thuyết chủ lấy sự theo Thiên-lý làm căn-bản. Ngài cho là trời đất và vạn vật đều có cái lý ấy cả tất là cùng đồng một thể cho nên Ngài mới lấy cái chủ-nghĩa Thiên Địa vạn vật nhất thể, làm hệ-thống cho cái học-thuyết của mình. Cái

lý Nhất-thể ấy lưu hãnh khắp trong vũ-trụ theo cái lý tương-đối tương điều-hòa mà sinh sinh hóa hóa. Vậy cái lý ấy là nguyên-nhân

của sự sinh hóa trong vũ-trụ.

Thoạt đầu tiên Vũ-trụ ra thế nào? Cứ như những ý-tưởng của người đời xưa; thì lúc đầu Vũ-trụ chỉ là một khối mù mịt hỗn độn tức là đời hỗn mang. Trong cuộc hỗn mang ấy có cái lý vô hình rất cường kiện rất linh-diệu gọi là Thái-cực. Song Thái-cực huyền-bí vô cùng không thể biết được cái bản-thể của lý ấy là thế nào, tuy không thể biết được cái chân tính và cái chân tướng của lý ấy song ta có thể xem sự biến hóa của vạn vật mà biết được cái động thể của lý ấy. Cái động thể của lý ấy phát hiện ra bởi hai thể khác nhau là Động và Tĩnh. Động là Dương, Tĩnh là Âm. Dương lên đến cực độ lại biến ra Âm, Âm lên đến cực độ lại biến ra Dương, hai thể ấy cứ theo liền nhau rồi tượng đối tương điều hòa nhau, biến hóa và sinh ra trời đất và vạn vật.

Vậy cái khởi điểm của Tạo-hóa là do hai cái tương-đối Âm và Dương mà đạo Trời Đất cũng khởi đầu bởi sự biến-hóa của hai thể tương-đối ấy.

Trước hai cái tương-đối ấy thì dẫu có gì cũng như không, vì không sao mà biết được. Khi hai cái tương-đối ấy đã phát hiện ra thì cái gì cũng hiển nhiên không thể nói là không có được.

xx

Đó là cái lý-tưởng cốt yếu ở trong Dịch cho nên mới nói rằng : «Đạo Dịch có Thái-cực, Thái-cực sinh ra hai Nghi, hai Nghi sinh ra bốn Tượng, bốn Tượng sinh ra tám Quẻ (Dịch Hệ-từ thượng).

易有太極。是生兩儀。兩儀生四象。四象生八卦。

(Dịch hữu Thái-cực, thị sinh lưỡng Nghi, lưỡng Nghi sinh tứ Tượng, tứ Tượng sinh Bát quái).

Khổng-Tử tin có lý Thái-cực độc nhất tuyệt-đối, nhưng vì lý ấy cao diệu quá không thể biết được, cho nên các học-thuyết của Ngài đề cái bản-thể của lý Thái-cực ra ngoài phạm-vi trí-thức của người ta mà chủ lấy cái động-thể của lý ấy làm tôn-chỉ. Vậy xét cái động-thể

của lý Thái-cực để biết sự biến-hóa của trời đất và vạn vật tức là cái tôn-chỉ của Dịch-học.

Dịch là gì ? Dịch là biến-đổi, trong trời đất không có một giây phút nào là có sự nghỉ ngơi, từ vật nhỏ cho chí đến vật lớn đều biến-đổi luôn như ngày này sang ngày khác, đêm này sang đêm khác. Sự biến-đổi đó là theo thời-gian của trời đất, vì lúc nào trời đất cũng có sự biến-đổi luôn luôn, cho nên muôn vật cũng theo cái luật-định đó mà di dịch vậy. Như người ta mới đấy lúc ra chào đời bằng những tiếng khóc oe oe mà nay đầu đã bạc, răng đã long. Một ngày qua là một ngày mất đi ta không thể có một năng-lực gì kéo lại. Lấy gần mà

xét thì trong ngày có buổi sáng, buổi trưa, buổi tối, tháng thì có tuần sóc vọng, huyền mai, năm thì có bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông. Với sự chuyển vận im lặng ấy trời đất cứ từ từ tiến năm này qua năm khác, không giây phút nào dừng đứng, cái vừa mới có đã thành ra cái quá-khứ rồi liên tiếp nhau mãi mãi, không có cái gì đã thành ra mà lại không biến đổi. Như vậy là cái nghĩa chữ Dịch.

Phàm đã nói sự biến đổi thì cái đơn nhất tuyệt-đối không biến đổi được tất phải có hai cái tương-đối tương điều-hòa nhau thì mới sinh hóa được. Sự tương-đối ắt phải là hai thể khác nhau, có những đặc-tính khác nhau, như sự động, sự tĩnh, cái cứng cái mềm đun đẩy nhau mà sinh ra biến hóa :

剛柔相推而生變化。

« Cương Nhu tương thôi nhi sinh biến hóa ». (Dịch : Hệ-tử thượng).

Theo lý-tưởng ấy thì Đạo trời đất khởi đầu rất là giản-dị. Do cái giản-dị mà thành ra những cái phồn-tạp. Tức như là trong kinh Dịch chỉ cốt có hai cái vạch : cái vạch liền — tượng dương và cái vạch đứt — — tượng âm ; lấy hai vạch ấy thay đổi nhau thành ra tám quẻ ; tám quẻ lại thành ra 64 quẻ v.v... càng biến lại càng thêm phồn-tạp ra mãi, khác nào như âm dương sinh ra vạn vật, vạn vật sinh sinh

hóa hóa ra vô cùng vô tận. Song vạn vật dẫu nhiều thế nào mặc lòng, các căn-nguyên cũng chỉ có âm

dương mà thôi. Hễ hiểu được lẽ âm và dương ấy tất là hiểu được cả vạn vật, biết được cái lẽ giản-dị ấy thì biết được cái lý của Thiên-hạ.

易簡而天下之理得矣。

« Dị giản nhi thiên hạ chi lý đắc hỹ ». (Dịch : Hệ-từ thượng)

Biến hóa là cái tượng của sự tiến thoái.

變化者進退之象也。

« Biến hóa giả tiến thoái chi tượng dả ». (Dịch : Hệ-từ thượng)

Phàm sự vật phải có biến thì mới tiến, không biến tức là định, mà định là thoái. Đạo Trời thì không có định vì cứ hết cái qua thì có cái lại, qua qua lại lại không cùng vậy.

Sự biến-hóa của Trời như sự mở sự đóng mà đạo Trời cứ qua lại mãi :

一闔一辟謂之變,往來不窮謂之道。

« Nhất hạp nhất tịch vị chi biến, vãng lai bất cùng vị chi Đạo ».

Một mở một đóng gọi là biến, qua lại không cùng gọi là Đạo (Dịch : Hệ-từ thượng).

Trong Cựu-ước toàn thư của đạo Gia-tô nói rằng:

Lúc khởi đầu Thượng-đế sáng tạo trời đất, trên mặt đất là cõi không hư hỗn độn, đen tối u ám,

Thượng-đế linh thiêng đi trên mặt nước và nói rằng : «Cần phải có ánh sáng thì có ánh sáng. Thượng-đế trông thấy ánh sáng tươi đẹp, rồi phân ra sáng tối. Ngài gọi sáng là ngày, tối là đêm, có lúc hoàng-hôn, có lúc rạng-đông đó là ngày đầu tiên». Xem như vậy thì cũng tựa như trong kinh Dịch, Thượng-đế đây phải chăng là một vị

tối thiêng liêng mà trong Dịch tượng là Thái-cực. Nhưng theo văn truyện trong Cựu-điều-ước thì có vẻ thực-tế hợp với những tư-tưởng của loài người tức là nhân-hóa những thiên-thể để dễ hiểu hơn. Khí Thái-cực là một nguyên-thể vô hình vô ảnh thiêng liêng, lúc động thì thành hai thể, thể động là dương là sáng là ngày ; thể tĩnh là âm là tối là đêm. Xem như vậy các tôn-giáo đều có một quan-niệm căn-bản giống nhau nhưng có những trừu-tượng, tư-tưởng và cách hành-giáo dị-đồng là chỉ do từng giống người ở từng nơi khác nhau về thủy thổ, thời-tiết, nhưng tất cả lý-trí cũng cùng đều về một lý-tưởng căn-bản của Đại-nhất vậy.

Đến thế-kỷ sau này nhà Triết-học Leibnitz có nêu lên thuyết : Tiểu-thiên-địa và Đại-thiên-địa, tức là sự quy-định của cái lý-thuyết : « Thiên-địa vạn vật nhất thể cũ rích có từ sáu, bảy ngàn năm nay ở bên Á-đông ta vậy.

Ông đã nêu lên thuyết đó và làm chấn-động cả một trời Tây mà bên Đông ta trái lại, lại đem xếp nó vào trong ngăn kéo trong bảo tàng. Ôi ! thật mĩa

mai thay ! luật tuần-hoàn của Dịch lý càng ngày càng sáng tỏ, cái gì phải đến ắt sẽ đến. Nhưng ta nên nhận xét rằng : phàm người Âu-tây khi họ đã nghiên cứu một khoa-học nào bất cứ là thực-tế hay huyền-bí, đều phải có những căn-bản chắc chắn để đi đến một kết-quả vững chắc mà họ có thể lưu-truyền được mãi mãi. Dân-tộc Á-đông có một trí-tuệ phi thường uyên-thâm huyền-ảo đến tuyệt-đối nhưng về các khoa- học thì phần nhiều là tâm-truyền, cũng vì lẽ ấy mà bao nhiêu môn học cao-siêu đời xưa hầu như tàn tạ còn để lại những dấu vết khó hiểu mờ mịt, huyền-bí lắm vậy.

Hóa cho nên, tôi thành thực với tài sơ trí thiển bước trong kho giấy nát tìm tòi những tài-nguyên cổ điển, hợp thành những giải-thích nhời kinh theo thực-tế và khoa-học; hay là những tượng trưng đối chiếu với các Thánh-kinh với các Đạo-giáo.

Trên thế-giới hiện nay còn một quyển kinh Dzyan tức là Định-kinh,

là một quyền cổ kinh mà bây giờ còn một bản thảo viết bằng thứ chữ Senzar là thứ tiếng bí-mật tôn-nghiêm bên Ấn-độ. Rất nhiều Thánh- kinh trên thế-giới đều rút ở trong bản thảo cổ-kinh đó. Như những kinh «Bí mật ẩn tàng» là một vật- liệu tối cổ của Hy-lạp về Thần-thông-thức (savoir occulte) ; quyền Cổ-thánh-thư của Trung-hoa, những kinh Toth - Hermès của Ai-cập, kinh Pourânas của Ấn-độ, quyền Số-kinh của nước Chaldée và

quyển Pentateuque của đạo Gia-tô cũng vậy. Như thế thì các bạn hiểu rằng kinh Dzyan là một quyền kinh tối-cổ, nhưng không rõ nhất định vào thời đại nào, có lẽ có thể sánh với kinh Dịch của Á-đông chăng ? Cho nên Bà Blavatsky phiên dịch ra và tham khảo thêm vào gọi là quyền «Doctrines secrètes». Và xin tóm tắt ở đây sự phân chia của quyền đó để các bạn dễ phần nghiên-cứu và so sánh với kinh Dịch.

Kinh Dzyan nêu lén bốn vấn-đề cần thiết :

1- Cái Nguyên-nhân vô cùng vô tận vô biên, vô hình vô sắc mà không có gì là có thể lý-luận, quan sát được, bởi vì nó quá cái trình-độ tưởng tượng và hiểu biết của người. Đó là cái phi thường vô danh ; cái tuyệt-đối hay là theo kinh Phệ-đà tiếng Ấn-độ gọi là Parabrahnan, hay là cái Độc-nhất thực thể, theo Hégel gọi là Sat vừa là thể tuyệt-đối và là vô-thể.

2- Cái Thần-ngôn (le Verbe) đầu tiên là cái Vô-ngã, và trong Triết-học là cái Vô-động. Cái Thần-ngôn tức là cái tiên-triệu là cái nguyên-hình của cái Động. Đó là cái nguyên-nhân đầu tiên, cái «Bất-tự-giác» của bọn «phiếm thần giáo» bên Âu-châu (cho rằng Vũ-trụ là Thần).

3- Cái Thần-ngôn thứ hai là cái tinh-thần thể chất, cõi Sinh-tồn, cái tinh-thần của Vũ-trụ Purusha và Prakriti.

4.- Cái Thần-ngôn thứ ba là cái ý-tướng về Vũ-trụ là Mahat hay là tinh-thần, là linh-hồn toàn-thể của cối đời. Cái nguyên-hình Vũ-trụ của thể-chất, cái căn-bản của những trạng-thái thần-linh của Tạo-hóa và trong Tạo-hóa cũng gọi là Mahâ Buddhi (Đại Trí-tuệ).

Cái thực hiện Độc-nhất là những thể đôi trong Vũ-trụ hữu hạn.

Xem thế thì cái quan-niệm ở trong kinh Dzyan cũng tựa như cái Đạo của Lão-tử; vì Đạo chỉ là một chữ mà Lão-tử miễn cưỡng phải dùng — kỳ thực cái vật nguyên-thủ sinh ra trời đất vẫn là một vật không tên, song nói cho đúng nó chưa có tên vì nó có trước loài người và nó chưa thành ra một hình thái nhất định.

Muốn cho người ta khỏi hiểu lầm chỗ đó, Lão-Tử nói thêm rằng : ”Đạo khả đạo, phi thường đạo, ”Danh khả danh, phi thường danh. Vô danh thiên địa ”chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu. Cố thường vô ”dục dĩ quan kỳ diệu, thường hữu dục dĩ quan kỳ ”hạo. Thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh, đồng vị ”chi huyền, huyền nhi hựu huyền, chúng diệu chi môn.

道可道非常道，名可名非常名。無名天地之始。有名萬物之母，故常無欲以觀其妙。常有欲以觀其徼。此兩者同出而異名，同謂之玄，玄之又玄，眾妙之門。

同出而異名。同謂之玄玄而

又玄眾妙之門。

Đạo khả là Đạo, là Đạo phi thường, có nghĩa là cái đạo thật là Đạo, là cái căn-nguyên cả cái mà ta gọi là Đạo, tức là nói cái nguyên-thủy sơ khai của Trời, nó là vĩnh-viễn bất diệt cho nên gọi là đạo phi thường.

Tên khả là tên, là tên phi thường, có nghĩa là cái tên thật là tên là cái căn-bản của cái tên mà người ta đặt ra tức là cái mà người ta chưa có thể gọi tên được vì nó có trước loài người nên gọi là Tên phi thường.

Cái không có tên là lúc bắt đầu của trời đất, cái có tên là mẹ của vạn vật nghĩa là cái mà người ta chưa có thể cảm thấu được mà không có tên, tức là cái nguyên-nhân thiêng liêng của các sự thiêng-liêng, hóa cho nên gọi là lúc khởi thủy của trời đất.

Nhưng cái Đạo mà ta đã gọi thành tên đó tức là cái nhờ nó huy-động lên thành tượng thành hình rồi thành muôn vật. Hóa cho nên thường lúc thì không, là muốn để cho người ta quan-niệm cái ảo-diệu của nó, thường lúc thì có là muốn cho người ta thấy cái phạm-vi thực-tại của nó. Hai thể đó cùng ra mà khác tên, đều là huyền ảo, huyền-ảo lại huyền-ảo đó là cái ảo-diệu của

tất cả muôn loài vậy. Xem như thế thì kinh Dzyan lắm chỗ rất thích hợp với cái Đạo của Lão-Tử và cái Đạo xem ra thì cũng tức là cái Vô-cực, là không có tên, không động; cái tuyệt-đối vô hình vô thể, vì Thái-cực là cái nguyên-hình của cái Động theo cái học Hình-nhi-thượng của Khổng-giáo. Xét như đây cái Biết (la Connaissance) của Á-đông chiếm một phần lớn trong Triết-học của thế-giới mà hiện-tại bên Ââu-châu, bao nhiêu nhà Thông-thái đang tận tụy đề nghiên-cứu lấy cái phẩm-chất của Dịch-lý, như những nhà Hiền-triết đã nói ở trên. Trong khi ấy thì dân-tộc Á-đông sao nhãng, không còn ngó ngàn gì đến cái khoa Triết-học cao siêu đó nữa, coi những tờ giấy cổ xưa mục nát mà người ta chỉ xếp vào trong bảo-tàng-viện thôi vậy. Nên, trông thấy cái ánh sáng của Chân-lý càng ngày càng xa ta, càng ngày càng lu mờ đi, tôi tự cho tôi một Thiên-chức bước vào đám giấy mục nát, chắp nhặt từng lời văn, gom góp từng ý-tứ, tuy tài sơ trí thiển, nhưng với một tâm linh quả cảm, một lòng kiên-nhẫn vô biên; lặng lẽ làm việc trong 20 năm trường, cắt gọt, tham khảo, san định kinh này lại ba lần để cho dễ hiểu, cho đúng với hệ-thống khoa-học thực-tế, hầu có thể phổ bá trong đại-chúng cái hay, cái quý của Thánh-Nhân. Tôi mong rằng cái công hèn mọn của tôi không

phải là vô ích đối với Nhân-sinh Triết-lý, đối với các vị Tiền-nho cũng như các bạn thao thủ uyên thâm trong nền Văn-hóa của nước Việt văn hiến ngàn xưa.

Làm như vậy túc như múa dìu qua cửa Lỗ-Ban, hay đánh trống qua cửa nhà Sấm. Cái tiếng trống tuy nhỏ bé nhưng nó cũng là một vang động và Dịch nói rằng: «Đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu». Và nếu một vang động tuy nhỏ phát ra làm cho nhà Sấm ầm ầm thịnh

nộ chấn động bốn phương thì thật là may cho Nhân-loại trong thời Mạt-thế.

Cái ý nguyện của tôi chỉ mong có tiếng hưởng ứng, thì chúng ta sẽ đi đến chỗ Đại Quang Minh mà Thiên-Đạo hay Dịch-Đạo có thể sáng tỏ trên góc trời Nam ta như những khoa-học thực-tế: Kỷ-hà-học, Vật-lý-học, Số-học, Thiên-văn-học v.v...

Ồi! Thiên-Đạo! Huyền-bí thay! cái vi diệu có có không không. Nó ở trong thâm tâm ta, ở trước mắt ta, có khi nó hiện cho ta thấy, nó chạy cho ta theo, nó đứng cho ta bắt.

Nhưng huyền-bí đến tột cùng ắt có sự dị giản sinh ra, cho nên Thánh-nhân làm ra kinh Dịch lấy Tượng ghi những cái huyền-ảo của Thiên-lý bằng những lời từ thường tình lắm vậy.

Vì lẽ ấy tôi cầu nguyện cho các Bạn sao thấu-triệt được cái nghĩa cao xa để rõ được Thiên-Đạo. Đó là cái nguyện-vọng duy-nhất của tôi.

Sài-thành Xuân Nhật năm Bính-tuất.

xxx

DỊCH TỰ

của Trình-Di

Kinh Dịch sở dĩ thành một bộ sách, vì trong đó có đủ nghĩa của các Quái, Hào, Thoán, Tượng làm cho hiển hiện cái Tình của trời đất muôn loài, coi đó ta thấy Thánh-nhân có lòng lo cho thiên-hạ hậu-thế biết là chừng nào ?

Vì Ngài đã «khai vật» trước thiên-hạ và tạo «thành vụ» cho thiên-hạ về sau, phân tán nó vào trong Lý thì có muôn thứ khác nhau, nhưng thống nó vào Đạo thì chẳng có hai đường, lấy 64 quẻ làm thể, 384 hào làm dụng, nói về tầm xa thì nó phóng ra ngoài sáu cõi (tức vũ-trụ), nói về tầm gần thì nó ở ngay trong thân thể một người, một

chớp mắt, một cái thở tạm bợ, hay là một sự động tĩnh rất nhỏ mọn, cái gì mà chẳng có Tượng ở Quẻ, cái gì mà chẳng có Nghĩa ở Hào ?

Kinh Dịch quả là tột bực vậy thay!!! Đạo của nó rất lớn mà chẳng chỗ nào không bao quát, công-dụng rất thần, mà chẳng lúc nào không tồn tại. Vì thế cho nên hễ một khi đã thấu được cái lẽ «vận» của tịnh-thần, lẽ «động» của tâm thuật, thì mới có thể gọi là biết Dịch vậy.

CHÂU-DỊCH TRUYỆN-TỰ

TRÌNH-TỬ

Dịch là biến-dịch, tùy thời mà biến để theo Đạo (1) mà viết thành kinh sách rộng lớn hoàn bị, lấy cái lý thuận theo tính-mệnh để thông hiểu cái cớ sáng tối mà hiểu biết cái thâm tình của sự vật đó là cái Đạo khai vật thành vụ.

Hồi xưa để sách lại là muốn tồn tại cái lý ấy nhưng Tiền Nho không hiểu được hết ý mà truyền tụng lại, sau người hậu-học suy nghiệm những lời để lại mà không cảm thông được. Từ nhà Tần không truyền lại nữa. (2)

Trình-Tử này, sinh sau có nghìn năm viết Truyện này với những văn-liệu u minh khiến người sau lầy Dịch Truyện để hiểu rõ nguyên kinh. Dịch là Đạo của Thánh-Nhân có bốn thứ (Từ, Biến, Tượng, Chiếm).

1.- Lấy lời thì chuộng Từ. 2.- Lấy động thì chuộng Biến. 3.- Lấy chế-đồ thì chuộng Tượng. 4.- Lấy bói-toán thì chuộng lời Chiếm (Hệ-từ).

Cái lý cát hung tiêu-trưởng cái đạo tiến thoái tồn vong đều đủ ở trong «Từ». Suy «Từ» khảo Quái thì có thể biết được cái biến tượng và lời chiếm ở trong đó vậy.

Cái lý đến chỗ hết sức tinh-vi, cái tượng đến chỗ thật tỏ tường. Thể, dụng chỉ do một căn nguyên từ chỗ vi đến chỗ hiển không dời nhau vậy, xem sự hội-thông, để thi-hành điển-lễ mà lời-từ không chỗ nào là không hoàn bị, cho nên Học-giả tinh hiểu lời «Từ» thì tất tự gần đạo Dịch, người gần được đạo Dịch chưa phải là người đã hiểu được hết Dịch vậy.

Tôi làm Truyện nầy tức là Từ, do Từ hiểu ý mà phép-tắc tại người vậy.

Tống-nguyên Năm thứ hai. Tháng giêng Canh-thân. Hà Nam Trình-Di tự

(1) Thể của nó gọi là Dịch, lý của nó gọi là Đạo. Họ Ngô nói rằng: Thời là thời-gian, không đủ bằng Dịch.

(2) Trình-tử nói rằng: Về sau Khổng-tử tán Dịch cũng không có người đọc Dịch hội được cái lý của Dịch như Vương-Phụ, Tự-Hàn, Khang-Bá chỉ lấy Lão Trang mà giải Kinh.

(3) Chu-tử nói rằng: Thể dụng nhất nguyên, lấy cái lý thật là chí-vi (thật nhỏ) mà nói, thì suy sự yên-tĩnh không có mình mà vạn tượng chiêu nhiên đầy đủ vậy.

Hiển vi vô gián là lấy cái Tượng đến chỗ «chí vi» mà nói là cái lý không đâu không có (vô sở bất tại).

Chu-tử nói :

Bộ kinh Dịch sở dĩ thành một bộ sách, vì đã trải qua 3 vị Thánh-nhân, thế mà về phần chế tác vẫn không giống nhau, tỷ như Tượng của họ Bao-hy, Từ của Văn-vương, đều là dựa vào sự bốc-phệ (bói toán) để dạy đời, nhưng phương-pháp mỗi ông một khác (Tiên-thiên khác Hậu-thiên). Còn như lời tán của Khổng-tử thì nhất thiết lấy nghĩa lý làm khoa dạy, chứ không chuyên vào bốc phệ, há phải là tương phản nhau đâu? Chỉ vì thế-tục thuần ly (thuần hậu khinh bạc) mỗi thời một

khác, cho nên sự đặt ra giáo, đặt ra pháp cũng phải khác nhau, chứ Đạo của nó thì chưa từng khác nhau vậy. (chú : Thời thượng cổ đời chất phác dân thuần thục, bởi thế nên sự xu cát tị hung (chọn lành tránh dữ) cũng nên mở sẵn cửa ngõ cho người ta theo. Đến thời trung cổ, tục thuần đã tiêu, chất phác đã mất, tất nhiên phải nhân vào thế sự để thiết giáo, mà sự thiết giáo ấy cần phải phát-triển tới chỗ thâm vi. Kịp đến khi mạt lưu (đời cuối) nhân tâm tin nhàm vào thuật-số, như vậy mà muốn uổn nắn hay đính chính lại cái tệ của mạt tục thì lẽ nào lại chẳng phải lấy nghĩa-lý để phát ra các lời nói trong kinh).

Nhưng mà từ Tần Hán trở về sau, người khảo-cứu Tượng Từ thì quá nệ về thuật số, mà không thấu đặng phép hoằng thông giản dị, người luận nghĩa-lý thời chìm đắm vào thuyết không hư u

tịch, mà không đi tới chỗ nhân-nghĩa trung-chính, nay muốn nhân thời lập giáo cho đặng kế tiếp vào chỗ không đồng 4 phép mà đồng đạo của Ba Thánh đời xưa, xét thấy chỉ có sách của Y-Xuyên tiên-sinh họ Trình mà thôi. Thể thì các vị Quân-tử sau này, nếu hay đọc kỹ rồi tìm tòi tới cõi sâu xa, thì với lẽ cát hung tiêu trưởng, với Đạo tiến thoái tồnvong, thiết tưởng muốn gì mà chẳng được, gần thì để thờ cha, xa nữa để thờ vua, cư xử điều gì lại chả thích đáng.

(Chú: Truyện của kinh Dịch về phần nghĩa-lý rất tinh vi chỉ đối với Bổn-nghĩa thì không hợp, còn như câu nói: Dịch vốn là cuốn sách dùng để bốc phệ, xét thực Trình tiên-sinh chỉ thuyết được có một lẽ, lại có chỗ nói rằng: Bổn-nghĩa đó chỉ là đại cương của môn bốc-phệ mà thôi, nếu nói về nghĩa-lý đầy đủ thì không thể nào dời bỏ được sách của Trình tiên-sinh vậy).

Họ Ngô nói rằng : Thượng-cổ Thánh-nhân (Phục-Hi) làm ra quái-tượng làm Tiên-Thiên mà cái thể của nó đủ ở số 8 lần 8 (64 quẻ) làm ra số cỏ thi để cho người ta thấy mà sự dụng của nó diễn ra ở số 7 lần 7 (49 cỏ thi) hợp quẻ với cỏ thi gọi là Dịch.

— Trung-cổ Thánh-nhân (Văn-vương, Châu-công) lấy lời Hệ vào Thoán (Văn-vương), Hệ vào

Hào. (Châu-công). Từ đấy làm ra lời Chiếm, nhưng so sánh bàn nghị lời Từ cái lý thì không gì không quán-thông, suy nghiệm mà thi-hành, lời Chiếm nói như vậy thay!

Sau đời Tần Hán, người học Thuật-số câu nệ diễn-giải nghĩa lời Từ một cách nghèo nàn mà Đạo Dịch thành ra tối tăm.

Đến đời Thiệu-tử thì biết quái-tượng và cái nguyên-tắc của số cố thật thâm xâu mà đạo Dịch được cả sáng.

Từ Phu-tử về sau chỉ có một người mà thôi, mà lời Từ của Văn-vương, Châu-công chưa có người nào bì kịp được.

Có Truyện của Trình-tử thì cũng nhân lời Từ của Văn-vương, Châu-công, để phát ra cái lý trực-tri (biết ngay) thực tiễn (theo sự thực) suy xét chỗ nên chăng để dùng về: Tu, Tề, Trị, Bình. Đạo Dịch của ba vị Cổ Thánh, mà là bổn không phải có thể lấy Truyện và lời chú giải mà luận vậy.

(Làm kinh Dịch do bổn Thánh: Hi, Văn, Châu, Khổng mà thành, còn Y-Xuyên làm ra Dịch Truyện có thể nói là đã đến chỗ cùng tột rồi vậy).

THƯỢNG.HẠ THIÊN NGHĨA

Trình-Di

Kiền Khôn là Đạo Trời đất, gốc ở âm-dương, nên là đầu Thượng Thiên,

Khảm Ly là sự thành chất của âm-dương, nên là cuối Thượng Thiên.

Hàm Hằng là đạo vợ-chồng, gốc của sự sinh-dục nên là đầu Hạ-Thiên.

Vị-tế, Ký-tế, hợp với quẻ Khảm Ly mà giao nhau, là sự thành công của âm-dương, nên là cuối Hạ- Thiên.

THI VĂN

Sau 2 quẻ Kiền (1) Khôn (2) là : Chuân (3) Mông (4) Nhu (5) Tụng (6) Sư (7) Tỷ (8) Tiểu-Súc (9), đến Lý (10) Thái (11) Bĩ (12) Đồng-Nhân (13) Đại-hữu (14) Khiêm (15) thông đến Dự (16) thuận cùng Tùy (17) theo Cổ (18) Lâm (19) Quan (20) Phệ-Hạp (21) mà Bí (22) Bác (23) Phục (24), dương lại Vô-vọng (25) Đại-súc (26) sau đến Di (27) Đại-quá (28) Khảm (29) Ly (30), đến đây là hết Thượng-Kinh.

Thượng-Kinh có 30 quẻ.

Hàm (1) Hằng (2) Độn (3) Đại-Tráng (4) Tấn (5) Minh-Di (6) Gia-nhân (7) Khuê (8) Kiển (9) Giải (10) đi nên Tổn (11) Ích (12) cùng đều theo Quải (13) Cấu (14) Tụy (15) Thăng (16) Khốn (17) Tỉnh (18) Cách (19) đáng biết Đỉnh (20) sau Chấn (21) Cấn (22) Tiệm (23) Qui-muội (24) Phong (25) Lữ (26) thêm vậy, Tốn (27) sau đó, Đoài (28) Hoán (29) Tiết (30) Trung-phu (31) Tiểu-quá (32) giúp nó Ký (33) Vị (34), nay là xong hết.

Hạ-Kinh có 34 quẻ.

PHÀM-LỆ

Châu-Dịch có hai quyển: Thượng Hạ Kinh, Khổng-tử làm 10 thiên gọi là Thập-Dực (lúc đầu chưa có Truyện), tất cả làm một Quyển. Hán-Phị bắt đầu lầy Thoán-Tượng thích lời kinh phụ ở ngay sau. (Thêm một Truyện phụ sau các quẻ).

Trịnh-Huyền, Vương-Bật lại chia ra làm bản phụ-quái, ở dưới hào thêm vào quẻ Kiền-Khôn, Văn-Ngôn, bắt đầu thêm : Thoán viết :, Tượng viết :, Văn-ngôn viết : để cho khác kinh đi, đó là kinh Dịch bây giờ. Trình-Tử thì làm ra Truyện.

Từ lúc khởi đầu cái thuyết của họ Thiệu khảo đính cổ kinh đến Lã-Tổ làm ra hai kinh (Thượng-kinh Hạ-kinh). 10 quyển Truyện (Thập-dực) gọi là Cổ-Dịch vậy. Bản-nghĩa của Chu-Tử do theo đó; bây giờ

định theo nguyên-bản thì lấy Truyện của Trình-Tử mà lấy từng loại thì theo Bản-nghĩa của Chu-Hy.

TÁM THUẦN QUÁI

Kiền: Tam liên (3 nét liền) ☰ là Trời. Khôn: Lục đoạn (6 đoạn) ☷ là Đất Ly: Trung hư (giữa rỗng) ☲ là Hỏa Khảm: Trung mãn (giữa đủ) ☵ là Thủy Chấn: Ngưỡng-bồn (chậu ngửa) ☳ là Sấm Cấn: Phúc uyển (chén úp) ☶ là Núi Đoài: Thượng khuyết (trên khuyết) ☱ là Trầm Tốn: Hạ-đoạn (dưới đứt) ☴ là Gió

Một là số lẻ, số của dương: Kiền-Khảm-Cấn-Chấn thuộc dương. Hai là số chẵn, số của âm: Tốn-Ly-Khôn-Đoài thuộc Âm.

TÀI-ĐỨC VÀ TƯỢNG CỦA 8 QUẺ

Kiền: (Kiền dịch đi là Khôn) là mạnh-khoẻ, tính dương, tên quẻ 3 lẻ tượng Trời.

Khảm (Khảm dịch đi là Ly) 1 dương bị hãm ở giữa hai âm, nên đức nó là hãm là hiểm, tượng của nó là Mây, Mưa, Nước.

Cấn: (Cấn dịch đi là Đoài, phản là Chấn) 1 dương dừng ở trên 2 âm, nên đức nó là dừng chỉ tượng nó là Núi.

Chấn: (Chấn dịch đi là Tốn, phản là Cấn) 1 dương động ở dưới hai âm, nên đức nó là động, tượng nó là Sấm.

Tốn: (Tốn dịch đi là Chấn, phản lại là Đoài) 1 âm phục ở dưới 2 dương nên đức nó là nhún nhường, là vào, tượng nó là Gió là Cây.

Ly: (Ly dịch đi là Khảm) 1 âm bám vào giữa 2 dương nên đức nó là bám, là đẹp, là văn-minh, tượng nó là Mặt-Trời, là Lửa, là Điện.

Khôn: (Khôn dịch đi là Kiền) là thuận, tính âm tên quẻ 3 chẵn, tượng Đất.

Đoài: (Đoài dịch đi là Cấn, phản là Tốn) 1 âm hiện ở trên 2 dương nên đức của nó là đẹp-lòng, tượng nó là Trầm.

Những quẻ tượng 12 tháng trong năm

Quẻ Phục (tháng 11) Lâm (tháng 12) Thái (tháng giêng) Đại-Tráng (tháng hai) Quải (tháng 3) Kiền (tháng 4) (Từ Tý đến Tỵ: 6 tháng thuộc dương). Căn (tháng 5) Độn (tháng 6) Bĩ (tháng 7) Quan (tháng 8) Bác (tháng 9) Khôn (tháng 10) (Từ Ngọ đến Hợi: 6 tháng thuộc âm).

Dương hào gọi là Cửu, Âm hào gọi là Lục.

Lão-dương số 9 (cửu), Lão-âm số 6 (lục).

Nguyên-số là 10, trong Tứ-tượng, Thái-dương số 1 trừ đi còn bản thân là số 9. Thiếu-âm ở số 2 trừ đi còn bản thân số 8. Thiếu-dương số 3 trừ đi bản thân còn số 7. Thái âm số 4 trừ đi bản thân còn số 6.

Quẻ biến:

1º Phàm quẻ có 1 âm 1 dương đều từ quẻ Phục Cấu lại.

2º Phàm quẻ có 2 âm, 2 dương đều từ quẻ Lâm Độn lại.

3º Phàm quẻ có 3 âm, 3 dương đều từ Thái Bĩ lại.

4º Phàm quẻ có 4 âm 4 dương, đều từ quẻ Đại-Tráng Quan lại.

5º Phàm quẻ có 5 âm 5 dương đều từ quẻ Phu, Bác lại.

1º một Dương.



Sơ hào Dương lên hào 2, rồi hào 3, hào 4, hào 5, sau đến hào 6.

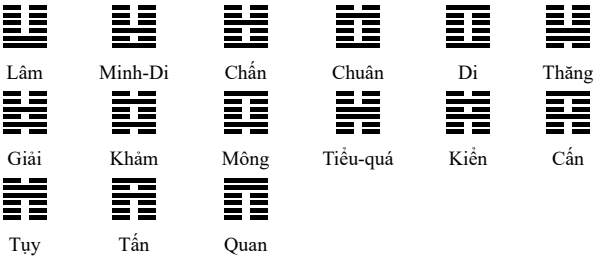
một Âm.



Cấu Đồng-Nhân Lý Tiểu-Súc Đại-hữu Quải

Số hào Âm lên hào 2, rồi hào 3, hào 4, hào 5, sau đến hào 6.

2° 2 Dương.



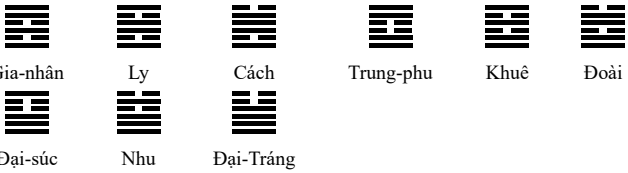
Lâm Minh-Di Chấn Chuân Di Thăng
Giải Khảm Mông Tiểu-quá Kiển Cấn
Tụy Tấn Quan

2° — 2 Âm.



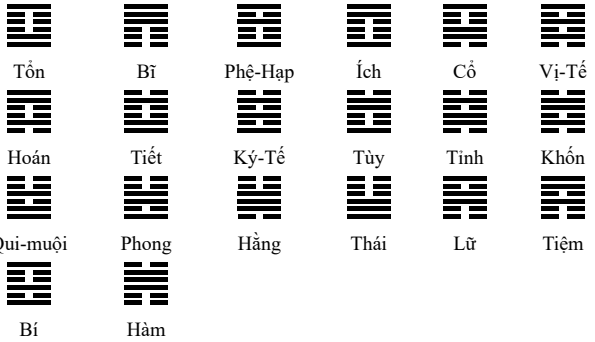
Độn Tụng Tốn Đỉnh Đại-quá Vô-vọng

2° — 2 Âm (tiếp theo).



Gia-nhân Ly Cách Trung-phu Khuê Đoài
Đại-súc Nhu Đại-Tráng

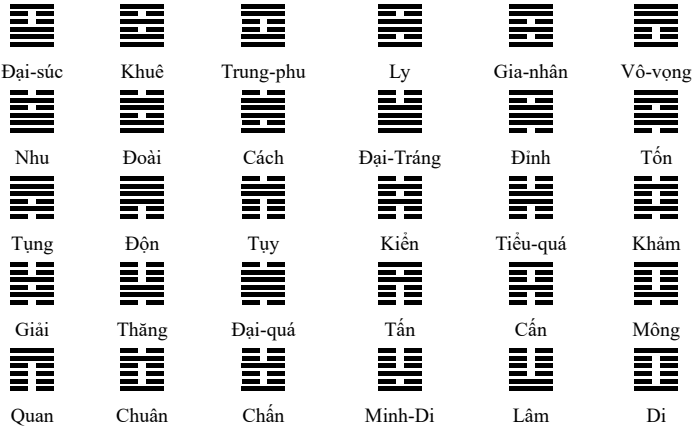
3° — 3 Dương.



GHI CHÚ CỦA NGƯỜI SỐ HÓA

Bản in 1958 ở nhóm "3 Dương"có 21 ô, trong đó chữ "Tùy"xuất hiện 2 lần; đúng ra nhóm này chỉ có 20 quẻ. Nay in đủ 20 quẻ, không lặp.

4° 4 Dương — 4 Âm.

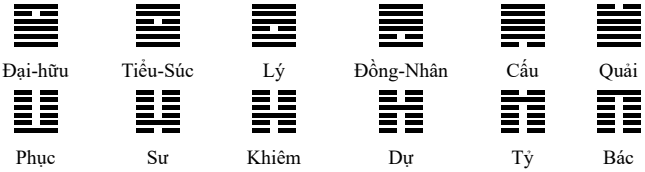


GHI CHÚ CỦA NGƯỜI SỐ HÓA

Bản in 1958 ở nhóm này ghi "Tổn"(quẻ Tổn đã có trong nhóm "3 Dương"); theo hình vẽ và theo phép đếm hào thì phải là quẻ "Tốn".

Nay in "Tốn".

5° — 5 Dương 5 Âm.



GHI CHÚ CỦA NGƯỜI SỐ HÓA

Bản in 1958 xếp hai quẻ "Tỷ"và "Quải"lệch hàng (Tỷ nằm ở hàng 5-dương, Quải nằm ở hàng 1-dương). Nay in đúng theo phép đếm hào.

Theo hình vẽ trên đây phân biệt riêng từng hàng quẻ có những số âm và dương giống nhau thì nghiệm thấy rằng :

1°/ Dương khí trên đây là thanh khí bao giờ cũng nhẹ nhàng và bốc lên trên, cho nên có sự tiễn lên trên. Âm khí tức là trọc khí nặng cho nên bao giờ cũng có ý xuống dưới. Nghiệm xét về thực tế thì thật rõ ràng, khi có khói tức là khí nóng thì bốc lên trên, mà khí lạnh thì lắng xuống dưới, càng lạnh càng xuống thấp.

Đó là nói về thể và tính cách của hai thể âm và dương, trong 64 quẻ đều có tính cách đó, cho nên ta có thể tóm tắt bằng một định-lý thứ nhất là.

A — Khí dương nóng thì bốc lên trên, khí âm lạnh thì lắng xuống dưới.

2/ — Xét trong 64 quẻ theo những bản-đồ trên thì mỗi hào đều có sự tương-đối nhau trong quẻ đổi có âm ắt có dương và trái lại, đó tức là trong Tạo-hóa lúc nào, vật nào cũng có sự trung-hòa trúng tiết vậy. Nghiệm như vậy cho nên tôi có thể nêu lên một định-lý thứ hai:

B — Muốn vật trong vũ-trụ đều theo Đạo Trung-Hoà để tồn tại cái đức lớn của Trời Đất là sự Sinh.

Sự phân chia và xếp đặt của 64 quẻ âm dương cho ta một thuyết lý rõ ràng minh bạch về hai định-lý cốt yếu cho sự vật tương-đối trong Vũ-Trụ.

Quẻ không dịch — Quẻ phản dịch.

Trong Thượng-Kinh có 30 quẻ, có 6 quẻ: Kiền, Khôn - Khảm - Ly - Di - Đại - Quá không dịch, còn 24 quẻ là phản dịch thành còn 12 cộng lại là 18 quẻ $(12 + 6)$.

Trong Hạ-Kinh có 34 quẻ, chỉ có 2 quẻ Trung-phu và Tiểu-quá không dịch, còn 32 quẻ phản dịch, làm 16 cũng cộng là 18 quẻ $(16 + 2)$.

Quẻ không dịch : như : 6 quẻ ở Thượng-kinh.



Kiền Khôn Khảm Ly Di Đại-quá

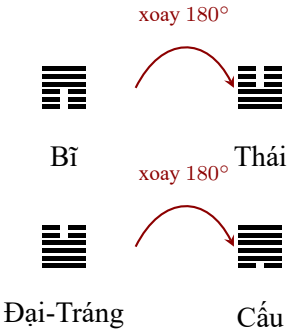
2 quẻ ở Hạ-Kinh :



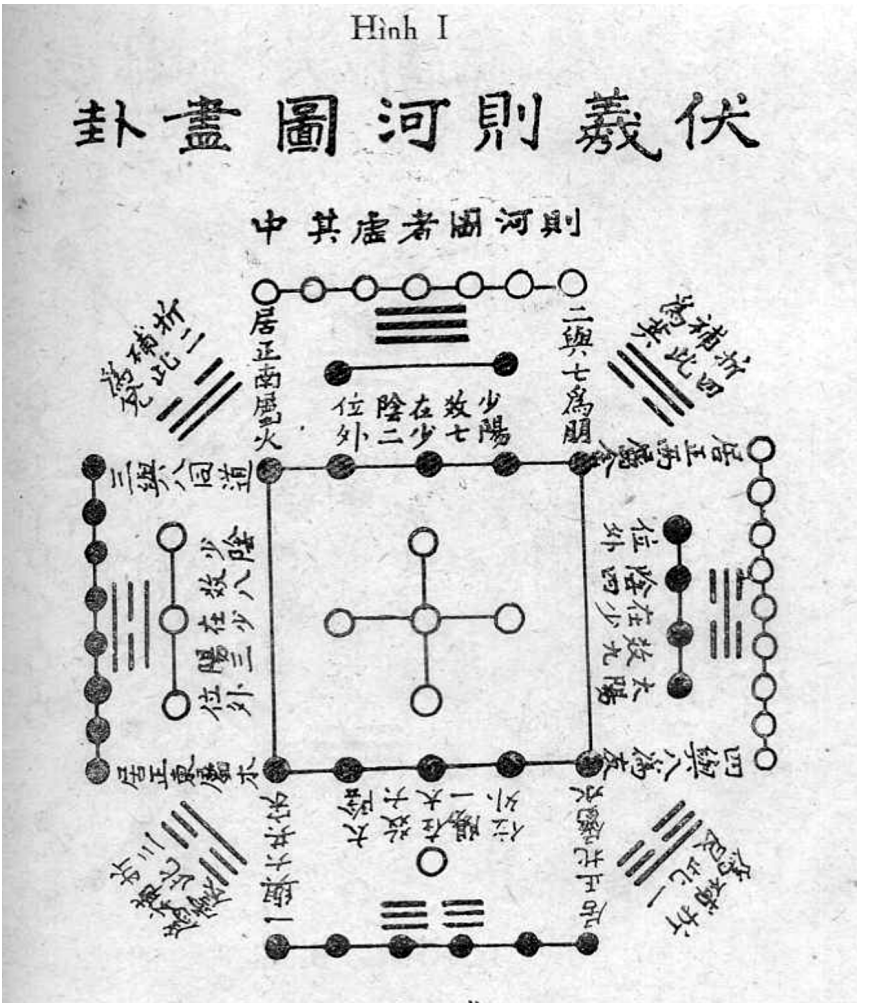
Trung-phu Tiểu-quá

Xét xem 8 quẻ trên đây là không dịch, nghĩa là xoay một vòng 180 độ không có sự thay đổi gọi là không dịch.

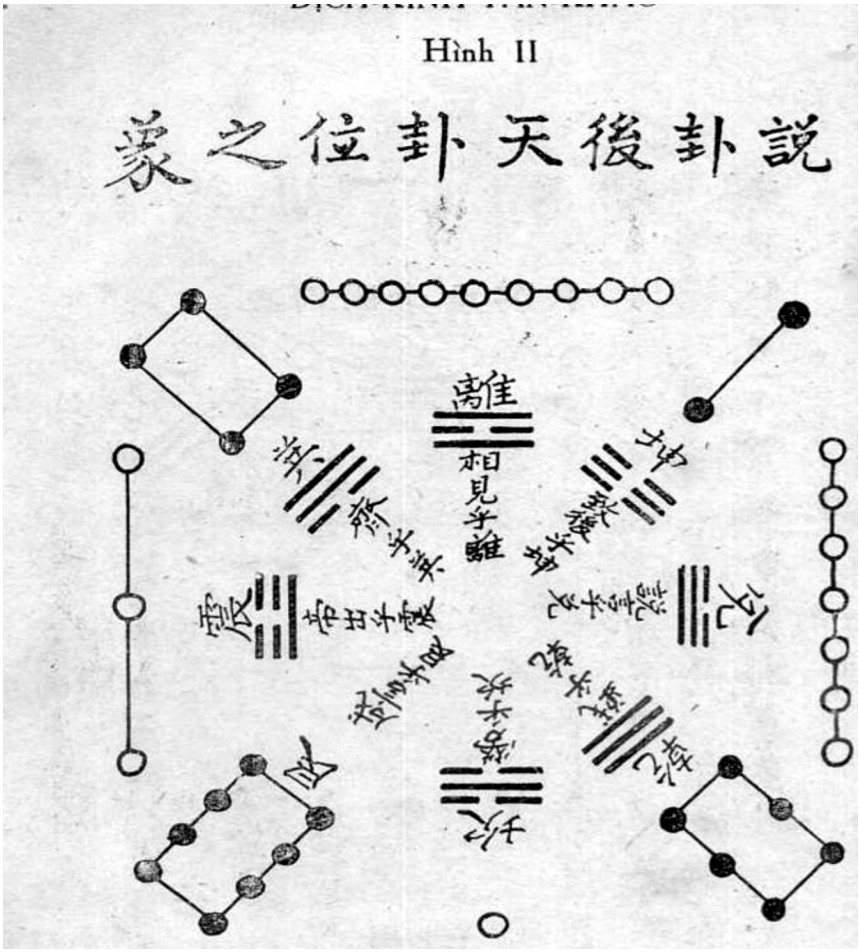
Quẻ phản dịch : như những quẻ khác :



Ví dụ quẻ Thái xoay 180 độ thì thành quẻ Bĩ vì lẽ ấy 24 quẻ ở Thượng-kinh còn lấy 12, vì có sự phản dịch vậy.



Hình I. Hà-Đồ (Phục-Hi tắc Hà-Đồ họa quái)



Hình II. Lạc-Thư (Hậu-Thiên Bát-quái)

Tiết 1.

繫辭傳曰：河出圖，洛出書。聖人則之。又曰：天一。地二。天三。地四。天五。地六。天七。地八。天九。地十。天數五，地數五。五位相得而各有合。天數二十有五地數三十。凡天地之數五十有五。此所以成變化而行鬼神也。此河圖之數也洛書蓋取龜象。故其數載九履一，左三右七，二四為肩，六八為足。蔡元定曰：圖書之象自漢孔安國劉歆魏關朗子明有宋康節先生邵雍堯夫皆謂如此。至劉牧始兩易其名而諸家因之故今復之悉從其舊。

Dịch-Âm: Hệ-từ-truyện viết: Hữu Hà xuất Đồ, Lạc xuất Thư, Thánh-nhân tắc chi, hựu viết: Thiên nhất, Địa nhị, Thiên tam, Địa tứ, Thiên ngũ, Địa lục, Thiên thất, Địa bát, Thiên cửu, Địa thập. Thiên số ngũ, Địa số ngũ. Ngũ vị tương đắc nhi các hữu hợp. Thiên số nhị thập hữu ngũ. Địa số tam thập. Phàm Thiên-Địa chi số: ngũ thập hữu ngũ. Thử sở dĩ thành biến-hóa nhi hành quỉ-thần dã. Thử Hà-Đồ chi số dã.

Lạc-thư cái thủ qui tượng. Cổ kỳ số tái cửu lý nhất, tả tam, hữu thất, nhị tứ vi biên, lục bát vi túc.

Sái-nguyên-Định viết: Đồ Thư chi tượng tự Hán Khổng-an-Quốc, Lưu-Hâm, Ngụy-quan-Lãng, tử minh hữu Tống Khang-Tiết Tiên-sinh Thiệu-Ung Nghiêu-Phu, giai vị như thử, chí Lưu-Mục thủy lưỡng dịch kỳ danh nhi chư gia nhân chi, cố kim phục chi tất tòng kỳ cựu.

Dịch-nghĩa: Hệ-từ-truyện nói rằng: Bên hữu Đồ (hình vẽ) xuất hiện trên sông Hà, Thư (sách) xuất hiện ở sông Lạc. Thánh-nhân lập ra thành phép-tắc, lại nói rằng: Trời số một, Đất số 2, Trời số 3, Đất số 4, Trời số 5, Đất số 6, Trời số 7, Đất số 8, Trời số 9. Đất số 10. Trời có 5 số, Đất có 5 số. Năm ngôi tương đắc với nhau mà mỗi số có số hợp, số của Trời là 25 ($1+3+5+7+9=25$), số của Đất là 30 ($2+4+6+8+10$). Phàm số của Trời Đất cộng là 55 ($25+30$). Đó là cái sở dĩ để làm thành biến-hóa mà Quỉ-thần thi hành, đó là số của Hà-Đồ.

Lạc-thư lấy theo hình-tượng của con rùa nên số của nó: trên là số 9, dưới là số 1, bên trái là số 3, bên phải là số 7, số 2 và 4 ở trên vai, số 6 và 8 ở dưới chân.

Sái-nguyên-Định nói rằng: cái Tượng của Hà-Đồ Lạc-thư từ Khổng-an-Quốc, Lưu-Hâm nhà Hán, Quan-lãng-Tử nhà Ngụy, rõ ràng thì có Khang-Tiết tên là Thiệu-Ung, tự là Nghiêu-Phu nhà Tống, đều nói như thể. Đến Lưu-Mục mới bắt đầu đổi hai tên ấy (Hà-Đồ, Lạc-Thư) mà các nhà Học-giả nhân theo ông, hóa cho nên nay chở lại hết thảy đều theo cái cũ (tượng của Hà-Đồ và Lạc-thư).

Phụ-lục:

Khổng-an-Quốc nói rằng: Hà-Đồ là khi Phục-Hi trị vì thiên-hạ thấy con Long-mã xuất ở sông Hà, lấy làm hài lòng được cái văn (từ 1 đến 10) để vạch ra 8 quẻ (55 nốt tại lưng, Đồ vẽ ở lông làm tinh tượng).

Lạc-thư là thời vua Võ trị thủy, có Thần-qui phụ văn ở trên lưng có đền số 9 (từ 1 đến 9) Vua Võ toại lòng nhân thể mà làm thành 9 loài (cửu Trù).

Họ Lưu (Lưu-Hàm) nói rằng: Hà-Đồ Lạc-thư đều là Kinh Vỹ của 8 quẻ, 9 chương (9 Trù).

Họ Trần nói rằng: Kinh để nói cái Chính, Vỹ để nói cái Biến, hai bản-đồ hòa nhau thành Chính, Biến, nếu chỉ lấy Hà-Đồ mà nói thì Hà-Đồ là chính, Lạc-thư là biến. Nếu chỉ lấy Lạc-thư mà nói thì Lạc-thư là chính, Hà-Đồ là biến. Sự cần-yếu trong Trời Đất không quá một âm một dương làm một đôi, trong đó có ngũ-hành mà Thái-cực thường ở đó. Hai Đồ tuy tung-hoành biến-động chỉ là để tham-hộ, trình-kiến (ở trong có sự nhiều ít thấy thì khác nhau mà sự động-tác thì có Thái-cực giống nhau, có sự phân hợp của Bốn tượng tuy khác nhau nhưng sự động-tác của cái lẻ cái chẵn là một) sở dĩ đều gọi là Kinh Vỹ. Phục-Hy căn-cứ vào Hà-Đồ mà [lấy] quẻ, bề ngoài làm ra

8 quẻ, bề trong có thể lấy làm Trù. Đại Võ căn cứ đầu tiên ở Lạc-thư mà rõ được Trù, bề ngoài làm ra 9 Trù mà bề trong có thể lấy làm quẻ sở dĩ tương đối nhau thành biểu lý (trong ngoài).

Thiệu-tử nói rằng: Đồ là tinh-tú, số của nó

là số của Lịch-kỷ, sự mở mang bắt đầu ở đó ru! (Lịch pháp hợp hai, bắt đầu lấy hai thứ để định cứng mềm để định luật về lịch-pháp, sau để tính tháng dư tháng nhuận). Vuông là đất, vạch ra Châu Tỉnh là cái phép của Đất phỏng theo «Thư» vậy ru! (châu có 9 tỉnh (#) 900 mẫu).

Tròn là số của Hà-Đồ, Vuông là số của Lạc-thư.

Họ Sái nói rằng: Hà-Đồ thể tròn mà dụng vuông Thánh-nhân coi đó mà vạch ra quẻ, làm ra sách, Thể vuông mà dụng tròn Thánh-nhân coi đó mà làm ra số Trù. Quẻ là tượng âm dương, Trù là số của ngũ-hành. Tượng không phải ngẫu (chẵn) thì không lập thành số, không phải kỳ (lẻ) thì không động. Âm-dương ngũ-hành không phải hai thể, 8 quẻ 9 trù cũng không phải hai thể.

Chu-tử nói rằng: Giữa Trời Đất có một khí mà thôi, phân ra hai thì được âm dương mà ngũ-hành tạo-hóa, vạn-vật, thủy chung không gì không đôn đốc để hiện hợp vậy.

Ngôi trong Hà-Đồ: 1 và 6 cùng giống cư ở Bắc. 2 và 7 là bạn cư ở Nam. 3 và 8 cùng Đạo cư ở Đông. 4 và 9 làm bạn cư ở Tây. 5 và 10 giữ nhau cư ở giữa, đó là số vậy. Bắt quá một âm, một

dương, 1 lẻ 1 chẵn làm một đôi mà thành ngũ-hành ấy mà thôi.

(Sinh số của Trời Đất là số 5 ở đấy, còn 1, 2, 3, 4, đến 5, mà thành 6, 7, 8, 9, đến 10 là thành số đối với 5). Số Trời, số Đất các loại tương cầu (dương số thì lẻ: 1-3-5-7-9 đều thuộc Trời, âm số thì chẵn: 2-4-6-8-10 đều thuộc Đất) gọi là sự tương đắc của ngôi thứ tự-nhiên vậy.

(Chẵn lẻ cùng làm thứ-đệ, tương-đắc như anh em). Trời lấy 1 sinh thủy (nước) mà Đất lấy 6 thành nó. Đất lấy 2 sinh hỏa (lửa) mà Trời

lấy 7 thành nó. Trời lấy 3 sinh mộc (cây) mà Đất lấy 8 thành nó. Đất lấy 4 sinh kim (kim khí) mà Trời lấy 9 thành nó. Trời lấy 5 sinh thổ (đất) mà Đất lấy 10 thành nó.

Đó gọi là các thứ có chỗ hợp nhau.

(Chẵn lẻ cùng có sự sinh thành, hợp nhau như vợ chồng).

Cộng 5 số lẻ là 25, cộng 5 số chẵn là 30. Hoặc nói rằng: Số và ngôi của Hà-đồ Lạc-thư sở dĩ không giống nhau, Sao vậy ? Rằng: Hà-Đồ, lấy 5 sinh số thống suất 5 thành số cùng ở một phương, để làm rõ sự hoàn toàn của

những số ấy để dạy người theo Đạo thường của Thể số vậy.

Lạc-thư lấy 5 số lẻ thống suốt 4 số chẵn mà mỗi số ở chỗ của nó bởi vì chủ ở cái Dương thống suất Âm mà khái lập ra cái Dụng của Biến-số.

Họ Hồ nói rằng: Hà-Đồ số 10, số 10 đối đãi mà lập ra cái Thể nên là thường. Lạc-thư số 9, số 9 là lưu-hành để đến cái Dụng nên là biến. Cái thuyết thường, biến Chu-tử lấy chỗ trọng-yếu khác hẳn nhau mà nói, không nói Hà-đồ chuyên ở sự Thường mà không có Dụng, Lạc-thư chuyên ở Biến có Dụng mà không có Thể vậy.

Từ cái hợp Tứ-tượng của Hà-đồ mà xem ở nơi Tây-Nam không hợp với ở chỗ sinh lại là Dịch của Dụng.

Từ cái phân Tứ-tượng của Lạc-thư mà xem, bày ra bốn phương, tất hợp với quẻ ở chỗ sinh lại là cái thường Thể vậy.

Họ Hồ nói rằng: Trong sách thấy Hà-đồ chỉ có số 5 mà không có số 10, tuy nhiên chưa có sự hợp số 1-9, 2-8, 3-7, 4-6 vì vậy mà không có số 10 Hợp số ở Hà-đồ như sự chế biến ăn khớp với nhau cái sảo diệu ấy như sự tương-hội của giống đực giống cái.

— Hai Đồ đều có số 15 ở giữa cả là nghĩa làm sao?

Rằng: Pha cái một ấy (1 + 2) làm ba, một đôi âm là hai, hợp 2 và 3, được là 5 vậy.

— Sự nhiều ít không giống nhau là tại làm sao?

Rằng: Hà-đồ chủ Toàn (10 số). Số chẵn nhiều (Đất 30) mà lẻ thì ít (Trời 25).

Lạc-thư chủ Biến (9 số). Số lẻ nhiều (Trời 25) mà chẵn thì ít (Đất 20) ắt trong đều rỗng. (Đồ ở giữa: 15, Thư ở giữa: 5) rồi sau số của âm-dương bằng nhau ở số 20, mà không thiên-lệch vậy.

— Thứ-tự của nó sao không giống nhau?

Rằng: Hà-đồ đi theo tay trái, Lạc-thư thì theo tay phải.

Họ Hồ nói rằng: Số của Đồ Thư, số 3 cùng ở Đông-Bắc, số 2 khác nhau (Tây-Nam) số ở giữa không thể dịch, chỉ có số 2 phương Tây-Nam đổi nhau, thì kim ở ngôi hỏa, hỏa vào trốn kim, có nghĩa là cùng khắc chế nhau, về sau từ chỗ 2 phương đã thay đổi thì Đồ đi theo trái thì tương sinh, Thư đi theo phải thì tương khắc; Tạo-hóa không thể không sinh cũng không thể không khắc; không sinh thì hoặc là cái cơ hưu-tức (nghỉ ngơi), không khắc là có thể thành-tựu vậy.



Hình III. Phương-vị Đông-Tây-Nam-Bắc

Họ Ông nói rằng: Cái thứ-tự vận-hành của Hà-đồ tự Bắc đến (1) Đông theo chiều trái là cái lý tương sinh (từ Bắc đến Đông, đến Nam, vào giữa, rồi đến Tây). Nhưng cái ngôi đối đãi nhau thì Thủy (bắc) khắc Hỏa (nam), Kim (tây) khắc Mộc (đông) mà sự tương khắc lại ngụ ở trong sự tương sinh. Cái thứ-tự của ngôi vận-hành ở Lạc-thư tự Bắc đến Tây, đi theo tay phải là cái lý tương khắc (tự Bắc đến Tây, đến Nam, đến Đông, vào giữa). Những ngôi đối đãi nhau thì Kim (đông - nam) sinh Thủy (tây - bắc) Mộc (đông - bắc) sinh Hỏa (tây-nam), là tương sinh mà ngụ ở trong có sự tương khắc. Sự huyền-diệu của sự sinh thành chưa thường nên không gọi là Toàn-bị. Nhưng tại sao Thánh-nhân lấy cái đó để làm ra phép-tắc?

Rằng: Phép-tắc Hà-đồ là rỗng ở trong, Phép-tắc Lạc-thư là gom cả cái thực. Cái rỗng không của Hà-đồ là số 5 với 10, là Thái-cực, lấy hợp với 4 phương để làm Kiền Khôn Ly Khảm, bỏ vào chỗ không

của 4 khe là: Đoài, Chấn, Tốn, Cấn thành 8 quẻ vậy.

(1) Bắc là thủy. Đông là mộc. Nam là hỏa. Tây là kim. Giữa là thổ. Thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim.

(Lấy Tứ tượng hiện ra, Ngôi của Thái-dương ở số 1 mà số là 9. Kiền được số ấy (9) Đoài được ngôi ấy (1), Ngôi Thiếu-âm cư số 2, mà số là 8. Ly được số ấy (8), Chấn được ngôi ấy (2) Ngôi Thiếu-dương cư số 3 mà số là 7. Khảm được số ấy (7) Tốn được ngôi ấy (3) Ngôi Thái-âm cư số 4 mà số là 6 Khôn được số ấy (6) Cấn được ngôi ấy (4). Bây giờ triết cái hợp số 6-7-8-9 lấy Kiền Khôn Ly Khảm tại ngôi của 4 Chính, y theo thứ tự 1-2-3-4, lấy Đoài Chấn Tốn Cấn mà bổ vào chỗ không của 4 khe.

Cái thực của Lạc-thư: Thứ nhất là Ngũ-hành, Thứ nhì là Ngũ-sự, Thứ ba là Bát-chính, Thứ tư là Ngũ-kỷ, Thứ năm là Hoàng-cực, Thứ sáu là Tam-đức, Thứ bảy là Kế nghi (xét cái nghi) Thứ tám là Thứ vi (nhiều cái nhỏ) Thứ chín là Phúc-cực. Tất nhiên có thể dễ hiểu hơn những Ngôi và Số ở trên.

Họ Hồ nói rằng: Thứ nhất Ngũ-hành là số bao-trùm Trời Đất tự-nhiên, còn dư tám phép là đời Đại-Vũ tham-ước Thiên-thời nhân-sự mà chia ra từng loại, bất tất phải hợp đến tận nơi với ngôi của Hỏa, Mộc, Thủy, Kim.

Rằng: Lạc-thư mà rỗng ở Trung-Ngũ cũng là Thái-cực, bốn chính phương lấy Chấn Đoài Ly

Khảm, thay đổi 4 khe, lấy Kiền Khôn Tốn Cấn thì cũng là tám quẻ (Dịch Hậu-Thiên bát quái) vậy.

Hà-đồ số 1-6 là Thủy (Khảm 1-6 Thủy) 2-7 là Hỏa (Ly 2-7 Hỏa) 3-8 là Mộc (Chấn Tốn 3-8 Mộc) 4-9 là Kim (Kiền Đoài 4-9 Kim) 5-10 là Thổ (Khôn Cấn 5-10 thổ) đó là cái Ngũ-hành của Hồng-Phạm. Thế là Lạc-thư vẫn là Dịch mà Hà-đồ cũng vẫn là Phạm vậy.

Lại yên trí Đồ không phải là Thư. Thư không phải là Đồ. Đó chỉ là cái Thời có Tiên Hậu số nhiều ít, tuy nhiên chỉ có một Lý mà thôi.

Chỉ có Dịch do Phục-Hi được Đồ trước mà ban đầu đâu phải chờ ở Thư. Phạm thì Đại-Vũ một mình được ở Thư mà chưa ắt đã truy-khảo ở Đồ, nên lấy Hà-đồ là rỗng 10 để số Lạc-thư là 5 lại ngậm 5 (dưới 1 chấm là «thiên 1», trên một chấm là «địa 2», tả 1 chấm là thiên 3, hữu 1 điểm là địa 4 giữa 1 điểm là thiên 5) cộng lại 5 với 10 thì thông được cái số của Hà-đồ biết rõ được như vậy thì hoành-tà, khúc-trực (thẳng đứt, ngay vẹo) không chỗ nào không thông mà Đồ, Thư khởi ở tất cả mọi nơi vậy thay !

Ở Tây-sơn họ Sái nói rằng: Xưa trong Truyện chép từ Khổng-an-Quốc, Lưu-Hướng, Ban-cố đều

lấy Hà-đồ là của Phục-Hi, Lạc-thư của vua Võ, Quan-tử-Minh (tự Khai - Lãng học-trò Vương-Thông), Thiệu-khang-Tiết đều lấy số 10 làm Hà-đồ, số 9 làm Lạc-thư, bởi vì Đại-Truyện (Hệ-từ) đã trần-thiết số 55 của Trời Đất.

Hồng-Phạm lại nói rõ rằng : Trời đã ban cho Vua Võ Hồng-Phạm 9 Trù duy ý-kiến Lưu-Mục lấy số 9 làm Hà-đồ, số 10 làm Lạc-thư, đã đành thuyết của Tiên-nho và thuyết cũ không hợp nhau, lại dẫn Đại-Truyện cho Đồ Thư đều là ở đời Phục-Hi cả. Sách Dịch ấy và Đồ Thư đều không có sự nghiệm-xét rõ ràng chỉ cho là đời Phục-Hi kiêm cả Đồ Thư, làm ra phép-tắc các số của Dịch Phạm, thành cùng là biểu lý, như thế có thể ngờ vậy. Kỳ thực thì cái lý của Trời Đất có một mà thôi. Theo thời-gian thì có xưa nay, trước sau không giống nhau mà cái Lý ấy thì hình-dung ra thành cái lý thứ hai. Cho nên Phục-Hi chỉ căn cứ vào Hà-đồ để làm Dịch bất tất cần phải thấy Lạc-thư làm gì để có sự nghịch nhau mà không hợp.

Đại-Võ chỉ căn cứ vào Lạc-thư để làm ra Phạm thì cũng bất tất truy khảo Hà-đồ làm gì cho thêm tối tăm ra, đó là sự dĩ nhiên hay sao ? Thành thử lấy bề ngoài thì cái lý ấy cũng không chở lại cái lý ở trên là cớ ấy vậy.

Tuy nhiên đây cũng không khác ở trên Lã-luật có 5 thanh 12 luật mà số của nó trái nhau. Cứu xét đến cùng cực ở số 60, gọi ngày, lấy 10

can, 12 chi mà số ấy trái nhau, cũng cứu xét đến số 60. Can Chi ở trên đều xuất ra sau khi có Dịch nhưng với âm-dương dịch, sách số, lão thiếu, tự phối-hợp với nhau. Lão-dương 4 lần 9 là 36. Lão-âm 4 lần 6 là 24, Thiếu-âm 4 lần 8 là 32, Thiếu-dương 4 lần 7 là 28 cộng với nhau đều được số 60, hợp hai số lại dịch số 36 đối 24 : (60), 32 đối 28 (60) đều được số 60.

Trong sự học vận-khí cùng tham-bác Thái-Ất
có Năm vận là :

Giáp Kỷ hóa Thổ	Đinh Nhâm hóa Mộc
Ất Canh — Kim	
Bính Tân — Thủy	Mậu Quí — Hỏa,

Sáu khí là :

Tý ngọ là Thiếu-Âm, quân Hỏa (Lửa-vượng)
Dần Thân là Thiếu-dương, tướng Hỏa (Lửa tướng)
Sửu mùi là Thái-âm thấp thổ (đất ướt).
Thìn Tuất là Thái-dương Hàn thủy (nước lạnh)
Tỵ Hợi là Quyết âm (thừa âm) Phong mộc.

Đây là các Ty trên Trời, là chủ khí vậy.

Cùng với sách «Tu - dưỡng» của Ngụy-Bá - Dương đời nhà Hán làm lịch Thái - Ất

có sách Thái-Nhất thống-kỷ tuy không đủ là-Đạo nhưng cũng đều thông bởi cái lý tự-nhiên.

Đại-Truyện gọi là Hà xuất Đồ, Lạc xuất Thư Thánh-nhân làm ra phép-tắc cũng chỉ để mà thuyết ra thôi vì làm Dịch, làm Phạm, bắt đầu đều xuất ở cái ý Trời, như nói các loại Bốc-phệ, Thi Qui, Dịch khởi có phép. của Qui và Bốc ru!

Chu-Tử nói rằng: Ôi! Từ Âu-Dương-Công đã có thuyết lấy Hà-Đồ Lạc-Thư cũng chưa đủ tín, nhưng đến sau cũng không làm khác cái Mệnh của Hệ-từ đều nói thế mà chư Nho đã làm ra Truyện theo số

của hai Đồ ấy. Thuận số nghịch suy, tung-hoành khúc-trực đều có minh pháp mà không được thì bỏ đi. Như Hà-Đồ đối với Dịch là Trời 1 đến Đất 10, Trời Đất hợp mà thành số 55, vì cớ đó mà Dịch tự xuất ra.

Lạc-Thư đối với Hồng-Phạm là từ số 1 đến số 9, hợp mà đủ số 9 Trù, vì cớ đó mà Hồng Phạm tự xuất ra.

Hệ-từ không nói Phục-Hi được Hà-Đồ để làm Dịch, nhưng gọi là ngẩng nhìn cúi xét, gần thì lấy, xa thì cầu; yên trí là ở trong đó không phải chỉ có một việc. Đại để Thánh-nhân chế-tác cái nguyên-tắc, bắt đầu không phải một lần nhưng cái pháp-tượng có qui-mô tất có chỗ mật-thiết như đời Hồng-

Khương 鴻 羌, Trong Trời Đất, cái khí của âm-dương tuy cái gì cũng có Tượng nhưng chưa có Số đến lúc Hà-Đồ xuất số 55, rồi thì chẵn lẻ sinh thành tự nhiên có thể thấy, đó là cái Trí của Thánh-nhân phát ra xâu xa lắm vậy. Tuy Hệ-tử là chỗ luận của «Phục-Hi Bát-Quái phương-vị».



Hình III. Phục-Hi Bát-quái Phương-vị

Thánh-nhân làm ra cái nguyên-tắc của Dịch chỉ là một mà sau được cái Lý đó mà quyết định vậy. Lại rằng: Đồ, Thư sở dĩ làm ra Dịch, Phạm là sự thực, trong sách Xuân-Thu cũng có nói đến.

Thuyết-quái truyện nói rằng: Trời đất định vị, Núi trầm thông khí; Sấm gió tương bạc (sát nhau) Nước Lửa không bắn nhau, tám quẻ lẫn lộn. Đếm Số đã qua là thuận, biết Số sẽ tới là nghịch.

Thiệu-tử nói rằng; Kiền nam, Khôn bắc, Ly đông, Khảm tây, Chấn đông-bắc, Đoài đông-nam Tốn tây-nam, Cấn tây-bắc. Từ Chấn đến Kiền là thuận, từ Tốn đến Khôn là nghịch. (Thuận là đi theo bên trái, đều là quẻ đã sinh, nên gọi là Số đã qua. Nghịch là đi theo bên phải, đều là quẻ chưa Sinh nên gọi là Số sẽ tới).

Phụ lục: Thiệu-tử nói rằng: Kiền Khôn tung (1) mà 6 con hoành (2), là gốc của Dịch vậy.

Lại nói rằng: Kiền Khôn định ngôi trên dưới, Khảm Ly bày ra làm cửa bên trái và phải, chỗ Trời đất đóng mở, mặt Trăng mặt Trời ra vào, xuân hạ thu đông, hối sóc huyền vọng, ngày đêm ngắn giải, đi theo độ số đầy đủ, không gì không ở đó ra vậy.

Họ Hồ nói rằng: Đồ này lấy 4 chính quẻ

(1) Tung là chạy giọc. (2) Hoành chạy ngang. Trung-Hoành là giọc ngang.

(Kiền Khôn Khảm Ly) cư ở bốn phương, lấy hai phản quái (Chấn phản lại là Cấn, Tốn phản lại là Đoài) cư vào bốn khe. Ngôi Trời ở trên (Kiền), Ngôi Đất (Khôn) ở dưới, mặt Trời (Ly) sinh ở Đông Mặt Trăng (Khảm) sinh ở Tây, Núi (Căn) ở Tây-bắc-Trầm (Đoài) ở Đông-nam, Gió (Tổn) khởi ở Tây-nam. Sằm (Chấn) động ở Đông-bắc, tự nhiên Trời-Đất Tạo-hóa lớn lao hợp vậy.

Θ Lời bàn: Long mã phụ-đồ. Từ đông chí tây các nhà Hiền-triết đều lấy con Rồng (long) làm tượng cái gì quí báu và thiêng-liêng, cái tinh-túy linh động của Vũ-Trụ. Ở bên Đông còn lấy con Long-Mã tượng cái tinh-túy của Trời Đất, con «Long Mã» là con Ngựa linh thiêng, hình ngựa lốt Rồng. Ngựa là con vật chở người, chở đồ đi mau lẹ, tượng Thời-gian chạy mau mang theo Sự-Vật.

Nên lấy «Long-Mã» là có ý-nghĩa biểu-chương cái Thời-gian lúc nào cũng luân-chuyển mang theo nó hết cả Sự-Vật một cách thiêng-liêng vô cùng tận.

Lại một thuyết nữa. Hà-Đồ là Đồ-hình ở trên mình con Long-Mã hiện ra ở trên sông Hoàng-Hà có 55 nốt chấm, vua Phục-Hi trông

thấy và do đó lập ra Phục-Hi Bát-Quái hay Tiên-Thiên Bát-Quái.

Lạc Thư: là Thư (sách) thấy trên sông Lạc. Vua Võ thủy Tổ nhà Hạ, hồi đó có Đại-Thủy lụt

cả nước, Vua Võ đi ra chấn nước ở sông Lạc thầy con Rùa linh mang ở trên mai 9 số (cộng là 45 số).

Nhà Hạ từ năm 1989 đến 1559 T.T.L. Vua Võ là cháu 5 đời vua Hoàng-Đế con ông Cổn truyền ngôi được 4 đời

Theo Bắc Sử thì trong đời Vua Nghiêu nước Trung-Hoa bị nạn Thủy-lạo đến 9 năm-Vua Nghiêu sai ông Võ ra đào sông khai ngòi cứu được trăm Họ, sau Vua Nghiêu cảm cái Tài Đức của ông Võ nhường ngôi cho, Vua Võ sáng lập ra nhà Hạ.

Kinh Xuân-Thu của đức Khổng-Phu-tử có đoạn nói rằng:

河以通乾出天

苞落以流坤吐地

符河龍圖發, 落龜書感

河圖有九篇, 落書有六篇。

軒轅之時未有此事。

Dịch Âm.

Hà dĩ thông Kiền xuất Thiên, Bao Lạc dĩ lưu Khôn thổ Địa
Phù Hà Long-Đồ phát, Lạc qui thư cảm

Hà Đồ hữu cửu thiên, Lạc-Thư hữu lục thiên.

Hiên-Viên chi thời mạt hữu thử sự.

Dịch nghĩa :

Nhờ ở Sông Hà thông-hiểu đạo Kiền mà có Trời

Nhờ cỏ Sông Lạc thông-hiểu đạo Khôn mà có Đất.

Long-Đồ phát hiện ở Sông Hà, Lạc-Thư cãm thấy ở Sông Lạc

Hà-Đồ có 9 đoạn, Lạc-Thư có 6 đoạn

Sau thời vua Hiên-Viên (Hoàng-Đế) có ghi chuyện đó.

Khổng-an-Quốc nói rằng : Hà-Đồ là thời họ Phục-Hi làm vua Thiên-hạ, có con Long-Mã hiện ra ở Sông Hà. Ngài bèn bắt trước cái văn của nó để vạch ra 8 quẻ.

Lạc-Thư là khi Vua Võ ngăn được nước lụt có con Thần-Qui đội cầu, trên lưng có số tới 9, vua Võ nhân đó mà xếp thứ tự thành ra 9 (loài) Trù.

Lưu-Hâm nói rằng: Họ Phục-Hi nổi đời làm Vua, theo Đồ ở Sông Hà mà vạch ra nét đó là 8 quẻ. Vua Võ ngăn được nước lụt Trời ban cho Thư

ở Sông Lạc, Vua bèn bắt chước Thư đó xếp thành từng loại. ĐÓ là 9 Trù.

Lưu-Hâm là Tôn-Thất nhà Hán tự là Tử-Tuấn tên là Tú con ông Hướng, cùng cha lãnh Đạo được Bí-Thư. Quan-láng-Tử nói rằng: Nét của Hà-Đồ 7 trước 6 sau, 8 ở bên trái, 9 ở bên phải. Nét của Lạc-Thư: 9 trước, 1 sau, 3 bên trái, 7 ở bên phải, 4 ở bên trái đằng trước, 2 ở bên phải đằng trước, 8 ở bên trái đằng sau, 6 ở bên phải đằng sau.

Thiệu-Ung nói rằng: Tròn là hình sao, số của Lịch-kỷ có lẽ bắt đầu từ đó chăng? Vuông là hình đất, những cách chia Châu, đặt Tỉnh có lẽ theo từ đó chăng?

Bởi vì hình tròn là số của Hà-Đồ, vuông là nét của Lạc-Thư cho nên Vua Hi, Vua Văn nhân đó mà làm ra Kinh Dịch.

Vua Vũ có ông Cơ tức Cơ-tử đã diễn lại chín «Trù» và đem truyền cho Vũ-Vương nhà Châu theo đó mà làm ra thiên Hồng-Phạm.

(Muốn hiểu nghĩa 10 số xin coi chương thứ chín Tiết 1 từ-thượng truyện).

Có người hỏi rằng: Hà-Đồ Lạc-thư phải chăng là một dã thuyết?

Hệ-từ nói rằng: Hà xuất Đồ, Lạc Xuất Thư. Vậy tôi xin khảo xét tường tận căn nguyên Hà-Đồ và Lạc-Thư.

Hà-Đồ: Khi Họ Phục-Hi làm vua Thiên-Hạ có con Long-Mã đội hình vẽ (Đồ) xuất hiện ở sông Hà, bèn bắt chước cái văn của nó để vạch ra 8 quẻ cái văn ấy thì 1, 6 ở dưới, 2, 7, ở trên, 3, 8 ở bên trái, 4-9 ở bên phải, 5-10 ở giữa.

Theo Bắc-Sử (Lịch-sử Trung-Hoa) thì họ Phục-Hi làm vua vào hồi 4449 – 4334 T. T. L. nghĩa là cách đây hơn 6000 năm.

Theo sách Kỳ-Môn Ngũ Tỏng Qui nói rằng: Con Long-Mã cao 8 thước 5 tấc (thước tàu) xương cổ dài, trên cánh bên phải nhúng xuống nước không ướt trên đó Thánh-nhân để Cổ-Đồ xuất hiện ở sông Mạnh-Hà. Sông Mạnh-Hà có tên là Mạnh-Độc tại Giang-Tô thuộc luyện Vũ-Tiến bên Trung-Hoa.

Hà-Đồ là đồ Hình ở trên mình con Long-Mã hiện ra ở trên Sông Hoàng-Hà có 55 lốt chấm Vua Phục-Hi nhân đó mà làm ra 8 quẻ.

Theo Từ-Nguyên nói rằng: Sông Hoàng-Hà là con Sông lớn thứ nhất bên Trung-Hoa, đời xưa chỉ gọi là Hà (sông). Sau người ta thấy cát bồi nhiều, màu vàng cho nên gọi là Hoàng-Hà vậy.

Theo cái lý ở Từ-Nguyên thì Sông-Hà đây là

sông Hoàng-Hà có lẽ đúng hơn. Theo bản-đồ Trung-Quốc thì Sông Hoàng-Hà chảy qua Thiên-Tân và Tế-Nam-Phủ có một ngành chảy qua Bắc-Kinh, cho nên hồi Thái-Cổ dân Trung-Hoa phần nhiều ở về phía Bắc (Lạc-Dương hay Bắc-Kinh bây giờ là Kinh-đô tối cổ của Trung-hoa). Cũng có lẽ vì lý ấy mà Vua Phục-Hi ngự lãm ra chơi Sông-Hà thấy Long-Mã hiện lên, trên lưng mang Cổ-Đồ. Phải

chăng là một sự thật hay là một dã-sử để thêm phần thiêng liêng cho cái Nguyên-lý của Kinh-Dịch ?

Sự hiển hiện của con Long-Mã thì ta không dám chắc là có thật mà ta cũng không có thể nói là không có được là vì ở đời phàm chuyện gì cũng phải có « khói mới có lửa » cho nên phải có thấy mới có thể vẽ ra hình được. Sự biểu-chương con Long-Mã hiện lên trên Sông Hà là một sự thiêng-liêng trong đó ngụ ý về Thần-Linh. Nó là một vật Linh trong Tứ-Linh tức là: Long (Rồng) Ly (Long-Mã) Qui (Rùa) Phượng (chim Phượng) con Long-Mã là con Ngựa hóa Rồng theo hình vẽ của người Tầu là một con vật đầu Rồng, mình Ngựa chân ngựa, mà trên mình có vẩy như vẩy Rồng.

Có nghĩa là con Ngựa đã được cái tinh-túy của Trời luyện ở trong thân nó đến cực điểm mà hóa ra Rồng. Con Rồng là một con vật linh thiêng

thứ nhất trong các giống. Từ Đông đến Tây đều lấy con Rồng làm tượng-trưng cái tinh-túy của Trời Đất theo chú giải kinh Dzyan trong quyển D. S. có nói người ta lấy «Đại-Quang-Minh chỉ Long» ví như là Đại Nhất.

Đời sau người ta lấy con Rắn (một loại với Rồng) làm hình tượng cái Sinh-linh khí của Trời vì «Fohat vừa thổi vừa bò đây và kia» theo hình chữ Chi (之). Nó là Nguyên-động-lực thần-diệu đệ nhất và chỉ riêng trong Triết-lý bí-truyền cái đời Sinh-tồn hòa trong cái thể-chất sơ khai, cái nguyên- thể hợp thành muôn vật và cái Tâm Ý quyết định hình thể.

Như vậy con Long Mã theo Tài Đức của nó mà giải thì nó là con vật nguyên-hình là loài Ngựa. Ngựa là loài chạy nhanh, có tài mang chở, mà Ngựa hóa Rồng, có ý-nghĩa là Ngựa đã đến chỗ cao quí, linh thiêng tột bực. Gồm cả Thể Đức của hai vật như trên đây con Long Mã là con vật rất linh, mang chở những cái thần-bí, tinh-túy của Trời Đất cho cõi Sinh-tồn, tức là cái hình tượng Tài Đức cái Linh-hỏa hay cái Fohat của kinh Dzyan. Fohat theo kinh Dzyan có

tính cách chuyên chở linh thiêng từ cõi này đến cõi khác làm di-dịch cái tinh-túy của cái

Sinh-linh khí cho từng cõi trong Thái-dương-hệ hay trong cả Vũ-trụ. Hóa cho nên Long Mã ở đây cũng như Fohat vận chuyển, mang chở những tinh-anh của các tinh-tú cho muôn loài trên cõi đất. Nhưng ta hãy nói những Hành-tinh trong Thái-dương-hệ mà trái Đất ta ở trong đó. Theo sự ảnh-hưởng của Tinh-tú thì Fohat mang -lại cho ta những ảnh-hưởng của các Hành-tinh như Mộc-tinh, Hỏa-tinh, Kim-tinh, Thủy-tinh v.v... Có lẽ cũng vì cớ ấy mà con Long-mã có những chấm biểu chương 8 quẻ, tức là những nốt ảnh-hưởng của 8 hành-tinh. Nếu sự hiển hiện của con Long-mã là có thật thì nó cũng chỉ là con vật linh thiêng kết hợp bởi 8 cái tinh-túy trong Thái-dương-hệ hiển hiện dưới con mắt của Phục-Hi. Phục-Hi là một đấng Minh-quân đệ nhất, tài cao đức rộng có lẽ có sức Thấu-thi (voyant) coi được các vật trong cõi Vô-hình, thấy rõ vật Linh của Trời Đất mang chở những Tinh-anh của Thái-dương-hệ tức là cái Tiểu Vũ-trụ này để deo dắt ảnh-hưởng cho cõi đất chúng ta ở, nên Phục-Hi thấy hình tượng của Long-mã mà vạch ra 8 quẻ tượng trưng 8 cái Năng-lực mà trái Đất chịu ảnh-hưởng và cả muôn loài muôn vật đều cùng chịu chung một ảnh-hưởng đó.

Trong Hệ-từ nói: Hà xuất Đồ, có bao hàm

cái nghĩa là ở sông Hà có con Long-mã mang hình và hiện ra cho thấy rồi biến đi. Hiện ra và biến đi nếu không phải vật linh thì không thể có những tính-cách ấy được. Vậy có hai quan-điểm sau này có thể tỏ rõ cho ta một nhận-thức có thể nói là sự hiển hiện của con Long-mã có thể có được:

1- Vua Phục-Hi đang ở vào thời tột bậc về Thần linh của kiếp thứ 3 tức là lúc Thần linh đang phát-triển tột cực bên Á-đông.

2- Vua Phục-Hi một Minh-quân trong thời tối cổ có tài cao, đức rộng; tinh-thần minh-mẫn, ung-đúc một Trí-tuệ cao siêu thoát-tục của Thượng-đế ban cho, có lẽ có Huệ-nhãn thông suốt được cõi vô-

hình, thấy rõ được những vô-hình-tuyến của tinh-tú, hành-tinh trong Vũ-trụ ảnh-hưởng đến người và vật trong Thiên-hạ. Những Điển-tuyến thiêng-liêng vô-hình ấy hiển hiện dưới con mắt Phục-Hi bằng con Long-mã phụ-đồ, cảm được cái Linh-thiêng ấy mà không có gì gọi được, để tả ra hay ghi lấy; nên gọi là Long-mã và vạch ra quẻ để tồn tại vậy.

Theo hai lý-thuyết tôi nêu lên trên đây thì sự thấy con Long-mã thực sự, hay lấy tên Long-mã làm tượng một cái Hình không thể tả ra được, không có quan-hệ cho lắm về sự Sáng-lập ra Dịch-

lý mà kinh Dịch tóm thâu hết cái Nguyên-lý của Trời Đất Vũ-trụ. Sự quan-hệ của nó là do ở cái Trí-tuệ thông suốt được Thiên-lý, thấy rõ được những ảnh-hưởng vô-hình và thiêng-liêng của các tinh-tú trong Vũ-trụ. Hóa cho nên trong kinh Dzyan có chỗ nói đến con Linh Hỏa-xà hay là cái Sinh Linh-khí gọi là Fohat vừa thổi vừa bò theo hình chữ Chi mang cái Sinh Linh-khí từ cõi đất này đến các tinh-tú khác hay từ các tinh-tú ở trong Vũ-trụ xuống Trái-đất này.

Theo thuyết đó ngày nay Khoa-học đã lần lần tỏ rõ cho ta hiểu rằng: Trong cõi không-trung vô hình vô ảnh đối với mắt ta, trong đó có bao nhiêu làn Điện-khí vô hình chuyển-vận ở trong, ví-dụ như những làn sóng Hertziennes của vô-tuyến truyền thanh và truyền hình từ vạn lý đến, những ánh tử ngoại tuyến vô-vi v.v... Như vậy ta có thể quyết đoán rằng: Họ Phục-Hi một Minh-quân ngẩng lên thì thấy Thiên-văn, cúi xuống thì thấy Địa-lý, Trời Đất đã rõ ràng thì thấy sự ảnh-hưởng của cái Linh Điện-khí của Fohat, thấy những Linh thể vô hình như Long-mã phụ Đồ mà đặt ra 8 quẻ mà làm Đạo Dịch. Nếu nói rõ được ảnh-hưởng của cái Linh-khí của Fohat như vậy tức là thấu-triệt được cái Thiên-lý và thấy rõ ràng cái ảnh-hưởng vô hình

của Tạo-hóa mà Phục-Hi lấy Đồ vẽ ở trên Long-mã để làm tượng cho những sức vô hình.

Hóa cho nên Long-mã có hay không, không thể làm biến tượng được cái Sáng-tạo ra Đạo Dịch. Có sự hiển hiện hay không của con Long-

mã cũng không thể làm giảm cái giá-trị của sự sáng-tạo của Phục-Hi.

Hậu-thế chỉ nên hiểu là Họ Phục-Hi đã có một Trí-tuệ Quang-minh cách đây 6.000 năm đã khai tạo ra một Đạo-học huyền-bí mà những sự ảo-diệu của Tạo-hóa đã hình tượng bằng những chấm và vạch vậy.

Bây giờ ta nên lấy Hà-Đồ mà xét cái nguyên-nhân và nguyện-lý của nó theo ngôi thứ và các vạch của nó.

Hà-Đồ là cái hình vẽ của Phục-Hi đã tạo ra để tượng hình Thiên-đạo theo thể vô hình, tức là nói về Tiên-Thiên hay là cái Thiên-lý trước khi sáng-tạo ra Trời Đất.

Xin các Bạn xem những thuyết-lý về Vũ-trụ khởi thủy mà tôi sẽ giải ở dưới đây, theo kinh Dzyan thì các bạn sẽ thấy rõ ràng những tượng hình của Hà-Đồ.

Theo hình vẽ của Hà-Đồ thì sự tượng-trưng

của nó chỉ có ở giữa và 4 bên.

Phàm lấy sự đời ra làm têu-chuẩn, lấy sự nghiên-cứu ra để đặt những Định-lý cần thiết của Tạo-hóa thì theo những thuyết về Triết-học xâu xa của Á-đông tức là: Thiên Địa vạn vật nhất thể mà chính nhà Bác-học Leibnitz đã giải thích và công-nhận thế và đã làm rung động cả một Trời Tây. Theo Á-đông ta cái thuyết Đại Thiên-địa và Tiểu Thiên-địa là một thuyết cổ xưa, cũ rích ở trong ngăn kéo Triết-học. Như vậy thì bắt đầu từ lúc khởi thủy có cái Đại-nhất, Đại-nhất vô cùng tận phân ra những thể giống như nó để đi tạo thành muôn loài. Rồi sau muôn loài lại trở về với cái Đại-nhất ấy.

Vậy theo hai cái Nguyên-lý ấy thì ta có thể đặt ra những Định-lý sơ đầu như sau này để làm tiêu-chuẩn mà thuyết-minh một cách chắc chắn:

1- Còn trong cõi Vô-hình : Từ trong phát-triển ra ngoài.

2- Còn trong cõi Hữu hình : Từ ngoài chở lại vào trong.

Theo hai Định-luật ấy mà đi thì theo Hà-Đồ ở giữa là bên trong là

chỗ phát huy năng-lực của cõi vô-hình.

Coi Thi-vân 1 - Thỉ tiết 1 kinh Dzyan thì «cái Âm Dương vô cùng tận bị bao trùm trong cái áo Phủ của nó, không bao giờ thấy được, lại đã ngủ trong 7 kiếp».

Theo Hà-Đồ thì ta thấy ở giữa làm trung tâm điểm phát-huy ra ngoài ta thấy có 5 nét trắng (dương) và trên dưới 10 chấm đen (âm). Những số lẻ là Dương-số và số chẵn là Âm-số. Ta có thể viết là :

Dương-số : $1 - 3 - 5 - 7 - 9$.

Âm - số : $2 - 4 - 6 - 8 - 10$.

Và nếu ta lấy hợp thì ta phải lấy cái lý của 10 Thiên-Can mà giải và sắp theo thứ tự 10 Can theo 10 số đầu ta có là :

Giáp : 1 — Kỷ : 6

Ất : 2 — Canh : 7

Bính : 3 — Tân : 8

Đinh : 4 — Nhâm : 9

Mậu : 5 — Quí : 10.

Theo Lịch Pháp Trung-hoa và Phương-hướng của Thiên-Can thì sự họp Can theo dưới đây :

Giáp và Kỷ họp hay số 1 và 6 hợp gọi là Tông-chỉ (cùng một Tông).

Ất và Canh hợp nhau hay số 2 và 7 hợp gọi là Đồng-đạo (cùng Đạo).

Bính và Tân hợp hay số 3 và 8 hợp gọi là Bằng (bạn).

Đinh và Nhâm hợp hay số 4 và 9 hợp gọi là Hợp.

Mậu và Quí hợp hay số 5 và 10 hợp là Đồng-đồ (cùng đường).

Nếu ta viết theo Toán-học thì thấy rõ:

$1 = (6 - 5) = 1 \quad 3 = (8 - 5) = 3 \quad 5 = (10 - 5) = 5.$
$2 = (7 - 5) = 2 \quad 4 = (9 - 5) = 4.$

Cho nên 5 và 10 tức là một số Dương và một số Âm cùng cực tuyệt-

đối và là Đồng-đồ nghĩa là cùng đi với nhau có sự hợp nhau, vì vậy ở giữa Hà-đồ có số 5 Dương và bao quanh có số 10 Âm, tức là cái Âm-U nguyên-thủy.

Trong Tiết 5, Thi-vân 1 (D.S.) nói rằng: «Chỉ những Âm-u làm đầy lấp cái toàn-thể vô tận vì Cha Mẹ và Con là Một và Con chưa thức tỉnh để đi Chu-du trên cái Chu-hành mới».

Thì cũng như trong Hà-đồ cái Âm-U tức là tượng-trưng của số 10 âm nghĩa là cái Âm-U

nguyên-thủy và cùng tột làm đầy lắp tất cả bao trùm cái thể của số 5 dương ở trong như vậy tức là cái hình ở giữa Hà-đồ tượng là lúc đó cái Âm Dương còn đang yên nghỉ trong 7 kiếp của nó chưa có sự huy-động ra ngoài. Đố<!– TODO: Check chữ mờ –> cái nghĩa hình giữa Hà- đồ theo thuyết Vũ-trụ khởi thủy trong kinh Dzyan có sự tượng hình thích hợp vậy,

Và cái Âm bao cái Dương ở giữa chưa huy động còn đang trong giấc Điệp thì: «Cái Rung- động của kiếp thứ 7 rung chuyển qua cõi Vô-vi. Cái Âm tự nở ra, nó mọc từ trong ra ngoài như cái hột sen vậy» (Thì tiết 3 - Tiết 1 D.S.).

Xem như thế thì ở trong cõi Âm-u tuyệt-đối đó tức là Bà Mẹ của Ánh-sáng, khi rung-động trong cõi Âm-u nảy ra một «Ánh-sáng», cái Ánh- sáng bật ra một tia Sáng trong cõi Nước (Hỗn-độn) trong nơi u trầm của người Mẹ (Tiết 3) thì quả như theo Hà-đồ bắt đầu nảy ra số 1 tức là số vi dương nhỏ mới nảy ra ở phương Bắc, cũng vì lẽ ấy mà sau này Văn-Vương lấy sự huy-động ở hướng Bắc mà tượng là quẻ Khảm. «Cái tia sáng qua thật mau cái «Trứng Trinh-khiết nó làm rung- động cái «chứng Bất-diệt» nó làm bật ra một Bào- thai hữu hạn đông đặc lại thành cái trứng của cõi Đời».

Như vậy theo Hà-Đồ thì số 1 là Dương mới sinh ra ắt có sự Động. Số 1 là số Dương đầu tiên tượng Thái-Dương, dương đến cùng-cực thì Âm sinh cho nên thành số 2 tức là số của Thiếu-Âm, số 2 là số chẵn là Âm-Số nhỏ nhất. Số 1 sinh ra ở hướng Bắc mà Số 2 là số

đối nó tức là ở hướng Nam.

Có người hỏi tại sao số 1 lại sinh ở hướng Bắc? Hướng Bắc theo người Trung-Hoa trên Đồ-bản là ở dưới và trên đối chiều là hướng Nam. Đây là muốn lấy cái lý vi dương phát sinh mà cái Âm khí ôm bọc lấy, nó dần dần bốc lên trên mà thành hình người hay vật theo vị-trí bào thai trong bụng mẹ khi xuất thể thì đầu ở dưới, như vậy mới là thuận nên cái lý vi-dương tượng số 1 ở hướng Bắc mà lại ở dưới nghịch hẳn với những nguyên-tắc của Tây-phương lấy hướng Bắc ở trên.

Khi mà Một huy-động đến cùng-cực thì cái 2 (hai) sinh ra mà số 2 là đối với số 1 cho nên trong Hà-Đồ có số 2 ở trên gọi là hướng Nam. Theo Bào-thai tượng là chỗ xương sẻ hai thành hai chân vậy. Số 2 là tượng Thiếu-Âm tức là khí-âm còn non ở đó. Khi đến cùng thì 2 là 3 và theo nghịch lại về tay trái tức là phía lưng bào thai tượng cái xương sống thành 1 đường thẳng mà

số 3 tượng là Thiểu-dương. Theo khoa-học huyền-bí thì cái xương sống là con đường của con Hoả-Xà trong người. Trong Xương Sống có 3 cái lổ để Sinh-hoả khí lưu-chuyển. Từ số 3 đến số 4 vẫn theo một chiều thì số 4 ở về bên tay phải tượng Thái-Âm xem trong bào thai tức là 2 chân và 2 tay thu vào với nhau thành 4 điểm.

Đó là ta lấy cơ-thể của người mà xet lúc còn là bào thai trong bụng mẹ chưa thành ra ở cỏi hữu-hình. Người ta tức là một Tiểu-Thiên-địa, tôi đã giãi rõ theo các tài-liệu Khoa-Học giãi phẫu các cơ-thể đối chiếu với Tiên-Hậu Thiên Bát-quái và theo các Quang-Khiếu mà các nhà Đạo-đức có Huệ-nhãn thấy và tả trong quyển Đại-Đồng (1) thuyết của tôi. Như vậy từ lúc mới là một vi-dương nhỏ rồi thành hình dần dần đều theo Định-luật của Thiên-lý, sự huy-động giống với những thể ở trong Đại Thiên-Địa vậy. Hóa cho nên lấy cái lý ấy mà so sánh cho rộng thì Trương-Hoành-Cừ cho Thái-Hư là rất Linh-diệu, song Thái-Hư chỉ là một mà thôi. Cái Một không thể sinh-hóa được tất phải có cái Hai, ông nói rằng; Cái Hai không thành lập thì cái Một không thấy, cái Một không thấy thì cái dụng của cái Hai

(1) Đã xuất-bản uăm 1952.

cũng nghỉ. Hai thể là hư thực, động tĩnh, tụ tán trong đục, đến cùng cực thì chỉ là một mà thôi.

兩不立則一不見，一不見則兩之用息。兩體者虛實也動靜也聚散也清濁也，其究一而已

(Lưỡng bất lập, tắc nhất bất hiện, nhất bất hiện tắc lưỡng chi dụng tức-lưỡng thể giả, hư thực dã, động tĩnh dã, tụ tán dã, thanh trọc dã, kỳ cứu nhất nhi dĩ).

Cái Hai trên đây tức là cái Lưỡng-Nghi của Thái-Cực trong Kinh Dịch vậy, cái Âm-Dương phân tách ở cái Một mà họ Trương gọi là Thái-Hư. Hoá cho nên Phục-Hi thấy rõ như vậy mà phân theo Hà-Đồ « Một » ở hướng Bắc « Hai » ở hướng Nam. Cái gì cũng vậy có cảm trước rồi mới thấy sau, không có cái Một thì làm sao có cái Hai được, nên đức Phục-Hi cảm thấy Âm-Dương trong cõi vô-hình mà kết hợp thành Trời nên có văn vẻ của Trời, cảm thấy cứng mềm làm nguyên-gốc sự vật ở trên cõi hữu-hình nên rõ cái Lý của Đất. Và nếu không có sự giao-hợp, di-dịch, tương-đối, tương điều-hoà của Âm-Dương nhu cương thì chắc không có Long-Mã hiện trên Sông Hà và cũng không thể có Đạo Dịch vậy.

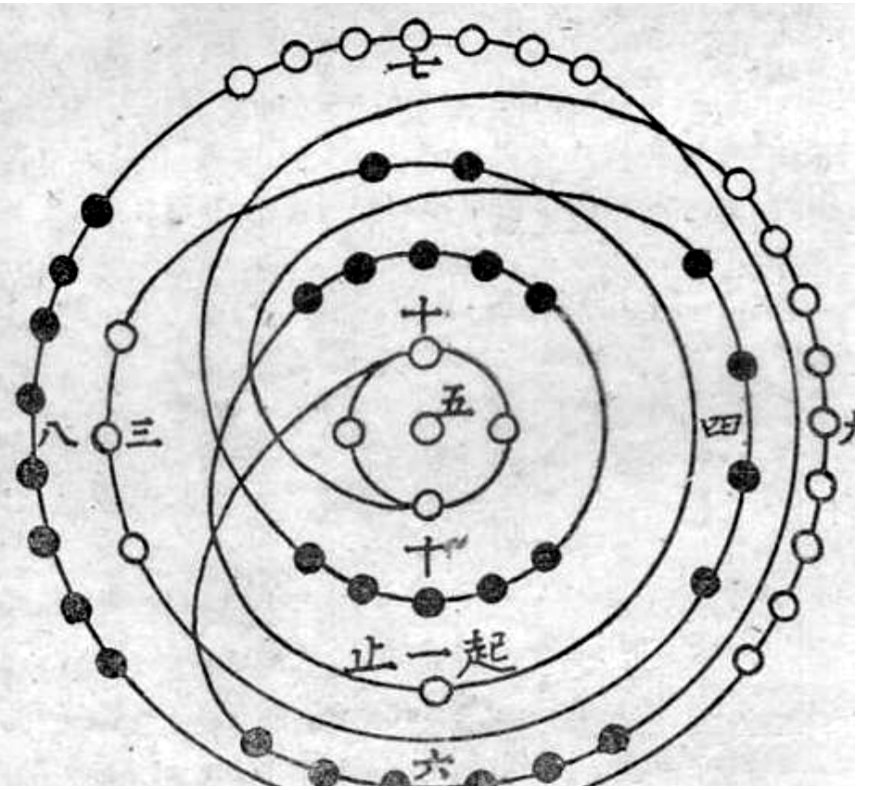
Đạo Dịch có thể thành được là nhờ cái lẽ du khí của Âm-Dương lẫn lộn rồi kết-hợp lại ở cõi trên để thành hình, có sự giao-hợp của sự cứng mềm để thành chất sinh ra người và vật muôn nghìn loại giống khác nhau.. Âm Dương cứng mềm hai mỗi tuần-hoàn không thôi lập ra cái Đại Nghĩa của Trời Đất. Theo Trương-Hoành-Cứ thì ở Đất sở dĩ gọi là Hai là vì phân ra cương nhu, nam nữ mà làm chủng hiệu. Trời sở dĩ gọi là Ba là lấy Một Thái-Cực và Hai Nghi mà làm Tượng. Một vật mà hai thể là khí vậy. Cho nên gọi Một là Thần, Hai là Hóa. Ấy sở dĩ gọi Trời là Ba là lẽ ấy vậy.

Theo Hà-Đồ đã được số Hai thì số Ba tượng là Trời mà ta thấy, sự vận-chuyển của nó là từ Nam sang Đông nghĩa là đi về bên tả: Nếu ta mới nhìn mà không xét thì thấy sự vận-chuyển ấy ngược với những

Thiên-thể mà thấy như mặt Trời chạy từ Đông qua Tây tức là từ tả sang hữu vậy. Chỗ này Trương-Hoành-Cứ có giải như sau này: Đất là thuần Âm ngưng tụ ở giữa, Trời là phù dương quay quanh ở ngoài. Mặt Trời mặt Trăng và Tinh-tú tuy thuận theo Trời đi về bên tả nhưng vì ở vòng trong thì đi chậm hơn, cho nên mới trông ra đi về bên hữu.

Xem như vậy thì cái đường vận-chuyển theo Hà-Đồ đi từ Nam sang Đông, từ Đông qua Bắc, từ Bắc sang Tây trên đây là để giải thích phần giữa và 4 số của Hà-Đồ.

數之止起圖河



Hình VI. Hà-Đồ khởi chỉ chi số

Thi-Tiết 2 — Tiết 4 trong kinh Dzyan nói rằng: « Trái tim nó chưa nở ra để cái tia sáng độc nhất sói vào làm nó dơi xuống như Ba xuống Bốn trong lòng của sự Ảo-Tưởng. »

Và trong Thi-Tiết 3 Tiết 4 kinh Dzyan lại nói rằng : « Thể rồi Ba « hình tam giác » thành Bốn (thể tư), cái nguyên-chất rạng-rỡ thành Bảy ở trong và Bảy ở ngoài ».

« Cái Trứng Sáng tự nó cũng là Ba (ba cái thực-thể) nguyên-chất của cái ý-trí của Tạo-Hoá nó đông lại và chàn lan thành váng trắng nhrr sửa trong cái ảo-diệu của bà Mẹ, cái dề mọc từ những chỗ thâm xâu của Bể Khô ».

Xét như trên đã giãi thì ngôi thứ của các Số 1-2-3-4-5 và 10 trocg Hà-Đồ rất đúng với Thiên-lý mà đến như Kinh Dzyan cũng có cái ý nghĩa tương-tự vậy.

— Thành 7 ở trong và 7 ở ngoài, đây tức là nói đến số lên một bậc 5 một. Số 5 đã giãi ở trên Hệ-từ là số Trung chính ở giữa, là số có số 2 và 3 hợp lại với nhau tức là Trời-Đất hoà hợp với nhau hay là cái Đạo Thái-Hoà và số 6 là một lần âm dương đã hoà ở trong và thêm số 1 $(6 = 5 + 1)$

hay là $1 = (6 - 5) = 1$ và nếu ta không kể đến số 5 là sự Thái-hoà âm-dương nữa thì số 1 và 6 như nhau nhưng chỉ khác là âm dương đã hoà nhau một lần rồi hay tức là số đã thành sau một vòng chuyển-vận. Ví dụ như Linh-hồn một người đã qua một kiếp và đã sống ở kiếp khác thì người đó vẫn là Một hồn mà khác thể cho nên trên đã nói số 1 và 6 là Tông-Chỉ (là cùng giống với nhau). Hoá cho nên một khi đã đến số 4 thì đến số 5, tức là từ số 3 tượng là Thiếu-Dương qua đến số 4 là Thái-Âm đến khi cùng tột lại chở vào chỗ giữa với khí Thái-hoà của số 5, và một khi đã an hưởng cuộc Thái-hoà ở trong vòng đầu ắt có sự vi động mà thành số 6 tức lại là số 1 đã qua một vòng (một kiếp). Vì lẽ ấy trong Hà-Đồ dưới số 1 có số 6. Số 1 với số 6 thành số 7 ở trong và theo chú giải ở trên thì số 2 của vòng sau tức là $2 + 5$ là số 7, đây là số 7 thành ở ngoài vậy; đến số 3 số 4 số 5 ở

vòng sau của sự đã thành tức là số $8 = 5 + 3$, $9 = 5 + 4$, $10 = 5 + 5$. Theo Hà-Đồ ta thấy số 10 lại chở vào giữa với số 5 để tả cái Đạo Thái-Hoà đến cực điểm duy-trì bởi cái Dương tượng là số 1 và cái Âm tượng là Số 0 (số không).

Cho nên theo Hà-Đồ người ta có thể nhận xét được hai vòng vận-chuyển. Vòng đầu thuộc

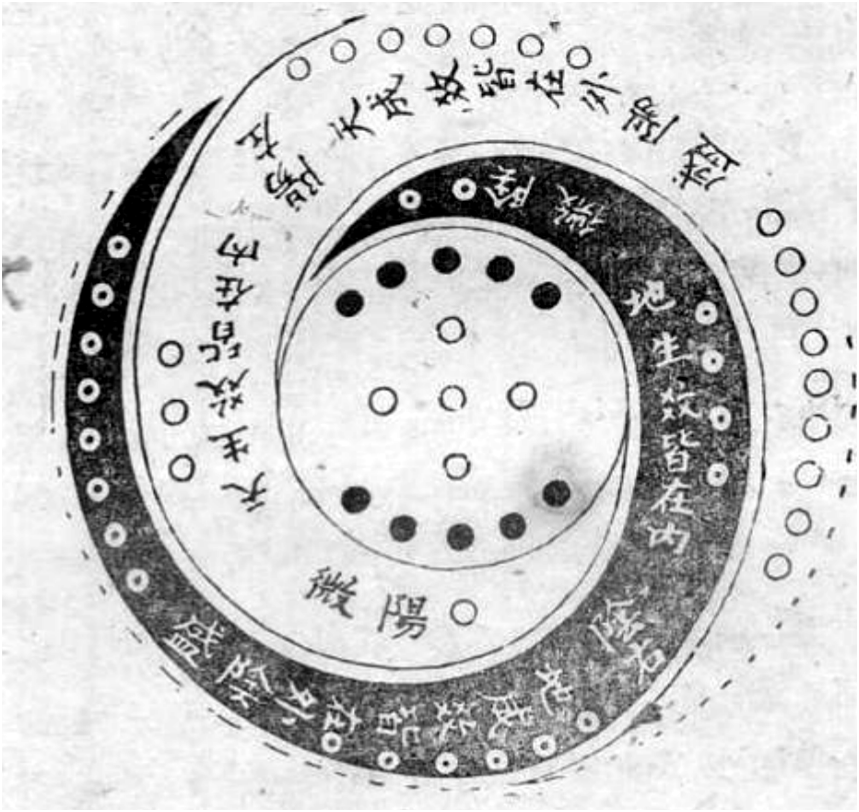
về cảnh thượng-giới vô-hình tuyệt-đối và vòng sau tức là vòng mà sự vật đã thành ở trong cỏi vô-hình đối với cõi hữu-hình của ta vậy. Nên Hà-Đồ tượng của Tiên-Thiên cõi vô-hình tuyệt-đối mà trong đó cho ta biết rõ là:

1 — Thái-Cực tức là cái Một tuyệt-đối mà trong đó bao hàm cả cái Dương trong cõi Âm-u. Đó là con số 5 trong con số 10 ở giữa Hà-Đồ. Thái-Cực sinh ra Lưỡng Nghi tức là Âm-Dương. Theo hình-đồ dưới đây thì chúng ta sẽ thấy rõ Thái-Cực phân hai Nghi và theo Số-lực thì âm số và dương số đều nhau tức là quân-bình vậy.

2 — Dương-Nghi: ta thấy cái vi dương là số 1 bắt đầu huy-động mà thành số 1 và 3 là hai số dương, là Sinh-số trong và phát-triển lên từ trái sang phải mà được 2 Dương thành số 7 và 9. Nếu ta lấy 4 số ấy cộng lại thì ta thấy Dương Nghi có một năng-lực biểu-chương bằng số $20 = 1 + 3 + 7 + 9$.

太極河圖

陰陽上下注釋內外左右微虛之圖



Hình VII. Thái-cực Hà-Đồ

Âm-Dương trên dưới chú thích trong ngoài
tả hữu từ cái vi hư.

3 — Âm-Nghi:

ta thấy cái Vi âm là số 2 bắt đầu sinh ra, cho nên ta có hai số 2 và 4 là Sinh số âm ở trong và ra ngoài được hai Âm số 6 và 8 là Thành-số ở Nếu ta lấy 4 âm số ấy mà cộng lại thì ta thấy cái Âm Nghi có một

năng-lực biểu-chương bằng số $20 = 2+4+6+8$. Xem như vậy thì hai Nghi đã thành: Âm và Dương nghi phân chia một cách rõ ràng và cân-đối nhau vậy.

Nên ta lấy 5 Sinh số từ số 1, 2, 3, 4, 5 làm căn bản của số mà đi thì ta thấy từ số 1 đến số 9 là từ Bắc sang Tây và lấy số 4 đến số 6 là từ Tây qua Bắc ta có hai đường nghịch nhau của âm số và Dương số gặp nhau hay là ta có thể lấy Số-Học (Algèbre) mà viết rằng.

Dương số —> $+10$.

Âm số <— -10.

Hai số gặp nhau là : 0 và xét ở giữa Hà-Đồ thì số 5 dương là $+5$ và số 5 âm là -5.

Hai số gặp nhau là $+5-5=0$.

Về phía Đông và Nam cũng vậy tức là Dương số 3 từ Đông đến Nam gặp dương số 7 và âm số 2 từ Nam qua Đông gặp Âm số 8 ta cũng thấy hai đường nghịch nhau cho nên gặp nhau :

Vậy ta có: Dương số: $+3+7=+10$

Âm số: $-(2+8)=-10$

gặp nhau là: 0

Xét như trên thì từ trong ra ngoài và từ ngoài vào trong chỗ nào cũng có sự dung-hòa của Âm Dương. Phàm có sự dung-hòa nhau mới có Đạo Thái-hòa, để có thể duy-trì muôn loài được, hóa-cho nên Hà-đồ tức là một hình Đồ tượng trưng cõi Tiên-thiên hay là lúc chưa khai Thiên lập Địa, để tả rõ sự giao-dịch của Âm-Dương tán tụ. Như Thái-cực trong Hà-đồ tức là cái Một trong đó có cả Âm và Dương. Rồi một khi có sự biến-dịch huy-động thì thành Lưỡng Nghi và hai Nghi sinh ra Tứ-tượng, sau Tứ-tượng sinh ra 8 quẻ.

Hai Nghi là :

Âm Nghi có những số 2 và 4.

Dương Nghi có những số 1 và 3.

Tứ-tượng là: số 1 là Thái-dương.

2 là Thiểu-âm.

3 là Thiếu-dương.

4 là Thái-âm.

Hà-đồ là một bản-đồ mà Thánh-nhân đã vạch ra để tóm gồm cả cái Vũ-trụ vô hình từ lúc chưa khai Thiên lập Địa. Đó là một Bản-đồ linh thiêng

biểu-chương cả từ cái gốc của cái Vũ-trụ vô-hình cho đến lúc đã thành cõi có hình có tượng ở trong cõi vô-hình tuyệt-đối vậy. Đó là cái bản-nghĩa của Hà-đồ mà Phục-Hi đã cảm thấy sự vận-chuyển thiêng liêng và cái ảnh-hưởng của cái Tinh-anh linh-diệu, cái Linh-khí-thần của các cõi đối với muôn vật mà vẽ ra để ghi chép sự huyền-bí ảo-diệu của Hóa-công và vạch rõ cho ta thấy cái Đạo-lý uyên-thâm vô-hình mà lại là hữu-hình trong cõi vô-vi tuyệt-đối. Cũng vì lẽ nhờ có Hà-đồ mà lập ra Đồ Tiên-thiên Bát-quái vậy.



Hình VIII. Phục-Hi bát quái thứ tự (Hoành-Đồ)

Tiết 2. Chữ Hán: 繫辭傳曰：易有太極，是生兩儀，兩儀生四象，四象生八卦。邵子曰，一分為二，二分為四，四

分為八也。說卦傳曰：易逆數也。邵子曰：乾一，兌二離三，震四，巽五，坎六，艮七，坤八。自乾至坤皆得未生之卦，若逆推四時之比也。後六十四卦次序倣此。

Dịch-Âm.— Hệ-từ truyện viết: Dịch hữu Thái-cực thị sinh Lưỡng-Nghi, Lưỡng-nghi sinh Tứ-tượng, Tứ-tượng sinh Bát-quái.

Thiệu-tử viết: Nhất phân vi nhị, nhị phân vi tứ, tứ phân vi bát đã.

Thuyết-Quái Truyện viết: Dịch nghịch số dã.

Thiệu-tử viết: Kiền nhất, Đoài nhị, Ly tam, Chấn tứ, Tốn ngũ, Khảm lục, Cấn thất, Khôn bát. Tự Kiền chí Khôn giai đắc vị sinh chi quái, nhược nghịch suy tứ thời chỉ tỷ dã. Hậu lục thập tứ quái thứ tự tổ thử.

Dịch nghĩa : Hệ-từ truyện nói rằng: Dịch có Thái-cực, sinh ra 2 Nghi, 2 Nghi sinh ra 4 tượng, 4 tượng sinh ra 8 quẻ.

Thiệu-tử nói rằng: Một chia làm hai, hai chia làm bốn, bốn chia làm tám.

Thuyết-quái truyện nói rằng: Dịch là tính nghịch lại.

Thiệu-tử nói rằng: Kiền số 1, Đoài 2, Ly 3, Chấn 4, Tốn 5, Khảm 6, Cấn 7, Khôn 8. Từ quẻ Kiền đến quẻ Khôn đều là những quẻ chưa sinh, bằng như kể ngược thứ-tự của bốn mùa, về sau theo thứ tự lập ra 64 quẻ theo như trên (coi hình vẽ).

Phụ-lục: Chu-tử nói rằng: Dịch có Thái-cực, rồi sinh Lưỡng-nghi (âm dương) Lưỡng-nghi sinh Tứ-tượng (lão-dương, lão-âm, thiếu-dương thiếu-âm). Tứ-tượng sinh Bát-quái (Thượng-hệ). Đó là sự phát-minh lời Từ của Khổng-tử theo cái hình thể thứ-tự, tự-nhiên của vạch quẻ Phục-Hi.

Xưa nay thường giải thuyết và hiểu như thế, thì chỉ có hai Tiên-sinh Khang-Tiết và Minh-Đạo, nên Khang-Tiết nói rằng: một phân làm hai, 2 phân làm 4, 4 phân làm 8, 8 phân làm 16, 16 phân làm 32, 32 phân làm 64, mà Minh-Đạo Tiên-sinh lấy làm phép: «Gia nhất bồi» (thêm 1 lần). Sự phát-minh lời Từ của Khổng-tử có thể gọi là

tối cần yếu vậy. Trong Trời Đất có sự huyền-diệu của Thái-cực, Âm Dương. Thánh-nhân ngẩng nhìn, cứu xét, gần lấy xa cầu nên có sự siêu nhiên mà điểm hợp trong tâm vậy, cho nên từ hai Nghi chưa phân, hồn-nhiên là Thái-cực, mà cái lý Lưỡng-nghi, Tứ-tượng 64 quẻ đã rực-rỡ đẹp-đẽ ở trong ấy. Cực phân làm hai, phân chia đun đẩy mà thành 64. Có thể đến trăm ngàn vạn ức vô cùng tận. Tuy thấy những vạch, nét làm qui-mô, trước sau cái hình đã định làm, xuất ở

người ra đã thành cái thể đầy đủ ở trong sự hồn-nhiên trong khoảnh-khắc ấy thì đến cái tơ cái tóc cũng không hình dung sai.

Ngôi của Hoành Đồ (vẽ ngang dài) phân-minh có 64 quẻ toàn là Thiên-lý tự-nhiên trần-bầy xuất ra. Thánh-nhân chỉ nhìn ngắm cho phân minh tiện thì chỉ y theo bản đã vẽ ra, nguyên-vẹn không cần tăng thêm cho mất thêm trí-lực.

Cái gốc Trời Đất huyền-diệu nguyên-vẹn như thể, Thánh-nhân chỉ lược qua lấy nét vạch mà làm cho rõ cái nghĩa vậy.

Lại có thơ rằng :

Chư Nho đàm Dịch nạn phân phân.

Chỉ kiến phồn chi bất kiến căn.

Quan Tượng đồ lao suy Hộ Thể.

Ngoạn Từ diệc thị sính không ngôn.

Tu tri nhất bản năng song cấn.

Thủy tín Thiên Nhi dữ vạn tôn.

Khiết khẩn Bao Hi vi nhân ý.

Du du Thiên-cổ hướng thùy Luận.

Tạm dịch :

Chư Nho bàn Dịch rối bòng bong,

Chỉ thấy cành nhiều chẳng thấy căn.

Xem Tượng trí suông cầu Hộ Thể,

Ngắm Từ cũng thể thích lời không.

Biết rằng một gốc phân hai nhánh,

Mới thấy Thiên nhi với vạn tôn..

Lấy buộc Bao Hi làm nhân ý,

Ràng ràng Thiên-cổ hướng ai thông ?

Chu-tử nói rằng: Cái nghĩa Thái-cực chính là sự đến chỗ cùng-cực của cái Lý, có Lý ấy tức có vật ấy (Thái-cực sinh 2 Nghi) cái thứ-tự của Tiên Hậu, không thể ở ngoài âm dương mà ra. Như Lão-tử nói là Đạo sinh Một, mà sau bỗng sinh Hai, xét lý ra cũng chưa được tinh vi vậy.

Họ Chân nói rằng: Chu-tử nói như thể có thể gọi là có công với Học-giả, đại-để từ trước Châu-tử phàm luận Thái-cực đều lấy khí mà nói. Trang-tử cho Đạo là có trước Thái-cực và nói rằng: Đạo có trước Thái-cực mà không làm cao cái nghĩa của Thái-cực chỉ làm Trời Đất Người, Ba thứ hình đã đủ mà lẫn lộn, hỗn độn chưa có tên gọi, mà Đạo lại phân-biệt cái Một gồm cả đến tận cùng các vật. Trước Thái-cực thì Đạo với Thái-cực là 2, không biết Đạo tức Thái-cực, Thái-cực tức Đạo, lấy sự thông-hành ấy mà nói thì gọi là Đạo. Đến chỗ cùng-cực ấy mà nói thì gọi là Cực.

Lại hỏi: Sao lại thường có Hai vậy? Các Liệt-tử làm lẫn làm hỗn-độn cái ý nghĩa của Dịch. (Liệt-

tử lấy Thái-tổ, Thái-sơ, Thái-thủy, hình khí chất hỗn hợp gọi là hỗn-độn).

Hán-Chí làm tối tăm cái thuyết Ba là Một. (Ban-Cổ, Hán-Chí đã làm tối tăm cái Tam tài: Thiên, Địa, Nhân làm một: Thái-cực). Chỗ dẫn-giải giống nhau; nếu không có Chu-tử vén mở sự bí-mật (làm ra Thái-cực Đồ, làm rõ cái căn-nguyên của Thiên-lý) để làm rõ cái Lý chứ không phải Khí Vận thay!

Họ Lưu nói rằng: Nét Dịch sinh ở Thái-cực nên cái Lý của nó làm cho Thiên-hạ thật tinh vi. Nét Dịch nguyên ở Đồ Thư nên số của nó làm cho Thiên-hạ thật biến-hóa.

Thái-cực là Lý hình ở trên mà không tạp lạng ru! Số của Đồ Thư mà cũng không bỏ ru! Thái-cực là cái nguyên-lý của số ở Đồ Thư, Đồ Thư là thủy-tổ của các số, Lý và Số, xét đến cái gốc thiết-yếu của hai thứ cũng chỉ là Một.

O Lời bàn: Thiệu-tử là Thiệu-Ung tự là Nghiêu-Phu thụy là Khang-Tiết (1011-1077) đời Tống (Trung-Hoa) người Phủ Vệ-Huy tỉnh Hà-Nam thụ nghiệp ông Lý-chi-Tai thuộc về học-phái của Trần-Đoàn tự Hi-Di Tiên-sinh.

Theo như trên đã giải về nghĩa của Hà-đồ thì tôi nhận thấy rằng: Hà-đồ chỉ là cái ý-tưởng sơ

khai hình tượng Thái-cực, Thái-cực tức là cái Một trong có cả Âm và Dương và Thái-cực một khi động sinh ra Lưỡng-Nghi, Lưỡng-Nghi sinh ra Tứ-tượng tức là số 1-2-3-4 đã nói ở trên và trong Tiết này lại nói Tứ-tượng sinh ra 8 quẻ. Tôi nghiệm thấy sự phân chia theo thể Hai một. Một thể nguyên chia làm 2, 2 phân làm 4, 4 phân làm 8, tức là tượng trưng sự phân chia để tạo thành 8 quẻ. Có người hỏi: Cớ sao lại có sự phân chia hai Một?

— Tôi đã giải ở trên Luật của Tạo-hóa có thể duy-trì được cả cái Vũ-trụ này là cái luật Âm-Dương giao-hợp nhau để thành tượng, và cái cứng mềm trà sát nhau đun đẩy nhau để thành hình, như vậy trên cõi đời mới sinh ra thiên-hình vạn-trạng. Vậy ta có thể nói là cái Luật-định sơ khai của Dịch-lý Âm Dương tức là 2 thể chất tương-đối nhau. Cũng vì lẽ ấy mới có thể thành hình, thành vật được. Như ta lấy Điện-khí thường dùng mà nghiệm xét thì thấy âm và dương-điện giao-hòa nhau mới có sự ích-dụng mới thành hình-trạng như đèn sáng, quạt chạy vân vân và nếu ta đi sâu vào Nhân-điện học thì ta lại càng thấy rõ ở trong con người bất cứ nam hay nữ đều có hai luồng điện-khí khác nhau: âm và dương, duy chỉ có sự vận-hành ngược nhau theo trai hay gái. Xem như vật thì bất cứ giống cái hay đực và theo Hà-đồ thì bất cứ là ở trong hay ngoài đều có sự giao-hợp của 2 thể âm và dương mới thành

hình muôn vật. Hóa cho nên Thánh-nhân vịn vào đó mà lập ra cái thuyết Song-tiến số (gấp 2 một) để tượng-hình theo Thiên-lý và phân chia theo lối Song-tiến số để duy-trì cái Luật-định của Thiên-lý ở trong Thể Vật vậy.

Theo Hình Phục-Hi Bát-Quái thứ-tự trên đây thì hàng đầu là chỗ trong trắng không có sự phân chia, là cái Nguyên Nhất chưa phát huy ra, tức là Thái-Cực và theo Kinh Dzyan là «Bố Cái» (le Père-Mère) nghĩa là trong cái Nguyên-nhất đó bao-hàm cả cái thể âm-dương mà trong Hà-Đồ thì tượng chưng số 5 và số 10 ở giữa.

Một khi có sự huy-động thì cái Nguyên-Nhất phân ra làm hai thể khác nhau gọi là Lưỡng Nghi, và mỗi một Âm-Nghi hay Dương-Nghi đều phân mỗi cái làm hai vì ở trong Âm hay Dương Nghi cũng bao hàm cả hai thể khí Âm và Dương, như trong giống cái cũng có cả hai khí Âm-Dương tồn tại ở trong, hay trong giống đực cũng bao hàm ở trong cả hai khí Âm và Dương, cho nên Lưỡng-Nghi mỗi thứ lại phân ra làm hai: 1 âm, 1 dương nữa, gọi là Tứ-Tượng theo hàng thứ ba trong Hình-Đồ. Và mỗi một Tượng bất cứ Tượng âm hay dương đều chia ra làm hai nữa, nên nói là Tứ-Tượng phân ra làm 8 Quẻ, theo hàng thứ 4.

Xét theo sự phân chia ẩn-định từ cái Nguyên-Nhất cho đến 8 quẻ phân theo Song-tiến số như vậy ta có thể tóm tắt rằng :

Theo Lưỡng-Nghi ta có thể lấy Tượng của Âm-Nghi làm một vạch đứt = = và Dương-nghi là một vạch liền —.

Về Tứ-Tượng thì ta có thể lấy tượng theo về phần Dương Nghi là 1 vạch liền tượng Dương làm gốc. Dương-Nghi chia ra:

Dương - Nghi phần Âm tức là Thiểu-âm tượng bằng = =.

Dương - Nghi phần Dương tức là Thái-Dương tượng bằng =.

Về Âm-Nghi ta có thể lấy tượng theo một vạch đứt tượng Âm làm gốc. Âm-Nghi chia ra: Âm-Nghi phần Dương tức là Thiếu-Dương tượng bằng = =.

Âm-Nghi phần Âm tức là Thái-Âm tượng bằng = =.

Trước khi đặt ra những tên Thái-Âm, Thiếu-Âm, Thái-Dương, Thiếu-Dương chắc Thánh-Nhân chỉ cảm-thông và ghi bằng các vạch để dễ nhớ, vì hồi đó chưa có chữ-nghĩa, (cũng như các cụ đời xưa vạch vôi cho dễ nhớ).

Ta có thể lấy vạch tượng hình ra như sau :

Tứ-Tượng: 1 — 2 — — 3 — — 4 — —

Lưỡng-Nghi: — — —

Dương. Âm.

Lưỡng-Nghi tức là 2 Ngài tượng là một vạch liền — (dương) và một vạch đứt — — (âm).

Vả theo Tứ-tượng thì:

— Số 1 gốc là Dương mà trên lại hiện ra thể Dương, cái Dương đến cùng cực cho nên gọi là Thái-Dương.

— Số 3 gốc là Âm mà trên lại hiện thể Dương tức là cái Dương hiển hiện ra mà gốc là Âm cho nên dương thiếu vì vậy gọi là Thiếu-Dương.

— Số 2 gốc là Dương mà trên lại hiện ra thể Âm cho nên âm thiếu gọi là Thiếu-Âm.

— Số 4 gốc là Âm mà trên cũng là Âm, cái Âm đền cùng cực cho nên gọi là Thái-Âm.

Đó là do cách sắp đặt của những vạch gốc của Lưỡng-Nghi mà lấy những vạch biểu-lộ ở trên mà đặt thành tên cho Tứ-Tượng. Ta có thể nói là tên của Tứ-Tượng là do ở sự nhiều ít âm-dương xếp đặt theo vạch mà thành tên vậy.

Và vẫn theo sự phân chia theo Song-Tiến số thì ta được 8 loại, 8 thứ vạch khác nhau. Theo Tứ-Tượng ta có bốn hình vẽ là:

Tứ-Tượng: 1.— Thái-Dương tượng bằng = 3.— Thiếu-Dương — — 4.— Thái-Âm — — 2.— Thiếu-Âm — —

Lấy từng tượng một làm căn-bản thì mỗi một tượng theo Song-Tiến số lại chia ra làm 2.

a) Như Thái-Dương thì thành 2 hình: Thêm 1 Dương 1 Âm = — gốc : = — = —

b) Như Thiếu-Âm thì thành 2 hình: Thêm 1 Dương 1 Âm — — gốc : — — — —

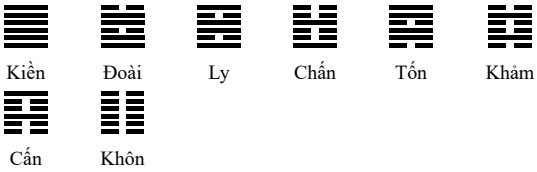
d) Như Thiếu-Dương thì thành 2 hình: thêm 1 Dương ở trên, thêm 1 Âm ở trên (gốc Thiếu-Dương ở dưới).

Như vậy ta được 8 hình mà mỗi hình có 3 vạch Âm-Dương trên dưới gọi là 8 quẻ (Bát-Quái). Và sự đặt tên cho 8 quẻ cũng lấy cái Lý của Thiên-nhiên như của Tứ-Tượng ra mà đặt thành tên vậy. Nếu muốn cho thật rõ hình 8 quẻ thì coi hình Phục-Hi Bát-Quái ở trên.

Ta lấy những ô trắng tượng Dương là vạch liền — những ô đen tượng Âm là vạch đứt — —.

Như vậy ta có những quẻ theo thứ-tự từ phải sang trái (trong sách gốc đánh số 8 ở bên phải đến 1 ở bên trái):

Tám quẻ Bát-Quái (thứ tự bản in: phải←trái, 8 Kiền … 1 Khôn)



Một khi đã được hình vạch tám quẻ rồi ắt phải đặt thành tên mà cái tên của từng quẻ là do ở cái Lý thông-suốt Thiên-Đạo. Theo về Tiên-Thiên bát-quái tức là 8 quẻ của Phục-Hi đặt ra theo Hà-Đồ, đời bấy giờ chưa có Văn-Tự phải dùng những hình vạch để ghi chép các biến-hóa của cái khí Âm tối và cái khí Dương sáng mà do đó thiên-hình vạn-trạng đã hiển-hiện ra trong Trời-Đất, cho nên sự đặt tên là do ở sự liên-lạc cái ý theo cái nghĩa mà thành tên. Vậy tôi theo cái nghĩa hòa-hợp tán-tụ của hai khí âm-dương theo Tiên-Thiên mà giải ra đây gọi là chút ít tài-liệu để đặt tên từng quẻ một.

Quẻ số 1 ☰ Là quẻ có ba hào Dương tức là vạch hiển hiện là Dương, bản thuộc Thái-Dương và gốc ở Dương Nghi. Thể Dương là cứng mạnh sáng sủa mà là quẻ thuần Dương ắt là có sự mạnh mẽ vô cùng, sáng sủa tột cực, Vì lẽ ấy Cổ nhân cho rằng: Kiền là Mặt Trời. Theo Thiên-Văn học Âu-châu thì những Định-tinh như Mặt Trời cháy đỏ và nhiệt-độ thật cao. Như Mặt Trời nhiệt-độ lên tận 6500° mà lớp khí cháy đỏ (chromosphère) dầy đến 10.000 cây số lửa ngọn (protubérance) có khi lên cao gần bằng bán kính Mặt Trời, cho nên các Định-tinh lắm khi có lớp khí cháy nóng và sáng rực tới 20.000 cây số.

Như vậy ta có thể nói là Định-Tinh là một khối lửa hoàn toàn từ trong ra ngoài và Định-Tinh đối với hành-tinh phần nhiều to lớn hơn, rực-rỡ sáng sủa hơn nhiều, tức là trong ngoài đều nóng sáng cứng mạnh nên lấy quẻ có 3 Dương tượng nó mà gọi là Kiền nghĩa là mạnh mẽ to lớn, Hóa cho nên quẻ Kiền đứng đầu 8 quẻ mà cái hình-tượng của nó bất cứ trong phương-diện nào đều hình-tượng cái gì to lớn, cao cả, mạnh mẽ nhất ví như trong một nước thì quẻ Kiền tượng đẳng Nhân-quân, trong gia-đình thì tượng là Cha, Trong Thiên-Hạ thì tượng là Trời cao cả. Tức là trong tất cả các phạm vi

thì quẻ Kiền tượng cái gì cứng mạnh, sáng suốt, mạnh mẽ uy quyền và cao cả nhất. Do cái thể quẻ, tính-chất và tài đức quẻ mà đặt tên là quẻ Kiền vậy.

Quẻ thứ 2 ䷀ quẻ này là quẻ thứ hai, sau quẻ Kiền, là quẻ có 1 vạch Âm ở trên cùng, bản thuộc Thái-Dương và gốc thì ở Dương Nghi. Một khối lửa ở các Định-tinh hiện-tượng của quẻ Kiền với thời-gian ắt có sự hiển-hiện ở trên theo nguyên-tắc thông thường về vật-lý-học cho ta biết rằng: các Định-Tinh lúc đầu toàn là lửa đỏ của quẻ Kiền đã sinh ra ở trên không thiên và sau dần dần gặp khí lạnh kết thành hơi nước ở chung quanh tức là có khí lạnh bao bọc cái Định-tinh nóng cháy

ấy, nghĩa là ở trong cái thể nóng cháy còn bồng bột mà vỏ ngoài có làn khí lạnh (Âm-khí) bao chùm làm cái lửa trong lóng Định-Tinh dịu bớt.

Thể theo những hiện-tượng ở đời, một khi người ta trong lòng nóng nảy mà ở ngoài có sự mát mẻ làm êm dịu cái bầu nhiệt-huyết của mình thì nhiệt-độ giảm đi được và phát huy ra ngoài được sự mát mẻ đẹp lòng. Phàm ở đời người nào khá giả người ta nói là được mát mặt tức là được dễ chịu đẹp lòng! Vì lẽ ấy mà người ta sau này đặt cái hiện-tượng trong nóng mà được ngoài lạnh, hay trong sáng sủa mà ngoài tối tức là có sự sáng tối tỏ bày, cứng mềm hòa-hợp cho nên tượng là đẹp lòng vì lẽ ấy mới gọi là quẻ Đoài nghĩa là vui-vẻ đẹp-lòng.

Đó là trạng-thái thứ 2 của Thiên-Thể mà quẻ Đoài tượng cái biến-tượng thứ nhì của Thiên-Thể vậy.

Quẻ thứ 3 ䷀ Đây là đến cái hiện-tượng thứ 3 mà vạch hiện ra là Dương trên cái bản là Thiếu-Âm tức là ⚋ trên dương có thể Âm, cái khối âm-chất ấy ở trên cái gốc nóng cháy thì cái khí nóng ở dưới làm nát rữa ra vô số âm vi phần-tử phun ra ngoài rồi trong thời-kỳ là Dương hiện ở ngoài thì những âm-vi phần-tử ấy bắt lửa lên mà thành lửa ngọn. Theo như những trạng-thái

quẻ Kiền đến quẻ Đoài thì cái sức nóng cháy của cái Định-tinh Kiền dảm bớt đi vì có cái Âm khí bao chùm chung quanh mà thành quẻ Đoài, đến lúc cái khí âm đó dần dần ăn nhập vào trong cái âm-chất đó nặng lắng dần dần vào trong mà cái khối âm-chất đó bị nung nấu mà cháy thành lửa ngọn lên trên, cho nên có hình vạch ấy ☲ mà sau này đặt tên là quẻ Ly. Ly có nghĩa là Lửa, treo leo, lại có nghĩa là đẹp sáng, tức là lấy hình quẻ mà giải thì cái ngọn lửa đều và liên tiếp của Kiền đến trạng-thái này thì bị một thể Âm phân chia làm hai ngọn lửa tức là hai hào Dương ở trên và dưới.

Có nghĩa là treo leo tức là cái âm-chất là thể ở giữa quẻ, dính 2 thể Dương hai đầu tự như treo nó lên vậy.

Có nghĩa là Sáng Đẹp tức là trong có âm-chất dưới có lửa, âm-chất được lửa cháy sáng ở trong mà thành lửa ngọn ra ngoài sáng soi muôn vật cho nên mới có nghĩa là Sáng Đẹp.

Vì lẽ ấy Thánh-Nhân đặt tên trạng-thái thứ ba này là Ly vậy.

Quẻ thứ 4 ☳ là quẻ có cái thể Âm hiển hiện ra ngoài, bản là Thiếu-Âm và gốc ở Dương Nghi. Cho nên lấy cái bản là Thiếu-Âm tức là ☳ trên thể Dương có thể Âm và ở trạng-thái thứ

tư, trên có cái hiện-tượng của Âm nên có hình hai Âm ở trên một Dương vậy. Nhờ thể thì thật là rõ ràng là cái khí Âm lạnh ở vào trạng-thái thứ hai mới có một Âm chùm bao cái khí nóng của Kiền tức là quẻ Đoài, đến trạng-thái thứ 3 thì cái khí lạnh ấy lần lần thẩm vào trong lòng nhưng cái Âm-khí còn ít cho nên cái dương nóng có thể đốt cháy được mà cái Âm chất ấy không thể nén nổi cái Dương nóng ấy thì lửa ngọn còn có thể bốc lên trên mà thành quẻ Ly, và đến trạng-thái thứ tư, thì cái Âm khí càng ngày càng nhiều và dày thêm lên. Trạng-thái này còn ở gốc Dương Nghi nên còn cái dương nóng cháy ở trong lòng mà bị hai thể Âm đè lên. Một Dương mà bị hai Âm đè. Như trạng-thái này thì Định-Tinh cháy nóng đã thành một Hành-tinh mà trong lòng còn cái thể Dương nóng bị những Âm-chất đè lên, khí nóng ở hành-tinh không thoát được ra dễ dàng nên cái

Dương nóng tích-tụ lại ở trong trung-tâm mà làm chuyển-động lớp vỏ, gây nên động đất, lớp vỏ dày ở trên là hai nét đứt —— . Vì lẽ ấy Thánh-Nhân mới đặt trạng-thái ấy là Chấn. Chấn nghĩa là chấn-động, là trạng-thái thứ tư của cái khối lửa nóng cháy của Định-Tinh tượng của quẻ Kiền vậy.

Quẻ thứ 5 ䷀ là quẻ mà cái thể hiển hiện của nó là Dương; bản thuộc Thiếu-dương tức là ䷲ và gốc ở Âm-nghi. Âm khí một khi đã nhuần thắm được vào trong trung tâm của Định-tinh thì bị cái sức nóng của nó còn lại mà nung nấu cái khí âm, khí âm thành hơi nước, hay khí nóng nhẹ bay lên trên và khí lạnh lắng xuống dưới. Như vậy ắt có sự vận-chuyển về hai khí mà thành ra gió. Xét về hình các quẻ thì quẻ Đoài ䷹ lộn ngược xuống thì thành quẻ Tốn ䷸, tượng là gió. Gió có cái đức nhuần thắm làm cho điều-hòa nhiệt-độ. Theo như Định-tinh một khi cái khí lạnh đã độn-nhập được vào trong trung-tâm của nó, làm cho khí nóng bừng bừng bốc lên trên thành lửa ngọn, ví như lúc lửa đang cháy ta đổ dầu thêm vào thì chất dầu nặng lắng xuống dưới mà ngọn lửa cứ phừng phừng bốc mạnh lên trên thành gió. Nói về Tiên-thiên cái trạng-thái đó tức là trạng-thái gió lửa, thành gió thì ắt có lửa, vì lửa ra gió thì lửa phải ép xuống mà tỏ sự nhún-thuận khiêm-tốn, với cái đức-độ ấy Thánh-Nhân mới đặt tên là Tốn.

Quẻ thứ 6 ䷜ Theo những trạng-thái chuyển-vận ở trên ta thấy quẻ Khảm là quẻ có một hiện-tượng là thể âm, bản thuộc Thiếu-dương và gốc là ở Âm-nghi. Như vậy tức là cái Âm-

khí lắng xuống dưới, cái Dương-khí nóng bốc lên trên, có sự vận-chuyển của hai khí nóng lạnh lên xuống mới thành gió. Gió cuốn khí nóng lên càng cao ắt gặp khí lạnh mà thành khí Âm lạnh ở trên. Trên dưới có khí lạnh, còn ở giữa còn một thể Dương nóng ắt phải dần dần mất hết nhiệt-độ của nó cho nên mới là Nguy là Hiểm. Vì lẽ ấy thấy sự Nguy-hiểm của sự xâm nhập khí Dương bởi hai Âm bao trên, dưới. Nếu nói về sự vật hữu hình thì một khi khí Dương đã bị bao vây nguy ngập như vậy ắt sẽ bị thành thuần Âm mà đi đến chỗ tiêu-diệt âm-u. Vì lẽ ấy Thánh-nhân coi cái trạng-thái ấy

là trạng-thái nguy-hiểm nên đặt nó là quẻ Khảm, Khảm có nghĩa là hiểm-nguy.

Quẻ thứ 7 ䷾ là quẻ thể trên hiển hiện là thể Dương nóng, bản ở Thái-âm, gốc là Ân-nghi. Theo trạng-thái trên mà giải thì một khi khí Dương còn ở giữa mà bị khí Âm bao trùm chung quanh thì với thời-gian khí lạnh sẽ lắng xuống với khí lạnh ở dưới và còn cái khí Dương nóng ắt nổi lên trên; theo Vật-lý thì khí nóng bao giờ cũng bốc lên trên và khí lạnh lắng xuống dưới, thì quẻ ䷾ tượng hình cái lý ở trên đây. Một khi khí lạnh đã lắng xuống thành khối với cái khí lạnh ở dưới còn chút khí nóng bốc lên trên như vậy

ắt là khí âm lạnh đang thịnh. Một khối Âm-khí lạnh tức là vật hữu hình, hữu hạn, hiển hiện ra một cách vững chắc như vậy tất có ngụ cái ý ngăn cản, ngưng tụ ở trong, cái khí nóng không thể thâm nhập được vào trong vì nó đang ở trạng-thái khí âm đang thịnh. Hóa cho nên có cái ý-nghĩa là ngưng chỉ do đó mà Thánh-nhân đặt tên là quẻ Cấn. Cấn có nghĩa là ngưng chỉ vậy.

Quẻ thứ 8 ䷁ đây là trạng-thái cuối cùng của một Thiên-thể ở cõi Tiên-thiên, là quẻ có cái thể hiển hiện là âm, bản ở Thái-âm, gốc Âm-nghi, cho nên là quẻ Thuần-âm nghĩa là thuần khí lạnh. Quẻ Khôn theo Thiên-thể tức như một Hành-tinh có sự đông đặc của Âm-khí đến ngưng tụ từ trong ra ngoài giải hết nhiệt-độ của Định-tinh. Ta có thể ví Khôn là một Hành-tinh nguội lạnh như trái Đất mà trên đó muôn loài có thể sống được; một Hành-tinh trước kia cũng là một Định-tinh sáng và có nhiệt-độ cao, sau với thời-gian các Định-tinh hay các Sao sáng rực trên không trung trải qua những trạng-thái trên đã nói mà thành hành-tinh.

Xem như trên đã giải thì từ một khối nóng sáng như Định-tinh cho đến khi thành Hành-tinh có thể mang chở nuôi dưỡng muôn loài như trái Đất ắt phải trải qua 8 trạng-thái. Vì cái đức

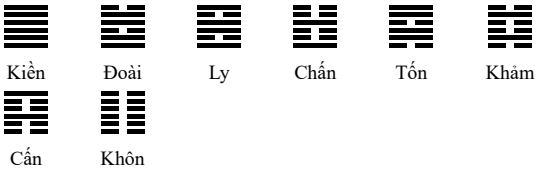
Dịch nghịch số dã.— Thiệu-khang-Tiết một nhà Tượng-số học trứ danh đời Tống thấy những trạng-thái rõ rệt của một Định-tinh sáng

chói từ thời-kỳ mới khởi thủy cho đến lúc biến thành Hành-tinh nguội lạnh.

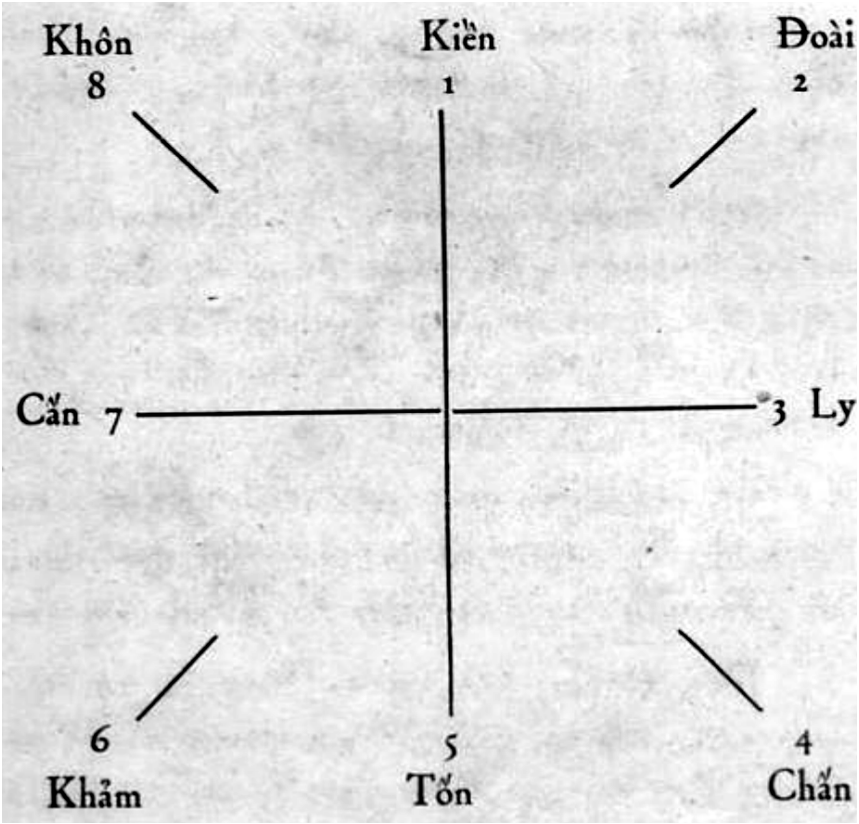
Ta có thể vẽ một hình-đồ-biểu theo những trạng-thái ấy, từ kh ! Định-tinh là một ngôi sao cực sáng cho đến khi thành một Hành-tinh đen tối.

Theo Hà-đồ phân chia từ Thái-cực cho đến 8 quẻ và theo những lý-thuyết giải ở trên thì ta được từ quẻ Kiền đến quẻ Khôn theo số xuôi mà đếm tức là thuận, đó là trạng-thái nói từ lúc cái Định-tinh thật sáng đến khi thành cái Hành-tinh nguội lạnh trải qua tám trạng-thái thì rất thích-hợp với nghĩa lý của Hà-đồ như sau này :

Tám quẻ Bát-Quái theo thứ tự (Kiền, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn)



Và nếu ta cứ lấy thứ tự như trên mà lập trên Đồ-biểu thì ta có một Hình như sau :



Hình A — IX. Bát-quái Tiên-Thiên (thứ-tự theo hình A)

Theo hình A, thì là chỉ theo thứ-tự của những trạng-thái đã trải qua những sự vận-chuyển tuần-hoàn theo Thiên-lý thì sai lắm vậy. Nếu theo hình A thì không thích-hợp với Dịch-lý. Theo 2 Định-luật cần-yếu mà Đạo Dịch dựa vào đó để lập lên cái Đạo thiêng-liêng của Thiên-lý là : I- Dương cực thì Âm sinh. II- Âm cực thì Dương sinh.

Đó là hai Định-lý tối cần của Dịch-lý.

Nếu theo Thiên-lý ta đã cho 2 Định-lý trên là đúng, thì hình A rất sái là vì một khi Khôn là quẻ thuần âm tức là âm cực thì dương phải sinh mà quẻ Khôn lại ở kế với quẻ Kiền thì Âm cực lại sinh Dương

cực sao được, cho nên sự vận-chuyển của hình A không thể đứng vững được.

Nhưng nếu ta lấy hình Hà-đồ ở trên mà giải thì sự vận-chuyển rất thích-hợp với hai Định-lý trên nhưng chỉ vì số đếm có bên nghịch và bên thuận.

Nếu ta lấy sự phát-triển của cái vi dương mà quẻ Chấn số 4 ䷲ là quẻ có một dương nhỏ ở dưới dấy lên rồi đến quẻ Ly ䷝ số 3 là quẻ có hai dương mà ở giữa có hào âm; rồi đến quẻ Đoài ䷹ là quẻ Dương thịnh số 2, sau đến quẻ Kiền ䷀ số 1 tức là quẻ Dương cực.

1- Dương cực thì Âm sinh.— Sau quẻ Kiền có quẻ Tốn ䷸ là quẻ số 5 ở dưới có hào Âm mới sinh sau đến quẻ Khảm ䷜ là quẻ số 6 trong có một hào dương ở giữa, rồi đến quẻ Cấn ䷳ là quẻ số 7 tức là quẻ Âm đã thịnh sau đến quẻ Khôn ䷁ số 8 là quẻ thuần âm tức là Âm cực vậy.

2- Âm cực thì Dương sinh.— Sau quẻ Khôn thì tiếp đến quẻ Chấn là quẻ có một Dương sinh và sự vận-chuyển liên tiếp như vậy mãi mãi.

Theo như thể thì ta thấy sự vận-chuyển 8 quả đều do theo hai Định-lý cần-thiết của Dịch-lý, như vậy ngôi thứ 8 quẻ mới được chuẩn đích vậy. Theo trên ta có một cái Bát-quái hoàn-toàn theo Thiên-lý nhất định của Tạo-hóa và theo thứ-tự phân chia trong Hà-đồ, ta thấy sự vận-chuyển từ quả Chẩn đến quả Kiền là thuận, nhưng những số của các quả đều là Nghịch số cả và từ quả Tổn đến quả Khôn là Thuận số, tức là 5 đến 6, rồi 7 và 8 là thuận.

Theo Thiệu-Tử nói ở trên thì từ quả Tổn đến quả Khôn đều là những quả chứa sinh, vì sao vậy ?

Vì rằng: Phàm còn trong cõi Tiên-thiên tức là trong khi chưa khai thiên lập địa thì sự chiêm nghiệm và phân chia còn đang trong phạm-vi vô hình, chưa thành hình tức là thể Âm chứa sinh.

Hóa cho nên từ quả Tổn cho đến quả Khôn là những quả chứa sinh. Vì cớ ấy họ Thiệu mới nói là từ quả Tổn đến quả Khôn là quả chứa

sinh mà nếu suy ngược lại thì lấy 4 mùa mà so sánh. Tức là lấy sự vận-chuyển của bốn mùa trong năm là thuận: Xuân đến Hạ, đến Thu, đến Đông rồi trở lại Xuân. Theo Nhiệt-độ của 4 mùa mà giải thì:

Mùa Xuân mát mẻ từ tháng Giêng đến tháng

3. Bắt đầu tháng 4 thì nhiệt-độ dần dần lên đến tháng 5 là Cực-nóng hay là Hạ-chí, đến tháng 6 nhiệt-độ dần dần hạ, khí trời mát mẻ, từ tháng 7 đến tháng 9 và trở lại lạnh giá, từ tháng 10 cho đến tháng Chạp mà tháng 11 là thật lạnh hay Đông-chí, lạnh cực thì nóng bắt đầu sinh rồi mùa Xuân lại trở lại. Theo sự vận-chuyển ấy là thuận nhưng lấy quẻ làm tượng biểu-chương âm dương thì ta thấy những số thứ tự của các quẻ từ Chấn đến Kiền là $4-3-2-1$ tức là nghịch số vậy, đi từ số lớn lên số nhỏ và trong 64 quẻ sau này sự luận nghĩa cũng đều do ở những lý như trên đã giải. Cũng vì những lý ấy họ Thiệu lại nói rằng : Từ quẻ Chấn đến quẻ Kiền là thuận, từ quẻ Tốn đến quẻ Khôn là nghịch và sau này ngôi và hướng của 64 quẻ cũng theo luận điệu trên mà an bày.

Tiết 3 說卦傳曰：天地定位，山澤通氣，雷風相薄，水火不相射。八卦不相錯，數往者順，知來者逆。邵子曰：乾南坤北，離東，坎西，震東北，兌東南，巽西南，艮西北。自震至乾為順。自巽至坤為逆。後六十四卦方位攸此。

Dịch-Âm: Thuyết-Quái Truyện viết : Thiên-Địa định vị, Sơn Trạch thông khí, Lôi Phong tương bạc, Thủy Hỏa bất tương xạ. Bát quái bất tương thác, Số vãng giả thuận, tri lai giả nghịch. Thiệu-tử viết : Kiện Nam, Khôn Bắc, Ly Đông, Khảm Tây, Chấn Đông-Bắc, Đoài Đông-Nam, Tốn Tây-Nam, Căn Tây-Bắc. Tự Chấn chí Kiền vi thuận, tự Tốn chí Khôn vi nghịch, hậu lục thập tứ quái phương vị tổ thử.

Dịch-nghĩa: Thuyết-quái truyện nói rằng: Trời Đất định ngôi, Núi Trầm thông khí, Sấm Gió

xát nhau, Nước Lửa không bắn nhau. Tám quẻ cọ xát

Hệ 3 說卦傳曰：天地定位，山澤通氣，雷風相薄，水火不相射。八卦不相錯，數往者順，知來者逆。邵子曰：乾南坤北，離東，坎西，震東北，兌東南，巽西南，艮西北。自震至乾為順。自巽至坤為逆。後六十四卦方位攸此。

nhau, cái qua rồi là thuận, biết cái sắp tới là nghịch.

Thiệu-tử nói rằng: Kiền ở hướng Nam, Khôn ở hướng Bắc, Ly ở Đông, Khảm ở Tây, Chấn ở Đông-Bắc, Đoài ở Đông-Nam, Tốn ở Tây-Nam, Căn ở Tây-Bắc. Từ quẻ Chấn đến quẻ Kiền là thuận, từ quẻ Tốn đến quẻ Khôn là nghịch. Hướng và vị 64 quẻ sau cũng theo lẽ trên mà an vị.

O Lời bàn: Theo Thuyết-quái-truyện đức Phu-tử nêu lên cái nghĩa như trên. Như vậy Ngài chỉ lấy Tượng Bát-quái vào những thể hữu-hình, như thế thì đồ Tiên-Thiên lại không có nghĩa vô-vi, vô-hình của nó. Nói đến Tiên-Thiên tức là ở vào thời-kỳ Trời Đất chưa tạo lập sao lại có những hiện-tượng rõ ràng để giải nghĩa như trong Thuyết-quái-truyện. Tôi xét rằng: đã là đồ Tiên-Thiên là chỉ nói đến những hiện-tượng trên cõi Trời bao la, hay nói về Thiên-thể vô-hình. Nhưng cái vận-hành của Tiên-Thiên Bát-quái rất là hữu lý theo sự vận-chuyển của Thiên-lý. Có sự vận-chuyển ấy mới có sự liên-lạc của các quẻ theo ngôi thứ trước sau với nhau nhưng phương-vi chưa thật là hẳn chỉ đích ngôi nào vậy.

Theo thuyết của họ Thiệu nói ở trên như vậy

ắt có một lý do.

Nếu ta lấy Địa-dư-học mà nói thì quả Địa-cầu của ta ở về Bắc-cực thì có khí lạnh vô-cùng và khí lạnh ấy bớt đi lần lần nếu ta đi xuống hướng Nam. Như ta lấy ví-dụ hiển nhiên ở Bắc-Việt có mùa lạnh giá mà Nam-Việt thì không có mùa đông và càng đi về hướng Nam thì nhiệt-độ càng tăng, vì rằng nếu ta ở gần đường Xích-đạo (Equateur) bao nhiêu thì nhiệt-độ càng tăng lên bấy nhiêu.

Và theo lý-thuyết ở hướng Bắc thì lạnh, nhiều âm-khí, âm nặng thì lắng xuống dưới; ở về hướng Nam thì nóng, nhiều Dương-khí, Dương thanh thì bốc lên trên, cho nên người Trung-Hoa theo lý đó nên bao giờ cũng để hướng Nam ở trên và hướng Bắc xuống dưới trên các bản-đồ.

Như vậy thật là đúng với Khoa-học vô cùng vì nói đến Tiên-Thiên

thì trong óc ta có liên-tưởng đến cõi vô-hình, cõi không-gian chỉ có khí Trời thôi vậy. Hóa cho nên nói đến không khí nóng thì bao giờ cũng bốc lên trên và khí lạnh thì lắng xuống dưới. Vì lẽ ấy mà trên đồ Tiên-Thiên Bát-quái có hình 8 quẻ tượng cái vị-chí trong không thiên mà khí dương nóng nhẹ bốc lên trên tượng bằng quẻ Kiền là quẻ thuần Dương an vị ở hướng Nam và khí âm nặng lắng xuống dưới tượng bằng quẻ Khôn là quẻ thuần

âm an vị ở hướng Bắc. Theo tính-cách âm dương và hai Định-lý căn-bản của Dịch-lý ở trên và theo hình Đồ Tiên-Thiên thì Kiền ở hướng Nam, Khôn ở Bắc, Ly ở Đông, Khảm ở Tây là bốn chính hướng. Theo 4 quẻ an vị trong bốn hướng ở trên, thì hướng Nam là quẻ Kiền thuần dương, có nhiệt-độ của khí dương nóng bốc lên trên mà quẻ Khôn ở hướng Bắc là quẻ thuần âm lạnh lắng xuống dưới. Hướng Đông là hướng mặt Trời mọc tức là lúc khí dương nóng bắt đầu bao bọc cái khí âm-u còn lại, nên lấy tượng quẻ Ly có hai hào dương trên dưới, bao bọc hào âm ở giữa, và hướng Tây là hướng mặt Trời lặn tức là lúc khí âm bắt đầu bao bọc cái khí dương còn lại, nên lấy tượng quẻ Khảm là quẻ có hai hào âm trên dưới bao bọc hào dương ở giữa. Ta thấy rõ ràng 4 quẻ ở 4 phương chính đều có một ý-nghĩa rất hợp với Thiên-lý.

Lấy 4 quẻ trên ở 4 chính hướng an theo Tiên-Thiên Bát-quái thì ta được quẻ Chấn ở hướng Đông-bắc tượng trạng-thái vi dương bắt đầu khởi từ dưới bốc lên khi cái khí Âm đã cực thịnh, và quẻ Tốn ở hướng Tây-nam bên quẻ Kiền tượng cái vi-âm bắt đầu sinh khi cái khí Dương đã cực thịnh. Quẻ Đoài là ở hướng Đông-nam là trạng-thái Dương khí đang bốc lên lấn áp gần hết cái Âm khí còn lại để

đến chỗ cực thịnh của khí Dương tượng của quẻ Kiền ở hướng Nam. Quẻ Cấn ở hướng Tây-bắc là trạng-thái Âm khí đang lắng xuống lấn áp gần hết khí dương còn lại để đến chỗ cực thịnh của khí Âm tượng của quẻ Khôn ở hướng Bắc.

Xem đó thì Kiền Khôn định vị ở Nam và Bắc xét đến Thiên-lý và sự tiêu-trưởng, thịnh suy của Âm-dương an bày theo thể tượng của

Hệ 3 說卦傳曰：天地定位，山澤通氣，雷風相薄，水火不相射。八卦不相錯，數往者順，知來者逆。邵子曰：乾南坤北，離東，坎西，震東北，兌東南，巽西南，艮西北。自震至乾為順。自巽至坤為逆。後六十四卦方位攸此。

6 quẻ mà an theo vị chí. Lấy đó mà xem Nhật Nguyệt Sóc, Vọng, Huyền, Mai, Dựng, Khuy, Tiêu-Trưởng.

Sóc: ngày mồng một đến mồng 10.

Vọng: trăng tròn.

Huyền: trăng lưỡi liềm. Mai: tối.

Dựng: Thừa, Khuy: trăng khuyết.

Từ Tuần-Huyền đến Trăng tròn thì Âm tiêu Dương trưởng tượng theo hình Trăng thì đi từ quẻ Chấn đến Ly, Đoài và Kiền là Vọng lúc Trăng tròn đó là 4 quẻ đi theo Tả.

Từ lúc trăng tròn hay Tương Vọng đến tuần Mai là tức Dương tiêu Âm trưởng đi từ quẻ Tốn đến Khảm Cấn Khôn đó là bốn quẻ đi theo Hữu.

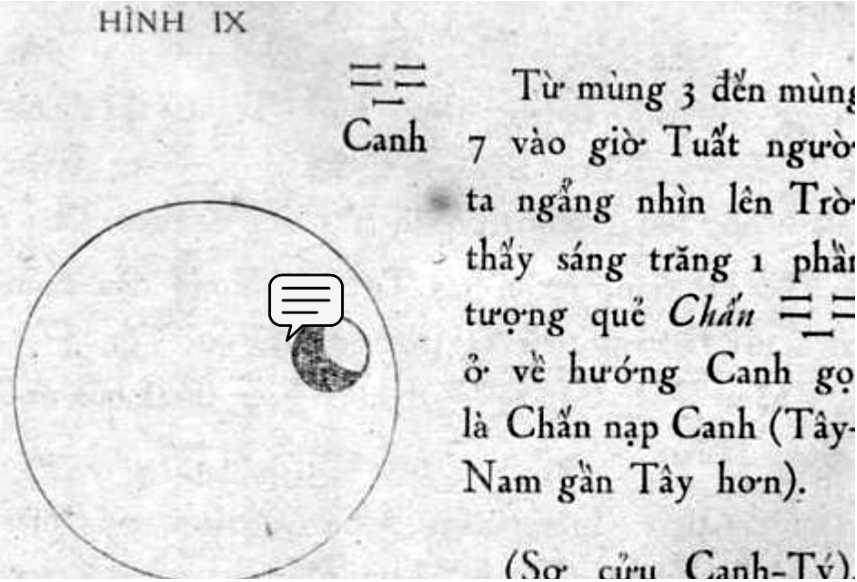
Đêm thấy Trăng sáng là nhờ có ánh sáng mặt Trời chiếu khi mặt Trăng bị trái Đất che mất ánh sáng

mặt Trời là Mai, Vọng là trông nhau là mặt Trăng được ánh-sáng của mặt Trời đối nhau. Âm-dương tiêu trưởng, vinh hư là do Thiên-lý, tượng bằng Tiên-Thiên Bát-quái.

Ta thử lấy một Thiên-thể như mặt Trăng chiều theo các trạng-thái để giải Đồ Tiên-Thiên.

Mỗi tháng hợp sau ngày Sóc thì Dương sinh ra thành sáng sủa. (Những ngày ở dưới này lầy theo Âm-lịch).

Tiet 3 說卦傳曰：天地定位，山澤通氣，雷風相薄，水火不相射。八卦不相錯，數往者順，知來者逆。邵子曰：乾南坤北，離東，坎西，震東北，兌東南，巽西南，艮西北。自震至乾為順。自巽至坤為逆。後六十四卦方位攸此。



Hình IX. Trăng non tháng giêng — trạng-thái Chấn nạp Canh

☲ Đinh

Mỗi tháng Thượng-Huyền từ mùng 8 đến 12 vào giờ Tuất (8 đến 10 giờ bây giờ) ta thấy mặt Trăng sáng 2 phần tượng quẻ Đoài ☱ tại hướng Đinh. (Tây-Nam hướng gần chính Nam) gọi là Đoài nạp Đinh (cửu nhị Đính-Mão).

☳ Giáp

Mỗi tháng Tương-Vọng từ 13 đến 17 vào giờ Tuất, ta thấy mặt Trăng tròn sáng hoàn-toàn. Tượng quẻ Kiền tại hướng Đông gọi là Kiền nạp Giáp.

(cửu tam Giáp-Thìn).

(Hào Sơ cửu Canh-Tý hòa theo quẻ Khôn sơ lục).

Mỗi tháng sau Nguyệt-Vọng tái sinh từ 18 đến 22, xuất giờ Mão, nhìn mặt Trăng bị ám 1 phần tượng hình quẻ Tốn ☴ tại hướng Tân là Tốn nạp Tân (Tây-bắc).

Tân

⚋

Mỗi tháng Hạ-Huyền từ 23 đến 27 xuất giờ Mão mặt Trăng bị ám 2 phần tượng quẻ Cấn ⚶ tại hướng Bính. Tức là Cấn nạp Bính (Đông-nam gần Nam).

Bính

⚶

Mỗi tháng Tương-Mai từ 28 đến mùng 2 tháng sau xuất giờ Mão, Ất

☲

Trăng tối tượng quẻ Khôn tại Ất phương (Đông-nam gần Đông) tức là Khôn nạp Ất.

Trên đây là sáu hiện- tượng của mặt Trăng theo Thiên-Văn Trung-Hoa cổ.

BIẾN-TƯỢNG CỦA MẶT TRĂNG

theo Thiên-văn Âu-Mỹ

Mặt Trăng là một vệ-tinh tròn không tự có ánh sáng nhưng có thể phản-chiếu xuống dưới Đất những ánh-sáng của mặt Trời chiếu vào nó.

Ta tạm ví-dụ là cái bình-diện (plan) theo đường xích-đạo mặt Trăng in nhau với cái bình-diện đường xích-đạo của Địa-cầu và ví-dụ trái Đất đứng im đối với mặt Trời trong khi mặt Trăng chạy chung quanh trái Đất.

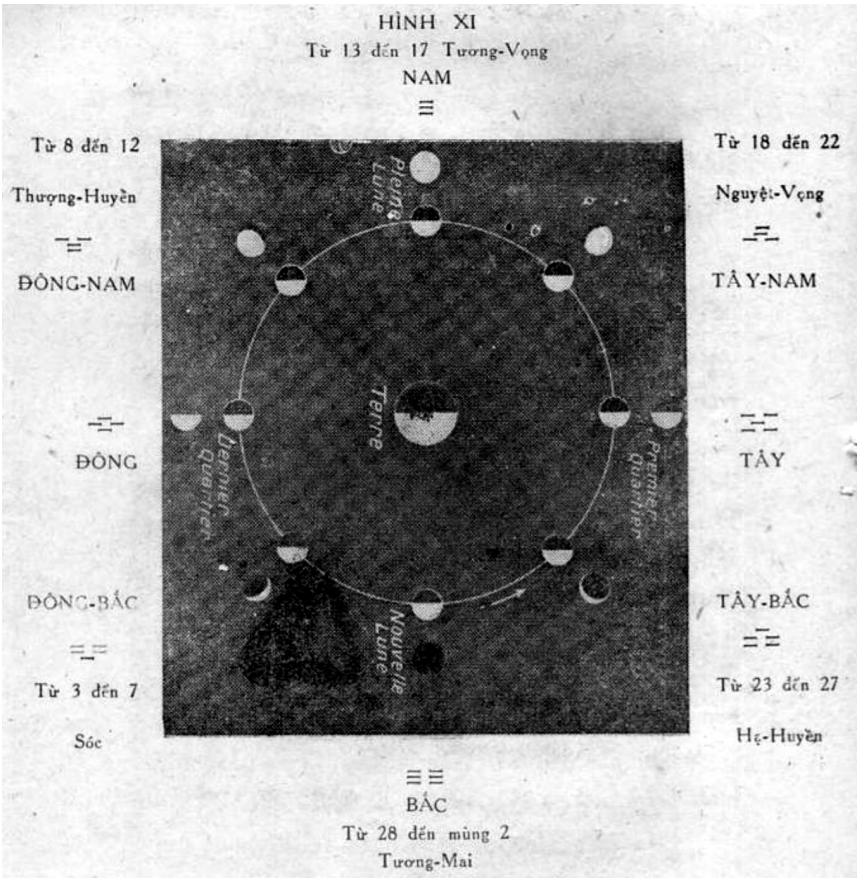
Mặt Trời ở rất xa cách mặt đất 23.000 lần đường bán kính của Địa-cầu và mặt Trăng cách trái Đất 60 lần bán-kính của Địa-cầu. Ta ví-dụ những ánh sáng mặt Trời đi theo đường bình-hành (parallèles).

Ta thấy rằng khi nào mặt Trăng trong tuần Tương-mai (nouvelle lune) thì mặt Trời soi bên nó nên ta không thấy ánh Trăng trong tuần đó.

Khi gần đến tuần Sóc ta thấy Trăng sáng theo hình lưỡi liềm.

Đến tuần Thượng-Huyền thì ta thấy một bán-cầu sáng hình như một nửa vòng tròn sáng.

BIẾN-TƯỢNG CỦA MẶT TRĂNG THEO THIÊN-VĂN ÂU-MỸ, ĐỐI VỚI TIỀN-THIÊN BÁT-QUÁI



Hình XI. Biến-tượng của Mặt Trăng theo Thiên-văn Âu-Mỹ (hình trích trong quyển Le Ciel)

− Vòng trong là những hình mặt Trăng bị mặt Trời chiếu.

− Vòng trong là những hình mặt Trăng ta trông thấy.

Sau tuần Hạ-Huyền ta thấy 3 phần tư quả cầu sáng và đến tuần Tương-Vọng thì ta thấy mặt Trăng sáng tròn đó là cả bán-cầu của mặt Trăng đều nhận được ánh sáng mặt Trời mà phản chiếu lại trái Đất.

Ta đã ví-dụ quả Đất đứng im để giải những biến-tượng của mặt Trăng nhưng kỳ thực nó chạy chung quanh mặt Trời mà sự vận-hành ấy có ảnh-hưởng lặng-lẽ kéo dài thời-hạn những biến-tượng mặt Trăng.

Nếu ta theo bản-đồ trên đây và lấy Tiên-Thiên Bát-quái an theo những biến-tượng mặt Trăng thì cái Thiên-Thể ấy chứng thực cái Định-lý tuyệt-đối của Dịch-lý.

Đến tuần Tương-Vọng Trăng tròn sáng tức là thuần Dương tượng của quẻ Kiền. ☰

Sau tuần Nguyệt-Vọng thì bắt đầu Âm Sinh tượng của quẻ Tốn ☴

Hạ tuần thì Âm thịnh còn một dương ở trên

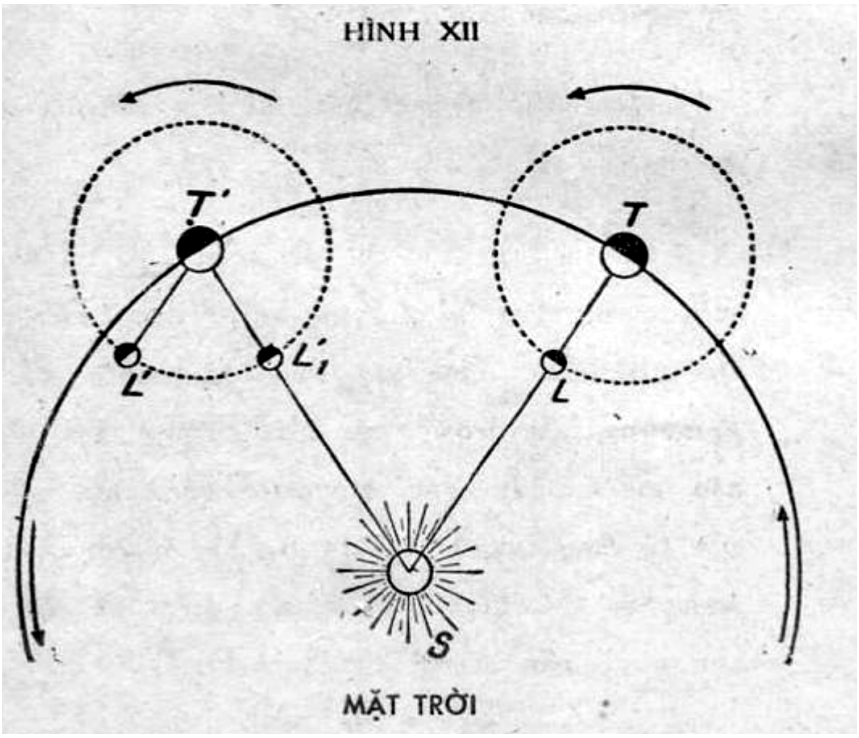
tượng của quẻ Cấn =_=.

Đến tuần tượng Mai thì Âm đến cùng-cực

tượng của quẻ Khôn ==.

Xét từ tuần Sóc cho đến tuần Mai thì những biến-tượng của Mặt Trăng đều theo Tiên-thiên Bát-quái, xem như vậy thì Thánh-nhân đã chỉ rõ những biến-tượng của Mặt Trăng từ 6.000 năm mà ta bây giờ mới rõ. Theo sự nghiên-cứu rõ ràng của Thiên-văn Âu Mỹ ta đối chiếu so sánh với Đạo-Học cổ xưa, tìm kiếm để vén mở những cái màn bí-mật của Trời-Đất.

Ví-dụ trái Đất ở vào một vị-trí T và mặt Trăng ở chỗ L_1 trong tuần Hỏi (Mai) đến tuần Hỏi tháng sau thì trái Đất ở vào điểm T′ và mặt Trăng ở vào L′1 nếu trái Đất đứng im một chỗ thì mặt Trăng đến điểm L′, lấy T′L′//TL; thời-gian ấy hơi dài vì mặt Trăng phải chạy từ điểm L′ đến L′1: Nhưng sự thực thì trái Đất xoay chung quanh mặt Trời vậy.



Hình XII. Sơ đồ quỹ-đạo Trái-Đất quanh Mặt-Trời

Theo sự nghiệm xét trên thì Đồ Tiên-thiên Bát-quái đề hình-tượng những Thiên-thể mà người ta lấy theo những phương hướng đề độ bề cao trong không-gian, đề tượng hình những Thiên-thể vô-hình vô-ảnh mà chỉ có thể tưởng-tượng thôi vậy. Đồ Tiên-thiên Bát-quái có thể giúp ta đề:

— Nếu lấy sự công-dụng về thực-tế thì ta có thể dùng đồ Tiên-thiên Bát-quái làm một chuẩn-đích đề chỉ cái vị-trí một vật gì trên không-trung, như theo Thiên-văn Âu Mỹ gọi cách đó là lập Vĩ-tuyến (latitude) và Kinh-độ của Vũ-trụ (longitude céleste).

Trái Đất xoay chung quanh mặt Trời đó là cái luật dĩ-nhiên. Ta lấy mặt Trời làm trung tâm điểm của Thái-dương-hệ, trái Đất chạy một

vòng chung quanh mặt Trời là 365 ngày 1/4, theo đường Hoàng-đạo mà quẻ Kiền là đỉnh đầu người đứng. Hóa cho nên cứ về ban ngày mà theo đỉnh đầu người ta là Kiền là hướng Nam theo Tiên-thiên và chỗ đổi chân ta đứng là Bắc theo khoảng không gian đổi chiều.

Xét như vậy ta có thể có những định-lý như sau này :

— «Tiên-thiên Bát-quái tức là cái để hình-tượng cõi vô-hình hay các Thiên-thể trong cõi vô-vi trong cõi không-gian».

Nói về Thiên-văn tức là để biết được vị-trí của các Thiên-thể, như các Định-tinh trên Trời, các vì-sao một cách chắc chắn. Hồi xưa có lẽ đặt ra Tiên-thiên để đo lường như phép đo lường Vĩ-tuyến và Kinh-độ Vũ-trụ theo Thiên-văn hiện-hữu và nhờ Hậu-thiên Bát-quái để định vị-trí trên bình-diện trái Đất theo một căn-cứ nào. Hay là Tiên-thiên Bát-quái có thể dùng vào khoa Kỷ-hà Vũ-trụ vậy.

Muốn biết đích thực sự tượng hình của Tiên-thiên Bát-quái cho đúng cách thì ta phải nhớ rằng :

1- Ban ngày thì quẻ Kiền ở trên đỉnh đầu ta, vì ban ngày khi ta đứng thì đỉnh đầu ta gần mặt Trời cho nên khí dương nhiều hơn.

2- Ban đêm thì trên đỉnh đầu ta là quẻ Khôn nghĩa là đêm thì đỉnh đầu ta rất xa mặt Trời vậy.

Đó là sự liên-lạc của Tiên-thiên Bát-quái tương đối với trái Đất ta hiện tại ở trong cõi Hậu-thiên này. Nếu theo Thuyết-quái-truyện thì Trời Đất đã định ngôi thứ tức là đã có Trời Đất rồi thì sao gọi là Tiên-thiên được. Xem như ở trong kinh Dzyan ở thiên Nhân-loại khởi-thủy Thi-vân 3 Tiết 11 nói về sự kết-tạo con người: « Đức Thượng-Đế đến deo-dắc những nước ở người Ngài mà thành cõi Trời ở trên ta, cõi Trời đầu tiên (hay là cõi không-gian, vòm trời xanh thẳm).

Đó là lúc khai Thiên vậy.

Và Tiết 12 nói rằng: «Những Đại Chủ-tể gọi là những Chủ-tể ở cung Quảng-hàn có cái thân bay bổng bằng không-khí nói rằng: Làm hiển-

hiện những người theo thể-chất của Ngài và cho những «Đơn tử» cái hình ở trong. Cái Tạo-hóa (hay là trái Đất là Mẹ) đến dựng các vỏ ngoài. Chúng sẽ là Đực Cái (âm dương) cũng là những Chủ-tể của ngọn lửa... và những đứa con của đẳng Chúa-

tể tức là những người mới bắt đầu sinh ra thì cũng như những bóng những hình lướt trên không-trung mà ta gọi là Ma vậy».

Tiết 15 lại nói rằng: «Bảy lần Bẩy cái Bóng của những người sau này sanh ra mỗi bóng có một màu riếng và ở một loại riêng. Mỗi một người phải ở dưới quyền Cha nó hay là đẳng Tạo-hóa. Nhưng Cha không xương cốt không thể nào đẻ ra những con có xương cốt. Những giống ấy đều là Ma vô hình vô trí. Bởi vậy người ta gọi là Hình Bóng». — Xem như lúc Trời Đất mới tạo lập thì con người ta còn trong vòng vô-hình, chưa có hình-thể thực tại, chưa có cõi hữu-hình này nữa là trong cõi Tiên-thiên trước khi khai Thiên lập Địa thì làm gì đã có núi trầm thông khí.

Trong Thuyết-quái-truyện Thánh-nhân chỉ ngụ cái ý-nghĩa tương-hợp, tương-đối và tương-phản của những hình-tượng còn trong trạng-thái vô-hình mà Tiên-thiên tượng bằng 8 quẻ và tám lần tám tức là 64 quẻ. Theo kinh Deyan trên chỉ nói có 49 tức là 7 lần 7 cái Bóng có lẽ là nói thế Bảy một và một thành-thể không nói đến.

Ta có thể thay thế cái nghĩa câu ở Tiết trên bằng: Nóng lạnh (âm-dương) đã định ngôi, lồi lõm

thông khí (1), sấm gió sát nhau, nước lửa không xạ nhau (đây nói nước lửa còn trong trạng-thái thiêng-liêng chưa có hình-thể nên không xạ-kích, xung-khắc nhau).

Như vậy có lẽ hợp với Đồ Tiên-thiên Bát-quái. Như trên cũng muốn duy-trì sự vận-chuyển của cái nóng, cái lạnh, cái lồi cái lõm, cái sấm cái gió, cái nước cái lửa, vô-hình còn ở trong trạng-thái giống người Bóng, nhưng trong sự vận-chuyển vô-cùng tận ấy ắt phải có sự chà xát nhau của hai thứ Âm Dương, vận-chuyển của 8 quẻ mà rồi thành 64 quẻ tức là 64 cái chìa khóa thiêng-liêng sinh sinh hóa

hóa để thành ra muôn-hình vạn-trạng những tượng vô-hình cho cõi hữu-hình chưa sinh vậy.

(1) LỒI LÕM: Trong không-trung cũng có chỗ lồi, chỗ lõm không có không khí (vides atmosphériques).

Tên các Hành-tinh →	Thủy-tinh
Đường chực-kính theo đường xích-đạo (của trái Đất là 1)	0,37
Khối (của trái Đất là 1)	0,050
Cách xa mặt Trời theo Thiên-văn trái Đất là 1	0,30
Cách xa mặt Trời theo 1 Triệu cây số	58
Tổng thể (Masse) Địa-cầu là 1	0,056
Mật-độ (Densité) nước là 1	6,2
Trọng-lực trên đường xích-đạo trên Địa-cầu là 1	0,41
Thời giờ một chu-hành chung quanh mặt Trời	88 ngày
Thời giờ một Toàn hành	?
Số Vệ-tinh	0

GHI CHÚ CỦA NGƯỜI SỐ HÓA

Trang in gốc ghi số 106 — TRÙNG với số trang in 106 của trang trước (p140). Đây là lỗi đánh số của bản in 1958 (hoặc một trang không đánh số bị bỏ giữa p140 và p141). Vì vậy từ p141 trở đi, số

o LỜI BÀN : Đây là nói về Đồ-hình 64 quẻ của vua Phục-Hi, theo sự nghiệm xét của họ Thiệu thì đúng với sự thật của Đồ vẽ rồi, nhưng cái lý-thuyết của ông nêu lên không cho ta một cái ý-nghĩa gì sáng hơn, rõ rệt hơn. Đã đành rằng : theo sự phân chia như vậy tức là một cái gốc lớn mà dần dần gấp đôi lên, như thế gọi là lối Song-tiến số, như cái cây có gốc, có cành, cành lớn thì ít, cành nhỏ

trang in lệch 35 so với số trang scan (trước đó lệch 34). Người số hóa giữ nguyên số in cho trung thực.

Tiết 4 前八卦次序圖，即繫辭傳，所謂八卦成列者。此圖即其所謂因而重之者也。故下三畫，即前圖之八卦。上三畫則各以其序重之，而下卦因亦各衍而爲八也。若逐交漸生，則邵子所謂八分爲十六，十六分爲三十二。三十二分為六十四者。尤見法象自然之妙也。

DỊCH ÂM: Tiền Bát-quái thứ tự đồ, tức Hệ-từ, truyện, sở vị Bát-quái thành lệ giả. Thử Đồ tức kỳ sở vị nhân nhi trọng chi giả dã. Cố hạ tam hoạch, tức tiền đồ chi Bát-quái. Thượng tam hoạch tắc các dĩ kỳ tự trọng chi, nhi hạ quái nhân diệc các diễn nhi vi bát dã. Nhược truy hào tiêm sinh, tắc Thiệu-Tử sở vị bát phân vi thập lục. Thập lục phân vi tam thập nhị. Tam thập nhị phân vi lục thập tứ giả. Vưu kiến pháp-tượng tự nhiên chi diệu dã.

DỊCH NGHĨA : Hình vẽ thứ-tự tám quẻ trước đây, tức là chổ trong Hê-từ-truyện gọi là: «Tám thành hàng lối». Hình Đồ này tức là đề nhân gấp thêm lên. Cho nên ba vạch ở dưới tức là Đồ Bát-quái của hình vẽ trước, ba vạch ở trên thì đều theo thứ-tự mà nhân thêm lên, và những quẻ ở dưới nhân đó mỗi quẻ cũng diễn ra mà làm tám vậy. Nếu theo từng Hào mà sinh dần dần lên thì tức là Thiệu-Tử đã nói : 8 chia làm 16, 16 chia làm 32, 32 chia làm 64. Coi đó thấy sự Huyền-ảo của những Pháp-Tượng tự nhiên vậy.

(Xem hình Phục-Hi 64 quẻ thứ-tự ở trên).

o LỜI BÀN : Đây là nói về Đồ-hình 64 quẻ của vua Phục-Hi, theo sự nghiệm xét của họ Thiệu thì đúng với sự thật của Đồ vẽ

ở LỜI BÀN : Đây là nói về Đồ-hình 64 quẻ của vua Phục-Hi, theo sự nghiệm xét của họ Thiệu thì đúng với sự thật của Đồ vẽ rồi, nhưng cái lý-thuyết của ông nêu lên không cho ta một cái ý-nghĩa gì sáng hơn, rõ rệt hơn. Đã đành rằng : theo sự phân chia như vậy tức là một cái gốc lớn mà dần dần gấp đôi lên, như thế gọi là lối Song-tiến số, như cái cây có gốc, có cành, cành lớn thì ít, cành nhỏ thì nhiều. Nhưng sự phân chia các cành đều theo luật Song-tiến số, coi đó ta thấy sự mầu-nhiệm của Trời-Đất Vũ-trụ vậy. Đó là theo lý-thuyết

rồi, nhưng cái lý-thuyết của ông nêu lên không cho ta một cái ý-nghĩa gì sáng hơn, rõ rệt hơn. Đã đành rằng : theo sự phân chia như vậy tức là một cái gốc lớn mà dần dần gấp đôi lên, như thế gọi là lối Song-tiến số, như cái cây có gốc, có cành, cành lớn thì ít, cành nhỏ thì nhiều. Nhưng sự phân chia các cành đều theo luật Song-tiến số, coi đó ta thấy sự mầu-nhiệm của Trời-Đất Vũ-trụ vậy. Đó là theo lý-thuyết

hay cảm-tưởng của họ Thiệu. Tuy vậy chưa cho ta cái nghĩa huyền-diệu của Pháp-tượng tự-nhiên mà ông đã nói ở trên.

Theo sự nhận xét thì cái huyền-diệu đó ở trong sự thành 8 quẻ và 64 quẻ. Tại sao nếu cho 64 quẻ là nhiều thì sao không ngưng ở chỗ 32 quẻ, và nếu cho 64 quẻ là ít không đủ để trừu-tượng vạn-vật thì sao không đặt thêm $64 imes 2 = 128$ quẻ ? Và có người hỏi rằng : 32 quẻ hay 128 quẻ có thể đứng vững được không ? Vì lẽ gì ?

— Đáp rằng : Sự thành 64 quẻ không phải là sự ngẫu-nhiên của Thánh-nhân dừng ở đó đâu, nếu sự lấy 64 quẻ mà không có một lý do chắc-chắn làm nền tảng thì sự lấy 32 quẻ hay 128 quẻ cũng đều một ý-nghĩa như nhau. Nhưng lấy 64 quẻ bao-hàm bao nhiêu ý-nghĩa cao-siêu đến tột bậc mà Khoa-học hiện-thời cũng đã giải đến mà tôi chỉ tiếc rằng họ Thiệu một khối óc uyên-thâm về Tượng-số học, hiểu rõ đến Chân-lý mà không biên chép, giải-thích rõ ràng cho Hậu-thế như vậy thật là uổng thay !

Theo gót Thánh-nhân, am-hiểu được chút ít Văn-học và Khoa-học hiện kim, tôi xin giải ít hàng để cùng Học-giả tham-bác cái cao-siêu của Hiền-triết cổ kim.

Nhà Bác-học Leibnitz có nêu lên các thuyết «Đơn tử» Tiểu Thiên-địa và Đại Thiên-địa, cho rằng muôn vật ở trong đều có những thể-chất tượng hình cả một Thiên-địa từ vật nhỏ bé, từ cái Đơn-tử không tưởng cũng bao hàm những thể của Trời-Đất mà đức Phu-tử đã nêu lên cái thuyết: «Thiên-địa vạn vật nhất thể». Xem như vậy thì sự quan-niệm về Thiên-địa và vạn vật trên Vũ-trụ từ bên Đông đến

ở LỜI BÀN : Đây là nói về Đồ-hình 64 quẻ của vua Phục-Hi, theo sự nghiệm xét của họ Thiệu thì đúng với sự thật của Đồ vẽ rồi, nhưng cái lý-thuyết của ông nêu lên không cho ta một cái ý-nghĩa gì sáng hơn, rõ rệt hơn. Đã đành rằng : theo sự phân chia như vậy tức là một cái gốc lớn mà dần dần gấp đôi lên, như thế gọi là lối Song-tiến số, như cái cây có gốc, có cành, cành lớn thì ít, cành nhỏ thì nhiều. Nhưng sự phân-chia các cành đều theo luật Song-tiến số, coi đó ta thấy sự mầu-nhiệm của Trời-Đất Vũ-trụ vậy. Đó là theo lý-thuyết

bên Tây đều một lý do mà ta cũng có sự nhận định chắc chắn như thế, lấy đó làm một Định-lý bất di bất dịch để làm nền tảng giải-thích sự lập thành 64 quẻ.

Và theo Cổ-thuyết về Vũ-trụ sơ khởi trong kinh Dzyan Thi-vân 7 - Tiết 3 nói rằng :

— «Khi Một thành Hai, thì cái Ba hiền hiện. Cái Ba liên tiếp nhau thành Một và là cái giây liên-lạc của chúng ta. Ôi ! Đạo-sĩ cái tâm của cái Cây Người gọi là Saptaparna».

Theo như trên đã nói thì sự kết-thành người là do sự gấp 7 thể của Trời-Đất. Cái Cây Người «Saptaparna» có liên-lạc với 7 căn-nguyên. Và theo Phật-giáo thì người ta ví như cái Cây có 7 lá.

Và trong «Nhân-loại khởi thủy». Tiết 15 cũng đã nói đến: «Bảy lần Bảy cái Bóng của người sau này... (trên đã nói)».

Và chỉ nói Bảy là vì chỉ lấy sự vận-chuyển của 7 Hành-tinh chung quanh mặt Trời mà mặt Trời là khối toàn lửa tức là Kiền (Tiên-thiên). Trong Thiên Vũ-trụ khởi-thủy ở kinh Dzyan. Thi vân 4. Tiết 5 nói :

.....

cái hình Vuông vô-hình, và những cái Ba ấy nằm trong cái vòng tròn vô-biên là cái Bốn tôn quí; và những cái Mười (10) là cái Vũ-trụ vô-hình. Rồi đến những đứa con trai, 7 chiến-sĩ. Một đứa tức thứ Tám bỏ vào một bên, và cái hơi thổi của nó là kẻ làm ra Ánh-sáng».

— Đứa bị bỏ rơi tức là mặt Trời trong Thái-dương-hệ. Cõi «Vô-biên» hay là cõi vô cùng tận gọi một cách rất đúng là «Thần Mẫu» là vì trong cõi Âm thiêng-liêng của Vũ-trụ nở ra những Thiên-thể của Thái-dương-hệ, mặt Trời và những Hành-tinh. Nói về Vũ-trụ và Thiên-văn thì Bảy đứa con Trai hay là 7 Hành-tinh và mặt Trời bị bỏ ra ngoài tỏ rõ rằng hồi xưa người Ấn-độ có thể biết được cái Hành-tinh thứ bẩy mà không gọi ra là Uranus.

Xem như vậy thì bên Ấn-độ chỉ nói đến sự ảnh-hưởng của 7 Hành-tinh và có lẽ sự ảnh-hưởng của mặt Trời là một sự cần-thiết quá thường, cho nên không nói đến mà đã «bỏ rơi» vậy, vì lẽ ấy chỉ nói

ở LỜI BÀN : Đây là nói về Đồ-hình 64 quẻ của vua Phục-Hi, theo sự nghiệm xét của họ Thiệu thì đúng với sự thật của Đồ vẽ rồi, nhưng cái lý-thuyết của ông nêu lên không cho ta một cái ý-nghĩa gì sáng hơn, rõ rệt hơn. Đã đành rằng : theo sự phân chia như vậy tức là một cái gốc lớn mà dần dần gấp đôi lên, như thế gọi là lối Song-tiến số, như cái cây có gốc, có cành, cành lớn thì ít, cành nhỏ thì nhiều. Những sự phân chia các cành đều theo luật Song-tiến số, coi đó ta thấy sự mâu-nhiệm của Trời-Đất Vũ-trụ vậy. Đó là theo lý-thuyết

đến sự «gặp bậy» ảnh-hưởng đến sự vật.

Và cũng vì lẽ trên này tức là chỉ lấy sự vận-chuyển của 7 Hành-tinh mà lấy số $7 times 7 = 49$ làm số Cỏ Thi để chiếm theo khoa bói Cỏ Thi, như vậy tức là đã tách riêng ảnh-hưởng của mặt Trời ra ngoài mà phần nhiều trong khoa Bốc-Phệ như theo Quỉ-Cốc-Tử trong Hoàng-kim-sách hay Bốc-Phệ Chính-Tông lấy Nhật-thần là Ngày chiếm quẻ tượng là ảnh-hưởng của mặt Trời mà chiếu vào 6 hào, xung hợp, sanh khắc đều có ảnh-hưởng vậy.

Sự tách mặt Trời ra như vậy và sự dùng 49 tép Cỏ Thi đều có một ý-nghĩa rất sâu xa. Nếu ta lấy khoa Vật-lý-học về Quang-học (Optique) mà xét thì ánh-sáng mặt Trời hợp thành 7 màu và nếu ta lấy một cái đĩa như trên tôi đã nói, vẽ 7 màu và xoay cho thật nhanh thì mắt ta không thấy màu nào hết và chỉ thấy màu trắng thôi vậy.

Bảy màu theo sự vận-chuyển thành một màu thứ 8 là màu trắng. Quang-học đã cho ta thấy rõ ràng sự phân-tách và tổ-hợp ánh-sáng mặt Trời.

Và nếu ta lấy Âm-nhạc-học mà luận, ta cũng chỉ có 7 tiếng: Do Rê Mĩ Fa Sol La Si để hợp thành một cái thứ 8 gọi là Âm-giai (Gamme). Âm-nhạc-học cũng cho ta thấy rõ ràng sự phân-tách và tổ hợp Âm-thanh.

Xét như trên thì muôn vật ở trong Vũ-trụ đều có ảnh-hưởng của 7 vị Hành-tinh và mặt Trời tức là Thái-dương-hệ hay là cái Vũ-trụ thâu hẹp, cho nên trong một thể vật nhỏ bé đều có những nguyên-tắc căn-bản của 8 cái Ảnh-hưởng nên gọi là Tiểu-Thiên-địa. Ta có thể nói Phục-Hi là một vị Thánh-nhân thông suốt được muôn sự vật mà thuyết Thiên-địa vạn vật nhất thể mà Khổng-Tử đã lấy đó để giải cho Hậu-thế rồi sau đến thuyết Tiểu Thiên-địa (microcosme) và Đại Thiên-địa (macrocosme) mà Leibnitz giải rõ ra bằng nhiều luận-thuyết chắc chắn và rõ ràng. Hiện tại các nhà Bác-học đã tìm thấy nguyên-tử để giải rõ những cái gì uyên-thâm và cao-siêu của người xưa đã nêu lên từ hàng 6.000 năm nay rồi vậy.

ở LỜI BÀN : Đây là nói về Đồ-hình 64 quẻ của vua Phục-Hi, theo sự nghiệm xét của họ Thiệu thì đúng với sự thật của Đồ vẽ rồi, nhưng cái lý-thuyết của ông nêu lên không cho ta một cái ý-nghĩa gì sáng hơn, rõ rệt hơn. Đã đành rằng : theo sự phân chia như vậy tức là một cái gốc lớn mà dần dần gấp đôi lên, như thế gọi là lối Song-tiến số, như cái cây có gốc, có cành, cành lớn thì ít, cành nhỏ thì nhiều ; Nhưng sự phân chia các cành đều theo luật Song-tiến số, coi đó ta thấy sự mầu-nhiệm của Trời-Đất Vũ-trụ vậy. Đó là theo lý-thuyết

Phục-Hi đã thấy rõ rằng như thế mà lập thành 64 quẻ, mỗi một quẻ tức như một Thiên-địa đều có âm-dương của 8 quẻ hòa-hợp ở trong mà thành 64 quẻ. Với cái lý-thuyết cao-siêu huyền-diệu như vậy cho nên Đức Phục-Hi lấy 64 quẻ làm tiêu-chuẩn cho cả Vũ-trụ mà không dùng tới số 32, 16 hay 128 quẻ. Đã đành phép Song-tiến-số đã lấy sự tiến thoái của những con số hợp thành bởi âm - dương mà mỗi quẻ biểu - chương cho một sự vật; cho nên 64 quẻ tức là 64 cái thìa

khóa thiêng-liêng tượng-hình cho muôn sự vật ở trong

Vú-trụ — Mỗi một quẻ Gốc thành 8 quẻ liên lạc trực-tiếp với nó, Ví như quẻ Kiền gốc có 3 dương mà có sự hòa-hợp ở trong với 8 thể của 8 quẻ vậy. Như thế thì đã tỏ rõ quẻ Kiền phân chia theo ảnh-hưởng trực-tiếp của Thiên-lý. Vì lẽ ấy mà 8 quẻ gốc phân ra 64 quẻ, sự phân ra 16, 32 chỉ là những trạng-thái của phép Song-tiến số cần phải qua đó để đi đến số 64 và muốn có một ảnh-hưởng nhỏ bé hơn nữa thì mỗi một quẻ trong 8 quẻ sanh bởi quẻ Kiền mà ra đều có quẻ tụ ở trong 8 ảnh hưởng nữa tức là quẻ Kiền sinh ra 64 quẻ nhỏ mà trong 8 quẻ ắt có $64 times 8 = 512$ quẻ tức là tới số thứ 3 thành quẻ.

Thứ nhứt là 8 quẻ, thứ 2 là 64 quẻ, thứ 3 là 512 quẻ, số thứ 4 là $512 times 8 = 4096$ quẻ, số thứ 5 là $4096 times 8 = 32.768$ quẻ, số thứ 6 là $32768 times 8 = 262.144$, số thứ 7 là $262.144 times 8 = 2.097.152$, số thứ 8 là $2.097.252 times 8 = 16.777.216$ quẻ vân vân tức là gấp 8 một. Ví-dụ quẻ Kiền.

— — — — — — — —

— — — — — — — —

— — — — — — — —

— — — — — — — —

— — — — — — — —

— — — — — — — —

— — — — — — — —

— — — — — — — —

1 2 3 4 5 6 7 8

Tám quẻ trên đây đều gốc là quẻ Kiền.

Các quẻ dưới cũng đều phân ra như quẻ Kiền trên theo thể gấp 8 mà thành 64 quẻ.

ĐẶT TÊN CHO 64 QUẺ

Sự đặt tên cho 64 quẻ có lẽ là ở Vua Văn-Vương mà tên của từng quẻ đều theo cái lý như sự đặt tên cho 8 quẻ ở Tiên-Thiên Bát-Quái mà trên tôi đã giải. Nhưng đây tôi lấy ví-dụ quẻ Kiền và những quẻ biến của quẻ Kiền để giải.

Ví như quẻ <!– TODO: Check chữ mờ –> tức là quẻ thứ 2 sau quẻ Kiền

trong hình Đồ 64 quẻ của Phục-Hi. Quẻ <!– TODO: Check chữ mờ –> tức là

quẻ có 5 hào dương ở dưới và 1 hào Âm ở trên. Hay là trên có quẻ Đoài có nghĩa là đẹp-lòng, vui-vẻ, dưới có quẻ Kiền có nghĩa là cứng mạnh. Có hai nghĩa ấy tức là trong (trong là quẻ dưới, ngoài là quẻ trên) thì sáng suốt cứng mạnh ất có sự động mà phát ra ngoài, ngoài lại có tượng là đẹp lòng. Có sự cương-quyết ở trong và sự vui-đẹp ở ngoài ất có sự quyết-định. Nhờ có sự hợp nghĩa của hai quẻ như vậy mà Thánh-Nhân lấy để đặt tên cho quẻ ấy là quẻ Quải có nghĩa là Quyết. Hình vạch ra tức là để ghi cái tư-tưởng của người, chữ là một thứ hình vạch ra có hệ-thống hợp lại với nhau để ghi những tư-tưởng và lời nói, truyền-bá để phổ-

thông khắp mọi nơi. Thứ nhất là chữ Trung-Hoa là một thứ hình vẽ đề tả cái tư-tưởng và ý-nghĩa thật rõ-rệt. Ví dụ chữ 人 : nhân là người viết như hình người đứng dạng chân; chữ 無 : vô là không, có hình bó củi ở trên, dưới có chấm hỏa, củi bị lửa đốt không còn gì tức là không, vân vân. Cho nên trong thời Thái-Cổ sự ghi chép tư-tưởng và ý-nghĩa bằng những hình vạch đơn giản với một hệ-thống giản-dị là hai gạch, gạch liền — là Dương, gạch đứt — — là Âm. biến-chuyển theo một Hệ-thống song-tiến giản-dị vậy.

Cũng vẫn lấy ví-dụ trên ta thấy 5 hào Dương ở dưới có một hào Âm ở trên,

䷪

tức là lúc đạo Dương hết sức thịnh, có một Âm ở hào trên cùng cực ắt Dương tiến lên mà quyết-định thề Âm. Đó là lấy nghĩa hình quẻ mà đặt tên cho quẻ.

Thánh-Nhân lấy những lý do đó mà đặt tên cho 64 quẻ, gồm như sau đây :

1.° — lấy nghĩa của hai thể quẻ hợp thành.

2.° — lấy hình của vạch quẻ.

3.° — lấy Tài-Đức của 2 quẻ hợp thành.

Thánh nhân đã dùng 3 cách trên đề đặt tên cho 64 quẻ vậy.

Tiết 5: 伏羲四圖, 其說皆出邵氏。蓋邵氏得之李之才挺之, 挺之得之穆修伯長, 伯長得之華山希夷先生, 陳摶圖南者, 所謂先天之學也。此圖圓布者乾盡午中。坤盡子中, 離盡卯中。坎盡酉中。陽生於子中, 極於午中。陰生於午中, 極於子中。其陽在南, 其陰在北。方布者, 乾始於西北, 坤盡於東南。其陽在北, 其陰在南。此二者, 陰陽對待之數。圓於外者為陽。方於中者為陰。圓者動而為天, 方者靜而為地者也。

Dịch-Âm. — Phục-Hi tứ Đồ, kỳ Thuyết giai xuất Thiệu thị. Cái Thiệu-thị đắc chi Lý-chi-Tài, Đĩnh-Chi. Đĩnh-chi đắc chi Mục-Tu Bá-Trưởng. Bá-Trưởng đắc chi Hoa-Sơn Hy-Di Tiên-sinh Trần-

Đoàn Đồ-Nam giả, sở vị Tiên-Thiên chi học dã. Thử Đồ viên bố giả, Kiền tận Ngọ trung, Khôn tận Tý trung, Ly tận Mão trung, Khảm tận Dậu trung. Dương sinh ư Tý trung, cực ư Ngọ trung. Âm sinh ư Ngọ trung, cực ư Tý trung. Kỳ Dương tại Nam, kỳ Âm tại Bắc. Phương bố giả Kiền thuỷ ư Tây-Bắc, Khôn tận ư Đông-Nam. Kỳ Dương tại Bắc, kỳ Âm tại Nam. Thử nhị-giả Âm Dương đối-đãi chi số. Viên ư ngoại giả vi Dương, Phương ư trung giả vi Âm. Viên giả động nhi vi Thiên, Phương giả tĩnh nhi vi Địa giả dã.

Dịch nghĩa.— Các thuyết về 4 hình Đồ trên đây đều do họ Thiệu mà ra. Bởi vì họ Thiệu học được của Lý (Chi-Tài) Đĩnh-Chi Đính Chi học, được của Mục (Tu) Bá-Trưởng. Bá-Trưởng học được của Hy-Di Tiên-Sinh, tức là Trần-Đoàn tự Đồ-Nam ở núi Hoa-Sơn, gọi là học thuyết Tiên-Thiên.

Hình xếp tròn thì quẻ Kiền tận giữa cung Ngọ quẻ Khôn tận giữa cung Tý, quẻ Ly tận giữa cung Mão, quẻ Khảm tận giữa cung Dậu. Dương sinh bắt đầu cung Tý, cực ở cung Ngọ. Âm sinh bắt đầu từ cung Ngọ cực ở cung Tí. Theo Đồ trên thì Dương ở hướng Nam, Âm ở hướng Bắc.

Hình xếp vuông thì quẻ Kiền bắt đầu ở Tây-Bắc, Khôn ở tận Đông-Nam, theo hình đồ nầy thì Dương ở hướng Bắc, Âm ở hướng Nam. Theo hai hình đồ xếp đặt như trên thì Âm-Dương đối đãi nhau. Hình Tròn ở ngoài là Dương, hình vuông ở trong là Âm. Hình Tròn động là Trời, hình vuông tĩnh là Đất vậy.

Phụ-lục.— Thiện-tử nói rằng : Trước Vô-cực thì Âm ngậm Dương, (nghĩa là từ Khôn đến Cấu) về sau có tượng dương phân âm (nghĩa là từ Phục đến Kiền) .

Đại Dịch lại nói rằng : 4 Tượng cùng giao nhau thành 16 duy, 8 quẻ chuyển cùng nhau làm 64 quẻ.

Khang-Hi ngự-án : Châu-Tử gọi Vô-cực là Thái-cực nghĩa là lấy cái bản thể của âm dương mà nói. Sách Trung-Dung gọi là Tĩnh của Thiên-Mệnh. Thiệu-Tử gọi là Vô-cực, lấy cái khu-nữu của sự Động

Tĩnh mà nói, sách Trung-Dung gọi là « cái ở trong tâm chưa phát ra. »

Có thơ rằng : Nhĩ mục (Khảm-Ly) thông minh Nam-tử thân.

Hồng câu (Kiền Khôn) phú dự bất vi bần.

Xin coi hình V : Phục-Hi lục-thập tứ quái đồ tròn và vuông ở trên.

Tu thám Nguyệt-quật (Cấu) phương trì vật (âm sinh dương).

Vị nhiếp Thiên-căn (Phục) khởi thức nhân (dương sinh nhân).

Kiền ngộ Tốn (Thiên phong: Cấu ở cung Ngọ) thời quan Nguyệt-quật.

Địa phùng Lôi (Địa-Lôi: Phục ở cung Tý) sử kiến Thiên-căn.

Thiên-căn Nguyệt-Quật nhân lai vãng.

Tam thập lục cung đô thị Xuân.

Dịch-nghĩa:

Tai mắt (thuộc quẻ Khảm Ly) thông minh ở thân người con Trai.

Ánh sáng trên hồng-trần (Kiền Khôn) phú cho ta không phải là ít.

Nên xem xét mặt-Trăng trong hang tối (Cấu) là cách biết vật, (âm sinh ra vật).

Chưa tóm được Thiên-căn bắt đầu biết người (dương sinh ra người).

Kiền gặp Tốn (Thiên phong: Cấu ở cung Ngọ) là lúc xem mặt Trăng ở hang tối.

Đất gặp sấm (Địa-lôi: Phục ở cung Tý) chỗ thấy Thiên-căn.

Thiên-căn và mặt Trăng trong hang tối nhàn nhã đi lại.

Hết 36 cung lại quay về mùa Xuân.

Chu-Tử nói rằng : Đồ Tiên-Thiên từ quẻ Phục đến Kiền là dương (dương khởi ở quẻ Phục), quẻ Cấu đến Khôn là âm (âm khởi ở quẻ Cấu) Thiên căn Nguyệt-quật chỉ 2 quẻ Phục Cấu, đó là nói chỗ bản-đồ khởi cái Thuyết 36 cung, tượng của trùng-quái không di-dịch là 8 quẻ. (Trong Thượng-Kinh có 6 quẻ không dịch: Kiền, Khôn, Khảm, Ly, Di, Đại-quá. Hạ-Kinh có 2: Trung-phu và Tiểu-quá. Còn lại có 28 quẻ phản-dịch như quẻ Chuân phản lại là quẻ Mông chẳng hạn, gốc còn 56 quẻ (64-8) dịch lại chỉ còn có 28). Lấy 36 $(28 + 8)$, biến làm 24 $(30 - 6)$ vậy.

Hỏi: Đô-thị-Xuân [Đô nghĩa là chỗ tụ-hợp tất cả lại như Kinh Đô một nước) muốn nói Thiên-lý lưu-hành thường chu-lưu hết các nơi như lúc đó là bĩ sao ? Rằng: vậy.

Họ Ngô nói rằng ; Quái-đồ của Phục-Hi thì luân-lạc ở phương-kỹ (cách-thức kỹ-thuật) của nhà luyện Đan đến Thiệu-Tử bắt đầu được

Nguyệt-Quật - là Mặt Trăng ở tuần Sóc, từ mùng 3 đến mùng 7, người ta thường nói : Tây du Nguyệt-Quật, Đông tiềm Phù-Tang, nghĩa là Mặt Trăng bắt đầu lên ở hướng Tây, Mặt Trời ở hướng Đông

Luyện Đan : là phép luyện Tràng-sinh.

cái lý ấy mà phát ra rõ ràng

Chu-Tử nói rằng: Đồ tròn tượng Trời, Đồ vuông tượng Đất.

Hỏi Thiệu-Tử rằng: Học về Thiên-tiên có phải là Tâm-pháp không ?

Hai Đồ đều theo ở trong tâm ra, vậy vạn-hóa vạn sự sinh ở tâm ra phải không ?

Rằng : Cái trong ấy là chỗ trong trắng, đó là Thái-cực, vạn-vật vạn-hóa đều theo ở trong đó lưu-loát xuất ra, đó là Tâm-pháp đều theo ở trong tâm mà ra vậy.

Hỏi : Đồ không có chữ, ta nói đến suốt ngày không ngớt là tại làm sao ? (nhời của Thiệu-Tử).

Rằng : Tiên-thiên, bây giờ lấy sự vận-chuyển một Năm mà nói, nếu nói lớn lao ra từ cổ, kim thì 129.600 năm, nhỏ thì lấy một ngày 12 giờ, thì cũng chỉ như một vòng tròn đi vòng theo lên trên đến nơi lại bắt đầu đi lại.

Lại lấy Tháng mà nói, từ Khôn mà lấy Chấn là chỗ tháng bắt đầu sinh đến Đoài là thượng-huyền, Kiền là vọng-nguyệt, Tốn thì bắt đầu khuyết, đến Cấn là hạ-huyền, đến Khôn thì tối hẳn.

Lại nói rằng: Một ngày có vận của ngày, một năm có vận của năm. Lớn như thủy chung của Trời Đất, nhỏ như sự sinh-tử của Nhân Vật, xa như các

đời, biến thiên như cổ kim đều không ngoài cái vận ấy, đó chỉ là cái lý đầy vơi tiêu tức sinh ra. Như phép Nạp-giáp : Kiền nạp Giáp Nhâm, Khôn nạp Ất Quí, Ly nạp Đoài, Khảm nạp Mậu, Tốn nạp Tân, Chấn nạp Canh, Đoài nạp Đinh, Cấn nạp Bính cũng thế vậy.

Tiên-thiên là Phục-Hi Đồ, tuy không nói đến «Từ» mà biểu-lượng cho nhiều thứ thật là rộng rãi.

Hỏi : Tiên-thiên Đồ và Thái-cực Đồ không giống nhau ; mặt Trời ở không-gian rỗng không, thế cũng như Thái-cực sao ?

Vương-Bật, họ Hồ nói rằng : Từ khi có Tiên-thiên Đồ đến nay, như phép nạp-giáp, phép tu-dưỡng của các Đạo-gia (đời Hán, Ngụy-Bá-Dương lấy Kiền Khôn làm Hỏa-đỉnh, Khảm Ly làm Hỏa-hầu (Kundalini) tiếng Ấn-độ) ; dưới đến sách Hỏa-châu-lâm (1) do Hán Kinh-Phòng làm ra. Lâm-Túc làm Chiếm-phệ (Bói). Các sách đều tự ở Tiên-thiên Đồ ra cả, nên nói trong đó có cái Lý của Trời-đất vạn-vật vậy.

Nhân Thiệu-Tử lấy cái thuyết tiết Đông-chí ở giữa tháng Tý, mà suy đi ; lấy các quẻ (64) phân phối các tiết-khí trong năm (24 tiết) từ quẻ Phục (1 dương) làm Đông-chí giữa tháng Tý (giữa tháng

9 LỜI BÀN. — Trên đây nói cái thuyết của Thiệu-khang-Tiết lập ra hình đồ 64 quẻ của Tiên-thiên và Hậu-thiên, họ Thiệu thụ được cái học thuật của họ Lý, họ Lý thụ được của họ Mục, họ Mục thụ được của Trần-Đoàn đời Tống. Các vị Hiền-triết trên đây tôi sẽ viết tiểu-sử ở dưới. Họ Thiệu hấp-thụ được Lý-học của tiền-nhân an bày vị-trí 64 quẻ của Tiên-thiên và Hậu-thiên nhưng không giải cho hậu-thế cái nghĩa an bày, mà chỉ nói theo hình tròn và hình vuông thì Âm Dương tương-đối nhau, thật là khó hiểu, làm cho Học-giả về Dịch mới nhập-môn lịch-duyệt lập-phương, trông ngắn cũng hóa ra dài, trông

(1) Chỗ Hoà-châu trong người tụ tập ở chỗ xương đít (Sacrum).

tháng 11 (1) Đoài, Chấn làm Tiểu thần, bắt đầu tháng Sửu (12). Chấn, Phệ-hạp, Tùy làm «Đại-hàn», giữa tháng Sửu – Vô-vọng, Minh-Di làm «Lập-xuân», bắt đầu tháng Dần (riêng), Bí, Ký-tế, Gia-nhân làm «Vũ-thủy» giữa tháng Dần. Phong, Ly, Cách làm «Kinh-chập», bắt đầu tháng Mão (hai), Đồng-nhân, Lâm làm «Xuân-phân» giữa tháng Mão. Tốn, Tiết, Trung-phu làm «Thanh-minh» bắt đầu tháng Thìn (3). Qui-muội, Khuê, Đoài làm «Cốc-vũ», giữa tháng Thìn ; Lý, Thái làm Lập-hạ bắt đầu tháng Tỵ (4). Đại-súc, Nhu, Tiểu-súc làm «Tiểu-mãn» giữa tháng Tỵ (4) Đại-tráng, Đại-hữu, Quải làm «Mang-chủng» bắt đầu tháng Ngọ (5) đến chót Kiền giao «Hạ-chí» giữa tháng Ngọ (6) vậy. Trên đây là 32 quẻ đều tiến mà được Chấn Ly Đoài Kiền. (Từ Chấn đến Kiền là số đã qua : Kiền 1, Đoài 2, Ly 3, Chấn 4, là những quẻ đã sinh).

Cấu (1 âm) là «Hạ-chí», giữa tháng Ngọ (5) Đại-quá, Đỉnh, Hằng làm «Tiểu-thử» bắt đầu tháng Mùi (6). Tốn, Tỉnh, Cổ làm «Đại-thử» giữa tháng Mùi. Thăng, Tụng làm «Lập-thu» bắt đầu tháng Thân (7). Khổn, Vị-tế, Giải làm «Xử-thử» giữa tháng Thân. Hoán, Khảm, Mông làm «Bạch-lộ», bắt đầu tháng Dậu (8). Sư, Độn làm «Thu-phân»

giữa tháng Dậu. Hàm, Sư, Tiền-quá làm «Hàn-lộ» bắt đầu tháng Tuất (9). Tiệm, Kiền, Cấn làm «Sương-dáng» giữa tháng Tuất. Khiêm, Bĩ làm «Lập-đông» bắt đầu tháng Hợi (10). Tùy, Tấn, Dự làm «Tiểu-tuyết» giữa tháng Hợi, Quan, Tỷ, Bác làm «Đại-tuyết» bắt đầu tháng Tý (11) đến chót Khôn giao «Đông-chí» giữa tháng Tý vậy. Đây là 32 quẻ đều tiến mà được vậy. Tốn Khảm Cấn Khôn, tự Tốn đến Khôn là Biệt sẽ đến Tốn 5, Khảm 6, Cấn 7, Khôn 8, là những quẻ chưa sinh (2 lần 2 là 4, lập 8 tiết mỗi tiết kể là 2 quẻ, còn 16 khí mỗi khí kể là 3 quẻ).

9 LỜI BÀN. — Trên đây nói cái thuyết của Thiệu-khang-Tiết lập ra hình đồ 64 quẻ của Tiên-thiên và Hậu-thiên, họ Thiệu

thụ được cái học thuật của họ Lý, họ Lý thụ được của họ Mục, họ Mục thụ được của Trần-Đoàn đời Tống. Các vị Hiền-triết trên đây tôi sẽ viết tiểu-sử ở dưới. Họ Thiệu hấp-thụ được Lý-học của tiền-nhân an bày vị-trí 64 quẻ của Tiên-thiên và Hậu-thiên nhưng không giải cho hậu-thế cái nghĩa an bày, mà chỉ nói theo hình tròn và hình vuông thì Âm Dương tương-đối nhau, thật là khó hiểu, làm cho Học-giả về Dịch mới nhập-học đến đây đã vấp phải một sự ngăn cản khó hiểu không bờ bến. Ta tự hỏi tại sao vòng tròn tượng

Trời mà vuông tượng Đất và sự an bày các quẻ đều sai hướng nhau, sao không đồng sinh ra cùng một hướng?

Đấy là những cánh cửa dày nặng đóng ngăn không cho Học-giả vào trong Dịch-học vậy. Hóa cho nên đọc Dịch ít chương phần nhiều người khảo Dịch phải bó tay trước những luận-thuyết mù-mịt mênh-mông mà sau đành bỏ dở và cho Dịch-lý là tâm-truyền, bí-truyền thôi vậy.

Tôi gắng công tìm kiếm các bạn mạnh tiến với tôi, chúng ta sẽ vén mở được những cái cửa vô-hình cản ngăn giữa đường ta. Nhưng ta phải tuần-tự mà tiến dần lên, theo những nấc thang Khoa-học mà tôi trích-dịch ra đây làm những tiêu-chuẩn từng đoạn, từng trạng-thái để tiến lên qua những sự âm-u mù-mịt.

o9o

THÁI-DƯƠNG-HỆ

Ta phải hiểu rõ cái Thái-dương-hệ tức là cái Vũ-trụ thâu hẹp mà trái Đất ta ở trong đó.

HÀNH-TINH THỨ TỰ

1- Mercure : Thủy-tinh.

2- Vénus : Kim-tinh (sao Hôm, sao Mai, sao Thái-bạch).

3- Terre : Trái Đất.

4- Mars : Hỏa-tinh.

5- Jupiter : Mộc-tinh.

6- Saturne : Thổ-tinh.

7- Uranus : Thiên-vương-tinh.

8- Neptune: Thủy-thành-tinh.

Theo các Hành-tinh mà ta đã định nghĩa ắt cũng có một lý-do cho nên tôi lấy những Hành-tinh đó so-sánh với Bát-quái.

1.- Thủy - tinh (mercure) thuộc hành Thủy tượng của quẻ Khảm ☵

2.- Kim-tinh (vénus) — — Kim Kiền ☰

3.- Trái-đất (terre) — — Thổ Khôn ☷

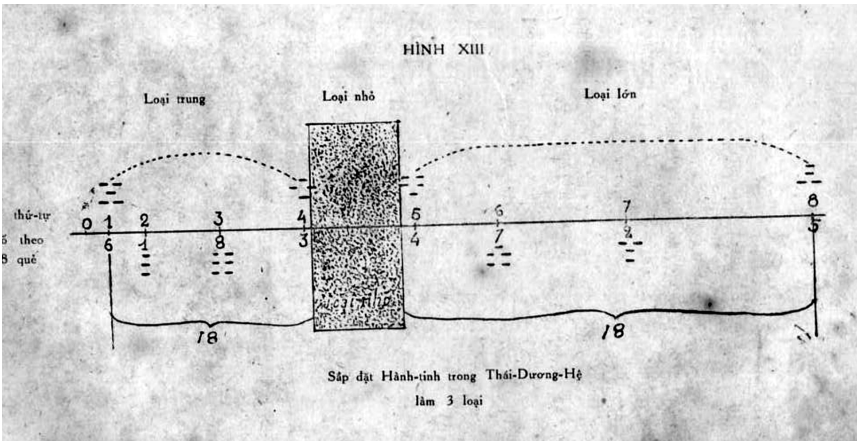
4.- Hỏa-tinh (mars) — — Hỏa Ly ☲

5.- Mộc-tinh (jupiter) — — Mộc Chấn ☳

6.- Thổ-tinh (saturne) — — Thổ Cấn ☶

7.- Thiên-vương-tinh (uranus) — — Kim Đoài ☱

8.- Thủy-thành-tinh (neptune) — — Mộc Tốn ☴



Hình XIII. Sắp-đặt Hành-tinh trong Thái-Dương-Hệ làm 3 loại

Theo những quẻ mà ta đã so-sánh với 8 Hành-tinh chính thì xét ra sự đối đãi Âm Dương các quẻ ở trong loại trung, cũng giống như trong loại lớn tức là :

Hành-tinh 1 với Hành-tinh 4 $(4 + 1 = 5)$ (số thứ tự).

䷀ < ——————————————— > ䷁

Âm Dương tương-đối nhau

Hành-tinh 2 với Hành-tinh 3 : $(3 + 2 = 5)$.

䷂ < ——————————————— > ䷇

Âm Dương đối-đái nhau

Sự giao-hợp trong và ngoài của Âm Dương theo số thứ-tự đều được số 5.

— Theo những Hành-tinh loại lớn ta xét thấy sự giao-hợp Âm Dương cũng đi đến một lượng số giống nhau ; như :

Hành-tinh 5 với Hành-tinh 8 : $5 + 8 = 13$.

䷊ < ——————————————— > ䷓

Âm Dương hòa-hợp nhau

Hành-tinh 6 với Hành-tinh 7 : $6 + 7 = 13$.



Âm Dương hòa-hợp nhau

Và nếu ta lấy những số quẻ đã thành ở Tiên-Thiên Bát-quái thì ta thấy sự cân-đối lạ lùng.

Xem như vậy thì :

a) Loại Hành-tinh trong được số 18.

b) Loại Hành-tinh ngoài được số 18.

Và nếu ta lấy số trong là Dương-số vì gần mặt Trời hơn thì là : $+18$.

Số ngoài là Âm-số xa mặt Trời là : -18.

Hai số hòa nhau : $+18 - 18 = 0$, hợp nhau thành sự quân-bình tuyệt-đối vậy.

Số 18 có số 1 ở đầu tượng là mặt Trời và số 8 tượng 8 Hành-tinh theo mặt Trời.

Số 18 cộng lại $1+8 = 9$ là lượng-số của Sinh-thần-khí hay là những Linh-khí của mặt Trời và 8 Hành-tinh vận-chuyển mọi nơi để sinh vật mà trong kinh Dyyạn thường nói đến. Những Hành-tinh cách xa mặt Trời hình như cũng theo một luật nhất định. Cũng vì lẽ nghĩ như vậy mà năm 1778 một nhà Thiên-văn Đức tên là Bode mới phát huy ra một đạo luật để xem biết sự cách xa các Hành-tinh đối với mặt Trời. Luật ấy gọi là luật Bode. Nhưng tra cứu ra thì Bode theo cách của Titius cũng người Đức đã lập ra năm 1772 và ông nầy cũng theo một người Đức thứ ba tên là Wolf lập ra năm 1741.

Luật đó như sau nầy :

— Lấy một hàng số bắt đầu từ 0 rồi 3, 6 vân vân nghĩa là cứ gấp đôi số trước thì được là : $0-3-6-12-24-48-96-192$ thêm số 4 vào mỗi một số thì được hàng số mới là : $4-7-10-16-28-52-100-196$ thì người ta thấy hàng số nầy là hàng số của các Hành-tinh cách xa mặt Trời.

Nếu người ta lấy quãng cách từ trái Đất đến mặt Trời là 10, thì Mercure cách 4, Vénus cách 7, Mars cách 16, Jupiter cách 52, Saturne cách 100. Hồi đó mới tìm thấy Saturne là Hành-tinh chót.

Đến 1781 sau ba năm tuyên-bố luật Bode ông Herschell tìm ra được Uranus và nó cách mặt Trời gần đúng với số 196 mà ông Bode đã tìm thấy trước.

Theo những công-trình vĩ-đại của các nhà Thiên-văn Âu-Mỹ đã nghiên-cứu, tôi xin phép trích ra đây một đồ-biểu để các Học-giả có một ý-tưởng rằng cái trí-óc người ta đã bao-hàm được cả Vũ-trụ rồi vậy.

BIẾN ĐỔI CỦA TIÊN-THIÊN RA HẬU-THIÊN BÁT-QUÁI

Theo Tiên-Thiên Bát-quái và Hình XIII

Kiền Nam

Ly Đông Khảm Tây

Khôn Bắc

Nếu lấy Tiên-Thiên Bát-quái thứ-tự xếp theo số của nó thì ta được là:

Kiền-Đoài-Ly-Chấn-Tốn-Khảm-Cấn-Khôn.

Và so sánh với Hình XIII trong đám Hành-tinh trong thì thấy :

Khảm-Kiền-Khôn-Ly.

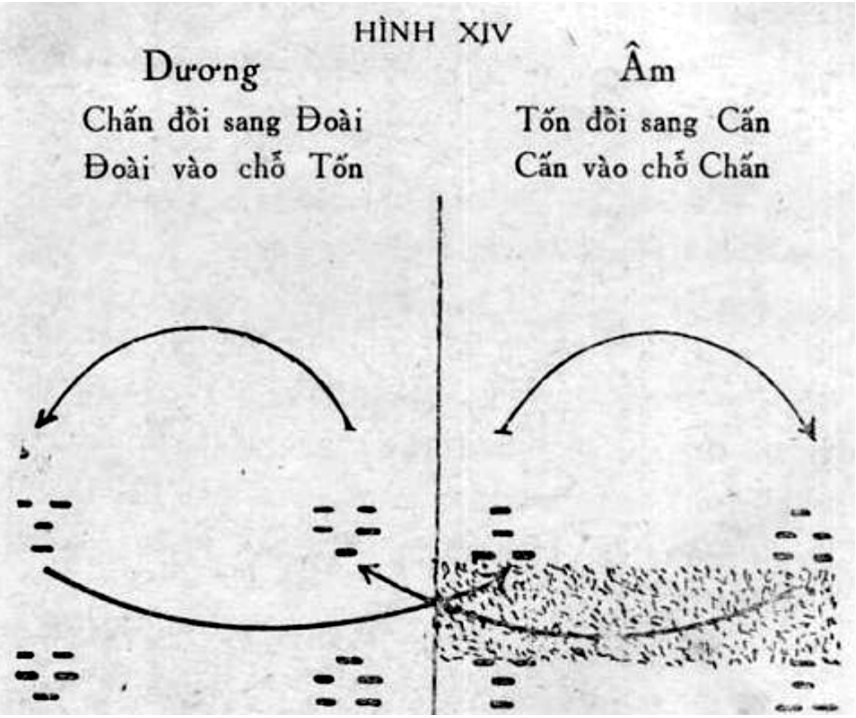
Kiền Khôn thu vào trong mà Khảm Ly ra ngoài. Đó là vật đã thành theo cõi Hậu-Thiên.

Và so sánh với đám Hành-tinh lớn ở ngoài thì :

Chấn-Cấn-Đoài-Tốn.

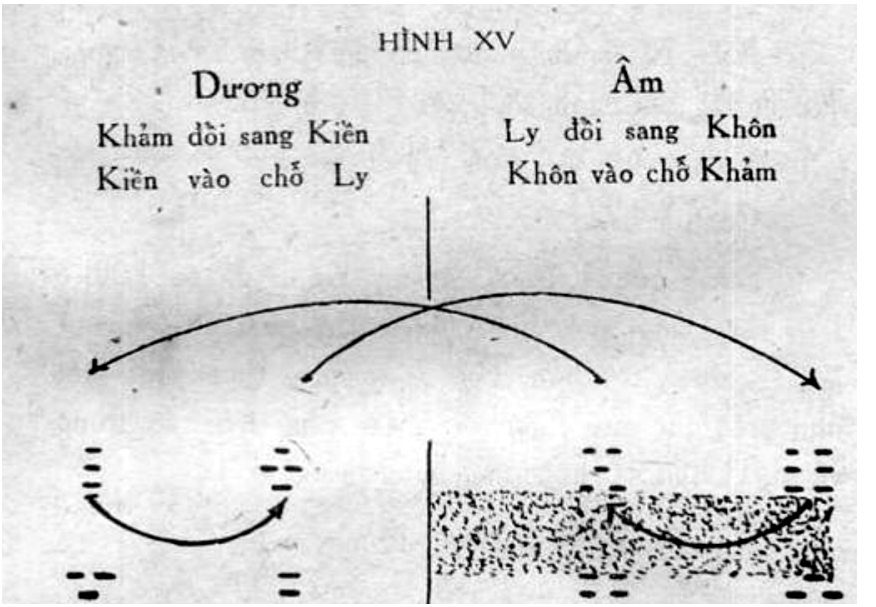
Bỏ 4 quẻ Kiền-Khảm-Ly-Khôn đã so sánh ở trên thì trong quẻ Tiên-Thiên Bát-quái còn 4 quẻ là :... Đoài... Chấn Tốn... Cấn... theo định-

luật như trên thì quẻ Cấn và Đoài phải trở vào trong và quẻ Chấn và Tốn phải bong ra ngoài.



Hình XIV. Chuyển-động và hoán-đổi vị-trí 4 quẻ Chấn-Đoài-Tốn-Cấn

Trên là tình-trạng thay đổi của 4 quẻ ở Tiên-thiên. Dưới theo thứ-tự của Thái dương-hệ.



XV. Sơ đồ mô tả sự thay đổi vị trí và chuyển động của các quẻ Khảm, Kiền, Ly, Khôn

Dương	Âm
Khảm dời sang Kiền	Ly dời sang Khôn
Kiền vào chỗ Ly	Khôn vào chỗ Khảm

Trên là tình-trạng thay đổi của 4 quẻ ở Tiên-thiên. Dưới theo thứ-tự của Thái-dương-hệ.

Xét hai Đồ-biểu trên đây thì những hành-tinh vận-chuyển các quẻ đều giống nhau, ta có thể lấy đó mà lập một định-luật chung như sau này của sự biến-thể từ cối vô-hình ra cối hữu-hình hay từ cối Tiên-thiên ra cối Hậu-thiên.

Định-luật căn-bản : - Trong bong ra ngoài. - Ngoài toài vào trong.

Đó là nói chung để lập một định-luật thì hành-trình của các quẻ đều giống nhau nhưng chỉ khác là :

a) Theo hình vẽ về Hành-tinh ở trong thì Kiền và Khôn vẫn không đổi cái thể của nó, nghĩa là Dương vẫn trong Dương và Âm vẫn trong Âm. Nhưng quẻ Ly và Khảm theo Tiên-thiên Bát-quái thì quẻ Ly thuộc Dương mà Khảm thuộc Âm. Theo hình dưới đây thì có sự thay đổi tức là Khảm sang là thể Dương hay là thành Dương-quái trong Hậu-thiên và Ly sang làm thể Âm thành Âm-quái trong Hậu-thiên.

b) Theo hình vẽ Hành-tinh ở ngoài thì sự vận-chuyển của 4 quẻ đều theo cùng một nhịp như 4 quẻ trên nhưng có sự ngược ở trong những quẻ đổi ngôi.

Ở đây là những quẻ ở trong giữ được nguyên-thể của nó: nghĩa là những quẻ Chấn và Tốn, quẻ Chấn là Dương-quái ở Tiên-thiên tuy có sự biến-đổi vẫn giữ thể Dương nhưng ở trong bong ra ngoài; quẻ Tốn là Âm-quái theo Tiên-thiên tuy có sự biến-đổi mà vẫn giữ được thể Âm của nó. Nhưng những quẻ ngoài là Đoài và Cấn, tức phải ở ngoài loài vào trong. Cho nên có sự biến-thể.

Do đó ta có thể lấy thêm hai Định-lý như sau này cho các sự vật biến-đổi ở trong và ngoài :

1- Nếu có sự biến-đổi ở vòng trong để thành vật hữu-hình, theo định-luật trên là Trong bong ra

ngoài thì Biến-thể và Ngoài toài vào trong còn Nguyên-thể.

2.- Nếu có sự biến-đổi ở vòng ngoài để thành vật hữu-hình theo định-luật :

a) Trong bong ra ngoài là Nguyên-thể.

b) Ngoài toài vào trong là Biến-thể.

Trên đây là Định-lý phụ thuộc cho Định-lý căn-bản trên.

Và theo thứ-tự những Đồ-biểu ở trên ta có những quẻ như sau này :

Thuộc Dương-quái: Kiền, Khảm, Cấn, Chấn.

Thuộc Âm-quái : Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

Như vậy theo những sự nhận-định với những đạo-luật của Thiên-nhiên thì Tiên-thiên Bát-quái đã đổi thành Hậu-thiên theo những luật-định thường tình của Thiên-lý. Ta có thể nói là Tiên-thiên Bát-quái của Phục-Hi là một bản-đồ thâu gồm hết những lý-tưởng của Thiên-lý trước khi thành Thái-dương-hệ; thành Vũ-trụ hữu-hình này vậy. Và sau Hậu-thiên Bát-quái của Văn-Vương mà ở trong ta thấy có những quẻ đổi ngôi-thứ và biến-thể không phải Văn-Vương theo sự ngẫu-nhiên mà đổi vậy. Trong sự biến-đổi đó bao gồm cả một Định-luật thiết-yếu của Thiên-lý từ vật vô-hình đến thành

vật hữu-hình. Những đạo-luật mà tôi đã lập thành trên kia tức là những luật-định thường tình mà ta thường thấy ở Ta và ở những vật chung quanh ta. Ví như giống đực giống cái trước khi thành bào-thai, giao hợp nhau, deo-dắc cái nguyên-tử đầu tiên trong dạ con giống cái ; sống trong một thời-gian nhất định tùy từng giống một, có những sự biến-đổi bắt đầu từ cái Dương khí vô-hình từ ngoài bắn vào trong, dung-hòa Âm khí, trong một thời-gian thai-nghén, thì mãn nguyệt khai hoa. Cái thể ở trong bong ra ngoài mà thành hình vậy, đó là Động-vật. Cho đến thực-vật cũng như hạt sen có cái nhân sanh nhỏ bé, nó là nguyên-hình cái cây sen sau này. Gieo hạt sen xuống bùn thì dần dần mầm mọc lên, tức là cái nhân sanh ở trong hạt bong ra ngoài. Khi thành cây sen rồi có hoa có hương và những hạt sen lại thành ở trong hương sen như vậy tức là ngoài toài vào trong.

Theo những thực-nghiệm mà ta thấy những sự biến-đổi trên đời đúng với những Định-luật trên. Ta có thể kết-luận là Phục-Hi Bát-quái và Văn-Vương Bát-quái là hai bản-đồ tuyệt-đối mà Á-đông ta được vinh-dự hưởng cái gia-tài quí báu đó.

Xét như trong Thái-dương-hệ ta cũng thấy có sự giao-hòa của Âm-Dương từ trong cho ra đến ngoài, chỗ nào cũng duy-trì đạo Thái-hòa của Thiên-lý.

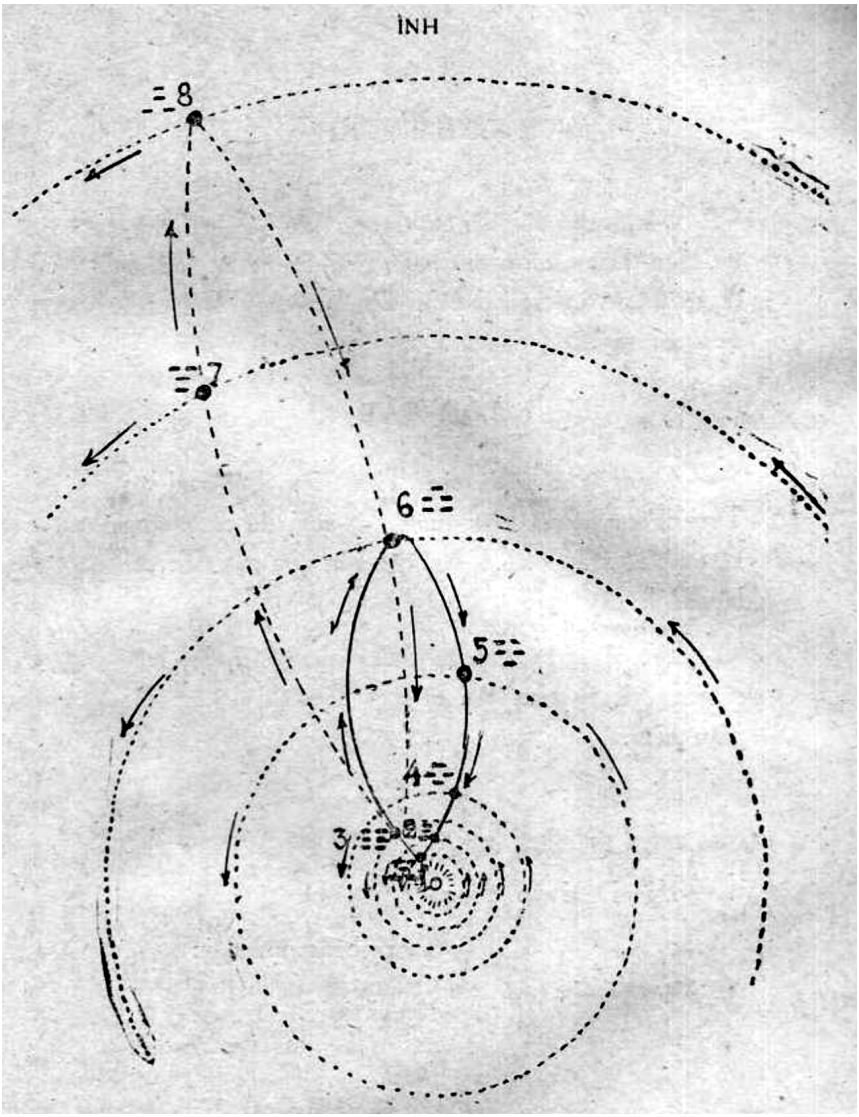
Xưa kia từ Đông sang Tây, từ Âu sang Á, các Thánh-nhân đều có một ý-tưởng nêu ra thuyết «Thiên-địa vạn vật nhất thể» hay là nói

theo Tây-phương thì người là một Tiểu Vũ-trụ tượng-trưng cả cái Đại Vũ-trụ không-tưởng (xin coi quyền Đại-Đồng thuyết tôi có giải rõ).

Ta thường nói: Đông Tây không bao giờ gặp nhau. Đó là nói về phương-diện xã-hội, tập-quán, phong-tục v.v..., nhưng rút đến cùng kỳ lý thì sự thực chỉ có một và Dịch đã nói «Cùng về mà lắm đường». Đó mới là chỗ gặp nhau của nhân-loại và muôn loài vậy.

Chỉ có một Thiên-đạo là hình-dung cái Đại Nhất mà cái gì từ nhỏ đến lớn đều phải trở lại với nó. Biết cái đích mà đi đến, sao ta còn dụt dề không tiến bước, còn ngồi đó mà buồn-rầu lo-nghĩ. Phu-tử nói rằng : «Con chim Hoàng-Điểu còn biết chỗ mà đậu nữa là con Người». Người là vật-linh, chúa-tể của muôn loài, lại không biết chỗ đến hay sao? Biết chỗ mà đi đến là một lẽ và biết cách để đến chỗ ấy là một lẽ khác.

Tôi mong rằng quyền Dịch-Kinh Tân-Khảo này sẽ giúp ích các bạn để đến được chỗ Đại-quang-minh thì công hèn mọn này giúp-ích được các bạn trong muôn một.



Hình XVI. Hình chu-hành của 8 quẻ theo Hậu-thiên Bát-quái của Văn-Vương

— Đường liên-lạc của 4 quẻ dương đi từ : Kiền - Khảm - Cấn - Chấn

(2-1-6-5).

... Đường liên-lạc của 4 quẻ âm đi từ : Tốn - Ly - Khôn - Đoải (8-4-3-7).

Theo quẻ Dương thì ở trong bắt đầu vận-hành ra ngoài, và theo quẻ Âm thì ở ngoài bắt đầu vận-hành vào trong.

Và lấy sự đối đãi âm dương liên-lạc theo thứ-tự Hậu-thiên Bát-quái trong Thái-dương-hệ, chúng ta sẽ thấy rõ ràng cái vòng liên-lạc của Hành-tinh ở ngoài vậy.

TÓM TẮT

Theo sự so sánh của Tiên-thiên Bát-quái với Thái-dương-hệ và Hậu-thiên Bát-quái thì có những kết-quả rõ ràng có thể làm căn-bản cho vật trên cõi hữu-hình này vậy.

Tất cả sự so sánh trên đây cho ta 3 đạo-luật rõ ràng về sự thay đổi từ cõi Tiên-thiên đến cõi Hậu-thiên.

Định-luật :

I- *Trong bong ra ngoài.* Ngoài toài vào trong.

II- *Nội Hành - tinh Trong bong ra ngoài : Biến-thể.* Ngoài toài vào trong : Nguyên-thể.

III- *Ngoại Hành-tinh Trong bong ra ngoài : Nguyên-thể.* Ngoài toài vào trong : Biến-thể.

Và kết cục rằng : Theo hình số sự vận-hành của 8 Hành-tinh so sánh với Thái-dương-hệ cho ta cái thứ-tự 8 quẻ của Văn-Vương và giải cho ta sự Biến-thể, nghĩa là sự thay đổi quẻ Âm hay Dương ở Tiên-thiên thành quẻ Dương hay Âm ở Hậu-thiên vậy.

VŨ-TRỤ ỨC-THUYẾT

Trên tôi đã nêu lên những lý-thuyết cổ xưa về Vủ-Trụ và đây thử xem Thiên-Văn học Âu-Tây có cùng một quan-niệm với người xưa bên Á-Đông không?

Loại Tinh-Vân xoáy ốc. (nébuleuses spirales).

Trước hết tôi muốn giải ra đây cho rõ sự kết-hợp tương đồng tương dị của sự lập-thành những đám Tinh-Vân trong Vủ-Trụ theo những ức-thuyết trong Kinh Dịch để giải đồ Lưỡng-Nghi cân-đối Âm-Dương và những Tinh-Vân ấy là những Thiên-Thể cần-thiết nhất trong sự khảo-cứu Vủ-Trụ.

Khởi đầu tiên ông Lord Rosse nhờ có ống Thiên-lý kính thật lớn đặt ở nhà ông ở Par-sonstown tìm thấy đầu tiên cái Tinh Vân « Chien de chasse » hình xoáy ốc to lớn. Hồi đó người ta rất lãnh-đạm trước sự tìm tòi của ông và những nhà Thiên-Văn cũng cho đó là sự tưởng-tượng của nhà Thông-thái Rosse.

Nhưng sau này khoa chụp hình đã được tinh-vi hơn người ta có thể chụp được những Tinh-Vân thì sự phát-minh của Lord Rosse không xa sự thật vậy.



Hình XVII. Tinh-Vân «Chien de Chasse» — trích trong quyển Le Ciel của Alphonse Berget

(Tinh-vân xoáy ốc của đám sao Chien de chasse. Hình chụp ở Thiên-Văn Đài Mont Wilson ngày 7 và 8 tháng 4 năm 1910 (phải để máy 10 giờ 45).

Nhờ có cách chụp hình nói trên người ta rõ được sự phát-minh của Lord Rosse và còn thấy có hàng triệu Tinh-Vần xoáy ốc nữa.

Người ta đã bước thêm một bước trong sự nghiên-cứu các Tinh Tú lạ lùng đó, người ta cũng hiểu biết cái Phân-quang-đồ (spectre) của những Tinh-Vân xoáy ốc liên-tiếp nhau trái nghịch với những phân-quang-đồ của những Tinh-Vân và Hành-Tinh, hay Tinh-Vân không đều nhau, còn thấy đến trạng-thái cùng cực đông đặc lại để thành những Thái-Dương-Hệ hay Tinh-Tú-Hệ.

Những Tinh-Vân không đều nhau và Hành-Tinh thì ở trong sông Ngân-Hà, Tinh-Vân xoáy ốc hình như muốn dời sông Ngân-Hà và thấy có nhiều ở các cực của sông Ngân-Hà.

Theo Eddington trong quyển Stellar movements and the structure of the Universe nói: những Tinh-Vân xoáy ốc là những « Vũ-Trụ riêng » ở ngoài cái « Vũ-Trụ Tinh-Tú » của chúng ta cho nên gọi là « Vũ-Trụ Đảo ».

Như vậy một ý tưởng xuyên qua trí óc ta mà có thể kết-luận như sau nầy: Nếu những Tinh-Vân xoáy ốc thành những Vũ-Trụ ở ngoài Vũ-Trụ của ta thì cái Vũ-Trụ của ta ắt phải theo một luật-định chung mà cũng phải theo hình xoáy ốc vậy.

Cái ức-thuyết ấy đã nói đến nhiền lần và nó lại có sự tương dồng với những lý-thuyết đương kim về sự thành-lập cái Vũ-Trụ của chúng ta. và có lẽ theo nhà Thiên-Văn Kapteyn có hai luồng tinh-tú xoáy ốc, một ở hướng Bắc sông Ngân-Hà thổi lui một cách rất nhanh, một ở hướng Nam trái lại tiến lên.

Nhưng nhà Thiên-Văn học ở Mỹ-Châu cũng có những cảm-tưởng

ấy. Họ còn tìm kiếm để định rõ sự vận-chuyển, có lẽ có, của cái Vũ-Trụ của ta theo những biện-thuyết và dường vận-hành của Tinh-Vân xoáy ốc ví dụ nó thành những « ngoại Vũ-Trụ ». Cách giải-thuyết theo thuyết của Herschel để định đường phát hành theo chiều ngang của Mặt Trời nghiệm thấy ở những sự vận-chuyển của các Sao.

Người ta kết-luận theo những sự tìm kiếm ở trên rằng : « Cái Tinh-Vân xoáy ốc tạo thành cái Vũ-Trụ của ta có lẽ vận-chuyển theo một tốc lực là 670 cây số trong một giây chiều theo một điểm ở giữa sao Saggittaire và Capricome (Vertex).

Nhờ có lý-thuyết đó, không đầy 15 năm sau các nhà Thiên-Văn học đều cho các Thiên-Thể là ở trong một Vũ-Trụ cùng với chúng ta ở.

Vũ-Trụ phải chăng hợp-thành như sự hợp-thành của các khí, các tế-bào huy-động. Đó là những tế-bào khổng lồ, là những « Vũ-Trụ Đảo » và những « Chu-Hành » từng tế-bào cũng như những tế-bào về khí-loại. 1

Ví dụ một Đẳng vô cùng-tận vô-biên vô-giới nắm ở trong tay khổng-lồ của ông cái thể hợp-thành bằng những Tế-bào ấy, ta tự hỏi rằng: ông sẽ theo khoa Vật-lý nào có thể phát biểu được về tính-chất và những luật dị đồng ?

Xét như vậy thì Vũ-Trụ khởi-thủy lập-thành cũng như hình Tinh-Vân xoáy ốc mà Kinh Dịch biểu trưng bằng một Thái-Cực Hà-Đồ.

(Coi hình VII ở trên)

Muốn các hạn dễ hiểu hơn, xin nói dưới đây vài Tinh-Vân đáng chú-ý. Phần nhiều Tinh-Vân chính không thể nhìn bằng mắt thường, như Sao Orion chính là một Tinh-Vân không phải đám sao thường vì cái Phân-quang-đồ thấy có những vạch sáng có tính-cách của khinh-khí của hébium và né-bilium cách nhau bằng những khoảng đen. Bề ngang của nó chừng 5° (độ) nghĩa là gấp 10 lần đường trực-kính của Mặt Trời. Ví-dụ nó cùng ở xa bằng những ngôi sao bên cạnh nó thì đường trực-kính của

nó có thể đến 67.200 triệu cây số ngàn nghĩa là gấp 450.000 lần

đường bán-kính của đường Hoàng-Đạo Trái-Đất tức là đường từ Trái-Đất cách đến Mặt Trời. Người ta có thể nói rằng: Những Sao có thể kết-hợp trong Tinh-Vân, luôn luôn trong đám Tinh-Vân thường hiện ra những Tinh-Tú nhiều cỡ hình như cọ sát trong lỏng cái Tinh-Vân chính.

Ta có thể thấy trong 4 Tinh-Vân của Audromède cách Trái Đất chừng độ 20 năm ánh sáng. Nó có một đường Trực-Kính là 7500. triệu triệu cây số. nó hiện bề cạnh cho nên ta thấy nó siên siên và thấy rõ ràng hợp thành một giãy xoáy ốc, trong lòng nó là những sao hình như xoay chung quanh một cái nhân sáng ở giữa.

Cái hình xoáy ốc đó rõ hơn hết ở trong Tinh-Vân Grande Ourse và Chien de -Chasse.

Ở đây người ta cũng thấy một cái nhân ở giữa đông đặc hơn và những tinh-tú xoáy biển trong những vòng xoáy ốc của cái thể-chất Tinh-Vân xoay chung quanh cái nhân đó.

Trong những Tinh-Vân khác thì những đường xoáy ốc khép lại như Tinh-Vân Lyre, đây thì cái nhân giữa đứng riêng biệt, cái thể Tinh-Vân mà nó họp thành một vòng xoay chung quanh cái nhân giữa.

HÌNH XVIII



Số hóa: Nguyễn Phú Hoàng – 0917981598

Hình XVIII. Tinh-Vân Bắc-Đẩu (Grande Ourse) — trích trong quyển Le Ciel của Alphonse Berget

VŨ-TRỤ ỨC - THUYẾT

Theo La Place (1749-1827) (nhà Toán-học trứ danh Pháp)

Mặt Trời và các Tinh Tú là những thể sáng lơ lửng trên không-gian lạnh lẽo. Nhiệt-Độ nóng sáng phát-huy không ngớt có thể mất dần, nên cái Vũ-Trụ mà ta thấy không biết về sau có thể duy-trì như hiện tại không ? Vì vậy cho nên mới có vấn-đề Vũ-Trụ khởi-thủy và sự phát-triển của Vũ-Trụ mà La Place giải như sau này:

Thoạt tiên ông thấy rằng: Những đường Hoàng-Đạo của các Hành-Tinh khác nhau nhiều, có những liên-quan dàng buộc nhau có thể cho ta rõ cái khởi-thủy của những Hành-Tinh.

Các Hành-Tinh đều chạy chung quanh mặt Trời theo một chiều và theo những đường Hoàng-Đạo khác nhau. Những Vệ-tinh của các Hành-Tinh chạy chung quanh theo một chiều và gần như trong một bình-diện. Các Hành-Tinh và Vệ-Tinh tự chạy chung quanh một cái Trục gần gần là vuông-trực-tuyến trên mặt đường Hoàng-Đạo.

Sự phù-hợp đáng để ý giữa những các thể động lập thành Thái-Dương-Hệ không thể gọi là vì Ảnh-

hưởng tự-nhiên. Theo Khoa-Học thì không thể gọi là tự nhiên được. Trong cái bộ máy đẹp-đẽ của Vụ-Trụ mà tất cả đều tuân theo những luật vĩnh-viễn của những Số và sự quân-bình cân-đối ấn-định bởi một Nghị-lực vô-biên cả lớn, vâng theo một tinh-thần tuyệt-đối vô-hạn, không có gì là ngẫu-nhiên cả. Theo cái tầm Trí-tuệ của con Người cái Ngẫu-Nhiên là để chỉ sự tổng-kết những sự quá sức tưởng-tượng và hiểu biết của con Người thôi.

Vậy cái Quân-bình của Thái-Dương-Hệ không phải là một lẽ Ngẫu-nhiên, nó phải có một nguyên-nhân.

Trong khi La Place lập lên cái « Hê-Thống của cõi đời » thì người ta chỉ biết có 42 thứ vận-hành, như Chu-hành, như Hành-Tinh và Vệ Tình toàn-chuyển: nhà Thiên-Văn học trứ-danh tính theo lối cái-nhiên toán-pháp (calcul de probabilité) tất cả lối vận-hành tóm lại một nguyên-nhân và ông thấy 4 triệu triệu thứ đối với Một và sự phù-hợp của các lối vận-hành không phải ở sự ngẫu-nhiên.

Bây giờ người ta biết rằng giữa Kim-Tinh (Jupiter) và Hoả-Tinh (Mars) không phải có 4 hành-tinh nhỏ mà là 900 có những vận-hành theo một chiều và những Hoàng-Đạo hơi nghiêng trên bình-diện của hình bầu-dục. Hoàng-Đạo của các hành-tinh

theo hình bầu-dục, có những Thiên-Tâm-Xuất (ex-centricité) không đáng kể, phần nhiều là ở dưới 0,2, hay 0,3 độ.

Bất luận cái nguyên-nhân độc-nhất ấy có thể sinh ra được hay tiếp-dẫn những lời vận-hành phù-hợp của các Tinh-Tú, La Place để ý rằng: cái nguyên-nhân đó cần phải bao-trùm tất cả các thể và biết rằng có những đường cách nhau lớn lao xa tít, cái nguyên-nhân ấy chỉ có thể là một thể khí rộng rãi bao la.

VŨ-TRỤ ỨC - THUYẾT

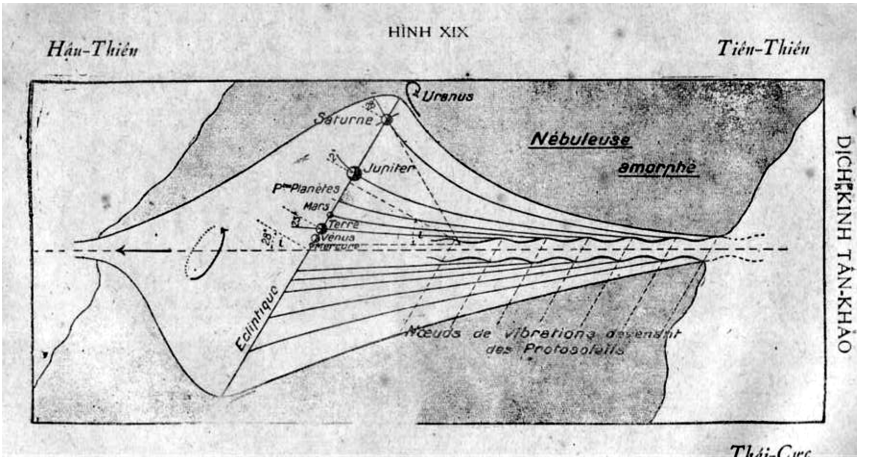
Theo Emile Belot

Từ sự cấu-tạo ra Thái-Dương-Hệ (système-solaire) chúng ta dần dần đi đến sự cấu-tạo của cả Vũ-Trụ mà Thái-Dương-Hệ là một phần trong đó. Và ta tự hỏi: « Những Vũ-Trụ khác deo dắc hằng hà xa số trong không-gian vê-biên vô-giới có hay không? Theo những lý-thuyết về Vũ-Trụ đã giải cái căn-nguyên của Thái-Dương-Hệ không đủ, phải mở rộng ra để giải khắp hết cả Vũ-Trụ.

Người ta có thể cảm thấy một lý-thuyết về Vũ-Trụ bao-trùm tất cả các cõi, thử tìm kiếm những hình của nó, những chỗ cách-biệt những luật-định bằng thuyết khởi-thủy ở đâu?

Đó là việc đã định làm trong vòng 15 năm của một nhà Kỷ-Sư Emile Belot cựu Sinh-Viên trường Bách-khoa Giám.Đốc xưởng chế-tạo máy móc của Chánh-Phủ Pháp. Cái lý-thuyết mới nầy không những giải được cái căn-nguyên của Thái-Dương-Hệ với tất cả tính-cách riêng của nó mà lại áp-dụng được vào sự thành-lập cả cái Vũ-Trụ Tinh-Tú nữa, lại còn lý do để khảo-cứu những hiện-tượng tự-nhiên của khoa « Địa-Dư thành-lập và Vật-lý ».

Ông Emile Belot đi từ cái căn-nguyên ấy, lấy một chu-hành Tinh-Vân căn cứ ở các thuyết Vũ-Trụ thành-lập không đủ giải những sự đã thấy khi ngắm các Tinh Tú.



Hình XIX. Vũ-Trụ khởi-thủy theo Emile Belot

Ngoài cái chu-hành của Thái-dương-hệ, nó còn bị một sức «chuyển vi động» huy-động trong không-trung, đưa nó đến một điểm gọi là Apex gần đám sao Hercule với một tốc-độ là 20 km một giây. Cũng như một viên đạn ở trong lòng xoáy ốc một nòng súng bắn ra, thì viên đạn vừa xoay vừa bắn ra theo đường của nó. Vậy thì ta nghĩ

sao? Muốn nghiệm xét sự bắn của cây súng, người lính chỉ biết đến cái hành-tuyến của viên đạn mà không để ý đến sự chuyển-vi.

Vậy cần phải nghiệm xét hai lối vận-động đó mới được.

Chúng ta đã biết rằng: "Những Cự-lực (Forces répulsives) cũng như các Áp-lực của phóng-xạ-tuyến có thể thắng được cái Hấp-dẫn-lực khi nào cái lực đó thi-hành trên một khoảng rất nhỏ của các Thể.

Người ta cảm thấy rằng: Bắt đầu sự thành-lập của Tinh-vân mà những Vật-lực bằng Nguyên-tử có những Cự-lực rất trọng-yếu vậy.

Phần nhiều những Tinh-vân mà ta thấy rõ ràng theo hình xoáy ốc cho ta cái cảm-tưởng có những Lốc Tinh-tú (Tourbillons cosmiques) hơn là những Hấp-dẫn-lực. Còn về Thái-dương-hệ ta biết rằng nó có một chuyển-vi vận-hành trong không-trung

với tốc-lực là 20 km một giây. Vậy phải coi hai lỗi vận-hành ấy.

Từ đó cần phải lấy từ đầu không những một, mà là hai Tinh-vân, một cái này choáng cái khác hình như viên đạn mà viên đạn đó cũng bằng thể-chất Tinh-vân phải là một «Tube Tourbillon» ống xoáy lốc bằng loài khí tuyệt-đối, nghĩa là hợp bởi những phần thể nhỏ có điện-khí chạy trong ống của Crookes với một tốc-lực là 1.000 đến 100.000 km một giây.

Với một tốc-lực hết sức nhanh cái ống xoáy lốc choáng vào một Tinh-vân không hình định.

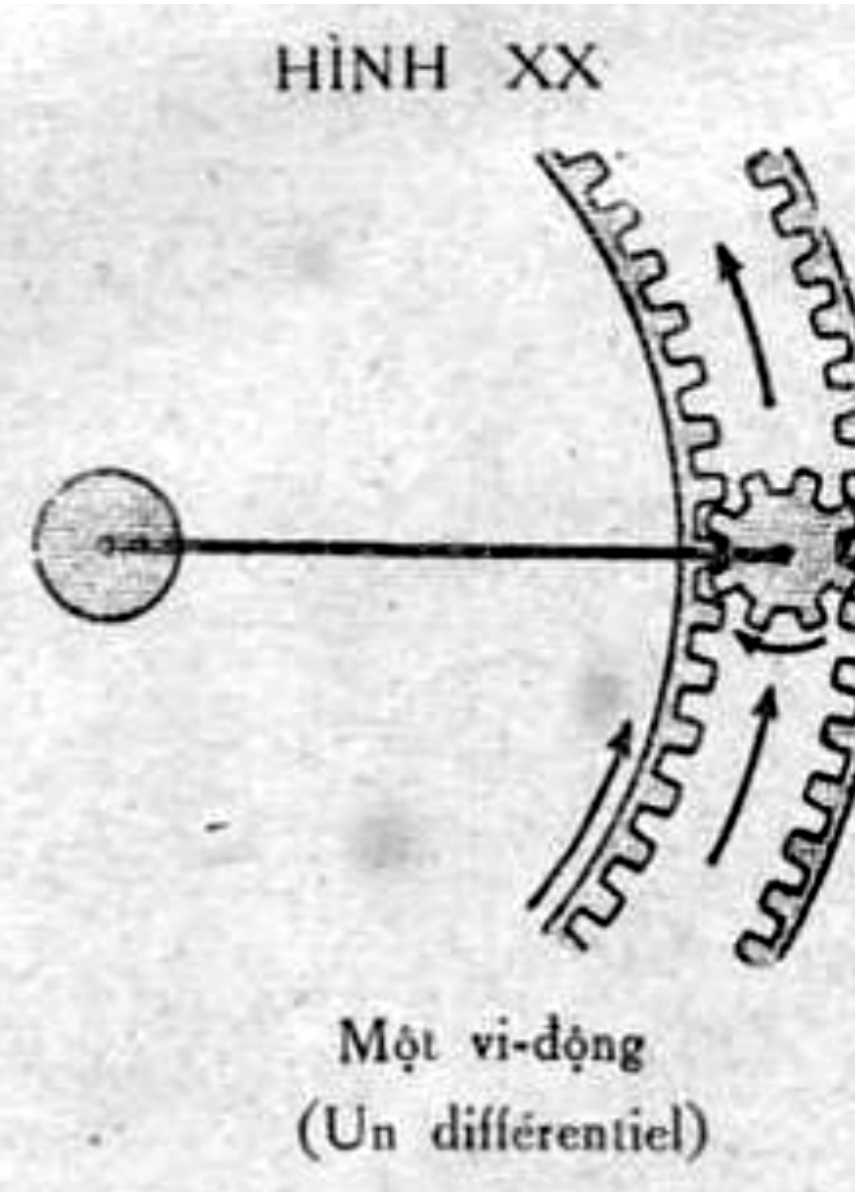
Nhờ có tốc-lực ấy, cái ống-lốc thành một thực-thể rất cứng rắn, tuy cái thể hợp thành nó là một chất có một mật-độ rất yếu (densité faible). Cũng như mặt nước yên lặng mà ta lấy một lưỡi dao sắc gạt qua thì hình như không có gì ngăn cản, nhưng nếu nước ấy ở một lỗ nhỏ chừng độ một, vài phân tây phun ra, dưới một áp-lực độ 50 đơn-vị (50 atmosphères) thì đến tay một người rất khỏe cũng không cản được.

Cái tốc-lực chuyển-giao cái thể cứng đến cái ống-lốc (Tube Tourbillon) và nhờ có thể cứng ấy nó rung-chuyển theo ảnh-hưởng

của sự đụng chạm với cái Tinh-vân không có hình định như một cây sắt mềm dai và hiện ra một dây nút và những cái nút đó cách đều nhau. Mối một nút rung-động có thể ví như một cái nhân căn-bản như một «Nguyên hình mặt Trời» động bởi cái thực Cự-lực (véritables pulsations). Ở mỗi một «nút rung-chuyển» phun ra một lớp thể-chất để tạo hợp lại, cái lớp đó tóe ra và nhờ luật «cưỡng-khí» (résistance des Fluides) có thể tính thành hình nó được. Những lớp tóe ra chung quanh cái «Lốc rồng» đã phát sinh.

Vậy ở mỗi một cái nút có sự choảng nhau đến tột điểm và cái thể-chất của cái «Lốc rồng» có thể tụ-hợp lại thành một tinh-cầu mà ông Emile Belot gọi là «Nguyên-hình của mặt Trời» có một lớp thoát ra. Nếu ta lấy một Bình-diện phẳng (plan) ngăn giữa các lớp đó tức là những khoảng cách nhau của những Hành-tinh $P_1 - P_2 - P_3 ...$ đối với mặt Trời và nếu người ta tính thì lại thấy cái luật-định cách khoảng nhau (Loi de distances).

Các thể-chất của những lớp ấy vì có sự «oa chuyển vận động» (mouvement tourbillonnaire) khởi thủy huy-động nó hợp lại thành các Hành-tinh cái miệng của những lớp ấy càng cong loe to ra, càng xa cái trục ở giữa, để giải cái vị-trí nghiêng của những trục toàn-hành của các Hành-tinh đối với đường Hoàng-đạo, vị-trí nghiêng như thế không thể giải khác hơn được nữa.



Hình XX. Một vi-động (Un différentiel)

Sau đến sự vận-chuyển nghịch-hành của những Vệ-tinh của Hành-tinh ở ngoài, giải một cách dễ-dàng hơn, bằng cách lấy một răng bánh xe dùng trong Cơ-khí-học (mécanique) mà người ta thường gọi là «Vi động» (différentiel).

LÝ-THUYẾT VŨ-TRỤ KHỞI-THỦY của Abbé Moreux Giám-đốc Thiên-văn-đài ở Bourges bên Pháp.

Mới đây ông Abbé Moreux cho ra một lý-thuyết tài tình về Vũ-trụ khởi-thủy (Cosmogenèse) giải rõ được cái hình xoáy ốc của một Vũ-trụ nhất-định. Người ta biết rằng: Số Tinh-vân xoáy ốc đã tìm thấy có tới một triệu. Các Thái-dương-hệ của chúng ta có lẽ cũng do ở cái giầy Tinh-vân ấy.

Ta lại trở lại những điều-kiện của cái sao mới hiện ra như chúng ta thường nói đến lúc cuối cùng của tượng «Thiên Hỏa Tai» đã sinh ra cái Tinh-tú ấy, thì cái sao mới hiện ra bị những đám mây sáng

bao bọc tựa như những đám mây ở gần những Nguyên-điểm của Tinh-vân xoáy ốc (noyau des Nébuleures spirales).

Theo những trạng-thái ấy thì sinh ra những gì? Một chuyện rất thường là các Tinh-tú đã gặp trong đường của nó một trong những đám mây tối đen nhung-nhúc trên Trời và có lẽ hợp thành bởi những thể-chất giống những Sao băng Sao đổi-ngôi. Đó là sự choáng nhau rất mạnh của cái Sao với những Vẫn-thiết (météorite) làm bật ra một Dị-quang và một Tinh-vân theo sau.

Cái nguyên-nhân nào làm cái vòng xoáy ốc tách ra ấy? Trong vài năm nay người ta có thể tin những giòng ở các Tinh-tú toàn-hành tung ra, nhưng phải bỏ cái ý-tưởng ấy ngay khi người ta biết rõ độ-số về cân-lượng của các vì Tinh-tú ấy. Trong Thái- dương-hệ nhỏ bé của chúng ta, Neptune là một Hành-tinh xa mặt Trời nhất cách độ 40 triệu rưỡi (40 millions 1/2) cây số và mặt Trời có một năng-lực chiều sáng rộng lớn cũng không thể tưởng-tượng được là có thể

chiếu ánh sáng đến chỗ thật xa như vậy. Cái ức-thuyết mới có thể hiểu được là chỉ nhờ sự phân-tách của Toán-Pháp. Đã là sức hấp-dẫn của cái Sao suốt tận trong đám mây mù, những mảnh Sao tụ-tập lại chung quanh cái Sao và chính cái

năng-lực đó phân ra làm hai phụ-lực nghịch nhau.

Loại đầu hợp thành bởi những thể-chất gặp trong luồng hấp-dẫn-lực ấy. Cái sao vẫn xoay tròn chung quanh nó, sự tán-loạn các mảnh Sao bắt đầu dần dần rồi đến lúc quẩn-quít nhau tựa như một giây lò-so đồng-hồ.

Mới thoạt tiên người ta tin phần nhiều những mảnh Sao bị các đám Sao to lớn hút khi nó chạy qua một đám mảnh Sao như viên đạn bắn ra. Đó chỉ là một ảo-tưởng gớm ghê.

Những tốc-lực đã nghiên-cứu thấy độ 80 đến 100 km một giây, như vậy những đường chạy của mảnh Sao chỉ siên đi ít thôi, rồi kết-cục toàn-thể các mảnh Sao thành hình cái nón xoay theo bề dài vô hạn sau ngôi Sao.

Nhưng những mảnh Sao ấy gặp nhau, choảng nhau thì tốc-lực giảm đi, nhân dịp đó đám ở giữa hút luôn các mảnh đó một cách hoàn-toàn, không còn đủ năng-lực cầm cự để chạy giữa không-trung, những thể lông bông đó không thể chạy ra ngoài cái sức hút-dẫn mạnh mẽ của cái Sao theo một giây vô cùng dài, hợp-thành một cái đuôi sòe ra nghịch với loại trên; rồi sau cũng bị tan rã theo đường xoáy ốc.

Các hiện-trạng trên đã nghiên-cứu bằng những luật và hệ-thống của môn Cơ-khí (Mécanique).

Sự hợp thành những Hành-tinh đã ấn định không thể tránh khỏi được, chỉ có mặt Trời ở giữa xoay hơi nghiêng đối với đường vận-chuyển của đám mây mà nó gặp. Mặt Trời lập thành hệ-thống buông xa ra những Hành-tinh nhỏ hơn như Mercure Vénus Trái-đất và reo rắc ít Hành-tinh nho nhỏ ở giữa khoảng Hỏa-tinh và Jupiter mà nhà Thiên-văn-học Képler đã tìm thấy.

PHÂN LOẠI CÁC SAO

Hiện nay nhờ có môn Phân-quang (spectrométrie) và những khí-cụ tối-tân, các nhà Thiên-văn-học chia các Sao ra hai Đại-loại theo Phân-quang đồ của nó.

a- Đại-loại thứ nhất là những Sao có Phân-quang-đồ có những tia đường đen.

b- Đại-loại thứ nhì là những Sao có Phân-quang-đồ có những tia đường sáng.

Mỗi một Đại-loại lại chia ra làm 4 loại gồm là 8 loại:

1- Loại thứ nhất.— Là những Sao có Hê-lý (Hélium) Phân-quang-đồ nhiều tia Khinh-khí và

Hê-lý hơn cả, chất sắt, kim-khí thuộc nạp-chất (Sodium) rất ít và những tia sáng của chất Mỹ (magnésium) cho ta biết là hạng Sao có nhiệt-độ rất cao, như Sao Rigel, Regulus, Sao Centaure.

2- Loại thứ nhì.— Là hạng sao có nhiều Khinh-khí hơn, Hê-lý thì ít đi, những tia của chất kim-khí thuộc Calcium có nhiều tia sắt hiện ra rất lờ mờ và khít nhau và Phân-quang-đồ có mầu đỏ tía (Ultra violet). Như Sao Wega, Formalhaut Sirius nhiệt-độ còn cao.

3- Loại thứ ba.— Có những Sao như mặt Trời, giống Phân-quang-đồ mặt Trời, rất nhiều tia kim-khí lờ mờ và khít nhau như mặt Trời, sao Areturus, Aldébaran, Sao Hôm, Cappella.

4- Loại thứ tư.— Là những sao có những tia trên Phân quang-đồ màu đỏ hay màu da cam. Trên Phân quang-đồ có hai thứ tia, một thứ tia lăn tăn nhỏ giống như những tia trên Phân-quang-đồ của mặt Trời hiện lên vài lần, lờ mờ mà người ta khó hiểu căn-nguyên cho là bởi những Dưỡng-hóa-kim. Như vậy tỏ rõ là cái Sao có một nhiệt-độ thấp và có màu da cam như sao: Bételgeuse, Antarès, Hercule v.v...

5- Loại thứ năm.— Là những Sao có Thán-khí, mầu sắc đỏ chói.

Trên Phân-quang-đồ có một

đường dây lần nhưng khác với loại thứ 4, chỉ về loại Thán-khí. Đỏ là những Sao nhỏ mắt thường không thấy. Trong Phân-quang-đồ không có những tia của Khinh-khí, Hê-lý và loài kim, nhưng chỉ có vài tia sáng, như Sao: 19 của đám sao Poissons, U của Sao Hydre.

6- Loại thứ sáu.— Là những Sao mà Phân-quang-đồ có đường soi và những tia sáng của Khinh-khí cũng như loại thứ 4, nhưng có màu da cam, khác với Phân-quang-đồ loại 4 là nó có ít đường sáng lăn tăn của Khinh-khí. Như sao Mira Ceti của đám Sao Baleine.

7- Loại thứ bảy.— Là những sao sớ Phân-quang-đồ chỉ đường sáng có Hê-lý và Khinh-khí giống Sao loại 1. Như Sao R của đám Sao Aigle.

8- Loại thứ tám.— Như những Sao Wolff và Payet (Hai nhà Thiên-văn đã nghiên-cứu). Trong Phân-quang-đồ không có một tia nào có tính-cách kim-khí, chỉ có tia của Khinh-khí và Hê-lý màu lơ và màu vàng. Trên Phân-quang-đồ có nhiều tia phóng xạ-quang mà không biết nguyên-do ở đâu. Hình như có một nhiệt-độ thật cao. Hạng Sao này ở trong dải sông Ngân-hà trong những đám Tinh-vân gọi là đám mây Magellan, mắt thường không trông

thấy được, có chừng 100 Sao như 3 cái Sao nhỏ của đám Cygne và η của đám Navire.

o°o

PHÂN LOẠI CÁC SAO THEO NHIỆT-ĐỘ

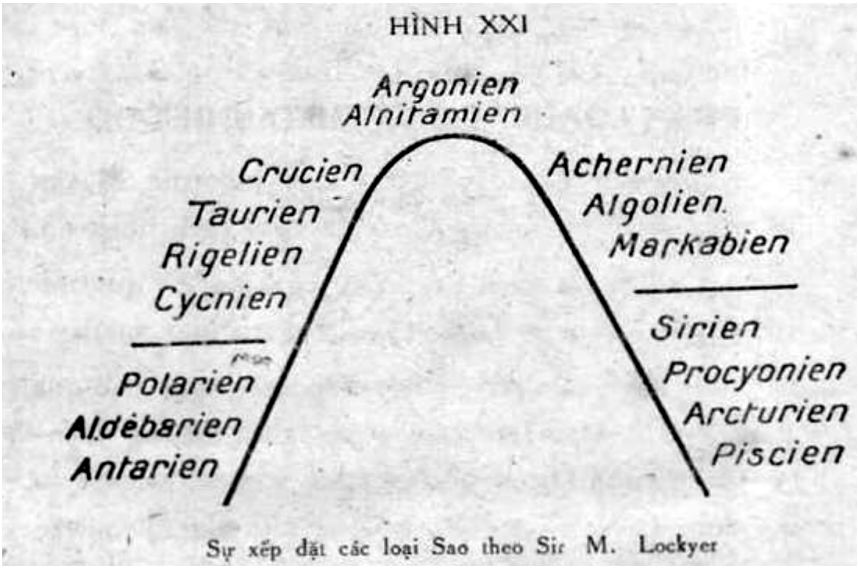
Mấy năm gần đây ông Ch. Nordmann đã tìm kiếm và phân-loại những Sao đã thấy theo nhiệt-độ.

Nguyên-tắc cách tìm kiếm của ông Nordmann với ông Morvan ở Thiên-văn-đài Paris như sau đây :

Người ngắm rất kỹ liên-tiếp một ngôi Sao qua 3 cái màn (écran) một màu sắc theo những hiện- tượng tương-đối của ánh-sáng đỏ, xanh và lơ. Chiếu theo những luật của Vật-lý-học (Physique) người ta có thể biết được nhiệt-độ Sao ấy. Một ngôi Sao có những tia sáng đỏ thì rất lạnh, Sao mà nhiều tia lơ là rất nóng. Mặt Trời mà ta thường thấy ở vào loại trung bình những « Sao vàng » với 5.320 độ.

Lấy những phân-quang-đồ của các Sao mà so sánh ta có một bản thống-kê như sau nầy : Loại Antarien : 2.900°, loại mặt Trời : 5.320°, Aldébarien : 4.200°, loại Polaire : 8.000°, loại Porynien : 7.250°, loại Sirien : 12.000° đến 14.500°, loại Algolien : 13.300° đến 18.500°, loại Crucien : 15.200°, loại Taurien : trên 40.000°.

Có thể được những nhiệt-độ quá cao đó được không ? Và cũng chẳng có nhiệt-độ nào dưới $-273°$.



Hình XXI. Sự xếp-đặt các loại Sao theo Sir M. Lockyer

Nếu lấy Tiên-Thiên Bát-quái để xét những hiện trạng của một ngôi Sao. Thì ta biết rằng :

Kiền Đoài Ly Chấn là 4 quẻ thuộc Thái-dương.

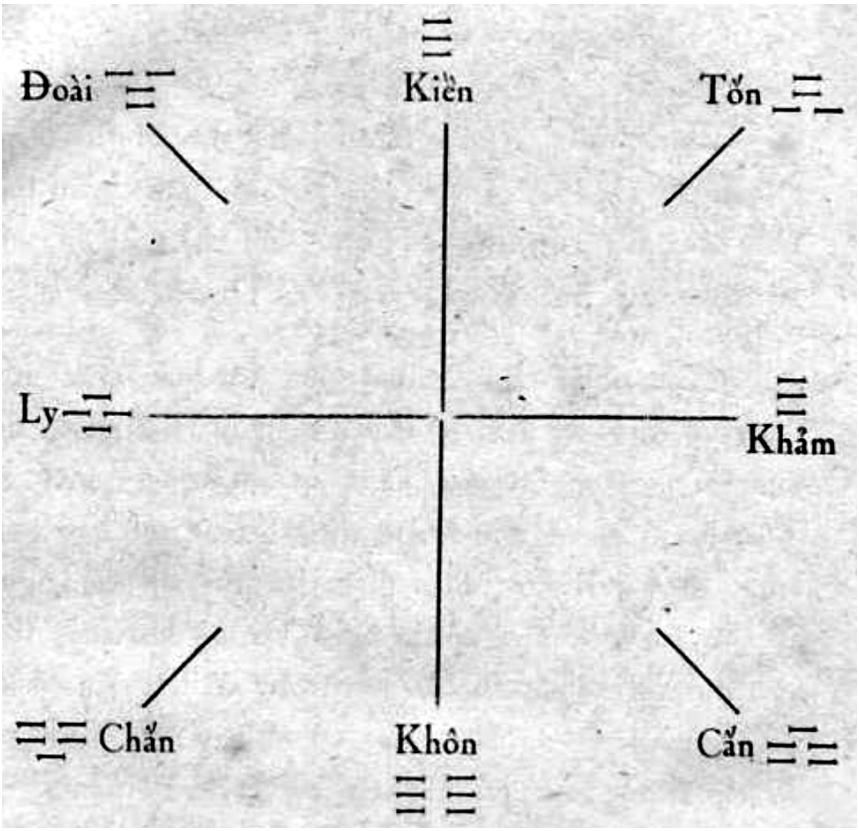
Tốn Khảm Căn Khôn là 4 quẻ thuộc Thái-âm.

Nếu ta lấy hình quẻ mà giải ta thấy từ khi có một phần-tử Dương ở quẻ ☳ Chấn bắt đầu sinh ra ở trên không trung xoay tít qua các thể-chất mà nhiệt-độ càng ngày càng tăng lên theo tượng quẻ ☲ Ly một Dương trên một Dương dưới, giữa có một Âm, khi nào nhiệt-độ cái Sao càng tăng lên

ở trên không xoay tít nhưng vẫn bị mây mù bao phủ những thể còn chưa cháy hết nên tượng quẻ ☱ Đoài một Âm ở trên và hai Dương ở dưới. Nhiệt-độ càng tăng lên đến khi cái Sao hoàn-toàn chói sáng đến cực-điểm tức như một thể toàn Dương tượng bằng quẻ Kiền ☰ có ba Dương.

Khi nhiệt-độ đã cao đến tột-bực, tức như Dương cực thì Âm sinh nên một điểm Âm bắt đầu sinh ra ở trong tượng bằng quẻ Tốn ☴ có hai Dương trên và một Âm dưới. Khi cái Sao xoay trên Trời với một thời-gian lâu thì lần lần nguội dần từ trong tâm nguội ra ngoài, trong khi xoay theo con đường vận-hành của nó, trong đã bắt đầu có khí Âm nguội và ngoài cũng có những khí lạnh của không trung bao-phủ nên tượng là quẻ Khảm ☵ có một Âm ngoài một Âm trong ở giữa có một Dương, khí Âm lần lần tăng lên tượng bằng quẻ Cấn ☶ một Dương trên hai Âm dưới. Khi cái Sao đã đến kỳ nguội lạnh, nhiệt-độ đã giảm hết để thành Hành-tinh mà muôn loài có thể sinh sống được thì tượng bằng quẻ Khôn ☷ toàn Âm vậy.

Trên đây tôi theo cái lý Dương nóng, Âm nguội để giải theo đồ-thức các Sao ở trên.



Bát-quái Tiên-Thiên phân theo Âm-Dương của các Sao

Theo Thiên-Văn-Học Âu-Châu trên tôi đã nói các Sao đều phân ra hai đại loại, theo phân-quang-đồ của từng Sao một :

Một loại mà phân-quang-đồ có tia đường đen ví như những quẻ thuộc Âm của Tiên-Thiên Bát-quái theo hình trên là những quẻ Tốn Khảm Cấn Khôn. Đối với các Sao 4 trạng-thái trên là chưa

sinh, vì nếu nhiệt-độ kém dần đi mãi mãi ất cái Sao sẽ thành Hành-tinh, và loại mà phân-quang-đồ có những tia-sáng tức là hạng Sao đã sinh rồi tùy theo nhiệt-độ của nó mà 4 quẻ Kiền Đoài Ly Chấn của Tiên-Thiên Bát-quái tượng-hình trên và theo Đồ-thức trên là những

Tinh-vân sáng lần lần mà nhiệt-độ dần dần tăng lên rồi thành những Sao cực-kỳ sáng như sao Taurien, Crucien tức như quẻ Kiền toàn Dương có một nhiệt-độ gớm ghê mà đời vật-chất nầy không thể nào tưởng tượng được.

Nếu ta lấy Tiên-Thiên Bát-quái mà so sánh với Đồ-thức trên của các loại Sao theo nhiệt-độ và phân-quang-đồ thâu thập bằng Khoa-học hiện tại bằng những Thiên-văn đài kiên-cố, bằng những Thiên-lý-Kính tinh-vi vô tận đã hoàn thành một công-trình tìm kiếm hàng thế-kỷ, ta thấy cái Tượng-học của Thánh-nhân cổ xưa rất giản-di mà cũng cho ta những tượng-trưng rõ ràng có thể so sánh với những tài-liệu mà các nhà Bác-học thông-thái ngày nay đã tìm kiếm thấy. Nên trong Đại-học có nói: «Ôn cổ nhi tri tân» ôn lại cái cũ mà biết cái mới. Trên tôi đã lấy các ức-thuyết về Vũ-trụ của các nhà Thiên-văn-học trứ-danh Âu-tây để giải một nguyên-tắc căn-bản theo Văn-minh thể-chất nầy để các Học-giả có thể thấu-triệt cái quan-niệm rộng rãi bao la vô cùng tận của Vũ-trụ bằng những Thuyết-lý trên đây. Nhưng xét những ức-thuyết trên cũng chưa đưa trí-óc ta về một đích tuyệt-đối căn-bản của Vũ-trụ. Vì lẽ ấy chúng ta thử ôn lại những ức-thuyết của người xưa. Tôi muốn nói đây cái lý-thuyết cao xa huyền-ảo về Vũ-trụ khởi-thủy nói ở trong Định Kinh mà Bà Blavatsky đã phiên-dịch và chú-giải trong quyển «Doctrines secrètes» của Bà hầu để các bậc Cao-minh có đủ tài-liệu về Thể-chất và Tinh-thần khảo xát một ức-thuyết quá rộng lớn cao xa trên sức tưởng-tượng của con người.

Sau tôi xin hiến các bạn cái ức thuyết về Vũ-trụ khởi-thủy theo kinh Dịch với một định-luật chắc chắn của đức Phu-tử là:

«Thiên Địa vạn vật nhất thể» vậy.

VÚ-TRỤ KHỞI-TNỦY THEO KINH DZYAN

(Định Kinh)

Hệ-từ trong kinh Dịch nói rằng: Đạo Dịch có Thái-cực, Thái-cực sinh ra Lưỡng - Nghi, Lưỡng-Nghi sinh ra Tứ-Tượng, Tứ-Tượng sinh ra Bát-quái.

易有太極，是生兩儀，兩儀生四象，四象生八卦。

(Dịch hữu Thái - cực, thị sinh Lưỡng - Nghi, Lưỡng-Nghi sinh Tứ-Tượng, Tứ-Tượng sinh Bát-quái).

Thiệu-khang-Tiết nói rằng: Một phân làm 2, 2 phân làm 4, 4 phân làm 8 vậy.

Lý-thuyết trên đây có cái nghĩa u u minh minh vô cùng khó hiểu phải có những bậc Thần-học cao siêu mới có thể lãnh-hội được.

Đã đành rằng nói: Thái-cực sinh Lưỡng-Nghi, nhưng cái gì sinh ra Thái-cực? Có phải là ở trong cái Nguyên-nhân không giới-hạn, vô cùng tận, vô-thủy vô-chung không ?

Lấy cái nghĩa của hai chữ Thái-cực ra mà giải ta chỉ biết chữ Thái có nghĩa cái gì lớn lao quá mức

I

thường. Chữ Cực nghĩa là trên tất cả. Thái-cực nghĩa là cái gì lớn, to hơn trên tất cả, hay là một ý-tưởng độc nhất (Grand Un) ta đã hiểu rằng Thái-cực đả đành là to lớn nhất tất cả. Nhưng Thái-cực cũng ở cái Nguyên-nhân vô cùng tận vô-biên vô-giới vô-thủy vô-chung.

Theo trong quyền Doctrines Secrètes của Bà Blavatsky ở đệ nhất Thi-tiết (Tiết 1) nói rằng :

— Bố Cát (a) vô cùng tận (cõi vô-vi) bị bao trùm trong cái áo phủ (b) của nó không bao giờ thấy được đã ngủ trong 7 Kiếp (c).

a- Cõi vô-vi là cõi vô cùng tận mà ta có thể tưởng-tượng dễ dàng được, nó bất di bất dịch trong cái trừu-tượng của nó, không bao

giờ bị ảnh-hưởng của sự có hay không có cái Vũ-trụ ta thường nói nầy. Cõi vô-vi là cõi ngược suôi không có giới-hạn, không đo-lường được. Nó có là ở Nó.

Thần linh là để phân-biệt cái Nó đầu tiên, cái nguyên-nhân vô căn-cứ của Tinh-thần và Vật-chất.

b- Áo phủ là cái Thực-thể (noumène) của Thể-chất không thể phân-tách ra ngoài Vũ-trụ. Cái Thực-thể đó không phải là Thể-chất, nó là cái Tinh Túy vô-hình của Thể-chất, nó cũng là vô cùng tận và có thể nói là nó cũng là Một với cái Vô-vi.

Cái căn-nguyên cũng là cái nguồn - gốc những tính-chất *Vi Diệu* vô-hình của Thể-chất hữu-hinh. Ta có thể cho đó là cái linh-hồn của Thần-linh thống-nhất và vô-tận, là cái Bản-thể sơ nguyên làm căn-bản của sự luân-chuyển các hiện-tượng vật-chất, tâm-linh hay là Tinh-thần.

Đó là nguồn - gốc phát huy cái Chất AEther vô-hình vô-ảnh của không-gian.

c- Bảy kiếp là 7 thời-hạn của một vòng luân-hồi đi hết một Đại-thời-đại (grand âge) là 100 năm Bà-la-ma (Brahmâ) tính tất cả được là: 311.040.000.000.000 năm (một ngày Bà-la-môn là 4.320.000.000 năm, một đêm cũng vậy ?)

Tiết 2. Thời-gian (Le Temps) không có vì nó ngủ ở nơi vô cùng tận của thời-hạn (durée).

— Thời-gian chỉ là một ảo-tưởng xảy ra bởi những tâm-trạng liên-tiếp nhau trong khi ta trải qua cái thời-hạn vô cùng tận. Nó không thể có được một khi không có tâm-tính như vậy là nó «nằm ngủ».

Thời Hiện-tại chỉ là một giây phân-cách cái thời-hạn vô cùng tận của ta gọi là Vị-lai với cái thời-hạn đã qua mà ta gọi là Quá-khứ. Trên Trái-Đất không có một cái gì có thời-hạn thực (durée réelle) vì không có cái gì là không có biến-đổi hay là

không có cái gì giữ được nguyên cái trạng-thái của nó trong một triệu phần giây. Cái cảm-tưởng mà ta nhận được bây giờ trong một phần thời-gian mà ta gọi là Hiện-tại, nó ở trong một trạng-thái lờ mờ, đại khái nhất thời lại, hay là ở trong sự liên-tiếp của sự đại khái của sự vật nó qua từ nơi lý-tưởng mà ta gọi là Vị-lai đến một nơi hồi-tưởng mà ta gọi là Quá-khứ.

Một sự vật thực không phải trọn vẹn ở chỗ người ta trông thấy trong nhất thời, nó hợp-thành bằng những thể-chất cũng bị bó buộc thay-đổi, từ cái hình dáng bằng vật-chất cho đến sự tiêu-diệt trong ba tấc đất vậy.

Tiết 3. Cái Tinh-thần vô-biên không có, vì không có Thiên-thể (Êtres célestes) để thực-hiện nó.

— Tinh-thần là tổng-số những Tâm trạng-thái gồm có những : ý-tưởng, nghị-lực, cảm-tưởng, tính-tình. Trong khi ngủ say công việc về ý-trí ở trên cõi vật-chất ngưng nghỉ và cái trí nhớ ngừng lại, lúc đó thì không có tinh-thần, là vì cái cơ-quan mà cái «Ta» dùng để thực-hiện ý-trí và trí nhớ trên đời vật-chất nầy hãy tạm ngưng không làm việc.

Một Thực-hiện chỉ có thể thành một hiện-tượng trên một cảnh-giới nào khi nó hiển-hiện trên cảnh-giới

đó bằng một thể tượng thích-hợp. Trong cái đêm dài ngơi nghỉ gọi là Pralaya mà tất cả các cảnh-giới bị tiêu-diệt hết cả thì cái tinh-thần vô-biên vô-giới hẫy còn, những hành-vi của nó có mãi mãi được biểu-dương rõ ràng và quan-liên với cái ý-tưởng vô-hình và tuyệt-đối.

Thiên-thể đây theo đạo Gia-tô gọi là Thiên- thần, đạo Thích gọi là Tiên Thánh Phật, đó là những Thể-tượng để biểu-dương cái ý-tưởng và ý muốn thiêng-liêng hay vô-biên, đó là những năng- lực thiêng-liêng tóm thâu các luật-định của Tạo-hóa, thực-hiện những luật đó

trong Tạo-hóa mà những quyền-lực cao hơn buộc nó giống như nó buộc Tạo- hóa vậy.

Nó không phải là những quyền-lực của Tạo- hóa hóa thành Người mà ta tưởng nhầm đâu. Cái tinh- thần vô-biên qua cái giai-cấp Thiên-thần đó giống như một đạo binh hùng-hậu mà một nước cần có để biểu-dương cái quyền-lực chiến-đấu của mình. Nó cũng chia ra làm quân, đoàn, lữ, đội-ngũ vân vân.

Mỗi thứ có một đặc-tính riêng hay là một cái đời riêng biệt với sự tự-do hành-động có giới-hạn và hữu-hạn trách-nhiệm. Mỗi một thứ ở trong một đặc-tính lớn hơn mà những sự lợi-ích của nó phải

chiều theo và mỗi một thứ bao-trùm những đặc-tính

nhỏ hơn.

Tiết 4. Bảy đường Hạnh-phúc (a) không có. Những cái *Đại nguyên-nhân* (b) của sự *Khổu-cực* (c) không có vì không có một người nào làm ra và không có một người nào thụ lấy.

a - Có *Bảy Đường* dẫn đến Hạnh-phúc trên cảnh *Vô-vi* hay là các *Thế-Hệ* tâm-linh tuyệt-đối. Nó không có, vì *Vũ-Trụ* là *vô-vi* và chỉ có cái ý-tưởng thần-linh.

b - Cái *Đại-nguyên-nhân* là những cái nguyên-nhân của *Sự-Vật*. Mỗi một nhân là một quả rồi cái quả lại là nhân của cái quả tiếp sau.

Những nguyên-nhân đều bị ảnh-hưởng vì cái luật đã thi-hành không thể tránh được trong đó có khen chê, thưởng phạt và sau cùng cho hiểu-biết cái năng-lực của cái *Kiếp* (Karma) mình.

Đó là một lối căn-cứ ở sự thật hoàn-toàn mà người ta phải sợ kiếp *Luân-hồi* là vì cái thế-hệ này chỉ là cõi bể-dâu, sầu-khổ. Đạo dạy cho ta có thể tránh được những sự đau-khổ của một kiếp luân-hồi, hay gọi là cái Hạnh-phúc giả-tạm trên *Thiên-đường*, bằng cái *Đại-Quang-Minh* mà chỉ có *Nó* mới có thể tiêu-diệt được cái *Ảo-Tưởng* và *Ngu-Muội*.

c - Cái Ảo-Tưởng là một thể ở trong các « vật loèn bị » là vì cái gì

có thì chỉ có một cách tương đối chứ không tuyệt-đối. Không có cái gì là bền bỉ lâu dài chỉ có cái Hiện-tại tiêm-tàng cái Thể-Tượng của muôn loài chứa trong cái Tuyệt-Đối.

Một vật có thực một cách tương-đối nhau vì người thấy nó cũng chỉ là một phản-ảnh (réflexion) và những vật thấy cũng chỉ là sự thực đối với người thấy thôi. Muốn biết cái Thực-hiện của Vật thì phải biết lúc trước sau khi nó trải qua như một bóng Thiều-quang qua cửa sổ. Vì ta không thề biết ngay được một khi ta chỉ có những đồ dùng, những cơ-quan có thề cho ta biết được những hiện-tượng vật-chất thôi. Chúng ta sống ở đời theo lương-tâm chúng ta. Những vật ở trên đời này sống cũng như ta, hiện-tại ta thấy sự thật hiền-nhiên, nhưng khi ta lên dần dần theo nấc thang đến chỗ Toàn-Thiện Toàn-Mỹ lên đến cõi Chí-Thiện tuyệt-đối thì ta tự thấy trong những bậc mà ta đã trải qua, ta đã cho những bóng là Hình-Thức và sự tiến-bộ của ta là một giây Giác-Ngộ tiến lần lên, mỗi một bước tiến lên lại cho ta cái ý-tưởng là bây giờ ta đã tới Chân-lý rồi. Nhưng chỉ có khi nào ta đến cái Tâm-linh tuyệt-đối biến hoà vào với nó thì ta mới giải-thoát được những Ảo-Tưởng ở các Ảo-Tưởng ra.

Tiết 5. Chỉ những cái Âm-u (a) làm đầy lấp

cái Toàn-Thề vô-tận, vì Cha Mẹ và Con (b) lại là Một và đứa Con chưa dậy để lưu-hành trên chu-hình mới.

a - Những Âm-u là Âm-Dương cái Ánh sáng là Con nó. Cái Ánh-Sáng lạ lùng nếu nó không do một căn-nguyên nào ra. Như cái Ánh-Sáng sơ-thủy mà ta không biết nguồn gốc, gọi là cõi « Âm-u », cái Âm-u vô cùng tận. Mà những căn-nguyên hiện mà biến trocg <!– TODO: Check chữ mờ –> đó. Trên cõi ta ở không có cái gì thêm vào cõi Tối để thay nó thành Sáng và không có cái gì thêm vào cõi Sáng để thay nó thành Tối. Hai cái nó quan-hệ với nhau theo Khoa-Học Ánh-Sáng chỉ là trạng-thái của Bóng tối và Bóng tối chỉ là trạng-thái của Ánh-Sáng.

Cả hai đều là hiện-tượng của cùng một Thể-Tượng theo óc Khoa-Học. Âm-u là sự tối tăm tuyệt-đối, theo óc của một nhà Thần-bí học thường thường nó như là Hoàng-hôn lờ mờ, nhưng theo thần-nhãn của người đã thông Bí-quyết là một Hào-quang tuyệt-đối.

Cái phẩm-cấp của Ánh-Sáng mà ta cảm thấy trong bóng tối tùy theo cái năng-lực của Thị-Giác (vision). Có khi cái gì đối với ta là ánh-sáng sẽ là bóng tối đối với một vài thứ sâu trùng, mắt nhà Thấu-

Thì thấy là Quang-Minh mà mắt thường ta lại thấy là tối-tăm.

Khi nào tất cả Vũ-Trụ chìm đắm trong giấc-mộng và khi mà nó trở về cái thể sơ sinh thì không có chỗ phát-huy ánh-sáng, không có mắt để nhận lãy ánh-sáng, như vậy là những cái Âm-u làm đầy lấp cái Toàn-thể vô-tận.

b - Dương và Âm là những nguyên-thủy đực và cái trong Tạo-Hoá căn-bản. Những cực đối nhau (Tích cực — Tiêu-cực ←) hiển-hiện trong muôn vật, trong mỗi một cõi của Vũ-Trụ, mà tinh-thần vật-chất cấu-hợp thành Vũ-Trụ hay là Con.

Nó lại trở lại thành Một trong đêm Ba-la-ma lúc mà cái Vũ-Trụ hữu-hình này trải qua thời-kỳ tiêu-diệt mà trở lại với cái Độc-nhất nguyên-thủy vô-tận hầu để hiện lại một Ngày mới - và kết-tinh một lần nữa.

Theo Bí-Truyền thì Ba-la-ma (Brahmâ) là Cha Mẹ Con hay Vía-Hồn-Xác cùng nhau, mỗi một người là một hiện-tượng của một đặc-tính, mỗi một đặc-tính hay Thiên-tính là một hơi bốc lên của linh-khí, linh-cảm trong vòng phát-triển hay không phát-triển.

Trong cái nghĩa Vũ-Trụ thể-chất là giây Hành-Tinh và Trái-đất. Trong cái nghĩa Tâm-linh (spirituel)

nó là vô tri thần-linh là Tinh-thần của Hành-tinh và Người là con của hai thứ cấu-hợp của Tinh-thần và Vật-chất là một hiển-hiện trong một kỳ-hạn trên trái-đất của những cuộc Luân-hồi.

Tiết 6. Bảy ông Đại-chủ-Tể và Bảy cái Diệu-đề đã thôi không (a)

có nữa và Vũ-Trụ, con của sự cần-thiết đã chìm đắm trong sự hoàn-toàn tuyệt-đối (b) để làm bốc ra cái linh-khí trước có mà bây giờ không có, không có gì đã không có (c).

a - Bảy ông Đại-chủ-Tể là 7 đấng Hoá-công linh-thiêng (Tạo-Hoá) coi giữ lần lượt một cuộc Luân-hồi và những giống căn-bản trên giầy Hành-tinh.

Bảy cái Diệu-đề tức là những Thiên-cơ tiết-lộ. Hiện thời ta chỉ mới có Tứ Diệu-đề của đức Phật Thích-Ca vì ta đang ở vòng luân-hồi thứ 4, cũng vì vậy ta mới có 4 Đức Phật ra đời cứu-thế.

Trong mỗi một giống căn-bản bắt đầu một vòng luân-hồi thì phải có Thiên-Cơ hé mở mà phải có một Sứ-giả để tiết-lộ Thiên-Cơ,

b - Tất cả muôn loại sau cái Đại-chu vận-chuyển đều phải tới chỗ Hoàn-toàn tuyệt-đối và trong cái Đại-chu ấy muôn loài đều hưu-tức sau cái thời-gian tiếp

theo. Nó đã đến chỗ tuyệt-đối, nhưng tuyệt-đối tương-đối về một phương-diện vì còn cái tuyệt-đối hoàn-toàn nữa, ở trong trình-độ chí-thiện chí-mỹ cao cả hơn như một ví-dụ thô sơ : một cái hoa tươi đẹp nở ra trong mùa Xuân tươi tốt nhứt rồi nó phải tàn-tạ đi để thành một quả hoàn-toàn hơn vậy.

Trong Bí-truyền dạy sự phát-triển của mọi vật, mọi thế-giới cũng như từng nguyên-tử. Sự phát-triển đó không có thể tưởng-tượng được cái Thủy cái Chung. Cái Vú-Trụ của ta chỉ là một trong những Vú-Trụ, tất cả đều là « Con của Sự Cần-Thiết » cũng như là các Mắt của một giây xích tinh-tú của Vú-Trụ mà mỗi một cái mắt đó đều có năng-lực tương-đối đối với cái mắt đằng trước và là cái nguyên-nhân đối với cái mắt đằng sau.

Cái Hiện-tượng và Biến-tượng của Vú-Trụ miêu tả bằng một hơi-thở « ra » « vào » của cái « Linh-Khí » lớn lao vô cùng tận, nó là nguyên-nhân sự Hành-động và là một trong ba cái biểu-tượng của sự tuyệt-đối ; hai cái nữa là Không-gian tuyệt-đối và Thời-gian. Khi mà cái Linh-Khí đó phóng ra thì gọi là Thần-Linh-Khí (souffle divin)

mà người ta cho nó là Hơi thở của thần-linh không thể biết được, khi nó phóng ra là cả một Vú-Trụ

biến vào trong lòng Bà Mẹ lớn lao đang ngủ trùm kín trong những áo phủ không bao giờ có thể thấy được.

c - Cái gì có mà không có, người ta hiểu rằng cái Linh-Khí đó mà ta có thể gọi là cõi « Tuyệt-đối » vì ta không thể tưởng-tượng một cõi nào có Hình-thức có thể phân-biệt được cõi « Vô-Vi ».

Ba thời-gian : Thời Hiện-tại, Quá-khứ, Vị-lai, theo khoa Triết-lý huyền-bí là một thời-gian tổ-hợp, vì ba thời-gian trên chỉ là một con số tổ-hợp, ở trên cõi hiện-tượng hữu-hình nó không có giá-trị trừu-tượng. Nói tóm lại cái ý-kiến về thời-hạn (durée) và thời-gian (temps) đều là ảnh-hưởng của sự cảm-hứng của ta cả theo tư-tưởng hồi-tụ tập-trung lại.

Thời-gian chỉ là sự liên-tiếp những toàn-cảnh, các trạng-thái của Lương-Tâm ta. Ta phải có cái Tâm=chính mới hiểu được cái căn của sự Ảo-Tưởng.

Tiết 7

Tiết 7 « Những cái Nguyên-nhân của Thế-hệ (a) đã bị hủy bỏ; Cái « Có thể thấy » đã hiện và cái « không thể thấy » hiện-tại đã biến trong cái Vô-vi vô cùng tận, đệ nhất Hoá-công (b).

a - Cái nguyên-nhân của Thế-Hệ không phải là chỉ có những nguyên-nhân huyền-bí mà sự cốt-yếu là muốn có, muốn sống, muốn thực-hiện, cái đó là kết-

quả, của luật-lệ và Ảo-Tưởng. Cái Lòng Dục của một cõi đời có cảm-giác biểu-trương trong tất cả, từ cái Nguyên-tử cho đến Mặt Trời chỉ là một phản-ảnh cái Ý-Tưởng thiêng-liêng phóng ra trong cõi đời, cũng như cái ý-tướng muốn có Vũ-Trụ vậy.

Theo thuyết Bí-truyền cái nguyên-nhân thực-sự của cái Muốn đó bao giờ cũng ẩn-tàng, những cái linh-khí phóng ra đầu tiên của nó là những trừu-tượng lớn nhất mà ý-trí có thể cảm thấy. Ta phải cho rằng những trừu-tượng đó như cái Nguyên-nhân của cái Vú-Trụ vật-chất mà ta quan-niệm và thấy trong tinh-thần, có thể làm gốc cho những cái gì nhỏ bé hơn chiều theo Tạo-hoá theo thuyết « Thần Nhân đồng hình » (anthropormophise) và cho là Thần Thánh.

Không có nguyên-nhân thì không thể nào cảm thấy được.

Trong cái trạng-thái không thực mà rốt cuộc trí-não ta phải đến, khi mà ta thử theo từ tiền chí hậu cái giây nguyên-nhân có hiệu-lực ấy. Nhưng Khoa-học và Tôn-giáo sen vào mau quá trong trạng-thái đó vì họ không biết những trừu-tượng linh-ứng và chỉ những cái ấy là cái căn-bản có thể cầm được những thể vật rõ ràng của vật-chất. Những trừu-tượng đó dần dần thành rõ ràng một khi nó đến gần cõi thế cho đến lúc thành hiện-tượng, thành Vũ-

Trụ vật-chất từ Tinh-thần đổi sang Vật-chất cũng như hơi đông thành nước, nước đông thành nước đá.

b - Cái ý-tưởng vô-vi vô cùng tận là Độc Nhất hình như là một lý trái-nghịch đối với người nào không nhớ rằng ta hạn chế cái ý-tưởng sinh-tồn linh thiêng trong lương-tâm ta hiện-tại trong cõi thế này mà ta gọi một tên đặc-biệt chứ không gọi bằng một cách thông thường. Ví dụ nếu ta có thể nói được là một đứa trẻ con chưa đẻ, nếu nó có thể nghĩ-ngợi được thì cũng chỉ nghĩ một cách trẻ con trong giới-hạn của một Sinh-vật trong bụng mẹ và chỉ biết cái đời trong bụng mẹ nó thôi, và nếu nó muốn cho lương-tâm nó biết cái ý-tưởng của nó sau khi đẻ (đối với nó là cái chết, vì nó ra ngoài bụng mẹ nó tức là ra cái đời khác rồi) ắt nó cho rằng cái đời đó có lẽ là đời « Hư mà Thực » (non être qui est l'Être vrai) vì nó chưa đủ lực để mà biện-thuyết và hiểu những nguyên-nhân đó.

Như ở đây Hoá-Công độc-nhất là hình-tượng của các thể-tượng, là căn-bản cho các hiện-tượng và vén mở cho chút ít Thiên cơ hay sự

thật theo phạm-vi của nó, Hiện giờ ta không thể biết được vì ta thiếu các khiếu-quan và tinh-thần cần-thiết để hiểu nó. Chỉ có người làm Mỏ mới biết được Vàng dời đá ra như thế nào. Người thường không thể nào

có cái cảm-tưởng thật sự các vật-thể khi mà những vật đó phân-tách cái Ảo-tưởng che chùm nó. Chỉ có những Đạo-Tử có nhiều năng-lực ở nhiều kiếp trước nhìn bằng « Huệ nhãn » vào chính cái nguyên-căn mọi vật mà cái Ảo-ảnh (Mayâ) không thể có ảnh-hưởng được.

Tiết 8. Chỉ có cái Độc-Hình của cối Sinh-Tồn (a) (Existance) đã lan rộng không bờ bến, vô-cùng tận, vô nguyên-nhân trong giấc Ngủ say xưa (b) và cái Đời đã chấn-động một cách Vô-ý-thức (inconsciemment) trong cối không-hư toàn-thể, khắp mọi nơi trong cái « Hiện-tại tuyệt-đối » mà chỉ mắt nhà Thấu-thị mới cảm thấy được (c).

a - Hiện nay người ta xu theo một ý-tưởng cổ xưa của một căn-bản thuần-nhất (homogène) cho những vật có cái vỏ ngoài khác nhau. Cái dị đồng (hétérogénéité) phát-huy ở cái thuần-nhất mà ra. Nhà Sinh-Vật học bây giờ đang kiếm cái nguyên-hình chất (protoplasme) thuần-nhất và nhà Hoá-học cái Tiêu-chuẩn của nó (protyle); còn Khoa-Học thì tìm kiếm cái năng-lực của Điện-Khí, Từ-điện, Nhiệt-khí và nhiều chất khác đều là những phân-hóa (différencitation). Về Bí-Truyền người ta cho cái ý-tưởng đó trong vòng Huyền-Học và chỉ lấy sự Sinh-Tồn làm căn-bản cho muôn vật.

b- Giấc ngủ say sưa đây là muốn nói một trong bầy trạng-thái của lương-tâm mà nhà Bí-Học Á-Đông đã thấu-tiệt được, đó là trạng-thái đại-định trái với sự hành-động của trí-não. Một Phệ-đà tử nói: «Người ta vẫn có tâm-linh trên cõi khác với cõi ta ở».

Giấc ngủ say trên đây là một trạng-thái tượng-hình Vũ-Trụ giống như lương-tâm người sau một giấc ngủ say không mơ mộng, khi tỉnh giậy không còn nhớ một cái gì, hình như mình không ngủ vậy. Cũng như một người bị ngủ say bằng một giấc ngủ nhân-đện hay

thôi-miên, lúc đó hình như nó đã mất cả Tâm-linh tuân theo mệnh-lệnh của người có Thôi-miên hay Nhân-điện học. Như tôi đã làm nhiều thí-nghiệm về Nhân-điện học trước nhiều anh em trên làng Bưởi Hanoi và Bắc-Ninh, khi người thọ-cảm (Médium) đã bị Nhân-điện tôi xâm chiếm, nó ngủ li-bì một giấc rất say và đến một trạng-thái mà thọ-cảm không còn ý-trí và nghị-lực, nó thành ra một cái máy thâu (poste de réception) những tư-tưởng và mệnh-lệnh của tôi, hồi đó đang tiết trọng Hạ năm 1931, tôi chuyền-di tư-tưởng cho nó rét rét lắm. Nó run bần-bật lấy các thứ áo giầy ra mặc và cho ăn điếu thuốc lá mà tôi bảo là kẹo, nó ăn rất ngon lành. Sau lúc nó tỉnh giậy nói rằng: Tôi không

biết gì và không ăn uống gì hết, chỉ ngủ say thôi. Một lúc sau anh đã tỉnh, anh thấy miệng anh đăng đắng, lôi sợi thuốc còn lại ra và la lối om sòm người nào nhét thuốc vào mồm anh. Như vậy ta biết rằng: trong một giấc ngủ say mê như thế con người mất hết tâm-linh (Thí-nghiệm ở Bưởi-Hanoi tại nhà anh Trần-thái-Nghị và ở Bắc-Ninh tại nhà anh Nguyễn-văn-Hộ mùa hè năm 1931).

c- Nhà thấu-thị (voyant) có một linh-hồn trong-trẻo là nhà Đạo-sĩ cao-siêu đã mở được Huệ-nhãn. Huệ-nhãn là con mắt thứ ba vô-hình của nhà Đạo-Tử một khi đã Đắc-Đạo đến được cõi Đại quang-Minh không phải cái «Minh-Thức» của người đâu.

Tiết 9.- Nhưng người Thấu-thị (a) trước kia ở đâu, khi cái «Thượng Linh-hồn» của Vũ-Trụ trước kia ở trong «Tuyệt-Đối» vài cái Đại-kiếp (Grande Roue) trước kia không có Cha Mẹ (b).

a- Người Thấu-thị trước kia ở đâu: khi mà Linh-hồn đã là căn-bản của Tạo-Hóa. đã bị hút vào trong cái Phản-Ảnh của sự tự phân-tách hay là trong tâm-linh tuyệt-đối. Cái tâm-linh tuyệt-đối gọi là Vô-Linh, không có cái gì có thể hình tượng được, ở trên các sự tưởng-tượng của con Người. Người ta không có đủ năng-lực kéo cái màn bí-mật

che cái Tuyệt-đối ra vì chính những chất hợp-thành ta cũng còn non

yếu. Cái «Ta» cử-động cái xác-thịt, cái linh-hồn làm linh-động nó, tự-tại trong mỗi một Nguyên-tử, huy-động trong thân người và tiềm-phục âm-ỷ trong thạch-khí (đá), cái «Ta» đó có nhiều trình-độ năng-lực khác nhau và cái ý-tưởng cho Vũ-Trụ là Thần (Phiếm-Thần luận) của cái Linh-hồn thiêng-liêng vô cùng lớn lao ở trong Tạo-Hóa là một lý-tưởng xưa nhất trong Triết-Học.

Cái Nguyên-khí (Archée) cũng không phải là ông Paracelse hay là học-trò ông là Van-Helmont tìm kiếm ra được vì cái Nguyên-khí đó là đã sinh ra cái tinh khí, căn-nguyên linh động của những hiện-tượng hằng-hà sa số của cái đời hạn-định này.

Triết-lý bí-truyền dạy rằng: Tất cả là sinh-linh và có linh tính, nhưng không phải là Sinh-linh và linh tính nào cũng giống linh tính người ta hay động-vật. Ta thấy cuộc «Sinh-Tồn» là hình độc-nhất của thế-hệ linh-động trong cõi đời vật-chất ta thường gọi Vía Hồn Xác. Trên cõi đời này cái Xác là Môi-Vật để cái Hồn hoạt-động, cái Hồn là Môi-Vật để cái Vía hành-động trên cõi giới cao hơn.

Và ba cái hợp thành Một, mà thành vật, thành người «Tam vị nhất thể».

b- Không Cha Mẹ ý nói đây khi Vũ-Trụ còn ở trạng-thái không-tưởng vô-hình, tuyệt-đối cũng như vô-cực của Trương-Hoành-Cứ ở quyển Chính-Mông nên nói không Cha không Mẹ.

Thi-Tiết 2 Tiết 1.- «Những Tạo-công, những «minh-quang-tử của các Hoàng-hôn đầu kiếp (aurore «cyclique)- (a) đó ở đâu ? Trong những cõi Âm-«U vô quan-thức chìm đắm trong tuyệt-đối. Những «hình Tạo-Công từ cái căn-nguyên Vô Hinh của cõi «đời, người Mẹ linh-thiêng và không-gian tuyệt-đối «đã nghỉ ngơi trong cái hạnh-phúc của sự «Vô Sinh «Linh !

a- Những Tạo-Công là con của cái Hoàng-Hôn kiếp đầu, là tạo hóa của Vũ-Trụ. Trong này nói đến cái vòng Hành-Tinh thì các Tạo-Công là nhữag vị Kiến-Trúc-Sư (architecte) của cái vòng này, là những vị tạo ra và trông nom cái giây «Thất cầu» (7 sphères) này

nói về hữu-hình còn nói về siêu-linh lại là 7 cõi đời.

b- Tuyệt-Đối đây là «Paranirvâna» Thượng Niết-Bàn nơi đó không phải chỉ là trạng-thái cuối cùng nhưng còn có điều-kiện về tính-cách chủ-quan, không có gì liên-lạc trên cõi đó ngoài cái Chân-Lý tuyệt-đối. Nhưng có chỗ khác nhau nhiều về cái hiện-tại tâm-linh và vô tâm-linh chỉ có Tinh-thần minh-

mẫn không bị cái Ta bao-phủ và có cái năng lực. minh-triết từ nhiều kiếp trước hết lòng với sự Sinh-tồn trong đời nó và ta tự bỏ cái Vị-kỷ và nhập vào với sự tuyệt-đối mà ta vẫn giữ được nguyên-vẹn cái «Linh-Tinh» của ta

Trên đây vẫn lấy cái nghĩa Vô-cực mà giải.

Tiết 2- «Trước kia sự thanh-tĩnh ở đâu? «Những thính-quan ở đâu để nghe nó? không có «thanh-tĩnh, không có thanh âm, chỉ có cái Linh-«khí vô - tận không bao giờ hết và tự không «biết nó.

— Đây muốn nói về cái lý Thái-cực trong kinh Dịch «muôn vật không có thể tồn-tại mãi mãi được, hóa cho nên nói là không không có» (vật bất khả tồn tại cổ bất vô hữu) ví như người ta vẫn chưa giải-quyết được không biết khinh-khí (hydrogène) và Dưỡng-khí (oxygène) biến-hợp thành nước còn hay là mất? Người thì nói nó còn luôn luôn vì phân-tách nước ra vẫn còn khinh và dưỡng-khí. Người thì nói khi nó đã hóa ra một chất khác hẳn thì không có thể tồn-tại được ít nhất trong thời-gian hóa ấy.

Nhưng người này người kia, không người nào có một chút cảm-tưởng cái điều-hiện hiện-thời mà nó đã thành một vật khác và nó vẫn chưa hết là Nó. Đối với sự tồn-tại của nước thì dưỡng và khinh-

khí là trạng-thái vô-vi (non être) hay nói một cách thực-tế hơn là khi nó còn là hơi (gaz). Cái ví-dụ trên có thể lấy làm hình-tượng một cách thâu-hẹp cái Vũ-trụ lớn lao vô cùng tận khi nó ngủ hay là bắt-động, là hết, là Nó trong những đêm Bà-la- ma để hiện lại khi cái Hoàng-Hôn của một Kiếp mới nhắc-nhở Nó cái mà ta gọi là cõi Hiện-tại.

b– Cái Linh-khí của cối «Hiện-tại độc-nhất» là tiếng mà trong Bí-Thuyết dùng để gọi cái cảnh linh-thiêng của Vũ-trụ sơ khai. Trong cối đời hữu- hình vật-chất nó gọi là sự Biến-Động (mouvement).

Cái nguyên-tố (Elément) độc-nhất vô-tận hay là cái Tượng-hình có nguyên-tố là không-gian, không- gian thì vô-biên vô-giới không đo lường được lại có cả cái thời-gian vô-hạn của vật-chất sơ khai và sự Biến-động... Sự Biến-động hay là cái Dịch-lý liên-miên bất-diệt, là cái Linh-khí của Nguyên-Tố độc nhất. Cái Linh khí đó mà người ta cảm thấy, không bao giờ hết được trong vô-số kiếp tiêu-diệt.

Nhưng cái tên Linh-khí của cối hiện-tại độc nhất không thích dụng cho cái Nguyên-nhân độc nhất không nguyên nhân hay là «cái Linh-diệu tuyệt-đối» đối với muôn vật. Nhưng Pouranas (Đạo Kinh) nói rằng: Những quyền-năng sáng-tạo ở nó mà thành cái Nguyên-nhân thực-hiện trên cối Ta-Bà (Thế).

Ngoài cái Nguyên-nhân độc-nhất không có nguyên nhân và cái lý-tưởng không có nguyên-nhân ta có thể tóm thâu được cả Vũ-trụ.

c- Tự biết mình thì chỉ cần biết được lương-tâm và cảm-hứng của mình, đó là hai năng-lực hữu-hạn của người. Lương-tâm có giới-hạn ở chỗ Chí-Thiện. Nhưng đến Chí-Thiện tức phải Cách-Vật và Chí-Tri, phải biết mình, biết người rồi mới đến Chí-Tri vậy.

Ta gọi chỗ lương-tâm tuyệt-đối là đến được chỗ Chí-Thiện mà đã đến được chỗ Chí-Thiện rồi ắt không gọi là lương-tâm nữa, cũng như cái sáng đến cùng-cực hay là tuyệt-đối thì cái tối phát sinh vì sự hiểu-biết của con người có giới-hạn cho nên không thấu-hiểu được trên cối Hư-linh và cảm-tưởng của muôn vật cũng không thể đưa đến được chỗ Đại-quang-minh vậy.

Tiết 3- «Giờ chưa báo cái Tia-Sáng chưa «phóng ra trên cái bản-nguyên (germe). Hoa-Sen cái «chưa phồng lên.

a- Đây là bàn theo tâm - linh, tượng hình Thái-cực, cái Âm-u trường-cửu tức như Vô-cực mà cái Thái-cực như một tia-sáng rực-rỡ xuyên qua cái Bản-Nguyên tức như cái chấm trong cái trứng của

cối thể tượng-trưng bằng vật-chất theo một cách trừu-tượng.

Nhưng không nên lấy cái chấm làm một cái chấm riêng của không-gian vì một bản-nguyên ở trong giữa một Nguyên-tử và những Nguyên-tử này tụ-hợp lại thành cái nhân của muôn vật. Mắt ta không thể nhìn thấy một Nguyên-tử, cái tụ-hợp của nó thành cái thể-tượng của cái vật-chất vô-tận và bất.diệt (Nounène da la Matière éternelle et indestructible).

b- Cái Hoa-Sen tượng-trưng hai cái năng-lực của Tạo-hóa trong cối đời hữu-hình. Cái hạt-sen trong có một cái nhân sanh hình cây Sen có lá nhỏ tí nằm ở trong hạt cho ta một ví-dụ cái thành-tượng từ lúc sinh và lớn thành cây sen.

Cây Sen là một biểu-tượng rất xưa của Vũ-trụ và người cho nên Cây-Sen tượng người Quân-tử cái gì thanh-tao trong trẻo trong cối hữu-hình.

Cái bản-nguyên để gieo giống Sen là hạt của nó mà trong hạt nó đã có sẵn một cái mầm cây nhỏ tí. Như vậy ta có thể hiểu rằng cái Nguyên-Hình (prototype) tâm-linh của mọi vật đều có trong cối đời vô-hình trước khi những vật đó hiện hình thể-chất lên trên cối đời.

Châu-Đôn-Di yêu Sen có tán rằng !

«Có mình ta yêu sen, trong bùn ra mà không «nhiễm cái hôi-tanh mùi bùn; nước trong, đục mà «Sen chẳng mê. Trong thông ngoài thẳng, không «nhánh không cành, hương xa thêm nồng, mọc ngay «rằng rạc, có thể xa trông mà không thể khinh ngắm «..... Hoa-Sen là đấng Quân-tử vậy».

(Dư độc ái liên chi xuất ư nê nhi bất nhiễm. Trọc thanh liên bất yêu. Trung thông ngoại trực bất «vạn bất chi. Hương viễn ích thanh, Đình đình tịnh trực, khả viễn quan chi bất khả tiết ngoạn yên ..... Liên-hoa chi Quân-tử giả dã).

Châu-đôn-Di khen Sen yêu Sen, tặng Sen bằng những câu văn tuyệt-tác cũng như bốn câu thơ của ta tả Hoa-Sen :

«Trong đầm gì đẹp bằng sen

«Lá xanh bông chắng lại chen nhị vàng,

«Nhị vàng bông chắng lá xanh.

«Gần bùn mà chẳng hỏi tanh mùi bùn.

Cây Sen là tượng-trưng của đời người và Vũ-trụ. Đạo Bí-Truyền cho ta hay rằng : Những nguyên-tố của Người và Vũ-trụ cũng như nhau (Thên-địa vạn vật nhất-thể : Phu-tử) và cả hai đều phát-triển theo cùng một nhịp. Như rễ Sen chôn trong bùn tượng hình cái đời vật-chất, ô-trọc tanh hôi, hay là hạ-giới, thân thẳng-thắn qua nước tượng hình sự

hiện-tồn trên cối thuộc về Thiên-thể hay ở Trung-giới và cái hoa nở trên nước trong không-gian biểu-trương cối Thần-linh vô-vi hay Thượng-giới.

Tiết 4.— " Trái tim nó chưa mở ra đề cái " Tia-Sáng độc nhất soi vào và làm nó rơi xuống, " như Ba xuống Bốn trong lòng Ảo-tưởng.

— Đây muốn hình-dung Thái-cực cũng như Tia-Sáng động mà sinh ra Lưỡng-Nghi cái thể-chất sơ khai chưa rời bỏ trạng-thái âm-ỷ của Tiên-thiên đề hóa-thành khách-quan-tính khác nhau (objectivité différenciée). Nó chưa thành nguyên-hình của Khoa-Học nên mắt trần chưa trông thấy được.

Nhưng khi mà đến giờ nó thành ra thụ-cảm, cái ý-tưởng Thần-linh, Logos hay cái Dương-động của cối Đời (Anima Mundi) của Fohat in vào thì trái tim nó nở ra. Nó tự tách ra và 3 (Cha, Mẹ, Con) hóa thành 4. Chỗ nỡ ấy căn-bản hai cái bí-mật của tam vị nhất thề và cái cảm-tưởng thanh cao (Immaculée conception). Cái căn-bản đệ nhất Diệu-đề (dogme) của khoa Huyền-bí là cái Đơn-vị hoàn-toàn (unité universelle) dưới ba trạng-thái. Cái đó có thể cho ta tới cái quan-niệm của Thần-linh, mà đã là Thần-linh tuyệt-đối thì những tinh-thần hạn-định không có thể hiểu được.

« Nếu con muốn tin cái quyền-lực phát-động trong cái căn-nguyên ẩn-tàng ở dưới đất, thì con phải nghĩ đến cái thân, cái lá, cái hoa của nó. Con không thể tưởng-tượng cái quyền-lực ấy ngoài các thứ kể trên. Cái đời chỉ có thể biết được ở cái cây của đời sống». Đó là quy-tắc (précepte) của thuyết Du-già (Yoghi).

Nếu trước mặt ta không có cái gì rõ ràng để chú-giải, hình-tượng cái nghĩa đơn-vị đó thì cái ý-tưởng Đơn-vị tuyệt-đối sẽ bị hoàn-toàn tiêu-diệt. Thần-linh là tuyệt-đối thì chỗ nào cũng có (omni-présente), như vậy thì không một Nguyên-tử nào là không có Nó. Rễ, thân và cành ba thứ khác nhau nhưng nó là một cây thôi. Nhà Thần-bí-học nói rằng: «Thần-linh là Một vì nó vô-hạn. Nó là Ba, vì nó bao giờ cũng Vọng-động (manifesté). Sự phát-biểu đó là Ba trong mọi vẻ dạng của nó. Ông Aristote nói: Phải có Ba cái nguyên-nhân thì vật mới thành hình: Vô-hình, Hình và Chất.

Sự tiêu-diệt theo óc nhà Đại-triết-học có nghĩa mà nhà Thần-bí-học gọi là Nguyên-hình in trong Thiên-thể ánh-sáng; cái cõi cuối cùng hay cõi Vọng-động (Anima Mundi). Ba Nguyên-nhân hợp với nhau chiều theo cái thứ-tự là sự Sinh mà Thượng-giới không thể gần được mới phóng cái Sinh xuống

để thành Nguyên-chất hỗn-độn Vũ-trụ trên những cõi Vọng-động của cõi Hiện-tồn. Cái căn-bản «Bổn thể» đó (Cha, mẹ, con hay là âm dương giao nhau thành cái thứ Ba là con) là sự hành-động linh-thiêng, là con đường dẫn đến cái ý-tưởng cổ xưa của cái Ý-trí thanh cao mà bây giờ thành một Diệu-đề cốt-yếu của đạo Gia-tô.

Tiết 5.—“ Bẩy người con chưa đẻ ở cái Tổ-“ chức (Tissu) của Ánh-sáng. Những cõi Âm-u là “ Cha Mẹ (âm dương). Cái Thể-vật (Matériel) sơ “ thủy trước ở trong cõi Âm-u.

— Đây nói lúc sơ khai của Tứ-tượng sanh Bát-quái. Trong những

Thi-tiết trên đây mà đạo Bí-truyền chuyên nói về cái Thái-dương-hệ (système solaire) và thứ nhất là về các Hành-tinh liên-quan (chaine planétaire). Bởi vậy Bảy đứa con là những Tạo-hóa của cái liên-quan Hành-tinh. Bảy Hành-tinh hợp thành một giây Hành-tinh mà mặt Trời ở giữa gồm có Tám thể trong Thái-dương-hệ.

Cái Thể-vật (Matériel) sơ thủy, cái nguyên-chất để tạo Hình (essence plastique) đầy khắp Vũ-trụ là cái căn-nguyên của muôn vật. Đó là cái Thân của Linh-hồn mà ta thường cho là Linh-hồn nhập vào theo hình xác người vậy.

Tiết 6 — " Hai cái đó là Căn-nguyên và căn- " nguyên có Một Vũ-trụ hãy còn ẩn trong "ý-tưởng " Thần-linh và trong lòng Thần-linh.

— Cái ý-tưởng Thần-linh đây không phải là ý-tưởng của một tư-tưởng-gia về Thần-linh. Vũ-trụ không những chỉ là Quá-khứ, Hiện-tại, Vị-lai, theo cái tư-tưởng của cái óc hữu-hạn của người đầu, nhưng là Vũ-trụ hoàn-toàn, là Tạo-hóa tuyệt-đối với cái Quá-khứ, Vị-lai kết-tinh trong một Hiện-tại vô cùng tận, đó mới là cái Ý-tưởng Thần-linh.

Ba-la-man là Thần-bí tuyệt-đối đối với ý-tưởng của Người. Ba-la-ma là Âm-Dương, cái Tượng và Hình người của Ba-la-man có thể tưởng-tượng được theo Hạ-trí mà các bậc Hiền-triết đã thông-bác và hủy-bỏ cái tư-tưởng đó.

Vì vậy trong khi tự đàm cái kịch của Tạo-hóa hay là sự phát-triển của Vũ-trụ khởi-thủy, cái Vũ-trụ hay đứa Con vẫn ẩn-tàng trong «ý-tưởng» thần-linh mà chưa thẩm nhuần vào tận trong lòng của Thần-linh. Cái ý-tưởng ở trong căn-nguyên và lập Nguyên-thủy của tất cả các biểu-hiệu và vấn-đề «Con Trời» mà các Bà «Trinh-nữ» đẻ ra.

THI TIẾT III

Tiết 1.— " Sự rung-động cuối cùng của kiếp thứ " Bảy rung-chuyển

qua cõi Vô-vi (a). Cái Âm tự

" nở ra, nó mọc từ trong ra ngoài như cái hột sen " vậy (b).

a- Dùng chữ kiếp thứ Bảy có lẽ là nghịch-từ, Bảy là số bất khả phân mà Triết-lý bí-truyền đã thừa nhận. Sau này phân cái «kỳ-hạn» vô-hạn thành thời-gian tuyệt-đối vô-hạn và thành thời-gian hữu-hạn. Cách trên là cái trừu-tượng hay thể-tượng của thời-gian vô-hạn, cách dưới là cái hiện-tượng của nó biểu-trương từng định-kỳ (périodique) như cái hiệu-lực của cái tinh-thần hoàn-toàn hạn-định bởi cái kỳ-hạn của luật Luân-hồi (Loi cyclique).

b- Như vậy «sự rung-động cuối cùng của kiếp thứ Bảy trước kia không có một Thần-linh nào dự-định trước nhưng nó hiển-hiện ra như cái kết-quả của đạo-luật vô-hạn và bất-di bất-dịch, nó là cái căn-nguyên của những Đại Định-kỳ (grande Période) Động và Tĩnh hay theo kinh Dzyan gọi là Ngày Đêm của Bà-la-ma.

Sự phóng từ trong ra ngoài cái Âm gọi là «không-gian chi thủy» (Eaux de l'Espace), Vũ-trụ Âm-hộ (Matrice universelle) v.v..., đừng tưởng là phóng ở một Vi-điểm nhưng có nghĩa là sự khai-triển của cái chủ-quan-tính (subjectivité) vô-hạn như khách-quan-tính (objectivité) vô-hạn và không để ý đến ý, đến khối, đến hạn, đến bề mặt. Cái «chất»

đối với ta bao giờ cũng không trông thấy và không phải là chất, mà nó hiển-hiện trong cõi vô-hạn, ném cái bóng từng Định-kỳ từ cái cõi của nó vào trong lòng sự «Ảo-tưởng».

Đó chỉ là sự khai-triển để thay đổi trạng-thái; như một hột sen, vì cây sen không phải là hình nhỏ tí trong hột của nó (theo hình-thể) nhưng cái nguyên-hình của nó vẫn hiện ở trong Ánh-sáng của Vũ-trụ (Lumière Astrale), từ «Rạng-đông» cho đến Hoàng-hôn trong Định-hạn luân-hồi (Période cyclique) trong Vũ-trụ thể-tượng này từ Người cho đến con kiến, từ cây Đa lớn cho đến cái cỏ nhỏ tí.

Những nghĩa trên đây theo khoa Bí-truyền, nó chỉ là một phản-ảnh tạm-thời, cái bóng của Nguyên-hình vô hạn lý-tưởng yên-tịnh trong

cái ý-tưởng Thần-linh. Phải nhớ rằng : Chữ vô-hạn chỉ có nghĩa là bền-bỉ qua cái gì có nghĩa vô-chung, nó chỉ là cái vòng Vọng-động mà ta gọi là Manvantara.

Cái thực-nghĩa và cái nghĩa bí-truyền của chữ Manvantara là gì? Theo nghĩa đen là ở giữa hai Manous (Đế-quân). Trong một ngày Ba-la-ma có 14 Đế-quân và mỗi một Đế-quân có thời-hạn là 1.000 lần «4 tuổi» (quatre âges) hay là 1.000 Đại-tuế (grand âge) hay là Mahâyugas. Theo người Á-đông (Tây-tạng) chữ Man là căn-nguyên chữ Manou.

Man nghĩa là «Mặc-tưởng», vậy Manou là người trầm-tư mặc-tưởng. Nhưng theo về bí-truyền một Đề-quân là Chủ-tể hiện ra hình Người của kiếp luân-hồi, đó chỉ là cái ý-tưởng Nhân-hóa Thần-linh, là Tạo-hóa, Hóa-công, Tạo-công cho muôn vật hiển hiện trong kiếp đó hay là Manvantara; cái đời Vọng-động. Các Đề-quân đều có ý-tưởng sinh-tồn lấy các nguyên-nhân mà những nguyên-hình lý-tưởng từ trong ra ngoài, nghĩa là qua dần dần theo con đường thăng-tiến, tất cả mọi cõi, từ các Thể-tượng đến các Hiện-tượng rất thấp bé để làm nở ra trên các Hiện-tượng cái Vật-thể hoàn-toàn như cái Ảo-tưởng cùng tột.

Tiết 2.— Bỗng-nhiên, nhờ sức mau lẹ cái Rung-động lan truyền ra khắp cả Vũ-trụ và cái bào-thai trong chốn Âm-u. Cái Âm-u tự thổi trên làn Nước yên-lặng của cõi Đời (Eaux dormantes de la Vie).

— Cái ý-tưởng của cái linh-khí trong cõi Âm-u thổi trên làn nước im lặng của cõi Đời để tượng-hình cái thể-chất sơ-thủy trong trạng-thái tiềm-tàng trì-hoãn (État latent). Đó là cái căn-nguyên theo Ấn-độ là Narâyana Brahmanique (người làm chuyển-động nước) nhân-hóa cái «Linh-khí vô-hạn» của Đức Hoàn-toàn vô Tâm-linh hay là Parabrahman (Tiền Bà-la-môn).

Theo Nhà Bí-đạo Á-đông cái «Nước của cõi Đời» là tượng sự hỗn-độn, nguy-hiểm, là nguyên-bản cái Âm, là cõi Hư-vô (theo óc ta) trong đó có tinh-thần và vật-chất trong trạng-thái tiềm-tàng trì-hoãn.

Theo ông Leucippe dạy Démocrite rằng: «Những bản-nguyên của muôn vật là những nguyên-tử và một Hư-vô: Hư-vô chứ không phải vô Hư-vô, vì Tạo-hóa rất sợ cái không rỗng» theo người Péripatéticiens truyền lại. Trong các khái-luận về Vũ-trụ khởi thủy Nước là yếu-tố cần nhất, nó là căn-bản và nguồn gốc của sự sống vật-chất. Nhà Khoa-học hiểu nó chỉ theo sự hòa-hợp khinh-khí và dưỡng-khí thôi, Nhà Huyền-bí-học thì cho nó một nghĩa đặc-biệt bí-mật và thiêng-liêng theo thông-từ (générique). Nước đá không phải là nước, hơi nước không phải là nước. Ba thứ đều là Thể-hóa cả (composition chimique).

Tiết 3.— Trong cõi Âm-u nảy ra một «Ánh-sáng», cái Ánh-sáng bật ra một Tia-sáng (a) trên mặt Nước (Hỗn-độn) trong nơi U-cốc (profondeurs de la Mère) của người Mẹ. Cái Tia-sáng qua thật mau cái trứng Trinh-bạch (oeuf vierge) nó làm rung-động cái trứng Bất-diệt (oeuf éternel), nó làm bật ra một «Bào-thai» hữu-hạn đông đặc lại thành cái trứng của cõi Đời (b) (oeuf de la Vie).

a- Một Tia-sáng ở nơi U-cốc của người Mẹ bắn ra có thể lầy nghĩa là một ý-tưởng về Thần-linh sinh ra cái «Hỗn-độn». Đó là nói qua cái cõi trừu-tượng Thần-linh.

Cái Trứng trinh-bạch có cái nghĩa hình «Bầu dục» vô-hình nghĩa là có cái năng-lực sinh nở vô-hạn và bao giờ cũng như nhau. Trước khi đẻ ra sau này cái Trứng của cõi Đời, thì nó đã có cái Bào-thai hữu-hạn đã thành ở trong có cả «năng-lực của Vũ-trụ» vậy.

Tượng hình quả trứng theo bí-thuyết là nó có cái hình sơ-thủy của muôn vật, từ cái Nguyên-tử không-tưởng cho đến cái Hành-tính vô-biên vô-giới, từ Người đến Thần. Đó là cái hình bầu-dục. Trong vạn quốc ngày nay đã lấy hình con Rắn ngậm đuôi để tượng-hình cái vô-hạn, vô-thủy, vô-chung ấy.

Muốn cho hiểu-biết một cách uyên-thâm cái nghĩa đó phải tưởng-tượng cái bầu tròn mà ta nhìn ở cái chẳm ở giữa. Cái khoảng-khoát mênh-mông mà tư-tưởng ta thấy như một hình bóng tròn mà những

đường trực-kính chạy theo các ngả trong hư-không vô-hạn định, vô-biên vô-giới. Đó là cái bầu tròn của Pascal và những nhà Thần-học «là một vòng tròn mà chỗ nào cũng là trung-tâm-điểm và cái vòng ngoài không có cương-giới».

b- Cái trứng của cõi Đời là một biểu-trương thường dùng để dễ tưởng-tượng về Thần-học, cũng như theo Vật-chất-học hay Vũ-trụ-học. Thường thấy trong các Triết-lý-học cũng như trong Tôn-giáo nó biểu-trương bằng con Rắn cho cõi vô-hạn, và cho sự Phục-sinh và Trí-tuệ.

Cái bí-mật của sự Tự-sinh (Soi génération) và cho ta hay cái vòng phát-triển của Vũ-trụ mà tự cái năng-lực sáng-tạo ra theo cái hình nhỏ trong trứng. Cái vòng đó thành là ở cái sinh-khí của Âm Dương linh-động được bởi cái Ánh-sáng của «Ý-trí sáng-tạo» vô-hình.

Cái trứng trinh-bền là biểu-hiệu cái Tiểu-thiên-địa thu hình cái Đại-thiên-địa và người Mẹ trinh-bạch sự Hỗn-độn hay là cái «Sơ-thủy Cốc». Cái Dương-tạo (créateur mâle) làm nảy ở trong lòng cái Trinh-âm cái căn-bản tinh-khiết (Racine immaculée) nảy nở ra bởi cái «Tia-sáng».

Cái Vũ-trụ ví như cái Tạo-hóa thụ-cảm (nature réceptive) là một quả trứng nở ra, còn tinh-khiết trong khi nó còn là vô-hạn, nó chỉ có thể tượng hình bằng một bầu tròn.

Cái trứng vàng đó (oeuf d'or) bị bao-bọc bởi 7 yếu-tố tự-nhiên. Bốn cái hữu-hình (E-te, lửa, khí, nước) và Ba cái vô-hình bí-mật.

Tiết 4. Thể rồi Ba (hình tam-giác) thành Bốn (thể tứ) cái nguyên-chất rạng-rỡ thành 7 ở trong và 7 ở ngoài.

a- Cái trứng sáng (oeuf lumineux) tự nó cũng là Ba (ba cái Thực-thể, nguyên-chất của Ý-trí Tạo-hóa) nó đông lại và tràn lan thành váng trắng (caillots blancs) như-sữa trong cái ảo-diệu của bà Mẹ, cái rễ nó mọc từ chỗ thâm-sâu trong bể-khổ.

b- Phải hiểu sự dùng những hình về Kỷ-hà-học và tượng của những số ở trong các Cổ-linh-tự (Ecriture sacrée ancienne) trong Pourâna, trong Tử-kinh (Livre de la Mort) của người Ai-cập, trong Thánh-thư của đạo Cơ-đốc.

Trong kinh Dzyan cũng như trong Cựu Điều-ước (Cabale) có 2 thứ số để nghiên-cứu :

1- Những hình số thường để làm sai đường lạc lối.

2- Những Thần-số (nombre sacré) mà những nhà Bí-học biết được cái trị-giá của nó là nhờ ở chỗ thông-hiểu được Bí-thuyết.

Số trên là những hình ước-định, Số dưới là những tượng-số cốt-yếu của muôn loài nghĩa là Số trên thuộc về hoàn-toàn vật-chất, số dưới thuộc về thần-linh, hai thứ cũng có liên -lạc với nhau như

Thể-chất với Tinh-thần, hai cái cực của Độc-thể (substance unique).

Như Ông Balzac có nói trong cuốn Louis Lambert những con số đối với tinh-thần cũng như với vật-chất: «Là một nguyên-động-lực không hiểu được, (un agent incompréhensible). Nó không thể hiểu được là theo người trần mắt thịt, nhưng trái lại với nhà Đạo-sĩ».

Theo Balzac thì cái Số (nombre) là một Thực-thể (Entité) và gọi là cái «Linh-khí» là Trời mà ta gọi là «toàn-thể duy-nhất» (Le Tout).

Chỉ có cái «Linh-khí» là có thể tổ-chức được cái Vũ-trụ Thể-chất mà cái gì thành hình là ở Thần-linh, cái đó là ảnh-hưởng của Số.

«Trời» là một con Số có năng-lực huy-động mà người ta cảm thấy và không giảng được.

Trời là số «1» bắt đầu các Số nhưng không giống như mọi số. Cái Thể của số là ở «Số Một» mà nó lôi kéo tất cả Số khác.

Cũng như trong kinh Dịch Hệ-từ nói rằng : «Kiền vi Thiên» Kiền tượng Trời mà quẻ Kiền tượng bằng ba gạch ☰ nếu ta nối liền ba gạch thì ta được một gạch đứng tượng số 1 vậy.

— Anh cảm thấy gì, nếu tôi thả Anh trong cái

vực Vọng-động theo năng-lực của các Số? Ý-tưởng Anh sẽ ra sao nếu tôi nói thêm rằng: Sự huy-động và con Số liên-hợp nhau bằng Thần-chú (Verbe).

(Con số thì nói được nhưng không động, chính là Thần-chú mới huy-động được).

c- Cái nguyên-chất rạng rỡ đông lại và tràn lan qua các thẳm-xâu của Hư-không. Theo về Thiên-văn-học thì cái hình đó dễ giảng nghĩa: Đó là sông Ngân-Hà (voie lactée), đời thành bằng cái «Vải» đó, cái Thể-chất sơ-thủy trong cái hình đầu tiên. Theo khoa Bí-truyền và Tượng - Pháp (Symbolisme) thì khó mà giảng ra được bằng ít lời vì nó khó giải nhất trong những tượng-trưng, nó có hơn 12 tượng-trưng và tất cả các vật bí-mật trong vạn-linh miếu, có «14 qúi vật» mà mỗi một thứ có một nghĩa huyền-diệu riêng và nhất định lấy ở các Ngụ-ngôn An-độ như «Đánh Sữa làm Bơ của Đại-dương» của các Thần. Vì vậy Amrita cái Sinh-thủy hay sự Bất-diệt và Surabhi «con Bò vắt Sữa» gọi là «suối Sữa và Sữa đặc» làm thành cái Biển Sữa. Vì chỗ đó người Ân-độ mới thờ con «Bò cái» và «Bò đực» mỗi con có một đặc-biệt riêng, con thì có năng-lực sinh-sản, con có năng - lực phát sinh (pouvoir générateur) của Tạo-hóa, những Tượng đó có liên-quan với những Thần-linh của mặt Trời và Vũ-trụ.

Theo về Thần-học những tính-cách riêng của 14 vật báu đó được giảng ở kỳ Đệ-tứ khai-tâm (4^e Initiation) không có thể viết ra đây được, nhưng ta nhận thấy rằng: «Trong Shatapatha Brâhmana người ta công nhận sự «đánh Sữa» (như đánh Sữa thành Bơ) của cái «Biển Sữa» ở trong cái «Tuổi Vàng» (Age d'or) tuổi theo liền cái Đại-hồng-thủy (Déluge)».

Kinh Rig-Véda, Manu, hai kinh đó có trước cái Đại-hồng-thủy của

Vaivasvata (là người làm hại một phần lớn của Đệ-tứ chủng-loại) không có nói cái Đại-hồng-thủy ấy. Cái mà người ta muốn nói đây cũng không phải cái cựu Đại-hồng-thủy (grand Déluge), cũng không phải cái làm nổi giận Atlantis, cũng không phải cái ở đời Noé. Cái «đánh Sữa» ấy chỉ vào Thời-đại trước trái Đất thành hình và theo một thuyết khác mà ta thấy trong Cơ-đốc-giáo là «trận náo Thiên-cung» (guerre dans le Ciel) và «Thần-dáng» (Chute des Anges).

Tiết 5. Cái căn rễ ở lại, cái ánh-sáng cũng vậy, những cái váng sữa cũng thế và tuy vậy cái Âm Dương bao giờ cũng là Một (Ocaohoo).

— Trong chú-thích người ta giảng Ocaohoo bằng Âm Dương Thần, Thần chỉ Phụ-Mẫu» hay là cái 6 trong Một hay là cái căn bảy một (Racine

Septenaire) mà muôn vật thành-tựu. Tất cả là ở cái giọng mà người ta đọc 7 âm-tự ấy, người ta có thể đọc thành 1, 3 và 7 chữ, thêm chữ e sau chữ o cuối cùng. Chữ bí-mật ấy vô công-hiệu vì người ta chưa được cái bí-quyết đọc làm 3 giọng của nó. Đọc thành Một có nghĩa là bất phân-ly của muôn sinh-linh ở trạng-thái Tĩnh hay Động.

Một đằng Oeaohoo là cái «Căn vô Căn» của muôn loài là một với Parabrahman.

Một đằng khác nó là tên cái Động-Thể độc-nhất, là cái «Một» có Sinh-lực vô-hạn.

«Căn» nghĩa là Đại-quang-minh, sự thực-hiện vô-hạn vô điều-kiện mà người ta gọi là Quan-niệm-lực (Idéalisation) của Tiên-Thiên hay là Thể-chất của Tiên-Thiên, vì hai nghĩa sau này là hai biểu-dương của Một.

a- Cái nguyên-chất của cõi âm u là cái ánh-sáng tuyệt-đối. Cõi âm-u biểu-dương một nguyên-lý của Vũ-trụ lúc Tĩnh tuyệt-đối hay Vô-vi, theo thiển-ý của ta.

Hỏa, Nhiệt-độ, sự Động ở đây không phải như sức nóng của Lửa, sự Động của Khoa-học thường thức đâu; nó là Thể-tượng, là Linh-hồn của cái nguyên-chất của những thứ đó trên cõi Thể.

Những thứ đó ta không thể nào thấy theo Khoa-học.

Theo về Bí-thuyết Đông-phương thì chỉ có cõi âm-u là Hiện-tại, cái căn-bản của Ánh-Sáng, nếu không có âm-u thì Ánh-Sáng không linh-động và cũng không có được. Ánh-Sáng là Thể-chất, âm-u là Trinh-Nguyên (Esprit pur).

Âm-u trong cái căn-bản linh-thiêng là cái Ánh-Sáng chủ-quan (Subjectif) và tuyệt-đối, cái Ánh-Sáng ấy khi nào tới trình-độ rực-rỡ, vinh-diệu, tột điểm nó chỉ là một cái Bóng (ombre) vì nó không bao giờ có thể vô-hạn được và chỉ là Ảo-Ảnh.

Ánh-Sáng xuất ở cõi âm-u và cõi âm-u là diện-tích của Vực sâu-thẳm (Surface de l'Abime). Trong âm-u là cuộc Sinh-tồn, cuộc Sinh-tồn là Ánh-Sáng của Người. Trong Tiết Phúc-âm (verset de l'Evangile) Saint Jean nói rằng:

«Ánh-Sáng cũng là tia-sáng Thần-linh ở khắp mọi nơi nhập vào trong cái Trứng thiêng-liêng (oeuf divin) bây giờ sinh ra và làm cái Thể-chất của Vũ-trụ khởi-thủy, cái tấm vải dài giăng-dặc của sự phân chia».

Những «Váng Sữa» là sự «phân-tách» sơ khai có lẽ là cái Thể.chất Vũ-trụ ấy mà người ta mường

tượng là cái Nguyên-Thủy của Sông Ngân-hà mà ta trông thấy.

Cái «Chất» đó theo các Giáo-chủ về Thần-linh cho ta biết trong khi giấc-ngủ có hạn của Vũ-trụ cái gì cực-kỳ nhỏ (ténoité) mà con mắt nhà thấu-thị (clairvoyant) hoàn - toàn nhận được. Cái Chất rạng-rỡ và lạnh lẽo đó bay-bướm khắp không-gian có lúc nổi dậy theo cái Động đầu tiên của Vũ-trụ. Nó hiện ra, ở cõi đất mà trông như những đám tròn, đám lớn giống như những váng Sữa lớn.

Đó là sự gieo giống cho những cõi Vi-lai những «tấm vải» của Vũ-trụ Tinh-tú.

Tiết 6. Cái căn-nguyên của đời là từng giọt của cái Đại-dương bất-diệt, cái Đại-dương là cái Ánh-sáng rạng-rỡ trước kia là Lửa, là

Nhiệt-độ và là sự Động (mouvement), cõi âm-u biễn mất không còn nữa nó biễn trong cái nguyên-chất (Essence) của nó, cái Thể của Thủy và Hỏa, Âm và Dương

«Và Ánh-sáng phát huy trong cõi âm-u và cõi Âm-u không hiểu nó».

«Et la lumière rayonna dans les ténèbres ct les ténèbres ne la comprirent pas».

Đã thấy cõi Âm-u là cõi tuyệt-đối, nó không

thể hiểu-biết được cái Ánh-sáng thoáng qua siêu-việt đến để hiển-hiện trước mắt trần.

Tiết 7. Coi đó, Đệ-tử ơi! đứa con huy-hoàng ở Âm Dương ra, đó là cái Quang-vinh duy-nhất: cái Hư-không sáng-láng (a) con của cái Hư-không Âm-u nổi trên cái sâu-thẳm của U-đại-thủy (grandes Eaux Sombres). Đó là Oeaohơ; cái đời mới, cái thực- từ huy-động. Nó rực-rỡ như mặt Trời. Nó là Thần- Long đại-quang-minh. Cái Một thành Bốn, cái Bốn chiếm lấy cái Ba và hợp làm Bảy, trong đó cái Bảy thành ba lần mười, thành đám, thành hằng-hà sa số.

Mở cái màn ra, coi nó từ Đông đến Tây. Nó che những cái gì ở bên trên và để thấy cái dưới như là cái Đại Áo-Ảnh. Nó điểm chỉ cho các Tinh- tú đối với cái ở thượng-giới làm một Hỏa Đại-dương vô-biên vô-giới và thành nhất Động (Un manifesté Elément) trong Đại-thủy.

a- Cái Hư-không sáng lạng con của cái Hư- không đen tối Âm-u là cái tia Sáng rơi xuống khi cái rung-động đầu tiên của cái tân bình-minh trong vực-thẳm của Vũ-trụ ở đó nó biệt-tịch như Oeaohơ (Đời mới) đến tận cùng cái vòng cõi thể để thành Bào-thai của muôn vật.

Philon le Juif nói rằng: «Đó là Người vô thể

giữ trong nó cái Ý-tưởng thiêng-liêng» đó là cái mỗi phát sinh của Ánh-Sáng và Đời.

Người ta gọi là «Đại Quang-minh Chi-long» (Dragon de la Sagesse resplendissante) là vì:

Một là: Theo những nhà Hiền-triết Hy-lạp gọi là Thần-chú (Logos) là châm - ngôn của cái ý-trí thiêng-liêng.

Hai là: Theo Triết-lý huyền-bí cái Động sơ nhất là cái hòa-hợp hay là cái hoàn-toàn Đại-minh mẫn Oeahoo. «Con của mặt Trời» có 7 đạo binh tạo-tác (Séphiroth) và thành cái nguyên-chất của cái Linh-động Đại quang-minh (sagesse manifestée). Ai ở trong cái Ánh-Sáng của Thiên-đạo thì không bao giờ nhầm lẫn bởi cái Ảo-tưởng, Ảo-ảnh.

b- Người ta lấy «Đại Quang-minh Chi long» ví như là «Đại Nhất».

Long là Rồng. Con Rồng là một vật rất linh-thiêng và quí. Như bên Á-Đông lấy Rồng tượng-trưng một sự quí-báu linh-thiêng độc nhất. Thường thấy trong những danh-từ của các bậc Đế-Vương, như: Ngai rồng, sân rồng, mặt rồng lồ lộ v. v., cũng như bên Tây-phương họ lấy con Rắn làm biểu-trượng cho cái Đại minh-mẫn và tuyệt-đối thiêng-liêng. Như Hermès gọi con Rắn là vật linh nhất các vật. Đức

Giáo-chủ Moise đồ-đệ Đức Hermès cũng nói trong «Khai Thiên lập Địa» «Con Rắn duy-trì Đạo-lý có 7 âm-tự trên đầu là biểu-trương 7 cấp của các Tạo-công Bảy Một, hay Tạo-công các Hành-tinh; theo Ấn-độ con Rắn tên Shésha hay là Ananta (vô-vi) một tên của Vishnou ở kiếp thứ nhất trên cõi hỗn-độn sơ thủy».

Đức Chúa Jésus có nói rằng: «Các con nên khôn ngoan như con Rắn».

«Các Thiên-tính tự động trên cõi hỗn-độn» ở nước nào cũng lấy con Rắn thổi lửa đến thời-kỳ phụ-hóa (Incubation) của cái Thể-chất Vũ-trụ và đến khi cho con Rắn hình tròn, Rắn ngậm đuôi, không những nó biểu-trương cái vô-cùng vô-tận, nó còn tượng-hình những hình tròn của các Thể đã thành trong Vũ-trụ bởi cái Âm-u.

Thiên, Địa, Nhân ảnh-hưởng lẫn nhau cũng như con Rắn lột da, để thành đời mới sau mệt thời-kỳ Tĩnh.

Theo người Ai-cập con Rồng cũng biểu-trương cái Thiên - đạo. Trong quyển kinh của Hermès, Pymandre là cái tối cổ của Thiên-đạo Tây-phương hiện hình trước mặt Hermès theo hình con Rồng

lửa. Pymandre là hiện thân cái ý-tưởng Thần-linh

nói rằng: Ánh-sáng là Ta, ta là chúng Ta (theo về Thần-thể). Ta là Thần của Ảnh, Ta còn xưa hơn cái Bản-nguyên của Nhân-loại ở cõi Âm-u ra. Ta là cái bào-thai của Tư-tưởng, cái Ngôn-từ rực rỡ, Ta là con Trời, cái gì mà người nghe, trông thấy, đó là Ngôn-từ của Sư-phụ ta. Tư-tưởng là Trời là Cha (cái bản-nguyên thứ 7 trong người và Vũ-trụ).

Cái Thiên Đại-dương cái AEther là cái hơi thổi của Dương, cái bản-nguyên thành cõi đời, cái Âm cái ý-trí Thần-linh... là vì những cái đó không thể dời xa nhau được và sự cấu-hợp là cõi Đời.

c- Người Mẹ của Lửa là cái Ánh-sáng Thiên tính cực-linh (nghĩa là theo Thể-tượng), cái Phát-huy đầu tiên của Vũ-trụ thể-chất không phân-tách thành Thiên-thể (matières astrales) gọi là con Rắn lửa hay Rồng lửa.

Nên Đạo-tử nhớ rằng: Chỉ có một Nguyên-tố hoàn-toàn là vô cùng tận, vô Sinh vô Tử, còn như trong đời Hiện-tượng nầy chỉ toàn là sự thay-đổi phân-tách, biến-hóa hay nói tóm lại chỉ là Dịch-lý mà thôi. Bây giờ người ta gọi là tình-trạng tương quan (corrélation) của cái Độc-nhất ấy từ cái quả của Đại-thiên-địa cho đến cái quả của Tiểu-thiên-địa. Kết cuộc là tất cả các vật-chất hiện-tượng.

Các nhà Bí-học Đông và Tây đều biết sự tương-quan của Âm-dương với cái AEther khởi-thủy hay gọi là Linh-quang (Lumière astrale) và cái thuần-nhất của nó trước khi có những Quả nẩy nở ra. Đố là cái Fohat của Vũ-trụ hay là Điện-khí Vũ-trụ. «Fohat làm cứng và rải rác Bảy anh em» đó là Thần-diện sơ thủy làm thành cõi Sinh-tồn bằng Điện-lực và phân-tách cái màn đầu tiên hay là cái Thể-chất trước khởi nguyên (matière prégénétique) ra thành Nguyên-tử. Những Nguyên-tử là căn-nguyên của muôn loài và tất cả tình-cảm. — Theo Eliphas Lévi thì có một Nguyên-động-lực độc-nhất hoàn-toàn của tất cả các hình-thể và của đời Sinh-tồn gọi là Od, Ob và Aour, động hay tĩnh, Dương hay Âm như ngày và đêm: Nó là Ánh-

sáng mờ đầu tiên của sự khai Thiên lập Địa.

Od là cái Ánh-sáng trong trẻo nuôi dưỡng Sinh-linh là linh-khí. Ob là sứ-giả của Tử-thần mà những Phù-thủy thường dùng. Aour là hai cái cấu-hợp nhau, là cái Ánh-sáng của Trời.

Đời xưa người ta hình-tượng nó bằng con Rắn «Fohat vừa thổi vừa bò đây và kia» theo hình chữ chi, cái lượng-giá hoàn-toàn của nó là số 9. Nó là nguyên động-lực thần-diệu đệ nhất và chỉ riêng trong Triết-lý Bí truyền thì cái Sinh-tồn hòa trong cái Thể.

chất sơ khai, cái nguyên-thể hợp thành muôn vật và ý-trí quyết-định các hình-thể.

Theo trong Dịch-lý của Á-Đông thì có Âm có Dương. Âm-dương giao-hợp nhau thành cõi Sinh-tồn nầy.

Theo Văn-vương Bát-quái lấy quẻ Kiền thuần Dương tượng Cha ☰ có 3 gạch và quẻ Khôn thuần Âm tượng Mẹ ☷ có 6 gạch. Hai quẻ Kiền Khôn hòa nhau thành quẻ Thái ䷊ 9 gạch, hay quẻ Bĩ ䷋ cũng 9 gạch. Ta cũng có thể nói như trên, cái lượng-giá của Âm-dương giao-hợp nhau là số 9. Tức như cái Fohat cái Ánh-sáng thiêng-liêng của Trời hay là cái Aour của Lévi vậy.

Tiết 9. Cái Ánh-sáng hay là ngọn lửa nguội

(a) Ngọn lửa là Hỏa (lửa) và lửa làm ra Nhiệt-độ (chaleur), nó cho ta Nước: cái Nước của cõi Sinh-tồn trong cái Đại-mẫu (grande Mère) cái thuần Âm (hay là quẻ Khôn trong kinh Dịch. Khôn tượng quả đất của cõi Sinh-tồn).

– Ánh-sáng, Ngọn lửa, Hàn, Nhiệt, Hỏa, Thủy và Nước của cõi Sinh-tồn, theo cõi thể của ta là những kết-quả của sự giao-hỗ tương-quan (corré-

lations) của Điện-khí theo một nhà Vật-lý-học hiện đại.

Sự phát-sinh tôn-nghiêm của một giòng giõi không kém linh-thiêng của cái Hỏa, nó là Tạo-công, là Thần Bảo-thủ (conservateur) và Thần Phá-hoại (destructeur) của cái Ánh-sáng, nó là Nguyên - tính Thần-linh của ông cha ta, của Ngọn lửa nó là Linh-hồn muôn loại.

Điện-khí là cõi độc nhất theo thượng thượng-giới của Sinh-linh. Theo hạ hạ-giới nó là Thần lưu-động (Fluide Astral) là Thần, là Quỉ, là Thiện, là Ác.

a- Bây giờ tại sao ta gọi Ánh-sáng là «Ngọn lửa nguội» ?

— Là vì trong phạm-vi thứ-tự các trạng-thái phát-triển Vũ-trụ cái Động-lực (Energie) huy-động Thể-chất sau khi kết-thành Nguyên-tử (atomes) sinh-sản trên cõi đất ta bởi cái Nhiệt-độ Vũ-trụ và vì trước thời-kỳ đó Vũ-trụ chưa có. Cái Thể-chất sơ thủy cùng có với cái Hư-không vô-chung vô-thủy, bất hàn, bất nhiệt, nhưng có một tính-cách riêng của nó.

Hàn và Nhiệt, Lạnh và Nóng là hai tính quan-liên với nhau và cùng ở cõi vọng-động, nó giao-động tất cả các loại.

Cái Hàn khi nó còn ở thời kỳ Trì-hoãn (tĩnh) gọi là Trinh-hàn, khi nó động thì gọi là Mẹ là Âm.

Cái Thể-chất sơ thủy trước khi động bởi cái làn sóng rung-động của Vũ-trụ Điện-khí thì chỉ là một cái tia-sáng nguội lạnh, vô-sắc, vô-vị, vô tính vô-hình và những đứa con đầu tiên của nó là 4 đứa rồi sanh ra 8 (tám).

Cái Thể-chất sơ-thủy đó là Thái-cực theo Dịch-lý Á-Đông nó là tia-sáng nguội lạnh vô-sắc, vô-vị, vô-tính vô-hình trước khi bị rung-động bởi cái làn Điện-khí của Vũ-trụ.

Sau bị rung-động bởi cái Điện-khí Vũ-trụ, Thái-cực sanh ra Lưỡng-Nghi tức là Âm và Dương.

Lưỡng-Nghi sanh ra Tứ-tượng là : Thái-âm, Thiếu-dương, Thái-dương, Thiếu-âm.

Đó là Bốn cái «Điểm-lực» (centres des forces) khởi-thủy hay là Nguyên-tử rồi sau thành ra 8 quái Bát-quái sinh ra 64 quái.

Bốn cái «Thiên-nhiên sơ-khai» (natures primaires) của những năng-lực tạo-tác đầu tiên là :

Nature akâshique :	Thái-Âm
— éthérée :	Thái-Dương
— aqueuse :	Thiếu-Âm
— ignée :	Thiếu-Dương

Theo về khí-thể khoa-học người ta gọi theo những trang-thái trên là: Thượng Khinh-khí (parahydrogénique). Thượng Dưỡng-khí (paraoxygénique). Dưỡng Khinh-khí (oxyhydrogénique) và Đạm-khí (ozoniques hay nitrozoniques).

Những khí-thể đó theo Bí-Đạo là những thể-chất hết sức Linh-Động (suprasensible) tuy là còn thuộc về trang-thái Nguyên-Tử và có cái Vọng-Động tột-bực khi mà nó rung-chuyển trên cõi Ta-Bà.

Những thể-chất ấy vừa là Âm, Dương điện-tử. Nếu biết cách hóa-hợp những thể-chất đó bằng cái Thần-hỏa (Feu astral) người ta có thể hóa ra được nhiều phép lạ kỳ. Theo như vậy thì ta thấy ở trên cõi đất nầy muôn sự vật đều bởi điện-khí hợp-thành. Muôn vật đã là Điện-khí thì tất cả Vũ-Trụ cũng đều là Điện-khí cả như vậy Đạo-Phật đã giáo-hóa cho Đời một Giáo-lý uyên-thâm huyền huyền ảo ảo, có có không không. Cho cõi thể sắc sắc không không này một tôn-chỉ hết sức Khoa-học mà ít nhà Phật-tử để ý đến.

Theo Nho-giáo cái tôn-chỉ duy-nhất « Thiên-Địa vạn vật nhứt-thể » Trời Đất và vạn vật đều là một thể mà ngày nay trong thời-đại Nguyên-tử ta

càng thấy những tôn-chỉ của các bậc Thánh Hiền Cao Minh Đại-đức là đúng. Các Ngài không dùng Thiên-lý kính mà ngẳng lên thấy được Thiên-Văn, cúi xuống nhìn rõ được Địa-lý. Hóa cho nên người Quân-tử ngồi nhà mà giáo-hóa được Thiên-hạ là lý ấy vậy.

∴

Sức đánh đồng-đưa

CỦA NGUYỆN-TỬ THEO KINH DZYAN

Thi Tiết 3 Tiết 2. Cái màn ấy tự mở rộng ra khi mà Hơi Lửa (soufle du Feu) Dương bao-bọc nó tự thu lại khi nào cái Hơi Ẩm (souffle de la Mère) (Racine de la Matière) đụng tới nó. Từ bấy giờ các Con (8 quái với những Năng-lực hay Tinh-thần từng quái một) tự dời nhau ra và đi mỗi người một ngả để nhập cả vào trong lòng người Mẹ (Âm) sau một Đại-Chú (grand jour) và lại thành một với nó (Âm) - Khi mà cái Màn ấy tự nguội nó thành ra sáng. Những con nó tự nở ra và tự thu vào trong nó và lấy cái tâm nó bao-trùm cả Vũ-Trụ.

— Một đại Nhiệt-độ phân-tách những dị-thể (éléments composés) và làm những Thiên-thể (corps céleste) thành thể sơ khai độc nhất. Theo Chú-giải giảng như sau này :

« Khi mà một Sinh-thể tự phân-tách ra thành những thể đầu tiên trong cái vòng dãn-lực (attraction) và làm huy-động một chất-điểm bay đâu đó trong cõi hư-không. Cái thể đó rút thành chất hơi và giữ trong lòng Mẹ (Âm) đến khi nào Fohat lấy vài mảnh Vũ-Trụ để ấn-hành một xung-động (impulsion) lại làm nó Động, phát ra nhiệt-độ cần-yếu và để cho nó theo sự sinh-tồn mới. Cái dãn ra và thu vào của cái Màn nghĩa là những Nguyên-tử tạo-thành cõi đời có cái nghĩa ở đây là sự phốc-động (mouvement de pulsation) vì cái thu vào dãn ra đều nhau của cái Đại-Dương vô cùng tận cái mà ta có thể gọi là Nguyên-hình của thể-chất, là nguyên-nhân của sự rung-động hoàn-toàn của những Nguyên-tử. Thế mới biết đời xưa các bậc Hiền-triết

đã biết nhiều cái đã làm băn-khoăn các nhà Bác-Học ngày nay như : nguyên-nhân của những trạng - thái Dương-Thiêu (Ignition) của Thể-chất hay là tấm vải làm thành cõi đời trái-nghịch với Nhiệt-độ là sự lạnh giá co rút v.v...

Chú-giải nói rằng : Trong mỗi nguyên-tử thì có Nhiệt-độ trong và ngoài, cái hơi Dương, cái tinh-thần, và cái hơi Âm, cái Vật-chất, những cái đó cho ta hiểu rằng : cái luận-doán hiện tại về Ánh-Sáng Mặt Trời sẽ bị tắt, vì Nhiệt-độ sẽ mất đi bởi sự phóng Ánh-Sáng ra, là một ý-tưởng lầm lẫn ».

Đến những nhà Bác-Học cũng công-nhận thuyết đó là sai. Ông Newcomb có giảng rằng : « Trong khi mất nhiệt-độ, một thể-khí co rút lại và cái Nhiệt-độ phóng ra bởi sự co rút quá cái Nhiệt-độ mà nó mất để thành sự co rút ».

Đã đành rằng sự co rút lại làm ra nhiệt-độ nhưng sự co rút bởi sức lạnh thì không thể làm ra Nhiệt-độ vẫn có ở trong cái thể ấy được, cũng không có thể giữ một vật ở trình-độ có nhiệt-độ đều đều.

Ông Winchell đã thử giảng cái nghịch-ý đó rằng : nó có « một cái gì ngoài Nhiệt-độ » có lẽ nó là (theo một cách giản-di) sự đun-đẩy nhau (répulsion) của các phần-tử (molécules) khác nhau theo định-luật xa gần (Loi des distances). Có thể đồng-ý được nếu « cái gì ngoài nhiệt-độ » ấy gọi là « nhiệt-độ vô nguyên-nhân », cái Hỏa-Khí (souffle du feu), cái Lực-lượng vô sở bất tạo (Force omnicréatrice) sai-khiển bởi cái tinh-thần tuyệt-đối.

KẾT LUẬN THIÊN HÀ-ĐỒ

Xét từ khi Vũ-Trụ khởi-thủy bằng các Cổ-Kinh như Định-Kinh của Ấn-Độ, đến các thuyết của các nhà Bác-Học và Thiên-Văn học hiện-tại, để so-sánh

với cái Vũ-Trụ quan của Kinh Dịch ta không khỏi ngạc-nhiên cái Trí-tuệ thấu-triệt hết cả Thiên-lý, cả Vũ-Trụ của Tiền-Thánh.

Nếu ta lấy Thái-Cực-Đồ của Phục-Hy (hình VII chương 60) và so sánh với các Tinh-Vân (hình XVII-XVIII chương 134-148) của các nhà Thiên-Văn Âu-Mỹ ngày nay nhờ có các thứ Viễn-Kính đã chụp được thì ta thấy rõ rằng : Khoa-học thực-tế ngày nay đã giải rõ những quan-niệm và lý-trí của các khối óc phi-phàm cổ xưa vậy.

Trong một Vũ-Trụ nhỏ ví-dụ như Thái-Dương-Hệ mà trái Đất ta ở trong đó thì cũng không thể ra ngoài cái hiện-tượng của Thái-Cực-đồ ở trên, sự cân-đối âm-dương đã giữ vững được cái sức quân-bình cho các Hành-tinh chạy chung quanh một Định-tinh, cũng như một Nguyên-tử vô vi, mắt thường ta không trông thấy được, nhưng cũng không hề ra ngoài cái luật ấy vậy. Sự luân-chuyển các âm đơn-tử chạy trung quanh dương điện-tử đã cho ta rõ đạo luật phi-thường « Thiên-Địa vạn vật nhứt thể » vì không có một chất nào hữu hay vô hình có thể ra ngoài sự kết-hợp của Nguyên-tử. Hóa cho nên sự tương-đối và tương điều-hòa của Âm-Dương từ một Thái-Dương-Hệ cho đến một Nguyên-tử đều giống nhau cả chỉ trừ sự vận-chuyển nhanh hay chậm theo thời-gian nhiều

hay ít đều theo một đạo-luật tương-đối, tương-xung tương-hòa, sinh-khắc tùy theo sự nhỏ lớn, xa gần mà các nhà Bác-Học có thể tính ra thành số được vậy.

Xem như thể thì tất cả cái Trung-Hòa, Quân- bình của các sự vật ở trên quả Đất và các Tinh-Tú trên không-trung thăm-thẳm vô-biên vô-giới cũng không ra ngoái sự vận-chuyển âm-dương ở trong Thái-Cực-đồ.

Vậy đây là một Điểm tối quan-trọng mà tôi nêu lên, mong các nhà Bác-Học lấy Hà-Đồ mà nghiên- cứu Vũ-Trụ thì không còn có một luật nào có thể ra ngoài những luật tương-xung, tương-đối tương-hòa, tương-sinh, tương-khắc của Âm-Dương.

Nhà Bác Học Einstein chỉ mới nêu lên cái thuyết tương-đối (Loi de la Relativité) lấy thêm một bề vào ba bề (4_e dimension) thường dùng trong Khoa-học, là thời-gian và không-gian. Nhưng luật tương-

đổi ấy nó chỉ trong một phạm-vi nhỏ hẹp vì ông không nêu lên những luật tương-xung, tương-hòa, tương- sinh, tương khắc của Âm-Dương theo không-gian và thời-gian.

Âu là đây tôi mong rằng các Bác-Học ở các nước Văn-Minh nên lấy cái căn-bản của Thái Cực đồ, thuận theo các luật sẵn có của thiên-nhiên mà tìm

kiếm thêm những Khoa-học mới khác để đưa Nhân-loại đến chỗ Đại-quang-minh và Thái Bình tuyệt-đối.

Mới đây có hai nhà Bác-học trẻ tuổi Trung-Hoa Tsong và Lee được giải-thưởng Nobel về thuyết : « Bên tả đơn-tử có năng-lực khác bên trái » hay là Nguyên-tắc âm-dương (Principe de Parité) chỉ có thể thôi. Thuyết ấy cũng chỉ mới là một hạt bụi nhỏ đối với những lý-thuyết trong Dịch rất rõ ràng về khoa Nguyên-tử học. Tôi không muốn nói về chi-tiết ở đây. Các bạn sẽ đọc quyển : Dịch-Lý và Khoa-Học tức là quyển để kết-luận sự Học-Dịch của tôi và là một Luận-Ấn về Nguyên-Tử- Lực theo Dịch-Lý (Thèse de la Science atomique suivant la Loi de Changement) mà tôi sẽ đệ lên Chánh-Phủ và Quốc-Tế Khảo-cứu Nguyên-tử-lực. Và có nhiều phần cần phải giữ bí-mật nên quyển đó chỉ có thể ra mắt bạn đọc thân-mến sau khi duyệt-y.

Nhưng các bạn lúc nào cũng nên cố gắng mà học Dịch, bạn sẽ như tôi bạn sẽ tìm được con Đường mà bạn thường mong-ước.

CHẤT-ĐIỂM THEO KINH DZYAN

Thi-Tiết v

Tiết 3. Ơ trên đã nói là Dương-điện-tử xoay tít chung quanh điện-hạch theo đường xích-đạo, cái định-luật xoay tít chung quanh trong thể-chất sơ khai đó là một trong những luật của phái Triết-lý Hy-lạp

cực-kỳ cổ mà các bậc Đại-quang-minh tối cổ là những bậc thông Bí-pháp. Người Hy-lạp học người Âi-cập, người Âi-cập học người nước Chaldée là học-trò của Đạo Bà-la-môn ở trường Bí-truyền. Ông Leucippe và Démocrite d'Abdère đồ-đệ của các Đạo-sĩ Hy-lạp dạy rằng : cái sức xoay vòng (mouvement giratoire) của các Nguyên-tử và các viên tròn thì đời nào cũng có.

Cái Thuyết khởi điểm ở trung-tâm Thái-dương (mouvement héliocentrique) mà Pythagore dạy ta từ 500 năm T. T. L. còn cái thuyết những lốc giản đơn (tourbillons élémentaires) biết từ hồi ông Anaxagore gần 2000 năm trước khi ông Galilée, Descartes, Swedenberg tìm thấy và sau chót ông Sir W. Thomson có sửa đổi chút ít.

Trong Chú-thích có giải rằng : (Thi-tiết VI) Sự chuyển-động của những lực-lượng của Fohat ở

trên hai hàn Cực (Bắc và Nam-cực) của trái Đất có nhiều đặc-tính của Akâsha (Ether) về Sắc cũng như về Thanh. Thanh là tính cách của Akâsha (Ether): nó phát sinh ra không khí mà cái đặc-tính là Sờ, Đụng (toucher), nhờ' sự chà-sát nó thành ra Sắc và Ánh-sáng (Vishnou Pourâna) muốn hiểu rõ hơn, nếu người ta nhớ buổi hoàng-hôn trên Bắc và Nam-cực hai cái đều ở chính giữa những luồng Điện-khí và Từ-khí của trái Đất. Người ta gọi hai Cực là cái vựa để chứa cái thu hút và phóng ra Sinh-khí Vũ-trụ và trái Đất, cái Điện-khí dư nếu mà không có hai cái nắp hơi đó thì đã làm tan quả Đất đã lâu rồi. Đó cũng là một dã-thuyết mà người nghiên-cứu rành mạch biết rằng từ mấy hồi nay những cái hiện-tượng ở trên hai Cực có những tiếng thật lớn, những tiếng rít lên và những tiếng nổ ầm ầm.

— Khi mà cái hạt giống của người đàn ông gieo vào trong người đàn-bà, cái hạt giống ấy không thể thụ thai được nếu nó không hợp bởi 8 cái Đức (cái luồng và những phát-biểu của những bản-nguyên) của Thần-Nhân lục-thiệt (homme céleste sextuple)

Vì vậy lấy cái hình 5 cánh làm tượng-trưng cái Tiểu-Thiên-địa trong

hình sao 6 cánh tượng cái Đại

Thiên-địa.

(Trích trong Anthropos ouvrage sur l'embryologie occulte Livre 1).

— Sự biến-hóa của cái Sinh-khí Vũ-trụ là cái tính-cách của Ngũ-hành. Trong nguyên-tử của khoáng-chất (atome minérale) thì nó liên-hệ với những cái hạ bản-chất (principes inférieurs) của Thần-linh trái Đất. Trong Nguyên-tử thảo mộc liên-hệ với đệ-nhị bản-nguyên của các Thần đó. Trong đời (Prāna), trong giới Động-vật thì nó liên-hệ với những Nguyên-tử ở trước, đệ-tam và đệ-tứ, trong người thì cái bào-thai phải có cái quả của Ngũ-hành. (Đệ-ngũ bản-nguyên là tinh-thần). Nếu không có cái đệ-ngũ bản-nguyên đó thì người sinh ra khờ dại không hơn gì thú-vật.

Vì vậy chỉ ở trong người thì cái bản-vị Sinh-tồn mới đủ. Còn cái đệ-thất bản-chất (Atum) chỉ là một trong những tia-sáng của Trời hay Thái-cực hay mặt Trời của cả Vũ-trụ (Soleil Universel).

Còn cái Thể-chất của muôn vật chỉ là những trần-bụi thần-linh lắng xuống mà Tạo-hóa đã mượn để hóa-hợp tạo-thành.

Ta thường có câu: Sống gửi thác về (Sinh-ký tử qui) là do những lý-thuyết tinh-vi đã giải trong

Triết-lý, cái thân-xác ta hợp bởi ngũ-hành, phân chia ra Bát-quái rồi sẽ tan giữa ra, những Nguyên - tử hóa-hợp thành cái ta sẽ lại biến-hóa hợp-thành cái khác, như biến vào đất, hóa thành cây cỏ, hay súc vật, hay nhân vật khác, rồi lại trở về với đất, lẩn-quẩn cứ như thể mãi không ngừng trong cái vòng bánh xe luân-hồi vô-cùng vậy (Roue de la Métempsycose) Đạo Phật cao-siêu linh-diệu đã giáo-hóa chúng-sanh biết bao nhiêu giáo-lý đầy ý-nghĩa cao-siêu hầu để chúng-sanh có thể giải-thoát được khỏi cái bánh xe luân-hồi cùm xích, để ra khỏi được cõi trầm-luân ô trọc nầy. Tôi viết đến đây bao nhiêu cảm súc. Ôi! cái Đời mà ta gọi là Văn-minh chỉ là một cái

vỏ, một tiếng gọi cho thật kêu, nhưng trong cái huy-hoàng giả-dối đó biết bao nhiêu những chuyện nghịch với Thiên-lý. Cái Khoa-học mà bao nhiêu nhà Bác-học đã tận-tụy sưu-tầm nghiên-cứu hầu để ích nước lợi dân, văn-hóa để giải-thoát muôn dân, gieo rắc hạnh-phúc cho Thiên-hạ. Nhưng lợi hại bất đồng Thiên-hạ còn bị trầm-luân khổ-cực, trăm họ còn đang quằn quại nửa sống nửa chết, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc. Bên cạnh những cảnh đau thương ấy vẫn có hạng người vứt bỏ hàng triệu triệu về bom đạn đi chinh-phục nhân-loại. Mâu thuẫn thay! Phải chăng nhân-loại phải có những cảnh-ngộ đau-thương

đó để trả hết cái nợ tiền-kiếp hầu mong đến một ngày mai sáng-lạng mà Dịch là Đạo ấy có thể bồi đắp cho nhân-loại một cái gì mà tinh-thần đòi hỏi để đi lên một con đường chắc-chắn hợp với Thiên-lý vậy.

— Trong kinh Rig-Véda nói rằng: «Cái đó là Chủ-tể của muôn loài cái bản-nguyên độc nhất làm động Thần, Nhân» bắt đầu lọt lòng ở cái kim Âm bộ (matrice d'Or) Hiranyagarbhâ), nó là Trái trứng của cõi Đời, cái quả tròn của Vũ-trụ. Cái đó là vừa Âm vừa Dương và cái biểu hiệu của Bà-la-môn phân làm 2 (tức là Lưỡng-Nghi) và tự biến như Virâj trong một phần đôi (tức Lưỡng-Nghi là Âm và Dương). Trong Thái-âm biến thành Thiếu-dương, trong Thái-dương biến thành Thiều-âm, trong Âm có Dương, trong Dương có Âm vậy).*

Thi-Tiết IV

Tiết 5. Cái nguyên-nhân vô cùng tận nó là Cõi Âm-u vô-hạn hay là vô-số, Hư-không vòng tròn. (Vô-cực).

1- Thứ Nhất, con Số, vì nó là Một (a) (Thái-cực).

2- Thần - chú (voix du Verbe) hồn cõi Đời là những số Một và Chín (9) (Lưỡng - Nghi).

3- Hình vuông vô Hình (Tứ-tượng).

Ba cái đó lọt trong cái hình tròn (vô-hạn) (c) là Tứ-tượng và những số 10 là Vũ trụ vô-hình (theo về Chủ-quan (subjectif). Rồi tới các Con, 7 (bảy) Chiến-sĩ (Sept combattants) Một người thứ Tám (d) ở về một bên (e) và cái hơi của nó làm thành Ánh sáng (f).

a- Ở trong bản-thảo đề là «Adi Sawat» là thứ Nhất hay là Cựu sơ-khai (ancien primordial) gọi là Cựu Nhật của Cựu - điều - Ước giống như (Bà-la-Ma) Tạo-hóa.

Hỗn cõi đời là nguyên-chất huyền bí, cái bản-nguyên tạo hình Tóa-hóa vật-chất.

Những số khi nó động: Con số, số một theo thể-chất trên cõi trên tựa như cõi Huyền-bí ở đó tạo ra những cõi đời.

b- Một và chín thành 10 hay là con số hoàn-toàn tượng hình Tạo-hóa (créateur), cho tất cả các Tạo-công gồm lại thành Một.

Số 10 tượng-trưng:

Số 1 là một cái nét thẳng tượng-hình giống đực theo Bát - quái thì quẻ Kiền có ba dương ☰ ba gạch, nếu ta gạch thẳng liền nhau là số 1 theo Dịch - lý thì Kiền vi Thiên, Kiền là Trời tượng

Dương.

Số 0 là một vòng tròn tượng-hình âm-hộ của giống cái theo Bát-quái thì quẻ Khôn là quẻ Âm có 6 gạch ☷ nếu ta gạch theo nhau là số 0 theo Dịch-lý thì Khôn vi Địa, Khôn là Đất tượng Âm. Cho nên số 10 là tượng Kiền Khôn kết-hợp, Âm-dương thái-hòa là tượng cả cái Vũ-trụ vô-biên vô-giới nầy vậy.

c- Cái vòng tròn nghĩa là vô hạn-định (0 là con không) thành ra một số khi mà 9 số khác đứng trước nó và huy-động cái lực-lượng và giá-trị của nó. Thần-chú (Verbe ou Logos) hợp với âm-thanh và Thần-linh, tượng-trưng 9 số và hình, với số 0, cái tuần 10 ở trong cả Vũ-trụ.

Cái Tam-tài lọt ở trong cái vòng tròn thành ra Tứ-tượng (Tétraktys) và cái Tứ-tượng lọt trong vòng tròn là cái bùa ảnh-hưởng mạnh nhất trong môn Phù-thủy (Magie).

d- Một người thứ 8 tức là mặt Trời.

Lời cựu chú-thích giảng dạy một ngụ-ngôn như sau nầy:

«Người Mẹ (Âm) đã xây 8 cái Lâu-đài cho 8 Thần-tử của nó: 4 cái to và 4 cái nhỏ. Tám cái mặt Trời chói sáng theo vị-thứ và niên-kỷ. Bal-i-lu (mặt

Trời ta thấy) không lấy làm mãn-nguyện tuy cái nhà nó ở to lớn nhất. Nó bắt đầu gầm thét như những con Voi khổng-lồ, nó hút vào bao-tử nó các Sinh-khí của 7 em nó. Nó tìm cách cấu-xé chúng. 4 thằng lớn đứng thật xa sát dưới cùng. Nó không bắt buộc được chúng và chúng lại chế riễu nó. Chúng nói với nó rằng: «Chúa tể ơi ! Anh hãy ráng sức chúa tể ơi ! Anh không thể nào đuổi kịp được chúng ta».

Nhưng những thằng nhỏ khóc lóc, chúng than-phiền với Mẹ. Bà đuổi liền Bal-i-lu vào giữa nước nó và nó không sao cử-động được. Từ ngày đó nó chỉ rình mò và dọa dẫm chúng. Nó đuổi chúng xoay thong thả xung quanh nó, chúng vội vàng đổi hướng và xa nó. Theo hướng mà các em nó đi quanh bao theo nhà của chúng. Từ ngày đó nó tự nuôi bằng cái mồ-hôi ở thân Mẹ nó, nó tự chau dồi cái hơi-thở ra của nó. Vì nguyên-nhân đó Bà Mẹ vặt nó riêng một chỗ».

e- Cái hơi của 7 Hành-tinh hợp lại gọi là Ánh-quang của Tạo-công vì các Hành-tinh trước kia đều là Sao chổi hay mặt Nhật.

Theo Thiên-văn thì mặt Trời xoay chung-quanh cái Trụ của nó theo chiều các Hành-tinh, mỗi một Hành-tinh có đường quỹ-đạo riêng của nó.

Theo Khoa-học thì Ánh-sáng mặt Trời ban ngày mà người ta thường gọi là Ánh-sáng trắng (Lumière blanche) hợp bằng 7 màu. Nếu ta lấy một cái hình bánh ít bằng thủy-tinh (prisme de verre) để một Ánh-sáng xuyên qua ta thấy bảy màu thứ-tự theo: VIBVJOR.

V: màu tím (violet). I: màu chàm (indigo). B: màu xanh lơ (bleu). V: màu xanh lá cây (vert). J: màu vàng (jaune). O: màu gia-cam (orangé). R: màu đỏ (rouge).

Và nếu ta lẫy bẩy màu trên vẽ theo thứ-tự và phân tương-đối theo Vật-lý-Học, lên trên một cái đĩa bằng bìa cứng, ở giữa có một cái lỗ để quay. Ta quay nhanh cái đĩa ấy thì ta sẽ không thẫy màu, 7 màu trên biến thành trắng.

QUAN-NIỆM VŨ-TRỤ

Nhân-loại một khi đã chia ra thành 4 phương mà phát-triển sau này mỗi một giống tùy theo phong thổ khác nhau, từ vật-chất đến tinh-thần, nhưng cái Anh-linh của bản-ngã thì giống người nào cũng quay về một mối: đó là Thiên-lý. Cái Thể-chất của người cũng như muôn vật cũng đều bẩm-sinh ở một Đạo thường là Âm-dương giao-hợp nhau mà thành người và vật từ cõi Vô-hình đến cõi Hữu-hình vậy.

Cho nên nói đến Nhân-loại Triết-lý thì không người nào có thể ra khỏi cái Định-luật thiêng liêng của sự giao-cảm Âm-dương, đực cái và cái Tinh-anh của Nhân-loại không ra khỏi con đường Thiên-lý. Đó là chỗ dị-đồng lắm đường mà rồi cũng về một mối. Từ người Anh, người Mỹ, Pháp, Hòa-Lan, Miên, Việt, Mọi, Lào vân vân, từ người văn-minh cho đến kẻ hủ-lậu thô xưa, không ai ra khỏi hai đạo-luật ấy, một nói về Tinh-thần và một về Thể-chất. Hóa cho nên cái nguyên-nhân lập thành Thể xác giống nhau và cái Tinh-thần đến chỗ tuyệt-đối giống nhau vì vậy cái cảm-tưởng về Vũ-trụ, về Đại-Nhất đều có chỗ tương-đồng nhau vậy. Âu và Á đều có một quan-niệm chung là: «Thiên-Địa vạn-vật nhất

thể» Lấy cái Lý-thuyết đó làm căn-bản của một ức-thuyết rộng-rãi ta có thể giải-thích bằng một Định-lý. Bao nhiêu nhà Bác-Học Âu-Châu đã nêu lên rất nhiều ức-thuyết về Vũ-Trụ khởi-thủy như trên tôi đã nói: La Place, Abbé Moreux, Emile Belot vân vân... Nhưng cũng

vẫn chỉ là một dã-thuyết chưa được chắc chắn cho lắm. Cổ Kinh như Kinh Dzyan, Kinh Dịch đều đã nói về Vũ-Trụ khởi-thủy và sự lập thành bằng những nguyên-tử quá cao-siêu huyền-diệu thành thử làm trí óc người hoang-mang, như kẻ say mà không có chỗ vịn.

Những thuyết của các nhà Bác-Học âu-tây mà trên tôi đã nói chỉ có thuyết của Ông Emile Belot là một thuyết dễ hiểu có lý và ngộ-nghĩnh hơn hết. Theo ý riêng tôi thì từ xưa đến nay các bậc Hiền-Triết Âu- Á với cái ý-tưởng Đông Tây, đều gặp nhau ở chỗ « Thiên-Địa vạn vật nhất thể». Như Leibnitz cho người ta là một Tiểu Thiên-địa trong cái Đại Thiên-địa. Xem như vậy thì con người tức là một Vũ-Trụ thu nhỏ lại, là tượng-trưng cho cả cái Vũ-Trụ vô và hữu hình. Cho nên xét cho kỹ một cái tượng-trưng thu nhỏ của một cái gì quá lớn lao ở ngoài trí tưởng-tượng của ta thì sự giải-quyết cũng có thể đúng được với sự thực. Như nhà Kiến-Trúc Sư đã lập-thành một bản-đồ của một Lâu-

đài hay biệt-thự trước khí xây-dựng làm theo bản-đồ cái lâu-đài thu nhỏ lại để dưới conmắt nhà Kiến-Trúc-Sư ngắm nhìn chỗ nào đẹp, chỗ nào xấu rồi sau mới dựng lên cái nhà thật sự cho nên nói người "Quân-tử ngồi ở nhà mà giáo-hóa được Thiên-hạ là lý ấy vậy.

Theo những nguyên-tắc trên thì con Người là tượng-hình cho Vũ-Trụ, nên xét sự thành con Người tức là biết sự lập-thành Vũ-Trụ. Với cái định-kiến chắc-chắn đó cho nên sự sinh-dục ra con người bao-hàm ở trong nhiều sự huyền-bí và sự tìm-kiếm học hỏi để biết đến cùng kỳ lý con Người là một vấn-đề khó giải-quyết được, cũng vì lẽ ấy bao nhiêu Bác-Học Bác-Sĩ đã phãi chịu «con Người» là môn học khó khăn nhất vì ở trong con Người còn có những năng-lực tiềm-tàng huyền-diệu linh-thiêng mà Khoa-Học ngày nay cũng còn phải bó tay. Huyền-Bí thay! con Người!

Người ta sinh ra cũng theo hai thể: hữu và vô hình.

a — Vô-hình hay là tinh-thần.

b — Hữu-hình hay là thân-xác.

Nói về lúc mới bắt đầu một người con trai là giống đực là thể Dương cứng, đang lúc cường-tráng mạnh-mẽ ắt cần có sự giao-hoà với thể Âm mềm của

người con gái mới có sự dung-hòa, cho nên mới có vợ có chồng.

Người con Trai chưa đến lúc trưởng-thành, chưa biết cái thú ở đời, lúc đó chỉ chuyên về sự học hỏi, bồi đắp tinh-thần hay thể-xác tức ví như trong trạng-thái Vô-Cực vì trong sự học hỏi của người cái ý-tưởng vô-cùng-tận lần lần đi đến chỗ sáng thêm lên mãi. Nhưng một khi cái Vô-Cực đó đến lúc mà tinh-thần con người tự phát-triển lên như Thái-cực huy-động vừa đến lúc đến thì, cường-mạnh thì vật-dục bắt đầu sinh. Lúc đó cái ý-tưởng dương cương mà động nên mới có trạng-thái đến thì của người con Trai, đi tìm kiếm con gái, thề non chỉ biển gắn bó ái-tình vậy. Đó là trạng-thái đầu tiên mà Dương-động đi kiếm Âm-tĩnh hay sự huy-động của Thái-Cực phân ra có Dương phải có Âm dung-hoà nhau nói trong phạm vi nhỏ hẹp. Dương động kiếm Âm giao-hoà nhau để thành sự quân-bình nhờ có hai thể mà trong Kinh Dịch gọi là Lưỡng-Nghi. Ta có thể tượng-trưng cái mà ta gọi là Vô-Cực, là trạng-thái tinh-thần phát-động, là Thái-Cực. Có động thì thoạt tiên cái khí Dương bay trên cõi Hư-không đen tối, lúc đó cái chu-hành của cái Vi-Dương đầu tiên trong cõi tối tăm xoay-lốc trong không-gian theo hình xoáy-ốc.

Đó là cái Dương phát-động trong cái Âm theo tinh-thần vậy.

1° — Cũng như người ta lúc còn là trai-tráng, trai gái âu-yếm nhau thì hai cái Âm-Dương quấn-quít nhau như gió cuốn, thương yêu nhau như keo sơn trong cõi vô-hình tức là trạng-thái Ái-tình về tinh-thần, cái thực-trạng âm-dương giao nhau bằng ý-tưởng hay là cái giây liên-tưởng, tình-cảm vô-hình của trai và gái mới bắt đầu hòa-hợp nhau, rung chuyển nhau trong cõi vô-hình. Trong trạng-thái này các bạn thử-nghiệm xem con trai thể Dương động lúc nào cũng quanh-quẩn với con gái thể âm tĩnh, con gái cũng mê man quanh-quẩn với con trai; trạng-thái đó là thể-tượng sự giao-hoà của Âm-Dương thể-chất mà người ta gọi là đạo vợ chồng.

4 — Trong lúc Thái-hoà, Âm-Dương ôm bọc nhau, giao nhau mà biến-dịch thành một thể mới ta gọi là Bào-Thai. (1) Đối với Người và Vật tức là đứa con sau này và nói rộng ra đứa con đó tức là Thái-Dương-Hệ vậy. Vì con người đã là một Tiểu Thiên-địa thì cái Bào-thai trong lòng Mẹ nó cũng gồm đủ các bộ-phận theo Thái-Dương-Hệ (muốn cho rõ xin coi quyển Đại-Đồng thuyết của tôi) cái Bào-thai trong bụng Mẹ cũng như cái Bào-thai Thái-Dương-Hệ trong cõi Hư-không tuyệt-đối âm-u. Trong trạng-thái này sự kết-hợp thành thai là nhờ ở cái

2 — Trạng-thái thứ 2 tức là hai khí Âm-Dương ôm nhau, soán-suyt với nhau trong cõi không-gian, vô-hình vô-ảnh cho nên sự vận-chuyển của nó không sinh ra gió, ra lốc, lúc đó chỉ là không-gian hoàn-toàn không có một cái gì từ không-khí trở đi. Cũng như trong trạng-thái Ái-tình về tinh-thần, tuy chưa thực-hiện được về thể-chất nhưng trong lúc đó sự hoà-hợp Âm-dương về tinh-thần sẽ có ảnh-hưởng trực-tiếp với thể-chất với thân-xác của hai khối Âm-Dương. Một khi đã có tượng rồi thì sự

diễn-tả ra ắt được rõ ràng. Từ Ái-tình tinh-thần đến Ái-tình về vật-dục không xa vậy.

Cũng như trong cõi Hư-không tuyệt-đối hai cái Âm-Dương tuyệt-đối cứ huy-động đến chổ cùng-cực, thì cái Âm-Dương vô-hình ấy ắt phải có sự biến-động mà cái Âm-Dương thể-chất bắt đầu sanh ra vậy.

3 — Trạng-thái thứ 3 là trạng-thái Vật-dục của muôn loài. Âm-Dương hoà nhau đến chỗ Thái-hòa cũng như Âm-Dương thể-chất khởi sinh ở trong không-gian tuyệt-đối có sự giao-hoà nhau. Và một khi Âm-Dương giao-hoà nhau ắt sinh ra một thể khác vậy.

4 — Trong lúc Thái-hoà, Âm-Dương ôm bọc nhau, giao nhau mà biến-dịch thành một thể mới ta gọi là Bào-Thai. (1) Đối với Người và Vật tức là đứa con sau này và nói rộng ra đứa con đó tức là Thái-Dương-Hệ vậy. Vì con người đã là một Tiểu Thiên-địa thì cái Bào-thai trong lòng Mẹ nó cũng gồm đủ các bộ-phận theo Thái-Dương-Hệ (muốn cho rõ xin coi quyển Đại-Đồng thuyết của tôi) cái Bào-thai trong bụng Mẹ cũng như cái Bào-thai Thái-Dương-Hệ trong cõi Hư-không tuyệt-đối âm-u. Trong trạng-thái này sự kết-hợp thành thai là nhờ ở cái

4 — Trong tức Thái-hoà, Âm-Dương ôm bọc nhau, giao nhau mà biến-dịch thành một thể mới ta gọi là Bào-Thai. (1) Đối với Người và Vật tức là đứa con sau này và nói rộng ra đứa con đó tức là Thái-Dương-Hệ vậy. Vì con người đã là một Tiểu Thiên-địa thì cái Bào-thai trong lòng Mẹ nó cũng gồm đủ các bộ-phận theo Thái-Dương-Hệ (muốn cho rõ xin coi quyển Đại-Đồng thuyết của tôi) cái Bào-thai trong bụng Mẹ cũng như cái Bào-thai Thái-Dương-Hệ trong cõi Hư-không tuyệt-đối âm-u. Trong trạng-thái này sự kết-hợp thành thai là nhờ ở cái

(1) Khi Dương-tinh trung bản vào cái Âm hoàn (cái trứng) của người đàn-bà, thì một tuần sau sanh ra 2, dần dần thành 4 thành 8 v. v. tức là theo đúng luật song tiến-số trong Kinh-Dịch mà Y, Hạc ngày nay đã công-nhận là đúng.

Vi-dương đầu tiên, có âm-dương huy-động hoà-hợp nhau mà thành Tứ-tượng tức như đã có Thái-Dương thì có Thiếu-Dương, có Thái-Âm thì lại có Thiếu-Âm dung-hoà nghĩa là lúc nào cũng có những thể để có thể đi đến chỗ hoà-hợp Âm-Dương theo luật Quân-Bình tuyệt-đối. Sau khi Tứ-tượng đã sinh thì 8 quẻ theo Tiên-Thiên Bát-quái sinh ra mỗi quẻ một tượng thay đổi những quẻ ở Tiên-Thiên để đi đến chỗ lập-thành một thể hữu-hình cứng mềm đun đẩy, cọ sát, điều-hoà nhau để thành cái bào-thai hữu-hình trong bụng người Mẹ cũng như trong Thái-Dương-Hệ mà trên tôi đã giải thì cái Tiên-Thiên Bát-quái biến-đổi, di-dịch thành những quẻ ở Hậu-Thiên Bát-quái trong cõi hữu-hình tượng 8 Hành-tinh trong Thái-Dương-Hệ.

Đó là trạng-thái Bào-thai của Thái-Dương-Hệ trong cõi Âm u tuyệt-đối cũug như cái Bào-thai của đứa trẻ trong bụng người Mẹ vậy.

Trạng Thái thứ 5 — Khi Bào-thai đã đúng ngày tháng cứng cáp, tức đã đến kỳ mãn nguyệt khai hoa ắt sinh ra đứa trẻ mà thân-thể và tinh-thần đều theo một sự giao-hoà quân-hình, cân-đối nhau là một tiểu Thiên-Địa đã sinh ra vậy. Cũng như Thái-Dương-Hệ một khi đã đến hạn-định của nó xuất ra thì cả một Định-tinh gồm có 8 Hành-tinh khác hiện ra mà sống trong Vũ-Trụ cũng như đứa trẻ bắt đầu sống ở trong đời người vậy.

Trạng-Thái thứ 6 — tức là trạng-thái nuôi nấng. Phàm con người ta đã sinh ra phải được nuôi dưỡng bằng thể-chất để nuôi thân-xác và được ăn học để nuôi nấng tinh-thần thì cái Thái-Dương-hệ cũng phải theo một lý do đó vậy. Biết đâu cách đây hàng triệu triệu năm Thái-Dương-hệ chỉ là một Qui-hệ nhỏ hẹp hơn Thái-Dương hệ bây giờ! Nếu ta đã lấy : Thiên-Địa vạn vật nhất-thể làm nguyên-tắc thì người nhỏ rồi dần dần lớn lên, thì Thái-Dương hệ ắt cũng phải

4 — Trong tức Thái-hoà, Âm-Dương ôm bọc nhau, giao nhau mà biến-dịch thành một thể mới ta gọi là Bào-Thai. (1) Đối với Người và Vật tức là đứa con sau này và nói rộng ra đứa con đó tức là Thái-Dương-Hệ vậy. Vì con người đã là một Tiểu Thiên-địa thì cái Bào-thai trong lòng Mẹ nó cũng gồm đủ các bộ-phận theo Thái-Dương-Hệ (muốn cho rõ xin coi quyển Đại-Đồng thuyết của tôi) cái Bào-thai trong bụng Mẹ cũng như cái Bào-thai Thái-Dương-Hệ trong cõi Hư-không tuyệt-đối âm-u. Trong trạng-thái này sự kết-hợp thành thai là nhờ ở cái

theo một Đạo luật đi-nhiên ấy trong những thời gian vô-cùng vô-tận, Thái-Dương-hệ xoay-chuyển mãi mãi trong Hư-không, trong sự vận-chuyển của các Hành-tinh, khi nào gặp chất hợp với nó thì hút vào và dần dần lớn lên cũng như người trong thời-kỳ thơ-ấu còn cần có sữa Mẹ để lớn, sau lần lần những sinh-tố trong cây cỏ, thịt cá, cung phụng cho những nhu-cầu thể-chất của thân-xác và sự học-hỏi dần dần khai mở tinh thần người cho khôn lớn theo thể-chất và tinh-thần vậy.

Trạng-Thái thứ 7 — là trạng-thái mà cái cơ-thể của người ta không tiến lên được nữa ta thường gọi là Đứng Bóng tức là vào khoảng 30 tuổi. Thân xác cao lớn đến một trình-độ cùng-cực của giống người. Đó là thời-kỳ cơ thể đã nở-nang, lớn lên đến cùng-cực, lúc đó thường đúng vào lúc dương- thì của người ta và lại trở lại trạng-thái đầu của cái lý Thái-Cực. Dương hay Âm đã đến cùng-cực ắt phải có sự biến-động, cọ-sát, đun đẩy dung-hoà nhau để đến cái mức gọi là Thái-Hoà. Đó là trạng- thái của muôn vật để duy-trì cõi Sinh tồn mà nếu đối-chiếu với Thái-Dương-hệ nó cũng là trạng- thái đúng thời-kỳ hoàn-toàn ắt có sự cường mạnh, mà sự biến-động dung-hoà với những Vũ-trụ hay Tinh-tú Hệ khác hầu có thể tồn-tại được cõi Sinh-tồn trong giới Vũ-Trụ hư-không, hầu để có sự phát sinh ra những Hệ-Thống mới khác nữa vậy.

Trạng-Thái thứ 8 — Thịnh cực thì Suy sinh đó là cái diệu-đề tối-yếu của Trời Đất cho nên con người ta cường-thịnh đến cùng-tột thì sự suy-yếu dần dần sinh ra mà đưa con người đến cõi già và chết, thì Thái-Dương-hệ cũng không tránh khỏi cái luật dĩ-nhiên ấy theo Thiên-lý. Như một ngôi Sao lúc đầu nóng sáng đến Cực-độ như sao Arien có đến 40 000º rồi sao cũng dần dần nguội theo thời- gian. Trong Vũ-Trụ cũng có nhiều Sao trước kia sáng nóng như Mặt Trời rồi sau nguội lạnh mà thành Hành-tinh như Trái-đất.

Trên đây tôi nói cái trạng-thái của người so sánh với cái Thái-Dương-hệ của chúng ta. Người ta lớn lên có gia-đình vợ con thì cũng như Thái-Dương-hệ trưởng-thành lên mà Mặt trời là chủ gia-đình nuôi

4 — Trong tục Thái-hoá, Âm-Dương ôm bọc nhau, giao nhau mà biến-dịch thành một thể mới ta gọi là Bào-Thai. (1) Đối với Người và Vật tức là đứa con sau này và nói rộng ra đứa con đó tức là Thái-Dương-Hệ vậy. Vì con người đã là một Tiểu Thiên-địa thì cái Bào-thai trong lòng Mẹ nó cũng gồm đủ các bộ-phận theo Thái-Dương-Hệ (muốn cho rõ xin coi quyển Đại-Đồng thuyết của tôi) cái Bào-thai trong bụng Mẹ cũng như cái Bào-thai Thái-Dương-Hệ trong cõi Hư-không tuyệt-đối âm-u. Trong trạng-thái nầy sự kết-hợp thành thai là nhờ ở cái dưỡng, dẫn-dắt các Hành-tinh cũng như người Cha đối với gia-đình vậy.

Trong một Đô-thị lớn có nhiều gia-đình, có nhiều nhà ở cũng ví như một giải Sông Ngân-Hà hay một đám Tinh-Vân có nhiều Tinh-tú-hệ ở gần nhau. Trong những Phủ, Huyện thì nhà cửa ít hơn cũng như trên Trời có chỗ ít sao, ít Tinh-tú-hệ, rồi trong hương-thôn ít nhà cửa cũng như trên vòm Trời chỗ rất thưa Tinh-tú. Làng họp thành Tổng, Tổng thành Phủ, Huyện, Phủ thành Tỉnh, Tỉnh thành Xứ, Xứ họp lại thành Nước. Các Nước họp lại thành cả Hoàn-cầu. Như vậy tức là Hoàn-cầu là chỗ tụ-họp của tất cả Tinh-tú. Tất cả họp lại gọi là Vũ-Trụ. Ta có thể nói là cái Thái-Dương-hệ của chúng ta chỉ như một gia-đình của một nước. Và Phàm người ta sống ở trên đời thì Tinh-thần cũng như Vật-chất đều do một nguyên-tắc « Tiến-hoá » mà trong một gia-đình người Cha làm cột-trụ, chung-quanh lăng-xăng có vợ con. Vợ con đông-đúc ví như những Hành-tinh chạy chung-quanh Mặt Trời mà người Cha lúc nào cũng có trí-hướng tiến-thủ vậy. Cho nên Mặt Trời tuy là một Định-tinh chủ-tể của

Thái-dương-Hệ không phải vì địa vị nó mà dừng đứng, nó cũng như người Cha trong một gia-đình phải có trí tiến-thủ xoay-sở để duy-trì sự sống cho gia-đình, thì mặt Trời cũng vậy. Thiên-văn-Học ngày nay đã chỉ rõ cho ta là mặt Trời tự xoay-quanh nó và lại còn có một sự vận-hành tiến lên ngôi sao Wéga nữa vậy. Cho nên cả Thái-dương-Hệ đối với vòm Trời có một sự vận-hành rõ-rệt lắm cũng như vì sự sinh sống mà người Cha phải nay đây mai đó làm việc mà trong khi thuyên - chuyển đó mang cả gia-đình đi vậy. Thiên-văn ngày nay đã cho ta hiểu rõ Trái-đất ta ở tự xoay và xoay-chung quanh mặt Trời, đó là 2 vận-hành đối với nó và đối với mặt Trời, nhưng nó còn có 1 vận-hành di-dịch đối với Vũ-trụ nữa cũng như cái vận-hành toàn-thể của Thái-dương-Hệ trong Vũ trụ vô-hạn theo hướng Sao Wéga.

Sự vận-hành đó thấy ở cái tốc-độ lớn lao huy-động cái trung-tâm của mặt Trời tới 20 km một giây. Vậy trong khi mặt Trời chạy thật nhanh đến một chỗ trong vòm Trời mà người ta gọi là Apex thì trái Đất cứ

4 — Trong tức Thái-hoà, Âm-Dương ôm bọc nhau, giao nhau mà biến-dịch thành một thể mới ta gọi là Bào-Thai. (1) Đối với Người và Vật tức là đứa con sau này và nói rộng ra đứa con đó tức là Thái-Dương-Hệ vậy. Vì con người đã là một Tiểu Thiên-địa thì cái Bào-thai trong lòng Mẹ nó cũng gồm đủ các bộ-phận theo Thái-Dương-Hệ (muốn cho rõ xin coi quyển Đại-Đồng thuyết của tôi) cái Bào-thai trong bụng Mẹ cũng như cái Bào-thai Thái-Dương-Hệ trong cõi Hư-không tuyệt-đối âm-u. Trong trạng-thái này sự kết-hợp thành thai là nhờ ở cái

tiếp-tục xoáy chung quanh mặt Trời. Sự thực thì đường Hoàng-đạo của trái Đất không phải là dẹp dẫu nhưng nó theo một vòng chân Vịt thật lớn mà đường chực-kính lớn của nó là đường

trực-kính Hoàng-đạo Trái-đất nghĩa là 297 triệu cây số và chiều cao của cái Chân-vịt đó thì độ 625 triệu cây số tượng-trưng con đường mà mặt Trời chạy trong một năm theo con đường của nó chạy.

Nói như trên đây các bạn không khỏi ngo-ngác kinh-khủng thấy có những sự quyết-định đó không thể có được vì nó ra ngoài sự tưởng -tượng của người. Đó «là cái kỳ công của Khoa-học ngày nay, đó là nhờ ở những sự phát-minh của Vật-lý Học hay là môn Vật-lý nhỡn-tuyển học và ở các Lý-thuyết những sự «Rung-Động».

Người ta biết rằng: Cái tiếng rít của cái tầu huýt lên thay đổi theo cái xe lửa gần ta hay xa ta. Thì ở đây ta ở trong trường-hợp những làn sóng về Ánh-sáng cũng như về làn sóng Thanh-âm, khi một khối Sáng huy động về phía theo đó mà nó phát huy Ánh-sáng đến chúng ta nghĩa là khi nào đến thẳng ta hay ở xa ta thì cái tốc-lực của Ánh-sáng chiếu xuống chúng ta phải kể cả cái tốc-độ của sự vận-chuyển nó.

Nếu người ta nhận trong ống phân-quang-kính cái Ánh-sáng của một khối sáng di-dịch thì ta thấy những tia ở phần-quang-đồ của cái Ánh-sáng đó chuyển sang màu tía hay màu đỏ tùy theo cái khối Sáng đó ở gần hay xa ta: đó là sự thay đổi cái độ

cao thấp của Quang-điểm số «Note lumineuse» đúng y như sự di-dịch cái độ cao của Thanh-âm điểm-sô ví-dụ như Còi tàu. Cái kết-quả rất giống nhau nếu cái khối Sáng đứng yên một chỗ và trái lại mắt ta lại di-dịch đi để lại gần hay xa nó, hay là cả hai cái cùng dời nhau đi thì những tia ở phân-quang-đồ thiên sang màu tím đỏ cho ta hay rằng cái khối sáng cách xa mắt ta bớt đi, sự thiên về màu đỏ tỏ sự ngược lại hay sự cách xa càng xa thêm.

Cái Nguyên-nhân thiết-yếu ấy lập ra bởi Doppler và Fizeau và sau những nhà Thiên-văn trứ-danh như Deslandres bên Pháp và Hale

4 — Trong tức Thái-hoà, Âm-Dương ôm bọc nhau, giao nhau mà biến-dịch thành một thể mới ta gọi là Bào-Thai. (1) Đối với Người và Vật tức là đứa con sau này và nói rộng ra đứa con đó tức là Thái-Dương-Hệ vậy. Vì con người đã là một Tiểu Thiên-địa thì cái Bào-thai trong lòng Mẹ nó cũng gồm đủ các bộ-phận theo Thái-Dương-Hệ (muốn cho rõ xin coi quyển Đại-Đồng thuyết của tôi) cái Bào-thai trong bụng Mẹ cũng như cái Bào-thai Thái-Dương-Hệ trong cõi Hư-không tuyệt-đối âm-u. Trong trạng-thái này sự kết-hợp thành thai là nhờ ở cái

bên Mỹ theo đó mà áp-dụng rất hay.

Vậy Trái-đất tất cả có 12 cách vận-hành (mouvement) khác nhau:

1- Chu-hành chung quanh đường trục-kính (ligne des Pôles).

2- Di-hành chung quanh mặt Trời.

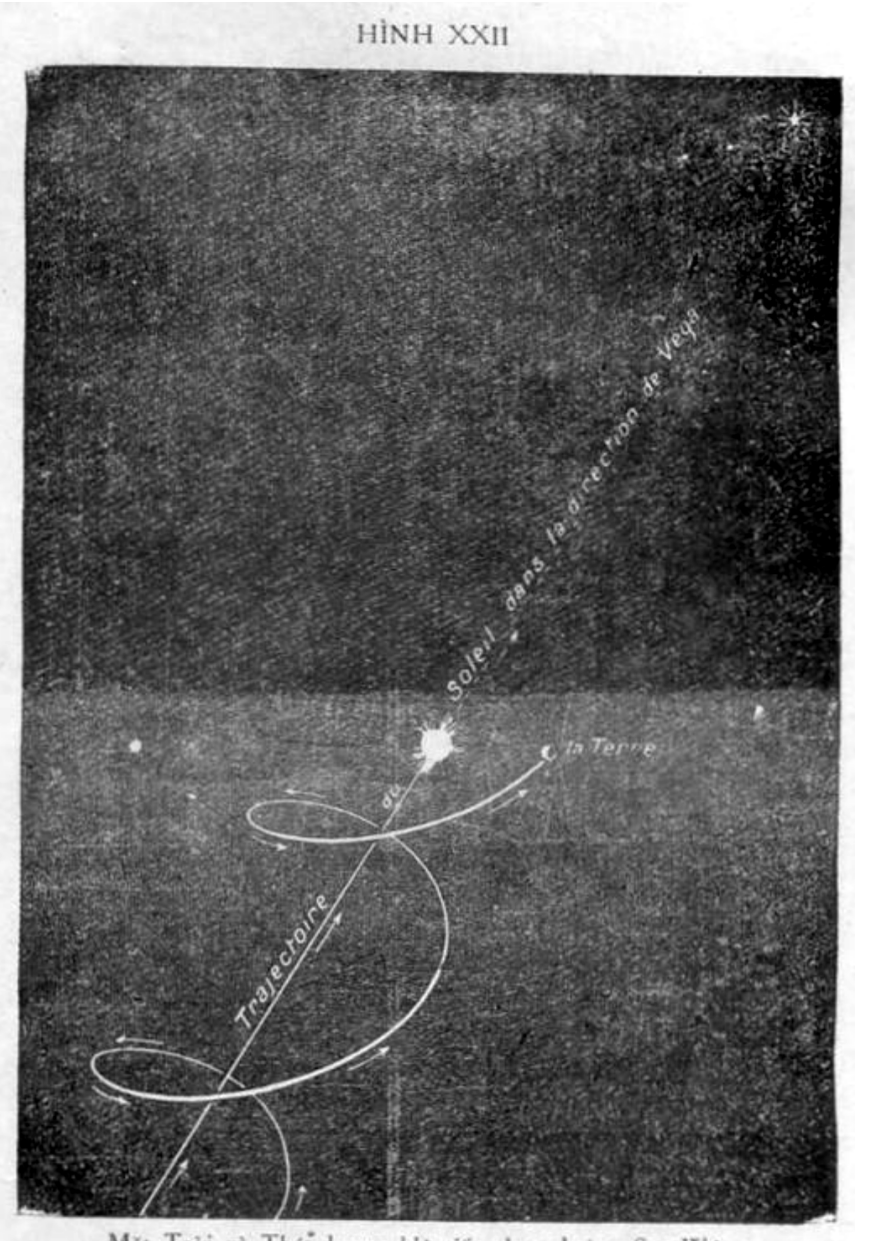
3- Phân-điểm biến vị (précession des Equinoxes).

4- Trương-động là sự chấn-động của Tinh-trục ở quanh vị-trí thường.

5- và 6- Hai sự Vận-hành bởi sự luân-chuyển của mặt Trời và mặt Trăng ở hai bên đường xích-đạo.

4 — Trong tức Thái-hoà, Âm-Dương ôm bọc nhau, giao nhau mà biến-dịch thành một thể mới ta gọi là Bào-Thai. (1) Đối với Người và Vật tức là đứa con sau này và nói rộng ra đứa con đó tức là Thái-Dương-Hệ vậy. Vì con người đã là một Tiểu Thiên-địa thì cái Bào-thai trong lòng Mẹ nó cũng gồm đủ các bộ-phận theo Thái-Dương-Hệ (muốn cho rõ xin coi quyển Đại-Đồng thuyết của

HÌNH XXII



4 — Trong tức Thái-hoà, Âm-Dương ôm bọc nhau, giao nhau mà biến-dịch thành một thể mới ta gọi là Bào-Thai. (1) Đối với Người và Vật tức là đứa con sau này và nói rộng ra đứa con đó tức là Thái-Dương-Hệ vậy. Vì con người đã là một Tiểu Thiên-địa thì cái Bào-thai trong lòng Mẹ nó cũng gồm đủ các bộ-phận theo Thái-Dương-Hệ (muốn cho rõ xin coi quyển Đại-Đồng thuyết của tôi) cái Bào-thai trong bụng Mẹ cũng như cái Bào-thai Thái-Dương-Hệ trong cõi Hư-không tuyệt-đối âm-u. Trong trạng-thái này sự kết-hợp thành thai là nhờ ở cái

Hình XXII. Mặt-Trời và Thái-dương-Hệ tiến theo đường Sao Végd — trích trong quyển Le Ciel của Alphonse Berget

7.- Những sự di-dịch của Nam và Bắc-cực của Trái-đất.

8.- Sự không đều nhau trong sự Thiên-chuyển bởi sự dị-điểm di-dịch của con đường Hoàng-đạo.

9.- Sự không đều bởi sự vận-hành của đường Hoàng-đạo nghiêng trên Bình-diện của hình bầu-dục.

10.- Sự không đều trong sự thiên-chuyển bởi có mặt Trăng.

11.- Sự vận-hành tóm thâu cả Thái-dương-Hệ theo đường sao Véga.

12.- Và cũng có thể cả Vũ-trụ cũng như Thái-dương-Hệ của chúng ta có lẽ cũng theo một sự chuyển-hành đến một nơi xa lạ, đến một điểm huyền-bí trong không-gian vô cùng tận bao-trùm chúng ta vậy.

Như vậy thì sự vững vàng trên Trái-đất mà ta sống bây giờ chỉ là một cái gì tượng-hình ra một cách giả-dối, nó huy-động theo những vận-chuyển rất rắc-rối không thể tưởng-tượng được không kể những sự chuyển-vận mà ta không biết và không ngờ vậy.

Những nhà Thông-thái hiện kim cũng đã nhuần-thấm cái lý-tưởng Dịch-lý vô cùng tận: không có gì yên-tĩnh trong Vũ-trụ và đã tuyên-bố rằng: Đến

cả những Thiên-lý kính tuyệt-sảo cũng không có thể giảng một cách chắc-chắn và rõ-rệt có những trạng-thái yên-tĩnh hay là trạng-thái của sự vận-chuyển.

Như thể tỏ rõ rằng càng ngày cái Tư-tưởng Dịch-lý của Á-Đông càng nhuần-thắm sang Tây-phương. Cũng nhờ có những cảm-tưởng rõ ràng của các bậc Thánh-nhân đời xưa tuy không có những vật-liệu tối-tân tinh-xảo để giúp cho sự khảo-cứu học-tập mà Thánh-nhân đã thấu-triệt được cái Dịch-lý của Trời mà gồm thâu Thiên-lý trong Đạo Dịch. Cho nên theo những giải-thuyết ở trên, theo Khoa-học hiện-tại của Âu-Mỹ mà tôi đã sưu-tầm các tài-liệu của các Bác-học trứ-danh ra đây hầu để thuyết-minh cái liên-tưởng phù-hạp với những tài-liệu

4 — Trong tức Thái-hoà, Âm-Dương ôm bọc nhau, giao nhau mà biến-dịch thành một thể mới ta gọi là Bào-Thai. (1) Đối với Người và Vật tức là đứa con sau này và nói rộng ra đứa con đó tức là Thái-Dương-Hệ vậy. Vì con người đã là một Tiểu Thiên-địa thì cái Bào-thai trong lòng Mẹ nó cũng gồm đủ các bộ-phận theo Thái-Dương-Hệ (muốn cho rõ xin coi quyển Đại-Đồng thuyết của tôi) cái Bào-thai trong bụng Mẹ cũng như cái Bào-thai Thái-Dương-Hệ trong cõi Hư-không tuyệt-đối âm-u. Trong trạng-thái này sự kết-hợp thành thai là nhờ ở cái

mà tôi đã rút ra ở trong kinh Dịch. Nếu ta càng đi thâm-xâu vào trong rừng Khoa-học bao nhiêu thì ta sẽ thấy cái uyên-thâm sâu-sắc của các Bậc Hiền-triết Á-Đông đã thu-gồm trong Dịch lý. Lấy những tài-liệu trên cân-nhắc sự dị-đồng của hai môn kim cổ ta càng thấy đạo Dịch có một nền-tảng chắc-chắn vững-bền lắm. Dịch-lý đã đặt lên trên một Nguyên-lý bao gồm cả Vũ-trụ từ lúc chưa Sinh hay nói về Tiên-thiên, đến lúc đã thành Hình hay nói về Hậu-thiên, từ lúc Tượng đến Hình mà muôn sự-vật đều phải di-dịch mà Đạo ấy đã căn-cứ vào

Thiên-lý giảng-dạy cho chúng ta một Đạo-học mà Khoa-học, hay nói một Khoa-học mà Đạo-học mà Ông Cha ta cũng đã từng mất từ Thế-kỷ nầy đến Thế-kỷ khác nghiên-cứu và học-hỏi, nó là con đường duy-nhất cho vạn-thể cho tất cả muôn sự-vật đó là con đường Dịch, hay Dịch-Đạo hay Thiên-lý, Thiên-Đạo vậy không có vật nào từ cái Nguyên-tử cho đến cả cái Vũ-trụ không-tưởng mà ta trông lên vòm Trời xanh ngắt bao la, không có cái gì gọi là ngưng-nghỉ, mỗi mỗi đều phải huy-động di-dịch theo Dịch-Đạo theo Thiên-lý Hóa cho nên Thánh-nhân đã thấy rõ cái qui-định của Trời đất, của Âm-dương, thấy rõ ràng sự di-dịch của muôn loài mà lập thành Đạo ấy mà nói rằng: «Dịch-Đạo lớn lắm thay! Đã có sự di-dịch theo một Định-luật nhất định của Đạo-luật thiên-nhiên mà trong đó bao-hàm cả cái thuyết tương-đối, tương điều-hòa, tương-giao tương-liên, tương-dịch của muôn sự-vật với nhau để thành ra cõi đời Sinh-tồn nầy và cả cõi Vũ-trụ nầy nữa.

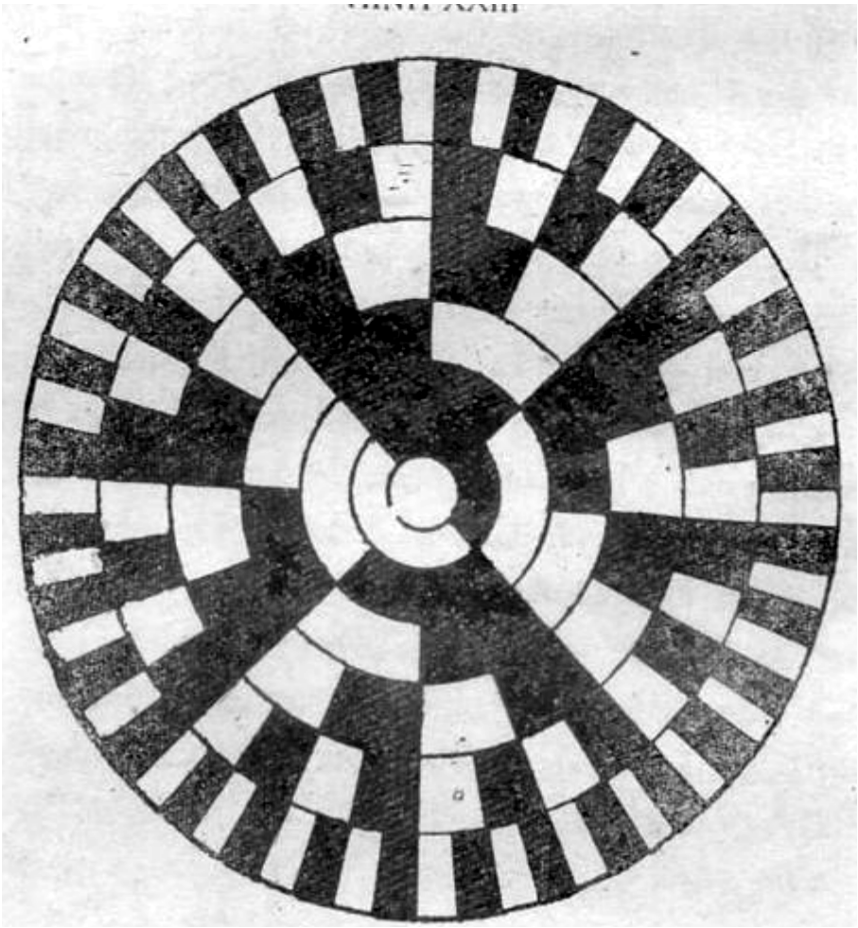
Bên Âu-châu mãi đến đầu thế-kỷ thứ 20 nầy vào năm 1921-22 có một nhà Thông-thái Đức là Einstein nêu lên cái «Tương-đối luận» (loi de la Relativité) làm chấn-động dư-luận trong tất cả các môn-phái trên Trời Âu. Nhưng theo những Học-thuyết của Á-Đông thứ nhất là Dịch-lý đã có từ

6ooo năm mà chỉ tiếc rằng không có sự Minh-triết của các nhà Học-giả khảo-cứu cho rõ ràng hầu làm sáng tỏ cái Triết-lý xâu-xa nào là về người, về Tiểu-Đại Thiên-đại, nào về Luật tương-đối Âm-dương,

nào về cả Vũ trụ sơ khai, biễn-chuyển, nào là về các môn Toán-Pháp cao-siêu tính được Vị-lai Quá-khứ, nắm được cả Không-gian và Thời-gian trong lòng bàn tay. Xem như vậy sự biết của người Á-Đông với những tài-liệu cổ xưa có thể gọi là đã đến chỗ Biết đã là «Chí-Tri» rồi vậy. Nhưng cái Tinh-thần đã đến chỗ tuyệt-đối, đến chỗ cùng-cực ắt phải có sự biến theo Dịch-lý. Dương cực thì Âm sinh. Vì cớ đó cái Văn-hóa tuyệt-đối của Á-Đông hầu như sắp tàn, các tài-liệu đã như xếp vào Bảo-tàng-Viện coi như đồ Cổ để ngắm, mà nhường chỗ cho cả cái Sóng Văn-minh Âu-Mỹ loè-loẹt ồ-ạt như Sóng cồn đại-hải, lấn-áp cả cái Tinh-thần duy-nhất của Thiên-lý vậy.

Tiếc lắm thay!

QUAN-NIỆM VỀ VŨ-TRỤ KHỞI-THỦY LẬP-THÀNH



Hình XXIII. Thái-cực-đồ phân chia từ Lưỡng-Nghi đến 64 quẻ

1- Vòng giữa để biểu-trương cối vô-vi tuyệt-đối là một vòng tròn vô hạn-định vô biên-giới, tinh-khiết không có một cái gì ở trong. Theo Trương-Hoành Cứ gọi là Vô-cực.

Một điểm sinh ra trong cái vòng tinh-khiết vô-cùng-tận ấy là một biểu-trương huyền-bí chỉ cái dị thể khởi-thủy của cái vi-dương hành-động theo thời của Tạo-hóa vô hạn-định vô quả-dục, vô-cùng-tận, hay là cái không-gian «khả - năng pháp» trong cái không-gian vô-

hình tuyệt - đối. Theo kinh Dịch là Thái-cực tức là cái huy-động đầu tiên của Vô-cực, hay là trượng-trưng cái vòng tròn đầu tiên trong hình.

2- Vòng thứ nhì. Cái điểm ở giữa vòng tròn thành một cái gạch phân làm đôi, hay là cái biểu-trương của người Mẹ Tạo-hóa thiêng-liêng và trinh-bạch trong cõi vô-cùng tuyệt-đối và bao-hàm hết cả. Tạo-hóa là Âm thể thì có tính trầm-tĩnh và cái Nguyên-nhân huyền-bí để làm nó có thể huy-động và sinh nở thì bị ẩn-tàng sự phân đôi cái vòng tròn tức như là cái gạch trong kinh Dịch tượng-hình cái Dương-nghi và Âm-nghi sơ-thủy vô-cùng-tận là Mẹ đẻ ra hết thảy muôn loài, muôn vật.

3- Vòng thứ ba Là hình có thêm một đường kính ngang phân cái vòng tròn ra làm 4 tức là hình 4 Tượng, kết-quả bởi sự hòa-hợp của Lưỡng-Nghi mà sanh ra. Có 4 Tượng thì có sự dung-hòa nhau mà thành cái nguyên-hình của vạn-vật. Cho nên tượng-hình sự vận-chuyển của những tinh-vân ở trên Trời.

Âm-dương giao-hòa tương-đối tương điều-hòa nhau rồi sinh ra «Bát-quái». Bát-quái lúc đó còn là thời-kỳ ở cõi Tiên-thiên vô-hình tượng-trưng cái Thái-dương-Hệ còn trong cõi không-gian tuyệt-đối trong bụng người Mẹ Tạo-hóa trinh-bạch thì trong đó cái Thái-dương-Hệ cũng như cái Tinh-vân xoáy-ốc huy-động trong cõi Tiên-thiên, còn là vật vô-hình. Song nhờ có sự giao-cảm của Âm-dương thể-chất thì cái Dương-khí theo đường giữa bắn ra và ở những cái bụng phình ra của thể-chất nguyên-hình tung toé ra mỗi một cái đi nuôi những thể Hành-tinh của Thái-dương-Hệ, trong một thời-gian đã định cái Thái-dương-Hệ lớn lên và thoát ra ngoài cái Kim Âm-hệ của người Mẹ Tạo-hóa trinh-bạch tinh-khiết mà tiến-hành theo đường chân vịt (xem hình vẽ sự vận-hành của Thái-dương-Hệ) cái thì thẳng theo đường Sao Véga như Thái - dương - Hệ, cái thì theo đường các sao khác vân vân, những Tinh-tú-Hệ tung-toé ra đông-đặc trên vòm Trời tức là trong không-gian của Hậu - thiên vậy. Cũng ví như anh em cùng một mẹ đẻ ra người thích đi buôn, kẻ làm quan, người làm

thợ vân vân... đều rải-rác thành gia-thất mà hợp lại thành cõi Đời hữu-hình nầy vậy.

NGUYÊN-TỬ

hay là một tài-liệu Khoa-học hiện-tại để tự minh-giải thuyết: « Thiên-địa vạn-vật Nhất Thể » của đức Khổng-phu-tử.

7 -

Trên tôi đã lấy các tài-liệu về Thiên-văn-học và Thần-học để minh-giải thuyết Vũ-trụ khởi-thủy. Bây giờ chúng ta lấy quan-năng của chúng ta, hầu phân-tách đi xâu nữa trong sự học-hỏi. Trong quyển Đại - đồng - thuyết tôi đã phân - tách con người theo Tiên Hậu-thiên Bát-quái, an-định các cơ-thể theo Thái-dương-hệ và chú-giải theo Y-học bí-truyền những Lục-phủ Ngũ-tạng của con người theo Vũ-trụ và những quang-khiếu cần-thiết của mỗi cơ-thể để thu và xuất những linh-khí, các Vũ-trụ-tuyến vô-hình ảnh-hưởng đến con người (xin coi quyển Đại-đồng-thuyết).

Bây giờ các bạn lại trở về cái đời thực-tế với những quan-năng hiện-tại của mình, như thấy cái bàn, cái ghế, miếng gỗ, cục đá, thoi đồng, ly nước, hơi thuốc v.v... thì ta có thể gồm những vật hữu-hình chung quanh ta làm 3 thể-chất:

1- Thể cố là những thể cứng rắn như đá, sắt, đồng v.v...

2- Thể chảy như nước v.v...

3- Thể khí như thán-khí, khinh-khí, đạm-khí, dưỡng-khí v.v...

Theo mắt ta thì ba thể ấy tuy khác nhau vì thể của nó nhưng mỗi một thể lại hợp thành bởi những hạt nhỏ tí mà kính hiển-vi có thể phân ra được gọi là Phân-tử (molécules), và mỗi một hạt ấy lại phân-tách ra thành nhiều Nguyên-tử (Atomes) mà vừa rồi các Bác-học Âu-Mỹ đã nghiên-cứu đến nơi, tìm ra Nguyên-tử và đã tuyên-bố rằng các thể-chất đều kết-hợp bằng Nguyên-tử, mà sự cứng rắn, mềm lỏng hay hơi khói đều kết-hợp bằng Nguyên-tử cả theo một quy-định nhiều ít nhanh chậm của các Nguyên-tử từng loại thôi vậy. Vì cớ ấy, tôi xin viết đoạn này về sự khảo-cứu Nguyên-tử của tôi từ năm 1945 để hiến bạn đọc để chúng ta có thể tự minh-giải được cái thuyết bất-hủ «Thiên-địa vạn-vật nhất thể» của Phu-tử.

Hồi đó vào cuối thu năm 1945, tôi được người bạn về quân-nhân cho tôi tờ báo «Quân-trận Tân-văn» của Nhật-bản ra ngày 1 tháng 9 năm 1945.

Tôi đọc thấy mục: Bom Nguyên-tử đánh phá Nhật-bản, theo sự thống-kê chính-thức thì sự tổn-thất vô cùng khốc-hại và kể ra sau đây :

1- Trái bom đầu tiên ném ở tỉnh Quảng-đảo (Hiroshima), ngày 6 tháng 8.

— Số người chết : 60.000 người. — Số người bị thương : 100.000 người. — Số người không có nhà ở : 200.000 người.

2- Trái bom thứ nhì ném ở tỉnh *Trường-kỳ* (Nagasaki), ngày 9 tháng 8.

— Số người chết : trên 10.000 người. — Số người bị thương : trên 20.000 người. — Số người không nhà ở : 90.000 người.

Bom Nguyên-tử ném trên mặt đất ước chừng 800 thước. Máy bay ném bom phải bay ngay sau khi liệng bom xuống chừng độ 100 giây trước khi bom nổ.

Những người mục-kích sự tàn-phá đó nói rằng : Sức nổ mãnh-liệt của bom trong độ 2 giây đồng-hồ, những nhiệt-tuyến cháy mạnh phóng ra bốn phương. Trong lúc đó không có cái gì có thể ngăn-cản,

cái áp-lực mãnh-liệt không thể tưởng-tượng được.

Những luồng chớp lửa và áp-lực của nó đến đâu tàn-phá đến đấy bằng một cách mãnh-liệt.

Một khi bom đã nổ cái áp-lực của nó bắn tung ra và theo không-khí làm môi-giới và sự tung-hoành như vậy thì những vật trên mặt đất làm sao có thể tránh được cho toàn-vẹn.

Trái bom ném ở Hiroshima cũng có một hiệu-lực tương đương và như sau :

Ném xuống sau độ 2 giây thì nổ rất mãnh-liệt lửa tung ra đốt cháy các nhà cửa. Sau khi nổ độ 5 đến 10 phút cái áp-lực của nó làm sập đổ những cơ-sở kiến-trúc trong đường bán-kính là 15 cây số ngàn.

Sau khi nổ ít phút, Trời như mưa âm-u đen tối. Lúc Trời sáng tỏ thì ta tưởng là bom Nguyên-tử đến hóa tất cả làm thành một cõi toàn bằng chất lỏng (nóng quá đến nổi xương thịt và các vật chảy ra thành chất lỏng).

Đương lúc bom nổ thì tỉnh Hiroshima như bay cả lên trên không. Vừa chất đen âm-u, vừa khói trắng lẫn-lộn nhau lên cao, ước chừng 12 cây số ngàn. Trên đây nói để bá-cáo cho dân-chúng sự khủng-bố của bom Nguyên-tử mà cái năng-lực tàn phá của nó mới có một nửa.

Người ta đã lợi-dụng cái Nguyên-tử-lực của Vũ-trụ hay cái Nguyên-động-lực của mặt Trời cũng như nhau thì làm sao có thể phòng-bị cái năng-lực phá-hoại đó được ?

Trích ở trong báo Quân-trận Tân-văn ngày 1 tháng 9 năm 1945.

Các bạn đã nghe sự tàn-phá khốc-hại và mãnh-liệt của bom Nguyên-tử chưa ? Nó là một thứ giết người đệ nhất danh và đệ nhất vô nhân-đạo.

Đó là câu truyện đã qua nhưng tôi muốn hiến các bạn một món quà Khoa-học gần như huyền-bí mà bao nhiêu nhà Bác-học phải hy-sinh tận-tụy để tìm kiếm ra nó. Nó là Nguyên-tử.

∴

NGUYÊN - TỬ

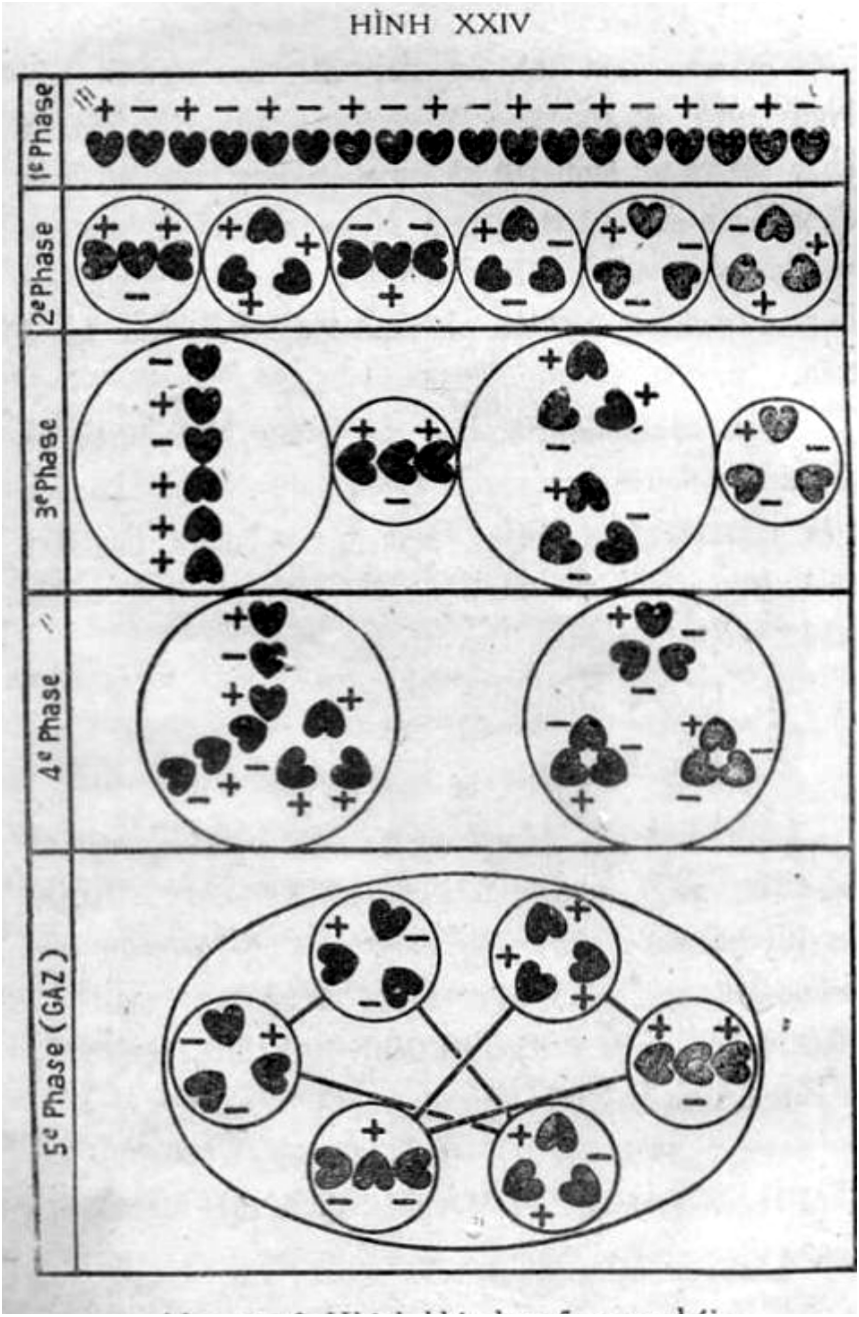
Nguyên-tử nơi theo Triết-học là những trái-cầu nhỏ bé vô-cùng, nó là những vật-liệu căn-bản vô-cùng nhỏ để kiến-tạo các phân-tử (molécules) rồi phân-tử thành tế-bào các vật trong Trời Đất. Xưa kia các nhà Triết-học cho ra một ý-tưởng là các vật tuy bề ngoài rất khác nhau, nhưng sự hợp-thành đều bằng Nguyên-tử, tính chất muôn vật khác nhau chỉ là bởi sự tụ-hợp khác nhau của Nguyên-tử.

Theo Khoa-học, người đầu tiên nói Nguyên-tử là những Hợp-chất là ông Lavoisier. Nhưng chính nhà Hóa-học Anh Dalton cho cái thuyết Nguyên-tử đầu tiên vào Khoa-học và dùng nó theo những tỷ-lệ nhất-định và tỷ-lệ phức-tạp, từ đó những sự cấu-hợp

Hóa-học chỉ là những sự tổ-hợp của Nguyên-tử hợp nhau theo những tỷ-số nhất định để thành phân-tử. Theo Dalton hồi đó vẫn coi Nguyên-tử không thể phân chia ra được như Nguyên-tử Dưỡng-khí và Thán-khí đặc-biệt khác nhau với Nguyên-tử Khinh-khí. Từ hồi đó 1816 người Anh tên Proust nghiệm rằng những chất đó có một trọng-lực Nguyên-tử tính theo mỗi một Nguyên-bội-số cái trọng-lực Nguyên-tử của Khinh-khí.

Thế-kỷ thứ 19, Khoa-học chưa được phát-triển lắm, hình-thức về Nguyên-tử mới là cái ánh lờ mờ trong cõi Âm-u, có quan-niệm Nguyên-tử nhưng hình-thức nó mới cho ta một bóng lờ-mờ trên màn Khoa-học. Rồi sau dần đến thế-kỷ 20 Khoa-học tiến-bộ, thì sự khảo-cứu về Nguyên-tử-học cũng nhờ ánh-sáng của sự tận tâm nghiên-cứu mà Nguyên-tử được phát-hiện dần dần. Một khi đã được mang lần lần ra ánh-sáng thì càng cho ta những sự phức-tạp vô-cùng khó giải. Cho nên sự Biết của người là do ở sự khảo-cứu một thứ gì còn trong vòng mờ tối, tuy-nhiên với bao nhiêu công-phu tận-tụy tìm kiếm mà sự thực dần dần hé mở một đôi chút. Vì Nguyên-tử bé nhỏ vô-cùng-tận, trong lòng bàn tay ta có thể chứa được một số Nguyên-tử nhiều hơn số cát của tất cả các bãi biển trên thế giới (theo nhà Bác-học Pháp J. Thibaud).

HÌNH XXIV



Hình XXIV. Nguyên-tử Khinh-khí theo 5 trạng-thái

Nếu lấy Dương tượng là — và Âm tượng là —— ta sẽ có những quẻ biến-chuyển theo Dịch.

Nhưng đến thế-kỷ thứ 20 sự nghiên-cứu Nguyên-tử đã rõ ràng là có, các nhà Bác-học đã khảo sát về sự sinh-sản và sự diệt-vong của nó. Họ đã nghiên-cứu cách tụ-hợp Nguyên-tử để thành vật và hiểu-biết cách phân-tách lấy Nguyên-tử để làm bom có những sự tàn-phá quỉ-khốc thần-sầu kể ở trên.

Sau các nhà Bác-học đã phân Nguyên-tử ra nhiều tiểu-nguyên-tử tức là Điện-khí. Những khoảng điện lắm tấm ấy gọi là Điện-tử hút nhau hay dẩy nhau trong khi chuyển-động thì sinh ra một luồng điện. Điện-tử chia ra làm hai loại: 1- Dương điện-tử. 2- Âm điện-tử.

Âm điện-tử là một nguyên-liệu để hợp-thành thể-chất, nó là những trái-cầu nhỏ vô-cùng, 2.000 âm điện-tử mới cân nặng bằng một Nguyên-tử của Khinh-khí mà phải có: $6x20^{\overline{23}}$ hay là: $12^{\overline{23}} = 12.000.000.000.000.000.000.000.000$ Nguyên-tử của Khinh-khí mới cân được 1 gờ-ram.

PHÂN-TÁCH ÂM VÀ DƯƠNG ĐIỆN-TỬ

Dưới luồng quang-tuyến Alpha các Nguyên-tử có thể vỡ tan và phát ra một vật nặng gọi là Dương điện-tử.

Dương-điện-tử có thể phân-tách riêng biệt ra được bằng một áp-lực mãnh-liệt làm cho Nguyên-tử phải nổ tan tành làm biến-cải ghê-cớm các Nguyên-tử. Cho nên lúc bom Nguyên-tử nổ, Dương-điện-tử tung toé ra theo không-khí mà biến-cải các vật từ đơn-chất này ra đơn-chất khác bằng một cách mau-chóng và mãnh-liệt.

NHÂN CỦA NGUYÊN-TỬ HAY ĐIỆN-HẠCH

Theo các nhà Bác-học thí-nghiệm thì trong trung-tâm Nguyên-tử có một cái nhân gọi là Điện-hạch rất bé nhỏ hình một trái-cầu có một đường kính là phải có 10^{-13} lần đường kính của nó mới thành một phân tây. Cái Điện-hạch đó là Dương-điện có tánh-chất đẩy bật quang-tuyến Alpha mà các nhà Bác-học dùng để phá Nguyên-tử. Vì lẽ đó sự phân-tách Dương-điện-tử là một cách rất phức-tạp, khó-khăn và đắt-đỏ. Sau nhiều cuộc thí-nghiệm đã tìm ra số Dương-điện-tử hợp thành Điện-hạch, số đó là một Nguyên-bội-số của số Âm-điện-tử chạy chung quanh Điện-hạch.

Điện-hạch thành bởi những Dương-điện-tử mà Dương-điện-tử lại phân ra có bờ-rô-tông (proton) và nơ-trông (neutron).

Bờ-rô-tông là Dương-điện-tử toàn chất Dương và nơ-trông là một thứ cũng nặng bằng bờ-rô-tông mà không có một chút điện nào, nó ví như những con đệm để hòa Dương và Âm-điện-tử và bật ra cũng bởi ảnh-hưởng quang-tuyến alpha, khi nơ-trông mất một Âm-điện-tử thì thành ra Dương-điện-tử.

Lượt ngoài của Nguyên-tử.— Âm-điện-tử là những trái-cầu nhỏ ly-ty chạy chung quanh Điện-hạch tuy nó không quan-trọng bằng Dương-điện-tử nhưng cũng nhờ nó mà các Nguyên-tử có tính-cách Hóa-học hay Lý-học khác nhau; nó có tính-cách bồi thêm cho những Nguyên-tử bị mất Âm-điện-tử trong khi nó quay thật nhanh chung quanh Điện-hạch và nhờ cái tính Âm mềm và thuận theo của nó, cho nên các Nguyên-tử có thể phối-hợp với nhau thành Phân-tử (molécules) và Phân-tử cũng nhờ sự giao-chuyền nhanh của Nguyên-tử mà thành sinh Tế-bào (cellules) và Tế-bào thành các tổ-chức (tissus), như nhục tổ-chức (tissu musculaire), cốt tổ-chức (tissu osseux), tỷ tổ-chức hay thực-vật tổ-chức (tissu végétal).

Âm-điện-tử rất nhẹ, nặng bằng độ 1/2000 một Dương-điện-tử, hay là Dương-điện-tử cân nặng hai nghìn lần Âm-điện-tử.



Hình XXV. Nguyên-tử khinh-khí

KÍCH THƯỚC CỦA NGUYÊN-TỬ

Theo nhà Bác-học Jean Perrin đường-kính của Điện-hạch (noyau) là 10^{-13} phân tây hay là : $1/10.000.000.000.000$ phân. Đường-kính

của Nguyên-tử là : 10^{-8} phân hay là $1/100.000.000$ phân, tức là Nguyên-tử lớn gấp 100.000 lần Điện-hạch hay là nhân của Nguyên-tử.

Phép phóng-xạ cho ta thấy một sự phân-tách thực-hiện của vật-chất và sự «di-dịch của thể-chất» vì ta thấy «Quang-chất» (Radium) làm phát ra nhưng phân-tử ly-ty của Hélium (phân-tử alpha) sau biến dần dần thành chì (plomb). Sự dịch-chất này

sang chất khác đã thí-nghiệm vào hồi 1919 do ông E. Rutherford, ông đã dùng những Phân-tử của Héilium làm nổ những Nguyên-tử các Đơn-chất như Đạm-khí; như chất Nhôm (aluminium) mà ông có thể lấy ra Khinh-khí.

Sau một nhà Vật-lý-học Hòa-lan Lorentz phát-minh ra một cách kết-hợp mới theo đó Nguyên-tử là cả một cối hết sức phức-tạp ví như một Thái-dương-hệ tí-hon vậy (1895).

Sau sự nghiên-cứu về thuyết mới đó dần dần càng ngày càng hoàn-toàn nhờ các nhà Bác-học như người Anh J.J. Thomson (1900), người Pháp Jean Perrin (1901), người Anh E. Rutherford (1910 và 1919), người Đan-mạch Bohr (1913), người Đức Sommerfield (1916). Thuyết mới đó đã được rất nhiều nhà nghiên-cứu công-nhận vậy.

∴

CÁCH LÀM BOM NGUYÊN-TỬ

(phỏng theo những thuyết đã giải ở trên)

Einstein đã cho ta biết rằng muốn đổi vật-chất thành năng-lực ta phải tính theo phương-trình-thức :

$E = mC^2$

$E =$ Năng-lực tính bằng đơn-vị ergs.

$m =$ Khối của vật-chất tính bằng gờ-ram.

$C =$ Tốc-độ của ánh-sáng tính theo phân tây (cm).

— Biết rằng tốc-độ ánh-sáng là 300.000 km một giây hay là 300.000.000.000 phân tây hay là 30 ngàn triệu phân tây.

Nếu ta lấy một khối vật-chất nặng 1 gờ-ram để làm biến ra năng-lực, theo phương-trình-thức trên thì được là :

$E = 1 times 30.000.000.000^2$ ergs hay là 900.000.000.000.000.000.000 ergs.

Biết rằng cái Dương-điện-tử một khi đã bị phân tách riêng ra thì nó có sức tàn phá mãnh-liệt, vì rằng Dương-điện theo kinh Dịch mà giải có đức tính là mạnh bao giờ cũng «biến-động», biến-động để dung-hòa cùng Âm-điện. Một Âm và Dương-điện gặp nhau mạnh thì bật lửa ra. Có lẽ vì cớ đó nhà Bác-học làm bom phải trước hết phân-tách Nguyên-tử ra để lấy Dương-điện-tử hay là những Điện-hạch. Phân-tách Nguyên-tử thì phải dùng quang-tuyến Alpha (đã nói ở trên). Một khi Dương-điện-tử đã phân-tách ra được thì nó đã có sức tàn phá các vật nó gặp để cướp lấy Âm-điện-tử, cho nên lấy được Dương-điện-tử rồi thì phải nghĩ cách chứa nó. Theo những thí-nghiệm của các nhà Bác-học trên thì sự dịch-chất từ Quang-chất đến Hélium, rồi đến chất Chì (Plomb), như vậy thì Quang-chất ngưng ở chất

Chì. Có lẽ vì lý ấy lấy Chì để ngăn dựng Dương-điện-tử.

Một khi đã tìm được chất Chì thì người ta ép rất nhiều Dương-điện-tử vào trong một trái-cầu rỗng bằng Chì dầy, ngoài bọc gang, có thể chứa được Dương-điệu-tử không cho thoát ra ngoài và có ngòi mồi để nổ. Khi nổ Dương-điện-tử bị kích động mạnh tức lên và nổ bung ra theo sự áp-lực ghê gớm của từng Dương-điện-tử, Dương-điện-tử thoát ra được thì lan rộng ra bằng một cách rất nhanh chóng phi-thường theo không-khí và trong khi gặp các vật đều đốt cháy, cướp lấy Âm-điện-tử, và các Nguyên-tử bị mất hết Âm-điện-tử còn Dương-điện-tử, cái Dương-điện-tử mới thành ấy lại cướp lại của vật gần hơn nhất Âm-điện và cứ thế mãi trong một khoảnh-khắc rất ngắn ngủi mà có thể tàn phá được những vật xa hàng bao nhiêu cây số.

Sự ảnh-hưởng xa hay gần là ở sức ép nặng hay nhẹ của trái bom. Và những người ở xa chỗ nổ bị thương xoàng ở chân tay rồi sau cũng chết là vì một khi đã nhận được một Dương-điện-tử thì tất nhiên có sự tàn phá của các Tế-bào các Nguyên-tử gần nhất chỗ bị thương

rồi Dương-điện-tử này cướp Âm-điện-tử kia và Dương-điện-tử mới thành lại phát-triển đi tàn phá thêm lên và cướp các Âm-điện khác.

cứ lưu chuyền như vậy đến khi người ta chết nếu không có cách hay thuốc trừ cái phóng-xạ-năng của Dương-điện-tử.

Không những người ta bị ảnh-hưởng mà thôi đâu, đến các thú vật, thực-vật và kim-khí, loại đá hay là tất cả muôn vật trong khu-vực hoành-hành của trái bom cũng đều bị ảnh-hưởng một cách thảm-khốc vậy. Cái ảnh-hưởng của bom Nguyên-tử trong một đường kính 30 cây số ngàn hãy còn là tầm thường lắm. Nó còn có thể làm tan cả quả Đất ra nước, tiêu mặt Trời ra chất lỏng và đảo lộn cả Vũ-trụ.

Sự tiến-bộ về Khoa-học của người đến trình-độ này cũng có thể nói là cướp quyền Tạo-hóa.

Nhưng xét về cái Văn-minh cổ xưa của người Trung-hoa như những chuyện Thần Tiên, có những bậc Lão-tổ niệm thần-chú (âm-thanh có thể phân-tách được Nguyên-tử giải theo Khoa-học) chỉ một cái thì «Di sơn đảo hải» hay là núi tan bề cạn. Ta cho là huyền-hoặc, nhưng đến ngày nay những chuyện hoang-đường đó làm cho ta ngơ ngẩn và đánh một dấu hỏi thật to trong óc ta vậy.

Nếu những chuyện đó có thể có được thì những bom Nguyên-tử ngày nay hãy còn ở thời-kỳ phôi-thai ấu-trĩ. Bao giờ không cần phải chế-tạo ra mặt

trận, chỉ tay niệm chú như các bậc Lão-tổ ngày xưa thì Văn-minh sẽ đến nấc thang cùng tột và tránh phải tiêu một số tiền khổng-lồ hàng 100 triệu Mỹ-kim để làm bom Nguyên-tử.

Xem như trên, định trí một chút ta thấy muôn sự trên cõi sinh-tồn này đều do ở Điện-khí hóa thành mà cái Nguyên-tử là cái căn-bản nguyên-thủy của thể-chất và ngược lại thể-chất là Điện-khí là vô-hình, như vậy không cần lấy về Thần-học hay Duy-tâm nào khác mà Khoa-học cho ta hay ở đời này không Duy-vật được, vì vật có đâu mà duy nó chỉ là Điện-khí là Vô-vi thôi. Và xét ra một Nguyên-tử căn-bản của thể-chất mà một Nguyên-tử lại là một Thái-dương-hệ

tí-hon, như vậy tỏ rõ cho ta biết rằng tất cả cái gì từ Trời, Đất và Vạn vật đều do bởi Một thể nguyên-vẹn hoàn-toàn tuyệt-đối tức là Nguyên-tử. Như vậy ta càng thấy thuyết: «Thiên-địa vạn vật nhất thể» của đức Phu-tử và cái thuyết Vô-vi có có không không của đạo Phật càng sáng tỏ, Khoa-học đã minh-giải thuyết ấy trong thời-đại Nguyên-tử hiện-tại. Hóa cho nên ôn cái Đức sáng của người xưa để càng làm rạng vẻ cái Đức mới mẻ của ngày nay càng ngày càng sáng thêm lên mãi để có thể tìm đến Chân-lý vậy.

TỪ-KHÍ VÀ ĐIỆN-KHÍ CỦA TRÁI-ĐẤT

để giải bản-đồ Tiên-Thiên của Phục-hi kết-hợp thành một Từ-giới

Trái-đất vận-chuyển trong một từ-giới (champ magnétique), nhiều thí-nghiệm đã chứng tỏ quả Đất là một trung-tâm xuất ra những hiện-tượng của từ-điện-khí như kim chỉ-nam của Địa-bàn và sự hỗn-lạn của giây thép hay những làn sóng vô-tuyến-điện đã tỏ rõ những hiện-tượng ấy. Ở dưới cái vỏ mỏng của quả Địa-Cầu có một trung-tâm nóng sáng hợp-thành bởi nhiều thể kim-khí thứ nhất là Sắt, ta cũng chẳng lấy gì làm lạ vì tất cả đều có những đặc-tính từ-điện của Sắt.

Mặt Trời mà Trái-đất chạy chung-quanh nó có một tĩnh Điện-lực (Electricité statique) lớn lao, nó toả ra chung-quanh nó một « Điện-giới » mà ông Albert Nodon một nhà Vật-lý-học Pháp thấy đầu tiên trong năm 1885. Cái năng-lực của Mặt Trời mạnh quá sức tưởng-tượng. Arrhenius đã tính nó có thể lên tới 250 tỷ coulombs (250 milliards de coulombs) coulombs là cái để đo Tĩnh-Điện-lực.

Nhưng nhà Vật-lý-học Mỹ là Rowland có giải-nghĩa cái Tĩnh-lực nào chạy thật nhanh chung-quanh cái trụ Tĩnh-cực phải sinh ra một Từ-giới.

Cái cường-độ của « giới Mặt Trời » (champ solaire) đã thành thì phải hết sức lớn lao bên cạnh nó và lại rất yếu theo sự cách xa của Trái-đất bởi vì cái Cường-độ của Từ-giới kém đi theo sự cách xa

tính theo lập-phương-số (Cube de la Distance). Nhưng tuy rằng nó yếu nhưng cái giới ấy có luôn luôn và Trái-đất vận-hành trong đó với một tốc-độ lớn lao theo sự di-nhuyển của nó.

Mà biết rằng trung-tâm Trái-đất là thể Kim-khí nghĩa là bắt điện rất nhạy, thì cái trung-tâm đó trong khi vận-chuyển trong « Từ-giới » như cái Dụ-đạo (induit) của một cái máy đi-na-mô (dynamo) làm ra điện hay là một cái magnéto xoay giữa hai cực của Đá nam-châm. Vậy có những luồng-điện dụ-đạo (courants induits) mà người ta gọi trong Vật-lý-học là « Luồng-điện Foucault ».

Và Mặt Trời nhờ có cái Áp-lực sinh ra bởi những phóng-xạ-quang của nó, dẹp trong không-gian những bụi nhỏ có Âm-điện và đến tận cõi không-gian của Trái-đất.

Cái tán của Mặt Trời thường hợp bởi những hạt bụi đó và người ta lại nghiệm rằng những

bán trực-kính của cái tán ấy xiên về hai tinh-cực y như những đường của bụi Sắt chiều theo những cực của đá nam-châm trong những lần thí-nghiệm về « Từ- giới hiện-tượng.

Người ta có thể cho Mặt Trời là một Cục đá nam-châm vô-cùng to lớn.

Những bụi đến trong không-khí của Trái-đất mang Từ - điện cho nó. Những Ly-tử (ion: có âm ly tử và dương ly-tử) từ cõi trên thượng-tầng bị lôi kéo trong con đường vận-chuyển chu-hành của Trái-đất và thành một luồng-điện nhất-định có một ảnh-hưởng trên những hiện-tượng của Từ-lực huy-động trong Trái-đất.

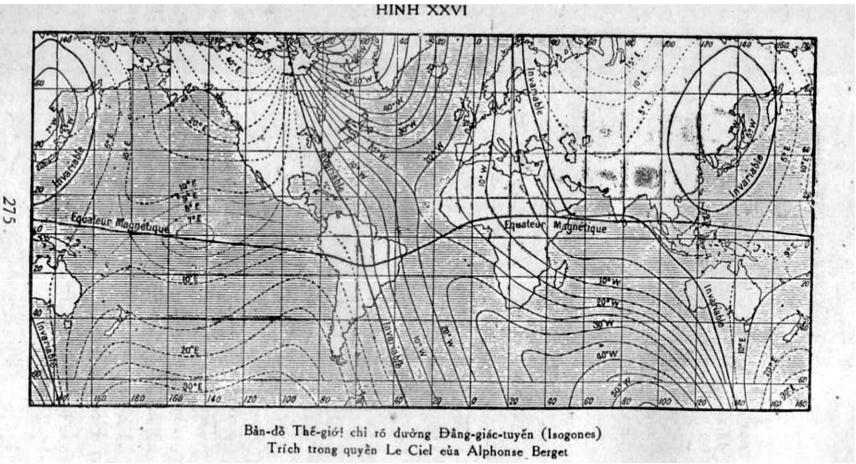
Sự Thiên-chuyển địa-pháp của từ-khí Trái-đất.

Nếu ta lấy một kim nam-châm và lấy một cái gì treo ở trên đầu cái kim định bật lên, để giữ cho cái kim được thăng-bằng thì ta thấy nó quay về một hướng khác với hướng Bắc của Địa-dư-học mà lại là hướng Bắc của làn Từ-khí.

Với một cái Địa-bàn làm theo cách trên ta cầm đi khắp Trái-đất (theo lý thuyết) cứ đi theo con đường mà cái kim ấy chỉ. Như vậy ta đã vạch trên mặt đất một đường gọi là Từ-khí Tý Ngọ-tuyến (méridien magnétique) mà chúng ta đến một chỗ gọi là Từ-khí Bắc-cực ở về phía Bắc xứ (Canada) Gia-nã-Đại, tất cả các Tý-Ngọ tuyến đều đi qua Cực đó.

Còn một từ-khí-cực ở vào Nam lục-địa trên đất Victoria đó là Nam-cực từ-khí mà tất cả các Tý-Ngọ tuyến cũng đều qua đó. Trên hai Cực đó thì cái kim của địa-bàn thường nhẩy « lung tung » nghĩa là không theo hướng nào. Mà cái kim chỉ khuynh-độ (inclinaison) dựng đứng lên. Có sự rất kỳ lạ của từ-khí-cực của Trái-đất là nó không nhứt-định, đó là những « Thiên-di-cực » và những sự hiệu-quả của nó lớn hơn những cực về Địa-Dư. Sự mở rộng diện-tích của nó trong vài mươi thước thì những Từ-khí-cực mở rộng đến nhiều độ. Giữa năm 1770 và 1888 cái Từ-khí Bắc-cực gần lại với Bắc-cực của Địa-cầu ước chừng 600 cây số và hình như bây giờ lại xa thêm nữa.

Chúng ta có thể ở mỗi chỗ trên mặt Đất biết được cái Thiên-độ bằng thứ Địa-bàn Thiên-độ (déclinaison) hay là bằng thứ máy Théodolite magnétique (đo từ-khí). Với thứ máy đó người ta có thể biết được cái Tý-Ngọ tuyến Địa-dư trước rồi đến Tý Ngọ tuyến về từ-khí sau và có thể đo được giác-độ (angle) hai tuyến đó với nhau. Người ta có thể gom tất cả trên một hình vẽ theo Bình-diện quả Địa-cầu tất cả các điểm của Trái-đất mà ở đó có một Thiên-độ giống nhau, người ta vẽ trên cái Địa-cầu toàn-đồ một tuyến-hệ gọi là Đẳng-giác-tuyến (isego-



Hình XXVI. Bản-đồ Thế-giới chỉ rõ đường Đẳng-giác-tuyến (Isogones) — trích trong quyển Le Ciel của Alphonse Berget

nes). Những đẳng-giác-tuyến đều qua Từ-khí cực và Địa-dư-cực.

HÌNH XXVII

FANTÔME MAGNÉTIQUE, réalisé par le professeur STAROIEVITCH.

Hình một hiện-tượng của một Từ-giới (Champ magnétique)

Như vậy những sự nghiên-cứu theo Khoa học đương thời rất thích-hợp với cái nghĩa mà tôi đã lấy Tiên-Thiên Bát-quái xếp đặt làm một biến tượng của một Từ-giới theh Bản đồ vuông của 64 quẻ của Phục-Hi. Theo hình B và hình III ở Tiết 6. Theo hình 64 quẻ xếp vuông, và giải rỏ thiên nói về : Phương-vị của Hậu-Thiên Bát-quái giải theo Từ-lực (Force magnétique) của Từ khối trên mặt Đất vậy.

So-sánh tường-tận ta thấy rõ ràng Khoa-học đã dần dần, nhờ các khí-cụ tối-tân, tỏ bày ra ánh Sáng những sự huyền-bí của Tạo-hoá

mà Kinh-Dịch đã tượng-trưng bằng những quẻ từ 6, 7 ngàn năm nay vậy.

HÌNH XXVIII

Hình vẽ vuông gồm 64 quẻ.

Hình trên đây theo số thứ tự của Tiên-Thiên Bát-quái.

Kiền 1, Đoài 2, Ly 3, Chấn 4, Tốn 5, Khảm 6, Cấn 7. Khôn 8.

nếu theo 64 quẻ tức là : ䷀ Kiền = 1

䷀ Kiền = 1

䷹ Đoài : 2

䷹ Đoài : 2

Xem hình-đồ 64 quẻ của Phục-hy ở trên đây tôi thấy sự phân chia minh-bạch của 8 quẻ. Vận theo thứ-tự của 8 quẻ trong Tiên-Thiên Bát-quái mà mỗi quẻ chia ra làm 8 nữa, cho nên 8×8 = 64 quẻ. Ví-dụ như quẻ Kiền số 1. Thì góc là số 1 ở dưới lại lấy 8 quẻ theo thứ-tự mà hợp lại.

& 8 & 7 & 6 & 5 & 4 & 3 & 2 & 1	
8 quẻ theo & - & - & - & - & - & - & - & -	
Tiên-Thiên & - & - & - & - & - & - & - & -	
Góc là quẻ & - & - & - & - & - & - & - & -	
Kiền : 1 & - & - & - & - & - & - & - & -	
Số theo & - & - & - & - & - & - & - & -	
Hình XXVIII & 18 & 17 & 16 & 15 & 14 & 13 & 12 & 11	

Mỗi một quẻ đầu có tên riêng theo ý-nghĩa, tài đức của từng quẻ hợp-thành (sẽ giảng ở thiên Hệ-từ). Cứ làm theo sự phân chia như vậy và xếp-đặt theo một vòng tròn 64 quẻ theo Tiên-Thiên Bát-quái Quẻ Kiền là quẻ thuần Dương ở về hướng Nam tức là cái ngôi Sao nóng trên đã giải và quẻ Khôn là quẻ thuần Âm thể nặng lắng xuống dưới cho nên ở về hướng Bắc lạnh vậy. Xem hình-đồ Tiên-Thiên thì ta nhận xét rằng từ quẻ Phục cho đến quẻ Kiền thì có 32 quẻ mà quẻ nào cũng là cái gốc của Dương-Nghi nghĩa là sơ-hào (hào đầu) là hào dương cho nên ta có thể gọi là 64 quẻ chia ra làm hai, mỗi phần là 32 quẻ mà từ quẻ Phục đến quẻ Kiền là Dương-Nghi, từ quẻ Cấu đến quẻ Khôn là Âm-Nghi ta nghiệm-xét những quẻ thuộc về Âm-Nghi thì 32 quẻ đều có sơ hào là thể Âm. Quẻ Kiền ở chính giữa cung Ngọ tức là cung thuộc Hỏa là lúc nóng đến cực-điểm. Quẻ

Khôn ở chính giữa cung Tí tức là thuộc về âm-cực, là lúc lạnh nhất. (Coi hình V).

64 quẻ của Âm và Dương-Nghi đều chia ra làm 4 mà thành Tứ-Tượng tức là 16 quẻ âm hay dương là :

& *Thái-Dương* & thì từ quẻ Như đến quẻ Kiền	
Tứ- & *Thiên-Âm* & thì từ — Phục — Động-Nhân	
Tượng & *Thiên-Dương*& — Sư — Cấu	
& *Thái-Âm* & — Khôn — Đoàn.	

Phân ra Bát-Quái thì ta có là :

Quẻ Kiền có 8 quẻ từ quẻ Thái đến quẻ Kiền.

— Đoài — Lâm — Ly,

— Ly — Minh-Đi — Động-Nhân

— Chấn — Phục — Vô-Vọng.

Quẻ Tốn thì có 8 quẻ từ quẻ Cấu đến quẻ Thăng.

— Khảm — Tụng — Sư

— Cấn — Đôn — Khiêm

— Khôn — Bĩ — Khôn

Vậy ta tính xem số hào âm và dương trong 64 quẻ biết rằng trong 64 quẻ có: 64×6 = 384 hào.

& Trong quẻ Kiền có 48 hào : 24+12 = 36 dương 12 âm.	
& — — Đoài — — — : 16+12 = 28 — 20 —	
Dương & — — Ly — — — : 16+12 = 28 — 20 —	
Nghi & — — Chấn — — — : 8+12 = 20 — 28 —	
& 112 — 80 —	
& Trong quẻ Tốn —— : 16+12 : 28 — 20 —	
Âm & — — Khảm — — — : 8+12 : 20 — 28 —	
Nghi & — — Cấn — — — : 8+12 : 20 — 28 —	
& — — Khôn — — — : 0+12 : 12 — 36 —	
& 80 — 112 —	

Dương-Nghi có 112 hào Dương và 80 hào Âm

Âm-Nghi có 80 — và 112 —

Tổng-cộng : 192 — — 192 —

Tức là số Âm và Dương đều nhau trong số có $(192\ \text{d} + 192\ \hat{\text{a}}) = 384$ hào.

Những con số trên cho ta biết rằng : từ quẻ Phục (ở trong quẻ Chấn) thì số Dương còn nhỏ tức có một tỷ-số là $\frac{20}{192}$ dần dần đến quẻ Ly thì nhiệt-độ Dương tăng lên và có một tỉ-số là $\frac{28}{192}$

Qua đến quẻ Đoài thì cái tỷ-số vẫn giữ vững là $\frac{28}{192}$ và khi đến quẻ Kiền thì nhiệt-độ đến cực điểm là $\frac{36}{192}$

Âm-nghi đồ-biểu cũng theo một nhiệt-độ như Dương-nghi nhưng nghịch lại.

Âm-khí bắt đầu từ quẻ Cấu mới sinh ra thì tỷ-số của nó trong quẻ Tốn còn là $\frac{20}{192}$ dần dần quẻ Khảm và Cấn thì tỷ-số lên đến $\frac{28}{192}$ rồi khi đến quẻ Khôn thì tỷ-số lên đến $\frac{36}{192}$

Xét sự vận-chuyển của Dương bắt đầu từ quẻ Phục phát-sinh ra ở trong cung Tý thì ta có những quẻ sau nầy :

quẻ Phục. cách 16 quẻ đến quẻ Lâm cách 8 quẻ đến quẻ Thái.

có 1 dương sinh có 2 dương sinh có 3 dương sinh

cách 4 quẻ đến quẻ Đại-Tráng cách 2 quẻ đến quẻ Quải

có 4 dương sinh có 5 dương sinh

cách 1 quẻ đến quẻ Kiền thuần Dương (6 dương)

HÌNH XXIX

Và xét sự vận-chuyển của khí Dương càng nhiều thì càng nhanh và sự «cướp đường» càng lẹ hơn.

Nếu ta lấy bắt đầu từ quẻ Cấu có một Âm

mới phát-sinh từ cung Ngọ ta có những quẻ sau này :

quẻ Cấu cách 16 quẻ đến quẻ Đoàn cách 8 quẻ đến quẻ Bĩ

 có 1 âm sinh

 có 2 âm sinh

 có 3 âm sinh

cách 4 quẻ đến quẻ Quan cách 2 quẻ đến quẻ Bắc

 có 4 âm sinh

 có 5 âm sinh

cách 1 quẻ đến quẻ Khôn  thuần Âm (6 âm).

Sự phân-chia căn-đối trên đây tức là theo phương-pháp Khả-cấp số ví-dụ như:

a : là số đầu, q là thực-tiễn, n là số thì theo kỳ-hà-cấp số là:

a ... aq ... aq2 – aq3 ... aqn-1

Con số sau này là: t = aqn-1

Số tổng-cộng n số là S : $a\frac{q^n-1}{q-1}$ nếu là những tiến-số.

Và S : $a\frac{1-q^n}{1-q}$ nếu là cấp-số lui.

Xem như Đồ-biểu trên thì ta có một kỳ-hà cấp-số: số đầu là a = 2, số thực tiễn q = 2 cho nên là:

$2-4-8-16$ hay là.

$2-2^2-2^3-2^4$

đó tức là nói về ngôi vị phân chia âm-dương mà sự tiến-hành của Âm hay Dương càng lớn thì càng mau cho nên số 1, 2, 3, 4, 5, 6 là sự tiến-triển của Âm-dương lớn dần lên theo một kỷ-hà cấp-số mà ngôi thứ xa gần của nó đã giải-rõ ở trên cho nên từ 1 tiến lên 2 phải cách 16 độ, từ 2 đến 3 phải cách 8 độ, 3 tiến lên 4 phải cách 4 độ, 4 tiến lên 5 phải cách 2 độ, 5 tiến lên 6 phải cách 1 độ.

Xem như vậy sự phân chia tiến lui đời thượng-cổ đã theo một luật-pháp về kỷ-hà cấp-số và ta có thể lập một Định-lý theo đây :

«Cái năng-lực của Âm-dương nhanh hay chậm «là theo một tỷ-lệ ngược lại với những số ấn-định «theo kỷ-hà cấp-số» (progression géométrique).

Hình vẽ tròn 64 quẻ của Phục-Hi trên đây còn nói về cuộc vận-hành trong một Năm. Nếu lớn ra thì là sự biến-chuyển của một Thế-hệ là 129.600 năm tức là mỗi một quẻ có thể tượng-trưng được một trạng-thái trong $\frac{129.600}{64} = 2025$ năm. Phải chăng mỗi một quẻ nếu nói rộng ra là một vận-độ cho một Thế-hệ trên Thế-giới. Nếu những sấm-ký của các Đức Giáo-hoàng nói đến năm 2000 là năm bắt đầu của

cái Thể-giới đại Hòa-bình hay là Millénium thì con số 2025 năm tức là một vận-độ của Thế-hệ hay là một Kỷ-nguyên mới vậy.

Mà nếu nói nhỏ hẹp lại thì 24 giờ trong một ngày cũng chỉ vẫn là cái vòng ấy, từ quẻ Phục tính đi. Quẻ Khôn là quẻ ở giữa cung Tý tức là giờ Tý, quẻ Phục ở kế bên hay là lúc Dương bắt đầu chuyển và tiến-hành tới cuối giờ Tý và dần dần đi lên đến quẻ Chấn là lúc Rạng-đông, quẻ Ly là Trời đã sáng nhưng trong còn cái Âm-u ở vào giờ Mão, quẻ Đoài ở giữa giờ Thìn Tỵ, đến quẻ Kiền là chính Ngọ tức là nhiệt-độ trong ngày đến đó là cùng-cực hay là Dương-cực ở Ngọ. Dương-cực thì Âm sinh cho nên Âm bắt đầu sinh ra từ quẻ Cấu dần dần lớn lên mà đến quẻ Tốn ở vào giờ Mùi Thân tức là cái âm tối của ban đêm đã thấy rõ và đang tiến đến quẻ Khảm là ở vào giữa giờ Dậu, tức là cái âm đã lớn lên mà bọc lấy cái dư-khí dương còn lại, rồi đến quẻ Cấn ở vào giờ Tuất Hợi tức là lúc âm khí thịnh hết sức gần choáng hết khí dương, sau đến quẻ Khôn là quẻ thuần Âm-khí, ở vào giờ Tý là lúc Âm khí đến tột-cực. Âm-cực thì dương sinh cho nên lại đến quẻ Phục và ngày khác lại bắt đầu vậy.

Nói về một tháng thì từ quẻ Khôn đến Chấn là Trăng mới mọc, tức là ngày mùng 3 đến Đoài

là Trăng Thượng-huyền tức là ngày mùng 8, đến Kiền là Trăng tuần

Vọng tức là ngày 15, đến Tốn là Trăng mới khuyết tức là ngày 18, đến Cấn là Trăng Hạ-huyền tức là ngày 23, đến Khôn là Trăng tuần Hối tức là ngày 30 (xem giải-nghĩa theo Thiên-văn-học và hình vẽ ở trên).

Một ngày có vận hội một ngày, một tháng có vận hội một tháng, một năm có vận hội một năm, một Giáp, một Kỷ, một Hội đều có vận hội riêng của nó, lớn thì tóm-thâu từ cái khởi-thủy cho đến cái cuối cùng của Trời Đất, nhỏ thì từ lúc sinh ra đến lúc chết của nhân-vật, cả từ những côn-trùng nhỏ tí mà mắt người ta không thể thấy được, gần là mối đầu đuôi của sự vật, xa thì cuộc thay-đổi xưa và nay đều không ra ngoài cái vòng 64 quẻ đó và chỉ là cái lý đầy-vơi tiêu-trưởng thôi vậy.

Phàm sự vật trong Trời Đất Vũ-trụ có thể có được và vững vàng được là duy ở cái luật tương-đối (loi de Relativité) nhau để có sự giao-hòa nhau. Ví như một vạch Âm ở phía Đông thì đối với một vạch Dương ở phía Tây, bởi vì theo kỷ - hà bình - diện - học (géométrie plane) thì từ quẻ Phục đến quẻ Kiền thuộc về Dương-nghi cho nên là Dương, từ quẻ Cấu đến quẻ Khôn thuộc về Âm-nghi cho nên là Âm. Vạch Âm ở phía Đông,

nguyễn là đều ở phía Tây sang, vạch Dương ở phía Tây, nguyên là đều ở phía Đông sang. Quẻ Cấu ở phía Tây là năm vạch Dương từ phía Đông sang, quẻ Phục ở phía Đông là 5 vạch Âm ở phía Tây sang.

Như vậy ta thấy sự vận-chuyển phản-phục mà thành biến-hóa. Đó là Dịch-lý của Trời Đất hay là Thiên-lý. Trong Dương có Âm, trong Âm có Dương. Đông Tây giao-dịch, mỗi chỗ đều có sự tương-đối điều-hòa với nhau mà tồn-tại.

Xét cho kỹ các trạng-thái vận-chuyển của khí Dương đi từ quẻ Phục đến quẻ Kiền như vậy tức là khí Dương bốc lên trong cõi Dương (Dương-nghi) và ở bên Tây thì từ quẻ Cấu đến quẻ Khôn tức là khí Âm nặng lắng xuống dưới, hay là khí Âm trọc thì đi từ trên xuống

dưới. Nên ta có hai chiều lên xuống của Âm-dương. Như vậy chúng ta có 2 đường nghịch nhau, Âm Dương có lên xuống mới gặp nhau, có gặp nhau thì mới có sự hòa-hợp. Theo luật giao-động của Từ-điện là: Hai cực cùng tên thì đẩy nhau, Hai cực khác tên thì hút nhau. Cùng đi xuôi với nhau thì không thể hút nhau được, ngược nhau thì mới gặp nhau và hút nhau.

Cái năng-lực F sử dụng ở giữa hai Cực Từ-điện m và m' theo luật của Coulomb thì theo hai cái

cường-độ của nó nhân lên, và theo cái nghịch tỷ-lệ của số tự nhân của quãng cách L (cách hai cực) và theo một tỷ-lệ K không thay đổi mà nó lại chiều theo nơi hai cực ở trong đó $F : K\frac{mm'}{L^2}$. Đó là cái Định-lý có thể giúp ta kiếm cái năng-lực của Từ-điện, hay sự cách nhau của 2 Cực. Con Tỷ-số K trong không-khí thì bằng số 1.

Chiều của năng-lực Từ-điện.

Nếu người ta vạch một con đường qui-nạp (ligne d'induction) của một cục đá Nam-châm thì người ta thấy rằng những đường đó khít nhau ở trong khối Nam-châm mà ngoài thì nó dời nhau ra và còn cách nhau ít thôi. Cái chiều của mỗi một đường qui-nạp đều chỉ bằng cái tên trong hình vẽ. Theo Hình xxx thì ta thấy ngay cái ý-tưởng một chiều đi từ Nam-cực đến Bắc-cực ở trong Nam-châm và từ Bắc-cực đến Nam-cực ở vòng ngoài. Cái chiều đó gọi là cái chiều của năng-lực từ-khí hay là chiều qui-nạp (Ligne d'induction) Nếu ta lấy một miếng giấy và để theo C thì cái chiều qui-nạp ấy cũng chạy qua từ trái sang phải, hay là để ở C' cũng vậy.

HÌNH XXX

Luồng Từ-điện. (circuit magnétique) Những đường qui-nạp ở trong hay ở ngoài hợp-thành một luồng Từ-điện.

Nếu người ta lấy một miễng đá Nam-châm mà hai cực N B rất gần nhau thì người ta thấy những luồng điện-lực ở ngoài tụ lại ở giữa hai Cực, cái luồng điện bao giờ cũng khép ở trong đá Nam-châm.

Trong những điều - kiện đó thì cái chiều Từ - điện chuyển thẳng từ Cực này sang Cực khác, không phát - huy ra bên cạnh nữa.

HÌNH XXXI

Nếu 2 cực thật khít lại với nhau, như vậy thì người ta không thấy những đường qui-nạp ở ngoài, mà đi ở trong khối đá Nam-châm. Xem như hình trên thì càng gần khối điện bao - nhiêu thì đường qui-nạp càng khít nhau và nếu hai Cực xa nhau thì đường qui-nạp lại càng cách nhau ở ngoài vậy.

Xét như vậy ta lấy hình vẽ tròn của Phục-hy thì quẻ Kiền và Khôn ví như hai Âm và Dương Cực cách nhau cho nên cái năng-lực và các đường qui-nạp của hai Cực càng xa ra thích-hợp với cái tỷ-số Âm-dương nhiều hay ít.

Hai Cực gần nhau thì năng-lực càng nhiều đường qui-nạp lại càng khít nhau.

Khoa-học bây giờ mới giải rõ lý đó mà theo bản-đồ của Phục-hi lấy những đường qui-nạp theo kỷ-hà cấp-tiển-số mà giải thì có các quẻ như sau đây:

1- Quẻ Quải kém 1 dương quẻ Kiền nên cách số 1 2- — Đại-tráng — — Quải — — 2^1 3- — Thái — — Đại-tráng — — 2^2 4- — Lâm — — Thái — — 2^3 5- — Phục — — Lâm — — 2^4

Xét những con số trên thì cái năng-lực càng nhiều thì càng gần cái Cực của nó mà năng-lực càng yếu thì sự xa-cách càng tăng theo một tỷ-số kỷ-hà cấp-tiển-số.

Và theo hình trên đây về Từ-điện và hình số của hình vẽ sự lên xuống âm-dương kết-hợp thì cũng theo một đường như Từ-điện, mà Từ-điện là một chất có Điện-khí tự-nhiên. Theo Từ-điện-học tự-nhiên

có thể làm lay-chuyển một cái kim có Từ-điện để chỉ hướng Nam và Bắc tức là Địa-bàn (Boussole) vậy.

Xem như thế, cái hình 64 quẻ tròn của Phục-Hi đã bao-quát ở trong, cả những đạo-luật thiên-

nhiên của Trời Đất Vũ-trụ. Ta có thể nói hình đó bao-hàm tất cả những sự vận-chuyển và hành-vi của các Thiên-thể trong Vũ-trụ. Và cũng nhờ ở những biểu-trương đó và nhờ cả cái lý-tưởng «Thiên Địa vạn vật nhất thể» mà sau này Văn-Vương đem giải ra và chuyển-vận cái Tiên-thiên Bát-quái thành Hậu-thiên Bát-quái.

— Theo những Tiên nho đời Tống như Chu-Hi nói rằng: Hình tròn tượng Trời, Trời tròn mà xoay, bao-bọc trái Đất, hình vuông tượng Đất, Đất vuông mà đứng im ở giữa Trời. . . .

. . . . . và Thiệu-khang-Tiết trên tiết trên cũng nói: Tròn thì động là Trời, vuông thì tĩnh là Đất.

Xem như vậy thì các bậc Tiên-nho có sự nhận-xét lấy Thể để giải cái cá-tính từng vật một. Nói Động đây tức là nói cái tự xuất dương-khí ra được hay là nói cái Thể của các Sao, các Định-tinh, còn nói Tĩnh

đây tức là nói sự tự-thụ cái dương ở ngoài chiếu vào, hay là nói cái Thể của các Hành-tinh hay Vệ-tinh.

Theo Thiên-văn-học hiện-thời thì trái Đất tròn và xoay chung quanh mặt Trời. Đường mà trái Đất xoay chung quanh mặt Trời gọi là Hoàng-đạo. Trái Đất tuy có xoay mà ta không thấy và ta cũng không bị dời đổi khỏi mặt Đất là nhờ có áp-lực của không-khí ép tạ xuống và giữ cho ta luôn luôn được thăng-bằng trên mặt Đất. Cũng như ta ngồi trong toa xe lửa nhìn ra ngoài, ta không thấy đoàn xe-lửa chạy mà trái lại những phong-cảnh, những cột giây-thép hai bên đường đều chạy. Vật càng gần ta bao nhiêu thì hình như càng chạy nhanh bấy nhiêu và vật càng xa ta bao nhiêu thì hình như chạy chậm bấy nhiêu. Chắc cũng vì lẽ ấy mà các bậc Tiên-nho cả-quyết là Đất vuông và yên-tĩnh chỉ có Trời tròn, động chạy chung quanh Đất thôi vậy. Ta cũng không thể trách được là vì cái Văn-minh về Khoa-học hồi đó còn phôi-thai, chỉ lấy con mắt thịt mà lượng xét, sánh với những Thiên-lý-kính thời bây-giờ sao được.

Nếu đã gọi là đồ Tiên-thiên sao lại có hình xếp vuông của 64 quẻ để tượng quả Đất. Như vậy sao gọi là hình đồ Tiên-thiên được ? Đức Phục-Hi chỉ để lại cho ta những vạch quẻ huyền-diệu xếp theo một cách tương-đối nhau; lập ra những Đồ ấy mà có bảo ai câu nào đâu, sự đúng hay không là chỉ ở những chú-giải của những bậc Thánh-nhân đời sau vậy.

Trên nói Kiền bắt đầu từ hướng Tây-Bắc khởi lên, mà Khôn tận ở Đông-Nam.

Nói hình vuông là Đất thì cái nghĩa không rõ

vì rằng lấy đồ Tiên-thiên ra để tượng một cái gì đã sinh thì không đúng với nguyên-lý của nó. Cho nên nói là tượng cái Từ-giới trên trái Đất hay là cái năng-lực vô-hình do cái vòng Tiên-thiên ảnh-hưởng xuống đất bằng thì đúng hơn.

Và muốn chú-giải tiết này phải trở lại về Toàn-đồ từ-giới của trái Đất (coi hình XXVI).

Nếu chúng ta lấy một cái kim nam-châm làm Địa-bàn, ta thấy một đầu kim chỉ hướng Bắc dư và cũng là hướng Bắc của Từ-giới. Và nếu ta cứ cầm cái Địa-bàn ấy đi mãi và vẽ theo những đường chỉ của nó ta sẽ được một đường từ-điện (méridien magnétique) và ta sẽ đến một chỗ gọi là Bắc-cực Từ-giới (Pôle magnétique Nord) ở về phía Bắc nước Gia-nã-đại (Canada). Tất cả các đường từ-giới khởi đầu ở Cực này cả.

Còn một Cực Từ-điện nữa ở phía Nam trên đất Victoria, đó là Nam-cực Từ-giới (pôle magnétique Sud) mà ở đó các đường Từ-điện đều phải qua. Ở trên hai Cực nói trên thì cái kim của Địa-bàn thường thì nhảy lên nghĩa là vô-định hướng. Nhưng ngược lại nếu lấy một cái kim chỉ thiên-độ (aiguille d'inclinaison) thì nó đứng thẳng lên.

Theo Từ-giới toàn-đồ và những sự chú-giải trên ta thấy hình vuông theo Tiên-thiên Bát-quái là

một hình đồ các đường Từ-giới trên trái Đất vậy. Xem bản đồ vuông ta có thể thấy :

I- Nó là biểu-trương một Từ-giới toàn-đồ cho trái Đất (champ magnétique terrestre).

II- Cho ta rõ một Từ-giới toàn-đồ của trái Đất (champ magnétique terrestre).

III- Cho ta rõ một sự vận-chuyển tối mãnh-liệt từ dưới lên trên và từ trên xuống dưới biểu-trương một Nguyên-tử trung-tâm của mọi thể; rõ cái đường vận-chuyển của một Nguyên-tử thể-chất tối-hậu (Atome physique ultime).

Giải về Định-luật 1.— Coi hình vuông vẽ trên đây ta thấy ở quãng giữa đường xiên (diagonale) có 8 quẻ Kiền, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Căn, Khôn mà ta có thể ví như một cục đá Nam-châm mà có hai Cực : Nam là quẻ Khôn và Bắc là quẻ Kiền. Nếu lấy số ở hình trên thì ta được như sau này :

Quẻ Kiền.— Có số 1 tượng dương ở trong làm gốc mà ngoài là số các quẻ hợp-thành những số như sau đây :

$11 - 12 - 13 - 14 - 15 - 16 - 17 - 18$ ở ngoài.

$18 \downarrow 81 \uparrow$ Hình a túc là ta có Dương-
$28 \downarrow 71$ khí bốc từ dưới lên trên; từ
$38 \downarrow 61$ Tây-Bắc bốc lên.
$48 \downarrow 51 \uparrow$ Hình b ta có những con số
$58 \downarrow 41$ dọc là 18 - 28 - 38 - 48 - 58 -
$68 \downarrow 31$ 68 - 78 - 88 Âm-khí ở trong
$78 \downarrow 21 \uparrow$ đi từ trên xuống dưới, tận ở
$88 \downarrow 11 \uparrow$ Đông-Nam vậy.
Hình b Hình a

Ta có thể vẽ những luận-đề ở trên theo Từ-giới Nam-châm dưới đây:

HÌNH XXXII

Các biến-quẻ của quẻ Kiền Khôn, Đoài Cấn an theo Từ-giới Nam-châm.

Nếu ta lấy quẻ Cấn và Đoài làm hai Cực và theo giải-thích trên ta được những từ-tuyến theo hình trên.

HÌNH SỐ XXXIII

Đường-Từ-lực của một Từ-giới an theo 64 quả.

Và lấy những quẻ khác cũng làm như trên ta có thể kết-hợp tất cả 8 quẻ trong một hình vẽ biểu-trương một Từ-giới của 8 quẻ. Ta có một từ-giới rõ-ràng sự phát-huy các từ-giới từ

Kiền-cực hay là Dương-cực và chứa tụ từ Khôn-cực hay là Âm cực. Như vậy tỏ rõ rằng : Dương thì Động có tính-cách phát-thi ra, và Âm thì tĩnh có tính-cách thâu-thập, hứng-tụ.

Tóm tắt về Định-luật trên : Bản-đồ hình vuông của Phục-Hi ở trên tỏ rõ các Từ-lực (Forces magnétiques) trên Từ-giới (champ magnétique) rất thích-hợp với cái Từ-giới của Trái Đất, của Thiên-Nhiên. Xét như vậy ta thấy Phục-Hi một vị Thánh đã cảm-thông được cả Vũ-Trụ, tóm-thâu các Định-luật của Thiên-nhiên mà bây giờ Khoa-Học mới có thể giải những hình giấu của ý-tưởng ra vậy. Ngài đã ghi chép bằng hình những cái cao-siêu huyền-diệu của Tạo-Hóa. Cả một Đạo-luật phi-thường của Dịch-lý hay Thiên-lý đã ghi trong những bản-đồ không lời đã làm rung-chuyển cả Đông-Phương trong vòng hàng 60 thế-kỷ. Hiện-thời vang dậy cả một Trời Âu nhiều Bác-Học Âu-châu, Mỹ-châu đã tận-tụy với Dịch-học nhưng chưa mang lại một ánh-sáng nào cả vậy.

Theo hình số XXXIII ta thấy Dương-năng-lực khởi từ Bắc-Cực, Kiền bắt đầu đi và theo các đường từ-lực ta thấy ở về phía trên (Bắc) thì khí-dương phát-huy từ ở trong và bong ra ngoài để tụ-tập ở Nam-Cực. Phía dưới thì Dương-Từ-lực phát từ ngoài toài vào trong để tụ-tập ở Nam-Cực.

Xét như vậy ta sẽ thấy hình các từ-lực-tuyến vẫn qui-định theo 2 Định-luật căn-bản của Thiên-lý mà tôi đã nêu lên ở trên.

Nhờ có sự ghi các quẻ hợp-thành bằng những con số của từng quẻ đơn một mà ta được những đồ-biểu trên đây, an-bày một giải-thích rõ ràng mà thích-hợp với Khoa-Học ngày nay vậy. Chú-giải trên đây là một kết-quả của sự tìm-kiếm cặm-cụi trong bao năm của tôi để tìm thấy một ánh-sáng chiếu được cái tăm-tối âm-u đã bao-phủ hàng 60 thế-kỷ cái tư-tưởng của Thánh-Nhân, ta thấy không những sự thật của những hình của Phục-Hi đã được giải ra một cách rõ ràng, cái năng-từ-lực đã thành số, sự biến-chuyển đã qui-tựu bằng những thông-lệ đơn-giản âm với dương. Tôi rất mong những chú-giải của tôi có thể làm rõ một đôi phần để các bạn cùng tôi đi tìm Chân-lý trong cái Thiên-lý huy-hoàng rực-rỡ nầy vậy.

II — Giải-thích về Định-luật thứ II.

Áp-dụng 8 quẻ Tiên-Thiên Bát-quái của Phục-Hi để giải-thích sự vận-chuyển của một Nguyên-tử vật-chất tối-hậu, để cho rõ sự hợp thành lực-tuyển của những năng-lực khác nhau từng đường Kính của Nguyên-tử ở trong mọi sự vật. Ta có một hình như dưới đây :

HÌNH SỐ XXXIV

Bắc-Cực : Dương-thực

Nam-Cực : Âm-hư. Hình Nguyên-tử vật-chất tối-hậu theo 8 quẻ.

Hình trên đây tỏ sự vận-chuyển mãnh-liệt của một Nguyên-tử ở trung-tâm-điểm trong những sự chà-trộn các trạng-thái hành-động của Nguyên-tử Hình vẽ phỏng theo C. W. Leadbeater trong quyển «les Centres de force de l'homme ».

III — Giải-thích về Định-luật thứ III.

Theo bản-thể của nó thì Nguyên-tử chỉ là sự phát-động của một năng-lực: Thần Thái-Dương. Thần Thái-Dương muốn cho một hình-thể mà ông C. W. Leadbeater gọi là Nguyên-tử vật-chất tối-hậu (atome physique ultime) và bởi cái quyền-năng linh-thiêng ấy cho nên có độ chừng 14.000 triệu «cái bong-bóng trong cõi Koilon ». Ta nên nhận xét kỹ rằng: những bong-bóng nhỏ tí đó dính nhau là chỉ ở cái ý muốn của Thần Thái-Dương. Nếu không có sự dính nhau ấy thì muôn loài trong cõi hữu-hình đều tiêu-tan cả. Biết rằng sự thật thì cõi đời này chỉ là một ảo-tưởng, và cũng theo phương-diện đó không kể những bong-bóng để tạo-thành Nguyên-tử, những bong-bóng đó chỉ là những lỗ trong cõi Koilon nghĩa là trong cái thể AEther thực của không-gian.

Nhờ ở cái Năng-lực vô cùng tận của Thái-Dương mà nó giữ luôn luôn được Nguyên-tử và nếu ta thử ngắm cái cách mà cái năng-lực

hành-động của nó thì ta thấy rằng cái Năng-lực đó không phải ở ngoài đến với Nguyên-tử, nhưng chính nó tự nó phát ra, hay là người ta có thể nói cái năng-lực đó ở Thượng-Đế xuống. Còn cái Năng-lực gọi là Sinh-thể cũng vậy, nó thẳm vào Nguyên-tử từ ở trong,

hợp với cái Năng-lực mà nó giữ những Nguyên-tử dính với nhau hơn là đeo vào nó một sự huy-động có căn-cứ ở ngoài đến như những năng-lực của Quang-tuyến Nhiệt-lực hay Điện-lực.

Khi mà cái sinh-lực phát ra ở trong tâm Nguyên-tử thì cái Sinh-lực làm lớn nó lên và cho nó cái quan-năng hấp-dẫn tuyệt-đối mà nó có thể hút liền vào với nó 6 Nguyên-tử khác mà nó an-bày một cách riêng-biệt hợp-thành một thể Nguyên-tử hạng dưới (sous atomique) Cái Sinh-lực Cầu (globule) ấy là một Vi-cầu nhỏ bé làm thành một Quang-điểm, hay là con « Dương-Xà » hay thể Dương trong thể dưỡng-khí hóa-học, nó còn là cái trung-tâm-cầu của chất Radium.

Những Vi-cầu nhỏ bé đó khác với những trái cầu khác mà người ta làm bay lên trên không trung bởi cái Quang-lực và cái Động-lực tuyệt-đối của nó, bởi sự huy-động cái Sinh-lực của nó bằng một cách hăng-hái và nhiệt-liệt. Có lẽ nó còn là những Quang-thể (vie ignée) mà bà Blavatsky thường nói trong quyển Doctrines Secrètes. Có đoạn nói rằng:

« Người dạy chúng ta rằng : mỗi một sự thay-đổi về Thể-chất, không kể cái đời sống của nhân-vật hay là những hiện-tượng hữu-hình, nảy ra bởi vài điều-kiện và sự thay-đổi trong những Tế-bào của

Thân-thể mà nó cho sự huy-động của đời người và ép buộc nó huy-động trong cái Thân-xác ấy. Đó là ở những bậc « Tạo-công » hay bọn « Phá-hoại » vô-hình mà người ta gọi một cách mờ-hồ là « Vi- trùng ». Người ta có thể ví những « Quang- thể » ấy và những Vi-trùng của Khoa-học giống như nhau. Như vậy thì không đúng. Những « Quang- thể » hợp-thành một tiểu phân-tử tối-cao và là phần- tử thứ bẩy trong cõi Vật-chất, đối với con người là cái Đời trong cõi Vũ-Trụ, tuy rằng chỉ ở trên cõi Vật-chất nầy thôi ».

Nếu cái Năng-lực để làm hoạt-động những Vi- cầu đó khác hẳn với Ánh-sáng, hình như nó cần dùng cái Ánh-sáng mới có thể phát động được. Nhưng dưới một bầu Trời tươi-sáng thì cái sinh-lực thay đổi luôn luôn, những Vi-cầu sinh ra rất mau chóng hằng-hà sa-sỗ và trái lại, dưới trời u-ám mây mù con số vi-cầu rút đi rất nhiều và thứ nhất về ban đêm thì chúng ta tưởng như là không có sự sinh-nở vi-cầu chút nào. Người ta có thể nói được là ban đêm chúng ta sống bằng những cái Sinh-lực đã làm từ ngày trước và hình như không bao giờ hết vậy.

Cái Vi-cầu đó một khi đã đủ sinh-lực thì cái thể của nguyên-tử hạng dưới không bị thay đổi hay mất mát đi đâu, duy chỉ khi nào nó bị sinh-vật hút nó đi thôi.

Nếu ta lấy cái hình vuông 64 quẻ của Phục-Hi thì ta thấy cũng như hình vẽ Nguyên-tử Vật-chất tối-hậu của C. W. Leadbeater sự phát-huy lực-tuyến là ở A và sự hút những lực-tuyến ấy là ở B. tức như Bắc-Cực là Kiền Dương phát động, rồi Nam-Cực có Khôn âm hút tụ-tập lực-tuyến.

HÌNH XXXV

Bắc-Cực

Nam-Cực

Hình Nguyên-tử vật-chất vẽ theo C. W. Leadbeater.

Đường xoáy chân vịt ở trung-tâm-điểm rất giống với đường xoáy-ốc của Thái-dương-hệ theo để đi đến sao Véga.

Hình vẽ trên đây là một Nguyên-tử vật-chất tối-hậu (Atome physique ultime) phỏng theo ông C.W. Leadbeater trong quyển Les Centres de force de l'homme để giải theo Tiên-thiên Bát-quái và 64 quẻ của Phục-Hi.

Vậy ta thử vẽ 64 quẻ đồ vuông theo hình trên thì rất rõ ràng. Cái trung-tâm của năng-lực tức là 8 quẻ xếp theo thứ-tự như dưới đây:

Theo hình XXVIII từ Kiền 11 đến 18, đến 28 (Đoài), 38 (Ly), 48 (Chấn), 58 (Tốn), 68 (Khảm), 78 (Cấn), rồi tụ lại ở Khôn (88). Đó là sự vận-chuyển của Dương ở vòng ngoài. Những đường nét lớn là đường Từ-lực của Dương quẻ Kiền phát-triển từ cung Kiền lên. 7 đường nhỏ là những đường của 7 quẻ ở trong lòng phát-triển ra theo độ-số của sự phát-huy từ dưới Bắc-cực phát-triển lên chung quanh và về tụ lại ở Nam-cực.

Nghiệm xét theo trên đây thì cái bản-đồ vuông của Phục-Hi tiêu-biểu những sự vận-chuyển vô-hình và thiêng-liêng của Thiên-lý mà mắt thường của ta không thể thấy được. Đó là Tượng của cõi hữu-hình, mà muôn vật đều nhờ ở sự vận-chuyển đó

mới có cái sinh-lực để sống, reo-rắc truyền đời nọ sang đời kia và có thể duy-trì cõi Sinh-tồn này. Tuy nhiên đức Phục-Hi là bậc Thánh-nhân ở vào đời Thượng-cổ nước Trung-hoa, mà ta có thể thấy trí óc của Ngài bày tỏ lần lần nhờ có Khoa-học và các nhà Bác-học khảo-cứu tường-tận rõ ràng ra vậy.

Xem như thế thì cái tinh-thần kim-cổ cũng đều cùng một sự sáng-suốt và theo những tài-liệu đó ta có thể nói được cách đây gần 7.000 năm ở cõi Á-Đông ta đã có cái Văn-minh tột-cực có thể: a- Tóm thâu được cả Vũ-trụ trong những Bản-đồ không lời. b- Chân tả cái Từ-lực và những đường Từ-lực của Thiên-lý. c- Tả sự vận-chuyển của Nguyên-tử. d- Cho ta biết sự vận-chuyển của cái Nguyên-tử thể-chất tối-hậu để hợp thành muôn vật.

Bốn điều kể trên đây tức là những định-lệ trong cõi Vô-hình hay cõi Tiên-thiên mà lúc đó thể-vật hữu-hình chưa thành vậy. Theo 3 điều ở dưới ta thấy rõ-ràng trong Bản-đồ vuông của Phục-Hi và tóm-tắt ta có thể nói là Bản-đồ ấy cho ta những lý-do của cõi vô-hình mà Thiên-lý đã ấn-định để thành cõi đời sau này mà ta có thể gọi là Hậu-thiên tức là lúc Trời Đất đã thành-lập.

HÌNH XXXVI

Nam-Cực

Bắc-Cực

Sự vận-chuyển của Âm Nguyên-tử.

Xem như vậy thì các bậc Tống Nho đã lạm-dụng cái Bản-đồ vuông của Phục-Hi mà nói là biểu-trương quả Đất ta ở như Thiệu-Tử đã nói ở trên, như Chu-Hy, như Hồ-Ngọc-Trai, như Trần-Tản-

41. Các bậc Hiền-triết trên đã đi quá cái ý muốn và cái lý-tưởng của Phục-Hi vậy!

HÌNH XXXVII

Nam-Cực

Bắc-Cực

Sự vận-chuyển của Dương Nguyên-tử.

Xem như những tượng-trưng triệt-để mà tôi đã giải ở trên thì ta thấy rõ bản-đồ ấy chỉ tả một Điện-lực và sự vận-hành của Nguyên-tử để đi làm thành vật thôi, tức là nó chỉ tượng-trưng những sự vật mà ta không thể thấy được, những sự vật có trước ta; có trước trái Đất ta ở, như vậy mới đúng cái ý-nghĩa Tiên-thiên.

Tôi không dám chỉ-trích các bậc Hiền-triết đời xưa nhưng theo những lý-do mà Khoa-học đã giải bày ra ánh-sáng thì không cứ gì tôi, Học-giả nào cũng muốn đi đến sự-thật thì cũng như tôi luận theo

những căn-nguyên chắc-chắn mà Khoa-học ngày nay đã mở rộng cho ta. Ví-dụ như trái Đất tròn chứ không phải vuông hay là trái Đất là một Hành-tinh xoay chung quanh mặt Trời một Định-tinh vậy. Nhưng có người sẽ lý-luận mà hỏi tôi rằng: Dịch nói dương động âm tĩnh thì sao trái Đất thuộc âm-thể mà lại xoay chung quanh mặt Trời được nếu là âm-thể thì ất phải yên-tĩnh vậy ?

— Đáp rằng: Trái Đất là một Hành-tinh, không tự-động được, nhưng nó có thể động được thuận theo một luật áp-dẫn của mặt Trời và nếu hỏi như vậy thì sao lại không hỏi là đàn-bà hay giống cái thuộc âm phải yên-tĩnh không đi được; trái lại : đàn-bà hay giống cái vẫn cử-động như thường

nhưng thuận theo đàn-ông hay giống đực. Giống cái tuy là âm mà vẫn có dương. Ta lấy một ví-dụ hiển nhiên về giống người thì sẽ rõ sự chuyển-vận của trái Đất là có và nó thuận theo mặt Trời. Và khoa Thiên-văn đã cho ta nhiều bằng cớ xác-thật là trái Đất tròn và trái Đất xoay chung quanh mặt Trời vậy. Nói ra đây những lý-do đó e dài quá, xin bạn đọc coi sách về Thiên-văn Âu-tây và Tinh- tú-học (cosmographie) thì rõ.

Xét cho kỹ tôi thấy bước đường tiến-bộ của Nhân-loại hiên-tại hơi chậm mà tóm lại sự tiến-triển của Văn-minh cũng chỉ theo một vòng luân-quản nay thịnh mai suy, nay bĩ mai thái.

Trong Triết-học Á-đông điều thứ nhất nói rằng: « Chuyện lạ thường không có, không có chuyện lạ, Cái gì cũng chỉ là sự tổng-kết của Luật- định ».

Sự phát-minh ở thế-kỷ này phải chăng là những sự mà Thánh-nhân đã hiểu-biết cách đây từ 6, 7 nghìn năm. Nói về hình-thức thì bao nhiêu công-trình tạo-tác vĩ-đại còn lại để cho ta bao nhiêu dấu hỏi mà chưa giải-quyết được. Như ở Đông- Dương ta có tòa Đền-thiên Đền-thích, bên Ai-Cập có những Kim-tự-tháp như Khéops mà trong đó tàng trữ bao nhiêu điều huyền-bí về Khoa-học mà các

nhà Bác-học đã thấy khắc trong đó.

Nói về tinh-thần tức là sự hiểu-biết trong cõi vô-vi thì bên Á-đông có những kinh Dịch, Định-kinh, kinh Phệ-đà tiêu-biểu một Văn-minh cùng-cực về tinh-thần bao-quát cả cõi Tiên-thiên và Hậu-thiên.

Bên trời Tây thì nào là Thánh-kinh, Tân-cựu-ước của đạo Gia-tô, kinh Coran của đạo Hồi trong đó bao-hàm cả một sáng-tác linh-thiêng của đấng Hóa-công từ hồi mới khai thiên lập địa đến ngày nay.

Xét như vậy chính ta là kẻ được an-hưởng một cái gia-tài quí-báu về tinh-thần mà ta hầu sao lãng. Ta thường nói «Con nhà hàng kẹo thì ghét đường mật», ta đã là nòi giống được hấp-thụ một Đạo-lý trong đó nêu lên một tinh-thần đến tột-cực, đến đời ta, ta có óc siêu về cái gì hiểm hơn, như nay ta thiên về cái Văn-minh vật-chất cơ-khí là một môn tiến-phát mãnh-liệt trong đời này vậy.

Tuy thế « giấy rách giữ lấy lề », « con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh », cho nên tuy cái tinh-thần mục nát đến đâu ta vẫn cố-gắng giữ được nết cũ thói xưa, giữ cho được bản gốc của mình hầu trở lại cái tinh-thần cao-siêu huyền-bí của ông cha ta để lại, thế nên những chuyện mà thế-giới cho là lạ, là phi-thường, chẳng qua cũng

chỉ là cái Lúc mà những sự phát-minh ấy phải tỏ rõ ra một cách thường-tình như sự sinh nở: người phải chín tháng mười ngày, gà phải ấp trứng 21 bữa. Đó là những luật-định của Thiên-lý mà các bậc thông-hiểu được Đạo ấy ắt sẽ hiểu-biết một cách rõ ràng mà những bậc Tiên-tri siêu-phàm Âu-Á đã lãnh-hội được, như bên Âu-châu có Nostradamus và bên ta có cụ Trạng-Trình.

Xét như vậy thì trong hai Đồ-bản một hình tròn và một hình vuông của Phục-Hi đã cho ta rõ: cái vòng tròn là biểu-trưng sự huy-động của Thiên-thể trong cõi vô-hình trước khi có trái Đất ta ở, và hình vuông cho ta hiểu đạo-luật của những cái Sinh-lực sơ-khai để có thể tạo nên cõi Sinh-tồn sau này, muôn vật đều bẩm-thụ cái sinh-linh-khí ấy mà tồn-tại thành cái Đời hữu-hình này vậy.

HÌNH SỐ XXXVIII

周易圖

圖生相圓方

CHÂU-DỊCH-ĐỒ Hình Vuông và Tròn Sinh nhau

SỰ BIẾN-CHUYỂN TỪ TIÊN-THIÊN BÁT-QUÁI SANG HẬU-THIÊN

(theo Hiền-Triết Cổ Trung-Hoa)

Trên tôi đã lấy những địa-vị hành-tinh trong Thái-Dương-Hệ, Từ-giới mà hai Cực Âm và Dương xa nhau (Từ-giới theo một cục đá nam-châm thẳng) và hai Cực gần nhau (Từ-giới của một vòng có chất Nam-châm). và sự vận-hành thiên-truyền các quẻ từ Tiên-Thiên sang Hậu-Thiên theo những nguyên-lý Khoa-học thường-thức về Thiên-văn và Từ-diện học ngày nay.

Bây giờ chúng ta lại trở lại sự giải-nghĩa của người xưa về sự vận-chuyên ấy.

Theo hình trên đây gọi là : Phương-Viên tương-sinh Đồ nghĩa là hình-vẽ sự tương-sinh của hai Đồ vuông và tròn theo Cổ Trung-Hoa Theo hình vuông bên tay phải lúc đầu thì cái hình vuông có một phần biến, sau thời kỳ thứ hai thì có một phần hình tròn ở trong tức là thời kỳ : Ngoài-loài vào trong, " rồi cái hình tròn nhỏ ấy lớn lần lên ở trong hình vuông xuất từ trong cái vuông ra là tròn tức là trong thời-kỳ : trong bong ra ngoài, sau thành tròn vậy.

HÌNH SỐ XXXIX

圖之退進卦八書圖

Đông-Nam Nam Tây-Nam

Tây Đông

Đông-Bắc Bắc Tây-Bắc

Đồ Thư Bát-quái tiến-thoái chỉ Đồ.

Theo hình lưỡi-liềm ở bên tay trái, tức là lúc đầu cái hình tròn có một phần biến, đến trạng-thái thứ hai cũng theo luật trên thì trong hình tròn đã có một phần vuông ở trong, sau khi cái Vuông lớn lên mà từ trong cái hình tròn xuất-ra để thành hình vuông cũng theo đạo-luật như trên vậy.

Xem như thế thì cái Vuông Tròn tương-sinh nhau, hóa-hợp để thành muôn vật mà hiện nay Khoa-học cũng không thể ra ngoài cái luật thu trong Hình-Đồ trên này.

Trên hình có cái vòng tròn điểm số từ 10 đến 90 tức là độ-số chia đường Hoàng-Đạo của Trái-Đất ra thành 360 độ. Đường Xích-Đạo của Trái-Đất trên đó các bậc Hiền-Triết đã ghi 24 tiết thuộc âm và dương trong một năm.

Theo hình trên đây ta thấy sự tiến-thoái của Hà-Đồ và Lạc-Thư.

Đồ-Thư biến-hóa vô-cùng vô-tận, từ cõi Tiên-Thiên vô-hình, sang cõi Hậu-Thiên hữu-hình và từ cõi hữu đến cõi vô, cứ như thế cái luật tuần-hoàn có có không không luân-chuyên nhau vô-cùng vô-tận mà muôn sự vật trên cõi Ta-Bà này không thể ra khỏi được Đồ-Thư.

Sự uyển-chuyển ngang-giọc, lên xuống, khi tiến khi lui làm một trận đồ liên-hoàn mà từ cái nguyên-tử

không-tưởng cho đến cả Vũ-Trụ vô-cùng vô-tận này đều thu cả vào trong đó.

Bản-đồ trên đây cho ta rõ sự tiến-thoái liên-lạc từ 8 quẻ Tiên-Thiên thành Hậu-Thiên.

Vậy tôi xin dịch ra đây những chữ chua trong bản-đồ để Học-giả thêm tài-liệu để dễ bề nghiên cứu.

a - Vòng 8 quẻ ở ngoài là Tiên-Thiên.

b - Vòng 8 quẻ ở trong là Hậu-Thiên.

— Hướng Nam : ngoài có quẻ Kiền ở hướng Nam trở vào trong là hướng Tây-Bắc có chua rằng : Quẻ Kiền phản chỗ sinh mình mà lui về hướng Tây-Bắc.

— Hướng Đông-Nam : ngoài có quẻ Đoài ở hướng Đông-Nam trở vào trong là hướng Tây, có chua rằng : Đoài là con gái út, có ít trách-nhiệm mà ngôi vị về bên Tả.

— Hướng Đông : ngoài có quẻ Ly ở hướng Đông, trở vào trong là hướng Nam, có chua rằng : Cấn là thiếu-nam, con nhỏ chưa phun thí được nên chưa được toàn-dụng.

— Hướng Tây : ngoài có quẻ Khảm ở hướng Tây trở vào trong là hướng Bắc có chua rằng : Dưới quẻ Khảm là hướng Đông (Đối hướng) được ngôi của Khôn.

Hướng Tây-Nam : ngoài có quẻ Tốn ở hướng Tây-Nam trở vào trong là hướng Đông-Nam có chua rằng : Tốn là Trưởng-nữ thì có chỗ làm, lui vào trong mà có chỗ tự làm vậy.

Trên đây là sự tiến thoái của 8 quẻ trong Tiên-Thiên thành quẻ Hậu-Thiên theo chư Nho đời xưa, tuy vậy cũng không cho ta một ánh-sáng nào khả-dĩ mở được sự khải-thông cho Hậu-học.

Với những sự vận-chuyển trên đây và những chú-giải của tôi theo Khoa-học Học-giả có thể thấu-triệt được cái cơ-vi của Đồ-Thư vậy.

LẠC-THƯ

Sau khi có sự phát-minh của Phục-Hi về Tiên-Thiên Bát-quái nhờ có Hà-Đồ thì cách chừng độ 2490 năm (tức là đời Phục-Hi bắt đầu từ 4480 và đời Vua Vố từ 1989 T. T. L. kỷ-nguyên) thì có sự chuyển-dịch cái tinh-thần phát-minh ấy.

Theo Cổ-thư viết rằng: Sau quan Tư-Nhạc tiến-cử ông Thuấn lên vua Nghiêu. Sau ông Thuấn được vua Nghiêu nhường ngôi cho làm Vua. Trong khi ở ngôi Trời làm thủy-lạo nước chảy mông-mênh, Vua-Thuấn sai ông Vố trị thủy được thành-công, ở ngôi được 61 năm rồi truyền cho ông Vố. Trong khi trị thủy ông Vố thấy con Rùa lớn nổi lên ở sông Lạc có mang cái hình 8 quẻ cho nên sau gọi là Lạc-Thư từ đó vậy.

Vua Vố là vua khai-sáng nhà Hạ từ năm 1989 đến 1559 T. T. L. kỷ-nguyên. Vua Vố là cháu 5 đời vua Hoàng-Đế, con ông Cồn, truyền ngôi 4 đời.

Theo Từ-Nguyên tự-điển thì Lạc-Thư là khi Đại-Vố trị-thủy có con Linh-Qui có vằn ở trên mai,

có 9 số vua Võ được toại lòng mà nhân đó xếp theo thành thứ-tự đề thành 9 Trù. Vằn ở trên là 9, ở dưới là 1, bên trái là 3, bên phải là 7, số 2, 4 ở 2 bên mi, số 6, 8 ở chân và số 5 ở giữa.

Cứ theo Hán-Thư lấy tinh-thần ngũ-hành mà nói, trong Châu-thư thiên đầu Hồng-Phạm nói đến ngũ-hành và sau nói có 55 Trù đều gốc ở cái văn-vẻ của Lạc-Thư ra. Chính-Thư diến-nghĩa Lưu-Hưởng thuyết nói 38 chữ làm bản Văn. Lưu-Hâm thuyết nói 20 chữ làm bản Văn. Cái thuyết của Hán Nho đều gọi là Lạc-Thư có Văn-tự mà không nói đến Đồ vẽ.

Trong « Đại-Đái-Lễ » chép ở Minh-Đường cổ-chế có những vằn 2-9-4-7-5-3-8-6-1. Cái phép của 9 cung này là cái Phương-kỹ mà Hậu-thế noi-theo lại có sự phụ-hội đề làm ra Lạc-Thư. Sau Hậu Nho theo thuyết ấy vậy.

Xét như trên thì sự hiền-hiện của con Linh-Qui phụ-đồ ở trên sông Lạc có lẽ là một Dã-sử như truyên đức Lê-Lợi được gươm báu ở Hồ Gươm (Thăng-Long). Nhưng dù sao nó cũng cho ta nhiều lý-tưởng rất sâu-xa và mầu-nhiệm, cho rằng sự thật có hay không đó là nhờ ở những tài-liệu chắc-chắn của Lịch-sử về đời Chiến quốc Trung Hoa do đức Khổng-tử viết trong kinh Xuân-Thu có đoạn nói rằng :

« Hà-dĩ thông Kiền xuất Thiên, Bao Lạc dĩ lưu Khôn thổ Địa. Phù Hà Long-Đồ phát, Lạc-Qui thư cẩm. Hà-Đồ hữu cửu thiên, Lạc-Thư hữu lục thiên Hiên-Viên chi thời mạt hữu thử sự.

(Xin coi nghĩa trương số 39).

Đó là một Sử-liệu quí-báu mà đức Phu-Tử đã ghi chép. Ta có thể tin được là nhờ ở cái Đúc-độ của Phu-tử. Lịch-Sử của Hà-Đồ và Lạc-Thư chỉ là để tô-điểm thêm cho cái thiêng-liêng càng mầu-nhiệm, chứ thật ra cái Áo-diệu, cái đức cái tài biểu-trương của nó phải có một Lý-luận hợp theo Thiên-lý. Hóa cho nên Dịch-lý cũng như một khoa Toán-pháp phát minh ra bởi những nguyên-nhân cần phải hợp-lý, vững-chắc làm nền-tảng cho cả một môn-học thì môn-học đó mới có thể vững-vàng được cho nên cái gốc của Đạo-Dịch là ở Hà-Đồ và Lạc-Thư. Đạo-Dịch còn duy-'rị vững-chắc được là nhờ ở những Nguyên-tắc của nó. Cho nên những cái lý-thuyết của Hà-Đồ và Lạc-Thư phải có một Nguyên-Lý rất vững-chắc do Thiên-Lý mà ra vậy.

Vì lẽ ấy tôi đã giải-thích Hà-Đồ ở trên theo tài liệu Khoa-học toán-pháp và Nguyên-tử tiếp theo đây tôi giải-nghĩa Hình-Đồ của Lạc-Thư.

— Trên lưng có số 9, dưới bụng có số 1, bên trái có số 3, bên phải có số 7, 2 và 4 ở trên vai — số 6 và 8 ở chân. Giữa có số 5.

Hậu-Thiên tức là lúc đã khai Thiên lập Địa rồi. Từ cõi Tiên-Thiên đến cõi Hậu-Thiên có cuộc Đại-Hóa của Vũ-Trụ, cho nên theo Thiệu-Khang-Tiết một nhà tượng-số-học trứ-danh đời Tống cho rằng: Trong một Nguyên thì có lúc trưởng lúc tiêu, từ Tí đến Tỵ là Trưởng, từ Ngọ đến Hợi là Tiêu. Mỗi một Nguyên là 129.000 năm có 12 Hội; mỗi một Hội là 10.800 năm có 30 Vận; mỗi một Vận là 360 năm có 12 Thế; mỗi một Thế là 30 năm. Vậy một Nguyên là có cả thảy 12 Hội, 360 Vận hay 4320 Thế.

Trong cuộc Đại-Hóa của Vũ-Trụ thì một Nguyên cũng như một năm vậy. Nguyên có 12 Hội và mỗi Hội đứng vào một Quẻ.

Như quẻ Phục quản Hội Tí quẻ Cấu quản Hội Ngọ

— Lâm — Sửu — Độn — Mùi

— Thái — Dần — Bĩ — Thân

— Đại-tráng — Mão — Quán — Dậu

— Quải — Thìn — Bác — Tuất

— Kiền — Tỵ — Khôn — Hợi

Xem Tượng của những Quẻ ấy thì từ hội Tí đến hội Tỵ là Dương trưởng Âm tiêu. Từ hội

Ngọ đến hội Hợi thì Âm trưởng Dương tiêu. Cứ cái tượng ấy tính theo lẽ Dương trưởng kể từ Trời mở ra ở hội Tí, Đất thành ra ở hội Sửu, người sinh ra ở hội Dần mà tính thuộc hào Cửu - Ngũ quẻ Kiền tức là lúc Dương cực thịnh. Vấy đời Vua Nghiêu vua Thuấn là đời cực-thịnh. Hết hội Tỵ qua sang hội Ngọ là khởi đầu theo lẽ Dương tiêu Âm trưởng rồi dần dần đến hội Tuất là hội Bế-Vật nghĩa là đến hội ấy loài-vật không sinh nữa. Đến hội Hợi thì Trời-Đất và nhân-vật tiêu ma đi hết. Vì rằng phàm vật gì có hình, có khí là có ngày phải tiêu tan đi. Song cái nọ mất đi thì cái khác sinh ra. Vậy hết cuộc Trời-Đất này lại sinh cuộc Trời Đất khác. Trong Vũ-Trụ vận-chuyển thay-đổi như thế không lúc nào nghỉ.

Xét như vậy sau cõi Tiên-Thiên thì có cõi Hậu-Thiên lập-thành và một khi có cõi hữu-hình đã hiển-hiện thì Thời-gian phải có sự phân chia, đặt tên và thành tiếng gọi.

Và khi cái đơn-nhất đã thành bắt đầu huy-động để tạo-thành cõi Vũ-Trụ này thì theo Huyền-bí-học chỉ có một Vật-liệu trong Tạo-hóa mà cái nguyên-nhân của nó thuộc về cõi Thần-linh. Những « Bảy Vật-liệu » mà người ta tưởng-tượng, mà năm Thể đã hiển-hiện và công-nhận bởi sự hiện-tại của nó, chỉ là

cái vỏ, cái màn che của thần-linh, cái Nguyên-chất mà người ta ở đó mà ra, người ta coi nó theo phương- diện thể-chất, tâm-lý, tinh-thần và thần-linh. Trong đời Trung-Cổ người ta chỉ nói đến 4 thể mà trong khoa Triết-Học công-nhận có 5. Cái thể AEther chưa hoàn-toàn hiển-hiện và cái Nguyên-hình còn là « Dương AEther toàn-năng » là sự hợp-thành những thể khác.

Bốn thể ấy đã biểu-thị rõ ràng khi mà Ông Platon nói rằng: « nó là những thể làm hợp-tụ và cha-tan các thể Kép » Những nguyên-nhân

vô-thể buộc vào bốn đại-loại trong cối Thiên-thể của Chúng ta.

Như vậy ta thấy sự hợp và tan của Thể-chất trên đời này đều do ở cái lý Ngũ-hành kết-hợp hay xung-khắc tan-dứa vậy. Như thế tức là Tạo-Hóa đã thành-lập những cụ-thể để làm thành Vật-chất mà ta thấy rõ-ràng ở trên cối hữu-hình này, 5 đại- loại là: Kim, Mộc Thủy Hỏa, Thổ do ở sự hợp- thành của 5 thể đó mà tạo thành ra vậy.

Vũ-Trụ tạo-lập và chỉ-dẫn từ trong ra ngoài, theo một định-lý như cái Nguyên-tử vật-chất tối-hậu vẽ ở trên, thì dưới cũng như trên, dưới hạ-giới trên mặt Đất, cũng như ở trên Trời và con người ta tức là Tiểu-Thiên-Địa hay là cái tượng-hình thu nhỏ lại

của cái Đại Thiên-Địa, là một chứng-minh sống của Đạo-luật trong hoàn-vũ (Xem quyển Đại-Đồng thuyết) Hóa cho nên người ta có hai thề. thỀ vô-hình tức là Hồn Vía Phách và thể hữu-hình tức là Thân Xác.

Cái thể-chất là vô-cùng-tận nó là cái nền-tảng của vật-chất mà cái tinh-thần toàn-thề dùng để tạo-thành trên cái vật-chất ấy những lý-tưởng của nó.

Vì vậy những nhà Huyền-bí học nhất-định giữ cái Lý là không có thề-chất và cơ-thê hay là Tử-thề trong Tạo-Hóa. Paracelse nói rằng : « Cái gị cũng có thể sống cả, và vì vậy cõi đời hình như là một bộ máy sống »

Mà trong bản chú-thích theo Á-Đông nói rằng : Cái thể - chất là gấp bảy lần trong cõi đời của ta cũng như ở ngoài cõi đời và mỗi một nguyên-thề có bảy bậc có năng-lực khác nhau... Đến như trong khoáng-vật cái tia-sáng của Vũ-Trụ hình như trì-hoãn và rồi nó lại bay phớt qua vì cái Dương thức-tnh cái Âm.

Tức là nói 7 thề như ngũ hành ở trên cõi hữu-hình này còn 2 thề nữa chưa rõ, hay là 2 thể vô-hình về tinh-thần ảo-diệu hay là sinh-linh-khí của đấng Thượng-Đế ban xuống cho người ta những thề-chất cấu-hợp bởi năm thề kể trên mà đến Khoa-học ngày nay cũng công-nhận như vậy.

Theo Chu-Liêm-Khê nói : «Ngũ-hành hợp lại làm một là Âm-Dương, Âm-Dương hợp lại làm một là Thái-cực ; Thái-cực vốn là Vô-cực. Ngũ-hành sinh ra thì mỗi hành có một Tính».

Xem như vậy thì Hậu-thiên tỏ rõ sự tạo-lập Trời Đất đã thành ; sự tạo-lập nhân-vật đã thành. Từ cõi Tiên-thiên đến cõi Hậu-thiên, tức là từ cõi Vô-hình đến cõi Hữu-hình là nhờ ở sự phát-minh ra Ngũ-hành vậy. Ngũ-hành là 5 nguyên-thể chính để tạo thành hình-ảnh nhân-vật. Cho nên số 5 thể ấy là số nhất-định của cõi hữu-hình này vậy. Vì lẽ ấy tôi có thể lấy số 5 làm đơn-vị của một kiếp ở trên cõi hữu-hình. Vậy trước khi giải-thích Lạc-thư và Hậu-thiên Bát-quái, tôi xin nêu lên đây những Định-lý chắc chắn trước đã.

Định-lý :

I– Số 5 là một đơn-vị trong sự di-dịch của thể-chất cõi Sinh-tồn này.

II– Các thể-chất trên cõi hữu-hình đều là do ở một số «Ngũ-đơn-vị» ấy tạo-thành.

III– Mỗi một «Ngũ-đơn-vị» tượng-trưng một cõi mà thể-chất ấy đã qua.

Theo 3 Định-lý trên mà ta lấy thể Ngũ-đơn-vị mà đi nghĩa là mỗi một con số hợp một lần Ngũ đơn-vị tức là con số đó đã trải qua một Cõi. Ví-dụ như số 6 tức là số $5 + 1$.

Theo giải-thích trên và lấy 3 Định-lý trên làm căn-bản thì số 6 trong Lạc-thư về Hậu-thiên tức là quẻ số 1 của Hà-đồ về Tiên-thiên, tức là quẻ số 1 ấy đã trải qua một cõi như Tiên-thiên đến

Hậu-thiên. Và nếu lấy những số khác mà xét thì số 7 tức là $5 + 2$ là số 2 ở cối Tiên-thiên, số 8 tức là $6 + 2$ là số 3 ở cối Tiên-thiên, số 9 tức là $5 + 4$ là số 4 cối Tiên-thiên. Lấy những sự giải- thích trên đây mà vẽ theo cối Tiên-thiên, thì mỗi một số vẽ hai lần O, chúng ta sẽ có một hình vẽ dưới đây:

HÌNH XXXX

A Tý NAM Ngọ Mùi

ĐÔNG- NAM Thìn TÂN- NAM Thân

ĐÔNG Mão TÂY Dậu

ĐÔNG- BẮC Dần TÂY- BẮC Tuất

Sửu Tý Hợi B BẮC

Hình biến-chuyển để giải sự dồi ngôi-vị 8 quẻ Tiên-thiên thành 8 quẻ ở Hậu-thiên.

Ngũ-hành an vị và 12 Chi theo Địa-bàn ta thấy rõ : Dần - Mão thuộc Mộc, Tỵ - Ngọ thuộc Hỏa, Thân - Dậu thuộc Kim, Hợi - Tý thuộc Thủy, còn Thìn - Tuất - Sửu - Mùi gọi là Tứ-quí thuộc Thổ.

Ta thấy rằng số 1 hiện ở Hậu-thiên (phía dưới) thì ở bên phải lại có hình số 1 ở Tiên-thiên. Ở đây tôi lấy hai hình vẽ :

1- o Hình đơn biểu-trương số ở Hậu-thiên nghĩa là con số tượng vật hữu-hình.

2- ⊙ Hình kép biểu-trương số ở Tiên-thiên nghĩa là con số tượng vật vô-hình.

Như vậy theo hình trên đây có :

Theo từ phải sang trái thì :

Số 1 kép đến số 1 đơn.— Số 1 kép là tượng-trưng cái linh-hồn, cái tinh-thần của số 1 đơn, tức là con số 1 đã thành ở Hậu-thiên, ta có thể viết theo đây :

Số 1 { Hồn : ⊙ (thể trong Tiên-thiên, tinh-thần)
Xác : *o* (thể trong Hậu-thiên, thể-chất)

Số 1 tức là số đầu các con số và là thể Dương theo Tiên-thiên là quẻ Kiền, số 1 là Thái-dương.

Số 3 $\begin{cases} \text{Hồn : } \odot \ \odot \ \odot \text{ tinh-thần} \\ \text{Xác : } o\ o\ o \text{ thể-chất.} \end{cases}$

Số 3 tức là số của Thiếu-dương. Số 2 $\begin{cases} \text{Hồn : } \triangle\ \triangle \text{ tinh-thần} \\ \text{Xác : o o thể-chất.} \end{cases}$

Trên tôi đã nói số 1 là số của quẻ Kiền và theo Hệ-từ truyện nói rằng : Thiên nhất, Địa nhị... nghĩa là Trời số 1, Đất số 2..., trên đã lấy số 1 là số quẻ Kiền theo thể-chất thì số 2 đơn được là số của Đất mà quẻ tượng Đất là quẻ Khôn. Theo Đồ-hình Tứ-tượng thì số 2 tượng Thái-âm.

Số 4 $\begin{cases} \text{Hồn : } \triangle\ \triangle\ \triangle\ \triangle \text{ tinh-thần} \\ \text{Xác : o o o o thể-chất.} \end{cases}$

Số 4 theo đồ Tứ-tượng là số của Thiếu-âm và số giữa là số 5 thì số 5 là số tượng tinh-thần ở cõi Tiên-thiên và số 5 + 5 là số 10 là tượng trong cõi thể-chất, cái dương 1 hòa với cái âm 0 thành thể-chất, huy-động bằng một tinh-thần quy-kết tượng bằng số 5. Vậy ở giữa là chỗ âm-dương kết-tụ thành cõi hữu-hình và theo hình trên còn nhuần-thấm một tinh-thần của Trời Đất nữa vậy.

Theo như trên đã giải-thích thì ta có :

Tứ-tượng $\begin{cases} 1 \text{ là Thái-dương.} \\ 2 \text{ — Thái-âm.} \\ 3 \text{ — Thiếu-dương.} \\ 4 \text{ — Thiếu-âm.} \end{cases}$

Tứ-tượng hợp lại thành Lưỡng-nghi, vẫn theo hình trên ta có từ hướng Tây-Bắc sang Đông-Nam, từ số 1 đến số 3 liền nhau tượng-trưng một nửa hình tượng Dương nghi và từ số 2 đến số 4 tức là từ Tây-Nam sang Đông-Nam là số của Âm-nghi.

Theo đường kính A B, phân đồ-hình làm Lưỡng-nghi rõ ràng vậy.

Nếu cộng các số của Dương-nghi ta có: $1 + 3 = 4$
và Âm-nghi

ta có: $2 + 4 = 6$
Tổng-cộng là: 10

Như vậy ta được con số 10 tượng-trưng 1 là Dương và 0 là Âm. Lấy số 10 làm tượng-trưng Âm-Dương giao-hòa nhau rõ ràng như vậy tức là tượng Thái-cực trong cõi hữu-hình này.

Con số 10 là một số rất linh-thiêng. Số 1 là số tượng một gạch thẳng | tượng giống đực và số 0 là một vòng tròn tượng Âm giống cái. Đó là nói về hình-thức giống Đực và giống Cái của muôn loài.

Theo bà Blavatsky thì số 10 còn là tượng-trưng của cả Tạo-hóa, của cả cõi Sinh-tồn. Theo kinh Dzyan, Thi-tiết IV. Tiết 4 nói rằng: «Ấy là
“ con số 10 hay là Tạo-hóa, người Mẹ (Âm) mà
“ cả Vũ-trụ ở đó mà ra, con số 0 huyền-bí, hay

“ là con số 0 hợp với con số 1 tăng bội lên, sinh- “ sản ra không bao giờ thôi».

Chỉ ở cái hình tròn O, con số 1 ở đó mà ra hay Đực ở trong Cái mà ra trong hồi bán Âm bán Dương. Có người nói rằng: «Vì ở trong bản-thảo của kinh Ấn-độ về thời Thượng-cổ không có vết-tích những con số ấy», tỏ rõ rằng người Á-châu không biết «Thập-tiến ký-hiệu» (notation décimale).

Ta có thể trả nhời rằng: «Nói về công-khai, công-truyền thì không có một bằng-chứng gì cho chúng ta hay, Pythagore sống về thời xưa (688 T.T.L.) biết «Thập-tiến ký-hiệu», nhưng chúng ta có nhiều bằng-cớ để giải rõ ràng, ta theo một bảng số hoàn-toàn mà Boethius cho ra các môn-đồ Pythagore đều đã biết trước khi dựng thành Alexandrie (332 T.T.L.). Chúng ta còn nhiều nguyên- nhân nữa và biết rằng: Nhân-loại trong thời-kỳ tối cổ cũng đã phải dùng môn Thập-tiến, vì trong các môn Thiên-văn và Kỷ-hà-học bằng tiếng rất bí-mật và rất tôn-nghiêm đều lấy căn-bản ở con số 10, hay là sự hòa-hợp của những nguyên-nhân đực và cái. Các Kim-tự-tháp Ai-cập như Khéops dựng lên theo sự đo-lường của Thập-tiến ký-hiệu, hay là theo những con số có sự hòa-hợp với con số 0».

Xem như vậy thì con số 10 là con số tượng-

trưng sự giao-hợp của âm-dương đê thành muôn sự vật. Hóa cho nên những số đối nhau trong Lạc-thư cộng lại đều là số 15 tức là $10 + 5$ ta có thể nói rằng sự giao-hợp của ngũ-hành 5 với dương 1 và âm 0 đê thành vật hữu-hình. Đó là một luật-định chung thiêng-liêng cho cõi hữu-hình mà muôn vật trong Vũ-trụ đều phải có, do đó ta có thể ấn-định một Định-lý cần-yếu như sau này đối với các cõi Hậu-thiên :

«Lạc-thư là một Bản-đồ tượng-trưng cho cõi Hậu-thiên tức là tượng-trưng muôn vật có hồn có xác».

Phàm vật gì trong trời-đất cũng đều có hồn có xác, thân-xác thì thuộc ngũ-hành hợp-thành và Âm Dương giao-hợp thành Sinh-linh-khí ở trong mọi vật duy-trì cái tinh-anh mà cái Sinh-khí thì ở trong cõi Vô-hinh vậy.

Theo nguyên-tắc trên rất cao-siêu và trọng-đại hợp với Thiên-lý, tôi đã ấn-định ngôi và hướng của quẻ Kiền ở số 6 về hướng Tây-bắc và quẻ Khôn ở số 2 theo hướng Tây-nam. Lấy hai quẻ thuần-âm và thuần-dương làm căn-bản cho 8 quẻ và do ở chỗ đã định đoạt được ngôi-hướng của hai quẻ trên bằng những giải-thuyết di-động từ Tiên-thiên đến Hậu-thiên. Nhờ cái lẽ dĩ-nhiên của Thiên-lý và sự đổi

hướng của hai quẻ Kiền Khôn ấy, tôi lấy theo đó làm căn-bản đề thuyết-minh những ngôi 6 quẻ khác theo Hậu-thiên Bát-quái của Văn-Vương dưới đây.

HÌNH XXXXI



坤 艮 坎 巽 震 離 兌 乾

陰 陽 陰 陽 陰 陽 陰 陽

太極

太極

太極

八卦 四象 兩儀

卦 四 十 六 為 之 列 橫

Một Âm một Dương gọi là Đạo

HÌNH XXXXII

序 次 卦 八 王 文

母 坤 父 乾

兌 艮 坎 離 巽 震

兌少女 離中女 巽長女 艮少男 坎中男 震長男

兌 離 巽 艮 坎 震

得坤上交 得坤中交 得坤初交 得乾上交 得乾中交 得乾初交

Thứ-tự 8 quẻ của Văn-Vương

VĂN-VƯƠNG BÁT-QUÁI THỨ-TỰ

Tiết 1 <!– TODO: Check chữ mờ –> 右見說卦º邵子曰:此文王八卦乃八用之位,後天之學也。

o DỊCH ÂM: Hữu kiến thuyết quái, Thiệu-Tử viết: Thử Văn-Vương Bát-quái nãi nhập dụng chi vị, Hậu-thiên chỉ học dã.

o DỊCH NGHĨA: Bên hữu thuyết-minh các quẻ, Thiệu-Tử nói rằng : Đây bắt đầu dùng ngôi vị của Văn-Vương Bát-quái tức là học về Hậu-thiên vậy.

VĂN-VƯƠNG BÁT-QUÁI THỨ-TỰ

Khôn : mẹ Kiền : Cha

Đoài Ly Tốn Cấn Khảm Chấn

Thiếu-Nữ Trung-Nữ Trưởng-Nữ Thiếu-Nam Trung-Nam Trưởng-Nam

Được Được Được Được Được Được

Khôn Khôn Khôn Kiền Kiền Kiền

Thượng-hào Trung-hào Sơ-hào Thượng-hào Trung-hào Sơ-hào

Chu-Tử nói rằng : Kiền cầu ở Khôn mà được Nữ, cầu 1 lần được Tốn, hai lần được Ly, ba lần được Đoài, đây là gốc Dương ở Âm.

Khôn cầu ở Kiền mà được Nam, cầu một lần được Chấn, hai lần được Khảm, ba lần được Cấn ; đây là gốc Âm ở Dương.

HÌNH XXXXIII

圖甲納卦八天後

Văn-Vương Bát-quái nạp Giáp-Đồ.

Trên đây là Văn-Vương Bát-quái.

Ly ở hướng Nam, Khảm Bắc, Chấn Đông, Đoài Tây, Kiền Tây-bắc, Khôn Tây-nam, Cấn Đông-bắc, Tốn Đông-nam.

Đó là cái học Hậu-thiên.

Căn-cứ ở thuyết của Thiệu-Tử : Tiên-thiên là Dịch vạch ra của Phục-Hi. Hậu-thiên là Dịch diễn-giải ra của Văn-Vương.

Phụ-lục.— Thiệu-Tử nói rằng : Hay thay ! Sự làm Dịch của Văn-Vương, được cái Dụng của Trời Đất nên Kiền Khôn giao nhau mà làm ra quẻ Thái, Khảm Ly giao nhau mà làm ra quẻ Ký-tế. Đây là nói cái ý Văn-Vương thay đổi Dịch, Quái và Đồ của Phục-Hi.

Kiền (dương) sinh ở Tý (Khảm)

Khôn (âm) sinh ở Ngọ (Ly)

Khảm (mặt Trăng) hết ở Dần (Cấn : Dần)

Ly (mặt Trời) hết ở Thân (Khôn : Thân)

để ứng với thời-gian của Trời vậy.

Để Kiền ở Tây-bắc, lui Khôn lại Tây-nam (cha mẹ đã già lui về chỗ đất không dùng), con trai trưởng (Chấn) dùng làm việc (phát sinh ở Đông phương) mà trưởng-nữ (Tốn) thay mẹ (nuôi lớn ở Đông-nam) Khảm Ly được ngôi (Ly được ngôi

Kiền, Khảm được ngôi Khôn), mà Đoài Cấn ở hai khe để ứng với hướng của Đất.

Cái phép của Vương-đạo ở trong đó vậy.

Lại nói rằng : Chấn Đoài đi ngang (Tung) mà quẻ đi giọc (Hoành) là cái Dụng của Dịch.

Họ Hạng nói rằng : Thứ-tự của Hậu-thiên là lấy ngũ-hành của bốn mùa. Chấn Tốn 2 mộc chủ mùa Xuân, Đoài Kiền 2 kim chủ mùa Thu, Ly hỏa chủ mùa Hạ, Khảm thủy chủ mùa Đông. Thổ vượng ở tứ-quý, cho nên Khôn thổ ở chỗ Hạ giao Thu : Tây-nam. Cấn thổ tại nơi Đông giao Xuân : Đông-bắc. Khôn âm thổ nên ở âm-địa, Cấn dương thổ nên ở dương-lạ (Đông-bắc là hướng dương, Tây-nam là âm hướng). Chấn dương mộc nên là chính Đông. Tốn âm mộc nên gần Nam mà tiếp với âm. Đoài âm kim nên ở chính Tây ; Kiền dương

kim nên ở gần Bắc mà tiếp với dương.

Thuyết-quái-truyện nói : « Đế xuất hồ Chấn » là Chấn rõ ràng đẹp-đẽ tự-nhiên vậy.

Tây-sơn họ Sái nói rằng : Phục-Hi Bát-quái là số tự-nhiên, Văn-Vương Bát-quái là thấy ở cái Dụng, hoặc gọi Tiên-thiên là tượng Trời Đất tự-nhiên thống-quản Thiên-lý. Hậu-thiên tức là chỉnh-đốn cái lý đương-nhiên của Trời-Đất, tham-bác cả

Nhân-sự. Cái ý ấy thật hay nhưng Tiên-thiên không phải bắt đầu ở Nhân-sự mà Hậu-thiên làm tỏ sự tự-nhiên của Thiên-lý.

Cái Minh-thể và Chí-dụng thì không giống nhau, hai cái đó không thể không cùng được.

Họ Hồ nói rằng : Tiên-thiên Bát-quái, quẻ Kiền, Đoài sinh ở số $4-9$ của Lão-dương. Ly Chấn sinh ở số $3-8$ của Thiếu-âm. Tốn Khảm sinh ở số $2-7$ của Thiếu-dương. Cấn Khôn sinh ở số $1-6$ của Lão-âm. Những quẻ đó thường cũng ở ngôi và số với Lạc-thư hợp với Hậu-thiên Bát-quái : Khảm $1-6$ thủy, Ly $2-7$ hỏa, Chấn Tốn $3-8$, mộc, Kiền Đoài $4-9$ kim. Những quẻ này cũng thường cùng với ngôi và số của Hà-đồ, sở-dĩ Đồ-Thư hợp nhau cùng làm kinh-vỹ mà Tiên Hậu-thiên cũng có sự huyền-diệu để cùng làm biểu-lý (trong ngoài) với nhau vậy.

Ta thường hợp cái Dịch của Tiên Hậu-thiên để tham-bác Đồ-Thư. Lúc khởi đầu thì Phục-Hi chỉ căn-cứ vào Hà-đồ mà làm Dịch vị-tất đã dự kiến có Lạc-thư. Văn-Vương chỉ căn-cứ vào Tiên-thiên Bát-quái để làm ra Hậu-thiên Bát-quái vị-tất đã kiếm tìm tham-khảo ở Hà-đồ mà phương-vị đã thành tự-nhiên tương phù-hợp mà thấy ở giữa Trời Đất những số tự-nhiên của Hà-Lạc. Chỗ làm theo

tâm-ý của Thánh-nhân tự có sự bất-kỳ mà hợp nhau. Cái lý trên đây ắt giống nhau vậy.

∴

HÌNH XXXXIV

文王八卦方位

Văn-Vương Bát-quái phương-vị

o LỜI BÀN: Tiên-thiên Bát-quái của Phục-Hi đã lập ra do một căn-bản chắc-chắn theo Thiên-lý mà tôi đã giải ở trên. Sau vua Văn-Vương lập ra 8 quẻ làm thành Hậu-thiên Bát-quái dựa vào Tiên-thiên Bát-quái và để tả những phương-vị Lạc-thư.

Theo Tiên-thiên Bát-quái thì những quẻ:

Kiền - Đoài - Ly - Chấn thuộc về quẻ Dương.

Tốn - Khảm - Cấn - Khôn thuộc về quẻ Âm.

Mà đối với Hậu-thiên Bát-quái thì:

Kiền - Khảm - Cấn - Chấn thuộc về quẻ Dương.

Tốn - Ly - Khôn - Đoài thuộc về quẻ Âm.

So-sánh các thể ở Tiên-thiên và Hậu-thiên ta thấy:

1- Quẻ Khảm Cấn ở Tiên-thiên thì thuộc Âm mà ở Hậu-thiên thì thuộc Dương.

2- Quẻ Ly Đoài ở Tiên-thiên thì thuộc Dương mà ở Hậu-thiên thì thuộc Âm.

Thế là nghĩa làm sao?

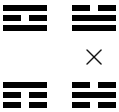
— Đó là chỗ trước nhất mà ta phải giải-quyết cho rõ ràng, là chỗ cần-yếu nhất của sự biến-đổi Tiên-thiên sang Hậu-thiên vậy.

Lấy hình 8 quẻ của Phục-Hi ra mà xét thì ta thấy trong:

1- Dương-nghi thì một đầu là quẻ Chấn ☳ tức là một Dương mới sinh, một đầu là quẻ Kiền ☰ tức là quẻ thuần-dương. Còn ở giữa có hai quẻ Ly và Đoài.

2- Âm-nghi thì một đầu là quẻ Tốn ☴ là một âm mới sinh, một đầu là quẻ Khôn ☷ tức là quẻ thuần-âm. Còn ở giữa có hai quẻ Cấn Khảm.

Vậy thì 4 quẻ ở giữa: Ly Đoài ở Dương-nghi và Cấn Khảm ở Âm-nghi trong cõi Tiên-thiên vậy.

Ly Đoài  Dương-nghi } Theo hình Nguyên-tử thể-thất tối-hậu thì có sự huy-động từ trong ra ngoài mà thành sự vật.

Cấn Khảm } Âm - nghi }

Theo điển-lý thì cái chiều của Từ-lực ở trong đi từ Nam sang Bắc và phát-huy ra ngoài, ở ngoài cái chiều từ-lực đi ngược lại từ Bắc qua Nam. Và theo hai định-lý căn-bản ở trên tôi đã giải thì sự huy-động nguyên-tử âm dương không ra ngoài những luật-định của Thiên-lý. (Xem hình XXXIII ở trang 297) của Từ-giới theo sự an-bày của 64 quẻ thì ta cũng thấy phía Nam ở trên, khi mà Dương xuất

động ra đi ở trong rồi ra ngoài mà tụ lại ở Nam-cực và ở phía Bắc ở dưới khi mà Dương xuất động ra đi ở ngoài rồi vào trong mà tụ lại ở Nam-cực. Vì những lẽ: Trong bong ra ngoài, ngoài toài vào trong trên đây mà 4 quẻ biến đổi vậy.

Ly và Đoài thành quẻ Âm ở Hậu-thiên.

Cấn và Khảm thành quẻ Dương ở Hậu-thiên.

Như thế rất hợp với những Định-lý mà tôi đã nêu lên trên kia và thứ nhất với Khoa-học và Thiên-lý.

Có người lại hỏi rằng: Nếu những quẻ ở giữa thay đổi sao còn quẻ Tốn và Chấn không đổi là nghĩa làm sao?

— Quẻ Chấn là quẻ bắt đầu Dương sinh và quẻ Tốn là quẻ bắt đầu Âm sinh. Cái Âm và Dương mới sinh thì còn nhỏ. Phàm sự vật hữu hay vô-hình lúc còn sơ-khai hết sức nhỏ bé thì cũng như nhau trong cõi hữu hay vô-hình; cũng bởi sự sinh của những Nguyên-tử nhỏ bé hết sức mà ra, cho nên hai quẻ tượng lúc sơ-sinh của Âm và Dương ở trong cõi Tiên-thiện rồi đến Hậu-thiên không có gì thay-đổi mà còn giữ nguyên tính-cách của nó. Theo về Hậu-thiên thì quẻ Chấn

vẫn là quẻ Dương biểu-tượng sự huy-động của cái Dương mới phát sinh và quẻ Tốn vẫn là quẻ Âm biểu-tượng sự yên-

tã của Âm mới-sinh ra. Phàm sự vật lúc sơ-khởi không bị những ảnh-hưởng ở ngoài lung-lạc nên mới giữ được trọn-vẹn thể-tài và tánh-cách của nó vậy.

Về những lẽ thay đổi thể của 4 quẻ nói trên từ Tiền-Thiên sang Hậu-Thiên, cho nên Văn-Vương mới dựa vào cái lý Nhân-sinh mà giải sự biến-đổi ấy. Văn-Vương phân-loại như sau nầy.

Quẻ Kiền thì tượng là chủ 7 quẻ mà trong một gia-đình thì tượng làm Cha. Cha là giống đực.

Dịch nói rằng : « Quẻ dương có nhiều âm, một Vua mà hai dân, đó là đạo Quân-Tử » Văn-Vương lấy 3 quẻ dương sau đây theo thuyết ở trên, lấy thể dương sáng là Đạo của người Quân-tử, tức như trong một nước có một Vua trị muôn dân, hay trong gia-đình có một Cha khuyên bảo các con. Đó là tượng cái Đức-độ của người Quân-tử cho nên lấy 3 quẻ có hình vạch một hào dương trong hai hào âm. Kể vào là hạng quẻ « Một Vua trị hai dân » tượng đạo Quân-tử.

Ba quẻ là : ䷲ ䷜ ䷳ Chấn, Khảm, Cấn là 3 quẻ dương theo quẻ Kiền, quẻ thuần-dương trong Hậu-Thiên bát-quái.

Ta có thể vẽ một Đồ-biểu tượng-trưng sự tiến lên của thể Dương trong khoảng hai hào âm:

Kiền Chấn Khảm Cấn

Hào trên — — — — —

— giữa — — — — —

— đầu — — — — —

4 quẻ Dương trong Hậu-Thiên Bát-quái.

Nếu tượng quẻ Kiền là Cha ắt phải tượng 3 quẻ Chấn Khảm Cấn là 3 con trai theo thứ-tự trước sau của ngôi hào Dương. Xem như hình trên thì quẻ Chấn có hào Dương sinh ra ở hào đầu, tức như đứa con

trai đầu, quẻ Khảm thì hào Dương ở giữa, tượng là con trai giữa và ở quẻ Cấn có hào dương lên trên ở ngôi thứ ba, tức là con trai út.

Đó là cái lý-do của Văn-Vương đã nêu lên để làm căn-bản cho Hậu-Thiên Bát-quái sau này vậy.

Nhưng muốn cho cái lý ấy cho thật xác-dáng vững-chắc tôi có thể lấy Số-học ra đây để thuyết-minh cái lý của Văn-Vương.

Theo Số-Học (Algèbre) của Âu-Tây mà ta lấy dấu + làm Dương và dấu — làm Âm và theo những Đinh-lý về phép nhân lên, ta có thể lấy những

hào của các quẻ Chấn Khảm Cấn mà làm theo thì cái tổng-kết sẽ cho ta biết rõ-ràng những quẻ ấy thuộc về thể gì.

Quẻ Kiền, ☰ (có 3 hào dương) ta có thể đặt là $+ \times + \times + : +$

$-$ Chấn ☳ (có 2 hào Âm và 1 dương) $- : - \times - \times + : +$

$-$ Khảm ☵ $(-) - : - \times + \times - : +$

$-$ Cấn ☶ $(-) - : + \times - \times - : +$

Định-lý của Số-Học (Algèbre) về phép nhân tóm-tắt như sau này:

$-$ Gọi là Dương-Số khi nào trước số ấy có dấu + (cộng) gọi là Âm-số khi nào trước số ấy có dấu $-$ (trừ) vậy ta có những Định-lý như sau này:

1° Dương-số nhân với dương-số thì thành Dương-số.

2° Dương-số nhân với Âm-số thì thành Âm-số.

3° Âm-số nhân với Âm-số thì thành Dương-số.

4° Âm-số nhân với Dương-số thì thành Âm-số.

Theo Định-lý của Số-Học cho ta hay là 4 quẻ trên đây đều thuộc Dương. Ba quẻ đều bẩm sinh theo khí Dương của Kiền Cha, Dương theo loại Dương tức là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu nên ta có thể nói theo Văn-Vương là:

Quẻ Kiền-Chấn-Khảm-Cấn thuộc Dương theo Hậu-Thiên Bát-quái.

Nếu ta cũng lấy như trên để giải 4 quẻ Âm thì ta có thể viết là:

Quẻ Khôn ䷁ (có 3 hào Âm) ta có thể đặt là : $-\times-\times-:-$

Quẻ Tốn ䷸ (có 2 hào dương) $-:+\times+\times-:-$

(và 1 hào âm)

Quẻ Ly ䷝ $(-)\ -:+\times-\times+:-$

Quẻ Đoài ䷹ $(-)\ -:-\times+\times+:-$

4 quẻ trên đây thuộc về Âm, là quẻ dưới đều bẩm-sinh cái khí-âm ở quẻ Khôn Mẹ, Âm theo Âm. Xem như trên thì trong quẻ Âm lại có nhiều hào dương hơn hào âm. Dịch nói rằng : « Quẻ Âm nhiều Dương, hai Vua có một dân. đó là đạo Tiểu-nhân ».

Âm là u-tối, tượng kẻ tiểu-nhân, một nước có hai Vua cai-trị, tức là có sự cạnh-tranh nhau đánh giết nhau thì nước ắt nguy và bại-vong vậy, là đạo tiểu-nhân nên trong 3 quẻ thấy có 2 hào dương tượng 2 Vua và 1 hào âm tượng 1 dân, một nước vậy.

Quẻ Dương mà lại nhiều Âm.

Quẻ âm mà lại nhiều Dương. Đó là những lý-do lập thành quẻ Hậu-Thiên để cho có thể thích-hợp với Nhân-Sinh vậy.

Trên đây là cái lý để giải-thuyết sự biến-thể các quẻ của Văn-Vương theo tượng-trưng do Nhân-sinh Triết-lý mà lập lên.

Trên kia tôi đã giãi-thích rõ-ràng ngôi và hướng của 2 quẻ Kiền Khôn theo Lạc-Thư, mà nếu Kiền và Khôn thay-đổi ngôi đối với đồ Tiên-Thiên, vì ở Tiên-Thiên quẻ Kiền ở chính Nam, Khôn ở chính Bắc, ắt phải có 2 quẻ khác thay thể ở ngôi Nam và Bắc. Theo đồ Hậu-Thiên thì có quả Ly thay cho quẻ Kiền ở chính Nam và quẻ Khảm thay cho quẻ Khôn ở chính Bắc tức là quẻ Ly âm thể cho quẻ Kiền dương và quẻ Khảm dương thể cho quẻ Khôn âm. Như vậy là nghĩa làm sao ?

Văn-Vương dùng 2 quẻ Khảm Ly ở chính Nam và Bắc là có lưu-ý lắm chứ không phải ngẫu-nhiên đâu vậy.

Trên tôi đã giải-thích cái lý-do tại sao quẻ Khảm Ly đã bị biến-thể và một khi đã biến-thể thì ắt phải biến cả ngôi.

Nếu ta lấy cái ngôi thứ của hai quẻ Khảm Ly ở đồ Tiên-thiên và Hậu-thiên so sánh nhau thì ta có những phương vị như sau nầy !

Tiên-Thiên : Quẻ Ly ở hướng Đông quẻ Khảm ở hướng Tây

Hậu-Thiên : — Nam — Bắc

Xem ngôi thứ 2 quẻ Ly và Khảm trong hai cõi thì đều ở chính Ngôi-vị, như vậy tức là 2 quẻ ở giữa có khí Âm và Dương bẩm sinh được cái khí ở ngôi trung-chính. Quẻ Ly có một hào Âm ở giữa 2

hào dương ☲ Quẻ Khảm ☵ có một hào

dương ở giữa 2 hào âm.

Nguyên-thể của quẻ Ly ở quẻ Kiền trong Tiên-Thiên mà được thể Khôn ở giữa. Như vậy tức là có sự giao-hoà Âm-Dương ở trong mà cái thể ở ngoài vẫn là thể-Dương sáng và theo về cõi vật-chất hay là Hậu-Thiên thì Dương tượng lửa mà hào giữa là thể Âm tức như than củi dầu mà chung-quanh có Dương lửa cháy thì lửa thành bất-tuyệt vì lẽ ấy lấy tài quẻ mà luận thì quẻ Ly thế cho quẻ Kiền tượng thuần Dương ở cõi Tiên-Thiên mà ở hướng Nam vậy ; cũng như quẻ Khảm nguyên quẻ là quẻ Khôn ở Tiên-Thiên được thể Kiền ở giữa, cho nên được hào Dương ở giữa hai hào Âm như vậy tức là trong âm có dương, có sự giao-hoà, âm-dương ở trong mà ngoài vẫn là có Âm bao-phủ. Dương ở giữa cho nên mới là Chính-đính và nhờ ở cái Chính-Khí của nó ở được chỗ trung-chính vì lẽ ấy quẻ Khảm thế quẻ Khôn mà ở vào hướng Bắc vậy.

Lại có người hỏi rằng :

« Cái bản-thể của quẻ Chấn theo ngôi thứ của Văn-Vương là con Trai trưởng (đầu) được cái khí giao-cảm của hai quẻ Khảm và Ly ở Tiên-Thiên, tại sao không thay thế Kiền Cha ở hướng Nam mà lại xuất ở hướng Đông ??

— Quẻ Chấn ☳ thành là ở một hào dương bắt đầu sinh ra ở hào đầu,

tức là quẻ đầu trong 6 quẻ hay là con đầu trong hàng 6 con. Nếu ngôi-vị nó ở hướng nào thì tất phương đó là đầu phương-hướng thì tức là hướng Đông là đầu 4 hướng, ta thường nói Đông Tây Nam Bắc. nếu trong một Năm nó ở vào mùa nào thì ắt mùa đó là đầu bốn mùa, cho nên nó ở giữa cung Mão là chình Đông và là giữa mùa Xuân là đầu 4 mùa trong một năm. Ta thường gọi Xuân Hạ Thu Đông. Cũng như, nếu nói trong một gia-đình có 6 đứa con thì nó là anh trưởng, anh Cả vậy. Đã lấy con Trai lớn để thay Cha ở chỗ khởi các ngôi-vị của muôn sự vật như thế há không lấy con gái lớn thay Mẹ ở chỗ làm căn-nguyên khởi thủy cho giống cái ư ! Cho nên quẻ Tốn ở về hướng Đông-Nam ngay sau ngôi của quẻ Chấn, lấy con gái lớn phụ giúp con trai lớn, lấy âm Mộc phù với dương Mộc hộ-trợ lẫn-nhau mà khiến tất cả cái hay, cái tốt của sự khởi-thủy của muôn loài và sự sinh-sản càng phồn-thịnh vậy.

Quẻ-Đoài.- Theo ngũ-hành là quẻ thuộc kim nhưng là chất kim suy-nhược, cái thể dương ở trong quẻ Đoài không thể tự sinh, tự vượng được vì vậy ở về chính Tây. Quẻ Đoài bên tả thì phụ

THỔ ☷ Khôn { ⚋ với quẻ Kiền cha là kim, lấy cái kim mà phù giúp nó, bên hữu lại giúp Mẹ cùng giống thể tài của thần Mẫu Khôn, nghĩa là hào âm trên cùng cùng thể với quẻ Khôn.

V SINH V KIM V KIM { ⚋ Đoài { ⚊ Kiền

Đoài là chất kim yếu-nhược bị Kiền kim hút, thâu cái chất kim của Đoài mà nhờ Khôn thổ sinh Đoài kim, cho nên nó chỉ bị yếu-nhược mà không bị tuyệt-diệt vậy.

Quẻ Cấn: là Thiếu-Nam, như cái khí-dương mỏng manh của Đất. Cái Âm mỏng manh của Đoài và cái dương mỏng-manh của Cấn không làm gì được cùng nhau do chỉ phù-trợ các vật thành sự để điều khiển muôn một cái lực ở trong năm.

Quẻ Cấn: ☶ Có một hào dương ở trên

cùng mà tính dương thì động, ắt có biến cho nên ở trước quẻ Chấn ☳ và theo hình vẽ thì quẻ Cấn là quẻ Chấn ☳ lộn ngược lại. Cấn theo Dịch-lý có nghĩa là dừng chỉ. Một khi ngưng đứng đến cùng-tột thì phải có động sinh cho nên quẻ Cấn ở trước quẻ Chấn động vậy. Cái thời của quẻ Cấn ở liên-tiếp với quẻ Chấn thật là hợp-lý và chính đáng, quẻ Chấn là cái hội của sự khởi-nguyên.

Lấy Ngũ-hành mà giải thì Khảm là nước kế nó là quẻ Cấn thuộc Thổ, Thổ hút nước để thành mềm nhuyễn mà Mộc kề đó nhờ' vậy mới có sự sinh-sản dễ dàng. Chấn Mộc gặp được Thổ nhiễn thứ-nhất là dương sơ động được đất mềm ắt sự sinh-hóa dễ-dàng. Hóa cho nên theo cái lý của thiên-nhiên thì quẻ Cấn phải ở hướng Đông-Bắc, lấy cái nghĩa con trai nhỏ phụ với con trai lớn mà thành công vậy.

Huyền-diệu thay cái lý quyết-đoán của Văn-Vương! Sáng tỏ thay cái nghĩa của Văn-Vương mà Thiên-lý biến-chuyển một cách hữu-lý từ một phương-pháp huyền-bí có căn-nguyên vững-chắc, đến một thể hữu-hình và hữu-lý vậy !

Dịch của Văn-Vương cho ta những nguyên-tắc để dùng Hậu-Thiên bát-quái do ở cái thể của Tiên-Thiên hợp với Lạc-thư kiêm cả Hà-đồ vậy.

8 quẻ của cõi Tiên Hậu-thiên đối-đãi với nhau như chồng với vợ, âm-dương khắng-khít thân-mật nhau. Lại ví Tiên-thiên như hồn mà Hậu-thiên như xác của người và vật, hồn với xác khắng-khít nhau, như bóng với hình, cho nên mới thành người hoàn-toàn. Hai thể hồn và xác, Dương và Âm phối-hợp với nhau mà biến-hóa vô-cùng.

Cái căn-nguyên của Âm-Dương bắt đầu biến-hóa, cái qui-củ pháp-tượng của nó đến Vạn-cổ cũng không thể thay đổi được.

Bởi lấy sự phối-hợp Âm-Dương làm căn-bản một nguyên-tắc không thể dời-đổi được cho nên 8 quẻ của Tiên-thiên đối-đãi với-nhau đều lấy 9 vạch mà luận-ứng theo cung như:

10. — Trời-Đất định-ngôi.

— Trời ☰ (3 vạch) Đất ☷ (6 vạch).

Kiền Khôn



Trời Đất.

$3 + 6 = 9$ vạch.

Nếu ta lấy 3 hào của hai quẻ Kiền tượng Trời và Khôn tượng Đất và với nguyên-tắc của Vật-lý-học về Điện-khí:

a/ Những luồng điện đồng thể thì đẩy nhau.

b/ Những luồng điện dị thể thì hút nhau.

Thì ta thấy 3 hào của Kiền-Khôn đều tương-đối và hút nhau. Hút nhau rồi hòa ất có sự quân-bình và sinh ra cái đức Thái-Hòa cho cả Vũ-Trụ vậy.

2^o — Nước Lửa không bắn nhau.

Nói nước lửa không bắn nhau tức là có sự Thái-Hòa trong 3 thể của quẻ Khảm và Ly.

Khảm Ly Thủy Hỏa.

5 vạch $+4$ vạch $= 9$ vạch. Có sự tương-đối 3 hào, âm-dương kết-hợp cho nên nói là không bắn nhau.

3^o — Sấm Gió sát nhau.

Nói sấm gió sát nhau là có sự đi với nhau mà dung-hòa vậy.

Chấn Tôn Sấm Gió

5 vạch $+4$ vạch $= 9$ vạch.

Có sự tương-đối âm dương của 3 hào trong

quẻ Chấn và Tốn nên nói như vậy.

4°. Núi trầm thông-khí.

Nói núi cao, trầm sâu mà khí được thông nhau thì vạn-vật mới sinh-tồn được vậy.

Cấn Đoài

Núi Trầm

5 vạch + 4 vạch = 9 vạch.

Vẫn có sự tương-đối âm-dương của 3 hào trong quẻ Cấn-Đoài nói về khí-hóa thì rất thông nhau vậy.

Theo kinh Dzyan Thi-tiết III Thị 7 trong giải-thích có chỗ nói cái Fohat là cái sinh-linh khí của Vũ - Trụ là Thần - linh điện - khí và nói rằng: «Fohat làm cứng và vãi tung 7 em nó» nghĩa là cái Thần-Điện sơ thủy đó cho cái sinh-khí là ở Điện-lực và làm chia cái màn khởi-thủy hay cái thể-chất vi-thủy làm nguyên-tử mà nó tự là cái căn-nguyên của muôn sự sống và Lương-Tri. Cái «trị số» của nó là số 9, nó là một thể rất huyền-ảo, và trong Triết-học bí-truyền là cái sinh-linh-khí thấm-nhuần trong cái thể-chất sơ khai, cái nguyên-chất hợp-thành các vật và là cái lý-trí quyết-định muôn-hình».

Đó là nói sự linh-nghiệm thiêng-liêng của sự giao-hợp các quẻ ở Tiên-thiên. Đó là cái năng-

lựC của cái sinh-linh-khí Vũ-Trụ deo-dắc nhuần thấm muôn-vật ở trong cõi Hậu-thiên. Và nếu lấy sự giao-hợp các quẻ đổi nhau ở trong Hậu-Thiên theo Lạc-thư ta được một con số 10 (coi hình Lạc-thư).

— Có người lại hỏi sao cái số quẻ đối-đãi với nhau ở bản-đồ Tiên-Thiên cộng lại là 9 (1) và ở bản-đồ Hậu-Thiên lại là 10 ?

— Trên đã giải số 9 tức là số của Fohat theo kinh Dzyan tức là cái trị-số của cái sinh-linh-khí uyển-chuyển trong khắp nơi từ thời còn là cõi Tiên-Thiên đến cõi Hậu-Thiên mà đến chỗ vô-cùng tận vậy. Đó là nói về phương-diện vô-hình của Tiên-Thiên.

Số 10.— Tức là âm-dương giao hợp thành hình-ảnh, cho nên con số 10 tượng sự thực biểu-trưng của giống-đực và cái, sự giao hợp của hai số thì thành vật sinh-sinh hóa-hóa, cho nên nói số 10 là nói về sự vật đã thành hình, là con số tượng-trưng cái Vũ-Trụ hữu-hình tức là nói đến cõi Hậu-Thiên. Cõi hữu hình nhờ có sự giao-hợp của âm-dương, cứng mềm, sáng tối vậy. Muốn cho hiểu cái lý tuyệt-đối của số 10 ta nhận thấy rằng: Phàm muôn sự-vật trong Trời-Đất đều kết-tụ thành-hình bởi cái Nguyên-tử thể-chất tối-hậu (atome ultime)

mà trong sự kết-hợp của Nguyên-tử căn-bản đó cũng theo cái nguyên-tắc số 10.

Vậy ta thử xem cái Nguyên-tử thể-chất tối-hậu hình thể và sự phát động ra sao ? Nó hình như một trái tim, nhảy, đập bởi những năng-lực thiêng-liêng và nó cũng là cái làm biến-thể (transformateur); kết thành bởi 3 sợi lớn và 7 sợi nhỏ hơn, và mỗi sợi lại chia làm 7 thứ giây như lò-so khác nhau.

Nó kết thành bởi toàn là giây xoáy-ốc kết-hợp lại để thành vụ.

«Trong 3 sợi giây lớn có những điện-lực khác nhau chạy, 7 sợi khác thì rung-chuyển lên bởi những động-ba é-te khác nhau như âm-thanh, quang-tuyến, nhiệt-lực vân vân. Nó làm bật ra 7 mầu trên thiên-thể, 7 tiếng của Âm-giai và trả lại bằng nhiều cách những sự rung-chuyển của thể chất. Nó là những thể vô-cùng nhỏ bé sáng-ngời, rít lên, nhảy đập và tự động luôn luôn, vô cùng tươi sáng mà trí-óc con người không bao giờ tưởng-tượng được.» (Theo đức Jinarajadasa trong quyển l'Evolution occulte de l'Humanité) xem như vậy từ cõi vô-vi, vô-cùng nhỏ bé

(1) Tiên-Thiên : Kiền 1 + Khôn $8 = 9$ − Ly 3 + Khảm $6 = 9$ vân vân Hậu-Thiên : Khảm 1 + Ly $9 = 10$ − Chấn 3 + Đoài $7 = 10$ vân vân.

như cái Nguyên-tử thể-chất tối-hậu để đi kết-hợp thành thể-chất cho cõi hữu-hình trong Hậu-Thiên cũng kết-hợp bằng số 10 sợi (coi hình số xxxv trang 305) cái nghĩa lưu-truyền của hai Bát quái Tiên Hậu-

thiên thì huyền-diệu vô-cùng gồm cả muôn loài, muôn-vật, cả Vũ-trụ, cả cõi hữu-hình và cõi vô-hình vậy.

Nhưng tiếc thay cái Đạo không thể phát-triển được là vì những giải-thích của Tống-Nho về sau này rất là lu mờ. Tiếc thay hồi đó có rất nhiều nhà Hiền-Triết nghiên-cứu rất công-phu Đạo-Dịch mà chỉ vì Khoa-Học chưa phát-minh, cho nên lấy những sự tượng-trưng để giải-thích một cách rất tối-tăm, cái nghĩa tinh-vi của Thiên-lý. Tôi không dám công-kích các bậc Tiền-Bối đã dày công lưu lại cho chúng ta những tài-liệu thích-hợp với cái Văn-Minh và sự hiểu-biết thời bấy giờ, mà trái lại rất đội-ân sâu vì nhờ các Ngài ngày nay mới còn di lại những nhời vàng-ngọc của Thánh-Nhân. Nhưng tôi cũng vẫn xin phép để nêu lên đây vài quãng mà các Ngài vì thiếu nhiều tài-liệu Khoa-Học để giải-thích mà đến nỗi giải cái nghĩa của Hậu-Thiên bát-quái một cách luẩn-quẩn như người mò kim đáy-biển, nắm Trăng trong chậu vậy.

Như Thiệu-tử đã lấy những chú-giải khó hiểu để giải một cái đơn-giản như nói:... Kiền Khôn giao

nhau mà thành quẻ Thái, Khảm Ly giao nhau mà thành quẻ Ký-tế, Kiền sinh ở Tý, Khôn sinh ở Ngọ, Khảm trót ở Dần, Ly trót ở Thân để ứng với thì-giờ của Trời. Đặt Kiền ở Tây-Bắc, lui Khôn về Tây-Nam vân vân.

Muốn giải cái phương-vị của Kiền Khôn mà nói đến quẻ Thái, quẻ Ký-tế tức là làm loạn óc Học-giả mà rồi dưới không thấy có sự chú giải rõ vì cớ sao quẻ Kiền lại ở Tây-Bắc tuy đã nói Kiền sinh ở Tý mà cung Tý theo địa-bàn là chính Bắc và lui Khôn về Tây-Nam là do cái lý gì, phải chăng Khôn sinh ở Ngọ. Ngọ tức là chính Nam mà Khôn là Lão-Âm lại lui về Tây-Nam, mới sinh ở chính Nam mà đã là Lão-Âm ở Tây-Nam vì cớ gì vậy? Mà Kiền Khôn là hai quẻ thuần Âm và thuần Dương sao lại ở ngôi «vô-dụng» đã ở ngôi vô-dụng thì sao trong Dịch còn nói đến Tượng, Thoán, Hào-từ vân vân của hai quẻ Kiền Khôn làm gì cho tốn giấy mực. Theo thuyết của Chu-Hi cũng giống như Thiệu-tử, cũng dựa vào cái nghĩa Cha, con

của Văn-Vương mà giải, lấy chuyện khó mà giải chuyện dễ tức là lại đưa cái tối tăm vào trong đêm tối vậy.

Như Hồ-Ngọc-Trai giải rằng : «...Tý là chỗ mà Khôn đã thành, nay lại tiến lên mà giao với Kiền ở Ngọ đó là «chở lại chỗ đã sinh» (tức là âm bắt đầu

sinh ở quẻ Cầu ở Ngọ cũng như Dương bắt đầu sinh ở quẻ Phục ở cung Tý) cho nên đến khi đổi một lần mà thành ra quẻ Hậu-Thiên thì Kiền lui về Tây-bắc, Khôn lui về Tây-nam».

Những chú-giải đó cũng vẫn không có căn cứ vững chắc, đành rằng trên đã nói Khôn trở lại chỗ đã sinh thì an Khôn ở cung Ngọ luôn mà còn lùi lại làm gì. Phải chăng ông đã lấy cái lý là đã «đổi một lần» thì «lui một bước» không? Mà hỏi tại sao đổi mà không tiến mà lại lui và tại sao Khôn lên hòa với Kiền ở cung Ngọ không ham mê Kiền mà ở luôn cung Ngọ?

Đông-Long-Sơn thì lấy tượng mặt Trời mặt Trăng để giải, ông cho rằng: Ly là mặt Trời, mặt Trời mọc ở hướng Đông cho nên trong quẻ Tiên-Thiên Ly ở hướng Đông mặt Trời soi thẳng ở cung Ngọ là quãng giữa ngày cho nên trong quẻ Hậu-Thiên Ly ở về chính Nam. Khảm là mặt Trăng. Mặt Trăng mọc ở hướng Tây cho nên trong quẻ Tiên-Thiên Khảm ở về hướng Tây, mặt Trăng soi thẳng ở Tý là quãng giữa đêm cho nên trong quẻ Hậu-Thiên Khảm ở về hướng Bắc. Trong vòng Tiên-thiên các quẻ ấy ở về chỗ «Sinh» trong vòng Hậu-thiên các quẻ ấy vào nơi «Vượng».

Ông Đông-Long-Sơn cũng đã có óc luận xét

theo Thiên-lý lấy mặt Trăng mặt Trời ra làm tượng-trưng để giải rõ cái lý-trí của ông. Nhưng ông đã cho một cái kết-luận không thể đứng vững được từ chữ trong vòng Tiên-thiên.... «vượng» nó chỉ có thể đúng với hai quẻ Khảm Ly thôi, còn như quẻ Kiền là quẻ thuộc Kim tại sao không ở cung Dậu là cung thuộc Kim mà lại ở giáp cung Tuất Hợi? Đó cũng chỉ là một lý-thuyết phán-đoán theo sự nghiệm-xét của ông thôi cho nên cái lý-thuyết trên cũng không

được vững-chắc vậy.

GIẢI-THÍCH SỰ PHÁT-SINH VÀ PHÂN-CHIA NGŨ-HÀNH CHO 8 QUẺ

Theo Hà-đồ Dịch nói rằng:

1- Trời 1 biến sinh *Thủy* mà Đất 6 hóa Thành nó

2- Đất 2 hóa sinh *Hỏa* — Trời 7 biến —

3- Trời 3 biến sinh *Mộc* — Đất 8 hóa —

4- Đất 4 hóa sinh *Kim* — Trời 9 biến —

5- Trời 5 biến sinh *Thổ* — Đất 10 hóa —

Đó là nói theo thứ-tự sự sinh của ngũ-hành theo lần lượt những cõi tuần-hoàn. Theo kinh Dzyan thì mỗi một cõi thì có một hành sinh vậy. Phàm cái gì cũng có một đời sống từ cái Nguyên-tử của cát bụi cũng là một đời có sự sinh sống tuy rằng cái sự sống của nó ở ngoài sự hiểu-biết của chúng ta vì nó ở

ngoài những luật đã biết của những nhà Bác-học siêu về Khoa-hoc vật-chất mà xa Khoa-hoc bí-truyền, chú-giải kinh Dzyan nói rằng :

«Đối với người Phàm thì những cõi đời kết-hợp bằng những thể-chất đã biết. Theo cảm-tưởng của một nhà Đạo-sĩ thì những thể ấy đều là «Nhất sinh thần» (une vie divine) phân-phát trên cõi huy-động, chúng là hằng-hà sa-số khối sống. Chỉ có Lửa là một trên cõi «Chân-nhất» (Réalité une) trên cái Lửa của Động-vật phát-động và là ảo-ảnh, thì những tiểu phân-tử của nó là những đời sống nhiệt-liệt sống chiều theo những thể sống khác mà chúng thiêu hóa đi. Vì vậy chúng gọi là «kẻ thiêu-hủy»....

Mỗi một vật hữu-hình trong Vũ-trụ nầy đều tạo-thành bởi những «Sinh-vật» ấy ; từ người có Lương-tri thần-linh và sơ khai, đến những thể vô-trí để tạo ra thể-chất... Cái Vũ-trụ của Sinh-vật tạo-lập

ra từ cái «Đời sống trước nhất» vô-hình và hồn-nhiên. Mới bắt đầu cái Lửa lạnh và sáng động ở trong cõi hỗn-độn mà thành ra những lớp váng - sữa chẳng trong không-gian (có lẽ như sông Ngân-hà ?) Những cái váng chẳng đó hỗn-độn choảng nhau và có một nhiệt-độ rất cao nấy ra bởi sự gặp nhau và sự đụng nhau mà thành sự quay tít, đương lúc ấy thì ngọn lửa nóng gặp những kẻ. giang-hồ lang-thang trên Trời

(sao Chổi). Có nhiệt-độ thì có hơi nóng mà hơi nóng gặp khí lạnh thì thành nước. Rồi đến khi sương mù khô ráo, rồi đến sương mù ướt át làm tắt mất cái tươi sáng của những kẻ đi vãn cảnh (những sao Chổi) và làm thành những bánh xe cứng và mềm (những trái cầu vật-chất) (đây nói đến cái cứng mềm của đạo Dịch để thành thể-chất), thì trái Đất ta ở hiển-hiện ra với 6 chị em nó, bởi sự lưu-hành liên-tiếp của chúng, chúng đã sinh ra thể Lửa về cõi dưới, cái nhiệt-độ và một khí sương mù bày-nhầy sinh ra cái thể-chất thứ ba của cõi đời đó là Nước và cái hơi thở của tất cả, không-khí sinh ra vậy (không-khí có thể coi như hành kim vì trong Y-học Á-Đông lấy hai lá phổi thuộc hành kim). Bốn thể ấy là 4 sinh-thể của bốn Kiếp luân-hồi ở cõi Sinh-tồn. Và còn 3 thể nữa sẽ tiếp sau».

Xét như trên thì có ý-nghĩa là mỗi một Kiếp luân-hồi thì nảy ra một thể trong những thể kép mà hiện-giờ Khoa-học đã rõ. Trong Kiếp thứ nhất có một thể sinh, một Tạo-hóa, một Nhân-loại. Có người gọi là «không-gian có một triều»,

Kiếp thứ hai sinh ra hai thể Lửa và Đất (Hỏa Thổ) và Nhân-loại của nó là một «không gian có 2 triều». Sự tượng-trưng ấy có thể coi như ở trên cùng một cõi Tư-tưởng mà ta vừa mới giải đúng

như cái tính-cách thứ nhì của thể-chất, cái đối với cái phân nửa thứ nhì của thể-chất hay là đệ-nhị-quan của người. Những trung-tâm về Lương-tri của cõi thứ ba chỉ để thành một nhân-loại mà chúng ta biết đi đến sự cảm thấy cái thể-chất thứ ba là: Nước (thủy) Những cái trung-tâm của cõi thứ tư đã thêm chất Đất (thổ) vào nơi tích-trữ của thể-chất đồng-thời với ba thể khác trong trạng-thái hiện-thời của sự

biến-đổi. Tóm lại là không có một chất nào như trên đã có như bây-giờ trong những kiếp trước. Những thể-chất là đơn-chất hay dị-chất không thể nào không biến-đổi ở trong Tạo-hóa, không bao giờ đứng yên một chỗ trong Đại-vận, vì nó không ngưng lại để đứng nhưng lúc nào nó cũng tiến để thành sự sống của khoáng-vật, thực-vật và nhân-loại không lúc nào không có sự thích-hợp: những cơ-thể của nó với những cụ-thể chủ-yếu. Chỉ ở vào kiếp sau, kiếp thứ năm, thì mới có cái thể mới tức là AEther sẽ thành một vật thường tình trong Tạo-hóa đối với người cũng như không-khí bây giờ, và sẽ không có sự giả-dối nghi-ngờ nhau như bây giờ.

Và chúng ta nên nhớ rằng : Loại nào sinh loài ấy. Sự sinh tuyệt-đối không thể đẻ ra một Nguyên-tử vô cơ-thể dù nó là đơn-thể hay dị-thể, sự sống cũng ở cả trong trạng-thái thái-hòa (Laya) đúng như khi người ta ngủ một giấc ngủ say mà toàn thân cứng đờ trông như một thây ma. Nhưng nó cũng vẫn còn sống.

Theo kinh Dzyan luận về thuyết ngũ-hành sinh ra theo từng cõi của Trời Đất thì cũng giống như Hà-đồ nói. Ta hiểu rằng mỗi một cõi là một con số khác :

Trời số 1 Đất số 6 — 3 — 8 — 5 — 10

Như vậy tức là từ số 1 đến số 3 là hai cõi Trời, cho nên cõi Trời 1 bến sinh ra Nước mà Đất 6 thành nó.

Trời số 3 biến sinh Mộc mà Đất 8 hóa thành nó vân vân. Như vậy tỏ rõ rằng cái quan-niệm về sự sinh ra ngũ-hành ở trong Hà-đồ đã rất giống với những lời giải-thích trong kinh Dzyan vậy,

Theo kinh Dzyan thì : — Theo Hà-đồ thì : ở kiếp đầu thì sinh Hỏa — Trời 1 sinh Thủy. — kiếp thứ 2 — khí Trời — Đất 2 — Lửa(Hỏa) (tức là hành Kim) — — 3 — Nước — Trời 3 — Mộc(cây) — — 4 — Thổ — Đất 4 — Kim. — — 5 — AEther — Trời 5 — Thổ.

(AEther tức là Linh-mộc-khí).

Mộc-khí : Lúc bắt đầu có cõi Hiện-tồn chung cho muôn vật là tượng-trưng cái nét của vật-chất bất tử thì cái cây (Mộc) và con Rắn (sinh-linh-khí) là những hình-ảnh thiêng-liêng. Cái cây trồng ngược lại, rễ của nó sinh ở trên Trời và ở cái gốc Vô-căn (không gốc) của Đấng hoàn-toàn. Thân nó lớn lần xuyên qua những Cõi (Ptérôme), nó phát ra bốn phương những cành rườm-rà trên cõi thể-chất mới phân-biệt trước đã là sau, từ trên xuống dưới đến khi những cành đụng tới cõi Đất. Vì vậy cái Cây (Ashvattha) của cõi Sinh-tồn và của Sinh-vật mà chỉ có sự diệt-trừ đi thì mới tới được chỗ Bất-tử (tức như Đạo Phật nói diệt Dục, xa lánh sự giao-hợp về tình-dục để gầy nòi giống).

Kinh Bhaghavadgita đã tả cái cây như mọc rễ ở trên và những cành ở dưới.

Xét như vậy thì cái cây trong cõi hữu-hình tức là tượng cho cái cây trên đã nói mà các nhà Hiền-triết cổ xưa đã lấy nó để giải cái nghĩa như kinh Dịch: Thái-cực sinh Lưỡng-nghi, Lưỡng-nghi sinh Tứ-tượng vân vân, hay là tượng-trưng cái Sinh-linh-khí phóng-xạ từ cái Đại-nhất xuống cõi dưới cho muôn vật. Cái Sinh-linh-khí đó tức là AEther theo cõi Thần-linh, cho nên AEther tượng bằng cái cây

hay là Mộc vậy.

HÌNH I HÌNH I'

Xét hai hình I và I' theo thứ-tự ngũ-hành ở hai kinh Dzyan và Dịch thì hình rất giống nhau nhưng có sự tương-phản nhau lúc mới phát-huy ở số 1. Xem hai đường vận-chuyển của ngũ-hành tương-sinh nhau thì ta nghiệm rằng: ở trong kinh Dzyan sự tượng ngũ-hành là nói theo Bí truyền mà ở Hà-đồ thì tượng-trưng cho cả 2 cõi hữu và vô-hình. Hóa cho nên trong kinh Dzyan thì Mộc ở giữa phát sinh ra Hỏa lửa, và sau cùng thì có Thủy sinh Mộc, mà Mộc đây tượng trưng cái Cây tuyệt-đối ví như Thái-cực của Dịch, mà trong Hà-đồ thì có hành Hỏa sau sinh Thổ và Thổ phát huy sinh Kim. Thổ ở cung giữa, tức là muôn loài qui-tụ về Đất.

Tóm lại ta có thể rút ở trong hai hình I và I' những lý-thuyết sau nầy:

a) Theo Kinh Dzyan. Thì Muôn Vật, sau này, đều qui-tụ về với Đại-Nhất tức là nói đến thể thần-linh vô hình của Ngũ-hành (cõi Tiên-Thiên).

b) Theo Lạc-Thư thì muôn vật, sau này qui-tụ về với Đất. Tức là nói đến thể-chất của Ngũ-hành.

Theo hai Tượng-Hình khác nhau như vậy cho nên mới có hai hình tương-phản với nhau như âm với dương, như Trời với Đất, như đen với trắng. Đó là sự hình-tượng theo hai ý-tưởng Đông và Tây cho nên mới có sự đối-trọi nhau như vậy nhưng chung-qui cũng về một lý.

Trên đây tôi đã giải cái nguyên-lý của ngũ-hành theo hai ý-tưởng của hai Cổ Kinh và theo Lạc-Thư thì ngôi thứ ngũ-hành theo phương-vị của nó trong bản-đồ trang 327 :

Hành Thủy ở về hướng Bắc Hành Hỏa — Nam Hành Mộc — Đông Hành Kim — Tây Hành Thổ ở vào cung giữa.

Hình trên đây tả rõ phương vị của Ngũ-hành và nếu ta hợp những phương-vị trên đây với 8 quẻ của Hậu-Thiên thì ta thấy sẽ có những thể của 8 quẻ theo ngũ-hành.

Lạc-Thư — An được Hậu-Thiên Bát-quái với phương-vị của Ngũ-hành thì ta được 4 quẻ chính giữa 4 hành như:

Khảm thuộc Thủy Ly — Hỏa Chấn — Mộc Đoài — Kim

Trên tôi đã giải theo Kinh Dzyan thì hành Hỏa là đơn-hành cho nên chỉ có một quẻ Ly là thuộc Hỏa. Quẻ đối nó là quẻ Khảm thuộc Thủy, cũng là đơn-hành tương-đối với nhau.

Theo hình trên đây thì đường A B theo 2 quẻ Tốn Kiền là ranh-giới của hai nghi Âm và Dương tức là con đường giao nhau của Âm Dương.

Có sự giao nhau của Âm-Dương thì tất cái cứng mềm giao nhau mà

thể cứng hay mềm đều phải là đồng-loại thì mới có thể hoà được với nhau. Ví-dụ như nước hoà với nước thì mới hoà với nhau được, nếu lấy nước hoà với gỗ hay vàng bạc ắt không thể hoà với nhau được cho nên nói là phải là đồng-loại với nhau thì mới hoà-hợp với nhau được.

Theo đường A B làm ranh-giới cho sự hoà-hợp của Âm-Dương thì ắt cái thể của hai quẻ Chấn Tốn và Đoài Kiền ắt cũng phải một loại mà khác giống. Bản-đồ trên cho ta biết quẻ Chấn thuộc Mộc và quẻ Đoài thuộc Kim, vì vậy Chấn và Tốn cùng là hành Mộc, mà Chấn ở vào Dương-nghi nên gọi

là Dương-Mộc, quẻ Tổn ở vào Âm-nghi nên gọi là Âm-Mộc. Quẻ Đoài và Kiền ắt đồng-loại đều thuộc hành Kim mà Kiền ở vào Dương-nghi nên gọi là Dương Kim và Đoài ở cõi Âm-nghi nên gọi là Âm Kim. Phân ra như thể thì ta có: Dương-Kim, Âm-Kim, Âm-Mộc Dương-Mộc vậy, mong Học-giã nên xét cho kỹ thì không gì là không có lý ở trong đạo Dịch.

Có người hỏi tại sao Khôn và Cấn lại thuộc Thổ và hành Thổ lại ở giữa Lạc-Thư là nghĩa làm sao?

Âm Dương

– –|–

Hình 4 để giải về kỳ-ngẫu-lực theo Cơ-giới-học (Mécanique).

Trước hết phải xem sự ảnh-hưởng của hành sinh ra nó và nó đi sinh hành khác. Theo hình XXXX thì hành Hỏa ở hướng Nam sinh nó tức là Hỏa sinh Thổ, và nó lại đi sinh Kim. Được Hỏa sinh mình, mình lại đi sinh người thì có sự trung-chính và hòa nhau vậy.

Như thể tức là nó còn nguyên-chất để phân chia cho hai quẻ Cấn và Khôn, hai quẻ tương-đối nhau và là hai quẻ chót chưa được tiêu-biểu bằng thể gì cho nên lấy tượng của nó, Khôn tượng đất, Cấn tượng núi tức là đều có cái thể của hành Thổ vậy. Vậy tôi xin giải đây hành Thổ ở trung-ương phân-phát cách nào cho hai quẻ ấy. Trước hết tôi lấy về Kỳ-Ngẫu-Lực (couple de forces) về Cơ-giới-học (mécanique)

mà giải thì Kỳ-Ngẫu-Lực là hai lực có sức mạnh đều nhau và theo chiều khác nhau trên một đường kính. Kỳ-ngẫu-lực ất để duy-trì sự thăng bằng không chênh-lệch, không di-dịch.

Vì dụ như hình A thì tôi có một Kỳ-ngẫu-lực ở trên một đường kính xx', một lực chạy theo ox tức là theo âm-số mà trị-giá là 5 thì nó có thể viết là -5 hay là Âm-lực, một lực chạy theo đường ox' cũng một trị-giá với lực trên nhưng theo chiều nghịch có thể

viết là $+5$ hay là dương-lực. Nếu ta cộng hai số đó thì: $+5-5=o$. Cái điểm O không bị suy-xuyển hay di-dịch nhờ ở cái Năng-lực đều nhau. Hai lực cùng huy-động trên đường $x\,x'$ theo mỗi lực một chiều khác nhau.

Vậy ta thử xét hình XXXX Trước hết lấy hành Thổ tượng-trưng bằng một hình vuông chia đôi bởi đường A B làm hai diện-tích đều nhau, theo sự giải-thích về Kỷ-hà-học về diện-tích tức ta có thể cho hai lực phát-huy ở hai diện-tích (theo 5 chấm ở giữa) đồng nhau mà đi phân-lực cho hai chỗ đối nhau trên đường Cấn Khôn Như vậy tức là ta có một Ngẫu-lực. Một năng-lực đi phân cho quẻ Khôn thuộc về Âm gọi là Âm-Thổ, một năng-lực thuộc Dương đi phân cho quẻ Cấn là Dương-Thổ. Đây là nói sự phân chia cho hành Thổ. Đó là một lẽ, còn lẽ nữa. Theo sự phân-phát của ngũ-hành thì cái ngôi của hành Thổ ở vào quẻ Khôn an ở giữa quẻ Ly Hỏa và Đoài Kim nếu ta lấy cái lý Ngũ-hành sinh khắc ra mà giải thì trong Âm-nghi sự sinh của các hành đi từ Nam sang Tây tức là Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim. Trong Dương-Nghi thì trái lại sự sinh, lại là sự khắc, đi từ Đông sang Bắc là: Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy.

khắc

$\rightarrow\rightarrow\rightarrow$

A — Chấn — Cấn — Khảm: ba quẻ khắc nhau ở

Dương Nghi.

B — Ly — Khôn — Đoài : ba quẻ sinh nhau ở

→→→

sinh Âm-Nghi.

Vậy ta thử đối chiếu hạng A và B trên đây thì thấy quẻ Âm đối với quẻ Dương và ngũ-hành sinh đối với khắc.

Như vậy mới có sự tương-đối, tương điều-hoà nhau mà muôn vật mới sinh ra được. Hóa cho nên về Nguyên-lý của Dịch thì cho hành Thổ xen vào hai quẻ Cấn và Khôn rất thích-hợp với Thiên-lý vậy.

HẬU-THIÊN BÁT-QUÁI GIẢI THEO TỪ-LỰC

(Forces magnétiques)

Trong hình XXXI trang 290 theo Định-lý về Từ-lực nói rằng : một khối Từ theo hình tròn mà hai cực Âm và Dương gần nhau thì những đường qui-nạp của Từ-lực theo chiều Âm-cực sang Dương-cực (Âm theo Dương) mà không phát huy ra ngoài vậy.

Đó là luồng Từ-điện vòng tròn (circuit magnétique) theo hình trên đây thì âm-dương-lực phát-huy từ Dương-cực và theo từ phải vòng sang trái đến Âm-cực và ở Âm-cực phát-huy ra những đường qui-nạp của Từ-lực sang Dương-cực.

Ta lấy cái vòng Từ-điện ấy mà an theo Hậu-Thiên Bát-Quái thì Âm-cực tức là quẻ Khôn và Dương-cực tức là quẻ Kiền.

Phàm có Âm có Dương thì mới có sự dung-hòa giao-hợp với nhau, mới có sự thành hình.

Hóa cho nên nói đến Khí thì ất có Âm-Khí Dương-Khí hoà nhau, ở trong thể Từ cũng vậy những chất hợp lại với nhau để thành thể Từ ắt trong có sự giao-hoà của Âm-Dương thì mới thành hình nó vậy.

Vì lẽ ấy nếu ta căng thẳng cái vòng Từ-Điện ra và an theo thứ-tự của 8 quẻ Hậu-Thiên thì ta theo hình dưới đây từ trái sang phải: Kiền-Khảm Cấn-Chấn thuộc quẻ Dương. Tốn Ly Khôn Đoài thuộc quẻ âm. Nếu ta lấy hào đầu mà xét thì có sự giao-hoà

HÌNH SỐ ILV

Hình Hậu-thiên Bát-quái theo vòng Từ-lực tự-nhiên.

HÌNH SỐ ILVI

KIỀN KHẢM CẤN CHẤN TỐN LY KHÔN ĐOÀI

DƯƠNG : 0 — THÁI-HÒA

ÂM : 0

Hậu-thiên Bát-quái trần-bày theo đường thẳng. HÌNH SỐ ILVII

Khôn Âm-cực Đoài Đường qui nạp của hai Cực Kiền Dương-cực

Đường qui-nạp của 2 Cực Âm và Dương : ngôi quẻ Đoài.

của Âm-Dương đều nhau con số 0 tượng sự giao-hoà của Âm-Dương. Xét trong 4 quẻ Dương có 12 hào thì có 6 hào Dương giao-hoà với 6 hào Âm.

Xét trong 4 quẻ âm có 6 hào Dương giao-hào với 6 hào Âm. Bên Âm và Dương đều có sự giao-hoà của Âm-Dương thì ta có thể nói là vòng Từ-lực có sự giao-hoà quân-bình vậy.

Hình *XLV* tức là hình giải sự giao nhau bên trong khối Từ, giữa hai quẻ Chấn và Tốn thì ta thấy hào đầu, một dương hoà với một âm,

hào thứ 2 một âm hoà với 1 dương, hào thứ 3 một hào âm hoà với 1 dương. Như vậy tức là có Đạo Thái-Hoà ở trong.

Hình *XLVII* tức là giải rõ những đường qui-nạp Từ-lực của hai cực Âm-Dương. Quẻ Đoài là quẻ trên có một hào Âm dưới có hai hào Dương, thì hào Âm ở trên đồng thể với Khôn âm-cực cho nên mới có Âm tiếp ở hào trên quẻ Đoài dưới có quẻ Kiền tức là Dương-Cực, nên dưới quẻ Đoài có 2 hào Dương để nối với cái Dương trong quẻ Kiền như vậy ta có thể nói là quẻ Đoài, tức là quẻ liên-lạc của 2 quẻ Khôn và Kiền, mà trên dưới đều có thể âm-dương liên-lạc vậy. Theo Từ-lực thì quẻ Đoài là những đường qui-nạp đi từ âm-cực Khôn sang dương-cực Kiền mà những Từ-lực-tuyến vẫn ở trong Từ-khối theo chiều đi từ Kiền đến Khôn.

Đúng theo những đường qui-nạp vận-chuyển của Từ-lực thiên-nhiên như thế thì ta có thể nói là

Hậu-thiên Bát-quái trần-bày theo một nguyên-tắc rất thích-hợp với lẽ thiên-nhiên với sự vận-hành của Trời Đất, tức là đúng theo với Thiên-lý với sự tuần-hoàn của muôn, vật trọn cõi hữu-hình này vậy. Vì những lẽ trên đã giải thì ta thấy rõ ràng là sự di-dịch các quẻ ở trong đồ Hậu-thiên rất hữu-lý đối với luật của Tạo-hóa và luật Thiên-nhiên cho nên cái lý của nó rất được vững-chắc mà có thể tồn tại được đến ngày nay. Sự trần-bày của Hậu-thiên Bát-quái như trên đây rất thích-hợp với cái lý của Từ-điện thiên-nhiên ta có thể nói rằng : Sự xếp-đặt của Hậu-thiên Bát-quái rất đúng với Khoa-học ngày nay.

Bốn hình vẽ trên đây tả rõ ràng từ lúc phát-hạy ra Từ-lực, sự vận-chuyển của nó, sự giao-hợp trong hai thể âm-dương và những đường qui-nạp của nó rất đúng với Khoa-học ngày nay vậy.

KẾT-LUẬN THIÊN LẠC-THƯ

Đồ-Thư là hai cái chìa-khóa tối-linh để mở cái Cửa linh-thiêng của

Lâu-đài Dịch-học. Nếu không thấu-hiểu, nắm chắc được hai cái chìa-khóa ấy, biết cách vặn mà mở cái Cửa dầy đóng đã gần 7.000 năm nay thì không hòng gì mà hiểu Dịch.

Cho nên tôi phải nhằn mạnh, các bạn yêu-chuộng Dịch-học cũng như tôi cố gắng nhận-xét, tính-toán tinh-vi để thấu-triệt được Dịch-lý, nắm được cái chìa-khóa báu ấy rồi sau thấu-triệt được cách sử-dụng thì ngàn vạn cửa ngõ khó khăn đến đâu Bạn sẽ mở được hết để đưa cái Trí-tuệ thông-sáng của con Người ra Sáu cõi, tung-hoành với Vũ-trụ, nhìn ngắm cõi Vô-vi uyển-chuyển để hưởng lấy cái đẹp, cái huy-hoàng của Thiên-lý.

Trên tôi đã giải rõ Căn-nguyên và vị-trí của Hà-Đồ, đến thời-kỳ di-truyền từ Hà-Đồ sang Lạc-Thư, hay từ cõi Tiên-thiên sang Hậu-thiên, bằng những tài-liệu xưa và nay chắc-chắn, để lập những Định-lý rõ ràng, chú-giải cái Nguyên-tắc của cái Nguyên-lý đã vững tức là cái Dịch-học đã xây ở trên một nền tảng chắc-chắn rồi thì ta còn đợi gì mà không mạnh tiến. Đã đành rằng: Khoa-học ngày nay rất tân-tiến: đã thấu-hiểu cái Nguyên-tắc âm-dương song-tiến (principe de Parité), mới chỉ có biết thế thôi vì Khoa-học hiện-tại chỉ đi từ Ngọn về Gốc, mà Dịch-học thì lại đi từ Gốc lên Ngọn. Nếu Khoa-học ngày nay đã nắm vững được cái gốc của Dịch-học rồi thì muôn muôn triệu triệu sự phồn-tạp chi-tiết sẽ thấy dễ như trở bàn tay vậy.

Cho nên cái gốc của Dịch là ở Hà-Đồ và Lạc-thư, học Dịch phải thấu-triệt được từ gốc rồi sau mới đến ngành-ngọn.

Sự biến-chuyển từ Tiên-thiên bát-quái để thành Hậu-thiên bát-quái bao hàm bao nhiêu luật-định căn-bản mà các nhà Bác-học thông-thái trên hoàn-cầu không thể bỏ qua được,

Biết rằng cái Trí-tuệ con người, cái Huệ của người một khi đã mở thì mới thấu-triệt được cả Sáu cõi trên toàn khắp cả Vũ-trụ. Cái sức tư-tưởng con người có thể phát-huy ra xa gấp 10 triệu lần sự cách xa Trái-đất đến mặt Trời mà còn nhanh gấp năm tỷ lần ánh-sáng Mặt Trời. Ta đừng tưởng cái Trí-tuệ của Trời cho ta nó chỉ nằm trong

phạm-vi con Người trong năm mươi quyền sách đầu ! nó phóng ra lên đến cõi Phạm-thiên, dung-hòa với cái Đại-nhất bao-trùm cả Vũ-trụ cái thân-xác ta đối với Trái-đất ta ở thật là bé nhỏ không thể tưởng-tượng được nếu các Bạn cùng tôi đặt thành số toán xem thì:

Biết rằng Trái-đất cân nặng :

6.100.000.000.000.000.000.000.000 Kgr. và nếu lấy một người trung-bình cân-nặng 61 Kgr.

61/6.100.000.000.000.000.000.000.000 :

1/100.000.000.000.000.000.000.000.

Một người thường đối với Trái-đất là một phần 100.000 tỷ tỷ lần.

Xem như trên thì con người đối với Trái-đất bé nhỏ đến như thể, cũng như ta đối với loại vi- trùng vô-hình, vô-tướng thôi vậy.

Hóa cho nên sức Từ-lực của Trái-đất có thể hấp- dẫn cả muôn loài một cách dễ-dàng, trong đám Từ-lực của Trái-đất tuy Khoa-học mới cho ta biết cái sức hấp- dẫn của Từ-lực thôi, nhưng các bậc Hiền-triết cổ Trung-hoa đã hiểu rỏ từng Từ-lực-tuyển theo từng nơi, từng chỗ theo Tổ-sơn xuất ra. Vì lẽ ấy mới có Khoa Địa-lý tróc long tìm huyệt, phong thủy cho dương-cơ âm-phần, mà còn có ảnh-hưởng cho con cháu về sau. Cho nên Thánh-nhân nói: ngẩng lên thì ngắm Thiên-văn, cúi xuống thì xem Địa-lý.

Theo Cổ-học Trung-hoa về môn Địa-lý đã cho ta hiểu rằng : Con người ta chịu không những ảnh- hưởng của khí-tiết nơi ở, lại còn bị ảnh-hưởng về Địa-lý theo Dương-cơ (nhà ở) và Âm-phần (mồ mả Ông Cha ta). Đó là ảnh-hưởng cái linh-khí theo Địa-pháp tức là Từ-lực theo Bình-diện (plan) nhưng ngoài Địa-pháp ấy tức là cách « Tróc-Long » hợp với Từ-giới của Trái-đất người ta bị ảnh-hưởng về Phong-thủy. Phong là gió, Thủy là nước. Nước và gió cũng mang cho ta bao nhiêu ảnh-hưởng về Vũ-trụ, theo Khoa-học ngày nay đã hé mở mà các nhà

Bác-học thường gọi là Huyền-bí. Khoa Địa-lý của Cổ Trung-hoa

đã bao gồm thu được cái linh-khí của Trời-đất theo ba đường khác nhau là:

1.° Tầm-Long tức là Từ-lực (Kỷ-hà 2 bề).

2.° Phong: gió đem Vũ-trụ-tuyền (Kỷ-hà 4 bề).

3.° Thủy: nước mang sinh-khí lưu-động (Kỷ-hà 3 bề).

Và một bề thứ năm có ảnh-hưởng vô-cùng đến lúc đã được ba điểm trên là: Thời-gian và Không-gian.

Chỉ trong cái môn Địa-lý cổ xưa của Người Trung-hoa đã bao-hàm bao nhiêu Định-lý gấp trăm ngàn lần linh-ứng hơn những thuyết Từ-lực, Tiểu và Đại Thiên-Địa của Leibnitz, thuyết Tương-đối (Loi de la Relativité) của Einstein.

Trên tôi nói sơ qua về môn Địa-lý cổ xưa để cho các bạn hiểu rõ cái năng-lực huyền-diệu tiềm-tàng trong Dịch-học vì khoa Địa-lý cũng chỉ là một khoa đã lấy Dịch-lý làm căn-bản, những quẻ trong Dịch làm Thể Dụng.

Cái mà ta chỉ nghe thấy Ông Cha ta truyền lại bằng miệng không ngờ là một môn-học rất công-phu mà sau này Thế-giới Văn-Minh cũng phải công-nhận là một môn Học huy-hoàng rực-rỡ vậy.

TAM-TÀI LUẬN

Cái tư-tưởng về Triết-học có những cái mà cái Trí của con người không thể nào lường được. Những sự kinh - nghiệm trong đời người là do ở ngũ-quan, những tư-tưởng của người cũng chỉ bó buộc trong vòng nghiệm-cứu và trải qua trong đời.

Khi một khoa Triết-lý nói về căn-nguyên muôn vật, lột hẳn cả những trạng-thái dĩ-vãng và hậu-lai thì không có một người nào có thể đứng ra để xét sự thực-hiện theo những lý-thuyết của người ấy. Cũng như Khoa-học ngày nay nói: trước kia những hành-tinh và mặt Trời hợp-thành một Tinh-vân thì ta cũng tin như vậy mà nhìn ngắm các Tinh-

vân vẫn có ở trên Trời, nhưng chúng ta chỉ có thể biết chắc chắn được khi mà chúng ta có thể nhìn được cái Tinh-vân nguyên-thủy ấy, thấy sự phân-chia ra mặt Trời và các Hành-tinh.

Lại khi mà Khoa-học nói những trạng thái tiến-hóa để những tế - bào thành (protoplasme) nguyên-chất và từ nguyên -chất để thành hình người qua nhiều trạng-thái tiến-hóa thì ta cũng nhận cái lý-thuyết đó là phải, không phải vì ta có thể xét được những trạng-thái ấy nhưng ta nhận là để cái tinh-thần ta mạnh thêm và phồn-thịnh hơn.

Mà nếu sự thực ở trong khuôn - khổ những nghiên-cứu của người thì người ta sẽ vứt hết cả những sự thật của Khoa-học hay Triết-học ở trên cái sức kinh-nghiệm của người. Như. vậy chúng ta sẽ mất một phần nhiều cái mức Thái-hòa về tinh-thần và sự giầu-thịnh của tư-tưởng. Và con người chỉ nhờ có sự tưởng-tượng mà lên trên được những ranh-giới bó buộc của cái xác trần, mang đến cho ta những cảm-tưởng vị-kỷ. Tinh-thần càng xa thì tư-tưởng càng mạnh và hai cái hợp lại mà tiến lên vậy.

Khi ta đứng trước những tư-tưởng Triết-học quá cao hơn những sự hiểu-biết của ta, ta chỉ có thể thấy được một cách bao-quát và nhận xét một cách mà những tư-tưởng ấy hợp với những cảm-tưởng thực-hiện của sự-vật. Nếu cái lâu-đài huy - quang về tinh-thần mà Triết-học tạo-lập ra, được vững-chắc và nhiều hứng-thú, nếu những sự kinh-nghiệm hằng ngày mà ta thấy có sự thông - thường đúng hợp với Triết-lý nầy hay Triết - lý khác thì ta lấy Triết-lý ấy làm qui-củ mực thước cho đời chúng ta.

1.— Thể theo Đức Đại-quang-minh nói rằng: Vũ-trụ với hàng triệu Tinh-tú gom làm một Đời linh động gọi là Trời, là Sshvara, Ahura, Mazda Allah hay là Thiên-thể. Cái độc-nhất vô nhị gọi là Vũ-trụ

Thần-linh (Logos cosmique) (Kum advitiyam) huy-động cả Vũ-trụ theo thể Tam - tài mà Ấn-độ giáo (Hindouisme) gọi là Brahma Tạo-hóa, Vishnou là bảo-thủ Shiva là phá-hoại, trong đạo Gia-tô (christianisme) Tam-tài thì tượng Đức Chúa Trời là Cha, Đức Chúa

là Con và Thánh-thần.

Thể theo Dịch-lý Trời là Thái-cực, Âm tãnh và Dương động.

2.- Hợp với công-việc của Tạo-hóa trong Vũ-trụ có bảy hiện-trạng Tạo-hóa gọi là 7 vòng Thiên-thể của Hành-tinh. Tắt cả các Tinh-tú trong Vũ-trụ là những trung-tâm Thái-dương-Hệ tiến-triển theo hệ-thống riêng từng vòng một và tắt cả 7 vòng đều theo một hệ-thống chung của cõi Đại-nhất theo Hình dưới đây.

Người ta tượng-trưng cái nguyên-tắc khởi-thủy của Vũ-trụ và 7 Tinh-hệ. Một trong bảy vòng nhỏ ở trong có hằng-hà sa-sỗ Tinh-tú. Đó là 7 Tinh-hệ ở trong vòng tròn lớn là Vũ-trụ thần-linh.

3.- Trong cõi Thượng-giới có đức Đế-quân chủ-tế Thái-dương-Hệ hay Thái-dương-thần là một vì Tinh tú chủ-tể một Hệ-tinh có hàng triệu Tinh-tú có đủ sinh-lực, Tinh - quang và cái đức Chí - thiện độc-nhất vô-nhị. Ai có thể biết được cái mục-đích

riêng-biệt mà Thái-dương-thần tiền-phát trong Vũ- trụ? Nhưng sự đích - thực là đối với chúng ta là người nó là Trời là ranh-giới tư-tưởng của chúng ta, là ông Trời mà chúng ta có thể cảm được vì chúng ta là Ngài không ai khác. Thật ra thì chúng ta bị vào trong vòng cái độc-nhất vô-nhị mà chúng ta tự-hào là cái nhân trong cả một cõi deo giống. Sự huy-động của - Thái-dương-thần (Logos Solaire) chỉ là để ướp cái hạt giống đến lúc mà nó có thể thành người được cũng như người Mẹ nuôi dưỡng Bào- thai đến khi nào thành con được.

HÌNH ILVIII

Hình Vú-trụ Thăn-linh

Cái cõi huy-động của nó bao-quát từ mặt Trời làm trung-tâm-điểm mà đường bán-kính đến tận cái Vệ-tinh của một Hành-tinh xa xăm.

Trong một bầu Trời sáng-lạng nó hoạt-động, kìm cái Tinh-hệ luôn luôn để vén mở cái thể huy-hoàng toàn-thiện toàn-mỹ của nó qua những Kiếp, đến một ngày Quang-vinh sáng-láng mà tất cả Thái-dương-Hệ đã được hấp-thụ cái linh-khí ấy trở lại cõi Thượng-giới với Ngài với sự Vinh-quang bất-diệt.

4.- «Cái gì ở Thượng-giới cũng như ở Hạ-giới». Thể theo cái lý Thái-cực đồ-thuyết ở trên giải theo thể Tam-tài thì cái Thái-dương-Hệ cũng có thể Tam-tài theo Dịch-lý. Sự biến-dịch ấy thể theo 3 nguyên-tắc mà trong các Đạo-giáo gọi là Tạo-hóa, sinh-tồn và phá-hoại hay : Cha, Con và Thánh-thần. Ba sự tượng-hình của Tam-tài chung-qui tóm-thâu cả vào một Đại-nhất Thần-linh hay Thái-cực của Đạo Dịch vậy.

5.- «Cái gì ở Thượng-giới cũng như ở Hạ-giới». Tuy cõi Vũ-trụ chúng ta có 7 cõi hay 7 cõi phát-huy sinh-khí vô-tận hay là 7 cõi Hành-tinh. Đạo Ấn (Hindouisme) gọi là 7 Prajâpattis (chúa-tể Tạo-hóa), theo Đạo Zoroastrisme gọi là 7 Amesha Spentas (vị Thánh bất-tử), trong đạo Hébraique và Gia-tô gọi là bảy vị Thánh-thần chầu Thượng-đế.

Những năng-lực của bảy Thánh - thể ấy phát-huy chiều theo ranh-giới cái Thái-dương Hệ, từng cái nguyên-tử nhỏ bé cũng đều nhuần-thấm cái năng-lực riêng-biệt của 7 Hành - tinh (7 Logoi) như một nguyên-tử có ánh mặt Trời chiếu vào thì bẩy cái giây nhỏ kết-thành nó bật ra thành 7 màu (cầu vòng). Mỗi một Hành-tinh đều có những chủ-tổ riêng mà mỗi Tôn-giáo gọi một cách khác nhau.

HÌNH ILIX

Tam-tài Thái-dương-Hệ

Tóm tắt sự động-tác của Tam-tài trong phạm-vi hệ-thống của nó.

Thái-cực huy-động theo ba phương-diện có những tính-cách đặc-biệt theo dưới đây :

1.- Đầu tiên hay Thái-cực :

Thiêng-liêng huyền-diệu — Nhân-loại.

2.- Thứ nhì hay Dương-nghi :

Động-tác — Tượng-hình.

3.- Thứ ba hay Âm-nghi :

Năng-lực — Vật-chất.

Trước khi Thái-cực phát-động cái hệ-thống của nó, nó đã tạo ra một cõi thiêng-liêng có đủ từ thủy đến chung, tạo ra cái nguyên-thể, nguyên-hình, những tư-tưởng, cảm-tưởng và ấn-định những định-lý và các trạng-thái mà mỗi một nguyên-hình phải trải qua trong vòng tiến-hóa. Sau một thời-gian nhất định để thành tượng, nó bắt đầu huy-động qua cõi thứ ba để thành năng-lực và hình vật-chất.

Trong vòm Trời vô-cùng-tận mặt Trời và các Hành-tinh sinh ra, thoạt tiên không có một vật nào là giống cái vật-chất (vô và hữu-hình) mà chúng ta thấy bây giờ trong Thái-dương-Hệ. Hồi đó nó chỉ có cái «nguyên-thể vật-chất» hay là theo Ấn-độ gọi là «Mulaprakriti» đó là thứ Ê-te trong không-trung mà trí-tưởng của ta không thể hiểu được vì cái nguyên-thể ấy nó chỉ ở trong những «lỗ trống» của

Ê-te thôi, theo Thông-thiên-học thì gọi là Koilon.

Trong cái Koilon ấy hay là cái Ê-te nguyên-thủy của không-gian, trạng-thái thứ ba hay Âm-nghi tung tóe cái năng-lực của nó ra, ép đẩy cái Koilon ra thành hằng-hà sa-số chấm. Mỗi một «vi cầu» hay là chấm ánh-sáng là một chấm rỗng không trong cái Koilon, nó là một điểm lương-tri của trạng-thái thứ ba. Khi nó muốn càng đẩy cái Koilon chung-quanh cái vi-cầu thì vi-cầu càng tồn-tại. Song nó xếp-đặt những vi-cầu ấy theo hình xoáy-ốc hợp có 7 vi-cầu và nó giữ như vậy theo ý muốn của nó. Đó là dây xoáy-ốc vi-thủy, rồi Thượng-đế lại cuốn nó thành những vòng tròn lớn hơn, 7 vòng xoáy-ốc hợp-thành một vòng xoáy-ốc thứ nhì. Và cứ thế đến vòng xoáy-ốc thứ 6.

Mười cái đường vòng xoáy-ốc hợp lại, hình như ràng buộc với nhau để thành nguyên-tử vật-chất. (coi hình XXXVI — XXXVII)

Rồi thành cõi hữu-hình mà muôn sự vật thành vậy.

Trong trạng-thái thứ ba đã nói ở trên là để thành những vi-cầu trong Koilon, những vi-cầu ấy là những viên gạch (tạm gọi) để tạo ra 7 Cõi trong Thái-dương-Hệ.

HÌNH L

Hình 7 cõi từ cõi Ta-bà vật-chất ở dưới lên đến cõi Phạm-thiên

Cõi thứ nhứt hay cõi Adi hợp thành bởi những vi-cầu ở ngay trong Koilon và Nguyên-tử của cõi ấy là một vi-cầu. Nguyên-tử cõi sau là cõi Anupâdaka

hợp bởi 49 vi-cầu. Nguyên-tử cõi Atmique (trên cõi Phật) hợp bởi 49^2 hay là 2401 vi-cầu. Rồi đến những Hạ-giới như Nguyên-tử ở cõi Phật (Plan Buddhique) hợp bởi $2401 \times 49 = 49^3$. Nguyên-tử cõi Tư-tưởng (Thượng-giới) là $49^4 = 2401 \times 2401$. Nguyên-tử cõi Tinh-ba (Trung-giới) là $49^5 = 49 \times 2401 \times 2401$.

Nguyên-tử cõi Hạ-giới là $49^6 = 49 \times 2401 \times 2401$ vi-cầu cộng thêm một số vi-cầu nhất-định tùy theo sự hợp-thể riêng của Nguyên-tử vật-chất và phân chia theo từng thể để hợp-thành từng tế-bào, từng phân-tử để thành thể-chất, loại không-khí, loại nước, cứng, mềm vân vân. Hòa-hợp thành cõi Hữu-hình của chúng ta vậy.

Trạng - thái thứ ba là một Thần-lực làm sống thể-chất trong các Cõi. Điện-khí nói để tả cái Thần-lực ấy trong thể-chất của cõi hữu-hình, còn một thứ điện hoàn-toàn khác nữa là «Kundalini» con «Rắn lửa huyền-bí» hoạt-động trong các cơ-thể thượng-đẳng.

— Qua nhiều kiếp : kiếp khoáng-vật, thực-vật, súc-vật và Người, đó chỉ là một tạo-thành, kiến-thiết, phá-hoại và lại trùng-tu luôn làm

việc để thành hình càng ngày càng tươi-đẹp thêm lên. Cái Một trước khi bắt đầu công-việc tạo-tác trong thể khoáng-

vật (matière minérale) chia ra làm 7 luồng, mà mỗi luồng có một đặc-điểm khác nhau và bất-di bất-dịch.

HÌNH LI

TYPES DE VIE

1- Đời Khoáng-vật 3- Đời Động-vật 2- Đời Thực-vật 4- Đời Người.

(Phỏng theo đức Jinarajadasa).

Kiếp Đời kiểu mẫu

Cõi Sinh-tồn độc nhất tượng bằng hình Tam-giác trong một hình tròn. Mỗi một luồng trong bảy luồng trong hình lại phân ra làm bảy thứ khác. Nếu $1-2-3-4-5-6-7$ tượng 7 luồng chính, thì những luồng nhỏ hình theo bản-đồ sau này:

HÌNH LII

1_1	2_1	3_1	4_1	5_1	6_1	7_1		1_2	2_2	3_2	4_2	5_2	6_2	7_2
1_3	2_3	3_3	4_3	5_3	6_3	7_3		1_4	2_4	3_4	4_4	5_4	6_4	7_4
1_5	2_5	3_5	4_5	5_5	6_5	7_5		1_6	2_6	3_6	4_6	5_6	6_6	7_6
1_7	2_7	3_7	4_7	5_7	6_7	7_7								

Xem như vậy thì ta hiểu rằng: mỗi một thứ vật có 7 thứ giống nhau, trong giống đầu tiên có tính-cách đặc-biệt bồi làm đôi, những thứ giống theo sau từ 2 đến 7 thì những tính-cách riêng biệt của nó cải-tạo theo những tính-cách 6 giống căn-bản theo bản-đồ trên đây.

Nếu ta lấy hai hình trên đây đổi chiều với hai hình vuông và tròn của Phục-Hi Bát-quái ta sẽ thấy những giải-thuyết của Đức Jinarajadasa

rất đúng, nhưng một đằng thì dùng Bát-quái và một đằng thì theo thể Bảy.

Tuy nhiên ta thấy bản-đồ Thái-cực và 64 quẻ vuông theo tôi xếp ở trên đúng hơn mọi thuyết-lý là vì muôn sự vật đều do thể Bảy hợp để thành Một thể vật khác. Cái vật thứ Tám ấy không thấy Đức Jinarajadasa nói đến. Ví-dụ bảy màu rung-động để thành ánh-sáng mặt Trời tức là thể Tám, như 7 âm-thanh: Do ré mi fa sol la si hợp lại để thành một Âm-giai Do (gamme de Do) hay là :

Do - ré - mi - fa dièse - sol - la - si hợp lại thành một Âm-giai Sol (gamme de Sol) v. v...

Theo Đức Jinarajadasa lại không nói đến cái Thành-vụ theo Ánh-sáng mặt Trời (Lumière blanche) như Âm-giai Do hay Âm-giai Sol v.v...

Vậy ta thấy thuyết của Phục-Hi hoàn-toàn hơn nhiều lắm, tỏ rõ được muôn sự vật, tạo vật và thành vật, tức là nói có tượng có hình rõ ràng vậy.

GIẢI-THÍCH HẬU-THIÊN BÁT-QUÁI THEO SỰ SINH

Đạo Dịch tức là Đạo của Trời-Đất biến-hóa luôn luôn mà trong đó lúc nào cũng có sự dung-hòa và giữ mức quân-bình, thái-hòa tức là Đức Trung vậy. Đức Trung lúc nào cũng bao-hàm cái ý Hòa, vì có Hòa thì mới Trung được, mà hễ Trung được thì tất có Hòa. Trung là lúc hoàn-toàn có sự quân-bình.

Đức Phu-tử nói rằng : «Trung là cái gốc lớn của Thiên-Hạ; Hòa là chỗ đạt được cái Đạo của Thiên-Hạ. Đến được chỗ Trung-Hòa thì Trời-Đất yên ngôi mà vạn-vật hóa-dục» (Trung-dung).

中也者。天下之大本也。和也者。天下之達道也。至中和。
天地位焉。萬物育焉。

Trung dã giả, Thiên-Hạ chi đại-bản dã, Hòa dã giả, Thiên-Hạ chi đạt Đạo dã. Chí

Trung-Hòa Thiên-Địa vị yên, vạn-vật dục yên.

Vì lẽ ấy cho nên hình ở trên tỏ rõ sự dung-hòa của âm-dương. Đối với Âm-Dương thì Trung nghĩa là cái năng-lực đồng nhau, ví-dụ:

Âm-lực là -50 thì dương-lực là $+50$, như vậy là Trung. Còn Hòa thì hai khí âm-dương đồng năng-lực trộn với nhau thì gọi là Trung-Hòa, tức là sự quân-bình, là cái đức tối-cần để duy-trì sự Hóa-dục cho muôn vật. Cho nên trong 8 quẻ của Văn-Vương không có một Âm hay một Dương thừa hay thiếu để giữ sự quân-bình đăng-đối với nhau mà sinh sinh hóa hóa vậy.

Đạo Trời-Đất theo cái Trung mà biến-hóa luôn luôn không bao giờ ngưng-nghỉ và làm cho mỗi ngày một mới thêm để đi đến chỗ toàn-thiện toàn-mỹ, đó là cái thịnh-đức của Trời-Đất. Hệ-từ-thượng nói rằng: Nhật tân chi vị thịnh-đức.

日新之謂盛德。

Một Âm một Dương biến-hóa mà sinh ra Vạn-vật mà Dịch là Đạo gồm các nguyên-tắc của sự biến-hóa ấy, cho nên Hệ-từ-thượng lại nói rằng: Sinh sinh chi vị Dịch.

生生之謂易。

Muôn vật trong Vũ-trụ sở-dĩ có là nhờ ở sự Sinh-Hóa của Trời Đất. Hệ-từ-hạ nói rằng: Đức lớn của Trời-Đất là sự Sinh.

天地之大德曰生。

Thiên Địa chi Đại-đức viết: Sinh.

Hậu-thiên Bát-quái tượng-trưng cả Trời-Đất Nhân Vật ắt nó tượng-trưng cái đức lớn của Trời Đất và muôn vật, lấy sự sinh-dục làm căn-bản của muôn loài. Hóa cho nên lấy cái Lý Sinh-dục mà giải thì

ta sẽ thấy sự xếp-đặt thứ-tự của 8 quẻ Hậu-thiên rất có lý và ta sẽ thấy rằng không phải là ngẫu-nhiên mà Văn-Vương đặt ra 8 quẻ đó. Bắt đầu từ quẻ Kiền mà đi tức là tượng cái tinh-khí thuần-dương của giống đực phát-huy ra vào cơ-thể của giống cái; tức là lúc cái trạng-thái một Dương bị hai Âm bao-bọc, cho nên để quẻ Khảm tượng trạng-thái đó. Âm-Dương giao-hợp trong lúc Thái-hòa sung-sướng, cái vi-dương nằm ở trong Âm bắt đầu thành bào-thai lớn dần lên; đến kỳ mãn-nguyệt khai hoa thì cái bào-thai ra ngoài cái Âm mà ra cõi hữu-hình, tượng của quẻ Cấn một dương trên hai âm như lúc bào-thai thoát cõi âm-u ra ngoài cõi sáng.

Đứa bé đã sinh ra ngoài đời, mới vừa lọt khỏi

lòng mẹ đã biết cất tiếng khóc để chào đời. Như vậy có ý-nghĩa mới sinh ra ắt là sinh-vật, hễ sinh-vật thì tức phải động. (Cho nên tiếp quẻ Cấn đến quẻ Chấn tượng là Động.

Từ quẻ Kiền đến quẻ Chấn tức là tượng những trạng-thái của Sinh-vật ở thời kỳ phôi-thai, còn trong vòng yếu-ớt, chưa thành người hẳn. Ta có thể nói những trạng-thái trên là thời-kỳ phôi-thai của Sinh-vật thuộc thể Dương, nghĩa là thực mà hư vì từ lúc bắt đầu thụ-thai cho đến lúc sinh thì chưa trông thấy được hình vật, nên có nghĩa thực mà hư.

Từ quẻ Tốn bắt đầu đến quẻ Đoài thì thuộc quẻ Âm tức là thời-kỳ vật đã lớn đến lúc chết và ở thời Đoài là lúc chuyển kiếp luân-hồi vậy.

Tốn ☴ Bắt đầu quẻ Tốn là mới vào thể Âm-nghi tức như người đã bước chân vào cõi đời, cõi bể-dâu vật-chất, thì lúc mới đầu những vật-dục còn ở dưới chân, nên lấy tượng quẻ Tốn có một hào âm ở dưới và 2 hào dương ở trên, với tính cách khiêm-tốn, nhường-nhịn mà tuổi trẻ hành-động theo sự học-hỏi dần dần lớn lên.

Phàm người hay vật sống trong vòng vật-chất, vật-dục có ở ngay dưới chân mình mà lại trong cuộc bể-dâu xô đẩy, lấy vật-chất làm căn-bản, bị sóng gió

ở đời dồn-dập, nhục-dục càng nhiễm lần lần xâm-nhập vào trong thầm-tâm, nên mới cho những sự phú-quý giàu-sang làm đẹp lòng, tửu sắc, cờ bạc làm thú-vị nên lấy tượng quẻ Ly-☲có một hào âm ở trong hai hào dương. Ly có nghĩa là tươi-đẹp và ly lìa vậy. Lấy cái đẹp-đẽ của đời vật-chất làm vui-đẹp ất phải có sự chia-lìa với tinh-thần cao-cả, quên cái gốc mà theo ngọn vậy.

Một khi tâm đã theo con đường Nhục-dục, Vật-dục đã lấn-áp trí-hướng con người theo thuận chiều về với những sự vinh-hoa phú-quý bề ngoài mà bỏ cái đức-độ ở bề trong. Tinh-thần và thân-xác ắt bị hao mòn vì Vật-dục mà đi đến chỗ chết. Nên sau quẻ Ly có quẻ Khôn tượng trạng-thái thuần âm, bất-động là lúc người và vật đi đến chỗ lấy ba tấc đất làm nơi an-nghỉ, là cái mồ chôn bao sự Hỉ Nộ Ai Lạc, bao vinh-hoa phú-quý, bao sự lẫm-liệt oai-hùng vậy.

Chết là một trạng-thái thay đổi hình-thể của Người và Vật, thân-xác tan rã ra và cái khí tinh-anh lên cõi tinh-thần vô-thanh vô-sắc.

Trong Lễ-Ký Tế-Nghĩa XXIV nói rằng: «Chết ất trở về Đất, xương thịt tan-rã dưới Đất; cõi Âm là đất ngoài đồng (ruộng), cái khí của nó phát dương lên cõi trên sáng-sủa».

«Tử tất quy thổ, cốt nhục tệ ư hạ, âm vi dã thổ, kỳ khí phát dương ư thượng vi chiêu minh».

死必歸土·骨肉斃於下·陰為野土·其氣發揚於上為昭明。

Như vậy tức là những Nguyên-tử Thần-linh sáng-sủa hay là cái Vi-cầu của Koilon của Nhân-vật huy-động trong cõi Thần-linh để đợi sứ-mệnh khác hầu đi đầu-thai kiếp khác.

Lấy Nhân-sinh Triết-lý mà giải Hậu-thiên Bát-quái ta thấy mỗi quẻ đều ở ngôi rất đích đáng và hữu-lý vậy.

TIẾT 2

右易之圖九。有天地自然之易。有伏羲之易有文王周公之易。有孔子之易。自伏羲以上皆無文字只有圖畫最宜深玩可見作易本原精微之意。文王以下，方有文字，即今之周易，然讀者亦宜各就本文消息，不可便以孔子之說為文王之說也。

o DỊCH ÂM: Hữu Dịch chi Đồ cửu, hữu Thiên-Địa tự-nhiên chi Dịch, hữu Phục-Hi chi Dịch, hữu Văn-Vương, Châu-Công chi Dịch, hữu Khổng-Tử chi Dịch. Tự Phục-Hi dĩ thượng giai vô văn tự, chỉ hữu đồ họa, tối nghi thâm ngoạn, khả kiến tác Dịch bản-nguyên tinh vi chi ý. Văn - Vương dĩ hạ, phương hữu văn tự tức kim chỉ Châu Dịch, nhiên độc-giả diệc nghi các tựu bản văn tiêu tức, bất khả tiện dĩ Khổng-Tử chi thuyết vi Văn-Vương chi thuyết dã.

o DỊCH NGHĨA: Chín bản-đồ vẽ trên (bên phải) là : Dịch của Trời Đất tự-nhiên, Dịch của Phục-Hi, Dịch của Văn-Vương, Dịch của Châu-Công, Dịch của Khổng-Tử. Từ đời vua Phục-Hi về trước không có văn tự, chỉ có Đồ vẽ khó hiểu phải xem cứu rất thâm xâu mới có thể biết được cái tinh-vi căn-bản của Kinh Dịch. Từ Văn-Vương trở xuống mới có văn-tự, tức là sách Châu Dịch ngày nay, nhưng độc-giả củng nên suy-gẫm các bản văn mới khỏi sự lầm lẫn, lấy thuyết của Khổng-Tử làm thuyết của Văn-Vương vậy.

Phụ-lục.— Chu-Tử nói rằng: Bây giờ phàm nói trong Dịch đều là cái Dịch của Hậu-thiên.

Họ Đồng nói rằng: Ở Hạc-Sơn họ Ngụy nói là Dịch của Chu-Tử đại-để thụ được phần lớn ở Thiệu-Tử; không đọc Dịch của họ Thiệu thì hoang-mang không hiểu Bản-nghĩa, vì lẽ ấy làm ra sách Khải-Mông.

THIÊN NÀY NÓI VỀ LỊCH-SỬ KINH DỊCH TRẢI QUA CÁC THỜI-ĐẠI TỪ ĐỜI PHỤC-HI.

KINH DỊCH

Kinh Dịch gồm có ba quyển :

Đó là trải qua Bốn vị Thánh-nhân mới làm xong quyển Kinh-Dịch. Nhiều bậc Tiền-nho chú-thích bản-nghĩa, sau này còn truyền-tụng lại lời Dịch-truyện của Trình-Di và Bản-nghĩa của Chu-Hi.

o LỜI BÀN: Khổng-Tử nói rằng: Ôi! Dịch là để mở mang muôn vật, thành được mọi việc, bao-quát được cái Đạo của Thiên-Hạ. Cho nên Thánh-nhân dùng Đạo Dịch để thông được cái Trí của Thiên-Hạ, định được Công-nghiệp của Thiên-Hạ, đoán được cái Ngờ của Thiên-Hạ.

夫易開物，成務，冒天下之道，如斯而已。是故聖人以通天下之志，以定天下之業，以斷天下之疑。

o DỊCH ÂM: Phù Dịch khai vật, thành vụ, mạo Thiên-Hạ chi Đạo, như tư nhi dĩ. Thị cố Thánh-nhân dĩ thông Thiên-Hạ chi Trí, dĩ định Thiên-Hạ chi Nghiệp, dĩ đoán Thiên-Hạ chi Nghi.

— Trên đức Phu-Tử giải rõ cái ý-nghĩa của Đạo Dịch. Dịch là một Đạo, là một con đường mà

Trời Đất đã vạch ra mà muôn vật đều phải tuân theo đi con Đường đó. Ta nên phân-biệt cái nghĩa của Dịch từ lúc người sáng-tạo cho đến thời bây-giờ.

Vậy tôi xin gồm ra đây cái nghĩa của Kinh Dịch mà các Tiên-hiền đã chú-thích mỗi thời một khác:

1- Dịch là môn Hình-tượng-học.

2- Dịch là Tượng-số để bói-toán xem Cát Hung.

3- Dịch là môn Lý-học cao-siêu.

Muốn giải cho rõ ba cái thời mà Thiên-hạ chăm-chú về Kinh Dịch theo những nghĩa-lý khác nhau, ta phải trở lại với cái Ngayên-lý của nó mà lúc đầu chưa có Tiên-thiên Bát-quái của Phục-Hi.

Vậy tôi có thể phân chia ra làm 7 loại Dịch như dưới đây:

I- Dịch của Thiên-Nhiên.

II- Dịch của Phục-Hi.

III- Dịch của Hạ-Võ.

IV- Dịch của Văn-Vương.

V- Dịch của Châu-Công.

VI- Dịch của Khổng-Tử.

VII- Dịch của các thời-đại sau và thứ nhất của Tống-Nho: Trương-Hoành-Cứ, Trình-Di và Chu-Hi v.v...

∴

I- DỊCH CỦA THIÊN-NHIÊN

Theo Bà Blavatsky trong quyển Doctrines Secrètes thì có 7 lần Tạo-hóa kiến-tạo sau cái Thần-minh tuyệt-đối. Trong các kinh-điển Pouranas bên Ấn-độ, kinh nào cũng nói đến sự kiến-tạo của Thiên-Nhiên sau cái «Trí-tuệ tuyệt-đối» mà nó không thể có sự liên-quan với ngũ-quan của người vậy.

Đó là:

1- Cái Linh-hồn hoàn-toàn, cái Tinh-thần vô cùng-tận, hay là cái Tinh-thần thiêng-liêng tuyệt-đối. Đó là Thái-cực trong Đạo Dịch.

2- Sự kiến-tạo Hành-thể phân ra trên cái thể-chất hoàn-toàn và chưa rõ-rệt (tức là cái linh-khí tuyệt-đối tinh-vi cao-siêu của Ngũ-hành).

3- Sự tiến-triển về Cơ-thể.

Ba sự kiến-tạo trên tức là "những sự phát-triển của cái Tạo-hóa chưa thành hình rõ-rệt tạo ra sau một nguyên-tắc lờ-mờ, không rõ rệt.

4- Sự kiến-tạo cần-thiết (những vật thấy được)

tức là sự kiến-tạo những thể vô-tri.

5- Sự kiến-tạo các Vật.

6- Sự kiến-tạo các Thần-linh.

7- Rồi đến sự kiến-tạo loài Người.

Chữ Vật trên đây theo môn học Bí-truyền gồm tất cả sinh-linh kể cả người. Thứ-tự trên đây theo môn học Công-truyền.

Theo Bí-truyền thì có 7 sự kiến-tạo phôi-thai và 7 sự kiến-tạo thứ nhì.

Những sự kiến-tạo đầu tiên biểu-trưng những lực-lượng tự nó phát-triển ở ngoài cái Lực Độc-Nhất vô Nguyên-nhân.

Những sự kiến-tạo thứ nhì làm hiển-hiện cho ta thấy cái Vũ-trụ huy-động do những hành-thể thần-linh đã phân-tách.

Theo về Tâm-truyền hay Công-truyền những sự kiến-tạo ở trên tượng-trưng 7 hạn-định của sự Tiến-hóa sau một «tuổi» hay là một ngày của Bà-la-ma. Trong Thánh-kinh của đạo Gia-tô thì 7 hạn-định rút lại trong sáu ngày của sự kiến-tạo và ngày thứ 7 là ngày nghỉ (ngày Chúa-nhật) và người Âu-tây theo lý đó một cách triệt-để. Trong khoa Triết-lý của Ấn-độ, khi mà đấng Tạo-hóa hoạt-động để sinh ra cõi Thần-linh, nhưng cái tinh-vi của những

hành-thể chưa phân-tách và những Tục-quan (ngũ-quan) sau này (tóm lại là cõi của những nguyên-hình) thì Vũ-trụ không thay đổi trong một ngày Bà-la-ma hay là một thời-hạn là 4.320.000.000 năm, cái thời bất-động, an tĩnh hay là «Thời tiêu-tức» nghỉ-ngơi của Triết-lý Á-đông tiếp theo sau thời-hạn tiến-triển huy-động.

Khi mà Trí-tuệ đã thấy đến cái Nguyên-tử nhỏ bé nhất của 7 nguyên-nhân Vũ-trụ thì bắt đầu sự kiến-tạo thứ nhì nối theo cái thời-hạn yên tĩnh mà chúng ta vừa nói.

Trên đã nói trước khi cái Tiên-thiên Bát-quái của Phục-Hi thành lập thì ở trên cõi hư-không đã có cái Dịch-lý của Thiên-nhiên, tức là cái Linh hồn tuyệt-đối của tất cả cái tuyệt đối. Tức là cái Hồn không hồn của Thái-cực mà Trương-hoành-Cử gọi là Vô-cực tức là cái «Đạo

không tên như ta thường gọi» là cái Đạo của Lão-tử. Cái Dịch-lý trên cõi Vô-hình tức là trong cõi Hư-vô của cái Đại-Nhứt tuyệt-đối. Ví như người đặt ra 25 chữ cái của chữ Tây là Bậc Cauc... ldi A R S ... đến X Y Z thì trước <!– TODO: Check chữ mờ –>

chữ Z có chữ Y, trước chữ C có chữ B, trước chữ B có chữ A. Chữ A là chữ đầu tiên cả một hằng-hà sa-số văn thơ sau này. A có thể ví như một tạo-công đầu tiên của chữ Tây, ta tạm gọi là Thái-cực,

nghĩa Thái-cực là cái tên đầu tiên gọi trong Dịch. Nhưng trước khi có chữ A ắt có cái tinh-thần, trí-tuệ của người nghĩ ra nó, sáng-tạo nó. Cũng như trước khi có Thái-cực tức là có một tinh-thần vô hạn, tuyệt-đối thiêng-liêng rồi mới có cái Thái-cực. Cũng như người nghĩ ra cái gì, thì ắt phải suy-nghĩ, trí-tuệ phải động để phát-triển cái Thần-minh ra để lập-thành trong trí những cơ-quan của vật sau này, bằng sự tưởng-tượng, tượng cái hình sau này; hình ra bằng bản vẽ, rồi thợ Tạo theo đó mà làm theo. Hóa cho nên trên Thái-cực còn có Vô-cực, vì lẽ ấy Vô-cực tức là cái Tinh-thần tuyệt-đối huy-động, di-dịch để tạo nên cả cõi Vô-vi và Hữu-hình vậy.

Vì những lẽ ấy mà bên Âu Tây ví cái tinh-thần thiêng-liêng vô-biên đó, hay là cái Vô-cực là một Kiến-trúc-sư một Tạo-công vô-hình. Nếu ai đã hiểu rõ cái nghề của Kiến-trúc-sư ắt hiểu rõ sự kiến-tạo đầu tiên của cõi Vô-vi và hữu-hình một cách rõ-ràng vậy. Một Kiến-trúc-sư trước khi vẽ một tòa nhà, ắt phải hiểu-biết sự cần-thiết và nhu-cầu của cái nhà sẽ cất, hay là phải biết cái «Bản-ngã» của cái nhà sẽ cất, ắt phải có cảm-hứng mà tượng-trưng trong óc cái nhà đó. Rồi lấy bút phác-họa trên giấy những cảm hứng đầu tiên của mình. Cái cảm-tưởng của cái

tư-tưởng đầu tiên đó là phần thiêng-liêng ví như Vô-cực, rồi phác-họa thành hình, vẽ lên giấy trắng sửa chữa cho cân-đối, lựa trọn những vật-liệu cho từng nơi, từng chỗ cho thật xứng với luật tương-đối và điều-hòa theo sự nhu-cầu về phương-diện mỹ-thuật cũng như các phương-tiện cần-thiết mà cái nhà đó phải dùng đến. Rồi theo bản phác-họa ấy những họa-sĩ (dessinateurs) lột dần dần cái tinh-

thần của nhà Kiến-trúc-sư lên trên những bản-đồ huy-hoàng làm căn-bản cho sự xây cất sau nầy. Sau theo đúng kích thước đã định các thợ mộc thợ nề (hồ) thợ sắt vân vân cộng-tác nhau mà xây dựng lên một tòa nhà theo đúng hình bản-đồ vậy.

Cái nhà cất lên theo đúng ý-tưởng của nhà Kiến-trúc-sư tức là cái ý-tưởng đã hiển-hiện bằng thể-chất hữu-hình như gạch, đá, sắt, vôi, cát vân vân. Cho nên ví cái Vô-cực như cái tinh-thần tư-tưởng của nhà Kiến-trúc-sư trong phạm-vi vô-biên vô-giới bao-la bát-ngát hình như không-tưởng. Cái trí-óc phải hoạt-động để nghĩ những cách phân chia các phòng chiều theo kích thước. Nên trước cái cõi có tượng hay là cõi nguyên-hình thì đã có cái cõi thần-minh tuyệt-đối mà trong đó vẫn có một sự hoạt-động thiêng-liêng. Cho nên tôi nói là trước cõi Tiên-thiên còn có cái Thần-minh tuyệt-đối vô-cùng hoạt-động để

phát - huy cái cõi hình - tượng hay là cõi của các nguyên-hình. Vì lẽ ấy tôi mới gọi là Dịch của Thiên-nhiên tức là trước Dịch của Phục-Hi đã có cái Dịch-lý của cõi Thần-minh tuyệt-đối cùng hoạt-động để sáng-tạo ra cõi Tiên-thiên.

Tiên-thiên đã có nghĩa ở trong chữ gọi. Tiên nghĩa là trước, Thiên nghĩa là Trời nghĩa là cái gì có trước Trời có trước khai Thiên lập Địa, tức là cõi của các nguyên-hình của muôn sự-vật hay là cõi không-tưởng mà trí-tuệ con người không thể tưởng-tượng được, đó là cõi vô-hình tuyệt-đối.

Trạng-thái đó có thể ví như lúc người Kiến-trúc-sư (Architecte) hình-dáng và sự xếp-đặt bản-đồ của một lâu-đài hay biệt-thự, tượng-trưng trong trí-não vậy. Trạng-thái đó đối với sự sáng-tạo ra Vũ-trụ có thể gọi là cõi Tiên-thiên.

II.- Dịch của Phục-Hy. Vua Phục-Hi (4480-4366 T.T.L.K.N) thấy con Long-mã hiện trên sông Hà mà cảm thấy cõi Thần-minh tuyệt-đối đó kiến-tạo cõi nguyên-hình trong cõi

vô-hình trước khi có cõi hữu-hình. Nhân đó mới rõ cái Động, cái Tĩnh, cái nóng cái lạnh, thịnh-suy, tiêu-trưởng, dinh-khuy ở trên cõi hữu-hình nầy, như vậy phải có sự hiển-

hiện nguyên-hình của nó tức là thực-hiện cái nguyên-hình trong cõi vô-hình thành hình-sắc trong cõi vọng-động, thành muôn sự-vật hữu-hình liên-quan với các quan-năng của muôn vật.

Nên Phục-Hi đã thấy rõ ràng: Cái cõi hữu-hình nầy có là ở cái trí-tuệ vô-biên tưởng-tượng ra lập những nguyên-hình rồi những Tạo-công sau nầy mới kiến-tạo cái Vũ-trụ hoạt-động nầy theo cái nguyên-hình hay cái ý-tưởng của Đấng tuyệt-đối cũng như nhờ các thợ-thuyền tạo-tác nhà cửa theo hình vẽ của nhà Kiến-trúc vậy. Phục-Hi thấy rõ như vậy cho nên theo Hà-đồ mà vạch quẻ tượng-trưng những thể-tượng vô-hình. Cõi đó tức là cõi Tiên-thiên hay là cõi kiến-tạo cần-thiết của những thể vô-tri bặt-động cho nên kinh Dịch của Phục-Hy chỉ có một Tiên-thiên Bát-quái và bản-đồ 64 quẻ mà không có nghĩa và lời giải để lại.

Vậy ta nên hiểu kinh Dịch của Phục-Hi như thế nào?

— Trên tôi đã ví sự di-dịch, đổi thay của những tượng-hình trong trí-óc của nhà Kiến-trúc-sư hay là nói cho rộng ra là sự tượng-hình trong trí-óc của đấng thần-minh tuyệt-đối.

Và nếu ta muốn hiểu cho rõ kinh Dịch của Phục-Hi thì ta có thể ví theo những cõi kiến-tạo

sau nầy theo Ấn-độ.

1/ Kiến-tạo thứ nhất. Sự «tự tiền sơ-khai của cái Thần-minh tuyệt-đối, cái Lương-tri thông sáng» theo Bí-truyền là cái «trí-tuệ của cái Linh-hồn hoàn-toàn» cái luật di-dịch.

Đạo Tâm-truyền dạy rằng: Những năng-lực kiến-tạo tượng-trưng tất cả cái tinh-thần linh-thiêng, hay là cái tinh-thần khởi-thủy, đầu tiên, và 7 cái tinh-thần thiêng-liêng ở cái thần-minh ra cũng giống như nhau. Trong Vũ-trụ khởi-thủy nó là thời-kỳ «Tiên-thiên» tức là

thời-kỳ trước khi có những Tinh-vân trong Vũ-trụ tức là trước cõi khai Thiên lập Địa.

2/ Kiến-tạo thứ hai. Tức là kiếp kiến-tạo những nguyên-hình của các hành-thể cốt-yếu (như ngũ-hành) tức là thời-kỳ của cái hơi thổi đầu tiên để phân-tách các vật-thể Tiên-thiên. Đó là cái căn-bản của mọi vật có Lương-tri hay Vô-tri tuy rằng về môn Tâm-truyền đã cho là không có cái gì là Vô-tri, nhưng nói đây là đối với cõi đời ảo-tưởng và âm-u của chúng ta.

Trong trạng-thái kiến-tạo thứ nhì nầy thì hiển-hiện cái «giác-cấp» thứ nhì của những Manous tức là những lực-lượng căn-bản cho các hình. Những

«Richis» thành ra linh-hồn ở 7 vì Tinh-tú ra (sao grande ourse). Theo Thiên-văn và Vũ-trụ học nói rằng: Cõi kiến-tạo ấy có liên can với thời-kỳ «sương mù lửa» với cái trạng-thái thứ nhất của Vũ-trụ sau cõi hỗn-độn.

3/ Kiến-tạo thứ ba. Gọi là cõi kiến-tạo về cơ-thể và Ngũ-quan. Người ta còn gọi cõi kiến-tạo thứ ba là «Cõi đầy dãy những tính tốt, điều hay, hay như câu «Nhân chi sơ tính bản thiện» trong sách Tam-tự kinh», còn gọi là Urdhvasrotas (Ấn-độ) và nếu tượng ra xa nữa, nó còn kể như là ở cõi thứ sáu, hay là cõi thần-linh. «Đây tỏ rõ ràng những kiếp xưa và nay thường có sự lẫn lộn cố ý để cho kẻ phàm-tục không thấy rõ sự thực».

Đến kiếp thứ ba nầy tức là kiếp sau chót của thể thần-linh hay là cõi kiển-tạo ra «Ánh-sáng» hay «Trí-tuệ». Sau rồi mới tới cõi kiển-tạo sự «Âm-u» hay là «Thể-chất».

Theo về môn-học Bí-truyền của Ấn-độ mà tôi kể trên đây ba thời-kỳ kiến-tạo rất tương-đối với kinh Dịch của Phục-Hi vậy. Tôi có thể tóm-tắt kinh Dịch của Phục-Hi theo ba thời-kỳ đã giải trên đây là:

a) Kinh đã giải rõ cái trí-tuệ tuyệt-đối để sinh ra Thái-cực, rồi sinh Lưỡng - nghị, Tứ-tượng vân

vân. Tức là cái luật di-dịch ở trên cõi tuyệt-đối.

b) Kinh đã giải rõ sự sáng-tạo và tạo -thành cái nguyên-hình trong cõi tuyệt-đối vô-hình của ngũ-hành rồi sau đến cơ-thể của muôn loài. Cho nên trong Hà-đồ tức là cái nguyên -nhân của Phục-Hi Bát-quái sau nầy có chua rằng :

«Trời số 1 biến thành Nước mà Đất số 6 hóa thành nó.

Đất số 2 hóa thành Lửa mà Trời số 7 biến thành nó vân vân. »

Trời Đất và Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ ở đây tức là chỉ tượng cái nguyên-hình của vòm Trời hiện-tại mà trái Đất ta ở và ngũ-hành vật-chất vậy.

Ta có thể nói Dịch của Phục-Hi tóm-thâu tất cả cái nguyên-hình và căn-bản của những vật hữu và Vô-tri.

Tuy Phục-Hi Bát-quái có một quan-điểm rất đúng với cõi thứ hai nầy là quẻ Kiền ở cung Ngọ cũng như theo Thiên-văn thì gọi là cõi kiến-tạo liên-lạc với thời-kỳ Sương-Mù Lửa.

c) Dịch của Phục-Hi còn hình-tượng cõi kiến-tạo các cơ-thể và ngũ-quan nữa vậy. Nếu ta lấy hình Hà-đồ theo hình vòng tròn thì ta thấy đường đi của các số liên-tiếp nhau giống như bộ máy về «Huyết

truyền» (appareil circulatoire) trong người, và lấy sự phân-biệt Lưỡng-nghi, Tứ-tượng thì đều thấy cái vi-dương bắt đầu từ trong phát ra ngoài và dần dần lớn lên. Đó là sự tượng-trưng cái nguyên-hình của sự vận-chuyển của muôn vật hữu-hình sau nầy và trước khi sinh ra thành ngũ-quan của con người và vật như ngày nay thì những nguyên-hình của nó đã sinh ra theo những cõi vô-hình ở trong Tiên-thiên đã sinh ra trước vậy.

Trong những Tôn-giáo công-truyền cũng như trong Triết-học Tâm-truyền những hành thể-chất là Lửa. Nước và khí tượng-trưng nguyên-nhân của các quan-năng vật-chất của chúng ta và có sự liên-quan trực-tiếp với các quan-năng một cách bí-mật thiêng-liêng. Phàm những ngũ-quan do ở cõi kiến-tạo dưới sự kiến-tạo mà trong Pourânas cho ta biết gọi là «kiến-tạo thứ hai».

Như vậy muốn hiểu rõ Hậu-thiên Bát-quái tất-nhiên phải hiểu rõ ràng Tiên-thiên Bát-quái cũng như phải hiểu rõ ràng cõi kiến-tạo khởi thủy mới có thể hiểu rõ «cõi thứ hai». Giống khởi-thủy gồm có 3 thể thô xưa và chưa có một tia lửa nào, bởi vì theo người xưa sự tân-tiến của con người với sự phát-triển lớn lên của các quan-năng về tinh-thần hay vật-chất thì theo sự tân-tiến của các hành-thể trên cõi

Vũ-trụ của trái Đất.

Bản thống-kê dưới đây chỉ rõ sự tiến-triển của những hành-thể và ngũ-quan hay là người trên cõi thần-linh hay trên cõi Đất và người thể-chất.

1.- (Linh Mộc) AEther: Nhĩ-quan (Tai) Tiếng-động

2.- (Linh Kim) Khí: Giác-quan, Tiếng và giác-quan (sờ mó).

3.- (Lửa hay) Ánh-sáng: Nhãn-quan, tiếng, sờ mó và (Hỏa) màu sắc.

4.- Nước (Thủy): Vị-quan, tiếng, sờ mó, màu sắc và sự nếm.

5.- Đất (Thổ): Khiếu-giác, tiếng, sờ mó, màu sắc, sự nếm và ngửi.

Theo bản thống-kê trên người ta thấy rằng : mỗi một hành-thể đều tích-tụ trong những tính-cách riêng của nó, những tính-cách của hành-thể đã sinh ra trước nó, cũng như mỗi giống sinh ra giống sau (Race Mère) tích-tụ cái quan-năng mà nó biểu-thị cái giống trước. Cũng như con người ta tân-tiến theo 7 cấp cùng theo những nguyên-tắc trên.

Ví-dụ như hành-thủy là nước thì cái hành ở trên nó là Kim. Kim sinh Thủy (theo Bí-pháp Trung-hoa thì gọi Kim là mẹ Thủy, hay Thủy là con Kim) nghĩa là chất Kim có thể lấy lửa đem nung Kim chảy ra thành Nước tức là trong chất kim-khí có

những tính-chất Nước vậy.

HÌNH SỐ LIII

Trung

Ngũ-hành sinh khắc đồ

Hóa cho nên trong cõi kiển-tạo thứ 3 nầy phù-hợp với Phục-Hi Bát-quái ở chỗ tạo-thành những nguyên-hình của các cơ-thể và ngũ-quan (coi quyển Đại-đồng thuyết xuất-bản 1952) theo sự tiến-triển kiển-tạo của ngũ-hành.

Và từ đây bắt đầu sự kiển-tạo của cõi thể-chất hay cõi âm-u.

Theo những sự giải-thuyết ở trên thì Phục-Hi Bát-quái là Tiên-thiên Bát-quái rất hợp với cái

thời của nó tức là cõi thứ ba hay là cõi kiển-tạo sơ-khởi toàn-thiện, nhân-loại hồi đó đang tiển-triển mạnh về tinh-thần.

Một khi tinh-thần đã phát-triển đến tuyệt-đối thì lời nói và Văn-từ không đủ để ghi chép hết cái tinh-túy cao-siêu đã cảm-thông được, lại thứ nhất trong thời-đại tối cổ của nhân-loại, chưa có Văn-từ để có thể ghi-chép được tư-tưởng xuất phàm nên Phục-Hy chỉ lấy các vạch ghi-chép tư-tưởng để lại cho Hậu-thể (lỗi vạch vôi của các Cụ ta ngày xưa).

Hình-đồ 64 quẻ của Phục-Hy bao-trùm tất cả sự di-dịch của những nguyên-hình trong cõi vô hình vô-biên vô-giới, tức là nguyên-hình của cả Vũ-trụ và muôn sự-vật ở cõi hữu-hình này vậy. Hóa cho nên Cổ-học Trung-hoa đã cho sự phát-minh Dịch của Phục-Hi là cả một lý-tưởng xâu-xa của Hoàn-vũ, cái nguyên-nhân độc-nhất của các môn học sau này, cái nguyên-nhân của cả Vũ-trụ và cõi Sinh-tồn. Nên trong các Học-thuyết Trung-hoa không môn nào ra ngoài cái căn-nguyên của Dịch-lý như Y Nho Lý Số và nếu ta suy đến các Khoa-học hiện kim thì lại càng rõ-ràng cái công-dụng huy-hoàng của Dịch-lý vậy.

III.- DỊCH CỦA HẠ-VÕ

Đến đời vua Hạ-võ (2205-2197 T.T.L.K.N) nhân có Lạc-thư mà đặt ra Cửu-trù 九 疇 để làm ra Biểu-lý với Bát-quái của Phục-Hi. Tức là thời-kỳ mà những nguyên-hình của hành-thể biến-đổi mà thành những thể vật-chất hữu-hình sơ-khai vậy.

Có sách nói rằng:

Có quan Tư-Nhạc tiến-cử ông Thuấn lên vua Nghiêu. Sau ông Thuấn được vua Nghiêu nhường ngôi cho làm vua. Trong khi ở ngôi Trời làm thủy lạo, nước chảy mông-mênh, vua Thuấn sai ông Võ trị thủy được thành công, ở ngôi 61 năm rồi truyền cho ông Võ. Vua Võ sáng-lập ra nhà Hạ.

Trong khi trị thủy vua Võ thấy con Rùa lớn nổi lên ở sông Lạc có mang dấu hình Bát-quái cho nên sau gọi là Lạc-Thư ở đó vậy.

Dịch của vua Võ là ở Lạc-Thư mà ra, theo những hình vết của Lạc-Thư mà không đặt ra quẻ để lại cho Hậu-thế.

Nhưng nghiệm-xét đối với những sự kiến-tạo thứ-tự của Tạo-hóa theo Ấn-độ thì Dịch của vua Võ có thể ví như cõi kiến-tạo thứ 4 hay là cõi kiến-tạo sơ-thủy đứng đầu 4 cõi kiến-tạo sau này.

Trong thời-kỳ thứ hai, ba trình-độ của những

hành-thể từ xưa tiền-phát trong cõi đời này và tương-đối một cách ngược lại với ba sự kiến-tạo sơ-khai. Cũng trong thòi-kỳ đó «Sự kiến-tạo đầu tiên là sự kiến-tạo về tinh-thần; sự kiến-tạo thứ hai là sự kiến-tạo những nguyên-nhân thô-sơ; cõi thứ ba là cõi của các quan-khiếu và cũng trong cõi thứ tư này, sự xếp đặt những lực-lượng về hành-thể như sau nầy:

1- Những trung-tâm-điểm ở những tinh-thần và vật-chất năng-lực sinh ra.

2- Những nguyên-nhân thô-sơ hay là cái «Cân lực» lực-lượng của gân (Force nerveuse).

3- Sự thẩu-triệt sinh ra mà nó phát trong cõi thứ ba của Hành-thể, sau những thể này thì mỗi loại hữu-hinh của Khoáng-vật trong đó sự thấu-triệt ấy thì hoàn-toàn trì-hoãn mà chỉ có sự phát-triển mới mẻ trong loại thực-vật. Cõi kiến-tạo thứ tư là trung-tâm-điểm ở giữa ba loại trên và ở loại dưới. Đố là sự biểu-trưng 7 loại bí-mật của Vũ-trụ và của trái Đất.

Xét như Lạc-Thư của vua Võ thấy và hình ra vẫn chưa có văn-tự để lại giải cái ý-nghĩa xâu-xa huyền-ảo cũng như cõi kiến-tạo thứ tư tôi nói trên đây là một hình-đồ tượng-trưng một điểm có liên-lạc Tiên-thiên với Hậu-thiên Bát-quái. Tức là một

mỗi giây đặt giữa lý-tưởng của Phục-Hi và Văn-Vương. Và biết rằng từ Phục-Hi đến vua Võ cách nhau chừng 2.000 năm và từ vua Võ đến vua Văn-Vương cách nhau cũng chừng 2.000 năm mới có người đứng lên để giải rõ hai cái lý-tưởng vô-vi huyền-ảo.

Cho nên ta có thể cho Lạc-Thư của vua Võ là một bản-đồ đầu tiên tượng-trưng cho tất cả muôn sự vật trong cõi hữu-hình và theo giải-thuyết trên thì ta còn có thể nói là Lạc-Thư còn bao-hàm ở trong những tính-cách riêng để tượng-trưng cõi hữu-hình này và những tính-cách của Hà-Đồ nữa vậy.

Vì thế ta có thể tóm-tắt sự thông-dụng Dịch của vua Võ theo những Định-lý sau này:

1- Kinh Dịch của vua Võ tức là một liên-tưởng ở giữa hai cõi Tiên và Hậu-thiên.

2- Là sự tượng-trưng khởi-thủy của cả cái Vũ-trụ và muôn vật hữu-hình này.

Xem như thế thì nó ở giữa thời-kỳ vô và hữu-hình, chưa hẳn có hình và lại là chưa hẳn thuần-chất tinh-thần cho nên chỉ có vạch (hình bằng nét) mà không có lời vậy.

3- Hóa cho nên những Trù của vua Võ là để tính cái số đầu tiên của các hành-thể chính. Theo

phương Đông thì có: Thủy 水, Hỏa 火, Mộc 木, Kim 金, Thổ 土.

4- Dịch đời trước để lại chỉ vẽ ra thành Quẻ, không có văn-tự để chú-giải, và từ đời Phục-Hi đến Văn-Vương cách nhau có tới hơn 3.000 năm, tuy không có văn-tự truyền lại, mà hãy còn tồn-tại được đến ngày nay cũng do nhiều lý lẽ:

a/ Phải là một Chân-lý có một không hai ắt mới có thể tồn-tại như vậy được.

b/ Đã là Chân-lý thì nó phải trường-cửu như thời-gian không bao giờ mai một được.

Sự truyền-tụng cái Dịch-lý từ đời vua Phục-Hi về sau đến Văn-Vương, không có văn-tự ắt phải truyền-bá bằng cách Tâm-truyền vậy.

IV- DỊCH CỦA VĂN-VƯƠNG

Mãi đến đời vua Văn-Vương nhà Châu khi phải giam ở Dũu-lý (1144 - 1142 T.T.L.K.N.) Ngài mới diễn lại những Quẻ trong Dịch mà đặt ra Hậu-thiên Bát-quái và nhờ có văn-tự cho nên Văn-Vương mới theo hình từng quẻ mà cắt nghĩa cái toàn-ý của quẻ ra gọi là Thoán-từ 彖 辭 để định nghĩa Cát Hung từng Quẻ một.

Vua Văn-Vương ở vào cõi thứ Tư tức là số của Thái-Âm biểu-tượng cõi vật-chất ở vào hướng Tây; là thời-kỳ vật-chất đang phát-triển về phương Tây. Vua Văn-Vương theo Bắc-sử có thể tượng-trưng cả cái tinh-anh của thề-hệ ấy tức là lúc đang giao hai thời-kỳ tinh-thần và vật-chất. Xem Bắc-sử để lại thì trong đời vua Văn-Vương sự chiêm-ngưỡng về tinh-thần còn mạnh, những vật-dục của Nhân-loại chưa phát-triển mạnh-mẽ như ngày nay, cho nên sự tôn Quân-quyền như các bậc Thánh-hiền thay Trời trị Thiên-hạ mà Văn-Vương lấy Đạo trị Dân, không cần ngục-thất hay sự hà-khắc như Trụ-vương, mà trăm Họ được yên vui, Thiên-hạ được thái-bình thịnh-trị. Nước Trung-hoa hồi đó trải qua một thời-kỳ giao-thời rất tàn-khốc, trăm Họ bị điêu-tàn khổ-cực dưới chế-độ một Hôn-quân như Trụ-vương, khiếp-nhược, ham-mê tửu-sắc, cho nên vua Văn theo ý Trời lầy đạo-đức làm đẹp lòng dân. Ngài trước kia là vua Chư-hầu ở về Tây-Bá, can-ngăn sự tàn-bạo của Trụ-vương nên bị đầy trong ngục Dũu-lý. Trong lúc Ngài bị giam cầm thì làm kinh Dịch trong đó ta có thể hiểu rằng: «Ngài đã lấy kinh Dịch làm tiêu-chuẩn để quy-định một chính-thể, gồm cả Đạo-đức theo Thiên-lý, lấy lòng Nhân phối-hợp lòng Dân để cứu-vãn cái bạo-tàn của vị

Hôn quân thời bây giờ. Chính Ngài vì lòng Nhân thấy trăm Họ bị đồ thán, không thể ngó lơ chịu nhận những sự hung-tàn ác-nghiệt của Trụ-vương. Và cũng không phải lấy cái lẽ cứu-dân độ-thế để khởi binh diệt Trụ hưng Châu chiếm ngôi thoán vị thì ắt Sử sách và hậu thế phải ghi-chép và mỉa-mai, sao còn được vào hàng Nhân-quân nữa vậy. Ngài chỉ thuận theo lẽ Trời hay Thiên-lý cho nên tất cả dân-tộc Trung-hoa tôn-sùng là Thánh-quân ở Tây-Bá ra đời để cứu vớt sinh-linh. Như thể ta thấy vua Văn lấy đạo Nhân làm tôn-

chỉ mà trăm Họ đều theo, Ngài đã lấy Đạo-đức nhu-thuận để trừ sự hung-tàn bạo-ngược cương-cường vậy, tỏ rõ là Ngài đã thông-bác Thiên-lý mà Ngài đã ghi-chép trong kinh Dịch của Ngài lập ra Hậu-thiên Bát-quái tóm-thâu hết cả muôn sự vật trong Thiên-hạ và bao-hàm hết cái nghĩa của Thiên-lý; vạch ra một con đường sáng để sáng cái Đức tỏ rõ cho cả Thiên-hạ theo vậy.

Đó là cái căn-nguyên mà Ngài đã lấy làm nguyên-tắc để làm ra kinh Dịch. Nhưng thời đó là thời tối-cổ Thiên-hạ chưa có tôn-giáo chính-thống, chưa hiểu-biết Thiên-lý đạo-đức cho nên vua Văn mới hưng Đạo Dịch để giải về Thiên-lý. Nhưng nêu sáng được cái Đức cho Thiên-hạ trông vào và

quy-thuận đã là khó-khăn mà hòa với Thiên-hạ, giảng dạy cho Thiên-hạ được nhuần-thấm cái lý tuyệt-đối ấy lại càng khó hơn. Cho nên cái mà ta gọi là huyền-ảo tâm-linh là chỉ do những người có chí-hướng cao-siêu, tinh-thần sáng-suốt, xuất-phàm nhập-thánh thì mới cảm thấy sự di-dịch huyền huyền ảo ảo ấy. Đó là sự ảnh-hưởng thần-linh của kinh Dịch nên Ngài mới nghĩ ra cách dùng cái nghĩa của Kinh, sự di-dịch của Trời-Đất để làm ra phép bói-toán, để đoán Cát hung mà giảng dạy cho con người xu Cát tị Hung vậy, lấy căn-bản ở một Dịch-lý tuyệt-đối là: «Thiên-địa vạn vật nhất thể».

Nhượng lập ra bói-toán để làm gì?

Hiện-tại chúng ta đang ở thời-kỳ Khoa-học vật-chất, ở trong cõi vọng-tưởng hữu-hình, nói bằng lời hiểu bằng vật, cho nên những cái gì vô-hình huyền-ảo thì nhiều người cho là dị-đoan và ngụy-thuyết, cho nên trước khi đề-đạt đến vấn-đề này ta phải trở lại cái thời Thái-cổ cách đây 7.000 năm. Dịch-lý là một môn-học uyên-thâm, lấy Tượng để hiểu Hình, tức là cái Học của thời-gian, hay là Đạo Thời (道時) của đức Phu-Tử. Theo Thiên-lý thì Trời Đất đã lập, sự vật sáng-bày, muôn sự vật và cả Trời Đất và Vũ-trụ đều theo một luật ấn-định chung cho toàn-thể. Cho nên học Dịch để hiểu các Tượng,

II

để rõ các Hình. Vì lẽ ấy Cổ-nhân mới đặt ra phép Bói-toán, lấy Âm-Dương để biết sự Cát Hung. Xem như đời vua Văn-Vương, lấy sự bói-toán mà lập Đại-nghiệp: Thiên-hạ được thái-bình và trị-vì trăm Họ; không có sự ẩn-khúc, dẫu sự dối-trá lừa-lọc, cho nên giặc-cướp không hưng khởi lên được, trộm-cắp không có, cửa ngõ không cần ngăn-đóng, vì lẽ ấy khám tù cũng không có. Nếu có kẻ càn-bậy, bắt đứng một chỗ trong vòng khoanh làm giới-hạn mà tội-nhân không dám suy-suyển. Nếu có kẻ trốn đi không theo mệnh-lệnh, Ngài lấy bói-toán, xem Thiên-văn mà truy-nã được đến nơi, thật như một ngọn đèn sáng soi hết cả những u-ẩn của Sự Vật.

Vậy ta có thể cho môn Bói-toán tức như môn «Cái-Nhiên toán-pháp» (calcul de probabilité) huyền-diệu của người xưa dùng:

a/ làm cái Dụng để giải rõ kinh Dịch, để truyền-bá Thiên-đạo, hay để làm sáng tỏ Thiên-lý trên cõi Hữu-hình phàm-tục.

b/ là một Khoa-học duy-nhất trong thời đó, để biết trước sự thành-bại, thịnh-suy, để xu cát tị hung bao-hàm cả tinh-thần và thể-chất.

— Phải chăng là môn Quốc-học mà thời đó người Trung-hoa dùng làm môn-học giáo-khoa, vì trong nhiều Triều-đại sau Văn-Vương, đã đặt ra

chức quan Thái-Bốc ở vào hàng Đại-phu; ngẩng lên xem Thiên-văn, cúi xuống xem Địa-lý, coi rõ Thiên-cơ mà hành-binh xuất-trận. Như Khương-Tử-Nha thông Dịch-lý độn-số hay, binh-cơ giỏi mới làm Tể-tướng cho vua Văn, hưng Châu diệt Trụ. Đó là đời mà kinh Dịch được thịnh-hành nhất, từ bậc Đế-vương, cho đến Công-khanh đều dùng Dịch-lý thực-hành để trị muôn dân mà Thiên-hạ được thái-bình thịnh-trị.

Ta có thể tóm-tắt kinh Dịch của Văn-Vương có nhiều quan-điểm rất thích-hợp với thời-đại của Ngài vậy:

I- Nó là một Kinh gồm cả cõi vô-hình và hữu-hình, thực-hiện cái

lý của Dịch-kinh trong cõi hữu-hình. Hay là: Hậu-thiên Bát-quái là thể xác là cõi hữu-hình mà Tiên-thiên Bát-quái là phần hồn mà Dịch-kinh của vua Võ là liên-lạc ràng buộc hai thể trên.

II- Thể-dụng của kinh Dịch Văn-Vương :

a/ Rõ Đạo của Trời Đất hay là Thiên-lý.

b/ Thực-nghiệm sự tương-đối của Sự Vật theo thời-gian (Le Temps) để cho rõ Dịch-lý (Loi de Changement).

c/ Bói-toán để theo cát, tránh hung, hay theo thiện tránh ác.

2- d/ Một Khoa-học căn-bản bao-gồm hết các học-thuyết của Á-đông như : Triết-lý, Y Nho Lý Số, Thiên-văn, Địa-lý v.v...

Trên đây là nói về 4 quan-điểm : Hai điểm trên nói về Đạo-đức, là thể-dụng thiêng-liêng nói về Thần-linh.

— Hai điểm dưới là nói về sự thực-dụng trong phạm-vi thực-tế.

Kinh Dịch của Văn-Vương có thể đối với cái kiến tạo thứ 5 trong kinh Ấn-độ. Cái sáng-kiến tạo-tác ra kinh Dịch của Văn-Vương thật là tối huyền-diệu, Ngài mất rất nhiều công-phu nghiên-cứu theo thực-tế di-chuyển Tiên-thiên Bát-quái của Phục-Hi để cho đúng với cái căn-bản của cõi Hậu-thiên hữu-hình hữu-thể. Ngài làm ra Thoán-từ tức là cái toàn-ý của từng quẻ. Đặt được cái toàn-ý tức là biết được những chi-tiết của nó mà Văn-Vương không lưu lại, có lẽ vì sự nghiệm-xét của Ngài theo thực-tế chưa chắc-chắn và dồi-dào.

Kinh Ấn-độ nói rằng : Sự kiến-tạo thứ Năm tức là sự kiến-tạo «Loài vật» (thiêng-liêng), đối với Trái-Đất chỉ là sự kiến-tạo những vật Cảm. Chữ Vật trong cõi kiến-tạo sơ-khai là cái mầm của

Lương-tri thức-tỉnh, hay là sự thấu-triệt mà người ta thấy lờ-mờ trong một vài thực-vật như cây «hổ ngươi» cỏ «xấu hổ» trên mặt đất và có rõ ràng trong loại «Đơn-trùng». Trên cõi đất ta ở trong kiếp thứ nhất, sự kiến-tạo loài vật có trước Người mà loài có vú tấn-tiến theo người ta trong kiếp thứ tư trên cõi Vật-chất. Trong kiếp thứ nhất những nguyên-tử của loài vật bị hút bởi sự dính nhau và theo

cái hình xác người thì kiếp thứ tư ngược lại theo những điều-kiện về Từ-lực phát-triển trong đời. Cái trạng-thái phát-triển thứ Năm ấy, theo công-truyền gọi là «kiến-tạo» có thể coi như kiếp thứ nhất là tinh-thần thuộc về Vũ-trụ, trong kiếp thứ nhì là Vật-chất và thuộc về trái Đất. Đó là nguồn-gốc của cõi Đời tức là nói sự huy-động của cái Đời trong 7 Cõi. Đó là trong thời-kỳ tiến-triển mà sự vận-chuyển Vũ-trụ vô-cùng tuyệt-đối hay là sự rung-động mà người ta gọi theo tiếng bí-quyết là «Hơi thở lớn lao» phân-tách ra để thành cái Nguyên-tử sơ-khai, đó là sự huy-động đầu tiên.

Ngày nay nhờ khoa Vật-lý và Hóa-học người ta đã tìm ra cái Nguyên-tử để làm bom, làm thuốc vân vân đã được hoàn-toàn xác nhận. Như vậy cái lý-thuyết «Thiên-địa vạn-vật nhất-thể» là một luật-định bất-di bất-dịch. Những hành-thể thật đơn-giản của thể-chất thì rất giống nhau trong Tạo-hóa và cái

này khác cái kia chỉ ở chỗ trần-bày khác nhau của Nguyên-tử trong đơn-chất hay thể chất, hay là ở sự rung-chuyển của từng Nguyên-tử một.

Vì vậy như sự phân-tách cái mầm sơ-khai của cõi đời phải ở trước sự tiển-triển của loại thứ ba hay giai-cấp các sinh-vật, trong sự kiển-tạo đầu tiên trước khi những Thần-linh có thể nhập vào cái hình đầu tiên hay thể AEther và cũng theo lý-do đó sự kiển-tạo của giống vật phải có trước «con người thần-linh» trên cõi Đất. Bởi vậy chúng tôi thấy ở trong Pourâṇas rằng: cõi kiển-tạo thứ năm là cõi kiển-tạo giống vật.

V. Cõi kiển-tạo thứ sáu. Tức là sự kiển-tạo thần-linh nhưng những Thần-linh ấy không phải chỉ là nguyên-hình của giống thứ nhứt, người sinh ra giống của nó, ở cái Thần linh sinh ra với những «bộ xương mềm mại» trong kinh. Vishnou-Pourâna nói rằng: «và tụ cái trí-tuệ của nó trong trí-óc nó, Bà-la-ma sáng-tạo ra bốn hạng sinh-vật là: 1/ những Thần-tiên, 2/ những Ma-quỉ, 3/ những Tổ-tông, 4/ và Người. Tổ-tông ở đây nghĩa là nguyên-hình và là kẻ sinh ra cái giống mẹ (Race mère) thứ nhứt của người. Những Tổ-tông ấy chia

ra làm 7 loại vậy».

Dịch của Văn-vương bao hàm một ý-nghĩa giao-thời tóm-thâu cái huyền-ảo của Tiên-thiên và

trần-bày trong cõi Hậu-thiên sơ-thủy. Cho nên trong Dịch Văn-vương có ghi những Tượng-từ và Thoán-từ gồm cái toàn-ý của mỗi quẻ để lại cho Hậu-thế biết cái định-lý gồm cả quẻ và phần nhiều cái nghĩa rộng-rãi bao-la, có thể lấy nó tượng vào sự-vật rất hợp vậy.

Lấy về sự dụng của Dịch Văn-vương thì nó chỉ vạch cho ta một con đường mới-mẻ, sáng-sủa của cõi hữu-hình, nhưng cái nghĩa còn cao xa quá ta chỉ có thể ví như đứng ở trong bóng tối ngẩng mặt trông lên thấy con đường sáng tỏ mà chưa tìm kiếm được những con đường thấp nhỏ để đi tới nó. Đó là về phương-diện Đạo-lý.

Còn về phương-diện Tượng-số bói-toán thì Dịch của Văn-vương chỉ là cái chìa-khóa đầu tiên cho người ta một định-kiến để mở cái cửa huyền-bí đầu tiên có thể lấy Dịch-lý mà hiểu được việc trước, biết được việc sau, với những định-lý cần-thiết đó tức là Thoán và Tượng-từ của Văn-vương suy-nghiệm lấy sự kết-cuộc từng quẻ để ghi-chép sự thành-bại, cát hung.

Ta có thể ví Dịch của Văn-vương như một bài toán - pháp đã có trả lời (problème résolu) còn sự giải-nghĩa của bài tính đó thì tùy từng người theo sức thông-minh của mình mà giải theo tư - tưởng,

suy-nghiệm và ý-trí mình vậy. Hóa cho nên Dịch Văn-vương có thể hợp với cõi kiến-tạo thứ sáu và tượng-hình cái Tổ-tông của cả sự-vật trong cõi hữu-hình nầy vậy.

∴

VI. DỊCH CỦA CHÂU-CÔNG

Trên tôi đã nói Dịch của Văn-vương như một quyển sách tính đã có trả-lời của các thầy giáo dùng (partie du maître) để giải cho học-trò cho dễ-dàng, là một căn-bản vững-chắc để cho các đệ-tử theo đó

mà giải nghĩa. Cho nên Châu-công tên Đán con của Văn-vương một Đại-thánh trong thời Châu - sơ, Thương mạt làm sách Châu-lễ khởi sướng đầu tiên môn Kinh-tế-học, giải-cứu kinh Dịch, làm xe chỉ Nam tức là cái Địa-bàn (boussole) ngày nay rất công-dụng. Ông cắt nghĩa từng Hào trong quẻ gọi là Hào-từ để định nghĩa cát hung từng Hào một, tức như những chú-giải từng chi-tiết của một bài tính đã có trả-lời gồm-thâu toàn-ý. Nhưng Dịch-lý là một môn tâm-truyền từ lúc mới sơ-khởi lập-thành nó cho nên những lời của Văn-vương và Châu-công dùng để cắt nghĩa rất là vắn-tắt bao hàm một ý-nghĩa xâu xa khó hiểu. Nhưng đến đời Châu-Công kinh Dịch đã tiến một bước khá dài, những chi-tiết của

tùng quẻ tức là mỗi Hào đều có chua nghĩa riêng gọi là Hào-từ vậy.

Theo những cuộc kiến-tạo trong kinh An-độ ta có thể đối kinh Dịch Châu-công với thời-kỳ thứ VII.

Thời-kỳ kiến-tạo thứ 7 là thời-kỳ kiến-tạo cái Nhân-loại thô-sơ: vì hai «giống Mẹ» (Race mère) đầu tiên và một phần lớn của thời-kỳ của giống thứ ba, nó chỉ là những cái vỏ người vô-tri-giác, đến thời-kỳ thứ năm thì những Kumâras hay là những đứa con sinh ở cái Trí tuệ của Bà-la-ma ra» đến nhập vào và như vậy nó tạo thành ra cái kiếp mới, kiếp người có Tri-giác, có Lương-tri và Thần-linh.

Theo Bí-truyền nó là Tổ-tông của cái «Chân Bản-Ngã» thiêng-liêng trong thân xác con người, hay là hạng tổ-tông về thần-linh và thượng-đẳng còn những «Cha» sinh ra thân-xác người là Cha hạ đẳng và thể-chất.

Kumâras là những đứa con sinh ra bởi cái tinh-tần của Brahmâ-Rudra hay là Shiva nói về phương-diện huyền-bí là «kẻ tàn-phá» và khủng-khiếp do những nhục-dục của người và vật dục của ngũ quan làm che-lấp mất sự phát-triển, những sự thấu-triệt về thần-linh thượng-đẳng và sự trường-cửu của Bản-Ngã.

Shiva-Rudra là kẻ hung-tàn, phá-hoại như Vishnou là kẻ bảo-tồn, cả hai đều là kẻ làm tái-sinh cái cõi thần-linh cũng như cõi thể-chất.

Muốn sống như cây cối thì ắt sự gieo mầm phải chết. Muốn sống như những Thần-tiên có Tri-giác trong cõi vô-biên vô-giới thì những sự mê-muội và ngũ-quan của người phải chết trước cái thân-xác của nó. Ngạn-ngữ có câu «Sinh ký tử qui» sống gởi thác về.

Đến cõi thứ 7 tức là cõi cuối cùng hiện-tại mà con người được tạo nên một cách đầy đủ.

Như vậy thì Đạo Dịch của Trời-Đất cũng cùng một Lý phát-huy trên con đường huy-hoàng cho nên theo các cõi của kinh Ấn-độ thì ta có thể nói kinh Dịch của Châu-công là sự kiến-tạo hoàn-toàn trần-bày rõ-ràng nhân-sự trên cõi hữu-hình bằng những lời kết-thúc trong từng Hào một. Theo sự biến-đổi của Âm-dương trong các Hào mà nghiệm-xét theo nhân-sự biến-thay. Xét xem trong 64 quẻ thì đều nói cái lẽ cát-hung tiêu trưởng và cái Đạo tiến thoái tồn vong vậy.

吉兇消長之理，進退存亡之道。

(Cát-hung tiêu-trưởng chi lý, tiến - thoái tồn-vong chi Đạo).

Trên thế-gian có lúc thịnh, lúc suy, có ngày đêm, có tối sáng, có cát hung vật vật sự sự đều theo một cái lý của Âm-dương tiêu-trưởng cát hung để sáng rõ cái Đạo tiến-thoái tồn-vong trong sự vật cái cái đều theo một căn-bản duy-nhất đó là sự biến-chuyển của Âm-dương vậy.

Cho nên Đạo Dịch ta có thể gọi là một môn lý-học cao-siêu, một khoa Triết-lý uyên-thâm huyền-ảo của Á-Đông gồm ở trong tất cả cái Nhân sinh triết-lý và nếu nói rộng ra nó còn là một Thiên-lý uyển-chuyển vô-cùng theo Trời Đất. Vì vậy cho nên Thánh-nhân lấy cái Lý ấy làm căn-bản, lấy sự di-dịch biến-chuyển làm thể-dụng để đi đến một Khoa-học huyền huyền ảo ảo ăn nhịp với Thiên-lý để đoán cát hung tức là môn Bốc-phệ. Bốc-phệ là một môn học để tiên-đoán sự-vật cát hung, tiêu-trưởng, thịnh suy, việc thành sự bại có thể biết trước được theo sự biến-chuyển di-dịch của Âm-dương tương-đối với thời-gian (Temps) của nó. Biết được cái căn bản của

cái lý di-dịch Âm-dương, biết được thời-gian ấn-định người ta có thể lấy những lý đó làm căn-bản để lập ra một Môn Toán-học để tính ra mà biết trước được Sự-vật. Cũng như biết rằng gà mái phải ấp

21 ngày mới nở được thì bắt đầu ấp từ mùng 1 tháng riêng ắt đến 21 tháng riêng thì nở, ngày mùng 7 đã lộn có hình, ngày 15 đã thành con và ngày 21 có đủ sức đạp vỏ thành gà con vậy.

Đó là nói về phương-diện Khoa-học, lấy sự di-dịch của thời-gian mà biết được sự biến-chuyển của sự-vật.

Còn về phương-diện Đạo-học thì kinh Dịch của Châu-công có thể cho ta biết một con đường sáng-lạng, biết được từ chỗ sáng mà tiến lên, đến chỗ u tối hiểm-nguy mà tránh đi, biết cái tốt cái đẹp mà hưng lên, biết cái xấu cái thô mà bỏ đi vậy.

Vậy tóm lại kinh Dịch của Châu-công có thể là:

1.- Một Đạo-học sáng-lạng cao-siêu.

2.- Một Khoa-học chú-giải cái thể-dụng di-dịch của sự-vật.

Đó là một môn lý-học bao-gồm tất cả cái Thiên-lý duy-nhất, là căn-bản của sự hiển-hiện Âm-dương trong quẻ, sự biến-chuyển di-dịch theo thời gian của quẻ đều theo một qui-định căn-bản của Trời Đất vậy.

Nhưng sự xét-đoán nghiệm-xét cần nhất phải theo Thiên-lý, không nên cố-chấp mà sai lầm. Ví như cái Dương tượng-trưng sự cứng-mạnh, sáng-sủa, sự

hay sự thiệt, là Vua, là Trời, là người Quân-tử. Cái Âm tượng-trưng sự mềm-yếu, tối tăm, sự dở sự suy, là Mẹ là Đất là kẻ tiểu-nhân. Một thể mà tượng hình nhiều thứ, muốn cho biết đúng một thứ nào phải nghiệm-xét theo sự tương-đối thời-gian, thể-dụng ở từng nơi từng chỗ mà qui-định rõ-ràng được. Cho nên Học-giả phải cần có một lý xét-đoán minh-triết, đạo Âm không phải bao giờ cũng xấu, là đạo của tiểu nhân, có khi lại giúp được cho Dương mà sinh vật, thành vụ

cũng như cái lợi không phải bao giờ cũng bất-thiện, hễ có hại cho điều Nghĩa thì mới là bất-thiện, hòa được với điều nghĩa thì lại là điều hay điều tốt.

Ta có thể cho Dịch là sự biến-đổi luôn luôn vô-hạn-định, theo Thiên-lý để tu thân sửa tính, để tránh sự bất-nhân bất-nghĩa trái với Thiên-lý cho nên Chu-tử nói rằng: «Đạo Dịch là để người Quân-tử mưu sự giúp đời chứ không phải để cho kẻ Tiểu-nhân mưu sự làm bậy».

易為君子謀，不為小人謀。

(Dịch vi Quân tử mưu bất vi Tiểu-nhân mưu). Đạo Dịch tức là Đạo biến-đổi luôn luôn cho nên kinh Dịch của Châu công chưa phải đã là hoàn-bị nên kinh Dịch của Ông cũng phải biến-đổi theo sự tiến-triển của Thiên lý.

VI.- DỊCH CỦA KHỔNG-TỬ

Sau Châu-công-Đán độ 500 năm có đức Khổng-tử theo những Thoán-từ của Văn-vương và Hào-từ của Châu-công và lấy những nhân-sự thiết-thực mà cắt nghĩa thêm vào cho rõ. Ngài đã hiểu-thấu Dịch-lý nên chú giải Dịch-lý cổ xưa, lưu lại cho hậu-thế. Ngài làm 10 Thiên gọi là Thập-dực (nghĩa là 10 cái cánh chim) (Dực: là chỗ cánh mọc lông ra để bay) Ngài có ý dùng chữ Dực là muốn nói kinh Dịch ví như con chim, trải qua bao nhiêu thời-đại từ Phục-Hi, Vua Võ, Văn-vương, Châu-công qua 4 vị Đại-thánh mà kinh Dịch còn như là con chim non mới có lông tơ, chưa mọc đủ lông đủ cánh, chưa có thể tự bay bổng được. Tuy đã có Thoán-từ Hào-từ rồi nhưng cái nghĩa chưa rõ chưa có thể phổ thông được cho quần-chúng, ví như con chim non chưa bay được khắp nơi. Đến thời Ngài, Ngài tự cho một nhiệm-vụ thiêng-liêng định lại kinh Dịch làm ra các thiên Truyện để giải cho rõ lời văn của các bậc Tiền-bối. Vì lý ấy Ngài đặt là Thập-dực nghĩa là đến thời Ngài con chim đã lớn đã mọc đủ lông đủ cánh có thể bay đi khắp mọi nơi vậy.

Thập-dực là:

1/ Thoán-thượng-truyện để cắt nghĩa Thoán-từ ở Thượng-kinh.

2/ Thoán hạ-truyện để cắt nghĩa Thoán-từ ở Hạ-kinh.

3/ Tượng-thượng-truyện để giải cái Tượng trong Thượng-kinh.

4/ Tượng-hạ-truyện để giải cái Tượng trong Hạ-kinh.

5/ Hẹ-từ thượng-truyện.

6/ Hệ-từ hạ-truyện.

7/ Văn-ngôn-truyện.

8/ Thuyết-quái-truyện.

9/ Tự-quái-truyện.

10/ Tạp-quái-truyện.

Ngài lại lấy nghĩa-lý mà phân kinh Dịch ra làm hai kinh:

I.- Thượng-kinh.

II.- Hạ-kinh.

Thượng-kinh thì lấy hai quẻ Kiền Khôn làm đầu vì Kiền Khôn là căn-nguyên vi-thủy của Âm-dương là Cha Mẹ của 8 quẻ và là Tổ-tông của muôn loài.

乾坤者，陰陽之本始，萬物之祖宗。

(Kiền Khôn giả, Âm dương chi bản thủy, Vạn vật chi Tổ tông).

Hạ-kinh thì để quẻ Hàm và Hằng làm đầu vì rằng: Hàm và Hằng là cái mối đầu của Nam-nữ, là Đạo vợ-chồng.

咸恒者，男女之始，夫婦之道。

(Hàm Hằng giả, nam nữ chi thủy, phu phụ chi Đạo).

Nhân-đạo do ở đó mà hưng-thịnh lên vậy.

Từ đó kinh Dịch có hai Kinh gồm 10 Thiên-Truyện. Tuy trong những Thiên-Truyện Khổng-Tử giải-thích rõ ràng cái ý-nghĩa xâu xa ở kinh Dịch và phát-huy những tư-tưởng huyền-bí của Tạo-hóa từ xưa tới nay vẫn bị ẩn-tàng trong sự u-tối và những quan-niệm rõ ràng đặc-biệt về Vũ-trụ và Vạn-vật. Phần nhiều Ngài có ý thiên về Nhân-đạo, cố ý để có thể cải-tạo cái trí-óc của con Người quá xu về danh với lợi mà thành ra đời Chiến-quốc, chém giết lẫn nhau hung-tàn bạo-ngược như thú dữ; thiên-hạ đang sống trong cảnh can-qua binh-lửa, đánh dấu một thời đại-loạn trong Bắc-sử: Chiến-quốc Xuân Thu.

Cái trí-hướng của Ngài bị ảnh-hưởng nhiều về thời-cuộc hồi bấy giờ, Đạo-lý hầu như sụp-đổ. Những kinh sách như Dịch của Văn-Vương, Châu-

Công thì khó-khăn. Còn lắm chỗ bí-ẩn và phần nhiều chủ về Bốc-Phệ. Nhân đó đức Phu-tử mới giảng rõ thêm về Đạo-lý, lấy Nhân-sinh Triết-lý làm căn-bản để trần-bày cái Nhân-đạo theo sự biến-tượng của âm-dương trong Kinh.

Xét như trong Châu-Lễ thì đời nhà Châu có quan Thái-Bốc 太卜, coi về sự biến-tượng của Trời Đất, việc Cát Hung của Nhân-sự; coi giữ ba kinh Dịch là: 1- Liên-sơn Dịch, 2- Qui-tàng Dịch, 3- Châu Dịch. Về sau Liên-sơn Dịch và Qui-tàng Dịch mất đi chỉ còn lại Châu-Dịch tức là kinh Dịch truyền đến ngày nay. Như vậy ta thấy rằng đời nhà Châu chỉ học về phần Bốc-Phệ tâm-truyền hơn về phần Đạo-lý.

Nhưng đến đời Khổng-Tử trong thời đại-loạn trái ngược với thời thái-bình thịnh-trị của Văn Châu, cho nên dẫu có phần tâm-truyền về Bốc-Phệ Phu tử còn chú-giải định theo lời kinh về Nhân-sinh Triết-lý theo đúng với sự biến-chuyển của Âm-Dương trong Thiên-lý vậy. Cũng vì lẽ ảnh-hưởng về thời-cuộc cho nên Đạo Dịch đã được Phu-tử bô-thiết giảng-giải theo những chỗ bí-ẩn uyên-thâm bằng Sự-vật hiển nhiên, hầu mong duy-trì Nhân với Nghĩa hợp theo Thiên-lý.

Nhưng sau Học-giả có người siêu về Tượng-

số, chỉ chú ý về việc Bói-toán như Thái-ất, Kỳ-môn Hà-lạc-sổ v.v... mà không xét đến cái cao-siêu huyền- ảo của Đạo Dịch, bỏ sự tu tâm luyện tính.

Lại có người khinh-miệt Bốc-Phệ hay Tượng- số và chỉ chuyên về một nghĩa-lý chìm đắm vào cõi hư-vô tịch-mịch. Như vậy đều không thấu-triệt được cái ý của Thánh-nhân cốt tuỳ thời mà lập Giáo, tuỳ thời mà tiến-thoá. Chữ Thời 易 時 rộng lắm thay! Bởi thế mới nói rằng: «Đạo Dịch chỉ là đạo Thời thôi» 易 道 只 是 時 。 (Dịch Đạo chỉ thị Thời), có hiểu được đạo Thời thì mới hiểu được đạo Dịch. Cũng vì lẽ ấy mới có những khoa Tượng-số, để đoán Cát Hung theo Thời (en fonction du Temps). Lấy Tượng-số-học, Lý-học tính theo Thời mà biết được quá-khứ, hiện-tại, vị-lai của muôn sự vật đó chỉ là cái Dụng của Dịch-lý để suy cứu đạo Thời. Cho nên người xưa siêu về Tâm-linh để hiểu đạo Thời mà lấy Tượng-số làm tiêu-chuẩn, nên trong kinh Dịch có một Thiên nói về Bốc-Phệ của người xưa vậy.

Nếu công-dụng của Dịch-lý chỉ đến mức Bốc- Phệ tuyệt-đối thôi ắt Dịch không thể tồn-tại được đến ngày nay. Nhưng ta thấy Dịch là căn-bản của tất cả các môn-học cổ kim, nên mới có sách này chú-giải lời kinh ; lấy Khoa-học hầu phổ-cập giải rõ

cái u-minh huyền-ảo chìm đắm trong Vạn-Thể.

Đức Phu-Tử là vị Thánh thứ tư trong Đạo Dịch, lại là bậc Cải-thể Văn-chương được tôn sùng làm «Vạn Thế Sư Biểu».

LỊCH-SỬ ĐỨC KHỔNG-TỬ

Khổng-Tử 孔 子 người làng Xương-bình, huyện Khúc-Phụ nay thuộc phủ Dụy-châu tỉnh Sơn-tây bên Trung-hoa. Ngài giòng giõi người nước Tống (Hà-nam). Ông Tổ ba đời của Ngài dời sang nước Lỗ (Sơn-tây), thân-phụ Ngài là Thúc-lương-Ngột làm quan Võ, lấy

người vợ trước sinh được 9 người con gái. Người vợ thứ sinh được một người con trai đặt tên là Mạnh-Bì nhưng lại có tật què chân. Đến lúc gần già mới lấy bà Nhan-thị sinh ra Ngài vào mùa Đông tháng 11 năm Canh-tuất, là năm thứ 21 đời vua Linh-vương nhà Châu tức là năm 551 T.T.L.K.N. Bà Nhan-thị có lên cầu-tự trên núi Ni-khâu, cho nên khi sinh ra Ngài mới nhân điều ấy mà đặt tên Ngài là Khâu tên tự là Trọng-Ni 仲尼. Có sách nói rằng trán Ngài cao và gồ lên cho nên mới đặt tên là Khâu.

Ngài mất năm 73 tuổi tháng 4 năm Nhâm-

Tuất tức là năm thứ 41 đời Châu-Kinh-Vương tức là năm 478 T.T.L.K.N.

VII.- DỊCH CỦA CÁC THỜI-ĐẠI NHẤT LÀ CỦA TỐNG NHO.

Về sau các Nho-giả đời Tống đều sở cứ vào Kinh-Dịch mà thiết-lập ra các học-thuyết.

Sau đến đời nhà Tần nhờ là sách chuyên về Bói-Toán cho nên không bị thiêu-hủy mà còn di lại đến đời nay. Đời nhà Tần có Lã-Bất-Ví lại sửa lại làm hai cuốn Kinh, mười cuốn Truyện. Dần dần Dịch-học bị suy vi đến đời Hán, Đường chỉ chú-trọng về sự học công-truyền nói về mặt chánh-trị và luân-lý. Đạo Dịch bị phai lạt để nhường cho cái triết-lý của Phật-giáo và Lão-giáo.

Lão-giáo đã thịnh ở đời Tam-Quốc, Lục-Triều và trải qua đời Đường sang đến đời Tống vẫn còn có thế-lực.

Phật-giáo cũng đã thịnh từ đời Lục-Triều rồi đến đời Đường lại thịnh hơn và có những phái Đại-thặng (grande véhicule) như Thiền-Tôn 禪 宗, Hoa-Nghiêm-Tôn 花 嚴 宗, Thiên-Thai-Tôn 天 台 宗 đều bàn về cái lý Thiên-địa vạn-vật

nhất thể, có lắm chỗ rất huyền-ảo cao-siêu.

Trải qua một hồi suy-vi hầu như không ai nhắc nhở đến mà nhường chỗ cho cái Triết - học của Phật và Lão-giáo. Nhưng bĩ-cực thái-lai đó là lẽ tuần-hoàn của Thiên-lý, cái nguyên-nhân không phải là đến đời Tống Đạo Dịch mới bắt đầu huy-hoàng bành-trướng trở lại, nguyên-do sự thịnh-vượng trở lại là từ cuối đời Tây-Hán có Dương-Hùng làm sách Thái-Huyền nói về đạo Huyền.

Dương-Hùng 揚雄 tự là Tử-Vân 子雲, người ở Thành-Đô đất Thục sinh vào quãng năm Cam-Lộ (53 T.T.L.) đời vua Tuyên-Đề nhà Tây-Hán và mất vào quãng năm Thiên-Phượng (14-20) đời Vương-Mãn nhà Tân, thọ được 70 tuổi. Ông làm Quan cuối đời Tây-Hán làm đến chức Hoàng-Môn-Lang rồi sau làm chức Đại-Phu trong khi Vương-Mãn làm Vua.

Ông chuyên-trị về Triết-học và làm sách Thái-Huyền. Nhiều nhà bàn đến sách Thái-Huyền đều cho ông theo kinh Dịch mà làm và tham-bác cả với Đạo-đức-kinh của Lão-tử nữa mà các Nho-giả đời xưa cho là loại sách nói về Thuật-số, dầu chư Nho coi như vậy mặc lòng nhưng sách Thái-Huyền nói về Đạo-lý rất cao-siêu.

Nay ta xét xem sách Thái-Huyền và kinh Dịch khác nhau như thế nào ?

Hai Sách ấy trong mỗi Sách dùng một lối, nhưng cùng đồng theo một Lý mà diễn ra.

Dịch thì lấy Âm Dương làm gốc.

Huyền thì lấy số Hai Ba làm gốc.

Dịch có Sáu vị tức là 6 Hào, Huyền thì có 4 tầng là: Phương 方, Châu 州, Bộ 部 và Gia 家. Mỗi Gia biến ra 3 Thủ 首; mỗi Bộ gồm 3 Gia biến ra 9 Thủ, mỗi Châu gồm 3 Bộ biến ra 27 Thủ, mỗi Phương gồm 3 Châu biến ra 81 Thủ.

Dịch thì mỗi quẻ có 6 Hào, hợp làm 384 Hào.

Huyền thì mỗi Thủ có 9 Tán 贊, hợp làm 729 Tán.

Xem vậy thì Thủ cũng tựa như Quẻ mà Tán cũng như Hào vậy.

Dương-Hùng lấy Dịch-lý mà tính Lịch nghĩa là tính ra ngày tháng và năm. Theo những quẻ trong kinh Dịch thì Quái-khí khởi từ quẻ Trung-phu 中孚, trừ 4 quẻ: Chấn 震, Ly 離, Đoài 兌, Khảm 坎 là 4 quẻ chính của 4 phương có 24 hào làm chủ 24 khí còn thừa 60 quẻ thì mỗi quẻ là 6 ngày 7 phần nhân ra là 365 ngày và 1 phần tư ngày. Hào Sơ-cửu dưới cùng quẻ Trung phu

là lúc đầu Đông-chí, Hào Thượng-cửu quẻ Di là cuối tiết Đại-tuyết. Hết vòng lại trở lại (muốn rõ xem quyển Thái-Ất của tôi).

Huyền thì có 81 Thủ, mỗi Thủ 9 Tán tất cả là 729 Tán. Hai Tán hợp làm 1 ngày tức là một Tán thuộc ngày một Tán thuộc về đêm. Tính ra thì có 364 ngày rưỡi. Vận nên phải thêm hai tán Cơ và Doanh để thành ra 365 ngày 1/4. Tán sơ nhứt của Thủ trung 中 là lúc đầu Đông-chí, tán Cơ và tán Doanh là cuối Đại-tuyết. Hết vòng lại trở lại.

Xem thể thì các Thủ của sách Huyền đều lấy sự chia khí của các quẻ trong kinh Dịch làm thứ-tự.

Đại-ý là Dương-Hùng cho Đạo Trời Đất ở trong lịch-số xoay vần biến-đổi, nhưng không bao giờ ra ngoài cái Huyền-lý được.

Dương-Hùng theo Dịch-học lấy sự Tiêu-trưởng âm dương mà nói Lịch-lý để phân-biệt thời-tiết và xem sự Cát Hung. Ông lại có ý đem cái Đạo huyền-diệu siêu-việt của Lão-học và Dịch-học hợp làm một để gây ra cái mối Triết-học của Nho-giáo.

...

Vương-Thông.— Sau lại có Vương-Thông ở đời Tùy cũng muốn đem cái phần cao-diệu của

Thánh-hiền mà phát-huy ra, nhưng vì Vương-Thông hưởng thọ không được bao lâu và hoàn-cảnh cũng không được tiện-lợi cho nên cái mầm ấy không sinh nở ra được.

Vương-Thông 王通 tự là Trọng-Yêm 仲淹 giòng giỏi Nho-học, người huyện Long-môn tỉnh Sơn-tây ngày nay. Ông sinh vào năm

Khai-Hoàng thứ tư (584) đời nhà Tùy. Tính ông giản-dị nhân hậu, áo quần không hề dùng đến đồ gấm vóc, đồ ăn uống đơn-sơ. Thường khi có việc đào sông đắp đê ông vác thuổng cuốc đi làm với người làng và nói rằng: «Ta là người bình-dân vậy».

Đến năm Đại-nghiệp thứ 13 (616) đời vua Đáng-Đề nhà Tùy ông mất ở nhà, thọ được 32 tuổi.

Ông làm sách nối thêm kinh Thi, kinh Thư, sách Lễ-Luận, sách tán đạo Dịch.

Ông giảng nghĩa Tam-Tài rằng: «Trời là Thông-nguyên-khí chứ không phải chỉ nói cái vồng lồng lộng và xanh xanh mà thôi. Đất là Thông- nguyên-hình chứ không phải là nói núi sông, gò đống mà thôi.

Người ta thông Nguyên-Thức 元識 chứ không phải là nói đầu tròn trán vuông mà thôi (Trong

thuyết Lập-Mệnh). Nghĩa là Trời chủ cái Khí, Đất chủ cái Hình, Người chủ cái Biết.

Đến đời nhà Tống cái học Tâm-truyền đã mất lâu ngày mới bắt đầu hưng-thịnh, cái tư-tưởng Nho-giáo đời Tống có lắm chỗ phảng-phất tương đồng với Lão-giáo và Phật-giáo là vì phần huyền-diệu của Nho-giáo là do kinh Dịch mà ra mà kinh lại là sách bàn về Lý học chung cả bên Lão và bên Nho. Dịch-học cho cái mới đầu của Vũ-trụ là gốc ở Lý Thái-cực, Lý ấy độc-nhất vô-nhị ở Vũ-trụ, do động tĩnh mà biến thành âm dương rồi sinh ra vạn-vật, vạn-vật chung quy lại trở về Thái-cực. Đó là cái lý «Đồng quy nhi thù đố, nhất trí nhi Bách lư» (cùng đi mà nhiều đường, một trí mà trăm sự lo) của Khổng-Tử đã nói ở thiên Hệ từ. Lý Thái-cực ấy bên Lão-giáo gọi là Đạo 道, bên Phật-giáo gọi là Chân Như 真 如 (Bhutatathatâ) danh tuy khác nhau nhưng đồng một Thể. Bởi đồng một Lý cho nên các học-thuyết ấy đều theo một chủ-nghĩa «Thiên-địa vạn-vật nhất thể». Song mỗi một học-thuyết đi ra một đường là vì cách lập Giáo và sự hành-đạo khác nhau.

Phái Lý-học đời nhà Tống theo cái tôn-chỉ của Nho-giáo lấy cái tính bản-nhiên của Trời Đất làm cái thể của vạn-vật, tức là theo cái thuyết «Thiên-

địa vạn-vật nhất thể» làm cái Đạo Nhất Quán. Phái ấy đem lý Thái-cực vào trong lòng người ta mà mở rộng ra để bao-quát được cả Vũ-trụ. Cái lý-thuyết ấy tuy trước Dương-Hùng đã nói ở sách Thái-Huyền nhưng đến Tống Nho mới phát sinh ra rõ ràng và lại giải rõ cái nghĩa «Dự Thiên-địa Tham» nói ở sách Trung-Dung. Người là một giống nhỏ mọn nhưng vì cùng bẩm-thụ một cái Lý Thái-cực như Trời-Đất, hễ ai biết lấy sự Thành 誠, mà theo cái đạo Trung-hòa của Trời-Đất thì có thể ngang với Trời-Đất vậy. Đó là phần trọng-yếu trong cái Học-thuyết của phái Lý-học.

Phái Lý-học chịu ảnh-hưởng của Lão-học nhiều lắm, sau này người khai sáng ra môn Thuật-số-học là một nhà Lão-học trứ-danh. Đó là Trần-Đoàn 陳 摶 tự là Đồ-Nam 圖 南 hiệu là Hi-Di 希 夷 ở vào lúc Tống-sơ quãng thế-kỷ thứ X Trần-Đoàn rất tinh-thông về Dịch-học. Đến thế-kỷ thứ XI đời vua Nhân-Tôn nhà Tống mới có Thiệu-Ung và Châu-Đôn-Di theo lý-thuyết trong kinh Dịch mà xướng lên cái thuyết Lý-học.

Thoạt kỳ thủy phái Lý-học có hai thuyết. Một thuyết thì lấy Tượng-số mà xét vận-mệnh của Trời Đất, rồi suy-diễn ra sự hành-động của Vạn-vật. Một thuyết thì lấy thuần-túy Triết-học mà bàn về Đạo-

tâm lý-tính. Thuyết thứ hai này sau lại phân ra thành một thuyết nữa, lấy Tâm-học làm yếu-lĩnh, gồm cả lại mà nói thì phái Lý-học đời nhà Tống có tất cả ba Thuyết, cùng một gốc mà khác ngọn.

Thuyết thứ nhứt có Thiệu-Ung làm Đại-biểu nhưng về sau không thịnh-hành được là vì học theo thuyết ấy cần phải có người tinh-thông Thuật-số mới học được.

Thuyết thứ hai có Chu-đôn-Di làm Đại-biểu rồi có Trương-Tải Trình-Hạo và Trình-Di mở rộng thêm ra.

Sau đến đời Nam-Tống có Chu-Hi tập Đại-Thánh, lập ra một học-

thuyết nói về sự Vấn-học. Cái học của Chu Hi truyên-trị về mặt công-truyền rất thịnh-hành ở đời Minh và Thanh.

Thuyết thứ ba có Lục-cửu-Nguyên cùng đồng thời với Chu-Hi theo cái Tâm học của Mạnh-Tử truyên-trị về tôn Đức-Tính. Thuyết này đến đời nhà Minh có Vương-thủ-Nhân mở rộng thêm ra và lập thành một phái Tâm-học có tinh-thần rất mạnh. Vậy nay ta theo cái học-thuyết của phái Lý-Học mà chia ra làm Tượng-số-học, Đạo-học và Tâm-học.

A — Tượng-Số-học.

Thiệu-Ung.— Cái học Tượng-số phát ra từ Trần-Đoàn rồi đến Thiệu-Ung mới thành-lập. Thiệu-

Ưng 邵 雍 tự là Nghiêu-Phu 堯 夫 thụy là Khang-Tiết 康 節 (1011-1077) người phủ Vệ. Huy tỉnh Hà-Nam theo nghiệp Lý-chi-Tài 李 之 才 thuộc về học-phái của Trần-Đoàn.

Thiệu Khang-Tiết là người có Đức-hậu tài-cao, học rất rộng, hiểu rõ cái Bí-truyền của Hà-Đồ và Tiên-Thiên tượng-số. Tính ông không tham danh lợi, mấy lần Vua nhà Tống triệu ra làm quan, ông cáo bệnh không chịu ra.

Những sách của ông làm và còn truyền ở đời là : Hoàng-Cực Kinh-Thế 皇 極 經 世 , Tiên-thiên-Đồ 先 天 圖 , Ngư-Tiều vấn-đối 漁 樵 問 對 , Vô-danh công-truyện 無 名 公 傳 .

Tuy những sách Hoàng-Cực Kinh-Thế là trọng-yếu hơn cả. Sách ấy làm theo lý-thuyết Kinh Dịch và Kinh Thái-Huyền của Dương-Hùng có 60 Thiên nói về Tượng-số của Trời Đất, sự Biến-hóa của Lý Thái-Cực và Đạo của Thánh-Hiền.

Thiệu-Khang-Tiết lấy những quẻ của Phục-Hi đã vạch ra mà định Tượng-số, lập-thành một Học-thuyết uyên-thâm.

B — Đạo-Học : Chu-Đôn-Di.

Chu - Đôn - Di. 周 敦 頤 tự là Mậu - Thúc 茂 叔 (1017-1073) người Châu-Đạo tỉnh Hà-

Nam. Ông khởi đầu làm Chủ-Bạ huyện Phân-ninh, rồi trải qua chức Đại-lý-thừa cai-trị đất Nam-Xương, chức Chuyển-vận Phán-quan ở Quảng-Đông và chức Tri-Quận ở quận Nam-Khang. Sau vì có bịnh xin từ-chức về làm nhà ở dưới núi Liên-Hoa thuộc Lư-Sơn.

Ở đó có cái khe nước trong sạch ông thường ra đó dặt giải mũ. Ông bèn đặt tên là Liêm-Khê và tự lấy làm tên hiệu. Hậu Nho nhân chỗ ấy mà gọi phái học của ông là Liêm-Phái.

Chu-Liêm-Khê thuần-túy là người Đạo-học quân-tử, tính thung-dung hòa-nhã mà nghiêm-nghị. Ông để trí ở ngoài trần-tục, thích chơi ở nơi sơn-thủy sinh-đẹp và ưa xem cái Sinh-ý tự-nhiên của Tạo-Hóa. Sách của ông làm ra mất mát đi duy chỉ có Thái-Cực Đồ-thuyết 太 極 圖 說 và Thông-Thư 通 書 còn truyền ở đời.

Những đều sở đắc của ông không phải là bởi có thầy truyền cho, thường là tự ông thể-nghiệm cái học vô-ngôn của họ Nhan, mến cái nước mát sạch ở trong khe, yêu cái cỏ xanh tốt ở trước sân mà lĩnh-hội được đến chỗ uyên-thâm-vậy.

Chu-Liêm-Khê hiểu-thấu cái gốc nguyên-thủy của Vũ-Trụ, cái gốc ấy vô-thanh, vô-khiếu, vô-phương sở, vô hình-trạng, ở ngoài hết cả những cái mà ta có

thể ý-hội được, thể mà vẫn làm khu-nũu cho Vạn-vật. Nhưng vì không biết dùng chữ gì gọi cho đúng cho nên mới gọi là Vô-Cực. Vô-Cực không phải là không không hẳn, nhưng chính là cái Tự-tại vô-thủy vô-chung bất-sinh bất-diệt. Cái tự tại ấy không phát ra là Vô-cực mà phát ra là Thái-Cực. Vậy Vô-cực và Thái-Cực là một thể.

Xét về mặt Sinh-hóa thì Thái-Cực là cái điểm nguyên-thủy của vạn-hữu. Có cái điểm ấy rồi mới có sự sinh sinh hóa hóa vô cùng vậy.

Theo cái học-thuyết của Chu-Liêm-Khê thì trong Vũ-Trụ chỉ có lý Thái-Cực là nguồn-gốc sự Sinh-Hóa. Vạn-vật đều phải có Lý ấy mới sinh-hóa được. Vậy nên Vạn-vật bất cứ vật nào cũng có một phần Thái-Cực cùng đồng một thể, cũng như cái ý-tưởng ngày nay của Leibniz nói người ta là một « Tiểu Thiên-Địa (microcosme) vậy.

Bởi có chữ Vô-Cực như Thái-Cực mà về sau Chư-Nho có người cho là Chu-Liêm-Khê theo cái học của Lão-Tử nói có « Vô » 無 rồi mới có « Hữu » 有.

Chu-Liêm-Khê sở dĩ viết lên đầu Thái-Cực Đồ-thuyết là cốt để nói rõ cái nguyên Hình-Nhi-Thượng của Khổng-giáo, chứ không có ý gì bàn về

Vô và Hữu. Vả lại cách ấy sau ông nói: « Thái-Cực bản Vô-Cực dã ».

太極本無極也

Thái-cực gốc ở Vô-Cực vậy. Và lại nói: Vô-Cực chi Chân, Nhị ngũ chi tinh, diệu hợp nhi ngưng, Kiền Đạo thành Nam, Khôn đạo thành Nữ.

無極之真，二五之精，妙合而凝乾道成男，坤道成女。

Cái chân-thực của Vô-cực là cái tinh-túy của số 2 số 5 hợp nhau một cách linh-diệu mà ngưng lại. Đạo-Kiền thì thành con Trai, Đạo Khôn thì thành con Gái.

Như vậy thì Thái-Cực và Vô-Cực là một vậy.

2. QUAN-PHÁI

Đồng thời với Chu-Liêm-Khê có Trương-Tài cũng theo cái tôn-chi Lý-Học mà lập ra một học-thuyết rất có giá-trị.

Trương-Tài 張 載 tự là Tử-Hậu 子 厚 (1020-1076) người đất Đại-Lương, thuộc tỉnh Hà-Nam, đỗ Tiến-Sĩ ra làm quan được ít lâu rồi bỏ về ở Nam-Sơn phía Tây, huyện Trường-An tỉnh Thiếm-Tây nhân lấy tên chỗ ở là Hoành-Cứ 橫 渠.

mà đặt tên hiệu. Nhân vì ông ở đất Quan-Trung cho nên Hậu-nho gọi phái học của ông là Quan-phái.

Sau khi ông thôi quan về ở nhà dạy học và làm bài Đông-Minh 東 銘 Tày-Minh 西 銘, sách Chính-Mông 正 蒙 và sách Dịch-thuyết 易 說.

Trương-Hoành-Cứ theo nghĩa trong Kinh-Dịch mà bàn về Vũ-Trụ. Ông cho trong Vũ-Trụ chỉ có Thái-Hư là Chân-thật, vì Thái-Hư và Thái-Cực là Một. Vạn-vật do đạo Thái-Hòa mà sinh ra. Thái-Hòa là đạo Âm-dương biến-hóa. Bởi vậy khởi đầu sách Chính-Mông ông nói rằng: Thái-Hòa mà gọi là Đạo là bởi trong Thái-Hòa có cái tính phù-trầm, thăng-dáng, động-tĩnh tương-cảm với nhau cho nên mới sinh ra cái mối đầu của sự Nhân-Huân tương-dạng, thắng-phụ khuất-thân, cái đến thì cơ vi dĩ giản mà cái cùng-cực thì quảng-đại kiên-cổ. Khởi biết ở cái dễ là đạo Kiền, noi theo ở cái giản là đạo Khôn. Tan ra man-mắc mà có thể tượng được là Khí, thanh-thông mà không có thể tượng hình được là Thần, không như bụi-trần nghi-ngút không đủ gọi là Thái-Hòa. Người nói Đạo, có biết Đạo ấy mới gọi là biết Đạo. Người học Dịch có biết Đạo ấy mới gọi là thấy Dịch.

Trời Đất và Vạn-vật có gốc ở hai Khí Âm-Dương. Hai khí ấy tương-đối và tương điều-hòa với

nhau cho nên mới sinh ra các pháp-tượng. Bởi có cái tương-đối tương điều-hòa ấy mà cái pháp-tượng đều có cái tính ái ố, thành ra có vật-dục.

Trương-Hoành-Cứ giải rõ nghĩa ấy rằng: Cái hư của khí bản thì im-lặng không có hình, cảm rồi mới sinh-tụ lại rồi mới có Tượng. Có tượng ấy là có đối, đối tất phải phản lại sự hành-vi của nhau. Có phản ấy là có thù-nghịch, thù-nghịch tất phải hóa mới giải được cho

nên cái tính ái ố đồng ở Thái-hư mà ra rồi sau thuộc cả về vật-dục.

Sự biến-hóa của Thái-hư thì vụt mà sinh, vụt mà thành, không để hở một đường tơ tóc nào, thật là thần-diệu vậy ôi !

Trong Trời Đất chỉ có Thần và Hóa biết được hai điều ấy thì hiểu-được Đạo Trời. Trương-hoành-Cứ nói đây thật rất đúng với cái Sinh-linh-Khí hay là Fohat ở trong Kinh Dzyan vậy.

« Thần là cái Đức của Trời, Hóa là cái Đạo của Trời, Đức là Thể, Đạo là Dụng. Hợp lại với Khí chỉ là Một mà thôi. Hư-Minh Chiêu-Giám là cái sáng của Thần sung-tắc mọi nơi không có chỗ nào hở cả.

« Khí có Âm-dương đun-đẩy mà đi, dần dần mà hóa. Hợp làm một mà bất-trắc là Thần. Ở

người thì biết điều Nghĩa dùng điều Lợi, ấy là việc Thần-hóa đủ vậy. Đức mà thịnh là cùng Thần thì cái Biết không cần phải nói, và Tứ-hóa thì cái nghĩa không cần phải tơn » Ông lấy cái nghĩa chữ « Cùng thần chi Hóa 窮 神 之 化 » ở trong Kinh Dịch

làm cốt cho sự Học của người ta.

3' LẠC-PHÁI

Chu-Liêm-Khê truyền cái học của mình cho Môn-đệ là hai anh em họ Trình: Trình-Hạo và Trình-Di Hai ông này mở nhà học ở Lạc-Dương cho nên Hậu-Nho gọi phái của ông là Lạc-phái.

Trình-Di 程 頤 tự là Chính-Thúc 正 叔 hiệu là Y-Xuyên 伊 川 (1033-1107) người tỉnh Hà-Nam trước cùng với anh là Trình-Hạo học Chu-Liêm-Khê, sau vào học nhà Thái-Học. Hồ-Viên thấy văn của ông lấy làm lạ, cất lên làm Học-chức. Đến đời Vua Triết-Tôn (1086-1099) ông làm chức Giáo-thụ ở Quốc-tử-Giám đất Tây-Kinh sau vào làm chức Thuyết-Thư ở Sùng-Chính-Điện, Ông dậy học rất nghiêm ai

cũng kính sợ. lúc ấy ông không tương đắc với bọn Tô-Thức, thường bị dèm-pha, phải ra coi Quốc-Tử-Giám ở Tây-Kinh rồi lại phải đổi đi Bồi-Châu ở Tứ-Xuyên. Được ít lâu lại về dậy học ở Lạc-Dương. Qua sang đời vua Hy-Tôn, bọn gian-nịnh đắc-thể bắt ông đem về giam ở Hà-Nam biên tên vào sổ bằng-đẳng và bắt phải giải tán hết cả học-trò.

Ông làm ra những sách Dịch-truyện 易 傳 Xuân-Thu truyện 春 秋 傳 và Mạnh-Tử-giải Dịch-truyện của Trình-Di còn lưu-truyền đến ngày nay mà cái học của ông thì thành ra cái học của Chu-Hi vậy.

Những người theo hai anh em họ Trình rất nhiều song những người có thế-lực đến Hậu-học thì chỉ có Tạ-lương-Tả và Dương-Thời mà thôi.

Tạ-lương-Tả 謝 良 佐 tự là Hiển-Đạo 顯 道 hiệu là Thượng-Thái 上 蔡 theo học Trình-Minh-Đạo (Trình-Hạo) sau mở đường cho Lục-cửu-Uyên.

Dương-Thời 楊 時 tự là Trung-Lập 中 立 hiệu là Qui-Sơn 龜 山 trước theo Trình-minh-Đạo sau theo học Trình-Xuyên rồi truyền cái học cho La-Tòng-Ngạn 羅 從 彥 tự là Trọng-Tổ hiệu là Dự-Chương 豫 章 La-Tòng-Ngạn truyền cho Lý-Đồng 李 侗 tự là Nguyện-Trung 願 中 hiệu là Diên-Bình 延 平 Lý-Đồng truyền cho Chu-Hi.

4 - MÂN-PHÁI

Chu Hi 朱 熹 tự là Nguyên-Hối 元 晦 sau đổi là Trọng-Hối 仲 晦 hiệu là Hối-Am 晦 庵 (1130-1200) người huyện Vụ-Nguyên tỉnh An-huy thuở 18 tuổi đỗ Tiến-Sĩ bổ làm Chủ-Bạ huyện Đồng-An tỉnh Phúc-Kiến, được ít lâu bỏ về. Nghe ở đất Diên-Bình huyện Nam-Bình tỉnh Phúc-Kiến có Lý-Đồng vui Đạo ẩn-cư ở đó ông bèn đến theo học mới được cái chính-truyền của họ Trình. Ông làm nhà gọi là Trúc-Xá ở trong núi Võ-di-Sơn, thuộc huyện Sùng-Án, phủ

Kiển-Ninh tỉnh Phúc-Kiến. Kẻ-sĩ ở các nơi đến theo học rất đông. Hậu-Nho nhân đó gọi phái của ông là Mân-phái.

Đến đời Vua Hiến-Tôn nhà Nam-Tông (1165-1189) ông được cử đi làm chức Tri Nam-Khang quận sau được thăng chức đề-cử ở đất Triết-Đông. Vua Ninh-Tôn (1195-1224) lên ngôi, triệu ông vào Triều làm chức Thị-Giảng được 40 ngày thì bị hặc phải bãi về. Lúc ấy ông thường bị chỉ-trích là Nguỵ-học nhưng ông cứ giảng-tập không thôi. Ông mất năm Khánh-Nguyên thứ sáu (1200) đời Vua Ninh-Tôn được tặng tên Thụy là Văn 文.

Ông làm ra những sách: Dịch-Bản nghĩa 易 本 義 Dịch-Học Khải-Mông Thi-tập truyện 詩 集 傳 Tứ-Thư tập-chú 四 書 集 註 để giải rõ những kinh-truyện Thánh-Hiền.

Những sách của Thiệu-Khang-Tiết, của Chu-Liêm-Khê và của Trương-Hoành-Cứ và cả hai anh em họ Trình làm ra chưa được bao lâu mà những lời tinh-vi, những nghĩa to-tát đã mờ đi, ông bèn góp nhặt lại làm ra Thái-Cực Đồ-giải, 太 極 圖 解 Thông-thư-giải 通 書 解, Chính-Mông-giải 正 蒙 解 vân vân, để phát-minh nghĩa-lý ra cho nên những sách ấy mới thịnh-hành được. Còn về đường tư-tưởng của ông thì có những Sách: Cận-Tư-lục 近 思 錄 Văn-tập 文 集 Ngữ-Lục 語 錄 Gia-Lễ 家 禮 vân vân, đều là quan-hệ đến Học-thuyết và Luân-lý.

Xét về đường Triết-học thì cái học của Chu-Hồi-Am có nhiều điều cao-minh, mà về đường thực-hành thì có nhiều đường cố-chấp rất hẹp-hòi. Đó là sự rất hệ-trọng, ta nên chú-ý mà xét cho kỹ thì mới hiểu rõ được cái Học của ông vậy.

TÂM - HỌC

Và xét về Tâm-học thì có Lục-cửu-Uyên 陸九淵 tự là Tử-Tĩnh 子靜 hiệu là Tồn-Trai 存齋 (1139-1192) người huyện Kim-khê thuộc tỉnh Giang-tây. Năm Càn-đạo thứ 8 đời Vua Thiền-tôn nhà Nam-Tống

(1163-1189) ông thi đỗ Tiến-sĩ làm quan đến chức Quốc-tử-Chính rồi về dạy học ở núi 象山 Tượng-Sơn tự hiệu là Tự-sơn-ông. Đến đời Vua Quang-tôn (1190-1195) ông được cử ra làm chức Tri Kinh-môn quận. Ông ở Kinh-môn trị dân rất nhân-hậu, sửa đổi phong-tục xây-đắp thành-trì, trù-liệu việc võ-bị, nổi tiếng là có Chính lạ. Tể-tướng là Chu-tất-Đại khen là: «Hữu cung hành chỉ hiệu» 有躬行之效, có cái hiệu-quả về sự tự mình làm điều Nhân-chính. Ông ở Kinh-môn được non ba năm thì mất thọ 54 tuổi. Thụy là Văn-An 文安

Theo ông thì cái Đạo chỗ nào cũng có mà chí Công chí Chính, chỉ vì người ta tự đem thân mình làm riêng ra, cho nên không vào được Đạo, ông nói rằng: «Đạo dầy lắp cả Trời-Đất, người lấy thân mình tự làm riêng ra, cho nên cùng với Đạo không nhập lẫn nhau. Nếu người có thể lùi bước mà tự xét mình thì tự-nhiên Đạo với người nhập lẫn nhau được.

«Đạo tắc Thiên-địa. Nhân dĩ tự tư chi thân, giữu Đạo bất tương nhập. Nhân năng thoái bộ tự-tĩnh, tự-nhiên tương nhập.»

道塞天地 · 人以自私之身

與道不相入 · 人能退步自省

自然相入 ·

Cứ cái ý Lục-tượng-Sơn nói đó thì Đạo là phần hình-nhi-thượng tức là lý vậy. «Lý ở ngay trước mắt, chỉ vì tại người che đi vậy».

理只在眼前只是被人自蔽

了 ·

«Lý chỉ tại nhỡn tiền chỉ thị bị nhân tự tế liễu»

Lục-tượng-Sơn cho là Lý Chí-Thiện, nhưng vì khí có mờ-tối, vật có ngăn-che, thể-lực có biến-thiên, tập-quán có di-dịch. Hễ người ta đi

mà không trở lại, mê mà không hiểu là người ngu, người dở, làm mất cái Đạo di-luân, trái với Mệnh Trời.

Lục-tượng-Sơn là một nhà tâm-lý-học uyên-thâm chủ ở một chữ Tâm, nhưng cái nghĩa chữ Tâm của ông dùng rất rộng.

Về sau Chư Nho phần nhiều say-đắm về từ-

chương văn-phú một là ít có sự cao-diệu uyên-thâm và về phần để thi cử tiến-thân vào nơi phú-quí, cho nên Lý-học ngày ngày mai một đi và thứ nhất ở trong Thế-kỷ nầy. Nước Trung-hoa đã đào-luyện bao nhiêu bậc Hiền-triết phi-phàm, đã làm rung-động cả nền Văn-hóa hoàn-cầu thứ nhất về Lý-học, Triết-học đến ngày nay các nước Âu-Mỹ cũng vẫn còn ngẩn-ngơ chiều về hướng Đông để tìm hiểu. Nhưng cái luật dĩ-nhiên đã cho ta hiểu rằng có thịnh ắt có suy. Cho nên người Trung-hoa hiện nay đang bồng-bột sôi-nổi đua nhau về cái Văn-minh Âu-Mỹ, học đòi những cái mà Tây-phương đã cho là quá thời, nhãng bỏ những cái gì quí-báu mà Tây-phương đang đi tìm kiếm. ôi! cũng là Mệnh Trời, cái bánh xe luân-chuyển từ từ theo thời-gian mà biến-chuyển.

Cái Văn-minh cao-siêu của Trung-hoa dần dần suy-sụp để nhường chỗ cho cái văn-minh thực-tế và cơ-giới-hóa của người Âu-Mỹ.

ôi! thời-kỳ đó tức là thời-kỳ xác-thịt trả thù (Vengeance de la chair!) vì nước Trung-hoa từ nghìn xưa tu tâm dưỡng-tính, xuất-hiện được bao nhiêu bậc Hiền triết cái-thế văn chương mà cả Hoàn-vũ đều khâm-phục, nó đã từng như những nhà Tu mộc-mạc, đè-nén hàng muôn năm cái vật-dục mà ngày nay không chịu nổi sự thèm muốn của nhục-dục ắt

sẽ phải trải qua một thời kỳ trả-thù của nhục-dục và làm tiêu-tan cái tinh-thần lộng-lẫy quí-báu khi xưa.

Như vậy cũng chẳng qua là cái kiếp nầy, chúng ta đang ở cái thời-kỳ gần đến chỗ Tịch-lạc ngàn năm (Millénium) ắt sẽ có những sự biến-thiên như vậy. Có sự vật-chất đến cùng-cực thì cái tinh-thần mới nảy ra được đúng theo Dịch-lý: «Âm tiêu Dương trưởng» vậy.

KINH DỊCH BẾN VIỆT-NAM

Nước Việt-Nam trải qua gần 2000 năm Bắc-thuộc và theo địa-thể ở liền xát phía Nam nước Trung-hoa cho nên bị ảnh-hưởng rất mạnh về Văn-hóa, tập-quán, phong-tục và chính-trị. Nhờ Văn-hóa Trung-hoa do Sĩ-Nhiếp mang sang đầu tiên nước Việt-Nam và từ đó ta bắt đầu học chữ Hán làm chữ của mình. Nhưng Văn-học của một nước bị-trị thì bao giờ cũng có hạn-chế, nó chỉ phát-huy trong phạm-vi từ-chương tho-phú, lĩnh-hội đủ ý-tứ để thi cử, ra làm quan, hay là tay sai cho tụi Thực-dân Tàu tàn bạo. Sự Học hồi đó tuy là cũng gồm có Tứ-thư Ngũ-kinh, Sử-ký, Địa-dư nhưng môn Hình-nhi-Thượng của đức Phu-tử không thể lan-rộng trong

nước được, phần nhiều Chư Nho Việt-Nam chỉ siêu về Từ chương văn-phú và theo Nho giáo một cách bo bo giữ thái-độ tầm-thường, bao nhiêu tư-tưởng chỉ là trên mặt đất, bó buộc người ta trong cái khuôn-khổ chật-hẹp, chỉ mài-miệt về Hình - nhi - Hạ một cách cố-chấp sai lầm, thành thử nêu lên những tập-quán phiền-phức và sai lạc với cái tinh-túy của Nho-giáo, đến như cái Triết-lý của Hình-nhi-Hạ, cái đạo Trung-dung, đạo Quân-tử và cách sử-kỷ tiếp-vật còn chưa thẩm-nhuần được đến tận nơi, thì cái Triết-lý về Hình-nhi-Thượng làm sao tới được. Nhưng ta cũng không nên trách-đoán là vì ta bị ảnh-hưởng hấp-thụ cái văn-hiến Trung-hoa một cách lờ mờ, theo cái địa-vị của một nước bị đô-hộ, bị-trị theo bốn nguyên-nhân dưới đây :

1.- Ta là một nước bị-trị và bọn người đô-hộ, thực - dân chỉ muốn cho ta học đủ sức để làm tôi đòi tay sai thôi.

2.- Không có những bậc cao-hiền chính-tông của Trung-hoa hết lòng dạy bảo.

3.- Không phải là tiếng mẹ đẻ cho nên học một tiếng ngoại - quốc vừa mất thì giờ và cần phải có thông-minh mới thấu-triệt đến chỗ uyên - thâm của Văn-hóa được.

4.- Nghề nhà in không có và những sách bên Trung-hoa mang sang rất hạn-chế, chỉ những các con quan, hay con nhà giàu có thế-lực mới mua được.

Vì bốn nguyên-nhân đó mà cái Văn-hóa của ta phải trì-hoãn trong một thời-kỳ khá dài đáng tiếc.

Nhưng theo cái lý đương-nhiên đó thì vật cùng tắc biến, tất là phải có cái phản động-lực, thứ nhất giòng giống «con Rồng cháu Tiên» nước Việt lúc nào cũng có trí-khí cương-cường quật-khởi, trong phạm-vi Văn-hóa cũng như Chính-trị. Nên có những bậc Văn-nhân xuất-chúng thoát-phàm vượt trên cái khuôn-khổ văn-chương nhỏ hẹp, để đem mình bay bổng lên cõi lý-tưởng mà ngắm cảnh biến-hóa của Vũ-trụ và xem cuộc xoay-vần của Trời-Đất.

∴

TRẠNG-TRÌNH. Cái phản động-lực ấy ta thấy vào đời Vua Lê thánh-Tôn (1460 - 1497) có Nguyễn-bỉnh-Khiêm húy là Văn-Đạt 文達, hiệu là Bạch-Vân Cư-sĩ 白雲居士, người làng Trung-Am huyện Vĩnh-Lại tỉnh Hải-Dương. Cha là Văn-Định tặng tước Thái-Bảo Anh-quận-Công có văn-tài sung chức Thái-học-Sinh, đạo hiệu là Cổ-Xuyên Tiên-sinh. Bà thân sinh ra Bỉnh-Khiêm họ Nhữ, ấm

phong Từ-thục Phu-nhân, con gái quan Thượng-Thư Nhữ-văn-Lan người làng Yên-tử, huyện Tiên-Minh cùng tỉnh Hải-Dương. Bà bẩm sinh thông - minh, thông kinh-sử, giỏi văn-chương lại tinh Lý-số.

Năm Tân-Hợi niên hiệu Hồng-Đức thứ 22 (1592) đời Vua Lê-thánh-

Tôn bà sinh ra Nguyễn-bỉnh-Khiêm mình to lớn, tướng mạo khôi-ngô.

Khi Ngài còn bé học ở nhà sau lớn theo học ông Bảng-Nhỡn Lương-đắc-Bằng ở Thanh.

Lương-đắc-Bằng vốn ở làng Hội-Trào huyện Hoằng-Hóa. Nguyên có một chi họ lạc sang ở Vân-nam đời đời làm quan bên Tàu. Khi Đắc-Bằng sang sứ nhà Minh, gặp một người cùng họ là Lương-nhữ-Hốt cho một quyển Thái-ất thần-kinh. Đắc-Bằng đem về học-tập cho nên tinh nghề lý-số việc gì cũng tính biết được trước. Sau truyền cho Nguyễn-bỉnh-Khiêm. Ngài học tinh về thuật-sổ phàm các việc tai-tường họa-phúc, cùng là ngày mưa ngày nắng việc gì cũng biết trước.

Lúc ấy nhằm giữa khoảng Quang-Thiệu đời Chiêu-Tông Thiên-hạ đang rối loạn, Bỉnh-Khiêm ẩn cư dạy học không quan tâm gì đến việc Nước cả.

Khi ngôi báu đã chuyển sang họ Mạc rồi, bốn phương tạm yên. Vua nhà Mạc nghĩ đến đường

văn-tự liền xuống chiếu trong ngoài mở khoa thi kén người tài giỏi. Các bạn-bè thân-thích đều khuyên Bỉnh-Khiêm ra ứng thí. Ông suy-biết nhà Lê lại trung-hưng lên được ngần-ngại không muốn ra làm quan với nhà Mạc. Nhưng bạn-bè cứ một mực khuyên nên đem tài ra giúp đời trị dân. Vả trên còn có mẹ già ngoài 70 tuổi nhà nghèo, không đủ lễ-nghị báo-dưỡng, ông suy-tính đắn-đo mãi rồi mới quyết-trí vào đời, định đem sở học bình sinh ra kinh-bang tế-thế. Lúc ấy ông đã 44 tuổi mới ra thi Hương đỗ Giải-Nguyên khoa Giáp-Ngọ năm Đại-chính thứ năm (1534). Năm sau Ất-Mùi ông vào thi Hội bốn kỳ đều nhất đỗ Hội-nguyên. Vào Đình-đối đỗ Trạng-Nguyên, từ Hương đến Đình-thí ông đều đỗ đầu. Vua Thái-Tông Mạc-đăng-Doanh cả mừng đặc-cách cử làm Đông-các Hiệu-thư. Thái-công sai họa hai bài thơ Ngự-chế đều được ưu-hạng, liền cử làm Hình-bộ Tả-thị-Lang. Ít lâu lại đổi sang Lại-bộ Tả-thị-Lang kiêm Đông-Các Đại-

học-sĩ. Ở triều ít lâu, trông thấy mọi việc không được như ý mình mong mỏi, bọn gian-tà cũng vẫn được công-nhiên dự việc chính. Trạng bèn dâng sớ xin chém quyền-thần mười tám người. Sớ tâu mà không được xét đến lại nhân con rể là Phạm-giao cùng với cha là Phạm-quỳnh cũng thuộc vào bọn quyền-

thần ấy. Trạng khuyên-bảo không được bèn thác bệnh xin về trí-sĩ. Ấy là năm Nhâm-dần hiệu Quảng-hòa thứ hai (1541) đời Vua Tuyên-Tông Phúc-Hải. Vua Phúc-Hải không giữ lại được đành phải chuẩn cho và gia-phong làm Trình-Tuyền-Hầu (vì thế ta mới quen gọi là Trạng-Trình).

Trạng-Trình về làm cái am Bạch-vân ở bên tả làng Trung-Am, nhân tự hiệu là Bạch-vân cư-sĩ, dựng hai cái cầu là Nghĩnh-phong và Trường-xuân để làm nơi nghỉ mát và xây một cái quán ở bên sông Tuyết-giang gọi là quán Trung-tân, có soạn bài văn bia khắc vào bia đá để khuyên răn người đời. Ngài để lại cho đời sau nhiều thơ chữ nho và thơ quốc-âm rất có giá-trị về văn-chương cũng như về phương-diện xã-hội. Theo ông Độn-phủ Vũ-phương đã chép trong Công-dư tiệp-ký Bạch-vân-Am thi-tập có những hơn một nghìn bài, về sau chỉ còn truyền-tụng độ hơn trăm bài và một bài bia quán Trung-Tân mà thôi.

Phần đông dân-chúng nước ta đều biết đến Trạng-Trình vì nhờ được những việc Trạng đã tiên-tri cứ lần-lượt xảy ra đúng như vậy, cách hàng mấy trăm năm sau. Cho nên ngày nay hai tiếng «Săm Trạng» đã thành hai tiếng quen thuộc ở cửa miệng mọi người.

Khi còn ẩn-cư và sau khi về trí-sĩ Trạng Nguyễn-bỉnh-Khiêm dạy được rất nhiều học-trò, gần xa mộ Đạo cao Đức trọng kéo nhau về học ở cửa Trạng kể có hàng mấy ngàn người. Phần nhiều các Đại-thần giúp cho Lê-triều trung-hưng sau nầy đều là học-trò Trạng, danh tiếng nhất có những ông Nguyễn-Dữ ẩn-cư không ra làm quan. Nguyễn-Quyên Giác-Hải làm quan với nhà Mạc, Phùng-khắc-Khoan, Lương-hữu-Khánh, Đinh-thời-Trung, Trương-thời-Cừ ra giúp nhà Lê

Đó là người đầu tiên thấu-triệt và thông-bác được cái Đạo-lý tinh-vi của kinh Dịch ở nước ta từ trước tới nay. Nhưng tiếc rằng Trạng không truyền lại những Kinh nghĩa và các Kinh tham-khảo để đi đến chỗ tuyệt-đỏi Đại-quang-minh của Thiên-lý.

Phần nhiều những môn-học của Trung-hoa như Tượng-số, Lý-số, Thiên-văn, Địa-lý, Binh-thư, Đồ Trận vân vân, đều lấy Dịch-lý làm căn-bản, cho nên ta có thể liệt vào hạng các bậc Hiền-triết đã thấu-triệt được Dịch-lý một nhà Địa-lý-học trứ-danh của nước Việt-Nam là ông Tả-Ao.

TẢ-AO. Người làng Tả-ao, huyện Nghi-xuân tỉnh Nghệ-an tên là Nguyễn-đức-Huyền (có bản nói là Hoàng-Chỉ). Nhân tên làng tục gọi là Tả-ao. Vì nhà nghèo mẹ phải bệnh lòa mắt. Tả-ao mới theo

người khách buôn ở phố Phù-Thạch về Tàu để lấy thuốc chữa mắt cho mẹ, sau thầy thuốc khen là con có hiếu mới dạy cho phép làm thuốc. Sau ông chữa cho một thầy Địa-lý Tàu chính-tông khỏi mắt, cảm cái ơn ấy thầy Địa-lý dạy cho Tả-ao phép Địa-lý. Tả-ao giỏi về Địa-lý tróc Long hô Thần như Thánh vậy.

Sau từ hồi nhà Mạc đến cuối thế-kỷ 19 thì Nho-học từ-chương vẫn bình-thản với sự khoa-bảng rồi đến khi người Pháp sang đô-hộ nước Việt-Nam (1863) thì Hán-học bắt đầu suy-vi và đến 1938 thế-kỷ thứ 20 thì Nho-học hầu như tiêu-diệt, lác-đác còn ở nơi thôn-dã vài thầy đồ Nho gõ đầu trẻ để độ thân với những chi hồ giả dã của Thánh-Hiền. Ngót 4000 năm nay kinh Dịch chỉ nhắc nhở đến với những sự suýt-xoa, tắc lưỡi và lắc đầu. Chư Nho cũng coi như là một quyển Kinh vô-cùng huyền-bí khó hiểu.

Nhưng ở thế-kỷ thứ 19 bên Âu-Châu có nhà Bác-Học Leibnitz cũng đã nêu lên cái thuyết «Thiên-Địa vạn-vật nhất thể» hay là người ta gọi là «Đơn-Tử» của Leibnitz. Trong chú-giải (commentaires) kinh Dzyan bà Blavatsky có nói: Những cái «mầm vi thủy» của Vũ-Trụ mà cái Sinh-Linh-Khí (Fohat) cùng với nó lấp đầy Vũ-Trụ là những Nguyên-tử

của Khoa-học và là những «Đơn-tử» của Leibnitz.

Bên Âu-Châu Leibnitz là một nhà Triết-học nêu lên đầu tiên cái thuyết «Thiên-Địa vạn-vật nhất thể» mà Á-Đông đã có từ hàng 6000 năm nay.

G- Wilhelm Leibnitz. (1646-1716) sinh ở Leipniz làm những sách : Nouveaux essais sur l'entendement humain, Théodicée, Discours de Méta-physique và nghĩ ra cái Nguyên-nhân của cái Sinh-động-lực quân-bình và lối Vi-phân-toán (calcul différentiel) thực-tế và tinh-thần triết-học và thuyết «Đơn-Nhất».

Lý-tưởng thần-linh chủ-nghĩa (Idéalisme spiritualiste) Leibnitz không thay đổi mấy cái Triết-lý của Descartes để phát-huy ra một lý-tưởng trong sáng. Theo Leibnitz thì những thực-thể là những Đơn-tử, đơn-thể hoạt-động thiêng-liêng mà chúng ta phải cảm thấy nó cũng giống như chúng ta phải cảm thấy có linh-hồn vậy. (Système nouveau de la Nature, in oeuvres. Ed Janet 1866 .T. II 528) và Nó với Đức Thượng-Đế một Đơn-tử tối-linh, rốt cuộc thành một thực-thể.

Xem như vậy thì cũng như Triết-học Á-Đông đúng như với thuyết «Thiên-Địa vạn-vật nhất-thể» đó là cái lý «Đồng qui nhi thù Đồ, nhất trí nhi bách-lư» của Khổng-tử đã nói ở thiên Hệ-từ vậy.

Xét cho kỹ từ nguyên-nhân cho đến đời nay Đạo Dịch trải qua bao nhiêu là, thời thịnh suy thay đổi mà hiện-tại sóng gió Năm-Châu vừa nổi khắp Hoàn-cầu trải qua sự can-qua binh-lửa cũng chỉ vì cái Văn-Minh vật-chất lấy Hạ-trí làm tiêu-chuẩn đã đưa Nhân-loại đến con đường diệt-vong vậy.

Ồi ! nào Từ-Bi, Bác-Ái vị-tha những danh-từ đẹp-đẽ đã có từ lúc khởi-thủy có Nhân-loại, ngoài thì ai ai cũng muốn tu tâm luyện tính, tránh Ác theo Thiện, nhưng trong tâm chưa diệt được cái Nhục-dục cho nên cái vật-dục càng ngày càng sinh chồi mọc dễ ăn sâu vào Nhân-loại, dần dần vật-hóa con người chỉ siêu về tài với lợi, nên mới có những kẻ mạnh hiếp yếu, cá to nuốt cá nhỏ ! Như vậy sao có thể gọi là Bác-ái Từ-bi được và còn đâu là Công-lý ?

Nếu cái Văn-Minh còn lấy vật-chất làm căn-bản, còn tấn-triển bao nhiêu thì cái cân Công-Lý bao giờ cũng chĩu theo cái quả cân nhiều vàng lắm bạc, sẽ nghiêng về nước nhiều súng hay đạn nhậy tóm lại chỉ là cái lý của «kẻ mạnh» bao giờ cũng là đẹp là hay (La Raison du plus Fort est toujours la melleure).

Cái kiếp con người đã suy-vi như vậy cho nên Đạo Dịch cũng tiến theo thời của cái kiếp thứ tư nầy mà cùng xuống đến chỗ suy-vi mờ tối.

Mà hiện-thời Vạn-Quốc sau khi đã trải qua một thời-kỳ khủng-khoảng đủ các phương-diện về trận giặc bằng toàn cơ-khí tối-tân này thì Nhân-loại hình như đã chán-nản sự chém giết nhau mà hô-hào cho cả Hoàn-cầu được Thái-bình thịnh-trị và đã lập ra Liên-Hiệp-Quốc để thảo-luận cuộc Hòa-Bình: Ôi! đó cũng chỉ là một vấn-đề để đặt trên thảm xanh, nói để an-ủi muôn dân, cho trăm họ một tia hy-vọng nhưng Hòa-Bình còn xa-lắc. Con người còn vị-kỷ, còn tham-vọng, tài-lợi còn nô-lệ hóa con người thì không thể có Thái-Bình trong Thiên-hạ được. Như trận giặc 1914 vừa qua thì trận giặc 1939 đã tới. Như vậy Nhân-loại phải giải-quyết bằng cách nào mới có thể duy-trì được sự Thái-Bình trường-cửu để cứu-vớt sinh-linh.

— Kinh Dịch nói rằng: «Hiểu được Đạo Thời tức là hiểu được Dịch-lý». Cho nên cái Thời sau cuộc hỗn-loạn đến cực-điểm thì đến cuộc có thứ-tự qui-củ sau thời Loạn ắt đến thời Bình, cái thời Bình đó ắt không thể duy-trì bằng võ-lực được. Phàm đè nén người bằng võ-lực ắt gây sự hằn-thù và một khi kẻ yếu đã dấy lên được thì ắt có sự dối-loạn. Từ cổ chí kim muôn nước đều nghiệm-xét và trải qua những trạng-thái đó, đã qua rồi mà không cải-tạo lại, như vậy thì làm sao có sự Hòa-Bình tuyệt-đối trường-cửu được. Lấy cái vọng-tưởng

bề ngoài, lấy những cái hình thể-chất căn-cứ vào đó mà gọi là Văn-Minh thì có tiền đến đâu đi nữa cái nguyện-vọng Hòa-Bình của Liên-Hiệp-Quốc cũng không thể nào đi đến được mục-đích. Ngoài sự can-qua đồ-thán, lấy võ-lực đè nén không thành ta thử phụng-sự cái Hòa-bình đó bằng một lý-tưởng theo đúng Thiên-lý xem, ắt ta sẽ

có những kết-quả khác vì ta gieo những nguyên-nhân khác. Nếu cả Nhân-loại đều đi về một con đường sáng-lạng của Thiên-lý thì ta sẽ tới một Thế-giới Đại-đồng tuyệt-đối (xem quyển Đại-Đồng-Thuyết đã xuất-bản năm 1952).

ôi! Nhân-loại chúng ta cùng một gốc sinh ra mà khác ngọn, chỉ vì cái lợi vật-chất không nghĩa-lý mà ta đã tự đưa nhau vào hàng đồ-tể sát-hại sinh-linh. ôi! Như vậy ta còn cao rao lên nào những Bác-ái, Nhân-loại làm gì cho trái với những hành-vi của ta vậy. Tôi rất mong các Bạn cùng tôi một quan-niệm, cùng hưởng-ứng với tôi theo một lý-tưởng cao-siêu ; một ý-nguyện chân-thành : Cầu mong cho muôn Họ đồng thanh hưởng-ứng đi tìm Chân-lý trong những Rạng-đông trong-trẻo, sau những ngày gió táp mưa sa. Tôi mong rằng cái công-phu khảo-cứu của tôi có một vài phần ích-lợi cho Đồng-bào và Nhân-loại. Trong khi cái tâm ta đã được vài phút yên-tĩnh sau

khi cảnh máu chảy xương rơi, nhà tan cửa đổ, cha xa con, vợ lìa chồng, tớ thầy phân rẽ. Những phút đó là những phút thiêng-liêng vô-ngần làm cho ta hình như văng vẳng đàng xa nghe tiếng chuông cảnh-tỉnh trên không reo xuống. Đó là tiếng chuông thần đầu tiên đến với các Bạn, với bao nhiêu sự đầm-ấm, quang-vinh, giác-ngộ tâm-hồn bạn với những mục-đích cao-siêu thần-bí.

Đạo Dịch rất là huyền-bí cho đến đức Phu-tử cũng phải dày công nghiệm-khảo năm năm tháng tháng mới có thể thấu-triệt được đến chỗ tinh-vi của Dịch-lý. Tuy có cái khó khăn ất có cái dị-giản, trong cõi phồn-tạp hỗn-độn ất có sự giản-dị vô-ngần.

Vậy các Bạn, trong những khúc vòng quanh đời mình sau lúc thành hay bại, sau lúc vui-tươi đẹp-đẽ, hay lúc chán-nản thế-thái nhân-tình, đó là những lúc trong tâm-trí Bạn có những khoảng trống vô-tư, phẳng-lặng như mặt hồ mùa thu, chính những lúc đó các Bạn nếu cố-gắng lên một chút thì cái Đạo rất gần Bạn và sẽ cho Bạn vui trong Đạo-lý. Vì lẽ ấy người xa Đạo khi bị những hỉ nộ ai lạc trong cõi Hồng-trần dày-xéo cái thân-xác con Người, sau những giờ phút đó con Người hình như trống không, không tự-chủ được cho nên

vật-dục nổi lên mà đưa con Người vào trong những nơi

trác-táng, bó thắt con Người vào trong vực-thẳm hổ sâu của nhục-dục, lắm kẻ lấy thuốc phiện, rượu-chè, bài-bạc hay sắc-dục để cho qua những lúc thắc-mắc đau thương. Cho như vậy là giải-muộn, cũng lắm kẻ lấy đó làm khoái-lạc lâu thành tật-xấu phải mang theo suốt đời cái nghiệp của «Tứ-đổ-tường». Cho nên trong các Tôn-giáo, trong các Đạo-lý, không Đạo nào là không dạy người xả dục tầm nguyên, không Đạo nào là chẳng dạy người không yêu thương nhau để đi đến chỗ Đại-đồng hợp-nhất. Cho nên bản là con Người ắt phải học cho hiểu biết con Người hầu mới luyện thành con Người mà tiến theo lý-tưởng vậy (Đại-Đồng Thuyết).

Theo kinh Dzyan thì chúng ta sắp đến kiếp thứ 5 ắt một hành-thể thứ sáu sẽ sinh ra mà trong Kinh đã nói là cái Sinh-linh-khí AEther. Theo trong Tân-điều-ước của Đạo-giáo nói sẽ sắp đến ngày tận-thế vào khoảng năm 2000. Theo những chú-thích khắc trong Kim-tự-tháp Khéops cũng nói bắt đầu năm 2000 trở đi thì loài Người sẽ sống trong cõi thái-bình tuyệt-đối trường-cửu trong 1000 năm và theo nhà Tiên-tri Notradamus cũng tiên-đoán sự tận-thế đến năm 2000. Và theo Bản-đồ các kiếp trong quyển Thái-Ất của tôi (1) thì cái kiếp thứ 4 tức là kiếp

(1) Sẽ xuất-bản.

của Văn-minh vật-chất ở về hướng Tây đang tiến lên sắp đến kiếp thứ năm là cõi Thái-bình tuyệt-đối. Chỉ còn hơn năm mươi năm, đối với Lịch-sử nó chỉ là một chấm nhỏ, cho nên sự phát-minh công-dụng nguyên-tử ở Âu-tây tức là con người đã thấu-triệt được cái thể và dụng của cái Nguyên-động-lực của đấng Hóa-công; đó là cái Sinh-linh-khí của Trời Đất rồi vậy. Ấy là trạng-thái sơ-thủy điểm cái giờ đầu tiên đến kiếp thứ Năm. Rồi đây cái nguyên-động-lực đó sẽ công-dụng như Trời, như Nước, như Lửa, như Đất, thì đời Người tuy ở trong cõi hữu-hình nhưng sẽ sống một cách thần-tiên.

Nếu ai đã hiểu-rõ cái năng-lực và cái thể-dụng của Nguyên-tử ắt sẽ

thấy con Người đã lần lần vén mở những sự bí-mật của Tạo-hóa mà chỉ mới dùng đến cái Hạ-trí thôi vậy.

Rồi đây cái Văn-minh vật-chất của Hạ-trí sẽ đi đến chỗ tuyệt-đối: nhân-loại sẽ dùng nguyên-tử-lực như mỗi người có thể bay trên không-trung với một vài nguyên-tử, con Người có thể chuyển-giao tư-tưởng với nhau cách chừng muôn ngàn dặm bằng nguyên-tử. Có lẽ Hậu-thế sẽ thành cái đời thần-tiên mà những chuyện xưa ở Trung-hoa đã ghi-chép mà ta thường cho là huyền-hoặc hoang-đường.

NHỮNG HIỀN-TRIẾT ĐẮC ĐẠO-DỊCH BÊN TRUNG-HOA

Lão-Tử (604 T.T.L.K.N.) Tên là Lý-Nhĩ, tục truyền khi đẻ ra Ngài ở huyện Khổ đất nước Sở dưới gốc cây Lý. Người mẹ cũng không biết họ chồng, nhờ có cây Lý lúc lâm-sản thì đặt ngay cho con là họ Lý và thấy trái tai con khác thường thì đặt tên là Nhĩ. Lúc nhỏ trông có vẻ thanh-tú duy chỉ có tóc và lông mày bạc cả, người ta trông thấy mới đặt tên riêng là Lão-Tử.

Lão-tử sanh năm 604 T.T.L. lớn hơn Khổng-Tử 53 tuổi (Khổng-Tử sanh năm 551 T.T.L.) Lúc thiếu-thời Ngài sống trong sự bần-hàn khổ-cực, Lão-Tử vẫn cương-quyết tĩnh tâm để nhìn vào cuộc đời, trên thì xem Thiên-văn, dưới suy Địa-lý để tìm một Chân-lý uyên-thâm.

Ở về Lạc-Ấp kinh-đô nhà Châu có một Tòa Cổ-miếu kiến-trúc toàn bằng đá từ đời Thượng-cổ. Chỗ đó gọi là Âm-hồn-miếu, bốn góc có bốn tấm đá to màu đen bên trên khắc tên vua Phục-Hi.

Hoàng-đế Châu-Kinh-Vương bỏ nơi kinh-đô cũ lập một kinh-thành mới-mẽ tráng-lệ bên kia sông Hoàng-hà đối diện với Âm-hồn-miếu. Hoàng-đế ham mê tửu-sắc, phế bỏ văn-chương đạo-lý, những sách tre (đời xưa viết lên bản bằng tre) của Thánh-

quân ngày trước đem cất vào Âm-hồn-miễu lập thành một Tàng-thư-viện.

Cũng nhờ bọn Sĩ-Phu ham công danh muốn gần mặt Rồng không ai muốn sang Âm-hồn-miễu thụ-chức giữ chức Tàng-Thư-Viện, họ liền tiến dẫn Đức Lão-Tử.

Từ khi Lão-Tử bước chân vào Âm-hồn-miễu thì ví như cá gặp nước, Rồng gặp mây. Trước những mớ sách mốc bụi Lão-Tử không thể cầm sự cảm-động, Ngài đọc quyển này sang quyển khác, Ngài lẫy ra được một hòn Ngọc trên ấy Vua Phục-Hi đã ngự-họa hình Bát-Quái.

Trên nét mặt nghiêm-khắc của Lão-Tử bây giờ lộ ra vẻ hoan-lạc, đôi cặp mắt càng sáng-láng thêm, Ngài ra thềm lẩm bẩm :

«Tôi đa tạ các Ngài đã bền công gắng trí góp nhặt rất nhiều tài-liệu có giá-trị đem để vào cái kho này. Những của báu ấy hôm nay tôi được xem thấy được rờ-rẫm trông nom. Tôi sẽ mở to đôi mắt, ngày đêm đọc kỹ hết bao nhiêu sách vở này để tìm tòi Chân lý cái mà dầu tôi có gặp cũng khó lòng truyền lại cho ai.

Mỗi người phải ra công tìm-tòi Chân-lý».

Đến sau lúc Ngài nghĩ đến hai vị Đạo-Hữu

của Ngài ở về phía Tây. Ngài liền cưỡi con Thanh- Ngưu đi qua cửa ải Hàm-Cốc. Ở đó Ngài bị nạn nhờ có quan chấn ải Hàm-Cốc là Doãn-Hỷ nghe thấy bèn chở Ngài về dinh thuốc men. Vì cảm cái ơn trí ngộ Ngài ở lại Hàm-Cốc chép lại cái Tinh-hoa của Đạo-lý. Những Tinh-hoa đó trong quyển Đạo-đức-kinh lưu-truyền Hậu-thế. Sau Ngài đi đi mãi rồi thoát xác sống trong cõi Hư Vô...

Đạo của Ngài là một Đạo uyên-thâm siêu- phàm thoát-tục.

Cái Chân-lý là cái Duy-Nhất của tâm-hồn vạn- vật theo Dịch-lý của Trời-Đất Vũ-trụ.

Nếu muốn khảo xét từ đời Thái-Cổ Trung- Hoa, những bậc Hiền-Triết đã đắc đạo Dịch ta không thể quên trong đời vua Hoàng-Đế có tướng tài là Phong-Hậu, là Thủy-Tổ môn Tượng- Số-Học của Trung-Hoa.

Sau đến đời nhà Châu 1050 T.T.L. có Lã- Thượng (Khương-tử-Nha) gọi là Thái-Công người Đông-Hải, khốn-cùng đến ngoài 70 tuổi ngồi câu cá ở bên bờ sông Vị độ nhật, sau làm đến Tướng- Quốc Châu-Tây-Bá, ông bói mà nói rằng ! «không

phải là Phi-Hùng (1) thì không thể làm kẻ phò-tá bậc Bá-Vương được». Quả nhiên Văn-Vương gặp Lã-Thượng trên bờ sông Vị-Thủy, đón về, sau làm tới Tướng-Quốc nhà Châu và là đệ-nhất Công-Thần hưng Châu diệt Trụ.

Thái-Công hiểu-thấu Binh-Pháp, uyên-thâm về Dịch-lý và làm ra sách Kỳ-Môn Độn-Giáp.

TRƯƠNG-LƯƠNG

Sau đến đời Tiền-Hán có Trương-Lương tự là Tử-Phòng đời Hán-Cao-Tổ (206 T.T.L.). Hán-Cao-Tổ tức là Lưu-Bang hay Lưu Bái-Công có Hoàng-thạch-Công cho biết nhà Tần sẽ mất.

Trương-Lương là con Trương-Xà làm Nguyên-Soái nước Hàn, hưng-khởi lập nên nhà Tiền-Hán, giúp Lưu-Bang đánh đổ Hạng-Võ. Ông được Xích-Tòng-Tử cho quyển Thần-Thư về Thái-Ất ở cầu Bì-Di rồi phò Hán-Cao-Tổ được cả Thiên-Hạ, sau được phong là Lưu-Hầu, treo ấn từ quan và ngao-du sơn-thủy.

KHỔNG-MINH

Gia-Cát-Lương ở vào đời Tam-Quốc từ năm 220 đến 264, là người ở đất Long-Nha, họ Gia-

(1) Phi-Hùng (là con gấu bay) tên hiệu của Khương-Tử.

Cát tên Lượng tự Khổng-Minh là giòng Gia-Cát-Phong, làm quan Tư-Lệ Hiệu-Uý nhà Hán, Cha ông tên là Khuê tự Tử-Công làm chức

Quận-Thừa đất Thái-Sơn, vì Cha mất sớm ông ở với Chú tên là Huyên. Khi Chú chết thì ông và em là Gia-Cát-Quân làm ruộng nơi Nam-Dương thường hay làm thơ phú ngâm-vịnh, chỗ ông ở có một vùng cát tên là Ngọa-Long-Cương cho nên ông lấy hiệu là Ngọa-Long. Sau ông ra giúp Lưu-Huyền-Đức lập nên nhà Thục (Hậu-Hán).

Ông là một nhà Hiền-Triết uyên-thâm về Dịch-lý thông-bác được Thiên-lý, hô phong hoán vũ được cầm binh xuất trận, trinh-phạt đại tài với những mưu thần trước quỉ là nhờ ở khoa Thái-Ất của ông mà ông đã áp-dụng môn đó vào trong Binh-Cơ Đồ-Trận, thông-hiểu thời-cơ vận-mệnh, biết tiến biết lui. Nhiều trận bất-hủ còn ghi-chép như trận Xích-Bích, Tam-Khí Chu-Du, Thất-Cầm Mạnh-Hoạch v.v...

QUỈ-CỐC-TỬ

Quỉ-Cốc-Tử ở đất Dương-Thành thuộc địa-phận nhà Châu có một tên gọi là Quỉ-Cốc vì chỗ ấy núi cao rừng-rậm, âm-khí nặng-nề không phải là chỗ người ở vậy, nên mới đặt tên là Quỉ-Cốc (cái hang quỉ ở). Trong núi ấy có người họ Vương

tên Hủ, về đời Tần-Bình-Công. Nguyên trước ở Vân-Mộng-Sơn, cùng với người nước Tống là Mặc-Địch (Mặc-Tử) cùng hái thuốc tu đạo tại đấy: Mặc-Địch không có vợ con gì cả chỉ phát-nguyện đi chu-du Thiên-Hạ theo chủ-nghĩa Kiêm-Ái mà cứu Thế độ Dân, còn Vương-Hủ thì ẩn ở hang Quí-Cốc người ta vẫn gọi Quí-Cốc Tiên-Sinh. Quí-Cốc Tiên-Sinh là người thông-hiểu mọi lẽ trong Trời-Đất, có những học-vấn không mấy người theo kịp như :

1º Số-Học, nhật-nguyệt tượng-vĩ đều thu cả trong lòng bàn tay, xem việc trước, đoán việc sau nói gì cũng linh-nghiệm.

2º Binh-Pháp : lục-thao tam-lược biến-hóa vô-cùng bầy trận hành-binh quỉ-thần khôn biết, có Tôn-Tẫn người nước Tề, Bàng-Quyên

người nước Ngụy, hai vị môn-đồ tinh-thông về Binh-Pháp.

3º Du-Thuyết-Học : nhớ rộng nghe nhiều, hiểu rõ lý-thể, buông lời hùng-biện muôn miệng khôn đương. Có Tô-Tần người Lạc-Dương rất giỏi về khoa Du-Thuyết lập ra thuyết Hợp-Tung như kế-hoạch Marshall hiện-thời và Trương-Nghi người nước Ngụy cũng rất giỏi về Du-thuyết lập ra thuyết Phản hợp-tung như Nga-Sô hiện tại. Xem như vậy từ Du-thuyết Chánh-trị, Kế-hoạch, Mưu-lược cái gì cũng đã có từ xưa duy-chỉ có sự áp-dụng và sự thay-

đổi đôi chút theo Thời mà thôi.

4º Xuất-Thế-Học : giữ toàn Chân-tính, luyện thuốc nuôi thân, trường-sinh bất-tử, thoát-phàm nhập Thánh.

Tiên-Sinh đã đắc Đạo nhưng còn muốn Siêu-độ cho Học-Trò để xuống giúp Đời vậy.

KẾT - LUẬN

THIÊN DỊCH-HỌC CỔ-KIM

Đạo Dịch là một con đường thần-diệu có thể đưa Nhân-Loại đến chỗ Đại-Quang-Minh Tự-Do tuyệt-đối mà chỉ có Đạo ấy mới có thể duy-trì sự Thái-Bình tuyệt-đối trường-cửu cho Nhân-Loại. Nếu Nhân-Loại đến được cái lý-tưởng cao-siêu đó thì còn cần gì đến Bảo-An Quốc-Tế. Tôi rất lấy làm nao-núng không hiểu sao trên khắp Thế-giới bao nhiêu Tôn-Giáo đã ra đời trên những nền-móng Đạo-Đức vững-chắc Nhân-Loại vẫn lấy sự chém giết nhau, tranh-cướp nhau cũng chỉ vì Tài với Lợi. Lấy tài-hóa làm tôn-chỉ, lấy một cái gì có thể tan vỡ được làm gốc thì sao cho có cành tươi quả tốt trường-cửu đời đời được. Cho nên muốn cho có cây xanh quả tốt ta phải nhìn

đến gốc rễ của cây. Biết bao nhiêu Tôn-Giáo đã gắng công rèn-luyện cả một Nhân-Loại mà vẫn chưa đạt được một cái rễ vững

chắc cho cả cái Cây Nhân-loại. Lấy đức khoan-hồng trị dân, lấy sự ôn-hòa giao-tế với nhau, gác-bỏ súng đồng gươm bén, đạn nhậy bom bay đi thì ất chỉ có một nhà Đại-Đức xuất-hiện ra trên Đời thì Nhân-loại mới được yên vui.

Phải chăng kinh Dịch ngoài cái học để Bói-toán mà người ta hiện-tại cho là những môn dị-đoan làm rối-reng chí-hướng con Người, làm mê-muội lòng Dân mà các nhà Nhân-Chính chỉ tưởng có sự thực-tế duy-vật mới có thể đi đến hạnh-phúc cho trăm họ được. Nhưng Dịch-lý còn là một Đạo căn-bản cho các môn-học, đến cả các Khoa-học ngày nay, gồm cả Đạo-Đức rộng-rãi vô-biên vô-giới trong đó gồm biết bao nhiêu luận-lý, tiêu-chuẩn, qui-mô về mọi phương-diện : Chính-trị, Y-khoa, Thiên-văn, Địa-lý, Binh-cơ Đồ-trận và đến cả những sự xử-kỷ tiếp-vật trong Đời cũng đều có giải-thích ở trong vậy.

Dịch tức là một môn-học làm căn-bản cho các Khoa-học ở trên Thế-hệ này. Bao nhiêu sự sáng-tác ra trên Hoàn-Vũ không phải là phát minh ra đâu, nó chỉ là sự thay-đổi theo Thời thôi vậy (Rien ne se crée dans ce monde, tout est changement suivant le Temps § P. Blavatsky).

Tiếc thay người Trung-hoa là đứa con an-

hưởng một gia-tài Văn-hóa đồ-sộ tráng-lệ cao-siêu như thế mà đến nay hầu như xa bỏ mà noi theo cái vật-chất văn-minh cơ-giới-hóa vậy.

Hóa cho nên nghĩ đến những lý-tưởng cao-siêu của Thánh Hiền, càng đi xâu vào Khoa-học Âu Tây tôi cảm thấy rõ ràng có sự giống nhau lắm vậy, vì lẽ ấy tôi cả gan dám viết quyển Kinh này lấy chỗ tương-giao, tương-đồng của Khoa-học, cố diễn-giải ra cho rõ cái nghĩa u-ẩn của kinh Dịch mà ta cho là huyền-bí là khó hiểu, nhưng nếu sự khó truyền-trụng hàng ngàn năm ấy đến chúng ta ta cũng

chưa xem qua mà cũng cho là khó, khó lắm ! Lại để mai một một quyển Kinh tối-cổ của Nhân-loại, thì thật là uổng thay ! Và nếu ta cứ để cái khó ấy nằm mãi một chỗ và thời-gian cứ đắp mãi lên, thế-kỷ này đến thế-kỷ khác thì cái khó ấy vẫn là khó mãi. Những các bậc Thánh-Phật cũng đều là người cả, cho nên lấy tài sơ trí thiển của mình mà kéo cái khó ấy ra, đưa lên bàn mổ mà giải-phẫu từng chi-tiết một. Một khi đã giải và bàn đến và lại được nhiều Học-giả cùng bàn đến thì sự khó hiểu đến đâu cũng phải bày ra ánh-sáng mà phải giải-quyết được, đã giải-quyết được thì ắt sau sẽ thấy rõ ràng và phổ-biến cho Đại-chúng rồi ra cho cả Nhân-loại.

Quyển Dịch-Kinh Tân-Khảo này ví như một

tiềng chuông đầu tiên đánh lên gọi Bạn, Dịch nói : Đồng thanh tương-ứng đồng khí tương-cầu thì tôi dám chắc-chắn không có gì là khó-khăn nữa vậy và vừa lúc chúng ta đang cần sự yên-tĩnh tâm-hồn sau những trận sôi-nổi khúng-khiếp của Thể-Hệ thì quyển sách này sẽ là một tiêu-giao hữu-ích cho Bạn đọc, để thấy rõ con «người thực» ở trong người các Bạn xuất-hiện sau những cơn giông-tố ghê-hồn mà sự sống của con người nơm-nớp như «cá nằm trên thớt», sự tồn-vong sống chết leo-lét như «chứng để đầu đẳng».

Chúng ta rất tự-hào là những đứa con đã được thừa-hưởng nền Đạo-đức uyên-thâm có từ hàng 6 7 ngàn năm trước sự khai-sáng Triết-học Âu-Tây và được nhuần-thấm bằng những làn sóng mới mẻ của các Văn-Hóa Âu-Mỹ ngày nay, ung-đúc lại thành một cái gì quí-báu, như một Minh-Châu của Văn-Hóa Đông-Tây vậy.

Ta thường vẫn tự-hào «Con Rồng cháu Tiên» trong một nước Văn-Hiến có một Văn-Hóa tuyệt- đối với một nền Đạo-Đức uyên-thâm cao-diệu còn tàng-trữ trong những khối óc phi-phàm còn lại. Nên tôi mong-ước rằng cái công-phu sưu-tầm và nghiệm-xét của tôi không phải là «Dạ-tràng xe cát bể Đông» và mong các nhà Đại-Đức chỉ dậy cho những chỗ lầm-lạc.

Phệ-Nghi

PHÉP BÓI BẰNG CỎ THI

擇地潔處為箸室南

戶置牀于室中央。

Tiết 1.

Dịch âm: Trạch Địa sứ vi Thi-thất, Nam

D.A. chí sàng vu thất trung-ương.

Dịch nghĩa: Trọn chỗ đất sạch sẽ làm nhà để

D.N. cỏ Thi, cửa về hướng Nam, kê

Giường ở giữa nhà.

Bản nghĩa của Chu-Hi: Chiếc Giường chiều

B.N.C.H. dài dùng 5 thước ($2^{mètres}$) chiều,

rộng chừng 3 thước ($1^{m}20$),

đừng để gần vách quá.

○ ○ ○

蓍五十莖韜以錘帛,

貯以卓囊, 納以櫃中置, 於牀

北。

Tiết 2.

D.A. Thi ngũ thập hanh, thao dĩ thuân bạch,

chữ dĩ tạo nang, nạp dĩ độc trung, chí ư sàng Bắc.

D.N. Cỏ Thi năm chục nhánh, bọc bằng lụa màu đỏ nhạt, đựng trong chiếc túi màu đen cho vào hộp để ở phía Bắc chiếc giường.

B.N.C.H. Hộp bằng ống tre hoặc bằng gỗ dâu hay vải sơn hình tròn đường kính độ 3 tấc, chiều dài bằng chiều cỏ Thi, một nửa làm đáy, một nửa làm nắp, dưới hộp có cái đài làm giá cho khỏi lăn rơi.

ooo

Tiết 3. 設 木 格 于 櫝 南 , 居 床 二 分 之 北 。

D. A. Thiết mộc cách vu độc Nam, cư sàng nhị phân chi Bắc.

D. N. Đặt chiếc khay gỗ (cây) phía Nam cái hộp, để về phía Bắc cái giường 2 phân.

B. N. C. H. Khay bằng ván gỗ, bề cao 1 thước (0^m, 40) bề dài vừa suốt cái giường, trong khay chia làm 2 ô lớn. Ô nọ cách ô kia 1 thước (0^m, 40). Phía Tây ô lớn làm 3 ô nhỏ, mỗi ô cách nhau 5 tấc (0^m, 20) dưới khay có chân ngang, đặt nghiêng trên một chiếc bàn.

ooo

Tiết 4. 置香爐一于格南，香合一于爐南。日炷香致敬將筮，則灑掃拂拭，滌硯一注水，及筆一墨一黃漆板一，于爐東。東上，筮者齋潔衣冠，北面，盥手，焚香致敬。

D A. Chí hương lư nhất vu cách Nam, hương -hợp nhất vu lư Nam; nhật chú hương chí kính tương phệ, tắc sái tản phất thức. Địch nghiên nhất chú thủy, cập bút nhất mặc nhất hoàng tắc bảng nhất,

vu lư đông. Đông thượng Phệ-giả trai khiết y quan, Bắc diện quán thủ phần hương chí kính.

D.N. Đặt một lư hương ở phía Nam chiếc khay, một hộp hương ở phía Nam cái lư. Hàng ngày thắp hương thật cung kính. Sắp bói thì phải quét rửa lau chùi, để một cái nghiên mực rửa sạch có ít nước, một cây bút, một thoi mực, một miếng ván sơn vàng ở phía Đông lư hương. Bên hướng Đông người Bói phải chay tịnh, mũ áo phải sạch sẽ, ngảnh mặt về hướng Bắc, rửa tay đốt hương thật là cung kính.

B.N.C.H. Người bói ngảnh mặt về hướng

Bắc thầy lễ-nghi. Nếu sai người khác bói hộ thì chủ-nhân đốt hương xong rồi lui xuống một chút ngảnh về hướng Bắc người bói tiến lên trước giường đứng hơi né về Tây, ngảnh về hướng Nam nhận lấy việc bói, chủ-nhân thuật thẳng việc mình định xem, người bói vâng lời, chủ-nhân quay về phía hữu đứng ngảnh về Tây, người bói quay về phía hữu ngảnh về hướng Bắc.

ooo

Tiết 5. 兩手奉櫝蓋，置于格南，爐北。出蓍于櫝，去囊解韜，置于櫝東合五十策，兩手執之，薰于爐上。

D.A. Lưỡng thủ phụng độc cái, chí vu cách Nam, lư Bắc. Xuất Thi vu độc, khử nang giải thao, chí vu độc Đông hợp ngũ thập sách, lưỡng thủ chấp chi, huân vu lư thượng.

D.N. Hai tay bưng lấy nắp hộp, đặt xuống phía Nam cái khay, phía Bắc lò hương. Lấy cỏ Thi ở trong hộp ra, tháo túi cởi bọc đặt ở phía Đông cái hộp tất cả 50 tép cỏ, cầm bằng hai tay hơ trên lư hương.

B.N.C.H. Từ đây về sau là chỗ dùng số của cỏ Thi, cái thuyết của nó đều hiện ra rõ ràng.

o o o

Tiết 6. 命之曰：假爾泰筮有常。假爾泰筮有常。某官姓名，今以某事云云，未知可否爰質所疑于神于靈，吉凶得失，悔吝，憂虞，惟爾有神，尚明告之。乃以右手取其一策，反于櫝中，而以左右，手中分四十九策，置格之左右，兩大刻。

D.A. Mệnh chỉ viết: Giả nhĩ Thái-Phệ hữu thường. Giả nhĩ Thái-Phệ hữu thường. Mỗ (Quan tính danh) kim dĩ mỗ sự vân vân... vị tri khả phủ, viên chất sở nghi vu thần vu linh, cát hung đắc thất, hối lận ưu ngu, duy nhĩ hữu thần, thượng ninh cáo chỉ.

— Nãi dĩ hữu thủ thủ kỳ nhất sách, phản vu độc trung nhi dĩ tả hữu thủ trung phân tứ thập cửu

sách, chí cách chi tả hữu, lưỡng đại khắc.

D.N. Giả như Bói thông có thường vậy! Giả như Bói thông có thường vậy! Tôi (chức-nghiệp họ tên) nay tôi có việc... vân vân chưa biết chỗ nên chăng, phải đem điều nghi-ngờ ấy hỏi ở đấng Thần-linh. Lành hay dữ, được hay mất, hối tiếc hay lo sợ, duy chỉ có thể mong ở Thần-linh chỉ bảo cho rõ ràng.

Rồi dùng tay phải nhặt lấy một thẻ (một tép cỏ Thi) trả lại trong hộp, rồi lấy cả tay trái và phải phân chia 49 thẻ để vào hai chiếc ô lớn ở tả hữu cái khay.

B.N.C.H. Đây là *dinh thứ nhất*, chỗ này nghĩa là chia ra làm hai để tượng-hình cái Hai (Lưỡng-Nghi) vậy.

º o º

Tiết 7. 次以左手，取左大刻之策執之，而以右手，取右大刻之一策，掛于左手之小指間。

Đ.A. Thứ dĩ tả thủ, thủ tả đại khắc chi sách chấp chi nhi dĩ hữu thủ, thủ hữu đại khắc chi nhất sách quải vu tả thủ chi tiểu chỉ gian.

D.N. Sau dùng tay trái cầm lấy những thẻ ở ô lớn bên trái, rồi đưa tay phải nhặt lấy 1 thẻ ở chiếc ô bên phải cài vào khe ngón út tay trái.

B.N.C.H. Đây là dinh thứ hai, chỗ này nghĩa là treo một thẻ để hình-tượng thể Ba (Tam-Tài) vậy.

°o°

Tiết 8. 次以右手，四揲左手之策。

D.A. Thứ dĩ hữu thủ, tứ thiệt tả thủ chi sách.

D.N. Sau lấy tay phải đếm bốn một những tép cỏ bên tay trái.

D.N.C.H. Đây là nửa dinh thứ ba, chỗ này nghĩa là đếm bốn một để tượng hình bốn mùa.

°o°

Tiết 9. 次歸其所餘之策，或一，或二，或三，或四而扐之左手無名指之間。

D.A. Thứ quy kỳ sở dư chi sách, hoặc nhất, hoặc nhị, hoặc tam, hoặc tứ nhi lặc chi tả thủ vô danh chỉ chi gian.

D.N. Rồi trả lại những thẻ còn thừa, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn và kẹp nó vào khe ngón vô-danh tay trái.

B.N.C.H. Đây là nửa dinh thứ tư, chỗ này nghĩa là trả lại số lẻ vào chỗ kẹp để hình-tượng tháng nhuận.

o°o

Tiết 10. 次以右手反過揲之策于左大刻，遂取右大刻之策執之，而以左手四揲之。

D.A. Thứ dĩ hữu thủ phản quá thiệt chi sách vu tả đại khắc, toại thủ hữu đại khắc chi sách chấp chi, nhi dĩ tả thủ tứ thiệt chi.

D.N. Rồi dùng tay phải trả lại những thẻ đã đếm vào chiếc ô lớn phía tả cái khay, cầm lấy những thẻ ở chiếc ô lớn phía hữu cái khay, và dùng tay trái đếm «bốn chiếc một».

B.N.C.H. Đây là nửa dinh thứ ba.

o°o

Tiết 11. 次歸其所餘之策，如前而扐之左手中指之間。

D.A. Thứ quy kỳ sở dự chi sách, như tiền nhi lặc chí tả thủ trung chỉ chi gian.

D.N. Rồi trả lại những thẻ còn thừa như trước và dắt vào khe ngón giữa tay trái.

B.N.C.H. Đây là nửa dinh thứ tư, chỗ này nghĩa là dắt lần thứ hai để tượng-hình hai lần nhuận. Những thẻ còn thừa trong lần biến thứ nhất, tay tả một thì tay hữu phải ba, tay tả hai thì tay hữu cũng hai, tay tả ba thì tay hữu phải một, tay tả bốn thì tay hữu cũng bốn. Kể suốt cả một lần «gài» không Năm thì Chín thẻ. Năm thẻ được một lần bốn là số lẻ, chín thẻ được 2 lần 4 là số chẵn. Lẻ thì Ba, mà chẵn thì Một (nghĩa là số lẽ có 3 số tức là: $5, 6, 7$. $5 = 4 + 1$ $6 = 4 + 2$ $7 = 4 + 3$. Chẵn thì có một là số 9 là $2 \times 4 + 1$ là ý nói như vậy).

...

Tiết 12.

次以右反過揲之策

于右大刻而合左手一掛二扐

之策，置格上第一小刻。

D.A. Thứ dĩ hữu phản quá thiệt chi sách vu hữu đại khắc nhi hợp tả thủ, nhất quải nhị lặc chi sách chí cách thượng đệ nhất tiểu khắc.

D.N. Rồi dùng tay phải trả lại những thẻ đã đếm (4 một) vào chiếc ô lớn phía hữu và nhập lại những thẻ trong một lần gài hai lần kẹp ở bàn tay trái làm một, đặt lên ô nhỏ thứ nhất trong khay.

B.N.C.H. Thứ-tự ô nhỏ bắt đầu từ chiếc ô phía Đông.

o o o

Tiết 13. 是為一變。再以兩手，取左右大刻之蓍合之。

D.A. Thị vi nhất biến. Tái dĩ lưỡng thủ, thủ tả hữu đại khắc chi Thi hợp chi.

D.N. Đó là một lần biến. Lại dùng hai tay nhập những cỏ Thi ở hai ô lớn tả hữu làm một.

B.N.C.H. Đây còn hoặc 44 thẻ hoặc 40 thẻ.

o o o

Tiết 14. 復四營，如第一變之儀，而置其掛扐之策于格上，第二小刻，是為二變。

D.A. Phục tứ dinh, như đệ nhất biến chi nghi, nhi chí kỳ quải lặc chi sách vu cách thượng, đệ nhị tiểu khắc, thị vi nhị biến.

D.N. Lại làm 4 dính như nghi-thức lần biến thứ nhất và đặt những thẻ gài kẹp vào ô nhỏ thứ hai trong cái khay. Đấy là hai lần biến.

B.N.C.H. Những thẻ còn thừa trong lần biến thứ hai, tay tả một thì tay hữu phải hai, tay tả hai thì tay hữu phải một, tay tả ba thì tay hữu phải bốn, tay tả bốn thì tay hữu phải ba. Kể suốt số thẻ trong một lần gài không 4 thì 8. Bốn được 1 lần 4 là số lẻ, 8 được 2 lần 4 là số chẵn. Lẻ chẵn đều được số 2 trong số 4.

o º o

Tiết 15. 又再取左右大刻之著合之。

D.A. Hựu tái thủ tả hữu đại khắc chi Thi hợp chi.

D.N. Rồi lại lấy những cỏ Thi ở hai ô lớn tả hữu nhập lại làm một.

B.N.C.H. Bây giờ còn hoặc 40 thẻ, hoặc 36 thẻ hay 32 thẻ.

o º o

Tiết 16. 復四營，如第二變之儀，而置其掛扐之策于格

上，第三小刻，是為三變。

D.A. Phục tứ dinh, như đệ nhị biến chi nghi nhi chí kỳ quải lặc chi sách vu cách thượng đệ tam tiểu khắc, Thị vi tam biển.

D.N. Lại làm 4 dinh như nghi-thức lần biến thứ hai và để những thẻ gài kẹp vào chiếc ô nhỏ thứ ba trong khay. Đó là lần biến thứ ba.

B.N.C.H. Số thẻ còn thừa của lần biến thứ ba cũng như lần biến thứ hai.

xXx

Tiết 17. 三變既畢，乃是其三變所得掛扐過揲之策，而畫其爻于版。

D.A. Tam biến ký tất, nãi thị kỳ tam biến sở đắc quải lặc quá thiệt chi sách, nhi họa kỳ hào vu bảng.

D.N. Xong ba lần biến mới coi số thẻ gài kẹp và số thẻ đã đếm 4 một mà vạch từng hào vào bảng ván.

B.N.C.H. Số thẻ gài kẹp, 5 và 4 là lẻ, 9 và 8 là chẵn.

a/ Gài kẹp được ba số lẻ, hết 13 thẻ thì số đã đếm ạ một là 36 thẻ là Lão Dương (3 thẻ cùng là dương) vạch bằng dấu O gọi là «Trùng».

b/ Gài kẹp được 2 lẻ một chẵn hợp lại được 17 thẻ thì số đếm là 32 thẻ là Thiếu-âm vạch bằng dấu == gọi là «Triết».

c/ Gài kẹp được 2 chẵn một lẻ, hợp lại được 21 thẻ thì số đã đếm là 28 thẻ là Thiếu-dương vạch bằng dấu – gọi là «Đơn».

d/ Gài kẹp được 3 số chẵn hợp lại được 25 thẻ thì số đã đếm là 24 thẻ gọi là Lão-âm vạch bằng dấu X gọi là «Giao».

o.o

Tiết 18. 如是每三變而成爻.

D.A. Như thị mỗi tam biến nhi thành hào.

D.N. Như thế cứ 3 lần biến thì thành một hào.

B.N.C.H. Thứ nhất, thứ tư thứ bẩy, thứ 10, thứ 13 thứ 16, phàm 6 lần biến đó giống nhau, chỉ từ lần thứ 3 trở đi thì không khẩn nữa, chỉ dùng 49 sợi cỏ-Thi mà thôi. Các lần thứ 2, thứ 5, thứ 8, thứ 11, thứ 14, và thứ 17 phàm 6 lần biến đó cũng giống nhau, các lần thứ 3, thứ 6, thứ 9, thứ 12, thứ 15, thứ 18, phàm 6 lần biến cũng giống nhau.

o.o

Tiết 19. 凡十有八變而成卦，乃考其卦之變，而占其事之吉凶。

D.A. Phàm thập hữu bát biến nhi thành quái, nãi khảo kỳ quái chi biến, như chiếm kỳ sự chi Cát Hung.

D.N. Phàm 18 lần biến thì thành một Quẻ, xét sự biến-đổi trong Quẻ để xem việc lành sự giữ.

B.N.CH. Quẻ biến thì khác, có hình-vạch và lý-thuyết riêng để thấy rõ-ràng sự u-ẩn.

0 0 0

Tiết 20. 禮畢韜著囊之以囊，入櫝加蓋，斂筆硯墨版，再焚香致敬而退。

D.A. Lễ tất thao Thi tập chi dĩ nang, nhập độc gia cái, liễm bút nghiên mặc bảng, tái phần hương chí kính nhi thoái.

D.N. Bói xong lại bọc cỏ Thi đựng vào túi cho vào hộp đậy nắp lại, thu xếp bút nghiên mực bảng, rồi lại thắp hương rất là thành-kính rồi lui.

B.N.CH. Như nhờ người bói hộ thì Chủ-

nhân thắp hương vái người bói giúp rồi lui.

Quẻ có 6 hào đều không biến thì xem Thoán-từ của bản-quái, lấy nội-quái làm Trinh ngoại quái làm Hối. (Trinh là bắt đầu của việc, Hối là trót của việc, Trinh là chủ Hối là khách, Trinh là Ta, Hối là Kẻ ứng).

Một hào biến thì lấy từ-chiếm của biến-hào, trong bản-quái. Hai hào biến thì lấy từ chiếm của 2 hào biến trong bản-quái, nhưng lấy

Thượng-hào làm chủ. Ba hào biến thì xem bản-quái và Thoán-từ của quẻ biến lấy Trinh làm Hối trong bản-quái, trước 10 quẻ chủ Trinh, sau 10 quẻ chủ Hối (một quẻ biến xem trong 64 quẻ, trước 10 quẻ để gọi 10 quẻ tại trước 32 quẻ, sau 10 quẻ để gọi 10 quẻ tại sau 32 quẻ, muốn rõ thì xem sách Khải-Mông.) Bốn hào biến thì lấy từ-chiếm 2 hào không biến nhưng lấy hào ở dưới làm chủ.

Năm hào biến thì lấy từ-chiếm của hào không biến. Sáu hào biến thì xem Dụng của 2 quẻ Kiền Khôn (Kiền chiếm dụng Cửu, Khôn chiếm dụng Lục) còn dư (quẻ không biến) thì xem Thoán-từ của quẻ.

Chu-Tử nói rằng : Vẫn dùng cỏ ngải không phải cỏ Thi, nhưng cũng là một loại với nhau. Nếu lấy cây hay tre, trúc thì toán bằng đồng-tiền còn đúng hơn, bỏ cỏ Thi đi còn có lợi hơn.

Họ Uông nói rằng: Đời Xưa không phải đại-sự, không nghi-hoặc thì không bói. Nếu có lòng thành và sự nghi-ngờ hợp lại mà bói, ắt là có sự thành-kính chuyên-nhất đạt đến Thần-minh, nên Thần-minh cũng do đó dạy bảo cho. Nếu có một ly không kính không thành không nhất thì hỏi đây đáp kia, thực là Thần-minh không ứng mà không dạy cho vậy.

Họ Lưu nói rằng: Hội lý ở lời Từ trên thì nông-cạn, hội lý ở Tượng trên thì thâm-sâu. Phục-Hi dạy người bói-toán cũng chỉ lấy quẻ mà thôi, tùy từng cái gặp mà cầu, thể-quái, tượng-quái, biến-quái không gì không ứng.

Lời Từ của Văn-Vương Châu-Công gom-thâu tất cả mà sau có hạn cho mỗi sự vật, uên có lúc không ứng, ắt như Tả-Truyền quốc-ngữ chép về chiếm-quẻ, thể-quẻ, tượng-quẻ, biến-quẻ mà suy «hộ-thể» lúc đầu đủ để giúp sự không kịp hiểu của lời-từ vậy.

Họ Hồ nói rằng : Chu-tử thường gọi Dịch chỉ là sách Bốc-Phệ (bói-toán), gốc không phải để lập-giáo, nhưng bây giờ phàm đọc một quẻ một hào đã bói được thì xem tượng ngắm từ, xem biến ngắm chiếm mà cầu-cái lý của nó là lẽ dĩ-nhiên vậy. Phải biết cách để xem cho

hiểu, hóa cho nên được quẻ Kiền Khôn phải biết phân-biệt Vua, Tôi, Cha, Mẹ, được quẻ Hàm Hằng nên biết phân-biệt đạo Vợ

Chồng, như đến chỗ cẩn-thận lời nói, ăn-uống có tiết-độ là được quẻ Di; răn-giới sự phẫn-nộ, ngăn-lấp điều Dục, đổi thiện cải quá là được quẻ Tổn, Ích, cứ như thế mà suy tùy chỗ xem mà nghĩ ra vậy, cũng như cái vi-ý về sự răn nên Trung nên Hiếu của Quân-Bình (1).

Đời Hậu-Hán chép có Nghiêm-Tuân tự Quân-Bình xem bói ở Thành-Đô cùng người xem đáng con thì nói nên ở hiếu, cùng người đáng em thì nói nên ở thuận, cùng người đáng bày-tôi thì nói nên ở trung. Các thứ đều nhân cái thể Đạo của từng hạng người mà nói để đến chỗ Chí-thiện vậy.

KẾT-LUẬN

Trên đây là nghi-lễ để bói của Chu-Hi, tuy có nhiều sự phiền-phức nhưng không phải là không có ý-nghĩa sâu-xa ở trong.

1- Một là lấy sự phức-tạp khi hành lễ để tỏ rõ sự thành-kính riêng-biệt, chay-giới để tỏ sự tịnh-khiết thành-tâm, cung-kính về thần-linh.

Riêng cần có sự thành-ý để tĩnh tâm, có tịnh

(1) Nghiêm-Tuân tự là Quân-Bình người đời Hậu-Hán bói-khoa thật giỏi ở tại chợ nơi Thành-Đô, lấy Nhân-Nghĩa răn người, kiếm được 100 tiền đủ sống ngày đó, thì rủ mảnh đóng cửa mà đọc sách Lão-Tử và Dương-Hùng chết năm 90 tuổi.

tâm được thì Thần-linh mới soi sáng nỗi u-ẩn của người bói.

2- Những cách-thức và dụng-cụ dùng về việc Bốc-Phệ đều có nghĩa riêng-biệt một như: a/ Những số cỏ Thi (50 cái). b/ Cái khay có 2 ô lớn và lại chia ra ô nhỏ. c/ Đếm 4 một, một lần 4 là lẻ, 2 lần 4 là chẵn. d/ 18 lần gài kẹp. e/ Kẹp 3 số lẻ là Thuần-dương tức là Hào Trùng O. f/ Kẹp 3 số chẵn, là Thuần-âm tức là hào Giao X. g/ Kẹp

2 lần số chẵn, 1 số lẻ là hào Triết ——. h/ Kẹp 2 số lẻ, 1 số chẵn là Đơn —.

Mỗi một-sự cài, kẹp phân chia, đếm số đều ngụ một ý-nghĩa tượng-trưng những hành-vi vô-hình của những Nguyên-lực vô-hình trong cõi Thần-linh vậy.

a/ Số cỏ thi là 50. Là số 5×10 (số 5 nhân với 10) mà trên đã nói «Thiên số ngũ, Địa số thập» số 10 tức là số tượng-trưng Trời và Đất 10 mà trong khi bói lại chỉ dùng có 49 cái cỏ mà bỏ riêng một cái ra ngoài tức là tượng cái Một, hay là cái Nhất-Thể, cái Đại-Nhất để thành số 10 là số tượng-

trưng Trời Đất hoàn-toàn vậy. :

Theo kinh Dzyan thì người ta là một Hợp-Thể của thể Bảy (Saptaparna) và theo Leibnitz thì người ta là cái «Tiểu Thiên-Địa» (microcosme) tượng-trưng cái Đại Thiên Địa (macrocosme). Hóa cho nên sự vật đều có sự tiến lui theo «thể Bảy». Vì lẽ ấy mà Chu-Công dùng số 49 nghĩa là 7x7 hay là một con số hoàn-toàn của con số 7. Hay là con số vuông 7. Ta có thể nói theo nghĩa trong kinh Dzyan là số 49 của Chu-Công là Dụng-số không những cho số cỏ Thi mà là Dụng-số cho cả muôn sự vật nữa vậy.

b/ Cái khay chia ra làm hai ô lớn tượng là Lưỡng-nghi mà một cái cỏ bỏ riêng ra tượng là Thái-Cực.

c/ Đếm 4 một tức là lấy tượng Tứ-tượng uyển-chuyển, có Thái-dương thì có Thiếu-âm, có Thái-âm thì có Thiếu-dương, 4 cái lúc nào cũng giao nhau để có một khí Thái-Hòa, giữ được đạo Trung-Hòa thì muôn vật mới sinh sinh hóa hóa được. Trong đạo Trung-hòa đó mà tiết ra một lần 4 tức là một lẻ, một lẻ là dương, hai lần 4 là một chẵn, chẵn là âm. Trong thời Thái-Hòa cũng phân ra âm dương cũng như loài vật giống cái giống đực giao-hòa nhau, có đạo Trung-Hòa âm dương với nhau mới thành thai-

nghén nhưng cái thai-nghến ấy tất sẽ sinh ra đực hay cái tùy theo cách mà nó đã duy-trì Đạo Trung-Hòa vậy.

Kết-luận sự dùng cách đếm 4 một là cốt để duy-trì cái quân-bình cân-đối của muôn sự vật trên Vũ-Trụ.

d/ 18 lần gài kẹp. Số 18 là con số có 2×9. Số 9 là lượng số của cái Sinh-linh-khí (Fohat) ở trong kinh Dzyan đã nói ở trên. Hóa cho nên trên cõi hữu-hình này có hai thứ Khí.

1- Khí Trời mà ta thở thấy tức là cái Dưỡng-khí để nuôi thể-chất ta, mà muôn loài từ giống côn-trùng nhỏ bé cũng phải cần đến mới có thể duy-trì sự sống của thể-chất.

2- Cái Sinh-linh-khí là cái Hỏa-Thần hay là cái Fohat của kinh Dzyan tức là một giây liên-hệ vô-hình vô-sắc mang cho ta những ảnh-hưởng vô-hình của Vũ-Trụ.

Cho nên hai thể dưỡng-khí và Sinh-linh-khí có lượng-số 9, một hữu-hình và một vô-hình vì vậy có lẽ Chu-Công cảm thấy rõ-ràng những sự ảnh-hưởng thiêng-liêng ấy mà dùng 18 lần biến mới thành một quẻ tức như muôn sự vật đều phải có ảnh-hưởng của hai khí đó mới có thể sống và hiển-hiện ra được.

e-f- 3 số lẻ cả tượng là Thuần-dương tức là Thái-dương, dương đến cùng-cực cho nên có sự biến, dương biến ra âm. Cũng như ba số chẵn cả là Thuần-âm, tức là Thái-âm, âm đến cùng-cực thì biến ra dương. Vì lẽ ấy muốn tượng những hào có sự biến-đổi đó thì hào Thuần-dương gọi là «Trùng» nghĩa là nặng là nhiều vì dương có tính thực (Dương thực âm hư) Thuần-dương là toàn-dương cho nên gọi là Trùng hình vạch O và hào Thuần âm gọi là «Giao» hình bằng vạch X «Giao» có nghĩa là hợp với nhau. Thuần-âm là toàn âm gặp nhau nên gọi «Giao» hòa nhau.

Đặt hai quẻ Thuần-âm là «Giao» và Thuần-Dương là «Trùng» để cho khác những quẻ dương là «đơn» (một mình) tượng là — và quẻ âm là «Triết» (gãy làm đôi) tượng là — —.

g-h- 2 chẵn 1 lẻ thì chẵn nhiều hơn là hào Âm 2 lẻ 1 chẵn thì lẻ nhiều hơn là hào Dương xem như vậy thì Chu-Công rất dụng-tâm để thiết-lập một cách tôn-trọng thành-kính để bói, thì thấy rõ rãng chủ-đích

của Ngài là dùng Dịch-lý để chuyên về sự Bói-toán, vì đời xưa muốn rõ được những sự u-ẩn của sự vật, khoa Bốc-Phệ cũng như là môn «Cái Nhiên toán-pháp» (calcul de probabilité) của Âu-Tây để tính cho rõ cái u-minh của sự-vật.

thông-suốt những thể vật u-tối che lấp cái tư-tưởng vô-hình. Một khi đã thấu-triệt được cái Thiên-lý, rõ được cõi vô-hình thì ắt sẽ thấy rõ ràng sự đã qua việc sắp tới, rõ được sự tồn-vong, thịnh-suy cát hung, hối lẫn. Cũng vì lý đó mà đời nhà Châu có quan Thái-Bóc chuyên về Bốc-Phệ và trong Chính-trị thứ nhất về Hình-Pháp có thể giúp được các vị Thẩm-phán-quan xé:-đoán minh-bạch cái lòng dạ khuất-khúc đen-tối của con người.

Vậy Bốc-Phệ tức là một môn Toán-Học không phải là không có ích cho Nhân-loại mà lại là một sự ứng-dụng Thần-hiệu của Kinh Dịch.

Đó là một phương-tiện áp-dụng để học: cho rõ ràng Kinh Dịch, sự thí-nghiệm của sự giao-hợp âm-dương có kết-quả hiển-hiện để cho rõ Thiên-lý có thể ví là một môn Toán-học Cái-Nhiên tính âm dương, để giải-quyết được sự u-ẩn khuất-thân của sự vật.

Đó là hai vấn-đề cần-thiết làm căn-cứ của khoa Bốc-Phệ vậy.

xxx

Theo những nghi-lễ ở trên mà Chu-Công đã nói thì không rõ sự đoán quẻ ra thế nào. Lấy Tượng-từ hay Thoán-từ, hay Hào-từ vào mà đoán sự chiếm ví-dụ một người bói năm nay đi thí có đỗ hay

không ? Nếu theo đúng nghi-lễ ở trên mà bói được một quẻ Tập-Khảm chẳng hạn. Tượng quẻ nói rằng : Tập Khảm, hữu phu duy tâm hanh, hành hữu thượng. «Nghĩa là quẻ Tập-khảm, có lòng tin, duy tâm thì hanh-thông đi có chỗ chuộng» và xem Thoán-từ cái nghĩa cũng không thể quyết-định được sự đỗ hay trượt của người chiếm quẻ, mà xem Hào-từ thì không biết xem ở hào nào làm chuẩn - đích của sự chiếm không hiểu lấy hào nào làm Thể hào nào làm Dụng. Cho nên nếu theo cách bói của Chu-công thì tuy có lập - trường rất hay và có nhiều nghĩa-lý xâu-xa thực nhưng sự giải-định không

rõ-ràng cho Hậu-thế.

Có người nói rằng: Phàm bói thì lấy Biến-hào làm hào Dụng thích-hợp với sự mình xin, mình thành-tâm xin cho nên Thần linh làm cái hào đó biến-động để tỏ rõ sự cát hung hồi lẫn.

— Nói vậy thì nếu bói được quẻ không có hào biến thì làm sao ?

— Có người nói: chưa được quẻ biến thì cứ bói mãi đến khi có quẻ biến.

Ôi ! nếu như vậy mà lại theo nghi-lễ Bốc Phệ của Chu-công thì kẻ có việc mà bói phải sốt ruột mà mất cả lòng thành đi vậy.

— Mà nếu có hào biến thì lại có hai thứ động,

động «Trùng» và động «Giao» thì nói làm sao ?

Cho nên nếu ta coi Bốc-Phệ như một Khoa-học toán-pháp huyền-bí thì Khoa-học nào cũng cần có những định-lý theo một lập-trường hữu-lý mà Học-giả nào cũng phải theo để đi đến một sự thực, ắt phải có những định-lý hợp lý rõ-ràng, chắc-chắn vậy.

Cũng vì vậy ở trong đời Chiến-quốc bên Trung-Hoa mới nảy ra những bậc phi-phàm. Người thì lấy Dịch-lý để tự vạch ra con đường huyền-bí vô-vi như Lão-Tử; cảm-thông được Dịch-lý mà đi tới chỗ huyền-diệu cao-thâm. Người thì lấy Dịch-lý làm căn-bản, lấy môn Bốc-Phệ làm tiêu-chuẩn mà cải-cách và đặt ra những định-lý rõ ràng bây giờ còn tồn-tại. Đó là môn Bốc-Phệ Chính-Tông của Vương-Hủ tự là Quỉ-cốc-Tử, môn Bốc-Phệ theo Huỳnh-Kim-sách còn truyền-tụng đến ngày nay. Nhiều người không được chính-truyền làm sai-lạc cái nghĩa uyên-thâm đi hay lấy đó làm kế sinh-nhai mà làm ô-danh cả một môn Học huy-hoàng uyên-thâm huyền ảo. Tiếc lắm thay !

Cách Bói của Vương-Hủ tự Qui-Cốc-Tử.

Xin nói qua đây cách bói của Quỉ-cốc-tử theo kim-tiền-khóa (dùng

3 đồng tiền) Hoàng-kim-sách

và Bốc-Phệ chính-tông mà tôi lược-khảo ra đây để hiến Học-giả và để giải-thích sự tiến-triển của môn bói Dịch (ta thường gọi nôm như vậy) từ Châu-công cho đến nay còn lưu-dụng trong Đời.

Có lẽ Vương-Hủ Quỉ-Cốc - Tử cũng có một quan-niệm như mọi người có óc Khoa-học mà thời đó chỉ có đạo Dịch làm căn-nguyên cho các môn học mà từ Vua chở xuống ai ai cũng thành kính nhất là trong Châu-Lễ nói về đời nhà Châu môn Bốc-Phệ là một mên trọng-yếu mà từ Vua cho chí Bá-quan đều chuộng và trọng-dụng. Nhưng vì thấy không có những định lý rõ ràng, có tiêu-chuẩn rành-mạch, và muốn cho sự bói-toán cho giản-dị hơn cho nên Vương-Hủ mới đặt ra lối kim-tiền-khóa, nghĩa là dùng 3 đồng tiền để gieo quẻ và cũng theo đúng như nhữ[ng] cách của Châu-Công. Cũng lấy âm-dương làm tiêu-chuẩn. Mỗi đồng-tiền sấp là tượng Dương, đồng ngửa là tượng âm.

1o.- Nếu gieo 2 đồng ngửa 1 đồng sấp là hào Đơn

2o.- Nếu — sấp — ngửa — Triết

3o.- Nếu gieo 3 đồng sấp cả tức là hào-động Trùng hình là O

4o.- — ngửa — Giao X

Theo Bốc - Phệ chính - tông nói: Động Trùng là

việc đã qua. Động Giao là việc sắp tới.

Hào động là hào gốc mà Hào Biến là kết-quả của sự-vật.

LẬP-THÀNH QUẺ.

Muốn lập-thành một quẻ bói thì phải biết : 1°.– Xũ quẻ để lập-thành Nội-quái và Ngoại-quái. (6 lần xũ). 2°.- Tìm Bổn-cung của quẻ. 3°.- Đem Thế Ứng vào quẻ (Thế là mình, Ứng là người). 4°.- Đem Thập-Nhị Chi vào quẻ. 5°.- Đem Lục-thân vào quẻ (6 thứ liên-lạc thân-thích với mình. 6°.- Đem quái Thân vào quẻ (thân là thân mình) 7°.- Tìm Phục-Thần (quái thân phục, hay chuyện mình xin không xuất hiện trên quẻ, phục ở dưới hào khác). 8°.- Đem Lục-Thú vào quẻ (Lục-Thú là Thanh-Long, Huyền-vũ v. v. . . 9°.- Đem Tuần-Không vào quẻ.

(Tôi nói những cách cần-thiết để lập thành quẻ

muốn hiểu rõ phải xem Hoàng-Kim-Sách hay Bốc-Phệ chính-tông).

oŏo

TÊN CÁC HÀO

Cũng gọi tên thứ-tự như các hào trong kinh Dịch.

6º.– Thượng Hào,

5º.– Đệ ngũ-hào.

4º.– Đệ tứ-hào,

3º.– Đệ tam-hào.

2º.– Đệ nhị-hào.

1º.– Sơ Hào.

Xú tiền 6 lần để lập thành quẻ và lấy theo 9 điều trên an các vị rồi phải biết cách đoán quẻ theo những định-lý sinh khắc xung phá, thịnh suy của ngũ-hành, phải xem ở trong quyền Bốc-Phệ chính-tông của Quỉ-cốc-Tử.

VÍ DỤ ;

Chiếm cầu tài ngày nào có đến tay?

Gieo quẻ được — Tốn vi Phong.

Gieo quẻ được — Kiền vi Thiên.

Phong Thiên = Tiểu - Súc thuộc quẻ Tốn

(coi Bốc-Phệ Chính-Tông).

Ngày xem : Canh-Tý Nhật

Tháng : Mùi Nguyệt.

Huynh Mão — Giải : Hào Phi, Phục.

Tử Tỵ — Ví-dụ xem về việc Quan trong

Tài Mùi – quẻ không có hào quan-quỉ, vậy

(Ứng) phải xem Bổn - cung thì thấy

hào Quan - quỉ thuộc cung Dậu

Tài Thìn — ở hào 3.

(Tuần-Không)

(Dậu-quan) Như thế thì hào Dậu là

Huynh Dần — Phục-hào.

Phụ Tí — Hào ba Thìn là Phi-hào.

(Thế)

Đoán: Mùi nguyệt trì Tài thì trong tháng có Tài. Nay lại hỏi ngày nào Tài mới đến tay. Trong quẻ ở hào thứ 3 có Thìn-Tài ngộ Tuần-không, tức là hết tuần là có Tài, đến ngày Thìn thì có Tài đến tay. Quả nhiên quẻ ứng như Thần.

Đó là tôi nói sơ qua cách ứng-dụng kinh Dịch của Vương-Hủ một nhà Hiền-triết đã sáng-lập ra

môn Bốc-Phệ truyền-tụng đến ngày nay vậy. Nên nếu Học-giả muốn áp-dụng lấy môn Bốc-Phệ làm sở-trường để có thể hiểu rõ những sự tượng-hợp tương-đối, điều-hòa của âm-dương cân-đối nhau để làm thí-nghiệm cho sự học-hỏi của mình thì xin coi quyển Hoàng-Kim-Sách, Bốc-Phệ chính-tông hay quyển Thái-Ất Thần-Kinh của tôi, để ứng-dụng Dịch-Lý một cách hoàn-toàn vậy.

QUAN - NIỆM SAI LẦM CỦA TỐNG NHO, VỀ TRÁI - ĐẤT VÀ VŨ - TRỤ.

Theo bản-nghĩa của Chu-Hi trong kinh Dịch ông đã cho Trái-Đất hình vuông mà Mặt-Trời Mặt-Trăng chạy chung quanh Trái-Đất. Theo cảm-giác và giác-quan-luận của người thì đúng như vậy. Đối với mắt thường ai đã từng trông thấy Trái-Đất chạy bao giờ chỉ trông thấy ban ngày thì mặt Trời chạy từ Đông sang Tây, đêm thì mặt Trăng cũng chạy từ Đông sang Tây. Như vậy thật là hiển-nhiên không còn chối cãi vào đâu được thứ nhất là về thế-kỷ thứ 15, các máy-móc về Thiên văn-học chưa được tuyệt-mỹ vậy.

Tuy rằng nước Trung-Hoa được biết Thiên-văn chừng độ hơn 2.000 năm trước T.T.L.K.N. rồi

đến nước Chaldée biết chừng 1.000 năm trước T. T. L K. N. Nhờ có người Chaldée sáng-tạo vật-liệu đầu-tiên đề xem Thiên-văn mà sau này ông Ptolémée dùng đề lập cái học-thuyết của Mặt-Trăng. Theo các nhà Thiên-văn Bác-Học Âu-Tây đời Trung-cổ cũng có quan-niệm về Thái-Dương-Hệ giống như các nhà Bác-Học Trung-Hoa.

Nhờ có Ptolémée người ta mới biết công-trình của Hipparque (đều là những nhà Thông-thái đã làm vinh-dự cho Trường Alexandrie) đã mất từ khi còn là bản-thảo, ông đã tập-trung cả trong quyền Almageste tức là quyền sách tóm gồm cả các Khoa-học của Nhân-loại về thời bấy giờ. (130 T. T. L. K. N.) Ptolémée tự tìm kiếm ra cách xuất-sai của mặt Trăng (vì mặt Trời nhiếp-dẫn (attraction) nên sự vận-động của Mặt-Trăng không đều). Ông là một nhà Bác-Học vĩ-đại và sáng-tác ra cái «Nguyên-tắc Ptolémée» đề giải-nghĩa sự vận-chuyền của các hành-tinh và Mặt-Trời chung-quanh Trái-Đất.

Đông cũng như Tây, hồi đó cũng chỉ dùng cái trí-óc con người và ngũ-quan phàm-tục đề nhìn lên những Thiên-thể thôi vậy. Ta lúc nào cũng thấy đứng yên một chỗ mà thấy mặt Trời và mặt Trăng chạy từ Đông đến Tây mà nếu quả-đất xoay trong không-trung thì ắt có một lúc người ta và muôn vật

đều bị đảo ngược và ắt phải dời ra ngoài không-trung. Đó có lẽ là những lý-luận của các nhà Bác-học cổ xưa mà những qui-tắc đã đứng vững được trong gần 1400 năm vậy (14 thế-kỷ).

Sau đến đời Corpecnic tức là một nhà toán-học trứ-danh sáng-lập ra Thiên-Văn ngày nay. Vậy xin nói sơ qua những lý-thuyết sau nầy có thể đánh đổ những lý-thuyết của Chu-Hi và của Ptolémée.

Ông Corpecnic đẻ ở Thorũ nước Balan (Pologne) vào năm 1473. Ông đã theo thuyết của Pythagore dậy rằng mặt Trời đứng yên một chỗ và sự vận-chuyển của những hành-tinh chung quanh mặt Trời. Bởi những sự ngắm xét, tính-toán kỹ càng ông ví dụ; Mặt Trời đứng

yên và những hành-tinh chạy chung-quanh nó theo vòng tròn, thì Trái-đất trở lại là một hành-tinh trong Thái-dương-hệ và Mặt Trăng xoay chung-quanh Trái-đất.

Chừ cái hình bầu-dục của những đường Hoàng-Đạo người ta thấy cái Hệ-thống Corpecnic tượng-trưng một sự thiết-thực. Nhưng hồi đó ông bị người ta bài-bác nhiều lắm vì một sự thật mới mẻ bao giờ cũng chỉ là « Trung ngôn nghịch nhĩ » vậy.

Những sự đả-đảo lý-thuyết của Corpecnic theo phương-diện về lý-thuyết và khoa học, sau nầy bị ông Gallilée giải rõ-ràng ra vậy.

Ông Gallilée sinh ở Pise năm 1564-1642 trong một gia-dình quí-phái và từ nhỏ đã tận-tụy với Khoa-học thiết-thực. Ông đã phát-minh ra một thiên-lý-kính dúng theo sự phát-minh của hai nhà làm kính người Hoà-Lan là Janssen và Lippershey.

Nhờ có cái kính đó có thể nhìn thấy rõ ràng ở trên Trời, thì những nghịch-thuyết với Corpecnic dần dần dổ hết.

— Người ta nói Vénus không có trạng-thái khác nhau !

Là vì người ta không thể lấy mắt thường mà thấy nó được và Gallilée thấy nó rõ-ràng trong ống kính.

Người ta phản-dối : Trái-đất không thể tự nó quay được, nhưng Gallilée thấy những chấm đen trên mặt Trời và nghiệm rằng những chấm đen đó xoáy đi thì tức là Mặt Trời tự soay vậy. Bắt đầu từ đó sự vận-chuyển của một hành-tinh-tú không còn là một vấn-đề u-ẩn khó hiểu nữa.

— Người ta còn nói : Sự vận-chuyển của Mặt Trăng rất là khó hiểu. Nhưng Gallilée thấy 4 hành-tinh nhỏ của Jupiter, vậy không phải là một mà lại là 4 mặt Trăng chạy chung-quanh một hành-tinh theo cái luật đã định của Corpecnic.

Vậy sự vận-chuyền một mặt Trăng chung-quanh Trái-đất chẳng lấy gì làm khó hiểu bằng 4 mặt Trăng chạy chung-quanh hành-tinh Jupiter, cho nên nhờ có sự phát-minh ra những Thiên-lý-kính người

ta mới thấy rõ-ràng những Thiên-thể, những sự vận-chuyển của nó và những đường Hoàng-đạo của nó théo một luật-định đã vạch ra của Tạo-hóa vậy.

Theo những phương-pháp tân-tiến những ống Thiên-lý-kính tối-tân người ta đã hiểu-biết rõ ràng là Trái-Đất tròn và chạy chung-quanh Mặt Trời. Thuyết đó đã thành một lý-thuyết thường-tình mà ai cũng đã hiểu rõ.

Nhờ có những thí-nghiệm rõ-ràng hợp với Thiên-lý mà người ta ngày nay đã bác-bỏ và đánh đỗ những nguy-thuyết ngày xưa mà các đấng Tiên-hiền đã nêu lên và đã làm chấn-động cả một Học giới uyên thâm như Chu-Hi, Trình-Di, Ptolémée, Cor-pecnic.

Theo thuyết Chu-Hi có lẽ ông đã dùng Dịch-lý đến tuyệt-đối mà nói là đất vuông và yên-tĩnh là vì trong Dịch nói: « Khôn vi Địa » tức là Khôn tượng đất mà là quẻ thuần-âm thì ắt có sự yên-tĩnh. Và « Kiền vi Thiên » có thể nói là Mặt Trời là một vị Tinh-tú và là quẻ thuần-dương, và dương là thể-động cho nên lấy lý ấy mà nói Mặt Trời động chạy chung-

quanh Trái-đất im-lặng ở trong cõi không-gian. Nếu theo như vậy, lấy cái nghĩa đen của chữ như Chu-Hi thì đàn-bà hay là giống cái, thuộc âm ắt là vật yên-tĩnh không hoạt-động sao ?

Đó là một sự lầm lạc về sự xét-đoán mà Học-giả về Dịch-lý phải nhuần-thấm mà hiểu cho rõ cái chỗ nên chăng của thể âm và thể dương vậy.

Hóa cho nên chuyên-trị về Dịch-lý phải có một Trí-tuệ khoáng-đạt trông cho rõ, đứng lên cao và xa mà luận cho hợp Thiên-lý thì mới rố những định-luật siêu-việt của Thiên-lý vậy.

Vì lẽ ấy mà Kinh-Dịch không những là quyển sách chỉ chuyên-trị để dậy về Bói-toán mà cổ-nhân đã cho như vậy. Mà nếu ta đọc Dịch xem tượng ngắm lời, coi sự biến-đổi suy lời chiếm-đoán, mà dò xét từ nguyên-nhân của sự biến-đổi đó cho nên lúc kết thành quả xấu hay tốt tức là những sự thực-nghiệm trong đời hữu-hình để có thể

hiểu được cái Thiên-lý trong cõi vô-hình. Đó là Đạo đầy Công-lý, và Nhân-đạo mà Kinh-Dịch bao-hàm ở trong giáng-dậy cho những người cố tâm tìm kiếm. Dịch-lý tức là Thiên-lý tức là Trời vậy. Hóa cho nên có cố-gắng thì Trời giúp công cho nên ta thường nói » Mưu sự tại nhân thành sự tại Thiên ». Mình mưu-định công-việc còn sự thành-bại thì ở Trời, hay theo câu ngạn-ngữ

của Âu-Tây « Tự giúp mình, Trời sẽ giúp » Aide-toi, le Ciel t'aidera ». Đó là nói về phần Đạo-lý thiêng-liêng về phần thần-linh vậy. Xem tượng ngắm lời của Dịch-lý thật là hoàn-toàn một Nhân-đạo phi-thường khuyên nhủ Nhân-loại trên con đường Đạo-lý để hợp với Vũ-Trụ với Thượng-Đế vậy. Như trong những quẻ Kiền Khôn thì Học-giả xét thấy rõ-ràng cái Đạo Trời-Đất Vua Tôi, Cha Con, ở các quẻ Hàm Hằng thì thấy rõ sự phân-biệt của Đạo vợ nghĩa chồng ở các quẻ Chấn Khảm Cấn Ly Khôn Đoài thì thấy Thánh-nhân đã sắp-đặt cái giai-cấp trong Xã-Hội của Nhân-loại, kẻ trên người dưới theo thứ-bậc và có sự giao-tiếp trong phạm-vi Đạo Nhân vậy.

Theo Hồ-song-Hồ nói ở câu: « Lệ Trạch-Đoài » nên biết sự giảng-tập của bè-bạn, cho đến những việc cẩn-thận về sự nói năng dè-dặt, sự ăn uống phải được ở quẻ Di, ngăn điều tức-giận tránh điều ham-muốn, theo điều thiện, sửa điều lỗi phải được ở các quẻ Tổn, Ích, không nịnh-hót không khinh nhờn, cẩn-thận về sự giao-tế của người trên kẻ dưới trong Thiên-hạ được cái Đạo hoàn-toàn tận mỹ thì xem ở Đại-Truyện.

Xem như vậy thì Kinh Dịch ngoài những lý-thuyết cao-minh về Vũ-Trụ-quan, về Nguyên-tử-học

còn là một Đạo về Nhân-Sinh Triết-lý rất cao-xa dậy Đời một cách chu-đáo, hợp với những pháp-tượng lễ-nghĩa của Thánh-nhân đã định ra như vậy tức là hợp với Thiên-lý, vì rằng : Lễ và Pháp tức là cái để đi đến chỗ quân-bình của Xã-hội, của Thiên-Hạ và của Trời-Đất, Vũ-Trụ vậy.

Ta có thể tóm-tắt là Kinh Dịch ngoài sự áp-dụng về Bốc-phệ, bói

Dịch, bói cỏ Thi bói xũ quẻ, bói Mai-Hoa Dịch-số, Thái Ất Thần-kinh Thiên-văn Địa-lý, Binh-thư Đồ-trận đều lấy Kinh-Dịch làm căn-bản hay đó là những môn thực-hành của Kinh-Dịch. Ngoài những môn-học kể trên nó còn là một Nhân-đạo hoàn-toàn huy-hoàng có thể đưa Nhân-loại đến cõi Đại-Đồng hợp-nhất. Xét các môn-học, các Đạo-lý từ xưa tới nay đều thấy cái nghĩa cao-xa của Dịch-lý. Dịch-lý đã tóm-thâu cả một Chân-lý duy-nhứt là Thiên-lý vậy.

Hóa cho nên Dịch-lý là môn-học hết sức rộng-rãi, có nhiều Tượng, Pháp cao-siêu, nên ta một khi đã nhập vào làm môn-đồ của Đạo-Dịch tức là đã có ý-nguyện theo Nhân-đạo để đi đến Chân-lý tuyệt-vời dung-hòa được muôn sự vật để đưa Nhân-loại đến cuộc Đại Đồng thế-giới hay là đến cái thời Thiên-hạ thái-bình vậy.

Vậy Tiểu-tử nầy cũng gọi là có chút tư-tưởng hèn mọn góp với những trí-óc tranh Bá đồ Vương của các nhà Chính-trị, oai-phong lẫm-liệt, anh-hùng của thế-hệ và các nhà Hiền-triết, một vài nhận-định cổ xưa phanh phui ra đây để trình-bày một kế-hoạch « Nhu mà cương » để đưa Nhân-loại đến Hòa-bình mà các Ngài đang vò đầu bứt tai chưa ra được một kế-hoạch nên chăng áp-dụng đồng đều cho cả Nhân-loại.

Đó là cái Vương-Đạo mang lại Hòa-Bình cho Trăm họ trên Thế-giới vậy.

Nếu con người nhuần-thấm được cái Chân-lý cao-siêu ấy ắt số tiền dùng để đúc súng đồng, làm bom đạn, sẽ dùng để vào những cơ-quan tương-tế giúp-đỡ lẫn nhau hầu nâng cao Nhân-loại về thể-chất để duy-trì cái hạnh-phúc chung cho trăm Họ.

Mong lắm thay !

CHÂU-DỊCH NGŨ TÁN

Của CHU-TỬ

I — NGUYÊN-TƯỢNG

Cái Tượng của cái nguyên Kỳ-ngẫu (âm-dương chẵn lẻ) để suy cái nguyên-do của Tượng.

Thái-Nhất (Thái-cực) bắt đầu phẩn ra thì âm xuống, dương lên, dương số 1 để thí ra (dương là thực, hay phun-thí), âm số 2 mà theo (âm hư hay thuận theo, những nét ấy có trước Dịch) duy chỉ có Hoàng-Đế Phục-Hi ngẫng xem, cúi xét chẵn lẻ đã bày ra, hai Nghi đã lập, đã có rễ ngọn, một trở lại sinh hai, thấy có tam-tài, 8 quẻ chỉ trong bàn tay, nét đầu làm Nghi (hai Nghi) nét giữa làm tượng (4 Tượng) nét trên làm các Quẻ (8 Quẻ) thành văn-vẻ của người sáng rõ, nhân đó mà gấp thêm lên.

Một Chính (nội-quái) làm ra Bát-Hối (quẻ là ngoại-quái. Như Kiền, Quải, Đại-hữu Đại-tráng, Tiểu-súc, Nhu, Đại-súc, Thái.

Thể trong đều là Kiền gọi là Một Chính thể ngoài là 8 quẻ gọi là Bá'-Hối, các quẻ khác

cũng vậy, quá hết là Hối, chữ Hối nghĩa là quá cái ý-tưởng hay là nhiều quá cái ý-tưởng ấy. Ba hào dưới là Chính hào trên là quá nhiều vậy).

64 quẻ là do ở trong đạt ra ngoài, bỏ Đế xuống Vương, truyền-từ nhà Hạ đến nhà Thương, muốn chiếm xem không có chữ. Chưa có văn-chương đề cho dân dùng. Sau Văn-Vương mới làm ra Hẹ, Thoán, (đề đoán) Châu-Công giảng các Hào thấy rõ 8 quẻ, 2 quẻ thuần (Càn Khôn) 6 quẻ giao nhau, Chấn Khảm Tốn Cấn Ly Đoài mới lập ra Quan-lại, tạo-thành Binh-bị.

Ta gọi là Châu-Dịch mà Đức Thánh Khổng làm ra Truyện, gọi là Thập-Dực.

(Dịch của Phục-Hi lúc đầu không có chữ nghĩa chỉ có một bản-đồ làm ra tượng-số, Dịch của Văn-Vương tức bây giờ là Châu-Dịch mà Khổng-Tử làm ra các Thiên Truyện).

Thập-Dực : 1° Thoán-Thượng-Truyện 2° Thoán-hạ-Truyện

3° Tượng — 4° Tượng —

5° Hệ-từ — 6° Hệ-từ —

7° Văn-ngôn-Truyện 8° Thuyết-quái-Truyện

9° Tự-quái-Truyện 10° Tạp-quái-Truyện.

— May đến đời nhà Tần không bị đốt, rồi đến nhà Tống được rõ-ràng sáng-tỏ ; có Thiệu-truyện giải Phục-Hi bát-quái, có Trình-tử diễn giải Châu-

Kinh. Tượng-bày Số-liệt (Thiệu); Nhời nói được tận kỳ lý (Trình) để lại cho muôn đời làm ra để « thường-thức » « vĩnh-viễn ». (1)

II — THUẬT-CHỈ

(Thuật-tác là thuật lại cái Ý của Tác-giả do đó làm ra lời chiếm),

Xưa kia đời Thượng-cổ, dân-chúng có chất thuần-hậu, chưa phân-biệt được thị-phi, lợi hại, phong-khí đã khai, bèn sinh ra Thánh-Nhân thông-minh túc-trí, xuất-chúng siêu-quần, ngẩng xem Thiên-Văn cúi xét Địa-lý bắt đầu vạch chẵn lẻ, dậy cách bói-toán để đoán sự nên chăng, lập ra đạo Thầy-trò Vua tôi, cũng nên mở cửa ngõ cho người ta theo mà không mê-hoặc để giữ lấy Đạo-Thường. Đến thời Trung-cổ thì đời biến, phong-tục thay-đổi tục-thuần bạc đã tan, chất-phác đã mất.

(Thuần-nghiêu là làm tan cương-nục, như tập cho người Hiền cống rượu khô <gdoan là Thuần, lấy nước pha vào rượu thì vị mất là bạc đi>). <!– TODO: Check chữ mờ –>

(1) Thường biết. Lâu-dài.

Sự nguy của Dân càng ngày càng tăng lên, rằng-rặc Văn-Vương thân phạm đại-nạn, (bị tù ở Dũu Lý mà diễn Dịch) làm yên đất nước, làm vui Trời duy chỉ vì cái hoạn-nạn của đời bèn lấy nghĩa quẻ gốc làm Thoán-từ sau đến Châu-Công nhân lấy Hào-từ mà lập-giáo rõ ràng thâm-mật trung-chính, ắt hanh, ắt cát, dậy con thì Hiều, dậy thần thì Trung, ý-nghĩa thâm-xâu suy-diễn ra rõ ràng tinh-vi như Mặt Trời đứng giữa Trời sáng-sủa tự-tại. Sau bị chìm đắm trong Thuật-số rồi cho Lũ-Cú là giả-dối,

(Tả-Chiếu 25 : Lũ-Cú là tên chỗ Con Rùa xuất ra. Tàng-Hội ăn cắp con Bửu-Qui của Chiêu-Bá.

Lấy con Rùa để bói lại vừa có sự thành-tín và lòng tiễm-vị có ; lòng tiễm-vị nà bói được tốt và có nghĩa là không thành-tín. Sau họ Tàng thừa-hưởng mà biết Lũ-Cú không dối vậy về sau Quí-Bình-Tử lập theo Hội. Hội nói rằng : Lũ-Cú không dối ta)

Đến như « Xiêm-Vàng » (Hoàng-Thường) cũng nhầm sao ?

(Tả-chiếu 12 : Hoàng-thường nguyên cát là Hào-từ của Hào lục-ngũ quẻ Khôn. Tướng Nam-Khoái tốn công mà bị nghịch lại ý mình, bói được

lời chiếm : « Hoàng-Thường » lấy làm Đại-Cát. Tử-Phục nói rằng : Trong tâm bất trung nên không được màu vàng ấy, là kẻ dưới mà không thờ trên thì cái nghĩa hào ấy không ứng, tuy bói được như thế mà không phải là Tốt (sau Khoái quả thua trận).

— Họ Hồ nói rằng : Theo bản của họ Tàng nói có cái tâm muốn tiếm-vị người trên mà Bói-Qui thành giả-dối. Hối muốn lấy thế để dối người, bất quá mượn con Rùa để làm thành sự dối ấy. Nam-Khoái bị nghịch trí mình vì sự làm của nó chính là phản nó rồi. (Nam-Khoái bị nghịch trí mình vì sự làm của nó chính là phản nó rồi. Nam-Khoái làm loạn muốn tiếm vị). Màu vàng (Hoàng) là màu ở giữa, Xiêm (Thường) là ở dưới, nên mới có sự thất-bại ấy, nên vẫn nói rằng : Xiêm vàng cũng nhầm, không phải Dịch làm Nam-Khoái nhầm chính là Nam-Khoái dùng nhầm Dịch vậy.

Lớn lắm thay ! Đức Khổng-tử đến lúc về già thích đọc Kinh này đến đứt cả lề (Đời xưa sách làm bằng thẻ tre, trúc sâu lại thành sách) (Sử-ký : Đức Khổng-tử khi già thích học Dịch dứt lề sách 3 lần) tám lần vén tay áo. (Làm tựa tán Đạo-Dịch đến tám lần mới làm ra Thoán-Tượng và các thiên Thập-Dực), chuyên dùng nghĩa-lý, phát-huy nhời của Kinh Sách. Ở nhà thì làm cho rõ lời Tượng, động thì xét, biến thì chiếm ; tồn-vong, tiến-thoái, lên xuống

bay lặn đến cái tơ cái tóc cũng không sai không lỗi Ngài còn nói : « Ví như cho ta sống ít năm nữa khả dĩ không có lỗi lớn vậy ».

Thật rất lấy làm Kính Tam-cổ Tứ-Thánh (Hi, Văn, Châu (Tam-cổ) Khổng (4 Thánh mà 3 vị xưa) nhất tâm theo Tượng làm sáng-tỏ nghĩa-lý trong Kinh cho muôn Đời.

III — MINH-PHỆ

(Rõ sự bói để phát nhời chiếm)

Cái nguyên-thủy của số lẻ là Tam-Thiên (1) lưỡng Địa (2). Diễn ra đến cùng là số 50. (Số đại-diễn là 50, 50 thẻ cỏ Thi) là đủ, 3 lần biến (3) là 1 Hào, thông 18 biến 6 hào phát-huy, thể quái có thể thấy, « Lão » cực thì biến « Thiếu » thì giữ sự thường. Sáu hào đều lấy Thoán-Từ cho đúng, Biến thì xem hào biến, tức là xem cả đầu đuôi.

Biến cả 3 hào thì xem cả 2 thể-quẻ, hoặc 4 hào, hoặc 5 hào biến thì xem chỗ còn lại. Hào 4, 2. 5, 1. (4) là một Chuyên phân làm 2 đều biến như nó, mới thì thành, lâu thì bỏ, tiên-tức đầy vui.

(1) Tam-Thiên là 3.

(2) Lưỡng-địa là 2, 2 hợp với 3 thành 5.

(3) Chia, Cầm, Kẹp, đếm 4 một là 1 biến.

(4) Là những hào ứng nhau như hào sơ ứng với hào 4, hào 2 ứng với hào 5.

Bỏ đây trông kia, Kiền chiếm thì dùng 9, Khôn chiếm thì dùng 6, được quẻ Thái thì thảng-thốt, được quẻ Bĩ là giặc-cướp, được quẻ Cấu thì hòa-vui, được quẻ Phục thì trở lại.

IV — TÁN-LOẠI

(Tán-loại đề khảo Tượng)

Kiền, mạnh Trời đi, Khôn thuận Đất theo, Chấn động là Sấm, Tốn vào, cây, gió, Khảm hiểm, nước, suối, cũng là mây, là mưa, Ly là đẹp, văn-minh, điện, ngày, là hỏa. Cấn là dừng chỉ là núi, Đoài là đẹp-lòng là Trầm, đó là lấy tượng đề hình quẻ vậy. Chỗ cốt-yếu là chỗ Được của nó, được ngôi làm Chính. (dương cư ngôi dương, âm cư ngôi âm). Ngôi 2 và 5 là giữa (2 ở quẻ dưới, 5 ở quẻ trên) hào 2 là Bày-tôi hào 5 là Vua, hào Sơ là đầu hào Thượng là trót. Phàm ngôi Dương thì trong-trẻo, người Quân-tử ở đó, phàm ngôi âm thì cong-vẹo kẻ Tiểu-nhơn ở đó.

V — CẢNH-HỌC (RĂN-HỌC)

(Lấy sự « Cảnh-Học » là muốn dạy người Đọc Dịch, cũng như sự Bói-toán ví-dụ lấy Tượng-từ làm nghi-tắc mà xem sau theo chỗ tốt lành).

— Phép đọc Dịch thì trước hết phải chính-tâm, ung-dung đoan-trang ngồi trên chiếu thẳng-thắn, lấy Dực vào quẻ, vào hào. Như bói được vậy, giả như lấy Tượng-từ của nó làm nghi-tắc cho ta thì nói Bĩ, nói

Tàng. Như mắt thấy như thế thì : nói : đứng, nói : đi, như chân bước đi, Lý thực chờ hư Thể còn thì Dụng ứng, chấp Cổ ngự Kim, do cái tĩnh (lý) chế cái động (sự) trong-sạch, yên-lĩnh tinh-vi thế gọi là Dịch cách thức ở mình làm theo thì tốt.

Xưa kia Trình-Tử kế-tiếp Châu nối Khổng, chỉ cái ảo-diệu, làm rộng cương-kỷ, trần-bày Tinh-tú chiều về Thái cực, tuy chưa khai mở được cho Hậu-thế Tiều-tử nầy có cuồng-vọng làm giản-lược sự cảm-ứng thuật lại mà thêm vào.

Họ Hồ nói rằng : Chu-Tử thường nói : Ta giải Dịch chỉ làm sách Bói, nay trong ngũ Tán đều lấy Tượng Chiếm dậy người, lời-chiếm ấy sâu xa lắm vậy.

Bản-nghĩa sách Khải Mông lại luận rằng : Có Trời đất có thể không có Dịch ru ! Không thể vậy.

Có Dịch có thể không có bản-nghĩa sách Khải-Mông ru ! Không thể vậy. Tiếng Kim, tiếng Ngọc tụ lại thành cả lớn.

Môn-đồ của Chu-phu-Tử làm loạn cái Triết-lý của Thánh-nhân ư ! chỉ vì Chư Nho nhà Hán bắt-đầu làm biến-loạn Cổ-Dịch, đến chỗ lưu lại làm Thuật-Số mà sau hết thì Vương-Bật làm cả loạn lấy sự tạp-lạng đề luận cõi Hư Vô.

(Đời Hán có Phí-Trục bắt đầu lấy Thoán-Tượng phụ vào sau quẻ. Trịnh Huyền, Vương-Bật lại phân dưới quái-hào và tắng vào Văn-ngôn. Bật lấy Lão, Trang mà giải Kinh).

— Dịch của Ta đã ám-tối trong Thiên-hạ, mênh-mông thiên-tải. thuần-thục ta cảm thấy Thái-Cực có Đồ. (rõ được cái nguyên-phân phân-hợp của Động Tĩnh). Dịch thông có Sách (phát ra sự dậy Nhân-Nghĩa Trung-Chính). Châu-Tử mất đi không truyền lại cái thâm-bí đề khai cho Vạn-Thế cái nguyên-nhân của Lý-học, Đạo ấy bắt đầu hệ thuộc với Dịch. truyện tả từ trong ký-ức đến sự làm thành Kinh-Sách (của Trình-Tử). Sách Hoàng-Cực đầy đủ cái Đại-pháp của Kinh-Thế của Thiệu-tử (Thiệu-Khang-Tiết).

Sách Chính-Mông làm rõ cái điều-mục của Tượng-Số của Trương-

Tử (Trương-Hoành-Cứ).

Đó là tuy Cổ-Kinh biến-loạn chưa kịp đính-chính mà cái học Thuật-số Hư-vô phải tẩy hết đi không còn Dịch của ta dĩ nhiên trở lại sáng-láng mà chưa có nhà Hủ-Nho nào làm càn lấy sự dị-đoan xuân-ngốc khởi từ trong Đồ-Thư của Dịch (như Lưu-Mục), chỉ trích Thiệu-Tử (như Lâm-Lật). Lấy sự mạo-ngụy để trước-thuật đạo Dịch (như loại Dịch của Ma Y) lại có khi bôi nhọ Chu-Phu-tử, làm mất sự hưng-thịnh đi, tìm kiếm cái Tinh-vi của Tiền-Thánh, làm mất cái càn bậy của Tục-học, Bản-nghĩa sách Khải-Mông làm ra mà sau Dịch của ta bắt đầu vẫn cả-sáng ở đời, Ta thường nói : từ Thánh Khổng đến giờ Chu-Phu-tử có công nhất với Dịch, đoan đoan chính-chính không cái gì có thể bì kịp Nay xem Bản-nghĩa đã làm, ngôi thứ Đồ-Thư đã định thì có Dịch tự-nhiên của Trời Đất sáng rõ, Tiên, Hậu-Thiên-quái phân ra mà Đạo Dịch của Hi Văn giải trong 2 Kinh 10 Dực không thể hỗn-tạp mà Kinh Sách bắt đầu trở lại theo xưa. 64 quẻ 384 hào nhờ Từ hệ buộc thành Tượng Chiếm mà Ngắm (tượng) Xem (chiếm) không theo Hư-Văn, đến như dương-phủ, âm ngưỡng, Quân-tử tiến Tiểu-nhân thoái phát ở hào Sơ quẻ Khôn là không quá số ngữ theo sự kinh-luân của Trời, nghĩa-lý của Đất, cương kỷ của Người. Cái yếu-lãnh của Dịch thăng-thần bao-quát tất cả không di lại sự hận-

tiếc. Bản-nghĩa nầy không thể thiếu trong Thiên-hạ được, làm sách Khải-Mông gốc ở Đồ-Thư làm mẫu-mực, Trời sinh Thần-vật rực-rỡ mà cái gốc của Dịch là Chính nguyên-quái vẽ ra làm Biểu-Dịch (sự biến ở bề ngoài) có Thái-cực rạng-rỡ mà cái ngôi thứ của Dịch liệt-bày rõ ràng, Biết Thi Sách mà phát-minh ra sự Đại-diễn rõ ràng để định cái phép cài kẹp cỏ Thi. Khảo nhời chiếm của sự biến thì có sự thông-suốt rộng-rãi; lấy « Tả-Thị-Truyện » mà xem xét sự theo cát tránh hung. — Sách Khải-Mông nầy không thể thiếu trong Thiên-hạ được, sách ấy như Thái-Huyền (của Dương-tử-Vân làm ra 81 thủ) Quan-Dịch (của Quan-tử-Minh làm 27 tượng). Ma-Y và Lưu-Mục, Lâm-Lật, Viên-Khu sở-dĩ là để hoặc Thể mê Dân. Những

cái mà các ông ấy làm như uậy thì làm đồ-nát cả Thiên-Đạo (Hàn-văn-Công tập-tự đạp-đồ cái Thiên-đạo cũng như mang quân giẹp loạn).

Dịch của Thánh-nhân lấy Vũ, Dực, Số, lưu-hành trong Thiên-hạ, như thế gọi là có công với sự đoán-Dịch vậy.

Đoán Dịch mà không hiểu nổi thì có sự mê-muội dị-đoan khởi lên vậy thay!

Hoặc nói: Dịch là sách học Âm-Dương, Cứng mềm, Nhân-nghĩa, Tính-mệnh, Đạo-đức. (Thuyết-quái

Truyện : Sự làm Dịch của Thánh-Nhân là có sự hòa- thuận ở Đạo-đức mà cái lý ở nghĩa, cùng lý, tận- tính đề đến Mệnh).

« Lập đạo Trời là âm và dương ».

« Lập đạo Đất là cứng và mềm ».

« Lập đạo Người là nhân và nghĩa ».

« Kiêm ba Đạo trên đây lại gấp đôi lên làm 6 « vạch mà thành quẻ ».

Nay (Chu-tử) đoan-nhiên nắm lấy mà làm sách Bói-Toán thì một quyền không thể thành được mà lại không bỏ cái tệ-đoan của Hán Nho về Thuật-Số ru ! Hệ-từ làm rố nhời trong Dịch-Đạo của Thánh-Nhân có 4 thứ : Tượng, Biến, Từ, Chiếm. Nay Bản- nghĩa duy chỉ lấy Tượng Chiếm phân ra mà không lấy Từ, Biến, không dùng cả 4 thứ chỉ dùng có 2 thôi. Ô-hô ! Dịch vẫn là sách của Âm-Dương, Cứng mềm, Nhân-nghĩa Tính-mệnh, Đạo-đức mà Bói Toán là chính để khiến người tận cái đạo Nhân-nghĩa, tham- bác cái Âm-dương Cứng mềm đề thuận Tính-mệnh, đề hòa Đạo-đức, huống-hồ hạng thiên về Bói-toán đến được cái lý « Vô hồ bất tại » (không gì không có) như vậy chính là đã được cái bản-ý của Thánh-Nhân làm Dịch, đó là Chu-tử thường nói vậy. Tại sao lấy cái đó mà ngờ Dịch Ta ru !

Đến như đạo Thánh-nhân có Bốn cái thực mà chỉ dùng có Hai, có Tượng sau có Từ, có Chiếm

sau có Biến, nên Tượng Chiếm đều là Từ thì Biến ở tại trong. Trong Nhời-từ ấy thì Tượng Chiếm gồm cả Biến và Chiếm thì lại gom cả Tượng ở trong sở dĩ bản-nghĩa gom cả Tượng Chiếm mà tóm-luận cả Sách Dịch. « Nhất dĩ quán chi» (lấy một tóm cả) trong lời Chiếm có nghĩa đề đi lại, có thể như thế vậy ru !

Lại nói rằng : Lời Chiếm vẫn là chỗ trọng-yếu của Dịch. Người ta đối với Dịch tất chiếm xem rồi sau mới dùng không có nhời Chiếm thì tất cả Dịch là vô-dụng sao ?

Rằng : Không phải.

Chu-tử thường nói rằng : Phàm đọc một quẻ một hào, tiện thì có thể bói xem, rỗng lòng mà cầu cái nghĩa của Từ đến, suy nó vào việc; Tu-thân Trị-quốc đều có chỗ dùng. Lúc đầu chưa quen nên không dậy người cách dùng, lại nói rằng : Chiếm rồi sau mới dùng. Đó là cái Trí của Chu-Tử lắm vậy.

DỊCH-THUYẾT CƯƠNG-LĨNH

Trình-Tử nói rằng: Âm-Dương mở đóng là Dịch.

(Gọi là Dịch thì phải có Lý, nếu sự an-bài đã định có Lý thật thâm-xâu, sự biến của âm-dương trong Trời-đất ví như hai tấm cánh cửa mài nhau, khi sự mở đóng bắt đầu mà không có chốt đố, không đỡ nhau thì vạn-sự sinh biến nên vật không tề được đó là cái tình thường của vật mà Trang, Châu cho là sự cốt-yếu để Tề-Vật mà sau vật không tề được, Nghiêu-Phu nói rằng : « Nệ không chung thị trứ ». « Tề-vật đáo đầu tranh ».

Cái thuyết Tề-Vật dù có tranh-luận đến đâu đi nữa thì cái thuyết Nệ-Không cũng vẫn sáng tỏ.

Nhân thấy người bán Thỏ nói rằng : Thánh-Nhân thấy Hà-Đồ Lạc-Thư mà vẽ ra Bát-quái, nhưng sao lại cứ phải Đồ-Thư, chỉ xem con thỏ này

(Thỏ có bên xương sống 8 vết là 8 quẻ, 2 mắt đỏ mà thân thì trắng), cũng có thể làm ra Bát-quái.

Xưa Thánh-Nhân chỉ lấy chỗ đến của Thần-Vật mà làm ra vậy, chỉ lấy cây cối cũng có thể thấy số.

(Cây ngô-đồng, tùng, bách có cây cái cây đực, Ma-Trúc có cây đực, cái, không gì không phải là âm-dương).

Trương-Hoành-Trung hỏi nghĩa Dịch, gốc khởi ở Số, phải không ? Rằng: Không phải vậy. Có Lý rồi sau mới có Tượng, có Số sau được cái nghĩa ấy thì trong đó có Tượng-số, ắt có sự ẩn-vi của Tượng đến cùng-cực, tận đến sự vi-diệu của số, bèn tìm cái đầu, truy cái cuối, đó là chỗ ưa-thích của Thuật-gia. Không phải việc của Nho-giả.

Đó là cái Học của Quản-Lộ, Quách-Phác.

Hỏi Nghiêu-Phu rằng: Biết Dịch-Số là biết Trời, hay biết Dịch-Lý là biết Trời. Nghiêu-Phu nói: trở lại nên biết Dịch-Lý là biết Trời.

Xem Dịch thì cần biết cái Thời, phàm 6 hào ai ai cũng đều dùng do đó có thể cho Mạnh-tử biết xem Dịch, như Đạo Tính-Thiện tức là cái gốc của Thái-Cực, thuyết Nhân-nghĩa tức là sự phân chia của Âm-dương.

— Chu-tử nói rằng : lúc đầu Thánh-Nhân làm Dịch, bởi vậy mà ngẩng xem, cúi xét thấy được sự

đầy-dặn ở giữa Trời-đất, chỉ là cái lý một Âm một Dương, có lý ấy thì có tượng ấy, có tượng ấy thì Số cũng tự-tại ở trong đó.

(Gọi là Số là chỉ lấy cái chỗ phân-hạn cái Khí là dương ắt lẻ, âm ắt chẩn, phàm các vật đều thể).

— Không phải sự khác nhau của Hà-Đồ, Lạc-Thư là tự-nhiên đâu.

— Đồ-Thư làm ra một cách khéo-léo đặc-biệt Thánh-Nhân nhân đó mà vẽ ra quẻ vì từ chỗ chưa có cái thật nhỏ ấy mà cái số vô-cùng đã đủ vậy.

Dịch chỉ là âm-dương lẫn-lộn. Trang-Sinh nói rằng: Dịch là Đạo

âm-dương không động thì không thấy.

Long-Sơn qua Hoảng-Đình đến nhà Lý-Lỗ. Lý-Lỗ hỏi Dịch. Long-Sơn lấy một sợi chỉ vạch một vòng tròn, dùng mực vẽ một đường giữa nói rằng : Đây tiện nói là Dịch, thuyết nầy thật là hay.

Dịch chỉ là một âm một dương làm ra nhiều hiện-trạng. Dịch có Tượng, lấy Tượng mà theo, suy Tượng mà dùng không phải thực để ngụ cái ý ấy mà nói, Nhưng các Nho-gia đời Lưỡng-Hán nghiên-cứu chỗ nên theo, chỉ vì câu-nệ mà không thấy.

Từ Vương-Bật về sau muốn suy ngay chỗ Dụng của nó lại lấy sự sơ-lược không căn-cứ vào đâu, nhất

đoạn mà luận. Kiền là Ngựa, Khôn là Trâu, Thuyết-quái làm sáng-rõ cái văn-vẻ của Quẻ vậy. Ngựa tượng là khoẻ-mạnh, Trâu là thuận, ở vật là lý thường. Nếu đến chỗ lấy để xuyên-tạc văn-chương, trách-cứ các quẻ thì quẻ Chuân có tượng ngựa mà không có thể Kiền, quẻ Ly có tượng Trâu mà không có thể Khôn.

Lục Long (6 rồng) của quẻ Kiền thì hoặc nói ở quẻ Chấn, Thuyết-quái lại nói Chấn là Rồng. Ngựa cái của Khôn lại là sự phản lại Kiền như thế thì rối-reng không thể hiểu được. Đó là lấy Thuyết-quái của Hán Nho mà không hiểu được nên mới truy-xét sự khác nhau mà làm ra hộ, thể, biến, quái, theo phép Ngũ-hành nạp-giáp, phi-phục (1) Từ khi lấy Hộ-quái đến giờ mà hạnh được sự ngẫu-hợp với nghĩa Tượng. Nhời của nó tuy rõ-ràng nhưng sự xuyên-tạc phụ-hội bó-thắt không có cái thế tự-nhiên. Tuy được sự thích-nhiên một hai lần nhưng cũng chỉ là sác-thuyết; nếu có thể tin được thì trên không có sự liên-hệ với bản-nguyên của nghĩa-lý, dưới không lợi cho nhân-sự về sự dậy-dỗ thì hà-tất cầu đến giả-thuyết ấy .

Cho nên Vương-Bật nói rằng: nghĩa câu ứng là

Mạnh-mẽ hà-tất phải lấy Kiền là Ngựa. Nghĩa của

(1) Xem giải-nghĩa ở thiên Phệ-Nghi.

hào là hợp thuận hà-tất phải lấy Khôn là Trâu mà Trình-Tử cũng nói

rằng: Lý không có hình nên lấy giả Tượng để hiển Nghĩa. Đây sở dĩ nói ra cho rõ cái thiếu-sót của Chư Nho ngoan-cố, chi-ly mà mở lối cho Hậu-học đến chỗ biết cách ngắm Từ ngoạn Chiêm. Nhưng xét cái ý ở trên thì cứ lấy thẳng Tượng của Dịch, không biết ở đâu mà đến ví như cái Tỷ-Hứng (1) ở trong Kinh Thi, như các Thí-Dụ của Mạnh-Tử mà thôi. Như thế thì Thuyết-quái không dính-dáng gì đến Dịch nhưng gần thì lấy để bổ ích cho mình, xa thì lấy để bổ ích cho vật, như vậy cũng là thừa. Nên cái thuyết ấy rất ngờ nếu chưa tận được cái Lý ấy. Ta trộm nghĩ Dịch thì có Tượng tất vẫn có nguồn-gốc, cho cái nguồn-gốc ấy chỉ có họ Thái-Bốc đã hiểu-thông đầy-đủ, bây giờ thì gốc ấy mất cả nên chịu để cho thiếu nhưng ta hãy căn-cứ thẳng vào nghĩa của Nhời-Từ để tìm cái ý trong Tượng như thế đã đủ để khiến làm nhời răn-giới mà quyết sự Cát Hung. Như họ Vương, Trình-Tử và Ta đã nói trong Bản-nghĩa cũng có thể gọi là đủ vậy.

Phục-Hi vạch ra 8 Quẻ chỉ lấy số vạch gồm thâu cả cái Lý của Thiên-hạ vạn-vật. Học-giả hội được cái ý của Từ thì nông-cạn, hội được cái ý của Tượng thì thâm-xâu. Vương-phụ-Tức Y-Xuyên đều

(1) Tỷ-Hứng là sự Cảm-hứng thâm-mật.

không tin ở Tượng, như nay không dám bỏ thuyết ấy chỉ có thể lấy để nói về Đạo-Lý thì không kể vậy.

Dịch ở đời Thượng-Cổ có phương thế lợi dụng sự sống đôn-hậu, Châu-dịch bắt đầu có ý Chính-đức như Lợi Trinh để dậy người, lợi ở chỗ Trinh-chính (Trinh Cát để dậy người Trinh chính thì tốt).

— Trong suốt bộ Dịch Thánh-nhân đều giả mượn nhời của Hư-Thuyết (lấy Tượng mà nói thì thâm xâu sáu đều ứng được).

— Dịch chỉ vì Bốc-Phệ mà làm ra cho nên trong Châu-lễ nói là: Thái-Bốc giữ ba pho Dịch:

1o.— Liên-Sơn (Dịch nhà Hạ, Cấn làm đầu)

2o.— Qui-Tàng (Dịch nhà Thương, Khôn làm đầu).

3o.— Châu-Dịch (Dịch nhà Châu. Kiền làm đầu)

— Bây giờ Học-giả nói tránh đi là bản Dịch làm rồi Bốc-Phệ mới làm nên cốt ở cái thuyết đã làm, nghĩa đã có mà lý mới có, nếu quả làm nghĩa rồi lý mới có, sao lại không lấy văn-chương thuật một mạch như Sách Trung-dung, Đại-Học, nói nghĩa-lý để người hiểu, vẽ ra Bát-quái mà làm ra thật thâm-xâu làm gì ?

Trong Dịch, đều nói Trinh Cát mà không thêm bất (không) Trinh Cát, toàn nói «Lợi-Trinh» mà

không thêm «Lợi bất Trinh» cái nghĩa sơ-khởi chí-lý và sự dậy-dỗ chí-tình của Thánh-Nhân đều ngụ trong ấy.

Trương-Hoành-Cứ nói rằng : Dịch là đề Quân-tử mưu (sự giúp đời) không phải đề Tiểu-nhân mưu (sự làm bậy) (1).

— Dịch của Khổng-Tử không phải Dịch của Văn-Vương, Dịch của Văn-Vương không phải Dịch của Phục-Hi, Dịch-Truyện của Y-Xuyên tự Ông làm ra gọi là Trình-Truyện vậy.

Học-giả nên theo y thứ-tự Cổ-Dịch, trước đọc đến bản-văn thì thấy cái gốc rõ-ràng.

Phục-Hi vẽ ra quẻ, tuy vậy mà có rất nhiều văn-tự ngôn-ngữ ở trong, sau đến Văn-Vương Châu-Công tự thuyết ra một Đạo-lý bởi nhiều người theo thuyết đó như Khổng-Tử làm ra Thoán-Tượng Văn-Ngôn, mới đầu có cái ý răn-giới sự cát hung, sau suy-xét nghĩa-lý của thuyết ấy cho thật rõ.

Từ Phục-Hi đến Văn-Vương, Châu-Công tuy tự xem qua mà hiểu tức lấy cái dụng để xem bói thì chỉ có một thời ấy vì trong sự xem bói mà lại có cái lý sử sự ở ngay mình và trong nước vậy.

Nhời-Từ của Văn-Vương đều là cái thuyết hư.

(1) Dịch vi Quân-tử mưu bất vi Tiểu-nhân mưu.

không lúc sơ khởi không phải làm cho Vật trên cõi Đất, nên một quẻ một hào đủ để bao-quát vô-cùng các sự, sau được Phu-Tử bắt đầu tóm-thâu lấy nhờ và lý tuy vị-tất đã phải cái bản-ý của Hi Văn, cho

nên vẫn chuộng cái lý-thuyết ở trên như vậy.

Xem các Tượng-số của Quái-Hào chưa phải đã soạn-lọc đầy-đủ ý-nghĩa cốt-yếu mà đều hợp với sự làm sách Dịch này.

Đó chỉ là mến cõi không-hư mà làm ra, nhưng chính Sách này thực để làm chính-sự mưu-mô, cách làm cho Sách ra Thi đến, thực có cái nhân-tình thế- thái, phong-tục phương-sách làm cho Thí xuất Dịch- lai, không nghĩ đến sự sắp tới, bỏ sự đã qua chỉ là luyến-ái cõi hư-không mới nói như vậy.

Trước chưa có hào và nét hồn-nhiên có cái Lý Một, đã có Hào vạch rồi thì đều tựu đến chỗ chí-hư chí-tĩnh làm cho nhiều Tượng-Số xuất ra từ trong đó. Đó sở dĩ gọi là linh-thiêng vậy.

Gần đây được coi sách của Triệu-Tử-Khâm có nói: Luận-ngữ Mạnh-Tử nói rất kỹ, còn Dịch thì nói rất sơ-lược, lẽ đó ví như chiếc đèn-lồng, nếu ta thêm vào một chiếc khung, tất-nhiên nó sẽ bị che mất một tia-sáng, ví bằng có thể bỏ hết những cái che «khung» đó đi, khiến cho toàn-thể cái đèn-lồng đó được tỏa ánh-sáng

khắp mọi mặt, thì lại càng tốt, bởi thế nên đối với Dịch không được phép nói tường tận vậy.

Họ Đồng nói rằng: Đời xưa Thánh-nhân làm ra Dịch nhân Hà-Đồ mà vẽ quẻ khiến hào, nhân Quái-hào mì lấy Từ vào Tượng, lại thêm Ba Thánh (Hi Văn Chu) mì Quái-hào Tượng-từ bắt đầu đủ sự cốt yếu ấy đều ở Bốc-Phệ đề lập-giáo khiến người trong Thiên-hạ về sau có thề quyết-sự hiềm- nghi, định sự do-dự không mê ở chỗ cát-hung hồi lẫn.

Sau Phu-Tử làm ra nhời-từ của Thoán-Tượng đề suy cho rổ cái Lý ấy, sách Đại-Truyện suy-xét đến cùng cái Uẩn-ảo của Tính-mệnh, Đạo-đức, mà làm ra «Sách», (1) phân ra phép đếm 4 một, lấy, kẹp, thật là đủ. Đó là sở dĩ theo ba Thánh khai mở cho sự Học về sau, công thật lớn vậy !

Trong hơn một ngàn năm, Chư-Nho không thề hiểu rổ được cái nghĩa ấy, theo thuyết dị-đoan, không-hư, cái học Tượng-số câu-nệ,

đó là bỏ Dịch đi vậy.

Không xa như Trình-Tử, sau hơn 1.000 năm bắt đầu lấy sự tùy-thời biến-dịch theo Đạo mà phát- minh ra cái vi-diệu của âm-dương biến-dịch, nhìn «Tượng» mà rõ «Lý» để quán-thông sự-vật khiến

(1) Sách là mỗi một lần đếm thành Hào.

người học Sách ấy để «lập-ngôn chế-hạnh» (1) «sử kỷ trị nhân» (2) thường úng-biến không gì lường được.

Bản nghĩa của Chu-Tử, nhời-từ thì ích-lợi giản-dị nghiêm-khắc thâm-xâu, xét ở Cổ-Thánh cái bản-ý lấy Bốc-Phệ dậy người mà không mất cái «thuật-số vị lưu» (3) của Chư-Nho. Nên ta trộm lấy Dịch của Tam-Thánh mà so-sánh thì duy chỉ có Phu-tử là được sáng tỏ, mà ngoài cái «Thập-Dực» của Phu-Tử, thì duy chỉ có Sách của Trình-Tử Chu-Tử là có công với Đạo-Dịch mà thôi, còn những sách khác tuy không mất nghĩa ở chỗ chí-ly vụn-vặt, tán-loạn cái nghĩa mất ở chỗ giả-tượng, quái-dị, hẹp-hòi, đều không phải trắc-nhiên thấy ở Đạo vậy.

Hoặc nói rằng: Trình-Tử cho là Lý không đúng với Bốc-Phệ, Chu-Tử thì suy bản của Cổ-Thánh, có cái ý nhân lấy Bốc Phệ để dậy Đời, vì cớ ấy hai người vẫn không giống nhau.

Trình-Truyện trọng về sự suy Từ, biết Biến. Chu-Nghĩa trọng về sự quan Tượng, ngoạn Chiêm. — So sánh sự dị-đồng thế nào vậy ? — Ta nghe ở Bác-Khê có họ Trần nói rằng :

(1) Lấy nhời sửa nết. (2) Trị mình để trị người, (3) Thuật-số chưa lưu-hành.

Sự khởi-nguyên của Dịch là ở Tượng-số, từ sự đã thành-hình của Tượng-số là Lý đã đủ ở trong Tượng-số thì không thể lấy bản mạt (gốc ngọn) mà so-sánh nhau vậy.

Làm Dịch gốc ở Chiêm-Phệ (Bói) từ khi Chiêm-Phệ đã lập rồi thì cái Lý ngụ ở trong Chiêm Phệ, không thể lấy sự Tinh-Thô, dùng cả hai vậy.

Đây chính Trình Tử gọi là Thể (lý) Dụng (tượng) ở một nguyên-nhân vi-diệu (Lý) hiển-hiện (Tượng) không dứt vậy. Nếu đổi Tượng, Chiếm mà không gồm cả Lý Nghĩa thì cái ý của Khổng-Tử mất hết. Một là lấy Lý-Nghĩa mà không bằng được Tượng Chiếm thì cái tâm của Hi, Văn, Châu-Công cơ hồ cũng mất hết.

Sách Bản-nghĩa của Chu-Tử làm ra, tuy đề cho rõ phép Chiếm mà cái nghĩa-lý trong Thiên hạ đã bị trà đạp tiêu-tan hết cái tính-vi sáng-sủa, như thế thì nước thấm dần vào trong gốc-ngọn tinh thô kiêm hết cả hai thứ, gần đề bồ lại chỗ không đủ của Trình-Truyện, mà trên thì theo cái tâm của Tứ-Thánh. Đạo-Dịch không có chỗ dư-uần vậy. (Trình-Truyện có cái Lý tinh-vi mà Tượng-số ở tại trong thì hiển-vi Thể Dụng tóm thâu cả, Chu-Nghĩa chủ về Chiếm mà lý-nghĩa tiến lên ở trong, mà bản mạt tinh thô tất cả đều đủ). Lại nói rằng: Phàm thuyết của

Chu-Tử đều phát-minh theo thuyết của Trình-Tử, hoặc bổ vào chỗ còn thiếu, hoặc thêm vào chỗ chưa tròn, hoặc làm cho sáng cái gì chưa trong suốt, hoặc quán-thâu cái gì chưa hợp-nhất. Sự thực ấy không ra ngoài cái thuyết của Trình-Tử nên chưa xét được sự hơn kém.

Cho hai Sách không giống nhau có thể được ru ! Họ Vương nói rằng : - Dịch là cái cùng-lý tận-tính khai-vật thành-vụ là cái Học trong của Thánh-Nhân, ngoài của bậc Vương-giả (1) đầy đủ ở trong Dịch. Sao lại ngưng ở đầu Ngũ-Kinh ? Kinh Sách thông-suốt được cái ảo-diệu của Thiên-Địa Quỉ-Thần bắt đầu lại dối ta hay sao ?

(1) Nội Thánh ngoại Vương chỉ học.

CÙNG QUÍ-VỊ ĐẠI-ĐỨC

VÀ

HIỀN-TRIẾT ĐÔNG-TÂY

Tôi rất đội ơn Quí-Vị Đại-Đức và Hiền-Triết Cổ Kim Âu Á đã sáng-tác và lưu lại những tác-phẩm mà tôi đã dùng đề tham-khảo bộ Dịch-Kinh Tân-Khảo này.

Nguyễn-mạnh-Bảo.

NHỮNG KINH SÁCH ĐỀ THAM-KHẢO

A — LOẠI HÁN-VĂN

1 — Dịch-Kinh Đại-Toàn do Tứ Thánh: Hi, Văn, Châu, Khổng trước-tác. 2 — Quan-Dịch của Quan-Tử-Minh. 3 — Hoàng-Cực Kinh-Thế của Thiệu-Khang-Tiết. 4 — Thái-Huyền của Dương-Hùng.

5 — Chính-Mông của Trương-Hoành-Cứ. 6 — Thái-Cực Đồ-Thuyết của Chu-Liêm-Khê. 7 — Đạo-Đức-Kinh của Lão-Tử. 8 — Tứ-Thư Chính Văn: Đại-Học, Trung-Dung Luận-ngữ, Mạnh-Tử. 9 — Kinh Thi, Kinh Thi, Kinh-Lễ, Nhạc Ký Kinh Xuân-Thu của Khổng-Tử. 10 — Khổng-Tử gia-ngữ. 11 — Dịch Thông-biền của Trương-hành-Thành. 12 — Thái-Ất dị-giản lục của Lê-Quí-Đôn. 13 — Thái-Ất Thần-Kinh của Nguyễn-bỉnh-Khiêm. 14 — Thái-Ất Kim-Kính Thức Kinh của Vương- hy-Minh. 15 — Kinh Phệ-Đà (Rig Véda). 16 — Thái-Ất thông-tòn bảo-giám của Hiếu-Sơn. 17 — Mai-Hoa Dịch-số của Thiệu-khang-Tiết. 18 — Kỳ-Môn độn-giáp ngũ-tổng qui của Trương- Lương. 19 — Huỳnh-kim-Sách. 20 — Bốc-phệ chính-tông của Vương-Hủ. 21 — Đông Châu Liệt-Quốc của Đô-Mộng-Phu.

B — LOẠI VIỆT-VĂN.

22 — Nho-giáo của Trần-trọng Kim. 23 — Nam-Hải dị nhân. 24 — Đại-Đồng Thuyết của Nguyễn-mạnh-Bảo.

C — LOẠI NHẬT-VĂN

25 — Dịch-Kinh đại-giảng tọa của Kobayachi Ichiro.

D — LOẠI ANH-VĂN.

26 — The I-King book of changes by Richard Wilhelm 27 — Stellar movements and the structure of the Universe by Eddington.

E — LOẠI PHÁP-VĂN

28 — Manuel de Philosophie của A. Cuvillier. 29 — Les portes du Temple của Bác-sĩ Henri Dur- ville. 30 — La vie posthume của Bác-sĩ Charles Lancelin. 31 — Les Prophéties de Nostradamus dévoilées của Bác-sĩ De Fontbrune. 32 — Astronomie của Camille Flammarion. 33 — Le Secret de la Grande Pyramide của Georges Barbarin. 34 — La Synthèse et l'Analyse de l'âme humaine của B. S. Charles Lancelin. 35 — Le Dédoublement personnel của Bác-sĩ Char- les Lancelin. 36 — L'hommme Visible et Invisible của Bác-sĩ C. W. Leadbeater. 37 — Le Magnétisme của B. S. Hector Durville. 38 — Le Magnétisme personnel của B. S. Henri Durville.

39 — L'Hypnotisme của Camille Flammarion.

40 — Évolution occulte de l'Humanité của Jinaradasa.

41 — Isis dévoilé của Blavatsky.

42 — Doctrines secrètes của Blavatsky.

43 — Centres des Forces de l'Homme của C. W. Leadbeater.

44 — Le Sentier du Maitre của C. W. Leadbeater.

45 — Au pied du Maitre của Alcyone (Krisnamurti).

46 — Le Ciel của Alphonse Berget.

47 — La Science mystérieuse des Pharaons của Abbé Moreux.

48 — La Sainte Bible Louis Segond Docteur en théologie.

49 — Le Coran của Mahomet do Edouard Montet dịch.

50 — Conquêtes et problèmes de la Science contemporaine của Bernard Bavink.

51 — Atome et Cosmos của Hans Reichenbach.

52 — Le Yi-King của De Harley.

53 — Système nouveau de la Nature của Ed-Janet.

54 — Le Fantôme des vivants của Heetor Durville.

55 — Prophétie des Papes de Malachie của P. V. Plobb.

56 — Cours d'Astronomie của F. Marguet.

57 — La Philosophie ésotérique de l'Inde của J. C. Chatterji.

58 — La Force-Pensée của G. A. Mann.

59 — La Kabbale của Henri Sérouya.

60 — Essai sur le Rythme của Matila C. Ghýka.

61 — Art de Hué của L. Cadière (Những hình Long-Mã, Linh-Qui và hai khuôn đầu sách phỏng theo kiểu ở trong quyển Art de Hué).

62 — Ouvrage sur l'Embryologie occulte, Anthropos.

MỤC - LỤC

ĐỀ-MỤC	**SỐ TRANG**
Lời nói đầu	.... i đến v
Tự-tự	.... vii — ix
Phát-đoạn	.... xi — xxx
Dịch-tự của Trình-Di	 1
Châu-Dịch Truyện-tự Trình-Tử	 2
Chu-Tử (Chu-Hi)	 4
Thượng hạ thiên nghĩa (Trình-Di)	 7
Thi-vân	 8
Phàm-lệ	 9
Tám thuần quái	 10
Quẻ Biến	 12
Quẻ không dịch — Quẻ phản dịch	 17
Hà-Đồ	 19
Lạc-Thư (Hình)	 20
Tiết 1	 21
Phục-Hi Bát-quái Phương-vị	 35
Phục-Hi 64 quẻ (Hoành-đồ)	 50
Phục-Hi 64 quẻ (Phương-viên-đồ)	 51
Tiết 2	 64
Tiết 3	 89
Biến-tượng của mặt Trăng	 99
Tiết 4	 107

Đặt tên cho 64 quẻ 115
Tiết 5 117
Vũ-trụ ức-thuyết 142
Theo Laplace 149
Theo Emile Belot 152
Lý-thuyết Vũ-trụ khởi-thủy của Abbé Moreux 157
Phân-loại các Sao 160
Vũ-trụ khởi-thủy theo Kinh Dzyan 169
Sức đánh đồng-đưa của Nguyên-tử 219
Kết-luận thiên Hà-đồ 221
Chất-điểm theo kinh Dzyan 225
Quan-niệm Vũ-trụ 234
Quan-niệm về Vũ-trụ khởi-thủy lập thành 252
Nguyên-tử 255
Cách làm bom nguyên-tử 266
Từ-khí và Điện-khí của Trời Đất 271
Sự Biến-dịch từ Tiên-thiên bát-quái sang Hậu-thiên 314
Lạc-thư 319
Văn-Vương bát-quái thứ-tự. Tiết 1 335
Hậu-thiên bát-quái giải theo Từ-lực 374
Kết-luận thiên Lạc-thư 378
Tam-tài luận 383
Giải-thích Hậu-thiên bát-quái theo sự Sinh 396
Tiết 2 402

I- Dịch của Thiên-nhiên 407
II- Dịch của Phục-Hi 412
III- Dịch của Hạ-Võ 421
IV- Dịch của Văn-Vương 424
V- Dịch của Châu-Công 434
VI- Dịch của Khổng-Tử 440
VII- Dịch của các Thời-đại nhất là của Tống-Nho 446
Tượng-số-học 453
Đạo-học 454
Quan-Phái 457
Lạc-Phái 460
Mãn-Phái 462
Tâm-học 464
Kinh Dịch bên Việt-Nam 467
Những Hiền-triết đắc đạo Dịch bên Trung-hoa 482
Kết-luận thiên Dịch-học cổ kim 488
Phệ-nghi 492
Kết-luận thiên Phệ-nghi 508
Cách bói của Vương-Hủ tự Qui-Cốc-Tử 515
Quan-niệm sai-lầm của Tống-Nho về Trái-Đất và Vũ-trụ 520
Châu-Dịch ngũ-tán của Chu-Tử:
I- Nguyên-tượng 529
II- Thuật-Chi 531

III- Minh-Phệ 534
IV- Tán-loại 535
V- Cảnh-Học 536
Dịch-thuyết cương-lãnh 542

Bắt đầu từ trang 555 là sang Thượng-Kinh

ĐÍNH - CHÍNH

SỐ TRANG | SỐ GIÒNG | IN LÀ: | XIN ĐỌC LẠI LÀ:
xi | 20 | 三絕之而… | 三絕而…
xiii | 3 | 1 — | 7 —
xvi | 5 | động-tĩnh thanh-trọc | động-tĩnh tán-tụ thanh-trọc
— | 9 | 其究而已 | 其究一而已
xxvii | giòng chót | 微 | 微
8 | 2 | Sư (ỷ) | Sư (7)
11 | 1 | Chấu | Chấn
18 | giòng chót | Đại-Tráng Cấu | Quải Cấu
57 | 11 | nhrr sửa | như sửa
— | 15 | trocg | trong
61 | 4 | Thành số ở | Thành-số ở ngoài
— | 9 | Nến | Nếu
76 | 13 | tún | tức
96 | 7 | Tân | Tây
101 | 2 | Vòng trong | Vòng ngoài
119 | 16 | ià | là

121 | 6 | Thiên-cản | Thiên-căn

123 | 17 | Lâm-Túc | Lâm-Lật

124 | 2 | Phệ-phạp | Phệ-Hạp

— | 22 | «Lập-thụ» | «Lập-thu»

125 | 1 | Tiền-quá | Tiểu-quá

141 | 1 | số sự | số XVI sự

145 | 11 | dường | đường

147 | 8 | Andrornède | Andromède

157 | 18 | Các Thái-dương-hệ | Cái Thái-dương-hệ

160 | 5 | Thái-dương | Thái-dương

176 | 4 | hình mới | hành mới

179 | 4 | một cái a | một cái hoa

— | 5 | nh g. | nhưng

184 | 3 | thấu-tiệt | thấu-triệt

194 | 17 | biểu do là | biểu đó là

222 | 6 | chương 134 - 148 | chương 143 - 148

— | 17 | không hề rat | không thề ra

224 | 5 | Bên tả | Bên phải

230 | 13 | Toá-hóa | Tạo-hóa

SỐ TRANG | SỐ GIÒNG | IN LÀ: | XIN ĐỌC LẠI LÀ:

250 | 23 | du luận | dư-luận

271 | 5 | nhiền sự | nhiều sự

276 | 7 | theh Bản-đồ | theo Bản-đồ

— | 8 | Theo hình B và hình III ở Tiết 6 | (bỏ)

277 | 1 | tườcg | tường

284 | 16 | proquession | progression

295 | 7 | III- Cho ta rõ... | II- Cho ta rõ...

— | 9 | ; rố cái đường... | III- Rố cái đường...

298 | 3 | phát-thi ra | phát-thí ra

304 | 8 | Bắc-cực (trên hình) Nam-cực (dưới hình) | Nam-cực Bắc-cực

311 | | Tây (Hình) Đông | Đông (Hình) Tây

322 | giòng chót | Tín để hội | Tí đến hội

324 | 2 | người ta | người ta

327 | 3 | $6+2$ | $5+3$

348 | 9 | có quả Ly | có quẻ Ly

354 | 18 | Tốn ䷸ | Tốn ䷸

355 | 12 | Thi-tiết III Thi 7 | Thi tiết III Tiết 7

372 | 7 | chia đôi | chia đôi

380 | 1 | của Địch | của Dịch

403 | 10 | cứng nên suy-gầm | cũng nên suy-ngầm

424 | 21 | 象解 | 象辭

434 | 5 | VI- Dịch... | V- Dịch...

476 | 22 | melleure | meilleure

492 | 6 | Trạch Địa sứ vi Thi thất, Nam chí sàng... | Trạch Địa khiết sứ vi Thi thất Nam hộ chí sàng...

496 | 17 | ninh cáo chỉ. | minh cáo chi

505 | 5 | như chiêm kỳ sự | nhi chiêm kỳ sự.

513 | 23 | Hòa-từ | Hào-từ

532 | 15 | tiêm-vị có ; lòng... | tiêm-vị ; có lòng...

534 | 20 | tiên-tức dày vui | tiêu-tức đầy vơi

545 | 19 | sắc-thuyết | sảo-thuyết.